

Nayan Chanda  
(hoànglonghải dịch)

# Anh em thù địch

Brother Enemy

(Chiến tranh tiếp diễn)

## Giải bày của người địch

---

*Dù ít nhiều, trước 30 tháng 4 năm 1975, các quý vị phục vụ trong Quân Đội VNCH, công chức hoặc cán bộ, có dịp nghe phát thanh hay đọc báo chí, v.v... nên biết ít nhiều tình hình thời sự, chính trị trong cũng như ngoài nước. Dù chế độ chính trị miền Nam lúc đó có kiểm duyệt báo chí (được gọi một cách văn hoa bóng bẩy là “Sở Phối hợp Nghệ thuật”) nhưng cũng không đến nỗi quá khắt khe để ai nấy cũng phải mang một cái dằm vào mắt như con ngựa kéo xe sau năm 1975.*

*Sau năm 1975 thì vô phương. Ngoài các đài phát thanh và báo chí của nhà nước Cộng Sản hay làm cái đuôi đập ruồi cho con bò kéo xe như báo Tin Sáng của ông Ngô Công Đức thì ngoại dã cấm ngặt. Không thiếu gì người lên nghe đài BBC hay đài VOA nên phải trình diện*

*công an, hoặc chỉ phải làm kiểm điểm hoặc không ít người lên đường vào trại “tù cải tạo” học năm bảy năm cho chín bài học cách mạng.*

*Vào trại tù cải tạo rồi thì cũng vô phương, như éch ngồi đày giếng. Thỉnh thoảng, thân nhân có lên thăm báo cho vài tin tức thì tin đó cũng tam sao thất bản, thiên hạ xào đi nấu lại, thêm bớt quá nhiều tiêu, hành, tỏi, ớt thành ra chẳng rõ nguyên thủy nó là món ăn gì.*

*Mùa hè năm 1981, một hôm, khoảng chạng vạng, tôi đi gánh nước đem tưới rau cho trại cải tạo, ngang qua nhà thăm nuôi, chợt nghe thoáng đài BBC phát ra nho nhỏ - gia đình ai đó lên thăm được ở lại, thân nhân mở đài cho người cải tạo nghe vì lúc này cán bộ vào trại hết cả rồi. Khi tôi đứng ngoài nghe lén là lúc Phạm Duy đang giới thiệu “Nửa thế kỷ âm nhạc Việt Nam”. Một nữ ca sĩ, giọng quen lắm nhưng vì âm thanh vụn nhỏ nên tôi không nhận ra được là ai, đang hát: “Xuân về rồi, muôn đóa hoa đào tươi, cười trong nắng...” Trong đời tôi, mê nhạc cũng dữ lắm, đã từng nhiều lần đi nghe hát ở Queenbee hay Đêm Màu Hồng, v.v... nhưng chưa bao giờ tôi thấy xúc động đến nỗi muốn chảy nước mắt như hôm đó. Hai cái: Đài BBC và “nhạc vàng” thấm sâu vào tim máu tôi tư thuở nào tôi không chắc, nhưng nó là món ăn tinh thần của tôi hằng ngày, cũng như cơm cháo vậy. Vậy mà từ tháng 5/1975 cho đến giờ tôi không được ăn. Thèm biết chừng nào!*

*Tôi nghe đài BBC từ năm 1951. Hồi ấy chưa có máy thu thanh transistor nên khi thành phố Quảng Trị có điện trở lại thì bà mẹ anh Phan văn Cán, bạn tôi, mua một cái radio hiệu Phillips để gia đình nghe chơi. Thỉnh thoảng, tôi qua nhà người bạn nghe ké đài BBC.*

*Từ năm 1954, tôi làm “gia sư” để kiếm cơm ăn học tại nhà một người bà con ở Huế. Người này làm ở Nha Thông Tin Trung Việt nên được cơ quan giao cho một cái radio để mỗi ngày lấy tin tức. Tôi được nghe và dần dần lấy tin giùm ông thành ra từ đó cho đến ngày 30 tháng 4/ 1975, nghe đài VOA mỗi ngày 2 lần, nghe đài BBC mỗi ngày 3 lần là thói quen không những cần mà còn thiết, cũng giống như ăn cơm vậy, buổi nào không nghe thì coi như buổi đó thiếu ăn. Món ăn thường ngày do Xuân Kỳ, Hữu Đại, hai người làm đài BBC chương trình tiếng Việt từ “thời thượng cổ”, sau này có thêm Ngọc Phách, Trần Minh, dọn ra cho tôi. Đỗ Văn, Xuân Hồng, Vĩnh Phúc, Lê Thảo, Lan Đài là “hậu duệ”. Thỉnh thoảng, nhân dịp tết ta, giáo sư Honey chúc tết, dọn thêm món ăn nửa Tây nửa ta, giống như mấy ông cha Tây giảng đạo trong nhà thờ. “Hôm nay la mua chai, cac con phai an cực khô”. Judy Stow thỉnh thoảng cũng cho ăn vài món, nhưng vốn dĩ là đàn bà khéo tay nấu nướng nên món ăn tây mà có thêm mắm ruốc, để nuốt hơn.*

*Không riêng gì tôi, vô trại cải tạo rồi, dù muốn dù không, ai ai cũng coi trời bằng vung. Thế mà trong trại cải tạo thì lạm phát nhiều nhà bình luận chính trị, “trăm hoa đua nở”, chẳng có hoa nào chịu thua hoa nào. Các nhà bình luận này, không bút chiến được nhưng vẫn khâu chiến liên miên, có khi trực tiếp, khi gián tiếp, ông nào cũng coi như “30 tháng Tư của Cộng” tới bên lưng rồi, mỗi người sắp lên một “lon” tới nơi rồi. Người được thăm nuôi có gì gia đình bới xách cho, hứng chí mời các nhà bình luận đến dự, chẳng mấy chốc trận chiến bát đĩa sạch bách, y như Cộng sản rút lui về Bắc, chẳng còn móng nào dám ở lại miền Nam. Có điều đáng buồn, tất cả ý kiến của các nhà bình luận này đưa ra, chẳng dựa vào nguồn thông tin nào để có cơ sở hết.*

*Ngày 2 tháng 7/ 1982, tôi được “tha ra khỏi trại cải tạo” như lệnh tha ghi, nhưng thật ra thì cũng tù trong ra tù ngoài như chính vài công an, trong “phút nói thật” xác nhận. Về, có nghĩa là tiếp tục một cuộc sống đọa đày khác, suốt ngày lo gạo, rau, y như cảnh nhà thơ Trần Tế Xương “chạy ăn từng bữa toát mồ hôi”. “Món ăn vật chất” còn chưa có đủ để đút vào mồm, nói chi tới “món ăn tinh thần”. Chế độ Cộng Sản là một chế độ gồm có cây súng của công an cộng với sợi giây thắt bao tử là cái hộ khẩu, người dân còn ngo ngoe đằng nào được mà nói là chống chế độ.*

28 tháng 5/1989, tôi vượt biên và thoát tới Bidong. Tới trại tỵ nạn rồi, bây giờ “vui chơi tắm giặt nghe đài” thoải mái. Tôi như con cóc bò lên được trên miệng giếng. Sao mà trời cao đất rộng thế!

“Giòng lịch sử” đứt đoạn từ 30 tháng Tư nay được tiếp nối một cách phong phú, tràn đầy, vui thú. Món ăn tinh thần bây giờ, tưởng như làm người ta bội thực.

Nói chung như trên là tình cảnh những người ở lại sau Tháng tư đen.

Còn ai kịp nhanh chân?

Tới Hoa Kỳ năm 1993, gặp một người bạn qua đây từ 1975, hỏi anh ta theo dõi tình hình như thế nào? Anh ta cười trừ. Mặc dù anh tốt nghiệp Luật khoa thời chế độ cũ, từng làm hiệu trưởng một trường Trung học, từng tranh cử dân biểu hạ viện, qua tới Mỹ thì học lại, lấy bằng Master, nhưng chuyện nhà, chuyện nước, chuyện bốn bể năm châu, chủ yếu là nhờ cái TV. Anh ta nói đâu còn nghe được những bài bình luận, những ký sự của những phóng viên lừng danh như Alexander Thompson, Bernard Fall (đã chết), Nayan Chanda, v.v... Anh bạn thú thiết: “Về mặt này, tôi chẳng may mắn gì hơn anh bao nhiêu!”

Khi tôi nói tới cuốn sách Brother Enemy của Nayan Chanda và tỏ ý muốn dịch ra tiếng Việt, anh bạn khuyến khích: “Gắng lên, dịch đi. Tôi đọc được tiếng Anh nhưng tôi thích đọc tiếng Việt. Đọc tiếng mẹ đẻ như đọc từ trái tim chứ không phải từ bộ não”. Vẫn biết sách này cần cho bộ não hơn.

Đọc tức là tò mò muốn biết thêm: Biết Ieng Say là người Việt gốc Miên quê ở Trà Vinh; biết Pol Pot là anh sinh viên kỹ sư điện Saloth Sar thì hồng bất đắc chí, đi làm cách mạng nhưng không khác chi đi làm việc ở nhà tế sanh gần cầu Thanh Long, Huế; biết ông cha chúng ta “độc ác cướp đất” của người Miên như thế nào để gây nên mối thù truyền kiếp giữa hai dân tộc Miên Việt; biết “Cáp Youn” mà Youn là loại ông kẹ nào mà các bà mẹ Miên thường đem ra dọa con nít ham chơi; biết Cộng Sản Việt Nam đã để ra bao nhiêu anh Cộng Sản Miên, kẻ nào thì thủy chung như nhứt, kẻ nào thì đem con dân của thầy chặt làm nhiều khúc, moi ruột, lấy gan; biết tội nghiệp cho ông hoàng phong kiến Sihanouk khi trốn khỏi tay Khmer Đỏ được rồi, không một đồng xu dính túi, không có tiền trả tiền bệnh viện ở Nữ Ước, trong khi các ông tổng thống, chủ tịch các quốc gia tự do, dân chủ, Cộng Hòa, Cộng sản thì tiền của các ông ấy trong nhà bank Thụy Sĩ chỉ có các ông ấy làm chủ, người dân đen không “chủ” được một đồng xu teng. Tiền của máy ổng, máy ổng tiêu một mình, không “hòa” cho dân đen chút xíu nào.

Thời đại chúng ta là thời đại Tự Điển Tra Ngược, có nghĩa rằng, hễ nói:

- Dân chủ thì ta phải hiểu rằng đó là độc tài,
- Hạnh phúc là chén cơm ăn chan bằng máu và nước mắt.
- Tự do có nghĩa là số phận người Mỹ da đen thời lập quốc
- Bình đẳng có nghĩa là ngồi xe xích lô hạng hai nhưng vẫn phải trả tiền hạng nhứt

Nói sao cho hết!

Quý vị hãy bỏ chút thì giờ đọc cuốn sách này. Mua mà đọc hay mượn mà đọc cũng chẳng sao. Người dịch chỉ có một ao ước: Những người Việt như chúng ta, dù lưu vong hay còn ở trong nước nên đọc để hiểu thâm thía thân phận của mình, thân phận nhược tiểu dân tộc mình và làm thế nào để thoát ra khỏi những ràng buộc của chính mình, dân tộc mình và thế giới, tìm tới một tương lai chưa hẳn sẽ hoàn toàn tốt đẹp nhưng ít ra, mình tự quyết định số phận mình, không do ai áp đặt cả./

hoànglonghải/tuệchương

# Lịch sử các nước Đông Dương sau khi Saigon sụp đổ

---

Ngày 30 tháng Tư 1975, khi chiếc trực thăng cuối cùng bốc lên khỏi sân thượng tòa đại sứ Mỹ là lúc Saigon sụp đổ. Rồi một sự im lặng bao trùm cả Đông Dương. Quả thật người Tây phương đã quên lãng xứ này. Mãi đến năm 1979, lúc ấy, quân đội Việt Nam (CS) tiến vào Kampuchia, Trung Hoa xâm lăng Việt-Nam và mười ngàn người tỵ nạn Việt Nam và Kampuchia trốn chạy khỏi quê hương họ. Cả thế giới bất thần giật mình vì những nỗi kinh hoàng mới xảy ra ở Đông Dương.

Trong những năm Tây phương hầu như lãng quên Đông Dương thì Nayan Chanda, phái viên Đông Dương của tạp chí Kinh Tế Viễn Đông (FarEast Economic Review) tiếp tục cung cấp những tin tức có giá trị nhất, những cảm nhận chưa rõ lắm về một cuộc chiến sắp xảy ra và xung đột trong vùng Cộng Sản kiểm soát ở Việt Nam, Lào và Kampuchia. Không có một nhà báo nào theo dõi những biến chuyển ở vùng này một cách sát sao đến thế. Với những kiến thức có sẵn, ông tiếp cận ở mức độ cao và sâu để tìm hiểu sự thực. Giờ đây, trong tác phẩm “Anh Em, Thù Địch” (Brother Enemy), Chanda, với đầy đủ tư cách, vẽ nên một bức tranh về Đông Dương, kể từ khi chiến tranh tái phát. Câu chuyện lịch sử này bắt đầu khi quân đội Bắc Việt tràn vào dinh Độc Lập ở Saigon và qua nhiều thập niên đẫm máu tiếp sau.

Tác phẩm của Chanda là một sự hiểu biết thực sự. Từ hàng trăm cuộc phỏng vấn với những nhân vật hàng đầu ở Hà Nội, Bắc Kinh, và Phnom Pênh, cũng như nhiều nhân vật khác ở Washington, Moscow, Paris, Tokyo, và Canberra, và từ những quan sát của chính ông qua hơn một thập niên. Chanda sắp xếp một cách hết sức khéo léo trong việc trình bày những bí mật, không những giữa các cựu đồng chí mà cả những mưu mô tranh giành quyền lực tại Washington. Ông ta đưa ra một nhãn quan hấp dẫn đầu tiên về những mối sợ hãi, tham vọng dẫn dắt Khmer Đỏ đi tới tai họa diệt chủng, cũng như lần đầu tiên thái tử Norodom Sihanouk bị giữ tại Kampuchia và cuộc đào thoát không thành của ông ở Hoa Kỳ. Chanda cho chúng ta biết những sự kiện bên trong kế hoạch bí mật của Việt Nam (CS) xâm lược Kampuchia. Ông ta kể lại, lần đầu tiên, hồi mùa thu 1978, Hoa Kỳ gần như sắp treo cờ Mỹ lên ở Hà Nội rồi làm thế nào mà có vấn An Ninh Quốc Gia của Tổng Thống Jimmy Carter, Zbigniew Brzezinski cố gắng dùng lá bài Trung Hoa để Hoa Kỳ trở thành một thành viên bất như ý của Trung Hoa trong cuộc xung đột cay đắng có tính cách lịch sử với Việt Nam (CS). Chanda giải thích làm thế nào chính sách này đã mở cửa cho Liên Xô bành trướng quân sự ở Đông Nam Á.

Đây là một tác phẩm lịch sử sáng chói nhất trong thập niên qua. “Anh Em, Thù địch” (Brother Enemy) được xem như là một tác phẩm hay nhất./

## Dẫn nhập: Con đường thoát

---

Đêm đổ xuống, đen như số phận Saigon ngày 29 tháng 4/1975. Chiều hôm đó, lúc 6g30, một quyền lực sụp đổ, thành phố u ám. Tuy nhiên, tuồng như vì chìm đắm trong niềm xấu hổ thua trận, mà Saigon lại được ơn trên phù hộ. Tôi đứng trên sân thượng khách sạn Caravelle dưới cơn mưa phùn nhẹ nhìn Saigon đêm cuối cùng. Các trực thăng không lồ của Mỹ, đèn đỏ nhấp nháy, đèn chiếu thỉnh thoảng rơi xuống, lượn qua lượn lại trước khi sà xuống các sân thượng để đón những người Mỹ còn lại và vài người Việt Nam đã làm việc cho Mỹ, đưa đến nơi an toàn trên Hạm Đội 7 đậu ngoài khơi hải phận Việt Nam. Một lúc sau, trực thăng bay lên, tiếng máy gầm thét, điếc cả tai, rồi biến mất trong bầu trời bao phủ gió mùa. Trong khung trời đó, đầy đặc những viên đạn đỏ đan chéo nhau. Những chiếc trực thăng giống như những con rồng lửa khổng lồ, hùng hổ nhảy múa ma quái trên bầu trời của một thành phố đang chết dần.

Bên dưới, thành phố tối đen và yên lặng, một thành phố được mang cả hai cái tên: Hòn Ngọc Viễn Đông và Ấn Chơ Trác Táng đang chờ kẻ chiếm đóng. Những ngôi nhà cao tầng in hình lên bầu trời, rực chiếu những ngọn lửa hỏa tiễn ở phía xa và ánh lửa đỏ đậm của những viên đại pháo đang bắn xuống phi trường Tân Sơn Nhất. Đại lộ Lê Lợi và Tự Do bóng loáng dưới cơn mưa nhẹ, hoàn toàn vắng vẻ, thỉnh thoảng chợt sáng lên vì ánh đèn vài chiếc xe hơi vội vã đưa gia đình sĩ quan và những người giàu có tới các các xà lan đang chờ trên sông Saigon. Thoảng chốc, phía cầu tàu có tiếng súng nổ do bọn lính bắn chặn đường những kẻ đang tuyệt vọng cố leo lên thuyền. Đó là những hành động cuối cùng, trong nỗi kinh hoàng, ghi chặt lấy người Miền Nam từ khi Huế và Đà Nẵng thất thủ hồi tháng Ba. Việc dân chúng trốn chạy ồ ạt vì quân Cộng sản đang tiến tới một cách điên cuồng đã đến điểm tận cùng. Hồi đầu hôm, tôi quan sát hàng trăm người Việt Nam xô đẩy nhau trước cánh cổng sắt tòa đại sứ Mỹ. Họ hoa lên những mảnh giấy, - thẻ nhận dạng - báo thị, và ngay cả những nùi đôla để được vào sân bay trực thăng trong tòa đại

sứ. Nhưng tất cả họ, rõ ràng chán nản, mệt mỏi sau một ngày bám víu và toi tả trước cánh cổng đóng kín, do các Thủy Quân Lục Chiến Mỹ cầm súng canh giữ. Hàng trăm người vẫn còn chen nhau trong các cầu thang đẹp trong cao ốc được qui định là những con đường đi tản bằng trực thăng, nhưng khi đêm đổ xuống, hy vọng tắt như ngọn đèn cầy.

Dù lịch sử bất thần tiến nhanh hơn, thời gian vẫn còn và đây là hồi kết thúc đang tiến tới với một tốc độ nghẹt thở. Khi quân đội miền Bắc, do tướng Văn Tiến Dũng chỉ huy, tấn công vào thành phố trung tâm cao nguyên Ban Mê Thuột ngày 10 tháng Ba, làm cho chế độ Nguyễn Văn Thiệu rùng mình. Chưa hẳn đây là một hành động đủ táo bạo của Cộng sản tiếp sau khi họ chiếm tỉnh Phước Bình (thật ra là tỉnh Phước Long - Phước Bình là tỉnh lỵ - chủ thích của người dịch - nd) hồi tháng Giêng. Nhưng chừng đó cũng đủ cho thấy những gì rồi sẽ xảy ra - Sự bắt đầu của một chương cuối. Đối đầu với những thách thức mới, Thiệu đổi ngược sách lược chiến đấu cũ giành từng tấc đất một. Ông ra lệnh rút lui chiến thuật khỏi Pleiku và Kontum ở trung tâm cao nguyên, chuyển một đơn vị tinh nhuệ nhất từ Huế về, tạo ra sự sụp đổ chiến lược mau lẹ. Việc tái phối trí lực lượng biến thành một cuộc trốn chạy hoàn toàn hỗn loạn. Huế, Đà Nẵng, Nha Trang - và phần còn lại của phía Nam sụp đổ như một bàn cờ vào tay người Bắc Việt Nam chỉ trong vòng ba tuần.

Hồi đầu tháng Tư, Cộng Sản khóa chặt thông lọng chung quanh Saigon. Người Mỹ gia tăng cả hai mặt, không vận vũ khí và di tản người Việt Nam làm việc cho họ và bạn bè. Chiến tranh cuối cùng vào tới Saigon đúng ngay sau khi Thiệu chuồn khỏi đất nước bằng máy bay C-118 của Không Lực Hoa Kỳ. Sáng sớm ngày 27 tháng Tư, tôi chợt giật mình thức dậy vì một tiếng nổ. Trái hỏa tiễn đầu tiên của Cộng sản bắn vào Saigon trúng vào khách sạn Majestic, cách chỗ tôi ở một lô.

Một gián điệp Cộng Sản trong Không Lực Miền Nam, chính người bỏ bom dinh Độc Lập trước đó, ngày 28 tháng Tư quay trở lại cùng với máy bay Mỹ chế tạo tấn công phi trường Tân Sơn Nhất. Sự tàn phá gia tăng với mưa đạn và hỏa tiễn, cuối cùng chấm dứt cầu không vận do Mỹ thiết lập.

Chiến dịch “Văng Lai Phong” (Frequent Wind) do hải quân Mỹ mở ra vào chiều ngày 29 tháng Tư để di tản người Mỹ và người Việt bằng trực thăng chấm dứt hồi sáng ngày 30 tháng Tư. Từ trên sân thượng khách sạn Caravelle, tôi thấy xe tăng Cộng sản như một đàn kiến bò trên quốc lộ 1 từ Biên Hòa tiến xuống. Từ hướng mặt trận này, tôi quan sát một chiếc trực thăng đơn độc hiện ra trên bầu trời xám rồi đáp xuống sân thượng tòa đại sứ Mỹ có hình dáng như một cái hộp quẹt lớn. Chỉ trong vài phút, nó lại bốc lên, mang theo những người lính Thủy Quân Lục Chiến cuối cùng. Một làn khói hồng bay lên từ một trái lựu đạn khói nhằm xua đuổi những người Việt Nam cố chen lên máy bay. Nghiêng sát ngọn tháp truyền thanh của Tổng Nha Bưu Điện, chiếc trực thăng vượt lên, bay ngang sông Saigon rồi biến mất ở cuối chân trời phía đông. Lúc đó là 7 giờ 35 sáng. Hai mươi một năm sau ngày đại tá tình báo Mỹ Edward Lansdale tới Saigon để giám sát việc huấn luyện cho đội quân chống Cộng của Việt Nam Cộng Hòa. Cuối cùng bức màn buông xuống, kết thúc cuộc phiêu lưu của người Mỹ ở Đông Dương.

Bốn giờ sau, tôi ngồi một mình trong văn phòng thông tấn hãng Reuters của Anh, đối diện với dinh Tổng Thống, đánh đi bản tin việc quân Cộng sản đang tràn vào vùng ngoại ô Saigon thì nghe tiếng máy xe gầm gừ và tiếng loảng xoảng xích sắt xe tăng. Qua cửa sổ, tôi thấy chiến xa nguy trang của Cộng sản cắm cờ xanh đỏ và vàng âm âm tiến vào dinh tổng thống. Tôi với ngay máy chụp hình và phóng vội khỏi văn phòng. Tôi băng qua công viên giữa văn phòng hãng thông tấn và dinh tổng thống. Chiếc xe tăng bắn một tràng đạn lên không và húc đổ cánh cổng sắt xuống đất. Những người lính đội mũ sắt, lưng búng trong bộ quần áo màu xanh lá cây, và vài người còn mang nón sắt thiết giáp nhảy xuống khỏi xe tăng, phóng vội lên các bậc cấp để treo cờ Việt Cộng. Họ đã đi đến điểm cuối cùng của đường mòn Hồ Chính Minh. Chiến tranh chấm dứt!

Tôi ngạc nhiên vì những biến cố dồn dập, khó tin rằng chiến tranh Việt Nam, một cuộc chiến mà hầu như tôi lớn lên cùng với nó, đã chấm dứt. Năm trước, khi có phép thường trú ở Saigon, làm phái viên Đông Dương của tạp chí Kinh Tế Viễn Đông, tôi biết rằng hiệp định Paris do Henry Kissinger và Lê Đức Thọ, ủy viên bộ chính trị đảng CS Việt Nam đề ra thực sự đã chết. Sự ngưng bắn không còn hiệu quả trong các khu vực quân sự địa phương. Chẳng ai, ngay cả những người vạch kế hoạch ở Hà Nội thấy rằng nó thất bại. Tuy nhiên, giữa tháng Tư, có triệu chứng cho thấy giờ phút quyết định đã gần kề. Do sự yêu cầu của giám đốc ở Hồng Kông, tôi thuyết phục vợ tôi rời Saigon, riêng tôi thì chống lại lời đề nghị của họ biểu tôi phải ra đi. Giám đốc nhắn tin cho tôi: “Không có gì quý bằng mạng sống của anh. Rời ngay nếu có nguy hiểm nào.” Trong thư gửi đi Hồng Kông hôm 25 tháng Tư, tôi trả lời rằng tôi sẽ không đi “Nếu không chứng kiến được những giờ phút cuối cùng của tấn thảm kịch”. Chỉ năm ngày sau đó, bức màn buông xuống. Tôi chứng kiến bao nhiêu người bạn Việt Nam của tôi ra đi mà lòng nặng trĩu vì gia đình ly tán. Cuộc di cư giành giật xảy ra. Tôi thấy hàng ngàn người khốn khổ trốn chạy ngọn triều Cộng Sản từ bờ biển miền Trung tới nơi trú ẩn Saigon, rồi lại sa vào bẫy sập một lần nữa. Cũng chưa có gì đáng nói lắm nếu sự kết thúc không tắm máu như nhiều người đã sợ. Sự chia cắt lâu dài giữa hai miền Nam Bắc chấm dứt bằng một phương cách kỳ lạ vì người Saigon chen chúc quanh những chiếc xe tăng T-54 của Bắc Việt, chuyển trò với những chú lính thiện thùng trong bộ quần áo màu xanh lá cây từ phương Bắc mới vào. Có nhiều lo lắng về những gì sẽ xảy ra trong tương lai; nhưng cũng có những mối xúc cảm vì Việt Nam cuối cùng rồi cũng được hòa bình. Với thời gian, mọi việc sẽ qua đi.

Có điều không được vững tin lắm ở bên nước Kampuchia láng giềng, nơi tấm màn buông xuống mười ba ngày trước. Trong chuyến đi của tôi tới Phnom Penh hồi tháng Giêng năm 1975, tôi thấy Khmer Đỏ buộc sẵn thông lọng chung quanh thủ đô xứ này. Dân số thành phố, căng phồng lên tới gần hai triệu người tỵ nạn. Họ chạy vào thành phố để tránh bom đạn, kinh hoàng vì những trận tấn công bằng hỏa tiễn. Khmer Đỏ cắt đứt mọi đường giao thông, và chẳng bao lâu, sẽ tới phiên con đường sống độc nhất nối với thế giới bên ngoài: Sông Mê Kông (Cửu Long). Những cố gắng tuyệt vọng của Mỹ nhằm mở một đường không vận theo kiểu Bá Linh để vận chuyển lương thực và nhiên liệu đành bỏ dở vì phi trường Pochentong bị tấn công. Tổng thống Lon Nol, mặt đầy nước mắt, rời bỏ đất nước, chẳng bao lâu sau là những viên chức người Mỹ. Ngày 17 tháng Tư, Khmer Đỏ tiến vào thủ đô, dí súng đuổi dân ra khỏi thành phố. Hai tuần sau, những người ngoại quốc trước kia trốn vào tòa đại sứ Pháp, khăn gói lên đường đi Thái Lan bằng xe vận tải. Và Kampuchia, một âm thanh vang vọng đang chìm xuống chân trời - rồi bất thần biến mất.

Cuộc chiến tranh Đông Dương thứ hai đã chấm dứt, và một cuộc chiến tranh mới giữa những đồng chí và anh em cũ đang hình thành. Cũng khó mà kẻ thù đế quốc từ bỏ tình huống này: Những tranh giành cũ và nghi ngờ trời dậy. Những đồng chí ngày hôm qua bắt đầu đòi hỏi quyền lợi cho quốc gia của mình và chống lại quyền lợi của quốc gia khác. Che dấu kín đáo dưới chiếc áo rộng, nguy trang bằng những lời hoa mỹ đoàn kết cách mạng là mối thù truyền kiếp to lớn và vô hình. Tôi hiểu một chút rằng tôi đã trải qua một thời kỳ lý thú nhất trong một thập niên tiếp theo cuộc xung đột được che dấu rồi lại lộ ra khi hòa bình Đông Dương tan vỡ. Với tôi, giống như xem một tấm hình, qua nhiều năm, mọi sự lớn hơn, gay gắt hơn khi tôi đi từ Đông Dương qua Trung Hoa - từ những cánh đồng chết ở Kampuchia đến những trận địa rải rác trên các ngọn đồi vùng biên giới Việt-Hoa, và trò chuyện với không biết bao nhiêu người, ở cả hai bên chiến tuyến. Cố gắng ráp nối những phần mất mát lại cùng với nhau, như một bức tranh được góp nhặt từ những miếng nhỏ để tìm hiểu sự xung đột mới. Do đó, tôi thực hiện hàng trăm cuộc phỏng vấn các nhà soạn thảo sách lược và quan chức của các cường quốc, các lân bang của Đông Dương có liên quan đến tấn thảm kịch này. Cuốn sách này là kết quả của công việc điều tra khởi sự từ mười hai năm trước.

Tiếp sau Saigon và Phnom Pênh sụp đổ là sự xung đột đẫm máu giữa những người Cộng Sản Việt Nam và Kampuchia chiến thắng vì tranh giành kiểm soát các hòn đảo trong vịnh Thái Lan. Pol Pot, người lãnh đạo Khmer Đỏ, chẳng bao lâu sau khi nắm quyền kiểm soát đất nước đã mở ra một chương trình cưỡng bách để tiến nhanh tới xã hội chủ nghĩa, với mục đích làm cho Kampuchia mau lớn mạnh để có thể đối đầu với Việt Nam, kẻ thù truyền kiếp. Chẳng bao lâu sau đó, có những cuộc thanh trừng đẫm máu để tiêu diệt những phần tử đối nghịch, những kẻ bị nghi ngờ thân Việt Nam, và mở ra những cuộc tấn công trực tiếp vào làng xã Việt Nam, tàn sát dân lành. Đối với Khmer Đỏ, họ cho rằng đó là cuộc chiến tranh phòng ngự để sống còn nhằm chống lại kẻ thù lịch sử đang dự định nuốt trọn Kampuchia. Với Việt Nam, sự thù địch của Kampuchia có Trung Hoa hỗ trợ phía sau là một cuộc tái đầu của lịch sử. Trung Hoa là kẻ thù ngàn năm của Việt Nam, được xem như đang cố gắng chinh phục Việt Nam bằng hai gọng kìm từ phía Bắc và Tây Nam. Như mấy lần trong ngàn năm chống lại Thiên triều, Việt Nam, một lần nữa, sẵn sàng đối đầu với mối đe dọa bị tấn công, và nó đã xảy ra vào cuối năm 1977. Sự xung đột đẫm máu ở Kampuchia bùng nổ công khai vào ngày đầu năm 1978, khi đài phát thanh Phnom Penh loan báo cho thế giới hay rằng họ là nạn nhân của “Việt Nam xâm lăng”. Trong vòng 5 tháng, ngọn lửa bùng lên phía Bắc: Sặc dân thiếu số Hoa kiều, như làn sóng, ồ ạt rời Việt Nam, Bắc Kinh vén bức màn bí mật lên và tố giác Hà Nội ngược đãi Hoa Kiều, Hà Nội nhắm tới con đường bá quyền (tiêu bá - người dịch) ở Đông Dương. Sự phát triển mối liên minh của Việt Nam (CS) với Liên Xô gợi lên cho Trung Hoa cơn ác mộng lịch sử - Một sự đe dọa cùng lúc từ những kẻ dã man ở phía Bắc cũng như ở phía Nam. Từ mùa hè năm 1978, họ đã có kế hoạch đưa ra một cú đấm trừng phạt Việt Nam “vong ân”, nước đã hưởng thụ sự viện trợ của Trung Hoa trong ba thập niên. Vì vậy, ngay khi mối liên minh với Khmer Đỏ bị sụp đổ hoàn toàn vì cuộc xâm lược của quân đội Việt Nam (CS) thì Bắc Kinh thực hiện sự trừng phạt này.

Cuộc xung đột ở Đông Dương liên hệ mật thiết đến việc tranh chấp giữa Liên Xô và Mỹ, và làm liên minh Mỹ Hoa thêm phát triển. Trong khi đó, nước Kampuchia Dân Chủ dưới sự cai trị của Khmer Đỏ đóng cửa biên giới, kín mít như bưng và sống dựa vào Trung Hoa. Từ 1975, Hà Nội cố gắng phát triển một chính sách ngoại giao độc lập, đặt căn bản trên sự cân bằng giữa hai siêu cường. Mùa hè năm 1977, Hà Nội gần như đạt được quan hệ ngoại giao với Hoa Kỳ, sau khi họ chịu từ bỏ lời khẳng khăng đòi viện trợ tái thiết. Một năm sau, khi sự xung đột với Kampuchia và Trung Hoa gần như bùng nổ công khai, mỗi hy vọng lập quan hệ ngoại giao với Hoa Kỳ trở thành tuyệt vọng. Họ phải từ bỏ yêu cầu đòi viện trợ Mỹ. Từ đó, cơ may của họ không còn nữa. Không cần biết đến Việt Nam (CS), Bắc Kinh quyết định dạy cho Việt Nam (CS) “một bài học” và cố gắng thiết lập quan hệ ngoại giao đầy đủ với Hoa Kỳ trước khi có hành động trừng phạt Hà Nội. Bắc Kinh hoạch định một kế hoạch ăn nhip hoàn toàn với tổng thống Mỹ Jimmy Carter và cố vấn An Ninh Quốc Gia của tổng thống để tìm kiếm một sự hợp tác toàn cầu chống Liên Xô. Hoa Kỳ quyết định bỏ rơi việc bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam (CS) và bí mật thúc đẩy việc thiết lập quan hệ với Bắc Kinh. Qua ba thập niên tham gia cuộc chiến ở Việt Nam để chống lại sự “bành trướng của Trung Hoa”, Hoa Kỳ, cuối cùng, im lặng trở thành người cộng sự trong cuộc chiến Trung Hoa chống lại Việt Nam. Hồi tháng 2 năm 1979, hân hoan trước thắng lợi trong chuyến viếng thăm Hoa Kỳ, Phó chủ tịch Trung Hoa Đặng Tiểu Bình liền mở ra cuộc tấn công trừng phạt Việt Nam.

Việc Việt Nam (CS) chiếm đóng Kampuchia và Trung Hoa tấn công Việt Nam chỉ là sự gia tăng mối xung đột đã nảy sinh một cách lặng lẽ từ năm 1975, mà cả mọi phía đều không có phương cách giải quyết. Tới đầu năm 1986, khoảng 180 ngàn bộ đội Việt Nam (CS) vẫn còn ở lại Kampuchia để đánh nhau với quân du kích Khmer Đỏ. Đại pháo Trung Hoa vẫn còn bắn phá tàn thành vùng biên giới phía Bắc Việt Nam và bộ binh, từng lúc, vẫn còn tấn công Bắc Việt. Mặc dù bị đánh đuổi ra khỏi Phnom Pênh, chính phủ liên minh Khmer Đỏ vẫn còn được công nhận là chính phủ của nước Kampuchia Dân Chủ. Trong khi cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ ba



đang tiếp diễn thì toàn bộ vấn đề có tính cách quốc tế này đã thay đổi một cách bi thảm. Nhờ chiến tranh Hoa Việt, Moscow được hưởng các tiện nghi quân sự ở Việt Nam để bành trướng sức mạnh của họ ở Thái Bình Dương. Mỗi hy vọng một liên minh chống Liên Xô do Washington đứng đầu để giúp đỡ Trung Hoa chống lại Việt Nam (CS) lại bị bỏ rơi khi Trung Hoa trở lại chính sách độc lập và bắt đầu bình thường hóa các cuộc thương thuyết với Liên Xô. Theo đúng một chu kỳ, nước Việt Nam (CS) mạnh về quân sự nhưng đơn độc và kinh tế rách nát lại bắt đầu theo đuổi mỗi quan hệ vô cùng phức tạp với Hoa Kỳ

Câu chuyện đấu tranh lịch sử này ở Đông Dương và chính sách ngoại giao của các cường quốc đã bao trùm lấy nó. Những biến cố ở Đông Dương, từ khi chiếc trực thăng Mỹ rời khỏi sân thượng tòa đại sứ Hoa Kỳ ở Saigon chứng tỏ một cách rõ ràng rằng một tiền đề sai lầm khi người Mỹ can thiệp vào Việt Nam như thế nào. Thay vì chặn đứng sự bành trướng của Trung Hoa ở châu Á như các nhà vạch kế hoạch Mỹ dự liệu, Việt Nam chứng tỏ cho mọi người thấy rằng họ là kẻ thù và đối thủ cay đắng nhất của Trung Hoa. Khmer Đỏ, từ lâu được xem như một con bài của Hà Nội thì họ lại tự bày tỏ cho thấy họ là kẻ thù sống chết của Việt Nam. Lịch sử thập niên vừa qua được xem như một bài học: Lịch sử và chủ nghĩa quốc gia - không phải bằng lý thuyết - đã đẽo gọt tương lai của vùng đất nhiều đổi thay này. Rồi bộ mặt nó có ra thế nào đi nữa, cũng khó mà tìm ra những chế độ bù nhìn thật sự ở Đông Dương.

Kẻ thù cũ,  
chiến tranh mới

---

Sau một tháng náo động vì chiến cuộc, tháng 5/1975, Đông Dương trở lại yên tĩnh. Những chiếc trực thăng bay lượn trên trời để đưa người di tản đến chỗ an toàn nay đã hết. Cuộc giải cứu kinh hoàng của Hạm Đội 7 và hàng trăm thuyền tỵ nạn nối nhau ra biển cũng đã qua rồi. Ít ra, người ta cũng nghĩ vậy. Nhưng buổi sáng ngày 15 tháng 5, khi ánh bình minh lặng lẽ nhô lên ở cuối chân trời màu ngọc bích đảo Koh Tang trong vịnh Thái Lan thì những âm thanh làm lạc của chiến tranh quay trở lại. Mười một chiếc trực thăng hiện ra ở cuối chân trời phía tây còn tối, hướng tới hòn đảo này của Kampuchia. Mục đích tấn công của lực lượng Mỹ (U.S. Air Force Jolly Green Giant and Knife Helicopters) là Mayaguez, một chiếc tàu chở hàng cũ và hư hỏng

của Mỹ bỏ neo phía ngoài đảo Koh Tang. Ngày 12 tháng 5, một chiến thuyền của Kampuchia chở theo mấy chú lính Kampuchia quần áo đen, bắt giữ một chiếc thuyền ngoài khơi đảo Wai, xa hơn về phía Nam. Lời kêu gọi của chiếc tàu Mayday được đáp ứng. Tổng thống Gerald Ford ra lệnh một lực lượng Không quân Trực thăng thuộc đơn vị đóng ở Utapao, Thái Lan và Thủy quân Lục chiến thuộc Hạm đội 7 tới cứu chiếc tàu Mayaguez và thủy thủ đoàn gồm 39 người. Vào lúc hùng đông, khi các lực lượng Mỹ tấn công vào hòn đảo nói trên, họ không biết rằng các thủy thủ đã được chuyển đến cảng Kompong Som trên đất liền. Những người lập kế hoạch cũng chẳng biết những người đi cấp cứu phải đối đầu với những dân quân trang bị rất yếu kém. Chỉ có một chiếc trực thăng Knife hạ xuống trên bờ biển cát và Thủy Quân Lục Chiến Mỹ bung ra tấn công. Hàng cây phía trên còn chìm trong bóng đêm bỗng bùng lên lửa súng máy và súng trường. “Trông giống như giầy đèn trên cây Giáng Sinh” - Một phi công trực thăng kinh hoàng kể lại. Chỉ trong vòng một giờ, hai chiếc trực thăng Knife bị bắn hạ và rớt trên bờ biển. Dù chẳng có ai trong thủy thủ đoàn được cứu, các Thủy Quân Lục Chiến cũng bị cầm chân vì sự kháng cự mạnh mẽ từ phía Kampuchia. Mười bốn giờ sau, máy bay và tàu chiến của Hạm Đội 7 làm cho khu vực này tan nát, kinh hoàng.

Choáng váng trước sức mạnh của Mỹ, Khmer Đỏ vội vàng trả lại thủy thủ đoàn. Nhưng cuộc tấn công của Thủy Quân Lục Chiến Mỹ trên đảo Koh Tang vẫn chưa chấm dứt. Ford cho rằng cần chứng minh việc tấn công dữ dội đã nghiền nát sức phòng ngự trên bờ biển Kampuchia. Vào cuối ngày của cuộc chiến, 15 Thủy Quân Lục Chiến Mỹ tử trận, phía Khmer không kể xiết người bị chết. Chỉ có một nhà máy lọc dầu và một phi đội nhỏ của Kampuchia bị phá hủy. Đối với tổng thống Ford, sự kiện Mayaguez là một cơ hội để nâng cao tinh thần nước Mỹ bị chùng xuống sau khi họ nhục nhã rút khỏi Phnom Pênh và Saigon. Sự bày tỏ sức mạnh của Mỹ qua vụ tàu Mayaguez, theo tổng thống Ford “là tia sáng rực rỡ nâng cao toàn bộ tinh thần của niềm tự tin mới. Hoa Kỳ vượt qua được những thời điểm hết sức khó khăn và bây giờ là lúc quay hướng lại và thay đổi một tiến trình.” Như ông nói sau này. Bây giờ là lúc Mỹ chú tâm vào việc hàn gắn vết thương, có thể quay lại Đông Dương đang chìm trong bóng tối.

Giai đoạn Mayaguez biến mất từ những trang trước, có vài điểm cần lưu ý: Biến cố ấy chỉ là một trò phụ diễn không được quảng cáo cho một cuộc xung đột dữ dội hơn, một cuộc đấu tranh được trì hoãn lâu dài để giành chỗ sinh tồn giữa hai nước láng giềng cũ. Cú đánh cuối cùng của nước Mỹ hùng cường ở Đông Dương giúp che dấu âm mưu thực hiện một cuộc chiến tranh mới giữa các đồng chí và anh em cũ, những người đã một thời tay trong tay chống lại Hoa Kỳ. Việc bắt giữ tàu Mayaguez thúc đẩy Kampuchia tấn công vào các hòn đảo do Việt Nam (CS) chiếm đóng trong vịnh Thái Lan. Những người lính Khmer Đỏ non trẻ giận dữ khi bước lên tàu Mayaguez tay chỉ cầm những cây súng AK-47 rõ ràng muốn chứng tỏ quyền kiểm soát họ mới giành được ở vùng hải phận đất nước.

## Chiến trận giành hải đảo

Trong vài ý nghĩa, điều đó là tự nhiên, hầu như không thể tránh được, là phân kết thúc của một cuộc chiến đấu thành công cho tổ quốc, chống lại ách thống trị ngoại bang. Kẻ chiến thắng cố gắng củng cố quyền kiểm soát toàn lãnh thổ được xem như di sản quốc gia do tổ tiên để lại. Tuy nhiên trong trường hợp Kampuchia và Việt Nam, công việc này có ý nghĩa là mở lại mối thù hận và xung đột từ lâu đã được che dấu sau bộ mặt đồng chí và đoàn kết.

Khi sắp toàn thắng miền Nam, một trong những hành động đầu tiên của Hà Nội là “giải phóng” Trường Sa (Spratlys Inlands) trong biển Nam Hải (Đông Hải - nd) khỏi quyền kiểm soát của chế độ Thiệu và đòi quần đảo Hoàng Sa (Paracel Inlands) do Trung Hoa chiếm đóng. Chỉ

mấy tuần sau khi chiếm Phnom Pênh, các đơn vị Khmer Đỏ đã mở rộng an ninh biên thù, lãnh địa cũng như lãnh hải. Quân đội được phái tới vịnh Thái Lan để kiểm soát các hòn đảo do chế độ cũ chiếm đóng hay đòi hỏi. Mệnh lệnh không chỉ là lãnh thổ mà thôi. Thiết lập quyền hạn trên toàn cõi và giương cao chiêu bài độc lập, đối đầu với những người bảo hộ đáng kính của họ trong chiến tranh. Đã đến lúc cách mạng Việt Nam (CS) và Kampuchia đi theo những con đường chính trị dị biệt mà trong chiến tranh họ đã cùng chung một hướng, xem như để thống nhất và hợp tác. Chiến tranh qua rồi, Việt Nam (CS) không còn gì ngần ngại chống lại Trung Hoa để giành lãnh thổ, và Kampuchia cũng chẳng có gì ngại ngùng để bày tỏ sự chống đối Việt Nam. Cuộc đấu tranh lịch sử dài lâu giữa Trung Hoa và Việt Nam, giữa Việt Nam và Kampuchia đã ngưng lại dưới ách thống trị của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ, nay bùng lên vì sống còn - ban đầu thì che giấu, nhưng rồi cường độ gia tăng. Khi họ sẵn sàng cầm bia đòi đất, không phải vì cách mạng, mà lại là muốn gia tăng mức độ xung đột. Nhu cầu khẩn thiết của họ là củng cố quyền lực trong nước và giải quyết vô số vấn đề hậu chiến, kêu gọi biện pháp thích hợp. Với hai lãnh tụ hàng đầu, Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai đang trên giường bệnh, Trung Hoa - những nhân vật chủ chốt khác trong cuộc tranh giành mới - cũng quá bận rộn với cuộc đấu đá sinh tồn về lý thuyết để lôi kéo sự chú ý hoàn toàn đối với các vấn đề đang nổi lên ở biên giới phía Nam. Sự bận tâm về các công việc nội bộ của những nhân vật chính đã gây ra sự lưỡng lự, những nỗi sợ hãi đã hằn sâu, và tham vọng chống đối lẫn nhau, chính sách ngoại giao và nội bộ dị biệt sâu sắc chẳng bao lâu đã đưa Kampuchia và Trung Hoa vào con đường liên minh chống Việt Nam.

Ngày 12 tháng Tư/ 1975, năm ngày trước khi quân Khmer Đỏ chiến thắng tiến vào thủ đô Phnom Penh, một trong những lãnh tụ Khmer Đỏ, Ieng Sary, đang ở Quảng Trị, Nam Việt Nam. To con, mắt nhỏ, khuôn mặt tròn trịa và láng, Sary sinh trưởng trong một gia đình “Khmer Krom”, thiểu số người Khmer trong vùng đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam (Người Việt gốc Miên, quê ở Trà Vinh -nd). Thập niên 1950, du học ở Pháp và theo chủ nghĩa Mác, cùng với những sinh viên Khmer khác như Pol Pot, thành lập một chi bộ Cộng sản Kampuchia. Về sau, ông ta trở thành người có quyền lực đứng thứ hai sau Pol Pot, được gọi là “người anh thứ hai” đáng sợ. Trong một cuộc phỏng vấn hồi năm 1980, Sary kể lại với tôi rằng năm 1975, khi đang trên đường từ Bắc Kinh trở về vùng giải phóng Kampuchia, ngang qua các vùng mới chiếm được ở Nam Việt Nam thì ông ta nhận được một bức điện từ Hà Nội, khuyến cáo ông ta về việc người Mỹ rút ra khỏi Kampuchia. Chuyến đi của Sary dọc theo đường mòn Hồ Chí Minh trắc trở, xuyên qua những con suối chảy mạnh trong tỉnh Rattanakiri của Kampuchia. Ông ta đã sống ở Hà Nội một số năm trong thời kỳ chiến tranh và thực hiện nhiều chuyến đi đi về về Kampuchia rất nguy hiểm. Tin nói về Phnom Pênh sắp sửa rơi vào tay Khmer Đỏ là ánh lửa rực sáng, chấm dứt hoàn toàn cuộc sống gian khó nhưng hữu ích này cho cách mạng Kampuchia. Thay vì ngồi trên chiếc xe Jeep cà tàng mò mẫm dọc theo những dãy núi ở Trung phần Việt Nam để xuống Kampuchia, Sary quay ngược ra Hà Nội rồi đi Bắc Kinh. Ông ta đến Phnom Pênh vào ngày 24 tháng tư, trên chiếc Boeing 707 của Trung Hoa, chuyến bay đầu tiên từ ngoại quốc hạ cánh xuống Kampuchia, chấm dứt giai đoạn di chuyển theo đường mòn Hồ Chí Minh.

Điều ông ta không nói với tôi trong cuộc phỏng vấn là trong thời gian ngắn khi ở lại Bắc Kinh, ông ta thảo luận những gì với các nhà lãnh đạo Trung Hoa về vấn đề xây dựng lực lượng quân đội Kampuchia. Ông ta yêu cầu nước chủ nhà đừng chuyển vận vũ khí và các trang bị khác xuyên qua con đường bình thường trước kia nữa - qua ngã Việt Nam. Vài tuần sau, tàu biển Trung Hoa chở theo gạo, nhiên liệu, và hàng hóa đổ xuống cảng Kompong Som.

Tuy nhiên, trước khi tàu biển Trung Hoa cập bến, như một biểu tượng chính sách biệt lập của cách mạng Kampuchia, Khmer Đỏ đã thách thức việc Việt Nam kiểm soát những hòn đảo trong vịnh Thái Lan. Nhằm nhắc lại việc đòi đảo Phú Quốc (tiếng Khmer là Koh Tral), Khmer Đỏ đã tấn công hòn đảo này hôm 4 tháng 5. Sáu ngày sau, Khmer đỏ đưa quân đổ bộ lên đảo Thổ Chu (Poulo Panjang - tiếng Miên là Krachak Ses) và bắt đi năm trăm người dân Việt Nam cư ngụ

trên đảo, những người này về sau không còn nghe tin tức gì cả. Nguyễn Văn Tôt, một quân nhân chế độ Nam Việt Nam cũ, đang ở Rạch Giá lúc cuộc chiến xảy ra, mất hết toàn bộ gia đình tất cả gồm 12 người. Bốn tháng sau, ông ta trở lại Thổ Chu thì căn nhà anh ta đã hư nát, còn trên đảo thì rải rác đầy sọ người. Hai tuần sau khi Khmer Đỏ tấn công, Việt Nam phản kích, giết nhiều lính Khmer Đỏ và bắt giữ khoảng 300 tù binh.

Sary nói với một nhóm người Mỹ thân hữu rằng việc bắt giữ tàu Mayaguez hôm 12 tháng 5 là hành động của viên chỉ huy địa phương, không phải lệnh từ Phnom Pênh. Có thể là các viên chỉ huy địa phương quá căm tức, muốn mở ra thật xa việc bảo vệ lãnh thổ Kampuchia và tấn công các hòn đảo do Việt Nam chiếm đóng. Tuy nhiên, đúng hơn, là do chỉ đạo của cao cấp. Có lẽ những lãnh tụ Khmer Đỏ nghĩ rằng thực sự chiếm đóng đất đai là lời tranh luận mạnh mẽ nhất trong các cuộc thương thuyết lãnh thổ. Kampuchia chẳng bao giờ điều đình về việc họ bị mất các hòn đảo trên biển với chính quyền Nam Kỳ thuộc địa thời thực dân Pháp cũng như chính quyền Việt Nam Cộng Hòa kế tục. Năm 1960, lúc còn là quốc trưởng Kampuchia, thái tử Norodom Sihanouk đã thất bại trong việc đòi lại đảo Phú Quốc bằng đường lối ngoại giao. Ông ta cảnh cáo “Việc chúng tôi bị mất các hòn đảo trên biển sẽ đưa tới việc làm ngưng trệ hoạt động của hải cảng Kompong Som, chẳng bao lâu chúng tôi cũng chẳng giữ được nền độc lập.”

Giờ đây, lợi dụng lộn xộn lúc Saigon thất thủ, Khmer Đỏ cho rằng thời gian đã chín mùi để đem quân chiếm đóng các hòn đảo tranh chấp. Pol Pot, người sinh viên kỹ sư điện thi hỏng ở Paris, cuồng tín theo chủ nghĩa Mác, tổng bí thư đảng Cộng sản Kampuchia (CPK) từ đầu thập niên 1960, là người đưa ra những hành động nhằm thực hiện tư tưởng cực đoan và thù hận sâu sắc đối với người Việt Nam, kẻ thù truyền kiếp. Sau khi chiếm Phnom Pênh, Pol Pot tức khắc đưa ra một đường lối chỉ đạo gồm 8 điểm, trong đó, có hai điểm chính là trục xuất thiểu số người Việt ra khỏi Kampuchia và phái quân đội tới biên giới, đặc biệt là biên giới Việt Nam. Tuy nhiên sau khi thấy phản ứng quyết liệt của Việt Nam, ông ta phải xét lại sự khôn ngoan của ông trong khi quá vội vàng. Ngày 2 tháng 6, trong khi Nguyễn Văn Linh, ủy viên bộ chính trị của đảng Cộng sản Việt Nam tới Phnom Pênh để thảo luận vấn đề này, Pol Pot được xem là có lỗi. Bày tỏ sự tiếc rẻ việc đã làm, Pol Pot thừa nhận rằng có hành động xâm lấn, tuy nhiên sự “Đụng chạm đẫm máu và đau lòng” là do binh lính không biết rõ tình hình địa lý địa phương.

## Lê Duẩn đi Phnom Pênh

Rõ ràng Việt Nam (CS) không thể chấp thuận lời giải thích đó. Trong khi Pol Pot có Ieng Sary, phó bí thư đảng, Nuon Chea và một số viên chức khác tháp tùng tới Hà Nội vào ngày 12 tháng Sáu, trong một cuộc “viếng thăm anh em” thì Việt Nam (CS) đã chiếm đóng doanh trại quân đội Kampuchia trên đảo Wai và cắm cờ trên đảo này. Ngày 14 tháng 6, tờ New York Times trích dẫn một nguồn tin tình báo Mỹ cho hay rằng Việt Nam (CS) đã chiếm đảo này. Tuy nhiên việc phái đoàn Kampuchia tới Hà Nội vào thời điểm trở trêu ấy vẫn còn che dấu mãi đến ba năm sau.

Vài năm sau, Ieng Sary nói với tôi rằng trong suốt cuộc viếng thăm, phía Kampuchia cố gắng một cách vô vọng đưa vấn đề biên giới ra thảo luận với Việt Nam (CS). Ông ta nói rằng người Kampuchia muốn đạt tới những điểm căn bản trong bản tuyên bố năm 1967 của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (DRV- Bắc Việt - ngd) công nhận biên giới hiện tại của Kampuchia. Nhưng Việt Nam (CS) từ chối thảo luận vấn đề này. Sau này, theo phía Việt Nam, dù Kampuchia muốn ký một thỏa hiệp thân hữu nhằm bảo vệ các vấn đề thương mại, tài phán, phân định ranh giới, họ cũng không yêu cầu thực hiện tức khắc việc thảo luận biên giới. Ý tưởng đưa ra một thỏa

ước hữu nghị là từ phía Kampuchia nhằm dàn hòa với Việt Nam, trên hình thức chấp thuận biên giới Kampuchia hiện thời. Vấn đề này chẳng bao giờ được nêu ra nữa.

Ngày 2 tháng Tám, Lê Duẩn, tổng bí thư đảng CS Việt Nam, ủy viên bộ chính trị Phạm Hùng, Xuân Thủy, nhân vật tham gia hòa đàm Paris đến Phnom Pênh trong một chuyến viếng thăm ngắn. Đã cho Kampuchia nếm mùi quân sự, bây giờ, các nhà lãnh đạo Việt Nam tỏ ra uyển chuyển hơn. Lê Duẩn, 67 tuổi, người cao lớn, trông có vẻ âm đạm, thành viên nguyên thủy của đảng CS Đông Dương. Trước khi nắm chức bí thư đảng CS Việt Nam, ông ta đã bị tù khoảng 10 năm và một số năm lãnh đạo cách mạng Miền Nam VN. Tuy nhiên, không giống Phạm Hùng, một người miền Nam trông có vẻ oai vệ, có một thời gian dài lãnh đạo CS Miền Nam VN và vẫn còn giữ mối quan hệ với các lãnh tụ Khmer Đỏ. Đây là lần đầu tiên Duẩn đến Kampuchia. Mục đích của chuyến đi này rõ ràng không phải là để du lịch. Khách Việt Nam không được mời ra khỏi Phnom Pênh đã trở thành một thành phố ma sau việc tàn bạo xua đuổi dân chúng hồi tháng Tư. Theo lời yêu cầu của Khmer Đỏ, các bản tường trình về cuộc viếng thăm bị cắt giảm đến mức tối thiểu. Mặc dù sự tiếp đón không được nồng ấm, Duẩn vẫn là người muốn hòa giải. Ông ta thừa nhận rằng đảo Wai quả thật là lãnh thổ của Kampuchia và hứa trả lại sớm. Một bản thông cáo chung được ký kết, cam kết giải quyết những dị biệt trong hòa bình, không dùng sự trừng phạt. Không có tiệc tùng hay diễn văn. Chỉ có một bản tường trình ngắn gọn được phổ biến trên cả hai đài phát thanh Hà Nội và Phnom Pênh vào ngày 3 tháng Tám cho hay rằng “Những cuộc thương thảo chân thật đã thực hiện giữa hai phái đoàn Việt Nam và Kampuchia trong bầu không khí thân hữu vì quyền lợi chung, có quan điểm thống nhất về mọi vấn đề đưa ra.”

Dù thành thực hay giả vờ, không khí cũng có cải thiện dễ dàng khi đảo Wai được trả lại cho Kampuchia. Ngày 10 tháng Tám, Nguyễn Văn Linh gặp Nuon Chia, một trong những người lãnh đạo hàng đầu của Khmer Đỏ, báo cho ông này biết rằng quân đội Việt Nam (CS) đã rút lui khỏi đảo. Nuon Chia cảm ơn về quyết định đó và nói rằng tất cả đều do “ngộ nhận về ranh giới giữa hai nước”. Thực ra, họ quá biết vấn đề biên giới và sự căng thẳng giữa hai phía đã tạo ra những cuộc xung đột đẫm máu sau khi họ chiến thắng phe tư bản. Chẳng bên nào muốn có chiến tranh. Đặc biệt, phía Việt Nam thì lo lắng không muốn dân chúng biết cuộc xung đột. Trong khi cố gắng giải quyết vấn đề bằng võ lực cũng như bằng ngoại giao, Hà Nội quyết định duy trì một bộ mặt đoàn kết chiến đấu với Kampuchia. Hồi tháng Bảy, sau khi tôi ở thành phố “Saigon giải phóng” được hai tháng, bay ra Hà Nội trên đường rời Việt Nam, trong cuộc phỏng vấn Hoàng Tùng, biên tập tờ nhật báo “Nhân Dân” của đảng CSVN, tôi có hỏi ông về tình hình quan hệ với Kampuchia, ông ta trả lời một cách nhanh nhẩu là “bình thường”. Ngưng một chút, ông ta nói thêm “Nhìn chung là bình thường”. Ông ta phủ nhận tin tức báo chí Tây phương cho rằng có xung đột ở những hòn đảo trong vịnh Thái Lan. Vào lúc tôi nói chuyện với Tùng trong văn phòng ánh điện mờ mờ, trông xuống hồ Hoàn Kiếm ở Hà Nội thì hàng ngàn người Việt Nam, đàn ông, đàn bà, trẻ con bị đuổi ra khỏi lãnh thổ Kampuchia, đưa xuống vùng đồng bằng sông Cửu Long của Miền Nam Việt Nam. Sau khi qua biên giới, họ được quân đội Việt Nam (CS) đưa vào các trại tỵ nạn dựng tạm. Hàng trăm người Kampuchia gốc Việt Nam và Trung Hoa vào trú tại một ngôi chùa ở Chợ Lớn. Phái viên hãng AP của Pháp tại Saigon, Charles Antoine De Nerciat nghĩ rằng ông ta đã vớ được một tin giựt gân nhỏ khi ông nhận ra những người tỵ nạn này là từ nước Kampuchia cách mạng anh em đến trú ẩn tại thành phố Saigon đã “giải phóng”. Tuy nhiên, nhờ vào sự nghiêm nhặt của các tay kiểm duyệt Việt Nam (CS), bản tin ngày 12 tháng Sáu của ông chẳng bao giờ được chuyển đi. Trong một sự trùng hợp khá buồn cười, ông ta viết câu chuyện này vào ngày Pol Pot tới Hà Nội thực hiện chuyến viếng thăm không được công bố. Dù rằng các tay kiểm duyệt có biết chuyến viếng thăm ấy hay không, người Việt Nam (CS) cũng chẳng được lợi ích gì khi cho một nhà báo tư sản nhắc lại câu chuyện thê thảm của những người tỵ nạn và như thế, làm cho mối quan hệ với Kampuchia thêm phức tạp. Mãi đến năm 1978, câu chuyện đó mới được rõ ra. Trong chuyến viếng thăm các tỉnh biên giới Việt Nam hồi tháng 3 năm 1978, tôi

được biết làm thế nào, trong suốt 5 tháng đầu sau khi “giải phóng” Phnom Pênh, hơn 150 ngàn người Việt Nam khốn khổ lũ lượt chạy về Đồng Tháp, An Giang và Tây Ninh. Người Việt Nam thì được phép định cư tại chỗ, những người Hoa, người gốc Khmer thì buộc phải trở lại Kampuchia.

Việt Nam (CS) muốn Kampuchia biết rằng họ có một người bạn có đủ sức mạnh. Sau Hà Nội, nơi Pol Pot dùng chân kẻ tiếp trong chuyến viếng thăm bí mật của ông ta là Bắc Kinh. Ngày 21 tháng Tám, Pol Pot được vị anh hùng, người thầy lý tưởng của Pol Pot tiếp kiến: Mao - “Anh đã thực hiện được một cú đánh tuyệt hay còn chúng tôi thì đông như thế này mà đành thua.” Mao nói với người đệ tử sáng láng của ông. Khi Mao nói câu này thì hàng trăm ngàn người dân Kampuchia bị đuổi ra khỏi các thành phố về các miền hoang dã ở thôn quê sống cuộc đời nông nô.

Mao hoàn toàn chấp thuận chương trình cách mạng của Pol Pot ở Kampuchia và sách lược của Pol Pot độc lập với Việt Nam. Cuộc họp này cũng được dấu kín cho tới hai năm sau, khi Pol Pot lột bỏ cái áo nguy trang vô danh, công khai trở thành tổng bí thư đảng Cộng Sản Kampuchia. Dĩ nhiên, phía Việt Nam họ hiểu một cách sâu sắc những lời ca ngợi của Mao đối với Kampuchia. Năm 1975, Mao đã khuyên các nhà lãnh đạo (CS) Việt Nam “phải học tập ở Kampuchia cách làm thế nào để thực thi cách mạng.”

Tình hữu nghị giữa Trung Hoa của Mao và Kampuchia đặt căn bản trên lý thuyết và, quan trọng hơn, đồng nhất về quyền lợi. Nhóm Pol Pot không những chỉ vô cùng ngưỡng mộ tư tưởng Mao về đấu tranh giai cấp và cách mạng không ngừng, họ còn chia xẻ với Trung Hoa về mối sợ hãi và ghê tởm Liên Xô. Chông lại Việt Nam âm mưu cai trị toàn cõi Đông Dương là mối quan tâm hàng đầu của nhóm Pol Pot, vì vậy, một cách tự nhiên, họ quay về phía Trung Hoa, một liên minh chính yếu trong truyền thống chiến lược, nhằm ngăn ngừa một sức mạnh trỗi dậy ở biên giới phía Nam.

Chẳng có gì ngạc nhiên, tháng Tám năm 1975, Chu Ân Lai, lúc ấy tình hình sức khỏe rất suy yếu, không còn sống bao lâu, giải thích với Lê Thanh Nghị, người đứng đầu ban Kế Hoạch của Hà Nội, là Bắc Kinh không có khả năng giúp đỡ Việt Nam. Trong khi đó, Bắc Kinh lại nồng nhiệt hoan hô phó thủ tướng Kampuchia Khiêu Samphan và Ieng Sary, hứa viện trợ một tỉ đồng cho một chương trình 5 năm. Khoảng 20 triệu trong số tiền này đã được tháo khoán.

Trong khi chuyến viếng thăm của Khiêu Samphan và Ieng Sary thành công vẽ vang, được viện trợ kinh tế, được bày tỏ một cách công khai Trung Hoa hoàn toàn ủng hộ Kampuchia thì những cuộc thảo luận bí mật về viện trợ vũ khí đã bắt đầu từ hồi tháng Sáu, khi Pol Pot lặng lẽ đến Trung Hoa. Trong tháng Tám và tháng Mười, các nhóm chuyên viên từ bộ quốc phòng Trung Hoa thực hiện một cuộc thanh sát ở Kampuchia để tìm hiểu nhu cầu quân sự, và, ngày 12 tháng Mười, họ trình một bản soạn thảo kế hoạch quân sự cho Phnom Penh để xin chấp thuận.

Ngày 6 tháng Hai năm 1976, ngày tòa đại sứ Trung Hoa ở Hà Nội đưa ra lời than phiền chính thức đầu tiên việc bắt buộc nhóm thiểu số người Hoa ở Nam Việt Nam nhập quốc tịch, một quan chức quân sự hàng đầu của Trung Hoa thăm Phnom Pênh để kết thúc thỏa ước viện trợ quân sự. Wang Shangrong, phó Tổng tham mưu quân Giải phóng Nhân dân Trung Hoa (PLA), nói với bộ trưởng quốc phòng Kampuchia Son Sen, quyết định của Trung Hoa về việc cung cấp bộ phận rời cho pháo binh, thuyền tuần phòng, và trang bị phòng không, trên căn bản ưu tiên. Tổng cộng có 500 cổ vấn Trung Hoa huấn luyện cho quân đội Kampuchia xử dụng các loại trang bị này. Wang cũng đưa ra một danh sách về các loại vũ khí sẽ được cung cấp cho Kampuchia trong các năm 1977, 1978. Ngày 2 tháng Mười, một thỏa ước viện trợ quân sự cho Kampuchia không phải bồi hoàn được ký kết giữa Wang và Son Sen.

Trong khi việc hợp tác quân sự được giữ hoàn toàn bí mật để khỏi làm cho Thái Lan và Việt Nam lo ngại, hoạt động chính của Trung Hoa tuồng như nhằm giúp đỡ ước muốn chính đáng của Kampuchia là chuyển hóa quân đội của họ từ lực lượng du kích thành một đội quân thường

trực, trang bị vũ khí mới đủ sức phòng vệ đất nước. Mặc dù Bắc Kinh không nghi ngờ gì về sự mong muốn lấy lại cán cân mất thăng bằng nghiêm trọng giữa lực lượng Kampuchia thiếu thốn và lực lượng quân sự Việt Nam to lớn, bộ máy quân sự trang bị hoàn hảo, lại thừa hưởng một số lượng vũ khí trị giá 5 tỉ đôla từ quân đội Miền Nam VN trước đây, họ cũng chẳng có ý hay mong muốn đẩy quân Khmer Đỏ tiến lên đối đầu với quân đội Việt Nam (CS). Trung Hoa của Mao chỉ muốn Kampuchia đủ mạnh để không bị Việt Nam bắt nạt mà thôi.

Viện trợ vũ khí của Trung Hoa cho Kampuchia được giấu kín, tuy nhiên tin tức về các viện trợ khác của Trung Hoa cho Kampuchia thì quảng bá ồn ào. Ngày 17 tháng Tư/ 1976, Bắc Kinh tổ chức một cách rầm rộ lễ kỷ niệm một năm “giải phóng” Kampuchia. Trong điện văn gửi Pol Pot nhân dịp này, Mao, Chu Đức (Zhu De) và Hoa Quốc Phong ca ngợi Pol Pot đã bảo vệ hoàn toàn nền độc lập, quyền cai trị tối thượng, toàn vẹn lãnh thổ của Kampuchia, tạo nên “sự thay đổi cách mạng sâu sắc nhất”. Tuy không nói rõ ra nền độc lập và sự toàn vẹn lãnh thổ đang bị đe dọa, lời cảnh cáo đó cũng không bỏ quên vai trò Hà Nội. Các nhà lãnh đạo Trung Hoa trấn an Pol Pot rằng nhân dân Trung Hoa sẽ cùng “vai kề vai tiến lên phía trước” với nhân dân Kampuchia.

Hồi mùa Xuân năm 1976, Kampuchia trở thành yếu tố chính trong sự căng thẳng giữa Trung Hoa và Việt Nam, tuy nhiên mối quan hệ đang suy thoái dần bắt đầu từ những năm trước. Từ khi Hà Nội chiến thắng ở Miền Nam, sự mâu thuẫn đặc biệt từ hai phía đã gia tăng vì khác biệt về chính trị và chiến lược.

## Dồn quân tới Trường Sa

Ba tuần lễ trước khi Cộng sản BV cầm cờ trên thành phố Saigon, sau này được đổi tên là thành phố Hồ Chí Minh, hải quân Việt Nam (CS) tiến chiếm quần đảo Trường Sa, trước kia do quân đội Saigon trú đóng. Hà Nội thấy trước thời kỳ rối loạn và chuyển tiếp khi chiếm miền Nam và không muốn dành cho Trung Hoa cơ hội chiếm các hòn đảo này, nơi cả hai phía đang tranh chấp. Ngày 5 tháng Năm, đài phát thanh Hà Nội đưa tin rằng khoảng thời gian sau ngày 11 tháng Tư “quân giải phóng và hải quân” đã “giải phóng” hoàn toàn sáu hòn đảo trong quần đảo Trường Sa. Ngày 7 tháng Năm, nhật báo “Saigon giải phóng” cho phát hành một bản đồ màu cho thấy rằng lãnh thổ Việt Nam không những bao gồm quần đảo Trường Sa mà cả quần đảo Hoàng Sa hiện do Trung Hoa chiếm đóng.

Bắc Kinh vẫn “câm như đá” về các biến cố này. Mấy năm sau, tôi biết Trung Hoa nghĩ gì. “Khi chúng tôi sắp rời Hà Nội để thăm viếng miền Nam vừa mới “giải phóng” chúng tôi nghe tin việc chiếm đóng Trường Sa (Nansha). Tôi như ngậm phải tro.” Ling Dequan một phái viên của Tân Hoa xã (Xinhua) nói với tôi. Ling đã làm việc vài năm tại văn phòng Tân Hoa xã ở Hà Nội và tham gia nhóm phóng viên đầu tiên có văn phòng ở đây đi thăm miền Nam VN hồi tháng 5/1975. Ông ta nói rằng việc Việt Nam chiếm quần đảo này là tạo ra một phản ứng có từ trước, khi Việt Nam công nhận quyền cai trị của Trung Hoa ở quần đảo Hoàng Sa. Ling, dù sao thì cũng đã cường điệu hóa sự kinh ngạc này. Dù cho tới lúc đó, Việt Nam (CS) chưa nhận được phản kháng nào của Trung Hoa đối với việc chiếm đóng các hòn đảo này, Hà Nội cũng đưa ra đầy đủ chứng cứ về chủ quyền. Hồi tháng Sáu năm 1974, Hoàng Tùng nói với một phái viên báo chí Thái Lan “Đông Nam Á thuộc về các dân tộc Đông Nam Á... Trung Hoa không phải là một quốc gia thuộc vùng Đông Nam Á, vì vậy Trung Hoa không có những vùng lãnh hải rộng lớn như họ đòi hỏi.”

Khi Tùng nói tới vấn đề này, Hà Nội chưa tiên liệu việc chiến thắng một cách mau lẹ ở miền Nam. Bởi khi quân đội của Thiệu bắt đầu tan tác, Hà Nội cũng khó đứng ý một chỗ mà xem Trung Hoa chiếm đóng Trường Sa trong cùng một cung cách như họ đã chiếm Hoàng Sa năm trước.

Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa ở trong biển Nam Hải bao gồm 150 chõm đất, san hô và cát, từ mấy thế kỷ trước, đã được ngư dân Việt Nam, Trung Hoa và Philippines biết đến để lấy phân bón hải điều, thực phẩm cho người Trung Hoa sành điệu ăn uống -tổ chim yến (yến sào-nd). Hồi đầu thập niên 1970, những đảo nhỏ này lại có một giá trị mới khi việc tìm kiếm dầu hỏa bắt đầu nhộn nhịp trong vùng Đông Nam Á. Vấn đề chủ quyền càng thêm phức tạp khi Trung Hoa cho rằng tất cả những hòn đảo này là thuộc quyền của họ, lấy chứng cứ căn bản trên việc họ có lui tới những nơi này. Tuy nhiên, chẳng có ai, Trung Hoa, Việt Nam hay Philippines chiếm đóng lâu dài trên những hòn đảo đó. Mãi đến cuối thập niên 1950, chính quyền Nam Việt Nam không chống lại Trung Hoa đòi chủ quyền trên các quần đảo. Bắc Việt Nam, đồng minh lý thuyết và là người nhận viện trợ Trung Hoa, nghĩ rằng khôn ngoan thì nên mặc cho Trung Hoa tranh giành chủ quyền trên các đảo đó. Nhưng sau năm 1959, khi Saigon và Bắc Kinh lại tranh nhau chủ quyền các hòn đảo này thì Hà Nội tiếp tục tránh ủng hộ Trung Hoa bằng cách im lặng.

## Hành động chiến tranh đầu tiên

Năm 1972, khi chính phủ Thiệu bắt đầu thỏa thuận cho các công ty ngoại quốc tìm dầu trên thềm lục địa Việt Nam, vấn đề các quần đảo trở thành mối quan tâm lớn của Trung Hoa. Họ âm thầm thiết lập những cái nhằm chứng tỏ sự hiện diện của họ trên chuỗi đảo Amphitrite thuộc quần đảo Hoàng Sa (Paracel) trong khi Miền Nam VN vẫn duy trì những đồn binh nhỏ trên chuỗi đảo Lưỡi Liềm. Tháng Tư/ 1972, trong hành động nhằm tái xuất hiện - được Mỹ chấp thuận trong chuyến viếng thăm lịch sử của tổng thống Nixon hai tháng trước đó -, Bắc kinh phản kháng các chiến hạm Mỹ xâm nhập chung quanh đảo Hoàng Sa. Trong hồi ký, bộ trưởng ngoại giao Henry Kissinger không đặt thành vấn đề chủ quyền của Trung Hoa trên quần đảo này, mặc dầu nó chống lại đòi hỏi của Nam Việt Nam, lúc đó thực sự đang chiếm một phần quần đảo này, Kissinger thông báo cho Trung Hoa biết rằng “Không có gì thiệt thòi cho vị thế hợp pháp của chúng tôi trên vùng biển, hải quân chúng tôi sẽ không xâm nhập và giữ khoảng cách 12 dặm kể từ các hòn đảo ấy.”

Hà Nội, và hầu như Saigon cũng vậy, không biết đến cam kết của Kissinger không cho hạm đội Mỹ đến gần quần đảo. Ngày 26 tháng Mười Hai/ 1973, Hà Nội thông báo cho chính phủ Trung Hoa biết kế hoạch của họ bắt đầu thương thảo với công ty dầu khí Ý Đại Lợi tìm kiếm dầu trong vịnh Bắc Việt. Ngày 11 tháng Giêng, Bắc Kinh đưa ra lời tuyên bố đòi chủ quyền ở tất cả các hòn đảo trong biển Nam Hải (Đông Hải - ngd). Bốn ngày sau, quân đội Trung Hoa tập trung gần đảo Lưỡi Liềm. Nam VN yêu cầu Bắc Kinh hãy có trách nhiệm, cẩn thận từ bỏ kế hoạch của họ. Ngày 18 tháng Giêng bằng không và hải quân, Trung Hoa tấn công lực lượng tăng cường Nam VN, đánh bật họ ra khỏi khu vực, và thiết lập quyền kiểm soát của Trung Hoa trên toàn bộ quần đảo. Chính phủ Thiệu yêu cầu Mỹ can thiệp nhưng bị từ chối một cách lịch sự. Ngũ Giác Đài nói rằng họ không biết gì về lời kêu gọi giúp đỡ đó và Hạm Đội Bảy vẫn ở ngoài khu vực xung đột. Một sĩ quan Mỹ cố vấn cho đơn vị hải quân Nam VN bị bắt, mấy tuần sau được hỏi hương qua ngã Hồng Kông. Một ngày trước khi Trung Hoa tấn công, Bắc Kinh thông báo cho Hà Nội biết có thể có thương thảo với Việt Nam (CS) về vấn đề hải phận, nhưng rồi ra chẳng thực hiện cố gắng nào.

Vài năm sau, (tháng Giêng/1974), đại sứ Việt Nam tại Paris, Mai Văn Bộ, nói với tôi cuộc tấn công của Trung Hoa ở Hoàng Sa là “hành động đầu tiên tấn công VN”. Tuy nhiên, lúc ấy Hà



Nội chỉ đơn giản nói rằng những cuộc thương thuyết về lãnh thổ giữa các nước láng giềng cần phải xem xét hết sức nghiêm chỉnh. “Các nước liên hệ phải nói chuyện với nhau, bằng thương thuyết và trong tinh thần bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau và láng giềng tốt.”

Đối với việc Trung Hoa chiếm Hoàng Sa, lời phát biểu này bao hàm một sự chỉ trích. Tuy nhiên vì cần có viện trợ kinh tế và quân sự của Trung Hoa cho chiến trường miền Nam, Hà Nội chẳng có thể làm gì được hơn. Một năm sau, khi cuộc toàn thắng ở phía Nam đã rõ ràng, là thời điểm cuối cùng để Cộng Sản VN công khai chống lại Trung Hoa bằng cách tuyên bố “giải phóng” sáu hòn đảo trong quần đảo Trường Sa (Spratly). Từ giữa thập niên 1950, đã có nhiều bất đồng về lãnh thổ trên biên giới Hoa-Việt, nhưng chẳng đặt thành vấn đề gì. Sau chuyến đi của Nixon đến Trung Hoa năm 1972, và với việc Mỹ chấm dứt ném bom ở miền Bắc, ký hiệp định Paris, Hà Nội bắt đầu nêu lên vấn đề lãnh thổ. Vài vụ đụng chạm xảy ra trên biên giới Hoa Việt nhưng không được thế giới biết đến. Theo tiết lộ của Trung Hoa sau đó, hàng trăm cuộc đụng độ đã xảy ra năm 1974 và sau khi Hà Nội chiến thắng miền Nam, số lượng ấy cứ tăng dần lên.

## Nỗi sợ hãi có căn cứ

Lịch sử có một điều hết sức mai mỉa, còn hơn cả Hoa Kỳ thua trận: Trung Hoa cũng bị đánh bại ở Việt Nam. Việc Hoa Kỳ rút ra khỏi Việt Nam năm 1975 tưởng như đem lại cho các nhà chiến lược Trung Hoa một cơn ác mộng về Việt Nam. Một nước Việt Nam mạnh và thống nhất là một sự thách thức ở phía Nam Trung Hoa, đồng bọn với kẻ thù cay đắng ở phía Bắc.

Sự sụp đổ quyền lực bi thảm của Mỹ ở Việt Nam - biểu tượng bằng hình ảnh đại sứ Mỹ ở Phnom Penh, John Gunther Dean đầu lá cờ Mỹ trong bọc nylon và những chiếc trực thăng bị xô xuống biển để rộng bãi đáp trên các chiến hạm Mỹ sau khi triệt thoái khỏi Saigon, nay là lúc Bắc Kinh phải đối đầu với Liên Xô “đế quốc xã hội chủ nghĩa” đang mở rộng ảnh hưởng ở châu Á. Từ sau chuyến viếng thăm Bắc Kinh của Nixon, sự hiện diện của Mỹ trông có vẻ ôn hòa. Tuy nhiên, Đài Loan là một ngoại lệ. Bây giờ Trung Hoa lo lắng vì sự rút lui hốt hoảng của Mỹ khỏi vùng Đông Nam Á chỉ có lợi cho Moscow, - kẻ viện trợ quân sự chính yếu cho Việt Nam -, sẽ lấp vào khoảng trống sau khi Mỹ rút đi. Sau ngày 29 tháng Tư, sau chiến dịch “Văng lai phong” nhằm đưa hết những người Mỹ ra khỏi Việt Nam, đề mục chính của tin tức ngoại giao trong bản tin thế giới của Tân Hoa Xã là sự thao lược của hải quân Liên Xô. Sau khi nói rằng hải quân Liên Xô hiện diện nhiều nơi khác nhau trên khắp thế giới, bao gồm cả việc “hãng hái thâm nhập vào eo biển Malacca” ở phía nam Việt Nam. Hãng thông tấn này bày tỏ việc “tập trận sau cùng của hải quân Liên Xô đạt tới mức độ nghiêm trọng nhất” chống lại hiểm nguy do sự xâm lược và bành trướng của “đế quốc xã hội chủ nghĩa.”

Chủ tịch Mao, Chu Đức và Chu Ân Lai dĩ nhiên gửi lời chúc mừng Hà Nội về “ngọn triều vui sướng” này nhưng họ cũng chỉ rõ rằng chiến thắng của nhân dân Việt Nam cũng là một biểu lộ khác của cuộc chiến tranh nhân dân đang ngấm ngấm, một khái niệm về sự khởi thủy và thực hiện ở Trung Hoa trước kia. Bài bình luận trên tờ Nhân Dân Nhật Báo ngày 1 tháng Năm cho thấy rõ cố gắng bác bỏ bất cứ vai trò nào của Liên Xô trong chiến thắng của Việt Nam. Tờ báo viết: “Chiến thắng của nhân dân Việt Nam thêm một lần nữa được chứng tỏ rằng yếu tố quyết định cho sự thắng bại là nhân dân và sự ủng hộ của họ, không phải do vũ khí”. Nói cách khác, không phải nhờ xe tăng và hỏa tiễn Liên Xô được đưa vào Việt Nam mà thành công. Đó là sự ủng hộ của nhân dân.

Những lời cảnh cáo công khai như thế rất cần thiết vì Bắc Kinh nghi ngờ những phần tử xét lại Việt Nam có thể đang bị cám dỗ bởi những viện trợ rất có hiệu quả của Liên Xô và ngược lại Việt Nam sẽ dành cho Liên Xô các căn cứ quân sự. Trung Hoa ghi nhận và theo dõi đại biểu quân sự Liên Xô đến Hà Nội chỉ một tuần sau khi Saigon sụp đổ và hàng loạt tàu Liên Xô đến

các hải cảng Việt Nam. Chỉ 3 tuần sau khi Cộng Sản VN chiếm miền Nam, Trung Hoa, lần đầu tiên cảnh cáo bằng cách nói với đoàn đại biểu Nhật Bản là Liên Xô đã yêu cầu Chính phủ Cách mạng Lâm thời miền Nam VN để cho họ sử dụng các căn cứ cũ của Mỹ ở miền Nam.

Tháng Bảy năm 1975, tôi hỏi Ngô Điền, một nhà ngoại giao hòa nhã giữ nhiệm vụ báo chí trong Bộ Ngoại Giao (Sau này là đại sứ ở Kampuchia) quả thật Liên Xô có đòi sử dụng những căn cứ này hay không. Tuồng như ông ta hết sức bất bình. “Ông có nghĩ rằng Liên Xô có thể đòi những điều như thế ở đất nước chúng tôi hay không?” Rồi ông ta không cần câu trả lời, nói tiếp: “Trước khi ông hỏi bạn ông một câu gì, ông phải hiểu là bạn ông sẽ nghĩ như thế nào về câu hỏi đó. Làm sao Liên Xô có thể đòi những “căn cứ” như thế được? - sặc mùi đế quốc.” Tuy nhiên, ông ta nói thêm rằng, quả thật tàu bè Liên Xô có sử dụng những tiện nghi ở vịnh Cam Ranh, giống như tàu bè của tất cả các nước anh em khác. Mấy năm sau tôi khám phá rằng, phát biểu của Điền chỉ là cái bưng, một trò chơi chữ. Sáu năm sau 1975, các nhà ngoại giao Việt Nam có nói với tôi rằng quả thật thời kỳ đó Liên Xô có gây sức ép để sử dụng các căn cứ quân sự cũ nhưng thất bại - thêm bốn năm nữa họ mới được những gì yêu cầu khi Việt Nam đã lún sâu vào cuộc chiến tranh với Trung Hoa.

Ngay cả việc nếu như không có căn cứ quân sự Liên Xô ở nam Việt nam, Trung Hoa lo lắng cái gì sẽ xảy ra khi cán cân quyền lực ở Đông Nam Á không còn cân bằng vì với số lượng to lớn chiến lợi phẩm lấy được ở Miền Nam, Hà Nội có sức mạnh vượt trội lên, theo đúng ngôn ngữ của nó, sẵn sàng nắm lấy vai trò cách mạng tiên phong ở khu vực này. Hầu như muốn chọc quê những lời cảnh cáo của Trung Hoa vì mối nguy hiểm do Liên Xô thay thế khoảng trống Mỹ ở Đông Nam Á, báo Nhân Dân số ra ngày 21 tháng Năm hân hoan với sự sụp đổ tuyến phòng ngự của Mỹ ở Đông Nam Á. Bài báo viết: “Một thời kỳ làm nên thắng lợi của nhân dân Việt Nam, đã góp phần đem lại sự thay đổi quan trọng trong cán cân quyền lực thế giới... Nhân dân trong vùng này có điều kiện dễ dàng để loại bỏ phụ thuộc của họ vào đế quốc tư bản...” Nhìn từ hướng Bắc Kinh, điều đó cũng giống như Hà Nội đòi giành lấy vai trò lãnh đạo cách mạng Đông Nam Á. Tôi đã nghĩ thấy cung cách thỏa mãn của Hà Nội trong chuyến viếng thăm ở đây vào mùa hè năm 1975. Nó là một thành phố không phải lờm chờm đầy những họng súng hay các bích chương kêu gọi cách mạng toàn thế giới. Hà Nội vui mừng một cách thâm lặng. So với sự căng thẳng, ồn ào, và hỗn độn của Saigon mà tôi đã bỏ lại đằng sau, thủ đô phía Bắc là một sự tìm tòi mâu thuẫn. Hà Nội thay đổi chút ít từ khi Pháp rời Đông Dương 21 năm trước. Thành phố có cái già cỗi đáng yêu: Những đại lộ có những hàng cây bóng rợp, và những mặt hồ yên ả. Những con đường lặng im chỉ bị khuấy động một chút bởi những âm thanh nhẹ nhàng của xe đạp đang chạy. Hà Nội có vẻ tin tưởng trong không khí lặng im. Nói chuyện với tôi trong ngôi nhà của bộ ngoại giao xây theo kiểu Pháp, Ngô Điền đọc cho tôi nghe một bài thơ làm hồi thế kỷ 15 sau khi quân nhà Minh bị đánh đuổi ra khỏi Việt Nam:

*Đánh một trận sạch không kình ngạc,*

*Đánh hai trận tan tác chim muông*

... .. ,

*Giangson từ đây mở mặt,*

*Xã tắc từ đây vững bền*

(Bình Ngô đại cáo - người dịch)

Người Việt Nam vẫn còn sừng sốt với chiến công của họ. Trong suốt những ngày chiến tranh đen tối, khi B-52 rải thảm ở phía Bắc, hàng ngàn thanh niên rời bỏ quê hương đi Nam chiến đấu không bao giờ trở lại, chỉ có một ít hy vọng sống sót để thấy chiến thắng ở thành phố Hồ Chí Minh như họ tiên đoán. Sau khi vượt qua được những thử thách ghê gớm và đánh bại kẻ thù hùng

manh nhất thế giới, với họ, mọi việc tuồng như có thể làm được. Giờ đây, Việt Nam sẵn sàng góp mặt với thế giới, đứng thẳng lên cùng bè bạn và kẻ thù, bày tỏ ý kiến của mình.

Một Trung Hoa lo lắng, nắm lấy cơ hội kỷ niệm ba mươi năm của Bắc Việt để bày tỏ quan tâm về vai trò lãnh đạo của Việt Nam. Họ gọi một thành viên Bộ Chính trị, tướng Chen Xilian tham dự buổi lễ tổ chức tại Hà Nội. Chen, người to lớn, đang giữ chức Tư lệnh Quân khu Bắc Kinh, năm 1969, chỉ huy lực lượng quân sự Trung Hoa trong chiến tranh với Liên Xô dọc theo biên giới Nga Hoa và hiện ở trong cương vị có thể cảnh cáo Hà Nội về những nguy hiểm do Liên Xô tạo ra ở châu Á. Phát biểu trong một buổi lễ tại nhà máy thép Thái Nguyên do Trung Hoa xây dựng, bị đánh bom trong chiến tranh, nay cũng do Trung Hoa giúp tái tạo, ông ta ca ngợi cuộc đấu tranh “chống bá quyền” (một danh từ Trung Hoa thường dùng để ám chỉ chống Liên Xô). Ông ta cảnh cáo “âm mưu của siêu cường nhằm mục tiêu bá quyền” - có nghĩa là Liên Xô cố lấp chỗ trống của Mỹ, đang tạo ra nhiều điều ghê gớm và đe dọa gia tăng chiến tranh. Khi Chen đến Hà Nội vào ngày 31 tháng Tám, thủ tướng Phạm Văn Đồng bước lên cầu thang máy bay ôm hôn thăm thiết - theo truyền thống những ngày đoàn kết chiến đấu. Nhưng giới báo chí Hà Nội đón tiếp không lịch sự nhằm bày tỏ tính cách độc lập của họ. Họ loại bỏ những điều Chen nói tới bá quyền trong các bài phóng sự. Không bỏ lỡ cơ hội phê bình quan điểm của Trung Hoa, đài phát thanh Moscow phê bình Chen là “khiếm nhã và khiêu khích chính trị”. Bản tin đó nói rằng “Nhân dân Việt Nam biết phân biệt bạn và thù”, và họ ý thức được “sự giúp đỡ vô giá và vô vị lợi từ Moscow.”

Sự đấu đá công khai giữa Moscow và Bắc Kinh về lòng trung thành của Hà Nội chẳng đem lại điều tốt lành nào cho chính sách của Việt Nam để leo lái cuộc tranh chấp của các bậc đàn anh trong khi Hà Nội đang mong họ giúp đỡ. Ngày 22 tháng Chín, Lê Duẩn và Lê Thanh Nghị đi Bắc kinh để cảm ơn và cầu viện. Rõ ràng đây là một thử thách về tài khéo léo của Việt Nam. Hôm trước lúc lên đường, một bản tường trình từ Bắc Kinh báo cho biết trước những gì các nhà lãnh đạo Bắc Kinh muốn nghe Lê Duẩn trình bày. Sau khi họp với Mao và Đặng, cựu thủ tướng Anh Edward Heath nói với báo chí rằng Moscow đã “quá lạm” trong việc đòi hỏi xử dụng các căn cứ quân sự ở Việt Nam. Nhưng ông ta cũng nói rằng Trung Hoa không nghĩ rằng Liên Xô sẽ thành công trong việc vận dụng ảnh hưởng dài lâu với Việt Nam, cũng không thể tiến tới việc thiết lập căn cứ quân sự ở đây. Qua ông Heath, Trung Hoa đưa ra những dấu hiệu rõ với Hà Nội, không phải cho tới bây giờ, khi Duẩn trấn an Trung Hoa thì sự lạc quan mới thấy rõ.

## Chẳng có thì giờ để tiệc tùng

Dù việc đón tiếp Lê Duẩn không hào nhoáng như lần đón Khiêu Samphan và Ieng Sary đến Bắc Kinh một tháng trước đó, nhưng cũng nồng ấm. Sau khi Đặng Tiểu Bình và một số lãnh tụ cao cấp ra đón tại cầu thang máy bay, Duẩn duyệt qua hàng quân danh dự quân Giải phóng Nhân dân Trung Hoa, các em bé nhảy múa và tặng hoa. Đặng, 71 tuổi, người một thời bị Hồng Vệ Binh chửi là “tên đầu sỏ” đi theo chủ nghĩa tư bản và phải chịu bốn năm làm công việc chùi quét các hội trường, năm 1973 được Chu Ân Lai phục hồi. Đón Lê Duẩn lần này là lần xuất hiện công khai cuối cùng của Đặng trước khi sự nghiệp chính trị của ông ta lại chìm xuống một lần nữa. Quảng trường Thiên An Môn ở Bắc Kinh treo đầy đèn vàng đỏ, cờ và biểu ngữ hoan hô tình hữu nghị. Tuy nhiên, bầu không khí đó chùng xuống khi Đặng, trong buổi tiệc chào đón, đọc một bài diễn văn “thuyết giảng” về sự xấu xa của “chủ nghĩa bá quyền.” Nói tới tình hữu nghị của Việt Nam và Liên Xô, Đặng tránh không nói trực tiếp Liên Xô, nhưng gọi chung là siêu cường. “Các siêu cường là những tên đàn áp bóc lột quốc tế lớn nhất hiện nay.” Đặng nhắc nhở phái đoàn Duẩn như thế. Rồi, hơi kín đáo một chút, Đặng kêu gọi Việt Nam (CS) cùng Trung Hoa chống lại Liên Xô. Đặng nói: “Càng lúc càng rõ, bây giờ nhân dân thấy rằng trận chiến chống

siêu cường bá quyền là con đường sinh tử mà nhân dân mọi nước đang phải đối đầu.” Đặng chỉ ra rằng thời gian đã thay đổi, và khi nói tới Trung Hoa và Việt Nam, Đặng không dùng thành ngữ cũ - “như môi với răng” - nhưng lại theo cung cách dịch vụ là “tình láng giềng xã hội chủ nghĩa anh em”, Đặng lưu ý Duẫn rằng bảo tồn và phát triển tinh hữu nghị là quyền lợi căn bản.

Duẫn đã từng tham dự nhiều bữa tiệc có trang hoàng lộng lẫy ở Đại Sảnh Đường Nhân Dân Trung Hoa. Tuy nhiên, đây là lần đầu tiên Duẫn đến Bắc Kinh không chỉ đơn giản để xin viện trợ mà còn xác quyết vị trí đoàn kết và độc lập của Việt Nam. Duẫn không hết lời ca ngợi sự thành công của Trung Hoa trong công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa, “tình cảm nồng nàn và lòng biết ơn sâu sắc” đối với sự giúp đỡ của Trung Hoa, nhưng bằng phương cách lịch sự, Duẫn gạt bỏ quan điểm của Trung Hoa đối với thế giới. Dẫn ra rằng chiến thắng của Việt Nam (CS) chẳng thể có được nếu không có “nhiệt tình và sự giúp đỡ to lớn và giá trị” của các nước xã hội chủ nghĩa anh em - có nghĩa là Liên Xô - Duẫn nói tiếp: “Với lý do đó, thắng lợi này là thắng lợi chung của những lực lượng xã hội chủ nghĩa, độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình trong cuộc chiến đấu chung chống lại chủ nghĩa đế quốc, chống lại đế quốc Mỹ cũng như bọn đầu sỏ”. Duẫn nói Việt Nam sẽ không bắt tay với Trung Hoa trong phong trào chống Liên Xô. Tuy nhiên, mặc dù có sự dị biệt về chính trị này, Duẫn cũng yêu cầu Trung Hoa viện trợ. Duẫn nhắc lại cho chủ nhà hay rằng “Nhân dân Việt Nam minh xác, trong giai đoạn mới, cũng như trong quá khứ, họ vui mừng đón nhận sự giúp đỡ nồng nàn và to lớn cũng như viện trợ của Trung Hoa.” Tại Hà Nội, bản tin của cơ quan thông tấn xã Việt Nam cắt bỏ phần nói tới siêu cường bá quyền trong bài diễn văn của Đặng.

Việc Duẫn từ chối, không quan tâm đến đề nghị của Trung Hoa có nghĩa là tạo khó khăn cho việc viện trợ từ phía Bắc Kinh. Năm tuần lễ trước khi Lê Duẫn lên đường đi Trung Hoa, Lê Thanh Nghị, người được Trung Hoa gán cho biệt danh là “tên ăn mày” vì Nghị thường đến Bắc Kinh để xin viện trợ, cũng đã đến Bắc Kinh để xin giúp đỡ. Hồi tháng Sáu năm 1973, Chu Ân Lai đề nghị Duẫn ngưng chiến ở miền Nam trong vòng 2 năm và hứa viện trợ cho Việt Nam (Bắc Việt) thêm năm năm nữa. Nhưng ngày 13 tháng Tám năm 1975, khi Nghị đến thăm Chu Ân Lai lúc đó đã gần chết, Nghị nghe giọng nói của Chu đã khác đi. Theo tờ “Peking Review” số phát hành sau đó, Chu nói với khách Việt Nam rằng “Trong chiến tranh, khi bạn hết sức cần viện trợ, chúng tôi phải lấy nhiều thứ trong quân đội chúng tôi để giúp bạn. Chúng tôi phải hết sức cố gắng để giúp bạn. Số lượng chúng tôi giúp Việt Nam đứng vào hàng đầu trong số chúng tôi viện trợ cho các nước khác. Bạn hãy để cho chúng tôi nghỉ ngơi và lấy lại sức.”

Bây giờ, Duẫn thấy nhà lãnh đạo Trung Hoa cương quyết chấm dứt mọi viện trợ dù đã được chuẩn nhận, cả viện trợ lương thực như đã hứa trước kia. Họ (TH) nói, bây giờ chiến tranh đã qua rồi, Việt Nam phải tự nuôi mình. Trong suốt cuộc họp với Mao, Nghị cố gắng nhún nhường nói với Mao “Không có Trung Hoa là hậu phương lớn của chúng tôi, không có sự giúp đỡ của các “đồng chí”, không có sự giúp đỡ của Chủ tịch, chúng tôi không thể thành công... Chúng tôi luôn luôn nói rằng chính là Trung Hoa, không phải Liên Xô, có thể viện trợ cho chúng tôi những món hàng trực tiếp nhất và hữu ích nhất, ở những giờ phút khó khăn nhất khi số mạng chúng tôi treo bằng sợi tóc...” Những lời nịnh hót như thế cũng chẳng đem lại lợi ích gì ngoài vài món nợ không lời tài trợ cho Việt Nam nhập cảng dầu và hàng tiêu dùng. Có điều rõ là Bắc Kinh chưa gạch sô Việt Nam, đóng sập cửa lại vì vấn đề Hoàng Sa và Trường Sa. Trong khi nói chuyện với Lê Duẫn ngày 24 tháng Chín, Đặng không dùng lối tuyên truyền như “những hòn đảo này là vùng đất thánh của Trung Hoa” và vì vậy, không thể thương thuyết. Đặng chỉ nói rằng việc giải quyết các hòn đảo này phải qua thương nghị.

Tuy nhiên, sự khác biệt về chính trị của hai bên vẫn còn quá lớn và việc từ khước của Duẫn đã tạo khó khăn cho ông ta khi ký bản thông cáo chung. Không những Duẫn từ khước ký thông cáo chung - như trong chuyến viếng thăm chính thức năm 1973 - Duẫn còn hủy bỏ buổi tiếp tân, theo nghi lễ, mời lại nước chủ nhà. Đó là điều sau này một viên chức Trung Hoa cho là

“Một hành động khác thường của người lãnh đạo đảng anh em.” Ngày 25 tháng Chín Duẫn ghé Thiên Tân bằng tàu lửa rồi lên đường về Việt Nam. Sau chiến tranh họ đã có hành động sĩ nhục Bắc Kinh.

Một tháng sau lại có một hành động sĩ nhục khác khi Duẫn đi Moscow để nhận viện trợ theo như hứa hẹn là viện trợ lâu dài và ký một thông cáo chung thừa nhận vị trí chính trị của Liên Xô ở ngoại quốc. Sau đó, một quan chức Trung Hoa nói với tôi là thông cáo chung Xô Việt ngày 30 tháng Mười là “Việt Nam đầu hàng chủ nghĩa bá quyền.”

Sự phát triển bên trong Việt Nam tuồng như củng cố mối sợ hãi của Trung Hoa. Mặc dầu Trung Hoa có hứa miệng mục tiêu tái thống nhất Việt Nam, nhưng nghi ngại về một viễn tượng thống nhất chính trị và cai trị của hai miền Việt Nam, thay đổi một cách có hiệu quả sự cân bằng ở Đông Dương. Trong điện văn chúc mừng Việt Nam chiến thắng, Bắc Kinh chua chát ám chỉ mối quan tâm này: “Chúng tôi chân thành mong muốn nhân dân Miền Nam VN sẽ không ngừng gạt hái thắng lợi to lớn và mới mẻ hơn nữa trong công cuộc tiếp tục đấu tranh thực hiện cách mạng dân tộc và dân chủ”. Theo cách thường nói thì chiến thắng của Miền Nam VN chính là do nhân dân Miền Nam chứ không do xe tăng và binh lính Bắc Việt. Trung Hoa nói rõ điều này là có ý ly cách Miền Nam ra khỏi Bắc Việt.

Trong vài tháng đầu sau khi chiếm miền Nam. Các nhà lãnh đạo CS gây ra một ấn tượng cho rằng ít ra cũng phải 5 năm, miền Nam sẽ giữ một hệ thống kinh tế và xã hội khác biệt trước khi thống nhất với miền Bắc. Trong bài diễn văn mừng thắng lợi ngày 19 tháng Năm, Lê Duẫn tuyên bố miền Nam sẽ xây dựng một “Chế độ nhà nước dân chủ” - theo ngôn ngữ Mácxít, thân xã hội chủ nghĩa - Chính phủ Cách Mạng Lâm thời Miền Nam Việt Nam cũng xin gia nhập - như một thành viên riêng rẽ - vào Liên Hợp Quốc. Nhưng sau sáu tháng điều hành công việc ở Miền Nam, những người lãnh đạo đảng CS Việt Nam thấy rằng sự trì hoãn thống nhất là một điều bất lợi. Trong khi hủy bỏ một cách mau lẹ hệ thống tư bản ở Miền Nam, có thể tạo ra những bất ổn và đối kháng. Duy trì hệ thống kinh tế tự do trong khi không có đủ cán bộ có khả năng có thể tạo ra tình trạng xáo trộn, và nghiêm trọng hơn, tăng cường khuynh hướng tách rời miền Nam. Các nhà lãnh đạo CS Việt Nam (Hà Nội) cũng lo sợ Bắc Kinh trực tiếp với Cộng Sản Miền Nam xuyên qua thiếu số Hoa Kiều ở Chợ Lớn và mối quan hệ chặt chẽ của Trung Hoa đối Kampuchia. Thật ra, Trung Hoa cũng rất nhạy bén trong việc miền Nam tồn tại riêng rẽ với Bắc VN, tạo ra tranh luận trong việc thống nhất Việt Nam mau chóng. Điều đó chỉ làm nổi bật mưu mẹo của Trung Hoa.

Bằng một hành động đáng kinh ngạc, đài phát thanh Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, hôm 9 tháng Mười Một, cùng lúc thông báo trì hoãn “Hội nghị Hiệp thương” Nam Bắc chuẩn bị tái thống nhất, trong khi đã có quyết định sẽ họp trong vài tuần tới. Trung Hoa rõ ràng đã vắng mặt thì nay lại đưa ra lời chúc mừng Hà Nội.

Sự tức giận của Trung Hoa gia tăng khi Việt Nam (CS) tuyên bố ngày 24 tháng Mười Một sau khi “Hội nghị Hiệp thương” họp ba ngày ở thành phố Hồ Chí Minh, kết thúc hội nghị này của họ. Trung Hoa lên tiếng về vấn đề quần đảo Trường Sa, do Hà Nội dùng lực lượng “giải phóng” hồi tháng Tư. Một bài bình luận dài trên tờ Quang Minh nhật báo (Guangming daily) của Trung Hoa xác nhận quyền sở hữu từ xưa của Trung Hoa. Khác với thái độ của Đặng hồi tháng Chín, nói rằng vấn đề các quần đảo có thể thương thuyết, tờ báo này bây giờ lại tuyên bố đó là vùng “đất thánh của Trung Hoa”. Tờ báo tuyên bố một cách đáng ngại rằng: “Tất cả những hòn đảo thuộc về Trung Hoa phải được nằm trong vòng tay của đất mẹ.”

Không nản lòng trước đe dọa gay gắt của Trung Hoa, Hà Nội tiến hành việc củng cố kiểm soát toàn miền Nam, bao gồm cả một triệu rưỡi Hoa Kiều. Tháng Hai năm 1976, trong khi chuẩn bị tổng tuyển cử, việc kiểm tra dân số được thực hiện, qua đó, người dân phải khai rõ quốc tịch của mình. Việc khai lý lịch có thể bị tước mất quyền công dân, bao gồm cả khẩu phần lương thực, một số rất đông người Trung Hoa ở miền Nam phải nhập Việt tịch.

Đối với Bắc Kinh, đây là sự vi phạm không chỉ thỏa ước miệng năm 1955 giữa Trung Hoa và Bắc Việt Nam cho phép trú dân Trung Hoa được “tình nguyện” nhập Việt tịch, đó cũng là một chính sách tương tự của Mặt trận Giải phóng Miền Nam VN. Trung Hoa phản kháng cái gọi là “cưỡng bức quốc tịch” đối với Hoa Kiều ở Việt Nam. Có ba cuộc họp để thảo luận về việc này hồi tháng Hai và tháng Tư/ 1976 nhưng không có kết quả. Ba năm sau, Nguyễn Trọng Vinh, đại sứ Việt Nam (CS) ở Bắc Kinh giải thích cho tôi: “Không có cái gọi là “tình nguyện” trong thỏa hiệp 1955”. Hai năm sau, sự kiện Hà Nội đối xử với Hoa Kiều như trên châm ngòi cho cuộc đụng độ Hoa Việt.

Cùng thời gian Việt Nam (CS) kiểm tra dân số và chuẩn bị bầu cử thống nhất đất nước, Hà Nội cũng cố gắng tăng cường vị thế của họ ở Đông Dương bằng cách lôi kéo Lào vào một liên minh chặt chẽ hơn để thảo luận với Kampuchia về vấn đề lãnh thổ. Những người lãnh đạo ở Hà Nội quyết định thống nhất chính quyền, thực hiện các kế hoạch nội bộ, thắt chặt hơn nữa mối giây liên kết với các nước láng giềng. Đó là những điều kiện chính yếu để bắt tay vào một nhiệm vụ to lớn là xây dựng đất nước bị tàn phá vì chiến tranh và đem lại những cải cách xã hội xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, mĩa mai thay, chính sách này đã làm cho Việt Nam cùng một lúc đối đầu với hai kẻ thù là Trung Hoa và Kampuchia trong mục tiêu chung. Trong khi cả Trung Hoa và Kampuchia đều có lý lẽ riêng của chính họ để tranh cãi với Việt Nam, họ thống nhất sức chống đối để chống Việt Nam mới nổi lên thành một sức mạnh có thể cai trị toàn Đông Dương.

Dù chủ ý hay tình cờ, hai ngày sau khi thỏa ước quân sự Trung Hoa và Kampuchia ký ở Phnom Pênh, Việt Nam bước đầu thúc đẩy thành lập một Liên minh Đông Dương. Thủ tướng Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và cũng là tổng bí thư đảng Nhân Dân Cách Mạng Lào (LPRP) Kaysone Phomvihane, một liên minh lâu năm với Việt Nam tới Hà Nội thực hiện cuộc viếng thăm chính thức. Một bản thông cáo chung được ký giữa Kaysone và Duẩn hôm 12 tháng Hai/ 1976, tuyên bố mối “quan hệ đặc biệt” tồn tại giữa hai nước nhằm hợp tác lâu dài và viện trợ hỗ tương, cũng như phối hợp hành động chống lại “chủ nghĩa đế quốc và bọn phản cách mạng.” Bản thông cáo chung cũng hứa hẹn “gia tăng đoàn kết giữa Lào, Kampuchia và Việt Nam.” Ý định của Việt Nam “nhằm bảo đảm rằng Lào trước hết, sẽ đi theo hướng Việt Nam.” Một quan sát viên sau này nói với tôi như vậy. “Việc sử dụng thành ngữ “quan hệ đặc biệt” nhằm cảnh cáo Trung Hoa và Kampuchia là Hà Nội sẽ không tha thứ Kampuchia liên minh với Trung Hoa để chống Việt Nam.”

Về phía Bắc Kinh, chẳng có phản ứng tức khắc nào đối với việc đưa ra câu “quan hệ đặc biệt”. Vài tuần sau, khi Việt Nam tung bừng tổ chức kỷ niệm một năm “giải phóng” miền Nam, Bắc Kinh đón tiếp dịp này với một vẻ yên lặng khó chịu. Chẳng có bài bình luận nào trên tờ Nhân Dân Nhật Báo, chẳng có điện văn chúc mừng gửi tới cho các nhà lãnh đạo ở Hà Nội.

Phnom Pênh cũng vậy, họ tránh những lời bình luận công khai trong dịp này. Tuy nhiên, người ta có thể ước lượng được sức chống đối của Khmer Đỏ về “quan hệ đặc biệt” từ giai thoại được quốc trưởng Kampuchia cũng nhà lãnh đạo Mặt Trận Đoàn Kết Quốc gia Kanpuchia, thái tử Norodon Sihanouk kể lại trong hồi ký của ông “La calice jusqu'à la vie”, rằng suốt tháng Chín/ 1975 khi thăm viếng Hà Nội, nhân dịp kỷ niệm 30 Bắc Việt Nam. Sihanouk và Khiêu Samphan gặp thủ tướng Phạm Văn Đồng. Đồng mời “ăn cơm gia đình” với người Việt Nam, thành viên Chính phủ Cách mạng Lâm thời Miền Nam VN, (PRG) và các nhà lãnh đạo Lào lúc ấy cũng có mặt ở Hà Nội. Trước sự kinh ngạc và hoảng hốt của Sihanouk, Samphan lạnh lùng từ chối, nói rằng Kampuchia thích bữa ăn tối tổ chức giữa hai đảng. Sau này, Samphan giải thích với thái tử: “Chúng ta sẽ không bao giờ rơi vào cái bẫy sập của Việt Nam, những người muốn cai trị Kampuchia của chúng ta và nuốt trọn toàn bộ Liên Bang Đông Dương. Cái ý một buổi ăn tối như thế quả thật là rất nguy hiểm.”

Ông ngáo ộp về một Liên Bang Đông Dương mà đảng Cộng Sản Đông Dương muốn dựng lên từ thập niên 1930 đã ám ảnh người Khmer. Ngày 17 tháng Tư, kỷ niệm một năm “giải

phóng” Kampuchia, Ieng Sary, cũng bị ám ảnh mỗi “quan hệ đặc biệt” như thế, nói rằng “Nhân dân chúng ta kiên quyết không cho nước ngoài chôn vùi nền độc lập, quyền cai trị và toàn vẹn lãnh thổ của Kampuchia.” Ám chỉ quân đội Việt Nam (CS) hiện diện ở Lào qua mỗi “quan hệ đặc biệt,” Sary nói: “Việc phòng vệ một quốc gia là bổn phận của chính nhân dân nước đó, và cách mạng chỉ hoàn thành do chính nhân dân và nền độc lập của đất nước.”

Mặc dù có những lời chỉ trích như vậy, đại sứ Việt Nam tại Phnom Pênh, Phạm Văn Ba, vận động Kampuchia chấp thuận đề nghị của Việt Nam mở một cuộc họp thượng đỉnh vào tháng Sáu. Trong khi đứng vững trên mặt chính trị, nước Kampuchia Dân Chủ vẫn tìm cách giải quyết vấn đề biên giới. Thực ra, về phía Phnom Pênh, thái độ của Việt Nam về cuộc thương thảo chủ quyền lãnh thổ là một thử nghiệm về lòng tốt của Hà Nội và vì vậy, phải có điều kiện tiên quyết chính yếu cho hội nghị thượng đỉnh.

Thứ trưởng bộ ngoại giao Việt Nam Phan Hiền, đến Phnom Pênh ngày 4 tháng Năm, thương thuyết trong hai tuần về vấn đề biên giới. Cuộc thương thảo tức thời gặp khó khăn khi Việt Nam đòi xử dụng bản đồ trước 1954 do Pháp ấn hành để vạch ranh giới, trong khi Kampuchia, dù chấp thuận dùng bản đồ này làm căn bản cho việc thảo luận, nhưng đòi quyền sửa đổi đường biên giới. Về sau, Ieng Sary giải thích: “Bản đồ của Pháp có lợi cho Việt Nam vì khi bản đồ ấy được vẽ ra, Nam Kỳ là thuộc địa Pháp. Nếu chúng tôi chấp thuận theo bản đồ ấy để vẽ biên giới thì Việt Nam sẽ chấp thuận đường phân ranh hải phận.”

Vấn đề không phải là hải phận do Pháp vẽ trong bản đồ. Năm 1939, đường ranh Brévié - được gọi theo tên Jules Brévié, toàn quyền Pháp ở Đông Dương - bao gồm luôn cả những hòn đảo nằm giữa Nam Kỳ và Kampuchia. Con đường này nhắm một góc 140 độ kể từ bờ biển giữa hai nước ra tới vịnh Xiêm La, nhưng xác định đảo Phú Quốc 1 dặm rưỡi nằm trong khu vực cai trị của Nam Kỳ là mục đích của chính quyền thực dân. Tuy nhiên, chính Brévié có nói thêm; “vấn đề chủ quyền những đảo này vẫn còn phải chờ.”

Trong cuộc thương thuyết giữa Kampuchia và Mặt Trận Giải Phóng năm 1966, lúc ấy Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam VN cần sự ủng hộ của thái tử Sihanouk, vì ông không phải là người đối lập, Việt Nam chấp thuận đường ranh Brévié. Trong cuộc phỏng vấn ở Paris hồi tháng Sáu năm 1977, (Khi cuộc họp của Phan Hiền hồi tháng năm trước đó còn giữ bí mật), tôi hỏi Hiền tại sao Hà Nội chấp thuận đường ranh Brévié thì ông ta trả lời: “Vâng, bởi vì khi chúng tôi chấp thuận đường ranh Brévié, chúng tôi không rõ lằn ranh hải phận, lục địa, v.v... những điều quái dị mới”. Rõ ràng là có sự ngụ ý từ khi có việc khai thác dầu lửa ngoài thềm lục địa vào thập niên 1970, Hà Nội phải nhìn lại hải phận của họ.

## Thời gian khó khăn cho một toán quay phim

Trong thời gian thương thảo ở Phnom Pênh, Phan Hiền đồng ý đặt vấn đề chủ quyền các hòn đảo căn bản theo đường ranh Brévié. Những đảo ở phía Bắc đường ranh này thì thuộc Kampuchia và đảo nào ở phía Nam thì thuộc Việt Nam, nhưng Hiền lại đề nghị vẽ lại đường ranh này. Về sau, Phnom Pênh tố cáo đề nghị của Việt Nam là nhằm giành một số lớn phần biên của Kampuchia. “Đối với người Khmer, rõ ràng bọn bành trướng Việt Nam muốn giành đất Kampuchia”. Cuộc thảo luận bị hoãn, rồi coi như chết từ đó, không họp lại. Cùng chiều hướng đó, hội nghị thượng đỉnh cũng chết luôn. Tuy nhiên, dù thất bại trên mặt thương thuyết, chưa bên nào đóng sầm cửa lại. Phan Hiền quay về Hà Nội, đem theo lời mời của Ieng Sary mời báo chí Việt Nam đến thăm nước Kampuchia Dân Chủ kín mít như bưng.

Tháng Bảy năm 1976, một đoàn đại biểu báo chí và truyền hình Việt Nam do Trần Thanh Xuân, phó giám đốc Việt Nam Thông Tấn xã dẫn đầu là đoàn báo chí ngoại quốc đầu tiên đến thăm Kampuchia. Xuân, 50 tuổi, lực lưỡng, đeo kiếng, được chọn vì Xuân có du học ở Pháp, biết

rõ Pol Pot và Ieng Sary và nhiều người khác sau khi ở Pháp về, trở thành các nhà lãnh đạo Cộng Sản Kampuchia. Pol Pot, con người bí mật, lý lịch thật vẫn còn là một vấn đề người ngoài đang tra cứu, xuất hiện từ bóng tối để cho Xuân phỏng vấn và chụp hình. Bốn năm sau, khi hồi tưởng cuộc gặp gỡ này, Xuân nói rằng Pol Pot vẫn còn duyên dáng, không chỉ là một người chủ nhà khả ái, mà còn là người Xuân phỏng vấn đầu tiên từ trước tới giờ. Pol Pot tỏ lòng cảm ơn của Kampuchia đối với bạn hữu và anh em Việt Nam về sự giúp đỡ trong quá khứ và nói rằng tình hữu nghị và đoàn kết giữa hai phía là “về vấn đề chiến lược và tình cảm thiêng liêng.”

Mục tiêu của Kampuchia mời báo chí Việt Nam - như Xuân giải thích trong cuộc phỏng vấn hồi tháng Giêng năm 1981 tại thành phố Hồ Chí Minh - chính vì sự phá hoại do các bản tường trình sai lạc tạo ra, sự chỉ trích của các đại sứ Tây phương đầu tiên đến thăm Kampuchia hồi tháng Ba. Pol Pot nghĩ rằng Việt Nam đúng là những nhà làm báo làm công việc này. Pol Pot cũng không sai lầm. Dù những người Việt Nam này hoàn toàn xúc động trước bối cảnh của đất nước Kampuchia, Hoàng Tùng, người có cặp mắt điều hâu đoan chắc rằng không một ấn tượng nào mà không được chất lọc trong bản tường trình của họ. “Đoàn quay phim của chúng tôi gặp phải nhiều khó khăn trong việc tìm cho ra những nụ cười của nông dân đang xây dựng đất nước. Trông họ hết sức cau có và buồn bã.” Xuân nhớ lại như thế. Chính Tùng cũng nhắc lại một câu trên tờ Nhân Dân và nói: “Trong khi các thành phố thì trống không, dân chúng đều làm việc ngoài đồng.” Tốt hơn là nên tập trung vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh do Lon Nol và Mỹ gây nên. Cuộc viếng thăm đầy những biểu tượng thảm khốc. Một năm sau, Tùng tiết lộ rằng Pol Pot có thái độ hiềm độc với ông ta bằng cách gởi biểu Tùng một món quà: Một con vật ăn thịt người, con cá sấu con. Thật ra, Pol Pot có nhiều biểu tượng trong trí khi chọn quà. Sau này, trong việc tuyên truyền của Khmer Đỏ, họ thường gọi Việt Nam là “những con cá sấu vong ơn.”

Vì sự quan hệ giữa Việt Nam với Trung Hoa và Kampuchia càng lúc càng căng thẳng, Hà Nội gia tăng thân hữu với thế giới không Cộng Sản. Trong những tháng ngay sau toàn thắng, Việt Nam (CS) huênh hoang thóa mạ những nước chống Cộng trong Hiệp hội Đông Nam Á (ASEAN) vì trong quá khứ, họ đã tán trợ đế quốc Mỹ, và yêu cầu tháo bỏ các căn cứ quân sự Mỹ ở Thái Lan và Philippines. Cuối năm 1975, Việt Nam thấy Trung Hoa ve vãn các nước ASEAN để chống lại Liên Xô và Việt Nam, đặc biệt là cố gắng của Bắc Kinh làm mối lái cho Thái Lan và Kampuchia. Chỉ một tháng sau khi Saigon sụp đổ, Trung Hoa bình thường hóa ngoại giao với Thái Lan. Tháng Mười/ 1975, trong khi Việt Nam (CS) chưa thiết lập ngoại giao với Thái Lan, thì Ieng Sary, nhờ Trung Hoa, thực hiện chuyến đi Bangkok bằng máy bay của Trung Hoa, để phá vỡ quan hệ băng giá giữa hai nước.

Trong khi Việt Nam tự thấy mình là “tiền đồn xã hội chủ nghĩa ở Đông Nam Á” và áp ủ một viễn tượng trở thành trung tâm cách mạng cho phong trào Cộng Sản ở khu vực này, các nhà lãnh đạo Cộng Sản Hà Nội có đủ tự hào để thấy rằng ưu tiên tối thượng của họ là xây dựng lại một nền kinh tế rách nát. Các phong trào đấu tranh cũng còn trong thời kỳ ấu trĩ, vì vậy, Hà Nội phải đương đầu với những chế độ mạnh. Bình thường hóa quan hệ với các nước láng giềng là cần thiết về cả hai mặt chính trị và kinh tế. Việt Nam không còn cơ hội để nhận viện trợ Tây phương nếu Hà Nội bị coi như kẻ quấy rối trong vùng.

## Sự im lặng khó chịu ở Bắc Kinh

Ngày Bảy tháng Năm, ba ngày sau khi thống nhất chính quyền Nam Bắc Việt Nam, trở thành nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, Hà Nội thông báo chương trình 4 điểm để thiết lập và phát triển “quan hệ hữu nghị và hợp tác trên nhiều lãnh vực” với các nước Đông Nam Á, đặt căn bản trên sự tôn trọng nền độc lập của nhau, không nước nào cho nước ngoài lập căn cứ



đề trực tiếp hay gián tiếp chống nhau, họ theo đuổi chính sách láng giềng tốt, phát triển hợp tác, “nhằm giữ cho mỗi quốc gia những điều kiện đặc biệt và vì nền độc lập, hòa bình và trung lập thật sự của Đông Nam Á.”

Một tuần sau, Phan Hiền đi thăm Philippines, Malaysia, Singapore, Indonesia và Miến Điện. Trong chuyến đi này, Hiền giải thích rằng trong quá khứ báo chí Hà Nội đã tấn công các nước Đông Nam Á bằng một luận điệu khéo léo. Hiền nói “Báo chí viết về cái gì họ cảm nhận, nhưng đó không phải là quan điểm của chính phủ.” Dù chẳng có nước nào nghĩ rằng Việt Nam (CS) tự phê phán mình, phản ứng của họ cũng chỉ là gặt đầu lịch sự. Mặc dù Singapore vẫn còn bi quan về ý muốn của Hà Nội trở thành một nước láng giềng tốt, Hiền cũng đã gây được ấn tượng với các nước khác rằng Việt Nam (CS) thành thật mong tìm thân hữu mặc dù có sự khác biệt về chủ nghĩa. Có nghĩa là Hà Nội bây giờ mỉm cười hơn là nạt nộ các nước ASEAN và bày tỏ sự khuây khỏa.

Một nhân vật hàng đầu của bộ ngoại giao Mã Lai, sau chuyến đi của Hiền tới Kuala Lumpur nói với tôi: “Chúng tôi có ấn tượng Việt Nam (CS) muốn giữ khoảng cách cân bằng giữa Moscow và Bắc Kinh.” Hiền nói với các viên chức Mã Lai là “Việt Nam (CS) chống lại bá quyền của các nước lớn. Và không ai được phép dùng căn cứ hải quân Cam Ranh.” Một viên chức Mã Lai nói: “Rõ ràng đó là lời bóng gió nói tới Liên Xô. Và cũng chẳng hay ho gì mà nói việc ấy với các nước không Cộng Sản.” Mã lai cũng tìm được một điều hay, chính là Liên Xô và các nhà ngoại giao Đông Âu hết sức mong muốn tìm ra những gì mà Hiền nói về họ. Có điều khôi hài là khi bay ngang vùng trời Trường Sa trên đường bay từ Manila tới Kuala Lumpur, Hiền chẳng nói bóng gió bất cứ vấn đề gì về Trung Hoa cả.

Tuy nhiên, Trung Hoa quan sát cố gắng của Việt Nam gặt hái tình bạn ở các nước Đông Nam Á trong sự im lặng khó chịu. Tân Hoa xã thường đưa tin những vấn đề quan trọng trong nội bộ và ngoại giao của Việt Nam, hoàn toàn không nói gì tới chuyến đi của Hiền. Vài ngày sau khi Hiền trở về Hà Nội, đài phát thanh Bắc Kinh phát đi một bài bình luận, lưu ý các nước ASEAN chống Liên Xô xâm nhập và bành trướng. Bài bình luận viết “Bao lâu nhân dân các nước Đông Nam Á đoàn kết như một, kiên trì chiến đấu, họ không chỉ đánh đuổi con cọp mà còn có thể thành công trong việc bảo vệ nền độc lập và cai trị của họ.”

Buổi phát thanh cho thấy không còn nghi ngờ gì về điều nói tới sự xâm nhập của Liên Xô. Dù Bắc Kinh lặp đi lặp lại việc lên án Việt Nam (CS), vài người Việt Nam trực tính không che dấu việc họ đứng về phía Liên Xô chống Trung Hoa. Trong cuộc phỏng vấn của nhà báo Thụy Điển Eric Pierre, hồi tháng Bảy, Hoàng Tùng nói: “Hiền nhiên là có lợi cho Liên Xô và Việt Nam trong việc giảm bớt ảnh hưởng của Trung Hoa tại vùng này.” Đây là một dấu ấn mà sau này các nhà lãnh đạo Trung Hoa nhắc Hà Nội nhớ rằng Việt Nam (CS) đã “làm đau nhức nhân dân Trung Hoa” như thế nào.

Mùa hè năm 1976, Trung Hoa cũng quá ưu tư về việc tranh giành quyền lực quốc tế chống lại chính sách ngoại giao của Việt Nam (CS) bằng đường lối tuyên truyền. Từ cuối 1973, bộ chính trị đảng Cộng Sản Trung Hoa chia rẽ sâu sắc: Một số đứng về phe thực tiễn của Chu Ân Lai, tìm cách loại bỏ sự đe dọa của Liên Xô bằng liên minh với Hoa Kỳ. Chống lại là nhóm cực đoan do Trương Xuân Kiêu và Vương Hồng Văn lãnh đạo. Họ chống lại cả hai siêu cường và kêu gọi một cuộc chiến đấu vũ trang toàn diện chống chủ nghĩa đế quốc. Cả hai nhóm đều tích cực ủng hộ Khmer Đỏ. Nhóm cực đoan dần dần giành ưu thế như nắm được tay Mao và sức chống cự của nhóm Chu suy yếu dần. Năm 1974-75, nhóm cực đoan thực hiện một cuộc tấn công thô bạo vào mối liên lạc với Mỹ và đã kích sự hòa dịu Liên Xô - Hoa Kỳ là nhờ vào chính sách của Chu Ân Lai.

Tháng Giêng 1976, Chu Ân Lai qua đời. Đặng Tiểu Bình, cánh tay mặt của Chu bị thanh trừng vào tháng Tư năm đó. Cán cân bây giờ đặt ưu thế cho nhóm cực đoan. Hoa Quốc Phong, một người Hồ Nam lực lưỡng, là thành viên của nhóm cực đoan củng cố được ngôi vị lãnh đạo.

Tuy nhiên đây không phải là chiến thắng quyết định. Rồi vào những giờ đầu tiên của ngày 9 tháng Chín, nhà trọng tài vĩ đại, Mao, biến mất khỏi chính trường. Bất thần số phận Trung Hoa cân bằng, cũng như cảnh ngộ của Trung Hoa với toàn thế giới. Cùng với 900 triệu người Trung Hoa, các nhà lãnh đạo trên toàn thế giới, và đặc biệt ở Moscow, Washington, Hà Nội, và Phnom Pênh, người ta hướng mắt về Bắc Kinh và chờ đợi.

## Thái tử Norodom Sihanouk: Kẻ chiến thắng

---

Tại ngôi nhà sang trọng trên đường Anti-Imperialism ở Bắc Kinh, thái tử Norodom Sihanouk được tin Phnom Pênh thất thủ. Một bản tin điện do một viên chức Bắc Kinh mang đến cho ông vào sáng hôm 17 tháng Tư/1975. Đồng minh của ông năm năm nay đang tiến vào thủ đô Kampuchia.

Tướng Lon Nol, bệnh bại liệt, người cầm đầu cuộc đảo chánh năm 1970 lật đổ Sihanouk đã lưu vong sang Hoa Kỳ. Những tên “phản bội” hợp tác với Lon Nol, hoặc trốn chạy, hoặc đầu hàng Khmer Đỏ. Chiến tranh chấm dứt. Canh bạc thái tử chơi hồi tháng Tư/1970 với kẻ thù lâu năm Cộng sản cũng trả xong rồi. Danh dự của ông được bảo tồn. Những tướng tá và chính trị gia phản động và tham lam tiền bạc đã đổ tên ông xuống bùn như sau cuộc đảo chánh, nay bị quăng vào thùng rác lịch sử. Người cha đẻ của nền độc lập Kampuchia không muốn chấm dứt sự nghiệp chính trị của mình bằng cuộc đời lưu vong của đảng quân vương. Ông ta cũng nhận biết đủ rằng chiến thắng của Khmer Đỏ cũng có nghĩa là chấm dứt vai trò của ông: Biểu tượng cho sự thống nhất và chính thống cuộc kháng chiến của nhân dân Khmer. Trong một cuộc phỏng vấn năm 1973, khi Khmer Đỏ không còn dùng ông ta nữa, thái tử Sihanouk nói: “Họ có thể nhổ phệt tôi như nhổ phệt hạt anh đào. Đó là sự biểu lộ nỗi sợ hãi chính đảng để nhắm trước những điều sau này sẽ phát triển thêm”. Khi lễ mừng chiến thắng ở Bắc Kinh đã qua và nhiều tuần lễ qua đi, chẳng có tin tức nào gọi Sihanouk trở về vùng giải phóng, Sihanouk bắt đầu lo lắng tự hỏi khi nào thì giờ phút kinh hoàng của đời ông sẽ đến.

Ông ta thúc dục đại diện Khmer Đỏ ở Bắc Kinh: “Cho tôi trở về Phnom Pênh. Nếu ông không muốn Sihanouk làm quốc trưởng thì đó là quyền ông. Tôi không muốn làm quốc trưởng nhưng tôi muốn sống ở Kampuchia, không muốn làm người lưu vong.” Người đại diện cho Khmer Đỏ nói: “Vâng, ông có thể về, nhưng không phải lúc này, lúc chúng tôi đang đối đầu với nhiều khó khăn”. Họ nói với ông ta: “Ngài không liên hệ gì đến những khó khăn này”. Rõ ràng Khmer Đỏ không muốn liêu lĩnh đưa ông hoàng lém lĩnh này về lại Kampuchia để ông xử dụng mảnh lời của ông trước nhân dân. Trong khi ông hoàng lo lắng chờ đợi thì Khmer Đỏ tiếp tục xua đuổi và phân tán dân ra khỏi hết mọi thành phố, những người dân mà họ cho là bị “tiêm nhiễm đế quốc và phản động”. Cuộc “cách mạng huy hoàng” bắt đầu.

Từ năm 1970, khi ông hoàng bị truất phế này liên minh với Khmer Đỏ, càng lúc ông càng thất vọng về vai trò của ông chỉ là một biểu tượng lãnh đạo lưu vong. Nhiều lần ông ta đòi về thăm khu du kích nhưng bị từ khước vì lý do an ninh. Uể lải làm ông hoàng 53 tuổi, nguyên là vua phật lòng nhất là sự giám sát liên tục của một người mà ông phải miễn cưỡng tiếp xúc. Đó là Ieng Sary, “người anh số 2 của Khmer Đỏ”, đại diện ở Bắc Kinh. Điều đó làm cho ông nhớ lại những “cố vấn” người Pháp, những người theo dõi từng bước chân của ông trong những năm ông làm vua bù nhìn cho thực dân Pháp ở Kampuchia. Trong chuyến viếng thăm Hà Nội năm 1973, Sihanouk suýt gây ra một sự cố ngoại giao khi ông ta tố giác Ieng Sary. Đại sứ Thụy Điển ở Hà Nội, Jean-Christophe Oberg, đến thăm ông tại nhà khách. Ông hoàng than phiền bằng giọng nói the thé: “Thưa ông đại sứ. Thằng Ieng Sary khả ố luôn luôn theo dõi tôi. Khi đi ra khỏi phòng này, nếu nhìn xuống chân màn, ông sẽ thấy cặp chân của nó. Hắn luôn luôn đứng đó để nghe lén.” Ông đại sứ luống cuống bước ra khỏi phòng, không dám nhìn xuống chân màn.

Tháng Ba/1973, Khmer Đỏ đã kiểm soát một vùng rộng lớn ở Kampuchia. Sau khi hiệp định Paris đã ký xong, ngăn cấm Mỹ ném bom ở Nam Việt Nam, đường mòn Hồ Chí Minh trở nên an toàn. Lần đầu tiên, Sihanouk được phép về thăm vùng giải phóng, trong nội địa Kampuchia. Chuyến đi ấy, dù có sự nâng đỡ tinh thần, ông ta thấy ông không còn thích hợp với Khmer Đỏ đang càng ngày càng mở rộng vùng kiểm soát của họ. Suốt trong chuyến đi, ông và vợ, bà hoàng Monique, bị các lãnh tụ Khmer Đỏ ngăn chặn. Họ kiểm soát một cách chặt chẽ, không cho ông và bà hoàng tiếp xúc trực tiếp với dân chúng. Tất cả những gì ông ta thấy chỉ là những khuôn mặt dữ dằn của người dân, đang nắm tay đưa cao tỏ rõ quyết tâm, và hô vang khẩu hiệu. Chẳng có cơ hội nào như ông thường làm trước kia, nhảy xổ vào đám đông, nắm vai, cầm tay người dân đang hô to “Samdec” (cha già dân tộc)

Chu Ân Lai là người bạn và cũng là người bảo vệ Sihanouk, chia xẻ với ông những mối lo lắng đối với bọn Khmer Đỏ cực đoan. Hồi đầu tháng Hai/1973, Chu Ân Lai nói với Kissinger: “Có khả năng Kampuchia bị nhuộm đỏ hoàn toàn. Nếu điều ấy xảy ra, sẽ tạo ra nhiều khó khăn lớn hơn. (10) Với Chu, giải pháp hay nhất là đưa Sihanouk về nắm quyền ở Kampuchia. Tuy nhiên, những cố gắng của Chu thuyết phục Hoa Kỳ để Hoa Kỳ nói với ông hoàng nên trở về bị thất bại. Cuối cùng, hai năm sau, khi Hoa Kỳ truất phế Lon Nol và yêu cầu thái tử trở về nước thì Khmer Đỏ hầu như đã hoàn toàn chiến thắng. Trưởng nhiệm sở liên lạc của Hoa Kỳ ở Bắc Kinh, George Bush, qua đại sứ Pháp, yêu cầu Sihanouk trở về lãnh đạo chính phủ trung lập ở Kampuchia. Ngày 11 tháng Tư, Hoa Kỳ đưa ra lời đề nghị chính thức, để Sihanouk trở về Phnom Pênh trên một chuyến bay của Trung Hoa và nắm quyền lãnh đạo đất nước. An ninh cho cá nhân Sihanouk được bảo đảm. Nhưng khi đó thì Khmer Đỏ đã ở ngoại ô thành phố Phnom Pênh. Ngay cả Chu Ân Lai cũng không đồng ý kế hoạch này. Sáng ngày 12 tháng Tư, đề nghị của Hoa Kỳ bị bác bỏ. Trong mấy tiếng đồng hồ, cuộc hành quân Phụng hoàng với chừng hai chục trực thăng của Hải quân Hoa Kỳ di tản các viên chức Mỹ với những người hợp tác với họ ở Phnom Pênh. Canh bạc đã qua. Nhớ lại việc này, Sihanouk nói với tôi: “Đúng là quá trễ.”

Không giống năm 1953, khi ông ta giành độc lập cho Kampuchia từ tay người Pháp, Sihanouk không còn ở vị thế quyết định thời gian và phương cách hoạt động nữa.

Tất cả sự khôn khéo mà ông ta học được trong ba mươi bốn năm trên ngai vàng tưởng như vô dụng. Năm 1941, Pháp chọn Sihanouk, 19 tuổi, hậu duệ dòng Norodom của hoàng gia, mà không chọn người bên dòng Sisowath đối lập vì Pháp tin rằng ông ta khéo léo hơn. Bà Decoux, vợ toàn quyền Pháp ở Đông Dương giải thích khi nhìn cậu học trò nhỏ: “Vì anh ta dễ thương, cậu nhỏ ấy”. Sihanouk được ông bà Toàn quyền mời dùng cơm trưa tại dinh Norodom ở Saigon.

Chỉ bao lâu ông hoàng tay chơi này ưa thích chính trị và bắt đầu vui hưởng ngôi báu. Ông ta khéo léo léo lái các đảng phái chính trị đòi Pháp trả quyền tự do và ông tự tạo cho mình vị thế người quốc gia. Từ một ông vua bù nhìn, ông trở thành người đứng đầu đòi độc lập cho Kampuchia. Trước mặt tổng thống Pháp Vincent Auriol và ngoại trưởng Mỹ Foster Dulles, ông ta nói rằng độc lập là vũ khí để chống Cộng sản, những người đang giương cao ngọn cờ chống thực dân. Ông ta xử dụng báo chí quốc tế và làm điệu bộ rất kịch như là tự nguyện lưu vong khỏi Kampuchia, gây khó khăn cho Pháp, giành được sự ủng hộ của Pháp cho ngôi vị mình. Cuối cùng, tháng 11 năm 1953, Pháp nhượng quyền độc lập để tăng cường sức mạnh chống Hồ Chí Minh, lãnh tụ Việt Minh.

Trong suốt 17 năm lèo lái Kampuchia, ông hoàng đã cai trị đất nước ông với đầy đủ lương tri nhất. Nhằm mục đích thực hiện toàn bộ quyền hạn của một người đứng đầu đất nước hơn là một vị quốc vương theo định chế, Sihanouk nhường ngôi cho vua cha năm 1960. Từ những bài viết trên báo cho tới những chương trình thủy lợi hay thiết lập những trung tâm y tế hương thôn, chẳng có việc nào nằm ngoài sự chăm chú của ông. Ông tự xưng là hữu phái hoặc cộng hòa, đối nghịch với Khmer Xanh hay tả phái Khmer Đỏ, cả hai đều bị lên án là những phần tử trung thành với những phần đất cũ của Kampuchia. Ông nhẫn tâm đánh đuổi Khmer Đỏ nhưng cũng cố gắng để họ hợp tác trong chính quyền của ông. Hồi đầu thập niên 1960, những lãnh tụ Khmer Đỏ như Khiêu Samphan, Hou-Youn và Hu-Nim là các bộ trưởng trong chính phủ ông. Bên trong, ông có hướng ngọn gió tả phái qua phía “Chủ nghĩa Xã Hội Phật giáo” nhãn hiệu từ bên ngoài gán cho, có tiếng là độc đoán và quá đòi hỏi vì thiếu những phần tử tốt và nhiều bọn theo đuôi. Bên ngoài, cố gắng của ông là nhằm duy trì nền độc lập và toàn vẹn của Kampuchia bằng hành động yếu ớt giữ cân bằng giữa các thế lực quốc tế. Tuy nhiên, khi chiến tranh Việt Nam gia tăng cường độ và những khó khăn nội bộ Kampuchia cũng gia tăng thì những viên chức cao cấp của Sihanouk bị giật giầy lật đổ ông.

Nhằm mục đích giúp đỡ Bắc Việt Nam, những người theo Sihanouk thấy trước rằng cuối cùng Hà Nội sẽ thắng và sẽ là một quốc gia hùng mạnh ở Đông Dương, ông đổi hướng trung lập, dành cho Hà Nội một vùng đất thánh dọc theo biên giới, và vận chuyển vũ khí qua những hải cảng ở Kampuchia. Những biến động do thói nát, điều hành sai lạc, và thiếu viện trợ Mỹ tạo nên nhiều bất mãn chính trị. Giận dữ vì sự hiện diện của người Việt làm bùng thêm ngọn lửa đang cháy, với sự ủng hộ ngầm ngấm của Mỹ, tướng Lon Nol lật đổ Sihanouk khi ông này trên đường từ Moscow về nước sau khi chữa bệnh ở Pháp. Do Việt Nam (BV) và Trung Hoa thúc đẩy, ông để danh nghĩa ông cho kháng chiến quân Kampuchia và cư trú tại Bắc Kinh.

Mùa hè năm 1975, ông ngạc nhiên tự hỏi không biết bao lâu nữa thì Bắc Kinh sẽ trở thành nơi cư trú thường trực của ông. Không có tiền chuyển lậu ra ngoại quốc, không giống như những nhà cai trị bị lật đổ khác, Sihanouk không có cách nào khác là đành phải nhờ vào sự giúp đỡ của hai nước Trung Hoa và Bắc Triều Tiên bạn hữu. Mao và Chu nói với ông muốn ở đây bao lâu cũng được. Chủ tịch Bắc Triều Tiên Kim Nhật Thành ra lệnh xây một lâu đài vĩ đại nhìn xuống hồ Chhang Sou On ở Bình Nhưỡng cho ông cư ngụ. Tháng 9/1975, Sihanouk đang ở Bình Nhưỡng thì phó Thủ tướng Chính phủ Liên hiệp Quốc gia Kampuchia (chính phủ lưu vong do Sihanouk thành lập có sự hợp tác của Khmer Đỏ, viết tắt theo tiếng Pháp là GRUNK -Royal Government National Union of Kampuchia-) Khiêu Samphan và Bộ trưởng thông tin Ieng Thirith (vợ của Ieng Sary) đến mời. Sihanouk nhớ lại Khiêu Samphan nói với ông: “Nay chúng tôi hết sức sẵn sàng đón chào Ngài. Bây giờ chúng tôi tạo đủ điều kiện trăm phần trăm Cộng sản. Chúng

tôi đã vượt qua Trung Hoa anh em. Với một bước nhảy vọt vĩ đại, chúng tôi có thể đạt tới mục đích của chủ nghĩa Cộng sản mà không cần kinh qua giai đoạn xã hội chủ nghĩa”. Điều ấy làm ông hết sức bối rối nhưng ông vẫn hồi hộp về việc trở về nước.

Họ cùng về Bắc Kinh bằng tàu lửa. Ở đây, một chiếc Boeing 707 của Trung Hoa đưa họ về Phnom Pênh. Trước khi rời Bắc Kinh, Sihanouk và Monique có Khiêu Samphan đi kèm, đến cáo biệt chủ tịch Mao và thủ tướng Chu. Run rẩy vì bệnh Parkinson, Mao, 82 tuổi, không nói được nhiều. Tuy nhiên, một trong những lời chỉ dẫn của ông sau đây là rõ ràng. Ông ta nói với Khiêu Samphan và Ieng Thirith “Xin vui lòng đừng đưa thái tử Sihanouk và vợ ông vào hợp tác xã.” Với Sihanouk, lời nói này chính là lời cứu mạng.

Bị bệnh ung thư tới thời kỳ chót, Chu chỉ còn là cái bóng của mình. Với giọng nói yếu ớt chỉ đủ nghe, ông năn nỉ Khiêu Samphan “Vui lòng tiến lên Cộng sản chủ nghĩa chậm chậm, từng bước một. Bạn không thể tiến ngay lên Cộng sản Chủ nghĩa, phải từng bước một. Xin vui lòng đi từng bước nhỏ, chậm và chắc.” Xúc động hơn là lời khuyên cáo tiên liệu của ông: “Đừng đi theo con đường “Bước Nhảy Vọt vĩ đại” đã thất bại của chúng tôi.” Ông ta nhắc lại những chiến dịch ảo tưởng của Trung Hoa nhằm khẩn trương xây dựng Cộng sản chủ nghĩa hồi cuối thập niên 1950 đã để lại một nền kinh tế như trong lò sát sinh. Samphan và Thirith cười một cách thông cảm. Nghe nhiều khoa trương việc đang xây dựng một chế độ Cộng Sản thuần túy cho Kampuchia, Sihanouk hiểu ngay những nụ cười ấy nói lên được gì.

Ngày 9 tháng Chín lại một lần lễ lớn. Thiên An Môn được trang hoàng cờ, đèn, hoa, chúc mừng Sihanouk điều mà Đặng Tiểu Bình nói về Sihanouk trước kia “Trở về trong vinh quang.” Khi chiếc máy bay Boeing của Trung Hoa nhắm hướng hạ cánh xuống phi trường Pochentong của Phnom Pênh, Sihanouk nhìn xuống những mái ngói đỏ và cột tháp vàng của thành phố nằm dài bên dưới. Đây là lần đầu tiên kể từ tháng giêng 1970 ông lại đưa mắt nhìn xuống thủ đô đã quay lưng lại với ông. Phnom Pênh trong lạ hẳn và không có sự sống dưới hơi nóng mặt trời giữa buổi sáng mai. So với mười ngàn người đứng chật đường phố Bắc Kinh để chào từ biệt ông hoàng, ở đây chỉ có một đám đông hỗn tạp ở phi đạo Pochentong. Một nhóm các ông sãi áo vàng nghệ cũng đứng trong đám đông cầu nguyện cho ông trước khi ông lên xe đi vào thành phố vắng tanh. Đó là sự nhượng bộ cuối cùng mà ông đã chứng kiến dưới chế độ Khmer Đỏ ở Kampuchia.

Sihanouk muốn khóc khi nhìn thành phố ma quái mà một thời được coi là thành phố đẹp nhất của Đông Dương thuộc Pháp. Những đại lộ với hai hàng cây xanh, công quán, những biệt thự theo kiểu nhiệt đới Nam Mỹ, tháp vàng, lầu đài hoàng gia và chùa chiền vẫn còn đây, trong màu tang tóc. Khmer Đỏ giải thích với ông hoàng việc xua dân ra khỏi thành phố là cần thiết vì không có đủ lương thực nuôi dân và cũng vì vấn đề an ninh. Họ không nói với ông hoàng đó là bước đại nhảy vọt tiến lên Cộng sản Chủ nghĩa. Trong việc xua đuổi hàng loạt dân chúng hồi tháng Tư, có ông chú già của Sihanouk, ông hoàng Monireth và một trong những bà cô của ông cũng bị đuổi về vùng quê. Lời yêu cầu của ông được đi thăm những người ấy bị từ khước. Họ trả lời với ông “Họ được chăm sóc cẩn thận. Ngài sẽ được thăm họ khi Ngài từ Nữ Ước trở lại.” Tuy nhiên, không bao giờ ông gặp lại họ. Kế hoạch của Khmer Đỏ trong chuyến đi ba tuần lễ ở Phnom Pênh là tạo niềm tin đối với sự lãnh đạo của ông trước khi họ gọi ông đi Nữ Ước để đòi chiếc ghế cho Kampuchia tại Đại Hội Đồng Liên Hợp Quốc. Sihanouk và tùy tùng được đưa đi thuyền trên sông Mékong, tiệc tùng sang trọng, các buổi hội tối có tính cách mạng nhưng không bao giờ ông gặp những người dân đã biến mất khỏi Phnom Pênh.

Chẳng bao lâu Sihanouk biết những gì Khmer đỏ nghĩ về những lời khuyên cáo của Chu Ân Lai là từng bước chậm chậm tiến lên Xã hội Chủ nghĩa. Sơn Sen, tư lệnh Quân đội, và Khiêu Samphan nói với ông Kampuchia sẽ chứng tỏ cho thế giới biết rằng chỉ trong một nhát chổi lớn họ đã tiến lên Cộng sản Chủ nghĩa hoàn toàn. “Vì vậy tên tuổi đất nước chúng ta sẽ được viết bằng chữ vàng trong lịch sử thế giới như là một quốc gia đầu tiên thành công trong việc Cộng sản hóa mà không có bước chân nào là vô ích.”

Sau khi trở về Bắc Kinh hồi đầu tháng Mười, ông ta để cho những người trong gia đình và những người theo ông tùy ý lựa chọn. Ông ta, vì là người yêu nước và người đứng đầu quốc gia, sẽ về lại Kampuchia sau khi đại diện cho nước ông ở Liên Hợp Quốc, còn họ muốn ở đâu thì tùy. Một số phụ tá của ông vì xúc động trước cảnh Phnom Pênh nên không dám trở về. Họ đi Pháp.

Trên đường đi, Sihanouk ghé qua Pháp. Một số đồng người Kampuchia đến chào mừng ông tại phi trường Charles De Gaulle. Sau đó, một số trong bọn họ tới tư dinh của đại sứ Kampuchia ở Paris để nghe ông hoàng lần đầu tiên nói chuyện về sự sinh sống của người dân dưới chế độ Khmer Đỏ. Họ ngạc nhiên vì ông hoàng vốn thường sôi nổi thì bây giờ lại thận trọng. Một người hỏi ông về những binh lính của Lon Nol bây giờ ra sao! Ông ta trả lời là Angkar (tổ chức Cộng sản rất quyền lực) cho mỗi người một chiếc chiếu, một cái mũ và đưa họ đi trồng lúa. Ông ta nói thêm họ có được những gì họ cần. Ngồi sát cạnh ông, Ieng Sary chỉ cười và những lãnh tụ Khmer Đỏ khác gật đầu tán thưởng. Không có một người bạn cũ nào của Sihanouk có thể vượt qua được mạng lưới an ninh để gặp riêng ông. Sihanouk có thể thấy trước điều gì đang đến. Nhưng vì lòng tự cao, những tình cảm bắt buộc, có thể kêu gọi ông bỏ đi rất nhiều. Tháng 12/1975, ông cùng vợ, bà Monique, mẹ vợ, 22 đứa con và cháu, lên đường trở về Kampuchia.

## Tơ tằm và chuột

---

Vào một thời điểm thích hợp nhất, Hà Nội là thành phố trông có vẻ trầm tư. Với cái lạnh thấu xương, những người dân thiếu mặc thường ở trong nhà. Qua những hàng cây dài, thành phố

già nua này trông vắng vẻ và buồn. Người đi bộ chậm chậm, cong lưng trên xe đạp, choàng khăn quanh cổ chống gió lạnh, áo choàng ngoài bằng vải sợi trơn hay áo có nút kéo che lấy thân thể. Tôi lúng túng khi tiếp cận với sự giao thông run rẩy và lặng lẽ ấy của người Hà Nội khi tôi mặc một cái áo ngoài nhồi bông tốt và mang găng tay, cỡi chiếc xe đạp Raleigh bóng loáng mượn của một nhà ngoại giao. Nếu tôi ngồi trong xe hơi, người ta không thể thấy lối ăn mặc nổi bật như vậy. Tôi không cần đến một chiếc Volga màu xám thuê ở một văn phòng du lịch Hà Nội, cần cho những cuộc thăm viếng chính thức. Tôi gọi trả cho bộ Ngoại giao (VN) bản hướng dẫn, nói rằng tôi chẳng có hẹn với ai chiều hôm đó. Cuộc hẹn kín đáo của tôi là vào hôm 23 tháng Mười một/1977 với một người mà bộ Ngoại giao chẳng mấy ưa.

Chiều hôm ấy có gió, trời không sáng lắm, tôi lên ra cổng sau khách sạn Thống Nhất rồi nhắm tới tòa đại sứ Kampuchia. Việt Nam và Kampuchia vẫn còn lịch sự chúc mừng nhau vào các dịp lễ lạc, nhưng quan hệ thì đã suy thoái nhiều. Chuyến đi Bắc Kinh của Pol Pốt hồi tháng Mười và những cuộc tấn công chống Việt Nam (CS) được bật mí chút ít là những xác nhận công khai đầu tiên về cuộc khủng hoảng. Trong chuyến đi có ghé thủ đô Vạn Tượng của Lào trên đường đi Hà Nội, lần đầu tiên tôi nghe một nhà ngoại giao Việt Nam nói về những cuộc tấn công tàn bạo vào Việt Nam của Khmer Đỏ trong mấy tháng vừa qua. Do đó, tôi cũng nghe loáng thoáng phía Khmer Đỏ nói ngược lại về cuộc xung đột này.

Một nhà ngoại giao người Mỹ Tây Cơ thân với Khmer Đỏ xếp đặt cho tôi được gặp In Sivouth, cố vấn chính trị của tòa đại sứ Kampuchia. Từ xa, người ta có thể nhìn thấy ngọn cờ đỏ như máu của tòa đại sứ bay lượn trong gió, phản chiếu trên màu đá đen của nhà công quán xây theo kiểu thuộc địa. Tất cả các cửa sổ đóng kín mít. Chẳng có dấu hiệu nào chứng tỏ có sự sống trong đó ngoại trừ một người cảnh sát Việt Nam áo quần màu rom, mũ xám đứng gác ở cổng ra vào. Anh ta thấy tôi khi tôi xuống xe đạp đi thẳng vào cổng. Công việc anh ta, giống như ở bất cứ ở tòa đại sứ nào khác ở đây, là đuổi người Việt Nam xa ra. Dù đi xe đạp, rõ ràng tôi là người ngoại quốc, vì vậy, chẳng bỏ công để anh ta chú ý tới.

Sau khi tôi bấm chuông một lúc, cánh cửa gỗ tòa đại sứ cẩn thận hé ra một chút. Qua khoảng cửa, một cặp mắt ló ra. Có tiếng nói gần như thầm thì: “Ông Chanda?” Cánh cửa hé ra cho tôi lọt vào rồi đóng lại ngay sau lưng. Vừa đủ quen mắt với hành lang tối, tôi thấy In Sivouth. Bên trong tòa đại sứ trời đã tối rồi, ngọn đèn treo trên trần nhà vẽ ra một khoảng ánh sáng trong văn phòng ông ta, tất cả các cửa sổ đều đóng và buông màn. Sivouth, nhỏ người, hơi còm với cái tuổi trên bốn mươi một chút, cười nhút nhát. Bằng một thứ tiếng Pháp trơn tru, ông ta nói: “Đây là tất cả cái cần thiết để ngăn Việt Nam khởi nghe lén được.” Sivouth có vẻ hơi không giống Khmer Đỏ. Ông ta chưa bao giờ ở trong mật khu. Khi còn là sinh viên ở Paris, ông theo Cộng sản và gia nhập tổ chức Khmer Đỏ. Trong những năm dài ở Paris, ông học hỏi khá nhiều về CIA và khả năng của họ. Từ xa, họ có thể nghe lén được câu chuyện bằng những dụng cụ gắn vào cửa sổ. Ông ta chắc chắn rằng người Việt Nam độc ác có khả năng như thế để “thuồng” những dụng cụ điện tử ấy vào trong tòa đại sứ Kampuchia. Mặc bộ đồ đen theo kiểu Mao, Sivouth ngồi ưỡn trên cái divăng rộng thì thảo với tôi câu chuyện Việt Nam “phản bội” Kampuchia. Sivouth kể lại, với nụ cười chua chát: “Hồi năm 1973, khi Việt Nam (CS) ký hiệp định Paris với Mỹ, họ cố gắng ép chúng tôi thương thuyết với Lon Nol. Thái tử đã chống lại lời khuyên cáo ấy... Việt Nam thỏa thuận với Mỹ, trong thời gian 5 tháng rưỡi, những B-52 trước kia bỏ bom ở Việt Nam nay được gọi tới nghiền nát Kampuchia.”

Trước khi được chỉ định tới Hà Nội, Sivouth đã hoạt động vài năm ở Bắc Kinh trong tòa đại sứ của chính phủ Liên hiệp Quốc gia Kampuchia. Sau khi Khmer đỏ chiến thắng, ông ta không có cơ may trở về Phnom Pênh với vợ con. Ông ta cũng nhìn nhận rằng đã một năm rưỡi nay, không được tin tức của vợ. Điều ông ta biết những gì đang xảy ra ở Kampuchia làm cho ông ta nói với tôi với vẻ lo lắng, đặc biệt là tin nghe từ đài phát thanh Phnom Pênh. Tuy nhiên, dù thiếu dữ kiện ông ta vẫn tin vì ông có lòng tin vô bờ đối với công lý cách mạng Kampuchia. Bằng

việc đuổi dân ra khỏi thành phố, bắt mọi người phải làm việc ngoài ruộng, Angkar gặp nhiều khó khăn nhưng đó là con đường thuần túy mình tự tin vào mình. Ông ta nói với giọng cười miệt thị: “Việt Nam không còn không chế chúng tôi được nữa. Kampuchia không phải là Lào.” Ông ta cho rằng thỏa ước thân hữu Lào-Việt Nam ký hồi tháng Bảy là bước đầu tiên tới thực dân hóa Lào. Ông ta hỏi tôi: “Ông muốn thấy chuyện gì xảy ra không?” Rồi ông ta vói lấy tờ nhật báo Lào khổ nhỏ ở góc bàn. Bề mặt là hình ảnh những nông dân Lào trông lại giống lúa. “Người Việt Nam đã lấy hết ruộng lúa của Lào.” Sivouth vừa nói, vừa chỉ vào một người trong bức hình đang đội cái nón lá kiểu nông dân Việt Nam hay đội. Sự thực cái nón lá đáng lưu ý nhưng đó không hẳn là lối trang phục đặc biệt của nông dân Việt Nam đáng cho ông ta quan tâm. Còn hơn điều ông quan tâm nữa kia: dự tính của Việt Nam với Đông Dương là một thực tế tự nó đã rõ ràng. Chỉ một cái nón lá giữa những nông dân Lào do ông ta thấy trong bức hình chỉ là một chứng cứ cần thiết dành cho những người ngoại quốc bị quan mà thôi.

Sau một lúc thảo luận toàn bộ và đưa ra chứng cứ về Việt Nam “tham lam” và “xảo trá” pha trộn vào lòng tin chắc chắn tính “độc ác” của Việt Nam và những xung đột không tránh khỏi trong cuộc đấu tranh sinh tồn, bức tranh Sivouth vẽ ra chiều hôm ấy khi ông ta ngồi trong căn phòng tối là điều nhắc nhở chắc chắn về những sự kiện nhỏ nhặt đã thay đổi. Bên trong cái võ lịch sử và những bài thuyết giảng hay ho về chủ nghĩa Mác, hiện nguyên hình tâm hồn một người Khmer chìm đắm trong hồi ức đấng cay của lịch sử và những định kiến về chủng tộc.

## Từ bảo vệ đất nước tới Liên bang

Nguồn gốc của sự kình địch giữa người Khmer và người Việt Nam nằm trong khoảng thời gian một ngàn năm hai bên tiếp xúc với nhau. Ba trăm năm cuối của sự tiếp xúc đó là những cuộc chiến khi nước Việt Nam bành trướng thêm còn phía Kampuchia thì thu nhỏ lại.

### Nam tiến -

là con đường người Việt tiến về phương Nam -là hướng phát triển chính của lịch sử Việt Nam sau khi họ thoát khỏi ách đô hộ của người Tàu vào thế kỷ thứ 10. Một học giả Pháp lưu ý rằng “Lịch sử Việt Nam phát triển ra toàn cõi Đông Dương như một ngọn triều, xua đuổi các dân tộc khác khi họ chiếm ruộng nương ở vùng đất thấp hay nơi họ có thể trồng lúa được”.(1) Tại châu thổ sông Hồng Hà, vùng đất trung tâm của Việt Nam -vì áp lực dân số cao, ở sát Trung Hoa, và sự bất ổn về chính trị, đưa tới các cuộc di dân tìm vùng đất mới. (2) Con đường Nam tiến này quyết định do yếu tố quyền lực và địa lý: phía Bắc là Trung Hoa khổng lồ, phía Tây là rừng Trường Sơn cao ngất, và phía Đông là Nam Hải (Đông Hải -nd).

Con đường Nam tiến của người Việt Nam kéo dài hàng mấy thế kỷ, bao gồm cả việc chinh phục không những chỉ vùng đất xa mà cả những dân tộc khác. Trước hết, Chiêm Thành rơi vào tay Việt Nam. Dân tộc này trước theo Ấn giáo (sau đó theo Hồi giáo), là một dân tộc nhỏ, giống như các dân tộc khác ở Đông Dương. Vương quốc của họ, một thời là thù địch Việt Nam. Qua nhiều trận chiến, Việt Nam toàn thắng và thu nhận đất Chiêm vào Việt Nam. Bằng những đợt di dân chậm và chắc, Việt Nam quét sạch vương quốc này trên bản đồ vào hồi cuối thế kỷ 17. Đa số người Chăm bị giết, bị xua đuổi hoặc bị đồng hóa, đến nỗi, ở thế kỷ 11 có khoảng 30 ngàn gia đình (khoảng 240 đến 300 ngàn dân) chỉ còn lại khoảng 65 ngàn dân ở trong vùng đất Việt Nam hiện nay.(3) Hàng ngàn người chạy trốn qua Kampuchia và cuối cùng bị Pol Pot tàn sát vì tôn giáo.

Ngay trước khi đế quốc Việt Nam tiêu diệt toàn bộ Chiêm Thành, di dân người Việt đã bắt đầu dựng làng trong vùng đồi cao của Kampuchia, bây giờ thuộc vùng Biên Hòa, Bà Rịa. Sự



kiệt quệ của nhân dân Khmer vì cai trị sai lầm và suy thoái lâu dài của đế chế Khmer, -một thời mở rộng từ bán đảo Mã Lai tới miền trung nước Lào-, cùng với sự bành trướng của Việt Nam đang đà vươn lên; sự chống đối bè phái thường xuyên trong nội bộ triều đình Khmer, cùng với những cố gắng của Xiêm La (Thái Lan, lân bang hùng mạnh và bành trướng của Kampuchia), thành lập một chư hầu ở Kampuchia, tạo những cơ hội lý tưởng cho Việt Nam can thiệp vào nước này. Những can thiệp như thế, hoặc để bảo vệ một người cầm quyền yếu thế, hoặc đưa một người lên ngôi vua, là tạo ra cơ hội nhượng thêm đất đai cho Việt Nam. Vào thế kỷ thứ 18, chiến thuật được mô tả một cách tổng quát về việc dần dần chiếm đất của Kampuchia dưới danh nghĩa bảo vệ ngai vàng là “tằm ăn dâu.” Việt Nam có tham vọng to lớn với kế hoạch tằm ăn dâu, và trong tiến trình một trăm năm (1650-1750) toàn bộ lưu vực sông Vàm Cỏ và đồng bằng sông Cửu Long, bao gồm cả ngôi làng đánh cá của người Khmer Prey Nokor (sau này là Saigon) trở thành lãnh thổ Việt Nam.

Việc chiếm hết vùng đất màu mỡ phía Nam, giữ gìn phần đất này chống lại Thái Lan, trở thành mối quan tâm chính của các hoàng đế Việt Nam ở Huế. Khi Kampuchia trở thành con đường cho quân Thái Lan tiến tới Saigon, người Việt Nam khéo léo biến vùng này thành một nước bảo hộ. Hoàng đế Minh Mạng viết năm 1831: “Chân Lạp (Kampuchia) là phiên ly của chúng ta, không thể để nó sụp đổ được.(5)

Năm 1833-34, tiếp sau những cố gắng không thành của Thái lan để đưa Kampuchia trở lại dưới quyền kiểm soát của họ, Việt Nam khởi đầu một cuộc tiến công vô hạn, có thể dẫn tới việc làm biến mất hoàn toàn nước Kampuchia. Các đồn binh được xây dựng khắp nước và một doanh trại đóng ngay Phnom Pênh. Nền độc lập của Kampuchia là ở trong “Trần Tây Thành” của Việt Nam. Vua Minh Mạng đưa ra nhiều chương trình mạnh mẽ để đưa người Khmer còn “mọi rợ” về với thế giới văn minh. Các thầy giáo được gửi tới Kampuchia để giáo dục về cách sống theo “đường lối Khổng Mạnh” cho quan chức Kampuchia. Hoàng đế Việt Nam còn áp đặt lối ăn mặc, tóc tai, quần áo theo kiểu Việt Nam cho người Khmer, một hệ thống thuế khóa theo Việt Nam và ngay cả việc bắt nông dân trồng lúa như ở Việt Nam. Ai không tuân sẽ bị trừng phạt nặng. Vì uất hận, một số cuộc nổi dậy xảy ra. Sự cai trị hà khắc và lao động khổ sai gây nên một cuộc nổi loạn hồi đầu năm 1820 do một nhà sư tên Kai lãnh đạo. Họ tàn sát những người Việt sinh sống ở biên giới phía đông Kampuchia trước khi họ bị đè bẹp bằng một lực lượng mạnh hơn do Tổng trấn phía Nam (Gia Định Thành -nd) phái tới.(6) Cuộc khởi loạn nghiêm trọng nhất xảy ra năm 1840 vì việc bắt giữ các quan chức hàng đầu Kampuchia và dẫn độ bà hoàng đang cai trị qua Việt Nam. Người Khmer sợ nền độc lập của họ không còn nữa. Năm 1840, một viên quan lớn của Kampuchia tên là Prom viết: “Chúng tôi thấy sung sướng khi giết người Việt, chúng tôi không còn sợ họ nữa tuy họ mạnh hơn.” Ông ta nói với đô đê hề tìm được người Việt Nam thì giết “từ vùng phía bắc cho tới biên giới phía nam”. Trong một bức thư gửi cho quan chức Thái, ông ta thông báo: “Tôi đề nghị tiếp tục giết người Việt Nam.” (7) Đó là bản tuyên ngôn được truyền đời từ Prom cho đến người cai trị sau này ở Kampuchia: Pol Pot.

Ký ức về những cuộc khởi nghĩa của người Khmer hồi đầu thế kỷ 19 và vô số cuộc đàn áp tàn bạo vẫn còn ghi lại trong niên sử và tập tục của người Kampuchia. Những bà mẹ Kampuchia thường dọa trẻ em bằng cách: “Mày đi chơi xa trong bụi, Yuon nó bắt mày.” (Yuon, tiếng Khmer với ác ý có nghĩa là dã man, tức là Việt Nam-nd). Kinh Vĩnh Tế, con kinh dài 25 dặm nối liền vịnh Thái Lan với sông Vĩnh Tế được đào năm 1820, do Việt Nam sử dụng lao công Khmer, vẫn còn là một vết thương sống động trong ký ức người Kampuchia. Tôi đã nghe không biết bao nhiêu lần trước và sau thời Pol Pot nói về việc ba người Khmer bị trừng phạt vì không làm đủ chỉ tiêu đào kinh. Người Việt Nam chôn những người Khmer xâu sớ tới cổ mà thôi, còn đầu thì dùng để làm ông táo nấu nước sôi. Khi nạn nhân giãy giụa vì đau đớn và lắc đổ nước trong ẩm thì người Việt Nam cảnh cáo: “Không được làm đổ nước trà của quan lớn.” Câu chuyện này về sau

trở thành một phần trong chính sách tuyên truyền của Khmer Đỏ mà người kẻ cố làm gia tăng sự “thù hận cách mạng” đối với kẻ thù Việt Nam.(8)

Những tình cảm thù địch chủng tộc và những định kiến của người Khmer đối với người Việt không có sự tương phản. Một ngàn năm Bắc thuộc đã để lại những ấn tượng sâu sắc trong tư duy người Việt Nam. Người Việt tự thấy mình giống như một Trung Hoa nhỏ mà những dân tộc còn bán khai bao quanh. Về mặt chính thức tuy không còn sử dụng nữa, người Việt Nam vẫn thường gọi theo cách Trung Hoa là Cao Miên, - hay dân mọi rợ vùng cao nguyên. Nó cũng có nghĩa là người Kampuchia. Có lẽ ngày nay nhiều người không rõ nguồn gốc Trung Hoa của danh từ này, cho rằng đó là cách gọi người Khmer theo cách phát âm tiếng Việt. Dưới triều đại nhà Nguyễn, các vị hoàng đế Việt Nam thống nhất và hùng cường, cho rằng do mệnh Trời, họ phải đem ánh sáng văn minh đến vương quốc nhỏ yếu chịu ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ. Coi thường người Khmer không đủ khả năng đồng hóa văn hóa Hoa-Việt, một hoàng đế Việt Nam mô tả người Khmer là “khỉ trong rào và chim trong lồng”. Năm 1840, vua Minh Mạng lo lắng vì những cuộc nổi dậy của người Khmer chống lại các phái bộ văn hóa Việt Nam. Xúc động vì hành vi của người Khmer, xem như kẻ phản phúc, nhà vua ra lệnh cho người chỉ huy của ông ở Kampuchia “Chúng ta giúp họ khi họ khốn khổ, kéo họ ra khỏi bùn nhơ... Nay họ khởi loạn. Trẫm giận đến dựng tóc... Hãy dùng gươm giáo mà trừng trị chúng, chặt đầu chúng nó đi, tán phát chúng nó đi.” Có người Việt Nam khác cho rằng cuộc nổi loạn năm 1840 biểu thị sự thất bại chiến thuật đánh và rút của du kích Khmer, những kẻ chạy trốn như “chuột và mèo” khi phải đối đầu với những lực lượng Việt Nam ưu thế hơn.(9)

Trong khi người Kampuchia tiếp tục nuôi dưỡng tư tưởng truyền thống coi người Việt là kẻ xảo quyệt, những kẻ “nuốt mất đất đai của Khmer” thì người Việt Nam ngày nay chẳng có ý tưởng mạnh mẽ nào chống lại người Khmer cả. Điều ấy chẳng có gì ngạc nhiên bởi vì chính Khmer là quốc gia đã gánh chịu nhiều gian khổ nhất trong suốt thời gian dài tiếp xúc với Việt Nam. Cũng có lúc người Việt cư ngụ ở Kampuchia gánh chịu nhiều đau khổ, nhưng tuồng như không ảnh hưởng trên toàn bộ quan điểm của người Việt Nam. Tuy nhiên, trong nhiều cuộc nói chuyện với những viên chức và dân thường Việt Nam, ý thức ưu thế của họ với người Khmer trong giáo dục chính trị, tổ chức và khả năng lãnh đạo là một nhận thức rõ ràng. Vì nhân đạo, người Việt có khuynh hướng nhìn người Khmer như trẻ con cần có người dẫn dắt. Tuy nhiên, người Việt Nam vẫn thường thất bại trong việc che dấu sự nóng giận của họ với những người Khmer bất trị và giả dối và những rắc rối do họ tạo ra cho người Việt Nam.

Tính chất lý thuyết và trừu tượng của ký ức quần chúng và những “ác cảm truyền thống” chẳng có ích gì về mặt chứng liệu khoa học trong việc phân tích xã hội và lịch sử. Tuy nhiên, những cảm nhận này thì lại rất rõ ràng cho bất cứ ai trải qua một thời gian nào đó ở Kampuchia, lại không biết tới nó để hiểu rõ những biến cố mới xảy ra. Trong suốt thời gian cai trị, thái tử Sihanouk nuôi dưỡng ký ức quần chúng này mãi tồn tại bằng cách nhắc đi nhắc lại không ngừng rằng trong lịch sử, Việt Nam lấn áp Kampuchia. Một phần thì lên án Việt Nam không thay đổi tính chất bành trướng, một phần thì vì tính chất thời trang chính trị, những nhà lãnh đạo nước Kampuchia Dân chủ chọn phương cách giải thích sự xung đột giữa hai nước không vì tính giai cấp mà lại vì chủng tộc. Trong cuốn “Sách Đen” (Black Book) do chế độ Pol Pot xuất bản hồi tháng 9/1978 -vài tháng sau khi tôi nghe lời kể lẽ than phiền của In Sivouth- đường đột nói rằng: “Hành động xâm lấn và bành trướng lãnh thổ mà Việt Nam vi phạm trong quá khứ cũng như hiện nay chứng tỏ rõ tính chất thật sự của Việt Nam, và Việt Nam có nghĩa là kẻ xâm lược, bành trướng chủ nghĩa và nuốt trọn đất đai của người khác”. Cuốn sách khẳng định rằng dù dưới chế độ phong kiến, thực dân hay Cộng sản, sự cai trị cũng chỉ vậy thôi. Về sau, nhóm Pol Pot còn nói thẳng rằng đảng Cộng sản Kampuchia được thành lập năm 1960 “là nhằm để chống lại Việt Nam” -Một mục tiêu khác với mục tiêu của những cha đẻ Chủ nghĩa Cộng sản.

Sự thành lập chế độ bảo hộ Pháp năm 1863 đã cứu Kampuchia khỏi bị Việt Nam và Thái Lan tiêu diệt. Tuy nhiên, đối với xứ láng giềng Nam Kỳ thuộc địa (Cochin-China) -Miền Nam Việt Nam-, thực dân Pháp hoàn toàn thiếu kinh nghiệm trong việc cai trị đã đem lại cho Kampuchia nhiều bất lợi khi chính Pháp vẽ ra đường biên giới hai nước. Đường ranh này đặt căn bản trên địa lý và sự tiện lợi cho việc cai trị của người Pháp ở Nam Kỳ hơn là bối cảnh lịch sử, ngôn ngữ hoặc chủng tộc. Hậu quả việc vẽ đường ranh này khiến vùng Paksé (hiện thuộc Nam Lào), tỉnh Darlac, khu vực Sông Bé, Tây Ninh, Gò Dầu Hạ và Hà Tiên -tất cả hiện nay đều thuộc Việt Nam- là lấy từ phần đất của Kampuchia. Trong luận án tiến sĩ ấn hành năm 1966, Sarin Chhak, sau này là Bộ trưởng bộ Ngoại giao của chính phủ Liên hiệp Quốc gia Khmer năm 1970 đã nhấn mạnh tới những vùng đất bị mất này và yêu cầu Việt Nam thương thuyết để vẽ lại cho đúng biên giới. (11)

Những nhà cai trị Kampuchia từ vua Ang Duong (1848-60) cho tới Pol Pot không bao giờ ngưng than phiền về việc họ bị mất đất vì Việt Nam. Trong một bức thư gửi cho hoàng đế Napoleon Đệ Tam năm 1856, vua Ang Duong thúc đẩy vua Pháp đừng chấp thuận các vùng đất đai của Kampuchia do Việt Nam chiếm cứ lúc ấy nếu như “Việt Nam không dâng đất ấy cho Hoàng đế”. Năm 1949, khi thực dân Pháp đồng ý sát nhập Nam Kỳ để thống nhất Việt Nam, Phnom Pênh đã chính thức phản đối. Ngay sau khi được độc lập trong Liên bang Đông Dương hồi năm 1954, trong mấy năm liền, Kampuchia liên tiếp đòi chính phủ Quốc Gia Việt Nam trả lại phần đất Kampuchia Krom (vùng đồng bằng sông Cửu Long, một thời là Kampuchia hạ - Thủy Chận Lạp -nd) và các hòn đảo dọc theo bờ biển như Koh Tral (Phú Quốc). Tình trạng những người Khmer Krom sống ở Việt Nam vẫn còn là mối quan tâm và thỉnh thoảng chính phủ Sihanouk lại phản kháng.

Việc người Việt Nam di dân đến Kampuchia phát triển nhanh dưới thời thực dân. Người Pháp cho rằng người Việt Nam là những công nhân giỏi hơn và năng động hơn người Khmer, do đó trở thành phương tiện tốt cho họ khai thác kinh tế Kampuchia. Năm 1921, người Việt chiếm khoảng 7 phần trăm dân số Kampuchia. Trong khi đó, một số đông người nghèo khổ Bắc Việt Nam đến làm phu cho các đồn điền cao su Pháp ở Kampuchia (chỉ một số ít người Khmer làm công việc này mà thôi). Nhiều nông dân và ngư dân Việt Nam cũng rời Nam Việt Nam để cạnh tranh với người Kampuchia trong các vùng đất tốt và các khu vực đánh cá ở Kampuchia. Đặc biệt người Việt Nam theo đạo Thiên chúa La Mã, được các sứ bộ Pháp che chở, tước đoạt các vùng đất tốt của Kampuchia.(13) Điều này tạo nên những bất ổn đáng kể.

Tuy nhiên, việc đụng chạm đến tình cảm người Khmer, đặc biệt nhất chính là phần đông các viên chức cấp thấp trong chính quyền thuộc địa Pháp lại là người Việt Nam. Trong cuộc nổi loạn chống Pháp ở Kampuchia vào các năm 1885-86, những người nổi loạn nhắc lại những cố gắng của người Việt trước kia nhằm quét sạch người Kampuchia và lên án người Pháp dùng người Việt Nam để phá vỡ văn hóa và xã hội Kampuchia. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là hai cộng đồng dân tộc nói trên bao giờ cũng đàn độn. Nhiều người Việt Nam tham gia những cuộc lật đổ Pháp của người Kampuchia. Mặc dù có sự căng thẳng và không ưa nhau, hai cộng đồng này cùng tồn tại an lạc trong nhiều khoảng thời gian dài. Tuy nhiên, những cuộc biến động hoặc các yếu tố bên ngoài bất di bất dịch đã làm cho những định kiến tiềm tàng bỗng nảy sinh thêm. Ngay cả những sự phát triển như phong trào Cộng sản Quốc tế ở Kampuchia cũng không miễn trừ định kiến chủng tộc. Thực ra, con đường phong trào Cộng sản được hình thành và phát triển ở Kampuchia đã giúp đỡ nuôi dưỡng chủ nghĩa Chauvin chống Việt Nam. (Danh từ này trích từ tên một người lính Pháp, Nicolas Chauvin, y thường ngợi ca sự thành công của Napoleon đệ nhất, ngay cả sau khi Napoléon bị thua trận Waterloo hồi năm 1815. Điều anh ta thường tán dương làm cho anh ta trở thành một hiện tượng kịch cớm. Chủ nghĩa Chauvin (Chauvinism) được coi là một quái thai của thời đại xã hội ngày nay, thường đồng minh với chủ nghĩa đế quốc hoặc chủ nghĩa quân phiệt cực đoan -người dịch chú thích).

Ở cả Lào và Kampuchia, di dân Việt Nam cung cấp nhiều tiêu tố cơ bản cho đảng Cộng sản Đông Dương (ICP). Ngay chính người Khmer cũng dần dần bị lôi cuốn vào nền độc lập chính trị và tới năm 1950, phong trào Khmer Issarak, (Khmer độc lập) là phong trào do đảng Cộng sản Đông Dương đẻ ra. Tuy nhiên, Hồ Chí Minh biết rất rõ tình cảm chống Việt Nam của người Khmer và Lào. Đây là lý do khiến Hồ, năm 1951, quyết định chia đảng Cộng sản Đông Dương ra làm ba đảng của ba nước. Một tài liệu nội bộ của đảng Lao Động Việt Nam (VWP) giải thích việc này, nói rằng các người kế nghiệp đảng Cộng Sản Đông Dương nhận xét: “Các phân tử quốc gia Lào và Kampuchia nghi ngờ Việt Nam muốn kiểm soát cả hai nước này. Đế quốc và bù nhìn có thể đưa ra những phương cách tuyên truyền nhằm tách rời Việt Nam khỏi Lào và Kampuchia, tạo rối loạn trong dân chúng Kampuchia và Lào.”(14)

Sự phân chia đảng Cộng sản Đông Dương thành ba coi như dâng một món đồ cúng cho các phân tử quốc gia đang ra sức chống lại chính sách chia để trị của thực dân Pháp. Việc lãnh đạo chính trị của phong trào Cộng sản Đông Dương vẫn nằm trong tay Hà Nội. Một bản hướng dẫn mật của đảng Cộng sản Việt Nam đưa ra hồi tháng Sáu/1952 ra lệnh cho người Việt Nam và người Trung Hoa cư trú ở Kampuchia tham gia đảng Lao động Việt Nam hơn là đảng Cách mạng Nhân dân Khmer (KPRP), vì nó “không phải là đội tiên phong của nhân dân lao động, nhưng là đảng tiên phong của quốc gia tập trung mọi phân tử yêu nước và tiến bộ của nhân dân Khmer”(15). Dù vậy, Ủy ban chấp hành lâm thời của đảng Nhân dân Cách mạng Khmer được thành lập hồi tháng Chín năm 1951 phần chính cũng là người Việt Nam -1.800 người Việt sinh ở địa phương so với 150 Khmer chính gốc.

## Giữa đế quốc và ông hoàng

Hồi tháng Giêng/1953, Saloth Sar trở về Phnom Pênh sau ba năm ở Paris. Nhà cách mạng 25 tuổi, sau này trở thành một người nổi tiếng tàn ác dưới cái “Tên gây chiến tranh” (nom de guerre): Pol Pot. Đơn của ông ta xin gia nhập đảng Nhân dân Cách mạng Kampuchia lúc ấy còn phôi thai được một cán bộ Việt Nam xem xét và chấp thuận. Con người lùn và mập xét đơn ấy là Phạm Văn Ba. Một cán bộ lâu năm của đảng Cộng sản Đông Dương sống ở Phnom Pênh dưới nhiều võ bọc khác nhau, ngay cả ngụ danh một nhà báo. Cuối thập niên 1950, ông ta biến mất khỏi Phnom Pênh rồi lại xuất hiện dưới danh nghĩa một nhà ngoại giao của Việt Cộng. Sau khi giữ vai trò Trưởng đoàn Chính phủ Cách mạng Lâm thời (Miền Nam VN) ở Paris tới năm 1975, Ba trở thành đại sứ đầu tiên của Việt Nam tại Kampuchia thời Pol Pot.

Bảy năm sau khi tôi gặp Ba tại văn phòng Chính phủ Cách mạng Lâm thời ở Paris, lại thấy ông ta tại thành phố Hồ Chí Minh, tháng Giêng/1981. Ông ta nói một cách khoái trá trước sự ngạc nhiên của tôi, tiết lộ những điều trước khi có sự gây đổ với Khmer đỏ: “Hồi ấy tôi là bí thư (bí mật) của văn phòng đảng Cộng sản Đông Dương ở Phnom Pênh. Pol Pot tiếp xúc với tôi, xin gia nhập đảng. Ông ta có cái thẻ đảng viên đảng Cộng sản Pháp (PCF), có tham gia chi bộ Kampuchia của đảng này trong khi theo học École de Radio-Électricité ở Paris. Tôi gửi điện cho ban tham mưu đảng ở Bắc Bộ, yêu cầu họ kiểm chứng với đảng Cộng sản Pháp. Thời gian sau tôi nhận được một bức điện mật do Hoàng Văn Hoan gửi từ Bangkok, -nơi ông Hoan đang điều hành phân bộ Việt Nam hải ngoại của đảng,- xác nhận rằng quả thật Pol Pot là đảng viên Cộng sản. Vì vậy tôi cho ông ta gia nhập đảng.”

Tuy nhiên, sự giám sát trực tiếp của Việt Nam (CS) đối với đảng Nhân dân Cách mạng Kampuchia ngưng lại một năm sau khi chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất chấm dứt. Do áp lực của đại biểu Nga và Trung Hoa trong hội nghị Genève năm 1954, Cộng sản Việt Nam buộc phải chấp thuận chia cắt tạm thời Việt Nam và thỏa thuận nhường phần đất của Khmer Issarak giải phóng cho chính phủ hoàng gia Kampuchia. Không giống như kháng

chiến Lào, họ được hội nghị Genève chấp nhận và cho phép tập trung tại hai tỉnh phía bắc giáp giới Việt Nam và Trung Hoa (Vùng an toàn hậu phương). Phong trào Khmer Issarak bị buộc phải giải tán. Ông vua trẻ Sihanouk, người đưa ra áp lực cá nhân của ông để ngừa trước phong trào Issarak do Việt Nam (CS) hỗ trợ, đã giành phần thắng tại Hội nghị Genève. Cùng với Hiệp định này, lực lượng Việt minh cùng khoảng 2 ngàn người kháng chiến Khmer, núp trong quân đội Việt Minh phải rút về Bắc Việt Nam để chờ một ngày tốt đẹp hơn. Ba giải thích: “Chúng tôi không bao giờ nghĩ rằng Pháp sẽ thi hành đầy đủ Hiệp định Genève, vì vậy chúng tôi phải chuẩn bị.” Quả thật đó là điều thấy xa. Dù năm 1972-75 nhóm Pol Pot đã loại trừ phần lớn những người Kampuchia do Hà Nội huấn luyện, một số người sống sót mấy năm sau đã tham gia chính quyền thân Hà Nội ở Kampuchia.

Trong khi một số lãnh tụ Khmer Issarak bị buộc phải rút lui, những người trẻ, được huấn luyện du kích ở ngoại quốc thì cay đắng hơn. Những phần tử Cộng sản quốc gia quá khích như Pol Pot, Ieng Sary và Son Sen, những người từ Paris về đã tố cáo Việt Nam hy sinh những thành quả do người Khmer đạt được trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Tuy nhiên, những người kháng chiến và những khuôn mặt lãnh đạo rút khỏi những phần đất rộng lớn ở Kampuchia, những người hoạt động gần gũi với Việt Minh, những người đào thoát và cả những người đã bị giết, để lại cho nhóm Pol Pot những vùng đất rộng lớn để họ phát triển khu vực chính trị của chính họ.

Khi Sơn Ngọc Minh, một nhà lãnh đạo Cộng sản của phong trào Khmer Issarak chọn ở lại Hà Nội sau Hiệp định Genève, quyền lãnh đạo đảng Cộng sản Kampuchia nằm trong tay Siêu Heng. Người này phản bội. Sau vài năm hợp tác bí mật với cảnh sát, -đưa tới việc sát hại hầu hết các chi bộ Cộng sản- năm 1959, Heng đào thoát theo chính quyền Sihanouk. Tại hội nghị bí mật của đảng Cộng sản Kampuchia ở nhà ga xe lửa Phnom Pênh từ 28 đến 30 tháng 8/1960, một nhà sư theo Cộng sản Tou Samouth (người này có liên hệ gần gũi với Việt Nam) được bầu làm bí thư đảng. (16)

Hồi ấy Pol Pot là giáo viên ở Phnom Pênh, năm 1961 được chọn làm phó bí thư. Tháng Sáu/1962, Samouth bí mật mất dạng, Pol Pot nắm quyền bí thư đảng. Chẳng bao lâu sau, Pol Pot, em bạn rề là Ieng Sary và Son Sen cùng những người khác trốn vào rừng bí mật tổ chức đảng. Từ đó cho đến năm 1970 mới nghe lại tin tức họ.

Trong suốt thời gian ấy, những dị biệt về chủng tộc, chủ nghĩa quốc gia cực đoan càng lúc càng phát triển sâu sắc giữa nhóm Pol Pot và nhóm ôn hòa muốn hợp tác với chính phủ Sihanouk để chống Mỹ và chống Việt Nam. Trong chuyến đi Hà Nội hồi tháng 3/1978, bất thần tôi được mời tới ăn một bữa cơm tối giản dị tại nhà một viên chức cao cấp. Sau nhiều năm phủ nhận không có gì nghiêm trọng xảy ra với Kampuchia, Thứ trưởng Ngoại giao Việt Nam Võ Đông Giang nói với tôi buổi tối hôm đó về sự xung đột có từ hai thập niên trước, sự chia rẽ sâu sắc giữa đảng Cộng sản Việt Nam và nhóm Pol Pot trong đảng Cộng sản Kampuchia. Theo ông ta ngay từ khi bắt đầu, Việt Nam (CS) đã đứng về phía nhóm người “điều chỉnh” trong đảng Cộng sản Kampuchia để chống lại nhóm Pol Pot. Ông ta nói tới họ bằng cách châm biếm như là bọn “Dân quân, những người chẳng có công trạng gì trong việc tham gia kháng chiến chống Pháp.” Giang nói chính sách của họ đem lại một thứ cách mạng, thứ Cộng sản chính thống trẻ con bởi vì “ngọn cờ chống Mỹ vẫn do Sihanouk giương cao, tiếng tăm của ông ta trong dân chúng không ai bằng được. Do đó, người Cộng sản biết làm cách nào để dùng uy tín của ông mà chống lại đế quốc Mỹ, giành sự ủng hộ của dân chúng. Tiếng tăm trong dân chúng Kampuchia thuộc về Sihanouk, sau mới đến những người hoạt động chính trị (bên trong đảng Cộng sản Kampuchia) để đoàn kết dân chúng chống lại kẻ thù, chứ không phải Pol Pot. Chính sách thống nhất mọi lực lượng chống kẻ thù chung và kêu gọi đoàn kết giữa nhân dân ba nước Đông Dương là đường lối cách mạng của chúng tôi từ trước cho tới bây giờ. Tuy nhiên, vì Pol Pot lãnh đạo đảng Cộng sản Kampuchia theo đường lối phân biệt chủng tộc, nên cách mạng gặp phải những khó khăn hồi năm 1967-69”. Giang nói khéo đến việc Sihanouk đàn áp Cộng sản.

Giang nói đúng khi ông ta nhấn mạnh đến việc Sihanouk được quần chúng ủng hộ khi ông này lãnh đạo nhân dân Kampuchia giành độc lập. Nhưng Giang nói sai khi nhắc lại khoảng thời gian trước 1954, khi đó Việt minh và Khmer Issarak xem Sihanouk như là tên đầy tớ của Pháp. Nhắm vào chính sách chống Mỹ của Sihanouk trong thập niên 1960, Giang cũng tránh không nêu lên vấn đề thái tử Sihanouk đàn áp phái hữu. Trong thập niên này, Việt Nam (CS) cũng khuyến cáo đảng Cộng sản Kampuchia gia tăng kêu gọi từ bỏ đấu tranh giai cấp ở Kampuchia để khỏi gây rắc rối cho thái tử và có hại cho mối giao hảo giữa Sihanouk và Hà Nội.

Điều Giang không muốn nói ra là Hà Nội gia tăng phương cách gìn giữ quan hệ của họ với Sihanouk đang ngọt ngào. Việc gia tăng cường độ chiến tranh sau năm 1965, quân Việt Cộng và Bắc Việt xâm nhập cần hơn bao giờ hết những vùng đất thánh ở Kampuchia và con đường tiếp tế an toàn. - một nhu cầu mà thái tử Sihanouk đang muốn chứng tỏ một cách công khai dưới chiêu bài trung lập. Mặc dù Sihanouk đối xử với Khmer Đỏ bằng bàn tay sắt, ông ta cũng tỏ lộ cảm tình với Cộng sản Việt nam. Trong khi ông ta loại trừ những tên Cộng sản địa phương, xem họ như là kẻ làm tình báo cho Hà Nội và Bắc Kinh, thì ông ta coi chiến tranh Việt Nam đúng là cuộc chiến đấu của những người quốc gia chống lại sự bất công do chính sách can thiệp của ngoại bang. Như sau này ông ta viết trong hồi ký, ông ta nhắm mắt cho Việt Nam (CS) thiết lập các căn cứ dưỡng quân, bệnh viện và trung tâm tiếp liệu trong nội địa Kampuchia. Ông ta cũng chấp thuận cho tàu bè Trung Hoa, Liên xô, Tiệp Khắc, và các nước Xã hội Chủ nghĩa khác được cập bến Sihanoukville, đổ hàng xuống và từ nơi này được công khai vận chuyển tới biên giới Việt Nam sau khi giữ lại cho quân đội Kampuchia một phần. (17)

Điều Sihanouk giúp Cộng sản Việt Nam đặt căn bản trên tính toán sáng suốt là năm trước những thời điểm tốt đẹp với những kẻ chắc chắn sẽ chiến thắng. Sau này Sihanouk nói: “Lý do tôi quyết định hợp tác với Việt Nam (CS) là làm cho Cộng sản Việt Nam mắc Kampuchia một món nợ, để sau này họ chẳng bao giờ dám đưa tay, mở mồm chống lại đất nước và dân tộc chúng tôi là ân nhân của họ.” (18)

Có lẽ Sihanouk cũng sợ Cộng sản Bắc Việt chống ông ta nếu ông ta chống lại cuộc chiến đấu của họ. Sihanouk biết trước rằng Trung Hoa và Việt Nam là những nước sẽ chế ngự Châu Á sau khi Mỹ rút quân về. Tháng 8 năm 1963, Sihanouk cần trọng đặt mối quan hệ ngoại giao với Nam Việt Nam và một năm sau ông ta từ chối viện trợ kinh tế và quân sự của Mỹ cho Kampuchia. Tháng năm 1965, Sihanouk cắt đứt quan hệ ngoại giao với Hoa Thịnh Đốn - một hành động được Hà Nội và Bắc Kinh ca ngợi. Cũng năm này, tháng Sáu, Sihanouk hỗ trợ cho Mặt trận Giải Phóng Miền Nam Việt Nam bằng viện trợ y tế. Trong một cuộc phỏng vấn hồi tháng Mười một năm 1965, ông ta tâm tình với người phỏng vấn ông rằng “Người Mỹ có thể giết 10 hay 20 triệu người Việt Nam, nhưng không chống thì chầy họ buộc phải trả lại Việt Nam cho những người còn sống... Hoa Kỳ tự họ dần thân vào một cuộc phiêu lưu mà hậu quả thất bại sẽ không tránh được.”(19)

Việt Nam (CS) biết ơn sự giúp đỡ của Sihanouk, và cũng chẳng ai lạ gì hồi mùa hè 1965, Pol Pot bí mật thăm Hà Nội trên đường đi Bắc Kinh. Hà Nội khuyến Pol Pot ủng hộ chính sách chống đế quốc của Sihanouk. Nếu đảng Cộng sản Kampuchia phát động cuộc đấu tranh vũ trang chống lại chính quyền Sihanouk thì sẽ có hại cho chiến lược của Việt Nam (CS). Hà Nội không cho rằng điều này là phụ thuộc, mà coi cuộc chiến đấu của nhân dân Kampuchia có tính cách ích kỷ, hơn là nhu cầu của Việt Nam (CS) vì họ tin rằng tình hình Kampuchia chưa đủ chín mùi để phát động đấu tranh giai cấp vũ trang. Hơn thế nữa, Hà Nội cho rằng chiến thắng ở Miền Nam Việt Nam cuối cùng sẽ tạo ra những điều kiện thành công lý tưởng cho cuộc chiến đấu chống lại chính quyền Sihanouk.

## Cuộc chiến đấu vũ trang bắt đầu

Tuy nhiên, nhóm Pol Pot không tin những gì Việt Nam chủ trương. Thời gian 5 tháng khi Pol Pot ở lại Bắc Kinh hồi cuối năm 1965 và đầu năm 1966 -thời gian có cuộc cách mạng văn hóa chống đế quốc- chống bọn xét lại cực đoan đang diễn ra cao độ, hướng dẫn Pol Pot đi vào con đường đấu tranh vũ trang chống lại chế độ phong kiến, kẻ y đã liên minh. Ngay cả khi không có viện trợ công khai của Trung Hoa để chống Sihanouk -khi Trung Hoa càng lúc càng quan tâm tới liên minh Việt-Xô- cũng có thể ủng hộ Pol Pot theo một phương cách khác với Việt Nam (CS).(20)

Sau này, một cuốn “Sách Đen” nói rằng hồi năm 1966 cho thấy rõ là “có sự mâu thuẫn căn bản giữa cách mạng Kampuchia và cách mạng Việt Nam. Việt Nam muốn đặt cách mạng Kampuchia dưới sự chỉ huy của họ.” Có lẽ ý muốn nói là cách mạng Kampuchia đặt ở mức độ ưu tiên thấp hơn mức độ Việt Nam tìm kiếm trong phong trào của người Khmer. Tuy nhiên, thực ra Hà Nội không muốn hoàn toàn làm mất lòng Khmer Đỏ và cũng có lẽ muốn đưa tay ngăn cản họ. Cuối cùng, Hà Nội thỏa thuận viện trợ huấn luyện và quân sự cho nhóm Pol Pot. Một viên chức cao cấp Cộng sản Việt Nam đào thoát năm 1973 nói với các điều tra viên của Mỹ rằng hồi năm 1966 Việt Nam (CS) đã tổ chức một đơn vị gọi là P-36 để giúp đỡ Cộng sản Kampuchia. Ngay trước khi Sihanouk bị lật đổ năm 1970, P-36 báo cáo đã huấn luyện cho người Khmer và nhóm thiểu số người Việt sinh sống ở Kampuchia. (21)

Cũng không rõ là đúng hay sai, bộ phận P-36 bí mật này giữ vai trò gì trong thời gian đầu của cuộc nổi dậy ở Kampuchia.

Tiếp sau cuộc nổi dậy của nông dân chống lại việc chiếm đất -cuộc nổi dậy này được đoàn thanh niên chính thức ủng hộ- hồi tháng Ba và tháng Tư năm 1967 ở Samlaut, Pol Pot quyết định thành lập Quân đội Cách mạng để bắt đầu cuộc chiến đấu vũ trang chống lại chế độ Sihanouk. Ngày 17 tháng Giêng/1968, du kích Khmer Đỏ tổ chức các cuộc phục kích, bắt cóc, ám sát rời rạc lực lượng và viên chức chính phủ. Mặc dù đảng Cộng sản Việt Nam hết sức bối rối và mệt mỏi vì sự phát triển này, Sihanouk, chẳng biết gì về những rạn nứt có tính cách chiến thuật giữa hai đảng Cộng sản, liền đổ lỗi cho Hà Nội và Bắc Kinh khuyến khích cuộc xung đột. Một sử gia hàng đầu của Phong trào Cộng sản Kampuchia viết “Đảng Cộng sản Kampuchia càng thắng lợi thì càng bất lợi cho con đường tiếp vận và vùng đất thánh của Việt Nam (CS) ở trong lãnh thổ Kampuchia. Dù thế nào đi nữa, Việt Nam (CS) cũng đã cố gắng làm suy giảm cuộc đấu tranh của đảng Cộng sản Kampuchia và chắc chắn đã làm gia tăng căng thẳng và ngờ vực giữa hai đảng này.” (22)

Sihanouk đáp ứng cuộc nổi dậy của nông dân bằng cách tăng cường đàn áp phái Tả, kết quả là làm cho tình hình chính trị trở nên phổ quát hơn. Những nhà kinh tế tốt nghiệp ở đại học Sorbonne, Khieu Samphan và Hou Youn và những trí thức Cộng sản khác như Hu Nim, -ông này đã hoạt động lâu năm trong hệ thống chính quyền của Sihanouk-, trốn vào rừng. Mặt khác, những nhà chính trị hữu phái, các tướng lĩnh, những người chống lại chính sách chống Mỹ của Sihanouk, và trong trường hợp riêng lẻ, chống lại việc khước từ viện trợ Mỹ của Sihanouk năm 1963, buộc ông ta chịu trách nhiệm về sự hiện diện các vùng đất thánh của Việt Cộng ở Kampuchia và mối đe dọa đang gia tăng của đảng Cộng sản Kampuchia. Tới năm 1968, Sihanouk thêm nghi ngờ có sự giúp đỡ của Trung Hoa. Sự quá độ của cách mạng Văn hoá Trung Hoa tạo ra xáo trộn có mức độ ở Kampuchia, làm Sihanouk giao động. Nếu Trung Hoa không còn tôn trọng người giữ ngôi vị lãnh đạo quốc gia của họ, Lưu Thiệu Kỳ, vì lý do lý thuyết, thì Sihanouk lo lắng hiểu rằng làm thế nào ông có thể bảo đảm được số phận của chính ông. (23) Sihanouk cũng lo lắng việc Việt Cộng gia tăng xử dụng lãnh thổ của Kampuchia. Quân số Mỹ gia tăng ở Việt Nam dưới thời kỳ tổng thống Lyndon Johnson khiến ông phải xét lại quan điểm của ông trước kia cho rằng sự chiến thắng của Cộng sản là không thể nào tránh được. Sihanouk

không những thiết lập lại quan hệ ngoại giao với Hoa Thịnh Đốn năm 1969 mà còn vội vàng báo cho Hoa Kỳ biết rằng ông ta “sẽ nhắm mắt lại” nếu Mỹ đánh bom các vùng đất thánh của Cộng sản tại nơi không có đông dân cư ở Kampuchia.(24)

Việc Sihanouk bày tỏ sự nể trọng trước sức mạnh của Mỹ chỉ nhằm giúp củng cố vị thế tướng Lon Nol và ông hoàng Sirik Matak, lãnh tụ khối đối lập Không-Cộng sản, thấy rằng điều họ chỉ trích Sihanouk là đúng hoàn toàn. Kinh tế suy sụp nghiêm trọng làm cho mọi việc thêm phức tạp. Trong tình hình căng thẳng hồi mùa xuân năm 1970, những người thuộc cánh hữu tìm được cơ hội lý tưởng để chống lại Sihanouk và sách lược của ông này tìm bảo đảm từ phía Việt Cộng và Bắc Việt Nam. Sự lo lắng của những người thuộc cánh hữu trùng hợp khít khao với mối quan tâm của Mỹ về việc quét sạch các vùng đất thánh trong lãnh thổ Kampuchia để đạt thắng lợi ở Nam Việt Nam. Mặc dù không có chứng cứ chắc chắn cho thấy các viên chức cao cấp Mỹ có liên hệ trực tiếp âm mưu chống lại Sihanouk, Hoa Thịnh Đốn cũng biết trước âm mưu lật đổ Sihanouk và họ chẳng làm gì để ngăn chặn. Trong khi Hoa Kỳ hoan hô việc Sihanouk kín đáo giúp chống lại Cộng sản Việt Nam, sự xung khắc với ông quá sức mãnh liệt khiến Hoa Kỳ phải can thiệp vào Kampuchia. Cuối cùng, một cách trung thành, nhóm chống Việt Nam (CS) và thân Mỹ chống Sihanouk ra tay. Một cựu nhân viên phân tích CIA, Frank Snepp viết rằng: “Chúng tôi xoa tay và nắm lấy cơ hội.” (25).

Tại Phnom Pênh, giữa các cuộc biểu tình hỗn loạn của sinh viên chống Việt Nam (CS) và lục phá tòa đại sứ Bắc Việt, quốc hội do cánh hữu chiếm đa số đã truất phế Sihanouk (18 tháng Ba/1970), trao quyền cho thủ tướng kiêm bộ trưởng quốc phòng Lon Nol. Lúc này, Sihanouk đang trên đường Moscow về Bắc Kinh. Nơi này trở thành ngôi nhà thứ hai của ông.

Cuộc đảo chánh chống Sihanouk đe dọa phe Tả ở Kampuchia cũng như vùng đất thánh và đường tiếp tế của Việt Cộng. Bằng một hành động, nhóm đảo chánh đẩy Khmer Đỏ và Cộng sản Việt Nam trở thành một thứ liên minh khập khiễng chống lại kẻ thù chung: Chính quyền Lon Nol do Mỹ hỗ trợ. Điểm then chốt quan trọng của liên minh này là việc truất phế thái tử Sihanouk. Trong khi Khmer Đỏ cần đến tên tuổi ông ta để khoác cái áo chính danh với quốc tế và lôi kéo sự ủng hộ của nông dân trong nước thì phía Việt Nam (CS) thấy ông ta không những chỉ là cái cột trụ để chống lại Hoa Kỳ và Lon Nol mà còn là một sự bảo đảm chống lại việc cai trị của nhóm Pol Pot.

Ngược lại, thái độ Trung Hoa mơ hồ hơn. Sihanouk phủ nhận lý lẽ -do Hà Nội đưa ra một cách mạnh mẽ, có thêm phân tích Tây Phương- ban đầu Trung Hoa lưỡng lự ủng hộ ông ta. Sihanouk nói: “Từ lần gặp gỡ đầu tiên (ngày 19 tháng Ba) tại nơi tôi cư trú, Chu Ân Lai và tôi đã thỏa thuận sự việc do bọn phản loạn tạo ra không bao giờ được chấp thuận và tính chất “hợp pháp” của chế độ Khmer mới này sẽ bị chống tới cùng”. Tuy nhiên, Chu đã không có cố gắng nào để thúc đẩy Sihanouk bắt tay với Khmer Đỏ. Theo Sihanouk, ông ta có mang một bức thư của chủ tịch Mao, thư nói rõ rằng:

“Bắc Kinh cần thận xem xét bất cứ quyết định nào của thái tử. Nếu ông ta muốn kết thúc sự nghiệp chính trị của ông do cuộc đảo chánh ngày hôm qua, Trung Hoa sẽ tôn trọng quyết định đó, nhưng nếu Sihanouk quyết định lãnh đạo phong trào giải phóng quốc gia kháng chiến chống Mỹ để giành lại Kampuchia, Trung Hoa sẽ ủng hộ thái tử Sihanouk và sẽ dành cho ông ta tất cả những gì có thể giúp được.” (26)

Sihanouk giải thích có vẻ thiên lệch như là tại sao Bắc Kinh vẫn còn một thời gian duy trì liên hệ với chế độ Lon Nol. Rõ ràng Trung Hoa không muốn cắt đứt quan hệ với Phnom Pênh mà không chắc rằng việc chống đối bằng vũ lực sẽ được thực hiện. Đặc biệt, cuộc đảo chánh đã xảy ra vào lúc, -do hậu quả xung đột vũ trang với Liên Xô-, Bắc Kinh đang tìm cách cải thiện bang giao với Hoa Thịnh Đốn. Trung Hoa thấy rằng dính dáng đến cuộc chiến tranh chống Lon Nol chỉ làm cho mối quan hệ với Mỹ thêm u ám.



Về sau, Việt Nam (CS) tuyên truyền rằng Bắc Kinh đã thông đồng với Lon Nol để ngăn không cho Việt Cộng thắng lợi ở Miền Nam. Tuy nhiên, phát ngôn viên chính thức của đảng CS Việt Nam, Hoàng Tùng, vào hồi tháng Ba/1970 nói với tôi, rằng Trung Hoa không ưa gì Sihanouk vì Sihanouk phê bình Mao trong cuộc Cách mạng Văn hóa. Tùng nói: “Và mấy ông bạn Cộng sản của chúng tôi ở Kampuchia nuôi dưỡng lòng thù địch Sihanouk vì hành động tàn sát Cộng sản của ông này. Trong khoảng 1955 đến 1965, Sihanouk đã giết rất nhiều cán bộ Cộng sản... (27) Khi Sihanouk đang ở Bắc Kinh (3/1970), Chu Ân Lai cũng như Pol Pot chẳng có ai đề nghị Sihanouk đứng về phe kháng chiến. Chính là chúng tôi, chúng tôi có sáng kiến ấy”. Phạm Văn Đồng (người lãnh đạo một phái đoàn Việt Nam (CS) bí mật thăm Bắc Kinh ba ngày sau khi có cuộc đảo chánh) thuyết phục Chu Ân Lai, trong khi Phạm Hùng, (một thành viên bộ chính trị đi theo Đồng, ông này trước 1970 vẫn giữ quan hệ mật thiết với Khmer Đỏ) thì thuyết phục Pol Pot.

Sihanouk xác nhận rằng ông ta được Đồng nồng nhiệt ủng hộ. Ngày 23 tháng Ba, -một ngày sau khi Sihanouk họp rất lâu với Đồng-, Sihanouk kêu gọi kháng chiến vũ trang. Trong một bức thư

viết tay gửi cho thái tử vào ngày hôm sau, khi rời Bắc Kinh, Đồng nói rằng “nhân dân Việt Nam có tình hữu nghị sâu xa với nhân dân Kampuchia, ngưỡng mộ và kính trọng Ngài, chính sách của Ngài và công cuộc đấu tranh do Ngài lãnh đạo trong vai trò người đứng đầu nhân dân Kampuchia anh hùng” (28). Năm năm sau những cuộc họp đó, các nhà lãnh đạo Hà Nội và Sihanouk có quan hệ mật thiết với nhau trong nông ản và nhiệt tình.

Trong những ngày Đồng đề nghị giúp đỡ Kampuchia, các đơn vị quân Việt Cộng tiến về các làng mạc phía đông Kampuchia, phân phát truyền đơn và phát thanh lời kêu gọi của Sihanouk. Cảm tình với Sihanouk của nông dân đã làm cho hàng trăm người tham gia các đơn vị do Việt Nam (CS) trang bị và huấn luyện, biến họ thành một lực lượng quân sự Sihanouk, gọi là Khmer Rumdo (Khmer giải phóng). Các huấn luyện viên Bắc Việt Nam cũng thiết lập các trường quân sự tại tỉnh Kratié ở phía đông bắc để huấn luyện cho những tân binh này. Dưới cái Sihanouk gọi là “hậu quả hiển nhiên và mộc chắn anh dũng” do Bắc Việt Nam tạo ra, lực lượng kháng chiến Khmer phát triển từ 4 ngàn người hồi tháng Ba/1970 lên tới 30 ngàn năm 1975. Pháo binh Việt Nam (CS), xe tăng và các sư đoàn bộ binh tấn công tiêu hao các chiến dịch quân sự của Lon Nol nhắm mục đích giảm thiểu các thành phố đang bị Khmer Đỏ bao vây. Tới cuối năm 1972, khi các đơn vị Khmer Đỏ và Khmer Rumdo bắt đầu tự hoạt động lấy, thì quân đội thường trực Bắc Việt Nam đánh vỡ hậu tuyến quân đội Lon Nol và một khu vực rộng lớn ở Kampuchia đã nằm dưới quyền kiểm soát của quân kháng chiến.

## Liên minh thuốc độc

Chính sự thành công của cuộc kháng chiến nói lên được mối liên minh giữa Hà Nội và đảng Cộng sản Kampuchia vào thời kỳ đầu. Mặc dầu có sự cải thiện bề ngoài, sau tháng Ba/1970, nhóm Pol Pot vẫn dè dặt đối với Việt Nam. Trong hồi ký của Sihanouk, ông mô tả thời kỳ 1970, 71 khi các bộ trưởng Chính phủ Kháng chiến Khmer viếng thăm Hà Nội, nói với nhau về “Youn đạo đức giả” (Youn= bọn dã man # Việt Nam - chú thích của nd) và “nhân dân Khmer cần phải coi chừng tham vọng bá chủ của Bắc Việt Nam sau khi họ chiến thắng xâm lược Mỹ và Lon Nol phản bội”. Bởi tai vách mạch rừng, Sihanouk bị châm biếm chua cay, khi những lời này được báo cáo cho tướng Võ Nguyên Giáp. Vào ngày hôm sau, khi nói chuyện với Sihanouk, Giáp nổi giận. Giáp nói với Sihanouk rằng những người lãnh đạo có “dấu hiệu chống Việt Nam (CS), ngay tại Hà Nội này, đã xúc phạm chúng tôi vô cùng, bởi vì mỗi ngày chiến sĩ của chúng tôi, rời xa quê hương thân yêu, từ bỏ gia đình thân yêu, chiến đấu và hy trên mảnh đất Kampuchia anh chị em,

sát cánh chống kẻ thù chung, để cứu giúp và giải phóng Kampuchia, đất nước của Ngài.” Những lời nói chi li của Giáp bùng nổ như vậy là nhằm vào những lời nói và hành động xảy ra trong nhà khách ở Hà Nội, và cũng do từ thất vọng mà Việt Nam (CS) quá kinh nghiệm với Khmer Đỏ. Trong những cuộc thương thảo với Lê Duẩn ở Hà Nội hồi tháng Tư/1970, Pol Pot bác bỏ đề nghị của Việt Nam thành lập một bộ chỉ huy quân sự hỗn hợp. Trong hai năm 1970-71, mặt trận Khmer mới hình thành đã giành chính quyền từ tay Việt Cộng tại các làng mạc mới giải phóng. Năm 1971, mối quan hệ giữa binh lính Khmer Đỏ và Việt Nam (CS) trở nên căng thẳng. Hồi năm 1978, Khmer Đỏ tố cáo -nhưng không trưng bằng chứng- rằng Việt Nam (CS) âm mưu đầu độc Pol Pot trong một cuộc họp ở Hà Nội hồi tháng Mười một/1970. Tuy nhiên, lời tố cáo mơ hồ ấy rõ ràng phản ánh sự căng thẳng hiện đang tồn tại. Theo một bản báo cáo của CIA hồi tháng Chín/1970, quân Khmer Đỏ nổ súng vào quân Cộng sản Việt Nam từ phía sau trong khi lực lượng này đang tấn công quân đội Lon Nol tại Kompong Thom.(29)

Nguyễn thị Cư, một người Việt Nam sống sót sau khi Khmer Đỏ tấn công vào Tây Ninh là một trong hàng ngàn người Việt Nam sống ở Kampuchia chạy trốn khỏi vùng Khmer Đỏ năm 1972. Gia đình bà ta từ Bắc Việt vào làm phu đồn điền cao su Pháp ở Chup (Kampuchia). Chồng và hai người em trai theo Việt Cộng hồi cuối thập niên 60 và sau khi Sihanouk bị lật đổ thì họ tiếp xúc với Khmer Đỏ. Từ cuối năm 1971, -như bà ta kể với tôi hồi năm 1978- Khmer Đỏ bắt đầu quấy rối người Việt Nam ở trong đồn điền và không bán gạo cho họ nữa. “Quân giải phóng Việt Nam cố gắng bảo vệ chúng tôi, nhưng càng lúc càng khó khăn. Vì vậy năm 1972, người em ở bộ đội của gia đình tôi giúp chúng tôi trốn khỏi Kampuchia”.

Sự căng thẳng âm ỉ giữa Việt Nam (CS) và Khmer Đỏ tạo ra cuộc khủng hoảng hồi cuối năm 1972 khi -ở giai đoạn cuối của cuộc thương thuyết hòa bình giữa Mỹ và Việt Nam (CS) tại Paris, - có cố gắng nhằm đưa Khmer Đỏ nói chuyện với Lon Nol. Henry Kissinger nói rằng yêu cầu này phải được gửi tới cho lãnh tụ Khmer Đỏ trong các cuộc họp bí mật hồi cuối 1972, và lần cuối cùng, từ ngày 24 đến 26 tháng Giêng/1973 trong lần gặp giữa Phạm Hùng, ủy viên bộ Chính trị và Pol Pot. Đề nghị này bị từ chối một cách khinh miệt. Pol Pot thấy rằng tình hình quân sự có thể đưa tới chiến thắng mau lẹ từ khi chế độ Lon Nol bị cô lập và bị mất tín nhiệm, đang thối bại cuối cùng. Việt Nam (CS) cảnh cáo Khmer Đỏ cho rằng việc từ khước của họ sẽ bị Hoa Kỳ trừng phạt nặng nề như đã từng thấy. Sau đó, trong cuốn “Sách Đen” nói rằng Việt Nam đã tới đường cùng và muốn tạm ngưng chiến, nhưng họ không muốn cuộc kháng chiến của người Kampuchia đạt tới thắng lợi bởi vì rồi ra Kampuchia không thể nào trở thành một vệ tinh của Việt Nam được.(30)

Nhưng việc trừng phạt thì Việt Nam nói đúng. Không ràng buộc vào nhiệm vụ trong phần còn lại của chiến trường Đông Dương, các pháo đài bay Mỹ đã thả 257 ngàn tấn bom xuống Kampuchia trong khoảng thời gian từ tháng Hai đến tháng Tám/1973, hơn một nửa số bom Mỹ đã thả xuống Nhật bản trong Thế chiến thứ II. Một số lớn dân chúng thương vong. Bốn năm sau, ngôi trong ngôi nhà hình dạng như cái pháo đài, tòa đại sứ Kampuchia Dân chủ ở Hà Nội, In-Sivouth cay đắng nhắc lại “Việt Nam phản bội” khi họ ký hiệp định hòa bình riêng rẽ với kẻ thù, để Hoa Kỳ trực tiếp đổ cơn thịnh nộ xuống Kampuchia. Lời tố cáo này là một ví dụ cổ điển về định kiến chủng tộc và tình cảm thù địch có tính lịch sử do nhóm Pol Pot dẫn đầu, nhằm đổ tội cho Việt Nam về tất cả những điều bất hạnh của họ. Rõ ràng các nhà lãnh đạo Hà Nội chẳng quan tâm gì nhiều tới cuộc chiến đấu của nhân dân Kampuchia khi cuộc chiến đấu này không nằm trong mục đích của họ. Bên cạnh đó, những nhà lãnh đạo Khmer Đỏ cũng chẳng có nhiệt tình giúp đỡ Việt Nam thống nhất đất nước. Cũng khá mai mỉa nếu như thỏa hiệp hòa bình với Việt Nam (CS) làm cho Mỹ rảnh tay ở Kampuchia, mặc nhiên mở cuộc ném bom. Theo Kissinger, Chu nói là ai “cần hành động quân sự của chúng tôi ở Kampuchia vì hậu quả chính sách của họ thì hầu như chúng tôi đã làm rồi.” Việc Mỹ bỏ bom, theo ông ta là một chút tranh cãi để có được

liên minh Trung Hoa - Khmer Đỏ chấp thuận ngồi lại thảo luận với Sihanouk xem ông này là người lãnh đạo.”(32)

Bảy tháng sau, khi Khmer Đỏ từ chối nói chuyện với Lon Nol và đạt được nhiều tiến bộ quân sự đáng kể, Chu vẫn còn chú tâm đến việc thương thảo với Lon Nol. Thất bại trong việc thuyết phục Khmer Đỏ tới bàn hội nghị, tháng 2/1973, Việt Nam (CS) đề nghị Kissinger nói chuyện với Sihanouk. Tám năm sau, khi viết về việc này, Kissinger cho hay đã loại bỏ đề nghị của Việt Nam (CS) như là một sự “đột ngột” nếu so với quan tâm của Chu là đưa Sihanouk trở lại cầm quyền. (33) Tuy nhiên, có chứng cứ đầy đủ là Việt Nam (CS) đã nghiêm nghị xem xét lá bài Sihanouk, và trong bất cứ trường hợp nào họ cũng rảnh tay hơn Chu để đối phó với Khmer Đỏ.

Tuy nhiên, vài nhà quan sát nghi ngờ việc Chu thật sự muốn thái tử trở lại cầm quyền hoặc Chu chỉ muốn xử dụng uy tín của Sihanouk trong dân chúng Kampuchia và trên trường quốc tế để bảo đảm chiến thắng cho Khmer Đỏ, đồng minh lý tưởng của Trung Hoa. Cũng có thể có khả năng vị thủ tướng bệnh hoạn gần qua đời này, người đã từng đối đầu sự chống đối mạnh mẽ của nhóm cực đoan do Giang Thanh, vợ của Mao - lãnh đạo. Năm 1973 sự căng thẳng càng khích lệ Sihanouk chống lại Khmer Đỏ. Vào cuối năm 1974, khi Pháp thực hiện một nhiệm vụ ngoại giao bí mật hợp tác với Hoa Thịnh Đốn nhằm giành lại quyền hành cho Sihanouk giữ vai trò lãnh đạo một liên minh rộng lớn, Trung Hoa quyết định bằng một thái độ nước đôi. (34)

Dù thái tử vẫn tỏ lòng cảm ơn tình bạn của Chu và bảo vệ thái tử chống lại Khmer Đỏ, trong những lúc nghi ngờ như một lần ông ta nói với tôi với vẻ buồn bã: “Tôi nghĩ Trung Hoa biết rõ ngay từ đầu Khmer Đỏ muốn loại trừ tôi.” Trong suốt cuộc nói chuyện trong ngôi nhà sang trọng của ông ở Bắc Kinh hồi tháng Tư/1980, ông ta hồi tưởng những năm sau khi bị lật đổ. Đầu năm 1971, Sihanouk tiếp tục yêu cầu Chu buộc Khmer Đỏ đưa ông ta về thăm vùng giải phóng ở Kampuchia. Trong cuộc sống lưu vong ở Bắc Kinh, ông ta lý luận là ông ta ít được quốc tế tin ông là người đứng đầu chính phủ kháng chiến. Nhưng lời yêu cầu của ông ta vô ích. Sihanouk nói: “Điều xúc phạm tôi chút ít là ngay từ đầu, Trung Hoa chẳng ủng hộ chút nào cả (trong cố gắng đi thăm Kampuchia).” Chu từ chối việc Sihanouk muốn thực hiện chuyến đi, nói rằng nguy hiểm. Con đường độc nhất đi vào vùng giải phóng Kampuchia là phải qua đường mòn Hồ Chí Minh -mục tiêu bị đánh bom thường xuyên- Sau khi hiệp nghị Paris ký kết, Sihanouk hỏi Ieng Sary (Ông này sống ở Bắc Kinh từ tháng Tám/1971 đến tháng Tư/75, giữ nhiệm vụ liên lạc với đảng Cộng sản Trung Hoa và cũng là một tên chó săn theo dõi ông hoàng bất thường này) là bây giờ ông ta có thể về thăm quê hương được không?! Câu trả lời cụt ngắn là “Không”. Sihanouk cố gắng tìm cơ may thêm một lần nữa với Hà Nội. Từ khi ông ta cư ngụ ở Bắc Kinh, mỗi năm, nhằm dịp Tết âm lịch, ông ta thường đi Hà Nội. Đây cũng là cách ông hoàng muốn tỏ tình đoàn kết với Việt Nam. Trong dịp Tết hồi tháng Hai/ 1973, Sihanouk yêu cầu Phạm Văn Đồng can thiệp với Khmer Đỏ. Ông ta nói: “Ông có cách gây áp lực với Khmer Đỏ. Họ không thể tiếp tục chiến đấu nếu ông không vận chuyển tiếp liệu của Trung Hoa cho họ.” Đồng nói với Khmer Đỏ rằng “Sihanouk phải trở về Kampuchia, bằng không ông ta không thể đại diện đất nước ông, có đủ danh dự và tư cách tại cuộc họp ở Alger”. Sau đó, Đồng họp rất lâu với Ieng Sary, thảo luận với ông này về khả năng để cho ông hoàng về thăm vùng giải phóng nhưng Ieng Sary vẫn không nhúc nhích. Cuối cùng, Đồng nói với Trung Hoa. Và thành công. Sihanouk kê lại: “Sau khi tôi trở về Trung Hoa, Ieng Sary nói với tôi rằng tôi được phép về nội địa (đi thăm Kampuchia). Đó là sự thành công của Đồng.” (35)

Chuyến trở về lịch sử của Sihanouk xảy ra ba năm sau khi ông ta bị lật đổ. Do áp lực của Hà Nội, có thể chuyến đi ấy tốt đẹp. Tuy nhiên, chuyến đi đó cũng cho Sihanouk thấy sự căng thẳng đang gia tăng giữa Khmer Đỏ và cái gọi là đồng chí Việt Nam. Tháng Ba/1973, trên chuyến bay Antonov 26 của không quân Việt Nam (CS), ông hoàng bay từ Hà Nội tới Đồng Hới ở cuối Bắc Việt Nam. Nguyễn Thương, đại sứ đặc nhiệm tháp tùng Sihanouk tới Kampuchia, và dĩ nhiên cả “cái bóng” của ông ta: Ieng Sary, và bà hoàng Monique, đi dọc theo đường mòn Hồ

Chí Minh bằng xe “command car”. Trong một tháng rông ở vùng Khmer Đỏ kiểm soát phía bắc và đông bắc Kampuchia, ông ta nghe những lời tố cáo Việt Nam (CS) cố gắng diệt trừ Khmer Đỏ từ trong trứng nước. Son Sen nói với ông ta: “Lính Việt Nam ăn cắp, hãm hiếp phụ nữ, thiết lập căn cứ bên trong nội địa Kampuchia mà không được phép, bắt người Khmer phục vụ như là thành phần trừ bị trong quân đội Việt Nam và cướp hàng tiếp liệu của Trung Hoa viện trợ cho Kampuchia”. Khiêu Samphan thì nói với ông ta Việt Nam đang chuẩn bị đưa một chính phủ lên cầm quyền ngụy danh chính phủ Kampuchia nhưng thực sự là nô lệ Việt Nam.

Trong khi Sihanouk nghe những tiết lộ bí mật về các đồng chí Việt Nam, Pol Pot, người theo dõi ông hoàng trong bóng tối, và các bạn của ông ta có thể thấy sự nhẫn nhin của nhà cai trị đã bị truất phế này. Mặc dù có sẵn một bức tường an ninh bao quanh Sihanouk, trong những cuộc họp với dân chúng, chẳng có sai lầm nào về lòng trung thành và tình cảm mà ông hoàng đã tạo nên trong dân chúng. Vừa khi ông hoàng kết thúc chuyến thăm viếng, nhóm Pol Pot đưa ra một chiến dịch phỉ báng Sihanouk, tăng cường loại trừ ảnh hưởng Việt Nam (CS). Những phần tử cán bộ Khmer Đỏ theo Sihanouk, hoạt động lâu năm trong dân chúng, bắt đầu bày tỏ mặt thực của họ bằng cách thóa mạ ông hoàng trong các cuộc họp công cộng: “Trước kia, tất cả chúng tôi (Khmer Đỏ) nói rằng “Chúng tôi muốn Sihanouk”, bây giờ thì không còn nữa.” Năm 1973, một người ty nạn nói: “Trước kia, ông có thể nói bất cứ gì về Sihanouk, nhưng bây giờ ông không thể đưa ra một bức hình của Sihanouk.” Không ai dám thách mắc chính sách này, người tị nạn ấy giải thích: “Bởi thách mắc có nghĩa là chết.”(36) “Họ chuẩn bị một ngày cho đảng, không phải là ngày cho Sihanouk lên cầm quyền. Giữa năm 1973, để mở rộng phần lãnh thổ và kinh tế do đảng kiểm soát, đất tư hữu và việc dùng tiền bị bãi bỏ, thành lập hợp tác xã nông nghiệp. Các thương gia, ngư dân Việt Nam bị đuổi ra khỏi Kampuchia. Những cư dân Việt Nam vẫn còn ở lại Kampuchia được tập trung vào các hợp tác xã mà theo Sihanouk, “mau lẹ trở thành các trại tập trung.”

Các bản tường trình hồi cuối năm 1973 nói về các cuộc đụng độ giữa Khmer Đỏ và Khmer Rumdo bắt đầu xì ra. Một tỉ dụ là hồi tháng 11/1973, một cuộc chạm súng xảy ra ở tỉnh Kandal sau khi Khmer Rumdo từ chối lời yêu cầu của Khmer Đỏ biểu ngưng hợp tác với Việt Cộng và Bắc Việt Nam. Kem Quinn, một viên chức tòa lãnh sự Mỹ ở Cần Thơ báo cáo về Hoa Thịnh Đốn ngày 24 tháng 2/1974 “Khmer Rumdo được Việt Cộng và quân Cộng sản Bắc Việt yểm trợ giết 42 tên KK (Khmer Krom hay Khmer Đỏ) và đánh đuổi số còn lại. Từ đó Khmer Rumdo và Khmer Đỏ vượt qua sông Mekong, xâm nhập lãnh thổ của nhau.” (37)

Năm 1974, Khmer Đỏ gia tăng chính sách kinh tế triệt để, -hợp tác xã nông nghiệp và thủ tiêu thương nghiệp- bắt đầu thanh trừng những phần tử chống đối thật sự hay bị nghi ngờ chống chính sách này. Tháng Tám/1974, bảy mươi một cán bộ được Hà Nội huấn luyện ở vùng phía đông Kampuchia được “tập trung học tập”, qua đó, họ bị khiển trách nghiêm khắc nên phải trốn qua phía Việt Nam (CS). Mười người mất tích. Số còn lại bị bắt, bị cưỡng bức lao động có giám sát. Một người trong bọn họ, Hem Samin, bây giờ có lẽ là người sống sót độc nhất trong nhóm họ, trốn qua được Việt Nam. Tại vùng tây nam Kampuchia, 91 cán bộ từ Hà Nội về đã bị hành quyết hồi tháng 9/1974.(38) Một trong những người sống sót, Yos Por, trốn thoát và chạy qua phía Việt Nam. Cả Samin lẫn Por sau này trở thành những người lãnh đạo được Hà Nội hỗ trợ chống lại Pol Pot.

Hiệp định Paris năm 1973 cũng đánh dấu thời kỳ Khmer Đỏ bắt đầu tấn công các vị trí quân sự Việt Nam, bệnh viện, và các căn cứ bên trong nội địa Kampuchia- Tấn công, theo cách giải thích của nhóm Pol Pot, là do sự hiểu lầm và vô kỷ luật của binh lính cấp dưới. Hai nhân viên của cơ quan Thông tấn xã Việt Nam bị giết vì “sai lầm” trong khi họ thăm viếng tỉnh Kompong Cham hồi tháng 10. Tháng 2/1975, toàn bộ một nhóm cán bộ văn hóa của Mặt trận Giải phóng Miền Nam Việt Nam đã bị phục kích chết trong khi họ từ Mỹ Tho vòng qua biên giới Kampuchia để đến vùng giải phóng thuộc tỉnh Tây Ninh. Khi những nhà lãnh đạo Việt Cộng yêu cầu giải thích, phía Kampuchia trả lời là do binh lính vô kỷ luật thực hiện. Năm 1973, Trần

Thanh Xuân, phó giám đốc Việt Nam thông tấn xã, nói với tôi là các viên chức khác, ít ra là ngang hàng với ông ta, chẳng ai nghĩ việc giết chóc này là hành động của đảng Cộng sản Kampuchia. “Chúng tôi cho việc đó là thương vong không thể tránh được trong chiến tranh”. Tuy nhiên, cũng khó mà tin rằng những người trong Bộ chính trị hiểu rõ những gì đã xảy ra. Không muốn tranh cãi với Pol Pot trong khi vẫn còn cần những an toàn khu trong nội địa Kampuchia, Hà Nội giả vờ chấp thuận lời giải thích của Khmer Đỏ. Việt Nam (CS) tin rằng “đường hướng điều chỉnh” sẽ nổi lên từ nội bộ Kampuchia, khước từ chủ nghĩa Chauvin của Pol Pot. Nhiệm vụ chính yếu của Hà Nội là chiếm miền Nam, không làm cho cuộc xung đột với “đồng minh bưng bình” này thêm trầm trọng. Vì vậy, mặc dù có sự căng thẳng giữa hai bên, Việt Nam vẫn đi tới. Để đáp lại yêu cầu của Khmer Đỏ, họ gởi các đơn vị công binh và pháo binh tới để cuối cùng bóp chết Phnom Pênh.

Pol Pot cũng vậy, tiếp tục duy trì bề ngoài tốt đẹp với Việt Nam (CS). Ngày 3 tháng Mười/1974 ông ta viết một bức thư cảm ơn đảng Cộng sản Việt Nam, nhấn mạnh rằng “Sự thắng lợi chúng tôi đạt được là sự thắng lợi của tình đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau giữa đảng và nhân dân hai nước.” Những lời nói này được viết xuống sau khi hàng ngàn người Việt Nam bị đùôi ra khỏi Kampuchia, các cán bộ do Hà Nội huấn luyện bị hành quyết, và các căn cứ của Việt Nam bị tấn công. Những chữ viết khó hiểu cũng như những văn thư khác bao gồm cả những lời Pol Pot trấn an Lê Đức Thọ: “Tất cả chân thành từ đáy trái tim của tôi”, rằng ông ta vẫn luôn luôn trung thành với con đường đoàn kết vĩ đại, tình hữu nghị cách mạng giữa Kampuchia và Việt Nam (39). Vì cần có sự cân bằng lực lượng bên trong nội bộ đảng Cộng sản Kampuchia và vì tình hình địa phương hay quốc tế chưa cho phép mở tra những cuộc đối đầu với Việt Nam, ba năm nữa trôi qua

trước cái ngày phải đến.

## Bắc Kinh: Ra mắt

---

Đối với phó thủ tướng Kampuchia dân chủ Ieng Sary, bản tin ngày 13 tháng Mười/1976 giống như trên trời xanh rớt xuống. Ông ta thấy khó mà ở trong ngôi nhà khách ở Belgrade sau chuyến bay mệt mỏi từ Nữ Ước đến. Dusan Gaspari, giám đốc Á châu sự vụ của bộ Ngoại giao Nam Tư và là người chính thức tiếp xúc với Ieng Sary ở Belgrade, mặt mày nghiêm nghị, đi vào phòng khách. Ông ta nói: “Thưa ngài, tôi được sai đến thông báo cho ngài hay tình hình đang diễn ra ở Trung Hoa: Bà Giang Thanh, các ông Trương Xuân Kiêu, Diêu văn Nguyên, và Vương Hồng Văn đã bị bắt về tội phản đảng và phản quốc.” Về sau, Gaspari mô tả lại màu sắc hiện ra trên khuôn mặt choáng váng của Ieng Sary lúc ấy. Ieng Sary thì thảo trong họng chỉ vừa đủ nghe: “Không! Không thể có được! Họ là những người tốt.” (1)

Từ mùa thu năm 1971, khi Ieng Sary tới Bắc Kinh, làm đại diện cho đảng Cộng sản Kampuchia bên cạnh đảng Cộng sản Trung Hoa, y là bạn của những phần tử cực đoan này.

Những người trẻ thường gây bất hòa này đã trở nên nổi tiếng trong những ngày xáo trộn của cuộc Cách mạng Văn hóa khi Mao gọi Hồng Vệ Binh “oanh tạc vào các cơ quan đầu não” của đảng Cộng sản Trung Hoa và loại trừ bọn xét lại. Một người đặc biệt, Diêu Văn Nguyên, từ trong bóng tối tiến lên, từ một nhà phân tích văn chương ở Thượng Hải, đạt tới ngôi vị trong bộ Chính trị năm 1969, trở thành một người bạn rất thân của Ieng Sary. Ngoài những quan điểm khác, họ chia sẻ với nhau lòng ghét bỏ Sihanouk, coi ông này như là tên phản động hoạt đầu.(2) Tình bạn này đặc biệt có giá trị vì Diêu là người điều hành Ủy ban Ngoại vụ cơ quan trung ương đảng CS Trung Hoa. Các lãnh tụ Khmer Đỏ biết chắc họ được giúp đỡ vì chủ trương cực đoan của họ bao lâu Diêu còn là người thi hành chính sách đảng.

Việc bắt người bạn thân nhất của Sary và đồng bọn, như sau này Sary biết, xảy ra hai ngày sau khi Sary rời Bắc Kinh đi Nữ Ước để dự Đại Hội Đồng Liên Hợp Quốc hàng năm. Đêm 6 tháng Mười, ba tuần sau khi chủ tịch Mao qua đời, đơn vị quân sự đặc biệt 2341, dưới quyền chỉ huy của người cựu cận vệ của Mao, Ông Đông Hưng, mau lẹ bao vây ngôi nhà vợ góa của Mao và ba người đồng sự của bà. Tên của họ, chẳng bao lâu được tập hợp lại dưới cái tên chung là “bè lũ bốn tên”. Quyền thủ tướng Hoa Quốc Phong và bộ trưởng Quốc phòng, tướng Dương Thượng Côn, người âm mưu hành động với Ông chỉ huy cuộc hành quân vào lúc chương trình TV đang phát hình.

Tuy nhiên, khoảng thời gian ba ngày khi Sary ghé lại Bắc Kinh và thời gian ông ta nói chuyện với bộ trưởng Ngoại giao Trung Hoa Kiều Quán Hoa, Sary chẳng biết gì về âm mưu đó ở Bắc Kinh cả. Chỉ hai ngày trước, trước khi ông ta rời Nữ Ước để đi Belgrade, Sary là khách danh dự của một bữa tiệc do Kiều tổ chức. Mặc dù cũng là một người bạn của “Bè lũ bốn tên”, Kiều chẳng hé lộ chút vào về biến cố này. Bây giờ, bỗng nhiên, đất dưới chân Sary tuồng như sụp đổ.

Trong ít lần thăm viếng vừa qua ở Bắc Kinh, qua Giang Thanh, Sary biết cái chết của Mao đã gần kề. Đối với nhóm cực đoan, mọi sự sẽ không suông sẻ. Sau cái chết của thủ tướng Chu hòi tháng Giêng/1976, nhóm cực đoan được Mao hỗ trợ, loại trừ việc Mao bao che Đặng Tiểu Bình, con người thực dụng. Nhưng rõ ràng Mao không muốn Giang Thanh và phe nhóm của bà kế tục ngôi vị. Ông ta không biết gì vai trò ứng viên của Trương Xuân Kiều, đứng đầu nhóm lý thuyết của những người này. Và ông đã chọn Hoa Quốc Phong, thuộc cánh tả của đảng CS, đang đảm trách bộ Công an làm quyền thủ tướng. (3) Sau khi Mao chết, Hoa cũng nắm chức vụ chủ tịch đảng CS. Rõ ràng những người trong đảng CS Kampuchia như Pol Pot và Ieng Sary rất quan tâm đến cái chết của Mao, sợ cái chết đó sẽ làm nghiêng cán cân về phía hữu. Trước khi rời Phnom Pênh ngày 30 tháng Chín để đi Nữ Ước, Sary giúp thảo một bức điện chào mừng quyền thủ tướng Hoa nhân dịp Quốc khánh Trung Hoa. Bức điện ca ngợi cuộc Cách mạng Văn hóa của Trung Hoa và thành công của đảng Cộng sản Trung Hoa đập nát bọn “chống chủ nghĩa xã hội và bộ chỉ huy phản cách mạng Lưu Thiệu Kỳ và Đặng Tiểu Bình”. Cái ý bao hàm của bức điện là đảng CS Kampuchia hoan hô Hoa nói dài con đường cách mạng tả phái mà ông đã theo.

Cuộc đảo chánh không đổ máu ở Bắc Kinh có dự kiến cán cân hướng qua cánh hữu, và có lẽ quay lại với Đặng, người đã bị thanh trừng hai lần. Sự quan tâm của Sary đối với biến chuyển ở Trung Hoa thấy được là do hành vi bất thường của ông trong mấy tuần lễ sau.(76) Sau khi dừng chân một thời gian ngắn ở Nam Tư và Lỗ Mã Ni, Sary được Lỗ Mã Ni và cơ quan thông tấn Trung Hoa báo cho biết phải rời Bucarest ngày 16 tháng Mười. Rồi Sary biến mất, hai mươi lăm ngày sau lại xuất hiện ở Phnom Pênh. Việc di chuyển bình thường của ông ta là xử dụng hàng không Lỗ Mã Ni, Tarom, tới Bắc Kinh, rồi đáp chuyến bay nửa tháng một kỳ giữa Bắc Kinh và Phnom Pênh. Trong những chuyến đi trước, quá cảnh Bắc Kinh, ông ta thường được thứ trưởng ngoại giao đón tại phi trường, và nếu thời gian quá cảnh lâu hơn một ngày, ông ta sẽ được một thành viên bộ Chính trị CS Trung Hoa mời dự tiệc. Tất cả những hành động niềm nở này được Tân Hoa xã đưa tin. Lần này, cả người Trung Hoa cũng như giới truyền thông Kampuchia không

nói gì tới Sary sau khi ông ta rời Bucarest. Ngày 12 tháng Mười một, đài phát thanh Phnom Pênh đưa tin ông ta đón ba đại sứ được ủy nhiệm tới Kampuchia. Ông ta giữ nhiệm vụ của ông ở Phnom Pênh cho đến ngày 8 tháng Mười một thì có tin bộ trưởng Quốc phòng Son Sen giữ chức quyền bộ trưởng Ngoại giao. (4)

Ông ta đã ở đâu? Nhiều năm sau, tôi hỏi vợ ông ta là Ieng Thirith. Sary gặp bà ta hỏi ông còn là sinh viên ở Paris. Pol Pot yêu bà chị của Thirith, Khieu Ponnary, bà này cũng là sinh viên ở Paris. Hai chị em và chồng của họ trở thành những cặp vợ chồng có quyền lực nhất ở Kampuchia, nói theo kiểu Sihanouk là “Bè lũ bốn tên”. Thirith nhã nhặn trả lời là không biết. Bà ta nói với tôi: “Ông biết, chúng tôi thường không sống gần nhau.” Theo người ta cho biết thì Sary ở suốt ba tuần lễ tại Trung Hoa. Giới truyền thông Trung Hoa im lặng là vì tính cách riêng của công việc ông ta ở đó, hoặc có lẽ vì nó phù hợp với điều ông ta muốn dấu mắt bởi vì Trung Hoa đang trải qua một thời kỳ hỗn loạn, bất ổn định. Có lẽ ông ta đã qua một thời gian như thế vì những xáo trộn dữ dội ở Trung Hoa và ông cố tìm kiếm đảm bảo nơi các nhà lãnh đạo mới của Trung Hoa, muốn rằng cái chết của Mao và sự thanh trừng nhóm cực đoan không làm suy yếu viện trợ của Trung Hoa dành cho Kampuchia.

Mối quan tâm của Ieng Sary về viện trợ của Trung Hoa đặt căn bản trên tình cảm và ý thức hệ. Đó là nỗi lo sợ chính đáng. Trong gần một thập niên, cuộc Cách mạng Văn hóa diễn ra cùng thời với cuộc đấu tranh vũ trang ở Kampuchia và sự bành trướng của Khmer Đỏ, ý thức hệ là động lực mạnh mẽ. Giờ đây, những người cùng ý thức hệ với Sary đã bị loại ra khỏi trung tâm quyền lực ở Bắc Kinh, làm thế nào Kampuchia có thể dựa vào sự viện trợ của phe hữu ở Trung Hoa? Nhưng chẳng bao lâu sau những người lãnh đạo Kampuchia nhận ra rằng quyền lợi của Trung Hoa là điều quan trọng hơn ý thức hệ. Trung Hoa muốn bẻ cong sức mạnh của Việt Nam và chống lại Liên Xô mạnh hơn họ, hơn bất cứ một thứ ý thức hệ buồn nôn nào; những nhà lãnh đạo mới của Trung Hoa cần có Pol Pot ở Kampuchia. Chưa đầy một năm, quan hệ Trung Hoa-Kampuchia lại được củng cố, và Pol Pot xuất hiện từ trong bóng tối vô danh để ra mắt quốc tế ở Bắc Kinh.

## Sự quan tâm ở Phnom Pênh

Bên ngoài những quan tâm như thế, những người đồng sự của Ieng Sary trở về và vội vàng gởi cho Hoa Quốc Phong điện văn chúc mừng sau khi Hoa được bầu làm chủ tịch đảng CS Trung Hoa. Hầu hết các đảng anh em không ai muốn can dự vào các cuộc đấu đá bên trong đảng CS Trung Hoa. Họ chào mừng Hoa mà chẳng liên can đến việc nhóm cực đoan bị rơi đài. Nhưng người Kampuchia thì rất cần viện trợ của Trung Hoa, quá đến nỗi các nhà lãnh đạo ở Bắc Kinh không còn gì ngờ vực lòng trung thành của họ cả. Điện văn của họ cũng bày tỏ nhiệt tình đối với chiến thắng của Hoa “đập tan bè lũ bốn tên phản cách mạng”. Đây là điều phản phúc đáng lưu tâm, vì chỉ mới hơn một tháng trước, một bức điện từ Phnom Pênh gởi đi nồng nhiệt ủng hộ ngay chính những người mà bây giờ bị gọi là “bọn phản cách mạng”.

Dù vội vàng trấn an Bắc Kinh rằng những nhà lãnh đạo ở Phnom Pênh đã chịu ơn “bè lũ bốn tên”, rõ ràng Pol Pot quan tâm đến tình hình ở Trung Hoa quá nguy hiểm, đang lan rộng trong nước. Nó có thể làm cho nội bộ đảng Cộng sản Trung Hoa nghĩ rằng chủ nghĩa cấp tiến của Pol Pot, Ieng Sary đi quá xa. Điện văn gởi cho Hoa không được phát trên đài phát thanh Phnom Pênh, -nguồn thông tin độc nhất của nhân dân Kampuchia, rải rác khắp các trại lao động đơn độc -. Mãi đến ngày 2 tháng 12/1976, một tuần trước khi phái đoàn báo chí Trung Hoa đến, đài phát thanh Phnom Pênh mới tiết lộ cho thính giả tin tức về việc Hoa được bầu làm chủ tịch đảng và việc bắt giữ “bè lũ bốn tên”. Tin tức đó cũng không nói rõ thêm ai là bè lũ đó và cũng không nói rõ tội trạng của họ.

Đoàn đại biểu kinh tế và thương mại Kampuchia xuất hiện ở Trung Hoa đúng lúc tình hình xáo trộn đang xảy ra. Họ được phía chủ nhà bảo đảm rằng “Bắc Kinh luôn luôn là người bạn đáng tin cậy của chính phủ và nhân dân Kampuchia” (5). Có thể vẫn còn những hậu quả bất lợi trong số chống tả phái ở Trung Hoa có ảnh hưởng đến viện trợ cho Kampuchia và, hơn thế nữa, về mặt tinh thần của đảng Cộng sản Kampuchia, rõ ràng làm Pol Pot lo lắng. Do đó, mỗi cơ hội mà người Kampuchia có thể nhắc nhở “thành quả cuộc Cách mạng Văn hóa.” Trung Hoa (có nghĩa là tất cả những biện pháp cực tả được thực hiện trong thời kỳ 1967-71) sẽ được bảo tồn và phát triển, và cuộc đấu tranh giai cấp là mối “quan hệ cốt lõi” trong việc xây dựng đất nước. Trong bữa tiệc ngày 10 tháng Chạp chào đón đại biểu Tân Hoa Xã tới Phnom Pênh, bộ trưởng thông tin Hu Nim ca ngợi việc đập tan bè lũ bốn tên nhưng cũng chỉ ra rằng nhân dân Trung Hoa sẽ “không cho phép chủ nghĩa xét lại và giai cấp tư bản quay trở lại” - một thành ngữ biểu lộ quan tâm hơn là kết tội.

## Những cơn gió lạnh từ Bắc Kinh thổi tới

Thái độ của các nhà lãnh đạo Bắc Kinh đối với Khmer Đỏ như thế nào? “Nhận xét của các viên chức Trung Hoa viếng Phnom Pênh hồi tháng Chạp làm cho họ bớt nhiệt tình trong việc viện trợ.” Họ lịch sự làm như không biết tới những điều người Kampuchia nhắc nhở họ cần thiết tiếp tục đấu tranh giai cấp. Họ cũng không viện trợ như thường lệ cho Kampuchia “trong cuộc đấu tranh bảo vệ nền độc lập và toàn vẹn lãnh thổ.” - một cách nói gián tiếp về việc Bắc Kinh hỗ trợ cho Kampuchia chống Việt Nam. Thái độ chân chừ của họ không muốn liên can đến các cuộc tranh luận về ý thức hệ và ngay cả việc che dấu viện trợ đã dự phần vào việc lưu ý Phnom Pênh nên đứng ngoài tình hình chính trị của Trung Hoa. Trong một trường hợp, khi từ Phnom Pênh trở về, Fang Yi, bộ trưởng quan hệ kinh tế với ngoại quốc nói với đại sứ Lỗ Mã Ni ở Bắc Kinh rằng ông ta không ưa những gì ông đã thấy ở Kampuchia. “Họ đã đi quá xa trong vấn đề tự túc.” Nói chuyện với đồng nghiệp Tây phương trong suốt thời kỳ đó, đại sứ Trung Hoa ở Hà Nội không che dấu ngạc nhiên đối với chủ trương tự túc của Khmer Đỏ. Ông ta nói với các đại sứ phương Tây rằng người Kampuchia cũng không xử dụng ngay cả hàng hóa đã viện trợ cho họ - khoảng 20 triệu - số lượng Trung Hoa viện trợ năm 1975. (6)

Những lời phê bình có tính cách riêng tư của Khmer Đỏ nói rằng hồi mùa xuân năm 1977, các nhà ngoại giao và báo chí nghe các viên chức Trung Hoa phản ánh sự thay đổi đã diễn ra ở Trung Hoa khi Trung Hoa loại trừ những phần tử cấp tiến. Năm 1974, khi các phần tử cực tả vươn lên ở Trung Hoa thì một tài liệu lưu hành trong nội bộ đảng mô tả Cộng sản Kampuchia như là những phần tử sáng chói nhất, thực hiện tư tưởng Mao ở ngoại quốc. Nhưng kể từ 1975, những người tỵ nạn Kampuchia trốn chạy ra ngoại quốc tố cáo với thế giới rằng Khmer Đỏ rất độc ác. Các chính phủ Tây phương phùng chùng Khmer Đỏ chịu trách nhiệm về cái chết của hơn một triệu người trong nước từ khi họ cầm quyền. Tới cuối năm 1976, truyền thông Trung Hoa hằng ngày thóa mạ “bè lũ bốn tên” đã làm vô số tội ác khi đàn áp nhân dân. Các viên chức Bắc Kinh cũng có phần bối rối khi ở ngoại quốc, họ được xem như là quân sự ý thức hệ cho Khmer Đỏ. Một nhà bình bút tờ nhật báo Cộng sản Trung Hoa ở Hồng Kông nói với tôi hồi đầu năm 1977 “Chúng tôi không thể chỉ trích họ (Khmer Đỏ) vì chính sách của Trung Hoa là không can thiệp nội bộ các nước khác. Nhưng chúng tôi cũng cảm thấy họ đã đi quá xa trong việc thực hiện chủ nghĩa bình đẳng và tự túc.” Đặc biệt ông ta phê bình quyết định của Khmer Đỏ hủy bỏ tiền bạc, chợ búa và tài sản riêng. Ông ta chống lại việc Khmer Đỏ từ khước đi theo đường lối Mácxít Lêninít cổ điển về cách mạng xã hội chủ nghĩa tiến lên từng phần. Một viên chức Trung Hoa khác nói riêng với tôi là Trung Hoa bối rối, nhắm mắt giả điếc trước lời tố cáo của nhóm người



Hoa tỵ nạn chạy khỏi Kampuchia, yêu cầu Bắc Kinh can thiệp để ngưng việc giết chóc của Khmer Đỏ. Tuy nhiên, ông ta nói rằng Trung Hoa không thể xen vào công việc nội bộ của Kampuchia. Dù vậy, những biến cố về sau, cũng cho thấy rằng không phải do xung khắc tinh thần hay bất đồng về ý thức hệ đã có ảnh hưởng đến viện trợ của Trung Hoa cho Kampuchia mà căn bản là vấn đề chính trị vậy.

## Một lễ chu niên về việc giết người

Bằng một sự trùng hợp kỳ lạ, trong khi những cuộc đấu đá trong nội bộ đảng chống lại nhóm cực đoan đạt tới cao điểm ở Trung Hoa sau khi Mao qua đời và việc bắt giữ “bè lũ bốn tên” thì ngọn triều cũng đổi qua hướng đối nghịch ở Kampuchia. Cuối tháng Tám/1976, nhóm lãnh đạo đảng CS Kampuchia chung quanh Pol Pot tham dự một cuộc họp ba ngày, qua đó họ quyết định thực hiện hợp tác toàn bộ nông-công nghiệp và tổ chức nhà ăn cộng đồng trên toàn quốc. Pol Pot tin rằng việc xây dựng chủ nghĩa Cộng sản phải tiến nhanh hơn để đối đầu với Việt Nam mạnh hơn. Một bài báo thu hẹp trên nhật báo “Cờ Cách mạng” (Tung Padevat) xuất bản hồi tháng Sáu năm 1976 giải thích rằng “Chúng ta muốn mau lẹ xây dựng xã hội chủ nghĩa, và chúng ta muốn mau lẹ thay đổi xã hội. Chúng ta muốn nhân dân chúng ta thành công huy hoàng. Điều này đặc biệt ngăn chặn kẻ thù làm hại chúng ta.”(7) Con đường đi tới “vinh quang” này có quá nhiều máu và nước mắt của mười ngàn người buộc làm việc nặng nề như súc vật mà lại thiếu ăn trong những nhà ăn cộng đồng và nhiều khi bị trừng phạt tới chết vì than phiền công việc nặng nhọc. Chế độ làm việc thì khắc nghiệt cho những “người dân mới” -những người trước kia ở thành thị, những người bị xem là tiêm nhiễm tư tưởng tiểu tư sản. Họ phải được thanh lọc bằng lao động chân tay. Những ai yếu sức thì coi như không ích lợi gì cho cách mạng Kampuchia. “Có họ (dân thành phố) cũng chẳng được gì, không có họ cũng chẳng mất gì.” Đó là câu châm ngôn lạnh lùng mà cán bộ Khmer Đỏ thường nhắc đi nhắc lại trong các buổi nói chuyện của họ. Pol Pot cũng tính rằng nhiệt tình cách mạng giúp đập tan bọn chống đối trong nội bộ đảng. Theo một tài liệu của đảng công bố hồi cuối năm 1976. “Vi trùng độc trong nội bộ đảng” sẽ nổi lên quét sạch tính chân thật trong đảng.(8) Theo Pol Pot, những ai chống lại hoặc thắc mắc cũng là tay sai đế quốc hay gián điệp Việt Nam (CS), cố ý phá hoại bước đại nhảy vọt của Kampuchia. Sự kiện là hồi giữa năm 1976 có nhiều âm mưu ám sát Pol Pot, có lẽ là do tình hình khẩn cấp, để tìm ra bọn chống đối còn tiềm tàng.

Ít ra cũng có một âm mưu giết Pol Pot được nhắc lại trong cuốn “Sách Đen” của Kampuchia Dân chủ được một người đào thoát khỏi Khmer Đỏ xác nhận. Sau khi trốn qua Thái Lan, người này nói với các viên chức Mỹ về âm mưu giết Pol Pot hồi giữa năm 1976 bằng cách bỏ thuốc độc vào thức ăn của ông ta. Âm mưu này bị phá hỏng khi một người cận vệ của Pol Pot vô tình ăn nhầm mẫu thức ăn đã bị thuốc và chết tức khắc. Theo người đào thoát này, những kẻ âm mưu -một người chỉ huy quân đội Khmer Đỏ tên là Chan Krey và những người đồng sự - nguyên do là vì “công việc nặng nhọc và lao khổ” mà nhân dân đang gánh chịu. (9) Cũng chẳng có gì ngạc nhiên nếu những người có dự mưu này phản đối chính sách độc ác chống Việt Nam của Pol Pot. Tuy nhiên, cũng chẳng có chứng cứ gì để làm sáng tỏ thêm lời cáo buộc của cuốn “Sách Đen” nói rằng Việt Nam (CS) có dự vào âm mưu đó.

Việc thanh trừng có hệ thống các thành viên của đảng CS Kampuchia hồi tháng Chín năm 1976 trực tiếp liên hệ đến quan hệ giữa đảng CS Kampuchia với Việt Nam (CS). Cho tới lúc đó, ngày thành lập đảng CS Kampuchia được công nhận là ngày 30 tháng Chín/1951 -một ngày phát xuất trực tiếp từ ngày thành lập đảng CS Đông Dương do Hồ Chí Minh thành lập năm 1930. Suốt trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1946-54) ba phong trào Việt Nam, Kampuchia và Lào hợp tác chặt chẽ và nhiều người Kampuchia hoạt động hữu hiệu trong sự hợp tác này. Cụm cán bộ

CS Kampuchia Keo Meas là một trong những người lãnh đạo như thế. Ông ta muốn xác định lại nguồn gốc Việt Nam của đảng ông bằng cách tổ chức kỷ niệm lần thứ 25. Chính sách nội bộ của Việt Nam (CS) cũng mang tính chính thống Mácxít hơn là nhóm cực đoan Kampuchia. Có lẽ Keo Meas cảm thấy cần hành động khẩn cấp khi thấy kế hoạch của nhóm cực đoan được tán thành hồi tháng Tám và việc Pol Pot công khai thừa nhận lòng trung thành với chủ nghĩa Mao qua những lời tán dương đối với cái chết của Mao. Nhà sử học Kampuchia David Chandler lý luận rằng sự quan hệ suy giảm với Việt Nam hồi giữa năm 1976 và tình hình chính trị bất ổn ở Trung Hoa sau khi Mao qua đời có lẽ đã khuyến khích Keo Meas vội vã tổ chức lễ kỷ niệm vì tin vào tính chất quan trọng của đảng.

Mặt khác, Pol Pot muốn cắt đứt quan niệm lỏng lẻo cho rằng đảng CS Kampuchia có nguồn gốc từ Việt Nam hay chỉ vì lợi ích chung mà có san sẻ với đảng CS Việt Nam. Ông ta chỉ rõ rằng ngày sinh nhật của đảng CS Kampuchia là bắt đầu từ đại hội năm 1960, lúc ông ta được chọn làm phó bí thư đảng, chứ không phải từ năm 1951. Lịch sử được viết lại, nói rằng đảng CS Kampuchia đạt tới sự nghiệp vinh quang khởi đầu từ thời Pol Pot đứng ở ngôi vị hàng đầu và xóa bỏ chín năm gần gũi - hay tòng thuộc- quan hệ hợp tác với Việt Nam. Thời kỳ này Pol Pot chẳng có vai trò gì đáng kể. Tờ báo “Cờ Cách mạng” (Tung Padevat) ấn hành hồi tháng Chín và Mười giải thích tại sao ngày sinh nhật của đảng không phải là năm 1951 mà lại là 1960. “Chúng ta phải điều chỉnh lại lịch sử đảng” và một bài trong một tờ nhật báo, thường tự tay Pol Pot viết, nói rằng “để rõ ràng và hoàn hảo, phù hợp với chính sách của đảng ta về độc lập và tự chủ.” (11)

Mười ngày trước khi lễ, Pol Pot ra lệnh đình chỉ việc chuẩn bị, bắt giữ Keo Meas và một nhà lãnh đạo hàng đầu khác, Nay Sarang. Họ bị giải vào Trung tâm Điều tra An ninh Quốc gia, trước kia là trường cấp hai Tuol Sleng ở Phnom Pênh nay biến thành trại tù và trung tâm thẩm vấn, bí số S-21. Sau một tháng bị hành hạ và với một loạt bản tự thú, họ bị giết. Hai năm tiếp sau, gần hai chục ngàn cán bộ đảng và gia đình họ bị hành quyết sau khi bị giam tại trung tâm giam giữ nổi tiếng độc ác này.(12)

Sau khi chối bỏ liên hệ lịch sử với Việt Nam, Chandler viết: “Pol Pot chẳng bao lâu khởi đầu một kế hoạch để chờ lúc mở cuộc chiến tranh toàn diện chống Việt Nam cũng như hợp tác hóa nông nghiệp bên trong Kampuchia mà không theo một khuôn mẫu hay khuyến cáo nào từ phía Việt Nam”. (13)

Bài viết trên tờ “Cờ Cách mạng” cho thấy rõ việc thanh trừng cũng là sự tiếp nối việc chống đối chính sách cực tả của Pol Pot, nói rằng một số người trong đảng coi việc đuổi dân ra khỏi thành phố và hủy bỏ việc xử dụng tiền và tài sản riêng là “tả chủ nghĩa”. Bài báo nói thêm: “Chúng ta có lý do của chúng ta. Và phong trào đã xác quyết rằng chúng ta làm đúng... Tả hay không tả, chúng ta phải đi đúng phong trào”. Bài báo cũng kết tội vài người trong đảng đã “chống lại phong trào và phản cách mạng” (14)

Ngày 27 tháng Chín năm 1976, đài phát thanh Phnom Pênh đưa tin một tuần trước (ngày Keo Meas bị bắt) Ủy ban Trung ương Đại hội Đại biểu Nhân dân - Quốc hội bù nhìn của Kampuchia- thuận cho Pol Pot tạm thời nghỉ việc “vì sức khỏe trong vài tháng” và chỉ định Nuon Chia làm quyền thủ tướng. Nhiều quan sát viên vội cho rằng Pol Pot bị thanh trừng, nhưng việc “rời chức vụ vì bệnh” của Pol Pot chỉ là để cho ông ta rảnh tay “chữa trị những ung thối” do bất đồng trong đảng. Ken Quinn tin rằng Pol Pot đã quyết định “việc đi nghỉ” sau khi sống sót qua khỏi vụ đầu độc hồi giữa năm 1976.

Việc tìm hiểu của Quinn đưa tới kết luận là Pol Pot lui vào một khu bí mật và được bảo vệ kỹ, không thể bị tấn công và có thể trực tiếp đưa ra những cố gắng nhằm loại trừ tất cả những ai bị nghi ngờ có dính líu đến âm mưu giết ông ta. Những người sống sót và người tỵ nạn sau cuộc thanh trừng tới Thái Lan trong năm 1977 cho biết có cuộc tàn sát lớn những người được gọi là “Khmer Đỏ cũ” (Có lẽ là những người được xem là có cảm tình với Việt Nam và muốn có chính sách nội bộ ôn hòa, và những người được coi là chống lại Pol Pot), những người bị nghi là “phản

động”. Cùng lúc đó, các nhà tình báo Mỹ ở Thái Lan cũng có thu nhận tin nói rõ về việc Pol Pot tự tay trực tiếp chỉ huy việc thanh trừng ở vùng Tây Bắc Kampuchia. (15)

Cũng chẳng có gì phải ngạc nhiên vì trong suốt nửa sau/1976, khi cuộc thanh trừng lên cao, Kampuchia tìm cách duy trì quan hệ bình thường với Việt Nam. Trong khi Pol Pot đang làm “trong sạch” đảng và thực hiện chương trình cải cách cấp tiến của họ, rõ ràng họ muốn giữ Việt Nam trong mối quan hệ tốt. Tháng Tám, một đoàn đại biểu phụ nữ tới thăm Hà Nội. Pol Pot còn đón mừng đại sứ Phạm Văn Ba trong dịp kỷ niệm ba mươi năm nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Ngày 21 tháng Chín, một buổi lễ được tổ chức tại phi trường Pochentong ở Phnom Pênh để đánh dấu ngày mở đầu đường bay từ thành phố Hồ Chí Minh tới Phnom Pênh. Có lẽ hầu như người Việt Nam không biết rằng chỉ mới ngày hôm trước, một trong những người bạn Khmer ít ỏi của họ đã bị bắt nhốt vào Toul Sleng.

Trước Liên Hợp Quốc, hồi tháng Mười, Ieng Sary lên tiếng đã kích Việt Nam dã man nhưng không nói rõ tên. Dù sao, ông ta cũng đã kêu gọi cơ quan quốc tế này cho Việt Nam gia nhập. Đơn xin gia nhập Liên Hợp Quốc của Việt Nam bị Hoa Kỳ phủ quyết. Ngày 28 tháng Mười vì Ieng Sary vắng mặt, quyền bộ trưởng ngoại giao Son Sen tiếp đại sứ Phạm Văn Ba trong hai tiếng đồng hồ. Cuộc nói chuyện được giữ bí mật nhưng đài phát thanh Phnom Pênh mô tả là “thành thật và thân hữu.” (16)

Đảng CS Kampuchia còn lặng lẽ gửi một phái đoàn gồm bảy “nhà báo” Kampuchia tham gia đại hội lần thứ tư đảng CS Việt Nam họp tại Hà Nội giữa tháng Chạp. Việc gửi phái đoàn đi tham dự cũng như điện văn chúc mừng từ Angkor Padovat (tên Khmer Đổ thường tự dùng để gọi Tổ chức Cách mạng Kampuchia trước khi đảng CS Kampuchia ra công khai) là một phần cố gắng nhằm duy trì bề mặt quan hệ bình thường. Lời “chúc mừng nồng nhiệt” của Phnom Pênh gửi cho Việt Nam (CS) nói rằng Kampuchia và Việt Nam “kéo dài tình đoàn kết chiến đấu và tình hữu nghị anh em làm bùng lên ngọn lửa đấu tranh cách mạng”.(17) Điện văn này do Hà Nội công bố nhưng đài phát thanh Phnom Pênh lại chẳng thông báo gì. Vào lúc những người có cảm tình với Việt Nam đang bị nhân viên an ninh Pol Pot săn đuổi, việc phát đi một bản tin như thế sẽ gây xáo trộn trong hàng ngũ CS Kampuchia.

## Mối sợ hãi về một Liên bang

Việt Nam nghi ngờ có sự gia tăng đàn áp trong nội bộ Kampuchia nhưng không biết rõ. Trong buổi nói chuyện riêng với một du khách Thái thuộc cánh tả hồi cuối năm 1976, thủ tướng Việt Nam (CS) Phạm Văn Đồng bày tỏ quan tâm của ông ta về sự an toàn cho “một vài người bạn Kampuchia”. Một số nhà cựu ngoại giao thời Sihanouk lãnh đạo chính phủ kháng chiến viết thư cho bạn hữu của họ ở Hà Nội trước khi họ từ Bắc Kinh bay về Phnom Pênh. Rồi từ đó, không nghe tin tức gì về họ cả. (18)

Có thể Hà Nội không biết rõ tình hình thanh trừng ở Kampuchia nhưng có biết những thù hằn trong nội bộ nước này. Đầu tháng Ba năm 1977, một nhà ngoại giao Việt Nam nói với tôi ở Việt Nam là có “đấu tranh nghiêm trọng” bên trong nội bộ đảng CS Kampuchia, giữa những người ông ta gọi là “Một trăm phần trăm thân Mao-Pol Pot” và những người được gọi là theo “đường lối ôn hòa”. Những người theo đường lối ôn hòa coi như thân Việt Nam, và ông ta tiên đoán rằng “cuối cùng họ sẽ giành được thắng lợi.” Đồng cũng đồng quan điểm với nhóm này khi ông ta nói với du khách Thái ấy về hy vọng “những cuộc cách mạng chân chính” sẽ nổi dậy ở Kampuchia. Hy vọng này buộc Hà Nội giữ tình láng giềng tốt trong khi tìm phương cách đối đầu với thách thức của Pol Pot. Có lẽ việc ấy vượt ra ngoài quan tâm về những vấn đề phát triển trong nội bộ Kampuchia mà Việt Nam sẵn sàng cúi mình để làm vui lòng Pol Pot. Họ không muốn tạo thêm những bất lợi giao hảo và nhóm bạn hữu của Hà Nội đang bị dồn vào góc tường trong nội

bộ đảng CS Kampuchia. Đầu tháng Hai năm 1977, một đoàn đại biểu phụ nữ được Hà Nội gửi đi Phnom Pênh để củng cố tình đoàn kết. Ngày 15 tháng Hai, thứ trưởng ngoại giao Việt Nam Hoàng Văn Lợi tới Phnom Pênh trong một chuyến đi thăm hai ngày không được công bố. Nhiệm vụ chính của ông ta là thuyết phục Kampuchia tham gia một hội nghị cấp cao về Đông Dương. Hà Nội muốn trục xuất về nước những người Kampuchia trốn qua Việt Nam trong mấy tháng trước để làm dịu bầu không khí ngoại giao và tạo sự hợp tác toàn vẹn giữa hai nước. (19) Nhiều lúc, việc trục xuất về nước bao gồm cả những phần tử xấu trong khi thi hành các dịch vụ. Trong hành động như vậy, hồi đầu năm 1977, Việt Nam dành cho Khmer Đỏ quyền chọn 49 người tỵ nạn tại một trại ở Mộc Hóa đem về nước để đổi lại một tên đầu cơ.(20)

Tuy nhiên, Kampuchia từ khước ý định hợp thượng đỉnh. Họ thấy rằng đề nghị đó là một bằng chứng xa hơn nữa việc Việt Nam không ngừng cố gắng đặt Đông Dương dưới ảnh hưởng của Việt Nam. Tháng Hai năm 1976, Phnom Pênh cảnh giác, phản ứng với danh từ “quan hệ đặc biệt” dùng để mô tả quan hệ giữa Việt Nam với Lào. Hồi tháng Chạp năm 1976, sự cảnh giác này được quan tâm đặc biệt khi Hà Nội thông báo rằng quan hệ thường trực đặc biệt với Kampuchia là mục tiêu lâu dài của Cộng sản VN. CS Việt Nam công bố quyết tâm của họ rằng Việt Nam sẽ duy trì và phát triển quan hệ đặc biệt giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Lào, Kampuchia anh em, tăng cường đoàn kết chiến đấu, tin tưởng nhau, hợp tác lâu dài và viện trợ hỗ trợ trên mọi lãnh vực... để ba nước có thể trở thành một hiệp hội cùng nhau đấu tranh giải phóng đất nước và hợp tác mãi mãi trong xây dựng và bảo vệ xứ sở vì nền độc lập và thịnh vượng của mỗi nước.(21)

Hồi cuối tháng 3/1977, sau cuộc thanh trừng bắt đầu hồi tháng Chín trước, loại bỏ hàng trăm cán bộ và đề Pol Pot kiểm soát đảng chặt chẽ hơn, đôi khi Phnom Pênh giải thích giải pháp cuối cùng đối với sự đe dọa của Việt Nam. Tuồng như Pol Pot quyết định loại bỏ quan hệ bình thường giữa với Việt Nam. Đã đến lúc tiến hành chiến dịch trục xuất tất cả số người Việt Nam còn ở lại Kampuchia và thực hiện các cuộc tấn công vào Việt Nam.

Ros Saroeun, một người thợ máy xe hơi sống sót sau thời kỳ Khmer Đỏ kể lại những ngày giao động ấy. Đó là hồi đầu tháng Tư/1977 ở Oudong. Trong khi chờ viên quận trưởng Khmer Đỏ tới chỉ thị việc sửa chữa các xe, Saroeun căng cổ ra đọc lá thư trên bàn anh ta có đóng dấu “Ban chỉ đạo 870”, ngày ghi là ngày 1 tháng Tư/1977. Vào lúc đó, anh ta không biết bí số 870 là Ủy ban Trung ương đầy quyền lực hoặc là cái bóng của Angkar (tổ chức). Nhưng sự chỉ đạo lạnh lùng trong bức điện nói rõ rằng: Tất cả những người Việt Nam ở trong quận và tất cả những người Khmer nói tiếng Việt hay có bạn bè Việt Nam sẽ bị đưa tới cơ quan An ninh Quốc gia. Saroeun cảm thấy lạnh mình. Ngay từ khi còn là trẻ mồ côi, Saroeun đã được ông chủ garage người Việt ở Phnom Pênh nuôi nấng. Saroeun không những nói được tiếng Việt mà còn lấy vợ Việt Nam. May mắn là vợ anh ta trông không giống người Việt và ngay cả những người trong hợp tác xã cũng không biết chị ấy là người Việt hay biết chị ấy nói được tiếng Việt. Sau khi sửa xong chiếc xe Jeep cho ủy ban quận, Saroeun vội vàng về nhà báo cho vợ hay. Chị ấy cũng biết rồi. Một người đàn bà Việt Nam ở trong làng vừa bị Khmer Đỏ lấy gậy lớn đánh tới chết và chôn phía ngoài làng sau khi bắt chồng bà ta là người Khmer đi phá rừng. Vài ngày sau, người chồng về thấy nhà trống không. Hàng xóm sợ hãi, lạng lẽ quay đi, không ai dám nhìn ông chồng. Lang thang trong làng, rồi anh ta tìm ra chỗ kinh hãi ấy - một bàn tay đặt trên nắm mộ mới đắp. Ông ta nhận ra bàn tay của vợ nhưng không biết nói như thế nào. Từ tháng Ba, trong khi chuẩn bị vũ trang đánh nhau với Việt Nam, các đơn vị quân đội Kampuchia ở khu phía đông không còn giữ nhiệm vụ sản xuất để chuẩn bị chiến đấu. Tới 30 tháng Tư /1977, Khmer Đỏ tấn công một loạt các làng mạc và thị trấn dọc theo biên giới tỉnh An Giang trong lưu vực sông Cửu Long, giết hại dân thường và đốt nhà cửa của họ. Chỉ riêng cuộc tấn công vào Tịnh Biên cũng đã giết một trăm người dân thường. Một năm sau, đến thăm thị trấn ma quái này, tôi nghe nhiều người sống sót nhắc lại đêm kinh hãi 30 tháng Tư/1977 ấy. Sự thực, dù Kampuchia đã tấn công các tỉnh dọc biên

giới Việt Nam từ tháng Giêng/1977 nhưng họ chọn ngày 30 tháng Tư để mở ra cuộc tấn công dữ dội như vì ngày đó có rất nhiều ý nghĩa. Đó là ngày Việt Nam (CS) tổ chức lần thứ hai kỷ niệm giải phóng miền Nam và chuẩn bị ngày lễ Lao động - đó là ngày đoàn kết quốc tế của công nhân.

## Hà Nội đánh cuộc với Đặng

Có sự ngập ngừng và phân khởi ở Hà Nội qua tiếng máy teletype lách cách trong bộ Ngoại giao, báo tin về cái chết của Mao. Vài tháng kể từ khi Chu Ân Lai chết hồi tháng Giêng/1976, các bản báo cáo từ Bắc Kinh gửi về nói rõ việc tranh giành quyền lực căng thẳng trong đó nhóm cấp tiến tuồng như thắng thế, điều đó không ai chối cãi. Có thể nào cái chết của Mao cũng là hồi chuông báo tử cho phe tả? Ít ra, Hà Nội cũng hy vọng như thế. Không để mất cơ hội lấy lại lòng trung thành trong mối quan hệ đã băng giá, Việt Nam cho một chuyến bay đặc biệt mang vòng hoa tang đến Bắc Kinh. Hầu hết thành viên bộ chính trị của đảng CS Việt Nam tập trung tại tòa đại sứ Trung Hoa hình dạng giống như cái chùa để viết lời chia buồn vào sổ tang.

Ngày 12 tháng Mười khi nghe tin bắt giữ “bè lũ bốn tên”, Việt Nam không dấu giếm nỗi vui mừng. Một viên chức Việt Nam bỗng bộp nói với phóng viên báo L'humanité của Pháp rằng “Năm tới anh ta có thể đi Bắc Kinh đưa tin về sự phát triển tình hình ở đó.” (23) Đó chỉ là một sự tiên đoán hoàn toàn cường điệu khi những thành viên chống Liên Xô của đảng Cộng sản Pháp không được đón chào ở Trung Hoa. Quả thật Việt Nam hy vọng quá nhiều vào việc phe cực tả bị loại trừ. Trung Hoa sẽ quay lại quan điểm của họ, bớt chủ nghĩa Chauvin hơn và thái độ thực tế hơn trong khi đối phó với Việt Nam. Nếu đường lối ôn hòa hồi cuối thời Chu Ân Lai và Đặng Tiểu Bình, -người đã từng bị sỉ nhục- lại nổi lên ở Trung Hoa, có lẽ Hà Nội được thông cảm hơn về vị thế độc lập của họ.

Đại sứ Việt Nam tại Trung Hoa, Nguyễn Trọng Vĩnh nói với vài đồng nghiệp rằng nếu Đặng trở lại nắm quyền thì một giải pháp cho vấn đề Trung Hoa và Việt Nam tranh cãi chủ quyền các hòn đảo ở ngoài khơi biển Trung Hoa (biển Đông, nd) sẽ đạt được. Vĩnh nói rằng khi tổng bí thư Lê Duẩn gặp Đặng hồi tháng Chín/ 75, Đặng có đồng ý sau này phải hợp để thương thảo vấn đề này. Nhưng ngay từ khi bắt đầu chiến dịch chống Đặng hồi cuối năm 1975, Bắc Kinh làm cho tình hình thêm khó khăn bằng cách tuyên bố rằng sự kiện các hòn đảo là không thể thương thuyết vì “nó là vùng đất thiêng quê mẹ”. Việc Đặng phục hồi quyền lực, theo Việt Nam hy vọng, sẽ đem lại một tình hình thực tiễn hơn. (24)

Việt Nam đang ở giữa thời kỳ kế hoạch năm năm lần thứ hai khi có tin từ Bắc Kinh đưa tới. Hơn một năm qua, các nhà lãnh đạo Hà Nội đi vòng các nước khối xã hội chủ nghĩa, cố gắng bảo toàn viện trợ cho kế hoạch của họ. Chỉ có Trung Hoa là nước xã hội chủ nghĩa lớn từ chối mọi sự cam kết có tính cách lâu dài. Với việc loại trừ nhóm cấp tiến ra khỏi quyền lãnh đạo, Hà Nội muốn xác định khi nào thì Trung Hoa thay đổi ý kiến của họ. Ngày 15 tháng Mười, ba ngày sau khi có bản báo cáo về sự sụp đổ của nhóm cực đoan, Hà Nội gửi một bức thư cho Bắc Kinh yêu cầu viện trợ. Tuy nhiên, cho mãi tới tháng Chạp, Hà Nội không nhận được phúc đáp. Lúc đó Việt Nam đang tổ chức đại hội đảng tại quảng trường Ba Đình. Không có đại biểu Trung Hoa trong số 29 đại biểu các đảng anh em tham dự đại hội. Việc này để lại ấn tượng một âm mưu trong chính sách của Việt Nam. Chính sách ngoại giao trọng yếu của đảng là tập trung vào khối không liên kết và Thế giới Thứ Ba, loại trừ vấn đề căn bản chia rẽ Moscow và Bắc Kinh. Mặc dù đảng Cộng sản Việt Nam nhận định khác với Trung Hoa về chủ nghĩa đế quốc Mỹ, như là mối đe dọa chính cho hòa bình thế giới, Việt Nam ca ngợi Trung Hoa lẫn Liên Xô về những thành quả của các nước này. Tuy nhiên, Việt Nam cũng nói rõ ra họ không tin tưởng bất cứ một kiểu mẫu cách mạng nào: Mỗi quốc gia tự phát triển chiến lược và chiến thuật thích hợp với điều kiện riêng của mỗi nước.

Việc Trung Hoa chậm phản ứng đối với lập trường Việt Nam không đứng về phe nào chấm dứt vào cuối tháng Hai /1977. Cuối cùng Bắc Kinh phúc đáp thư của Việt Nam hồi tháng mười năm trước -một bức thư giả có xin viện trợ nhưng thực chất muốn biết thái độ của các nhà lãnh đạo Bắc Kinh thời hậu Mao- Thư cũng lịch sự. Trung Hoa không thể đáp ứng được yêu cầu của Việt Nam xin giúp đỡ. Bắc Kinh nói với một phó thủ tướng Việt Nam đang viếng thăm rằng chính Trung Hoa đang lao đao để thoát ra khỏi sự phá hoại do “bè lũ bốn tên” tạo ra, đang bị động đất nghiêm trọng. (25)

Đây không phải chỉ là một sự thoái thác và cũng không đủ lý do để giải thích việc từ chối của Trung Hoa. Sau gần một thập niên xáo trộn và đấu tranh nội bộ, sự tàn phá do động đất tại tỉnh Hồ Bắc (7/1976) giết chết gần 700 ngàn người, hơn một triệu người không nhà ở, tình hình kinh tế Trung Hoa rất bết bát. Tuy nhiên tình hình đó cũng không ngăn việc phái ông Fang Yi đi Phnom Penh vào tháng Chạp để ký thỏa ước viện trợ cho Kampuchia, cung cấp “toàn bộ trang thiết bị”. Lý do Trung Hoa trì hoãn trả lời thư xin viện trợ mới của Việt Nam có lẽ là do tình hình chính trị bất ổn ở Bắc Kinh. Thật ra, Trung Hoa phải mất bốn tháng mới trả lời thư xin viện trợ của Việt Nam là vì những tranh luận trong nội bộ về việc này. Nội dung cuộc tranh luận không bao giờ được công bố nhưng phía Việt Nam hy vọng một đường lối ôn hòa mới ở Bắc kinh do Đặng duyệt lại những sai sót. Mãi đến cuối năm 1978, khi Đặng trở thành một nhà lãnh đạo vô song, và do tình hình quốc tế thay đổi, Đặng mới hết sức cương quyết với kẻ thù Việt Nam. Vào mùa xuân 1977, không do nhóm theo Mao tập trung quanh Hoa Quốc Phong, cũng không do nhóm thực tế quanh Đặng đủ an toàn để đưa ra một chính sách ngoại giao mới, đặc biệt đi ngược với chính sách đã có từ 1975. Trong cái nhìn cay đắng do việc tranh chấp lãnh thổ tạo ra, Hà Nội đảo ngược chính sách đối xử với nhóm dân thiểu số Trung Hoa ở Việt Nam và hướng về việc xây dựng một ưu thế ở Đông Dương, một thực tế mà Trung Hoa không dễ gì có được. Các nhà lãnh đạo Trung Hoa cần có quan điểm, sự nguy hiểm, một loạt cố gắng chính trị để khuyến khích Việt Nam tìm kiếm chính sách độc lập và không giải thích quan tâm của họ về an ninh của Việt Nam. Thay vì hoan hô những cố gắng của Việt Nam nhằm cải thiện quan hệ với Tây phương, tạo cân bằng với Moscow thì các nhà lãnh đạo Trung Hoa lại nhăn mày trước chuyển biến này. Cuối cùng, sức nặng của hàng ngàn năm lịch sử đô hộ và mối sợ hãi về liên minh Việt-Xô quyết định con đường phải theo là đối đầu với Hà Nội. Nó là cây gậy hơn là củ cà rốt. Chọn con đường truyền thông và an toàn chính trị, Bắc Kinh tự mình hủy bỏ một sức đẩy vẫn còn hướng về phía Việt Nam.

Trong khi Trung Hoa đáp ứng nhỏ giọt hy vọng của Hà Nội muốn xích lại gần hơn, họ ước muốn những người lãnh đạo mới ở Trung Hoa sẽ rời xa bọn Khmer Đỏ. Tuồng như sự xa cách giữa hai bên cũng có phần gia tăng. Sau 5 tháng lơ là vùng Đông Nam Á vì Bắc Kinh đang gặp cơn rối loạn, các nhà lãnh đạo Trung Hoa một lần nữa lại chú tâm vào vùng này. Trong một cố gắng rõ ràng cho thấy có nứt rạn ở Trung Hoa là vì chính sách cấp tiến trong thời gian qua, tính thực dụng của Chu Ân Lai, bà vợ góa của ông này, Đặng Dĩnh Châu, với sứ mạng cao cấp hàng đầu của Trung Hoa đi thăm Miến Điện. Cuộc viếng thăm này tiếp nối những cuộc viếng thăm trước ở Pakistan và Tích Lan. Sau nhiều tháng vắng bóng ở Bắc Kinh, Ieng Sary lại đi Trung Hoa và được các viên chức cao cấp mời tiệc. Hà Nội lưu tâm tới sự có mặt của tướng Wang Shangrong, phó tham mưu trưởng quân đội Trung Hoa trong bữa tiệc ngày 31 tháng Ba do phó thủ tướng Lý Tiên Niệm khoản đãi Ieng Sary. Sự hiện diện của tướng Wang có thể cho thấy Trung Hoa đã lên lịch trình hợp tác quân sự với Kampuchia.

Trung Hoa khuyến khích Kampuchia vượt qua thế đứng đơn độc và ve vãn các nước không Cộng sản ở trong vùng. Giới truyền thông Trung Hoa vẫn lưu ý sự im lặng đáng ngờ của thứ trưởng Ngoại giao Phan Hiền qua chuyến đi thăm các nước trong Hiệp Hội Đông Nam Á (Asean) hồi tháng Bảy/1976 (cuộc viếng thăm đầu tiên từ khi chiến tranh chấm dứt) đã khuyến khích Ieng Sary đi thăm các nước trong vùng. Để trấn an, Ieng Sary mang tới cho các nước Mã

Lai, Singapore, và Miên Điện, một điện văn nói rằng không có sự kết hợp thành “Đông Dương Đỏ” dưới sự kiểm soát của Hà Nội. Ieng Sary nói với phó thủ tướng Singapore Sinnathamby Rajaratnam rằng “Người Kampuchia không tin vào Liên bang Đông Dương”. Sau đó, ông ta tiếp tục báo cho Singapore biết việc tranh chấp biên giới giữa Kampuchia và Việt Nam. Ieng Sary nói -rõ ràng ngược với sự cô lập hiện tại của Kampuchia- điều đất nước ông ta muốn là mối quan hệ láng giềng tốt và buôn bán với Singapore.

Ieng Sary tiếp tục chuyến thăm các nước Đông Nam Á sau nhiều tháng im lặng trước việc Trung Hoa công khai đòi những hòn đảo ở vùng biển Nam Trung Hoa. Một bài trên tờ nhật báo Trung Hoa phát hành hôm 14 tháng 3/1977 nhắc Việt Nam nhớ rằng Trung Hoa tiếp tục đòi đảo Trường Sa (Spratly Islands).(27) Những lời tuyên bố từ Phnom Pênh và Bắc Kinh ngày 17 tháng Tư/1977 trong lễ kỷ niệm chiến thắng lần thứ hai của Khmer Đỏ cho thấy không còn gì nghi ngờ việc Kampuchia muốn tạo thêm căng thẳng với Việt Nam cũng như giao ước của Trung Hoa với chế độ Pol Pot. Trong một bữa tiệc tại Phnom Pênh, Ieng Sary xác nhận một cách mơ hồ việc thanh trừng những phân tử thân Việt Nam. Tại một bữa tiệc ở Bắc Kinh trong cùng thời gian, bộ trưởng Ngoại giao Trung Hoa Hoàng Hoa hoan hô Kampuchia Dân Chủ đã “triệt phá được âm mưu phá hoại của kẻ thù ở trong và ngoài nước”. Ông ta bảo đảm với Kampuchia rằng Trung Hoa sẽ tiếp tục chính sách ngoại giao của Mao bằng cách liên minh với những nước nhỏ chống lại các nước lớn đang âm mưu lật đổ, can thiệp nội bộ hoặc ức hiếp. Hoàng Hoa nói “Chúng ta tin vào tương lai của hai dân tộc Trung Hoa và Kampuchia cùng đi trên con đường chiến đấu chung”. (28)

Chỉ hai tuần sau khi những lời khuyến khích như vậy được đưa ra, Khmer Đỏ mở một cuộc tấn công lớn vào Việt Nam. Việt Nam trả đũa bằng không kích với loại máy bay A37 do Mỹ để lại. Tuy nhiên, cả hai phía đều không loan báo gì về sự xung đột xảy ra ở biên giới cả. Qua hình thức một văn thư ngoại giao, lời cảnh cáo đầu tiên không được công bố của Việt Nam gửi cho Kampuchia, mãi tới ngày 7 tháng Sáu mới được gửi đi, một ngày trước khi Phạm văn Đồng tới Bắc Kinh. Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam trao thư này cho So Kheang, đại sứ Kampuchia Dân chủ tại Hà Nội, đề nghị thảo luận ở cấp cao để xét lại vấn đề biên giới và chấm dứt “những sự kiện đẫm máu” - rõ ràng nói tới việc Khmer Đỏ tấn công vào Tịnh Biên và nhiều nơi khác trong tỉnh An Giang. Lần đầu tiên Việt Nam chỉ tay tố cáo các nhà lãnh đạo ở Phnom Pênh. Bức công hàm nói rằng “Việc sử dụng những lực lượng vũ trang đáng kể tấn công đồng thời trên một khu vực rộng lớn trong một thời gian lâu dài không thể là sự manh động của chính quyền địa phương”. Công hàm hỏi “có phải đây là hành vi phạm tội của một nhóm người, của những người có đầu óc xấu xa, cố gắng phá hoại truyền thống đoàn kết và hữu nghị kết hợp hai đảng và hai dân tộc chúng ta”.(29)

Một ngày sau, tờ “Quân Đội Nhân Dân” lần đầu tiên công khai nói tới vấn đề biên giới, kêu gọi sẵn sàng chiến đấu, đẩy lùi những cuộc tấn công bất thần của địch. Tuy nhiên, mãi đến 1978, dân chúng Việt Nam mới được thông báo rõ ràng kẻ thù nào và vùng nào trên biên giới bị tấn công.

Ngày 18 tháng Sáu Kampuchia phúc đáp đề nghị của Việt Nam thương thảo vấn đề biên giới, nói rằng có thể xem xét tới vấn đề này “sau một thời gian” khi tình hình trở nên bình thường.(30) Một tuần sau khi Kampuchia lần đầu tiên đưa ra những lời bóng gió về những việc rắc rối với Việt Nam, họ khen ngợi cán bộ và chiến sĩ thuộc tỉnh Kampot, giáp ranh với Việt Nam đã “hy sinh để bảo vệ và gìn giữ mãi mãi lãnh thổ, biển và nước và các hải đảo.” (31)

## Bắc Kinh nhe răng

Sự suy sụp nghiêm trọng trong quan hệ với Kampuchia xảy ra trong khi tướng Võ Nguyên Giáp, bộ trưởng Quốc phòng đang viếng thăm Liên Xô và các nước Đông Âu. Các nhà lãnh đạo Việt Nam dè dặt và lo lắng bảo vệ tính cách độc lập, không muốn Bắc Kinh thấy họ công khai liên minh với Moscow. Ngay khi hướng chính trị và nhu cầu kinh tế buộc họ đi gần hơn với Moscow, họ cũng thấy rằng Trung Hoa quá quan trọng và nguy hiểm nếu họ chống lại nước này. Vào tháng Sáu, chẳng bao lâu sau khi từ Moscow trở về, tướng Giáp thực hiện cuộc “thăm viếng thân hữu chính thức” Trung Hoa, dẫn đầu một số đông đại biểu quân sự, ngoại giao tương tự như phái đoàn ông ta lãnh đạo đi Liên xô trước đó vậy. Tuy nhiên, cuộc viếng thăm này rất tồi tệ. Phía Việt Nam tức giận vì Giáp không được tiếp đón ở phi trường cũng như mời tiệc mừng theo nghi lễ của tướng Ye Jianying, đại diện phía chủ nhà. Tất cả những cuộc thảo luận chỉ diễn ra với những nhà lãnh đạo hạng hai. Giáp làm cho người Trung Hoa choáng váng bằng cách tiết lộ rằng các cố vấn Trung Hoa của Khmer Đỏ đã bị bắt cầm tù hồi tháng Năm trong cuộc tấn công của Việt Nam. (32)

Để bày tỏ bất mãn việc Trung Hoa xử sự tệ với Giáp, tờ nhật báo “Quân đội Nhân dân” của Việt Nam in nơi trang đầu các báo cáo về cuộc viếng thăm của Giáp ở Bắc Kinh, câu chuyện bảo tàng viện Hà Nội có trưng bày một ngàn năm Việt Nam chống lại Trung Hoa để giành độc lập.

Ngày 8 tháng Sáu, một ngày sau khi Giáp rời Bắc Kinh, thủ tướng Phạm văn Đồng dừng chân ở Bắc kinh trên đường từ Moscow về. Hồi tháng Tư, khi dừng lại ở thủ đô Trung Hoa trên đường đi Paris, Đồng đã tìm cách thảo luận nhiều vấn đề khác nhau. Bây giờ lại sắp xếp cuộc họp. Đồng chân thật ngồi nói chuyện với phó thủ tướng Lý Tiên Niệm, cánh tay phải phụ trách kinh tế của thủ tướng Chu Ân Lai trước đây, từng có quan hệ lâu dài tới việc viện trợ cho Việt Nam. Nhưng lần này Việt Nam không đưa ra một danh sách xin viện trợ của Bắc Kinh. Lý đưa cho Đồng một giác thư - lời than trách chống lại Việt Nam. Ông ta tố cáo Việt Nam theo đuổi chính sách chống Trung Hoa trong lời nói cũng như trong hành động. Năm 1975, Trung Hoa có đề nghị họp thảo luận vấn đề biên giới. Lý nói với Đồng: “Nhưng chính ông, trong khi gạt bỏ việc thảo luận với chúng tôi, thì lại tiếp tục cho người lén lút vào Trung Hoa một cách bất hợp pháp, đòi hỏi đất này đất kia là của Việt Nam... rồi đánh nhau và có những hành động bạo lực khác.” (33)

Ông ta tố cáo các biến cố xảy ra ở biên giới gia tăng từ 100 vụ năm 1974 lên 900 năm 1976. Lý xác nhận lãnh thổ của Trung Hoa ở vùng biển Nam Hải như đảo Hoàng Sa và Trường Sa, Việt Nam tấn công và chiếm Trường Sa năm 1975, biến nó thành một vấn đề lớn để tranh cãi. Lý cũng tố cáo Hà Nội phản bội lời cam kết trước bằng cách trấn áp trú dân Trung Hoa ở Việt Nam. Hà Nội không bao giờ tiết lộ phản ứng của Đồng khi bị Lý đưa lên ghé bị cáo. Theo người Trung Hoa, ông ta nói vấn đề các hòn đảo thay đổi đột ngột là do tình trạng cấp bách của chiến tranh. Đồng đáp lại rằng trong khi bận rộn với chiến tranh chống Mỹ và cần Trung Hoa viện trợ, Việt Nam không thể đặt nhiều chú tâm tới vấn đề các hòn đảo. Sự đối đầu chua chát giữa hai cựu đồng chí tại Đại Sảnh Đường Nhân Dân Bắc Kinh diễn ra đã rõ ràng. Những điệu bộ giả vờ, nhưng câu chuyện bóng gió, và việc đã kích công khai đưa tới những lời châm biếm và đối đầu tệ hại. Sự đụng độ thì chưa tới nhưng răng cò thì đã nhe ra.

## Tình hữu nghị bị xúc phạm

Sự rắc rối trong chuyến đi Trung Hoa của tướng Giáp và cuộc đối đầu gay gắt giữa Phạm văn Đồng và Lý Tiên Niệm hồi tháng Sáu, - một tháng sau khi Khmer Đỏ tấn công dữ dội vào Việt Nam -, chỉ làm cho Hà Nội khẩn trương tìm kiếm an toàn. Về phía Việt Nam, những biến cố từ tháng Tư đến tháng Sáu làm cho họ thêm củng cố lòng tin đã lâu rằng chính an ninh của Việt



Nam cột chặt với an ninh Lào và Kampuchia. Nếu một thế lực thù địch với Việt Nam thiết lập được liên hệ với Lào hay Kampuchia, như các nhà chiến lược Việt Nam suy tính, sự hợp tác đó sẽ là mối đe dọa nghiêm trọng cho nền an ninh Việt Nam. Chỉ một thời gian ngắn sau khi từ Trung Hoa trở về, Đông lại ra đi. Lần này, ông ta tới Lào để ký một thỏa ước hữu nghị - sự cản trở đầu tiên có thể ngăn Trung Hoa can thiệp vào Đông Dương.

Những biện pháp làm thế nào để hai bên hợp tác chặt chẽ với nhau được giao cho một số nhân vật cao cấp trong phái đoàn Việt Nam tới Vạn Tượng vào sáng ngày 15 tháng Sáu. Ngoài tổng bí thư Lê Duẩn, thủ tướng Phạm văn Đồng, hai thành viên bộ Chính trị, hai ủy viên trung ương đảng, còn có một lô các quan chức hàng đầu khác. Đây là lần đầu tiên Lào thì đón và Hà Nội thì gởi đi một phái đoàn đại biểu cao cấp như vậy. Toàn bộ chính phủ Lào - từ “ông hoàng đỏ” có râu mép (Chủ tịch Souphanouvong) và thủ tướng Kaysone cho tới thứ, bộ trưởng thấp nhất- đều ra chào mừng Việt Nam tại phi trường. Ngày hôm sau, một cuộc tập hợp đông đảo được tổ chức gần That Luang- chùa cột vàng cao ngất trời Vạn Tượng- để chào mừng phái đoàn Việt Nam. Một số ít người trong số công dân được đảng CS Lào gọi tập trung ở đây biết rằng ý nghĩa việc làm của Kaysone là đập tan “muru đồ phản trắc, xảo trá và những hành động cướp bóc của bọn đế quốc và tay sai, bọn phản động” hay ý nghĩa lời thề của Kaysone là “làm tất cả những gì chúng tôi có thể làm được để tăng cường đoàn kết chặt chẽ với nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.” (34)

Chỉ những biến cố về sau cho thấy rõ Kaysone gián tiếp nói “muru đồ xảo trá” của Trung Hoa và Khmer Đỏ phá vỡ mối liên hệ đặc biệt của Việt Nam với các nước láng giềng Đông Dương. Câu trả lời của Lào-Việt Nam nói tới những “muru đồ” được tiết lộ vào buổi sáng ngày 18 tháng Bảy. Trước khi lên đường về Hà Nội, Việt Nam ký một thỏa ước hữu nghị và hợp tác với Lào đến nỗi cả hai nước sẽ “duy trì tình đoàn kết mãi mãi trong việc xây dựng và bảo vệ đất nước”. Đề mục 1 của thỏa ước 25 năm là giáo dục đảng và nhân dân “kiên trì tôn trọng, bảo vệ và nuôi dưỡng mối liên hệ đặc biệt Việt Nam-Lào được trong sáng và mãi mãi bền vững”. Điểm này nhằm xóa tan tính truyền thống chống đối Việt Nam, ngăn ngừa chủ nghĩa Chauvin và ảo giác thù địch Việt Nam, theo kiểu cuồng nộ hiện tại ở Kampuchia. Đề mục 2 nói rằng trong khi nền an ninh quốc gia còn là trách nhiệm của mỗi nước “hai bên yêu cầu hỗ trợ và giúp đỡ lẫn nhau toàn tâm toàn ý và hợp tác chặt chẽ nhằm gia tăng khả năng quốc phòng và gìn giữ độc lập, tự trị, sự toàn vẹn lãnh thổ (của mỗi quốc gia) và chống lại mọi muru đồ và hành động cướp bóc của bọn đế quốc và các thế lực phản động nước ngoài.” (35)

Hiệp nghị thân hữu và những thỏa ước khác đặt ra nền tảng hợp pháp cho việc hợp tác chặt chẽ và vai trò an ninh của Việt Nam ở Lào -là điều kiện sống còn từ khi nước Cộng Hòa Lào được khai sinh. Tuy nhiên, thỏa ước đó chỉ là hình thức hóa sự thật. Nó muốn nhắc cho Trung Hoa và Kampuchia biết rằng, bất kể sự chống đối của họ, Hà Nội quyết định duy trì sự lãnh đạo của họ đối với Đông Dương. Nếu có chuyện Kampuchia tấn công Việt Nam thì điều đó chỉ làm cho Hà Nội gia tăng liên hệ đặc biệt với Lào và Kampuchia ở mức độ ưu tiên cao chứ không còn là điều xa vời nữa.

Đối với Pol Pot, thỏa hiệp Lào - Việt Nam là sự xác định cuối cùng đối với nỗi lo sợ của ông ta. Việt Nam đã làm hết sức để xây dựng một kế hoạch lâu dài về Liên bang Đông Dương. Ông ta chẳng còn nghi ngờ gì về tham vọng của Việt Nam là “chiếm cứ toàn bộ Kampuchia dưới hình thức một Liên bang Đông Dương bằng cách mỗi năm gởi hàng ngàn hoặc hàng triệu người Việt tới định cư ở Kampuchia. Nếu Việt Nam đi theo con đường này thì chỉ trong vòng 30 năm hay hơn, nhân dân Kampuchia sẽ trở thành thiểu số”. Pol Pot phát biểu với một nhà báo Nam Tư như vậy vào hồi tháng Ba/1978.(36) Quyết định của Việt Nam cột Lào bằng một thỏa ước quan hệ đặc biệt, theo Pol Pot, là điều chỉ rõ cho thấy là Hà Nội có ý định nối liền với Kampuchia. Sự căm ghét của Pol Pot đối với thỏa ước này không bày tỏ công khai. Trong một bản tường trình ngắn về chuyến đi thăm của phái đoàn Hà Nội ở Lào, đại phát thanh Phnom Pênh nói bóng gió

một cách mờ ám rằng anh chàng kỹ sĩ Việt Nam không quan tâm tới quyền tối thượng của Lào, chỉ nói lên thỏa ước lãnh sự qua đó các viên chức Việt Nam và Lào “quá cảnh mà không cần thông hành”. (38)

## Sự láo xược của chiến thắng

Bằng một sự trùng hợp kỳ lạ, trong cùng một ngày -17 tháng Bảy/ 1977- những nhà lãnh đạo Việt Nam kết thúc chuyến đi thăm và ký thỏa ước với Lào, các cán bộ hàng đầu của đảng CS Kampuchia ở vùng phía đông tập trung trong một khu vực bí mật để thực hiện chiến lược chống Việt Nam. Một tháng sau, nghị quyết thông qua trong buổi họp đó được đưa ra ánh sáng vì một bản nghị quyết này rơi vào tay Việt Nam trong một cuộc hành quân càn quét nội địa Kampuchia. Nghị quyết nói rằng Việt Nam “có kế hoạch đen tối chiếm đóng lãnh thổ chúng ta và tiêu diệt dân tộc Khmer”. Vì vậy cuộc xung đột “không bao giờ giải quyết được bằng chính trị”. Trong một lời ám chỉ việc thanh trừng những cán bộ từ chối đi theo đường lối chống Việt Nam, nghị quyết kết luận “Chúng ta có nghĩ là sẽ giải quyết được vấn đề ấy (Cuộc xung đột với Việt Nam) phù hợp với thành phần ấy trong đảng ta hay chúng ta phải giải quyết nó phù hợp với sự hèn nhát của bọn phản bội quỳ gối và phục tùng như những tên đầy tớ của bọn Youn? Chúng ta phải xác định rằng không bao giờ trở thành những tên đầy tớ của bọn Youn.”

Nghị quyết kêu gọi chiến sĩ tiêu diệt người Việt Nam nếu Việt Nam tấn công Kampuchia. “Không những chúng ta chỉ chặn đứng và tiêu diệt chúng ngay trên lãnh thổ chúng ta mà chúng ta còn phải vượt qua biên giới để chặn đứng và tiêu diệt chúng ngay trên lãnh thổ của chúng. Đây là ý chí để tạo thêm khó khăn cho chúng và làm cho chúng càng thêm sợ hãi chúng ta. Rồi, sau đó, chúng không bao giờ dám xâm lấn lãnh thổ chúng ta nữa. Chúng ra sức chống lại chúng ta”. (39)

Nghị quyết không nói rõ những mục tiêu của Khmer khi đẩy Việt Nam vào thế phòng ngự. Nhưng trong khi cố vũ binh lính chống lại Việt Nam hồi đầu năm 1977, một vài người theo Pol Pot bày tỏ ước muốn đòi lại vùng Kampuchia Krom (Nam phần ngày nay) và Prey Nokor (tên Khmer, chỉ vùng Saigon bây giờ)

Có phải Pol Pot thực sự tin vào những người lính trẻ, trang bị yếu kém có thể đánh bại Việt Nam. Giống như Mao, ông ta có lòng tin vào quyền tối ưu của con người vượt qua được máy móc và vũ khí. Điều này làm gia tăng niềm tự hào dân tộc của Khmer Đỏ dũng mãnh và khả năng của quốc gia họ. Hồi tháng Chín/1977, Pol Pot tuyên bố: “Nếu nhân dân chúng ta đã xây dựng được Đế Thiên Đế Thích, họ sẽ có thể xây dựng được mọi thứ.” Ông ta tự thuyết phục rằng Khmer Đỏ đã đánh bại hoàn toàn đế quốc Mỹ và giúp đỡ người Việt Nam chiến thắng.

Mọi thứ rồi có thể xảy ra sau một chiến thắng kinh ngạc như thế. Pol Pot lý luận, binh lính của Việt Nam bành trướng chẳng bao giờ có thể đối đầu với người lính Kampuchia vì họ chiến đấu cho chính quốc gia họ. Pol Pot cho sức mạnh của nước Kampuchia Dân chủ là ở sự trong sáng của quân đội và tổ chức căn bản của nó. Trong một buổi họp đảng, ông ta nói rằng “Nếu chúng ta tổ chức quân đội tốt, chắc chắn chúng ta chiến thắng An Nam (Việt Nam) bởi vì chúng ta là một xã hội hợp lực trong khi xã hội Việt Nam thì yếu kém vì tài sản riêng tư, xáo trộn, và hỗn loạn.” (41)

Sự “thành công” do binh lính Khmer thu được trong việc tàn phá các làng mạc Việt Nam và tàn sát dân lành trong những cuộc tấn công bất thần kể từ tháng Tư/1977 mà Việt Nam không phản ứng đã thúc đẩy mạnh mẽ lòng tin của Pol Pot. Điều Hà Nội đang phải đối đầu nghiêm trọng là khủng hoảng lương thực, sự rối loạn vô cùng ở Miền Nam, sự chống đối bằng vũ lực của nhiều nhóm khác nhau, -ít nhất trong đó có Fulro (the United Front for the Struggle of Oppressed

Races - Front de L'unité de Liberation des Races Oppressés) nhận được viện trợ vật chất từ Khmer Đỏ - chỉ có Khmer Đỏ mới đủ can đảm thách đố Việt Nam.

Pol Pot cũng kết luận rằng việc thương thảo về lãnh thổ với Việt Nam là khó đạt được. Chỉ có việc biểu dương lực lượng dọc theo biên giới và sự đòi hỏi công khai vùng biển có thể làm cho Kampuchia duy trì độc lập và toàn vẹn lãnh thổ. Trong các cuộc thảo luận về biên giới hồi tháng Sáu/1976, Phan Hiền, đại biểu Việt Nam đã từ chối, không chấp thuận đường ranh Brévié, đường phân ranh trên biển. Cuộc thương thảo bị đình chỉ và không trừ đình họp lại. Tuy nhiên, ngày 12 tháng Năm/1977 Hà Nội tuyên bố khu vực kinh tế của họ (thềm lục địa) kéo dài tới 200 dặm kể từ bờ biển. (42)

Dù Việt Nam nói họ sẵn sàng “hợp hội nghị thảo luận với bất cứ quốc gia nào quan tâm tới mọi vấn đề liên hệ tới lãnh hải và lục địa của mỗi quốc gia trên căn bản tôn trọng độc lập và quyền cai trị của mỗi bên theo luật pháp quốc tế”, Kampuchia vẫn không tin những gì Việt Nam hứa hẹn. Tháng 8/1977 tạp chí “Kampuchia Dân Chủ Tiên phong” một tạp chí phổ biến ra ngoài quốc, ấn hành một bản đồ Kampuchia, chỉ có một điểm đặc biệt đáng lưu ý được phác thảo là một đường chấm (đường ranh Brévié) trong vịnh Thái Lan biểu thị vùng biển của Kampuchia. Đó là câu trả lời của Phnom Pênh đối với lời tuyên bố của Việt Nam về đường ranh vùng biển.

Ngày 30 tháng Bảy, một bài bình luận của đài phát thanh Phnom Pênh nói rằng trong quá khứ, “bọn phản bội cầm quyền” ở Kampuchia đã cho đế quốc xâm lấn lãnh hải của nước này. Nhưng chúng không còn được phép nữa vì “tiến trình cách mạng hiện nay bảo vệ và xây dựng đất nước”. Bài bình luận này cũng kê ra một lô các hòn đảo dưới quyền kiểm soát của Kampuchia và tuyên bố rằng họ cương quyết không khoan thứ “bất cứ kẻ thù nào xâm lược hay chiếm đoạt lãnh hải và hải đảo.” (43) Sự xung đột giữa Việt Nam và Kampuchia đạt tới đỉnh cao khi chế độ Pol Pot thấy cần đưa vấn đề này ra để cảnh cáo Hà Nội.

## Một nhân vật bí mật ở Bắc Kinh

Ngày 28 tháng Chín/1977, tuồng như có hy vọng mới ở Bắc Kinh. Đã lâu thành phố này không thấy lễ lược như vậy. Năm 1976 bắt đầu với cái chết của Chu Ân Lai. Tiếp theo là cuộc rối loạn chính trị ở Bắc Kinh, động đất tàn phá, chủ tịch Mao Trạch Đông qua đời, và sự thay đổi trong ngành vệ binh. Nước Trung Hoa tê liệt bây giờ thấy nhẹ nhõm vì nhóm cực đoan đã bị loại trừ. Lễ kỷ niệm lần thứ 28 nước Cộng Hòa Nhân dân Trung Hoa ngày 1 tháng 10 được cử hành lần đầu tiên thời hậu Mao. Có một số ít người ngờ rằng, lần thứ nhất đối với thế giới, nhà lãnh đạo dấu mặt Kampuchia sẽ xuất hiện vào buổi lễ “tân phong” thỏa ước Trung Hoa - Khmer. Thiên-An-Môn trông giống như hình ngôi chùa với một hành lang rộng, lan can lát đá cẩm thạch là cổng vào cấm thành, năm sau một cái sân rộng được trang hoàng cờ xí. Việc trang hoàng đó không những chỉ dành riêng cho ngày quốc khánh Trung Hoa mà còn có cờ vàng đỏ nước Kampuchia Dân chủ, bay lượn trên hành lang. Dọc theo đại lộ Trảng An, chạy phía trước Thiên An Môn, các cột đèn đều gắn trên đầu những ngọn đèn lớn hình hoa sen, treo cờ hai nước liên minh. Hàng trăm trẻ em học sinh tay cầm băng màu đứng dọc theo hai bên hành lang đi vào Thiên An Môn. Ở đoạn cuối có mấy em bé cầm băng đưa cao lên khỏi đầu có hàng chữ gỗ “Chào Mừng Quan Khách” viết bằng tiếng Trung Hoa và Khmer. Hàng trăm ngàn người dân thành phố Bắc Kinh được gọi đứng hai bên đường từ phi trường vào tới đại lộ Trường An để chào đón quốc khách. Một ít nhân vật Trung Hoa hàng đầu ngang chức với quốc khách đứng đón. Ngay từ việc chuẩn bị đón chào quốc khách rục rịch như thế này, người ta biết rằng đây là khách đặc biệt của Trung Hoa. Trong không khí dịu mát của bầu trời mùa thu, Bắc Kinh thực sự đã làm sống lại nước Kampuchia Dân chủ.

Bức màn bí mật như tấm khăn tang che phủ những lãnh tụ Khmer Đỏ, sáng hôm ấy được ưu ái vén lên khi họ mặt mũi tươi cười, tóc tai cắt ngắn, áo đen lãnh tụ theo kiểu Mao xuất hiện ở cửa chiếc máy bay Boeing 707 của Trung Hoa. Nhân vật hàng đầu cách mạng Kampuchia, người chẳng bao giờ xuất hiện công khai trước đây là Pol Pot. Kể từ mùa Xuân 1976, khi đài phát thanh Phnom Pênh loan báo Pol Pot được chọn làm thủ tướng, người ta bàn luận không ngớt về đời thật của nhân vật hoàn toàn không được biết này. Sự bí mật càng lúc càng sâu vì bốn tháng sau khi làm thủ tướng, người ta lại nghe loan báo Pol Pot tạm nghỉ chức vụ này vì lý do sức khỏe. Trọn một năm người ta không nghe tới tên ông cho đến ngày ông ta xuất hiện trên tấm thảm đỏ trải ra ở phi trường Bắc Kinh. Con người bí mật ấy, cuối cùng đã xuất hiện bằng xương bằng thịt trước ánh sáng chói lòa với toàn thế giới. Toét miệng cười, hai con mắt hí hờ như bị che khuất dưới các nếp nhăn của mặt, Pol Pot nồng nhiệt bắt tay thủ tướng kiêm chủ tịch đảng Hoa Quốc Phong đứng trên đường tới thang máy bay. Tám nhân vật lãnh đạo hàng đầu, gần một phần ba nhân vật đầy quyền lực trong Bộ chính trị, gồm cả phó thủ tướng mới được phục chức Đặng Tiểu Bình, tập hợp tất cả tại phi trường để bày tỏ tình thân hữu bền chặt của Trung Hoa với nước Kampuchia Dân chủ. Cùng với Hoa, Pol Pot đứng trên xe mui trần chạy từ sân bay xuống phố Tràn An trong khi đám đông đánh chiêng trống và hoa cờ giấy Kampuchia, thả hàng trăm hàng ngàn bong bóng lên không. Tiếng hoan hô âm ỉ nổi lên mỗi khi đoàn xe đi qua.

Trong buổi họp báo dành cho báo chí Bắc Kinh, Pol Pot tiết lộ một ít về cuộc đời cách mạng của ông, nhưng lại chẳng bao giờ ông ta nói thật về ông. So sánh chi tiết tiểu sử và hình ảnh ông, các nhà phân tích kết luận rằng Pol Pot chính là nhà lãnh đạo Cộng sản Saloth Sar, người đã biến mất khỏi Phnom Pênh năm 1963. Ngoại trừ các bạn hữu Bắc Triều Tiên và Trung Hoa và một số ít các nhà phân tích ngoại quốc, ít ai nhận ra Pol Pot đã nổi bật từ trong bóng tối chỉ sau một năm thanh trừng đẫm máu loại trừ những người thật sự hay bị nghi ngờ chống lại ông ở trong đảng. Bây giờ, ông ta thấy đủ an toàn để tuyên bố với thế giới sự hiện hữu của đảng Cộng sản Kampuchia, từ lâu che dấu dưới cái áo khoác của tổ chức Angkar nặc danh - và thể hiện trong chuyến đi ngoại quốc lần đầu tiên trong vai trò tổng bí thư đảng và thủ tướng chính phủ.

Trong ngày lễ quốc khánh, vào buổi tối 1 tháng Mười, người khách danh dự Pol Pot đứng bên cạnh chủ tịch Hoa Quốc Phong trên diễn đàn tại Thiên An Môn để xem đót pháo bông. Giữa các khách ngoại quốc có Hoàng Văn Hoan. Mặc dù bị trục xuất khỏi Ủy ban Trung ương đảng, ông ta vẫn còn là phó chủ tịch quốc hội Việt Nam. Một điều lạ lùng là Hoan đã họp kín với Pol Pot để nghe Kampuchia than phiền hoặc là ủy thác ông ý kiến về các nhà lãnh đạo Việt Nam (CS). Cái ý nghĩ đặc biệt dẫn vật ông bởi vì hai năm sau Hoan đã làm cho thế giới kinh ngạc khi ông ta là nhà lãnh đạo cao cấp đầu tiên trốn qua Trung Hoa và tổ giác chính sách của Hà Nội đối với Kampuchia.

Trong những bài diễn văn đọc tại bữa tiệc và buổi họp báo tại Bắc Kinh, Pol Pot ám chỉ việc mất đất của Kampuchia vì các nước láng giềng (Việt Nam và Thái Lan) trong quá khứ, và rõ ràng với Việt Nam trong trí, ông ta tuyên bố: “Chúng tôi không khoan thứ cho bất cứ một cuộc xâm lấn nào, khiêu khích, can thiệp, lật đổ, gián điệp, do bất cứ ai chống lại nước Kampuchia Dân chủ và nhân dân nước này”. Về chế độ cách mạng ở Kampuchia, “phải bảo vệ biên giới hiện hữu và biên giới đó không bao giờ mất.”(44)

Tuy nhiên, trong các cuộc thảo luận rất tin tưởng với các nhà lãnh đạo Trung Hoa, Pol Pot nói về việc tấn công, không phải là hành động phòng vệ chống lại Việt Nam (CS), ông ta nói với Hoa và những nhà lãnh đạo khác rằng theo nhận xét của ông, tinh thần binh lính Việt Nam (CS) là thấp. Họ không chấp thuận sự thiếu thốn như đã có trong quá khứ. “Trong bối cảnh đó, nếu phong trào cách mạng Đông Nam Á tăng cường tấn công Việt Nam thì tình hình sẽ cải thiện và có khả năng giải quyết vấn đề.” Ông ta cũng thông báo cho các nhà lãnh đạo Trung Hoa hay rằng đảng Cộng sản Kampuchia đã trao đổi quan điểm với các đảng (CS) Thái Lan, Malaysia, Indonesia và Miến Điện về vấn đề này và tất cả họ đều đồng ý. “Tuy nhiên vẫn còn vài vấn đề về việc thi hành

chánh sách”. Ông ta nói: “Ở phía Bắc chúng tôi có sự viện trợ của các bạn Trung Quốc và ở Đông Nam Á, sự toàn ý trong các bạn bè. Khúc quanh chiến lược này là một sự khích lệ lớn lao đối với chúng tôi.” (45)

Theo một tài liệu mật đánh cắp từ Bắc Kinh được tiết lộ mấy năm sau, Pol Pot không phóng đại sự gia tăng viện trợ của Trung Hoa. Trong một bản báo cáo đáng tin về tình hình quốc tế phân phối cho một nhóm đảng phái vào ngày 30 tháng Bảy/1977, Hoàng Hoa nói rằng việc Pol Pot thanh trừng những tên xâm nhập xét lại Liên Xô là đúng bởi vì nó cần “trong sạch hóa quân đội và tăng cường khả năng tác chiến”. Những cuộc thanh trừng này gia tăng gấp đôi với những người Kampuchia từ chối chấp nhận Việt Nam như là một Người Anh Lớn và sự đối nghịch ý thức hệ giữa Việt Nam và Kampuchia chống chủ nghĩa xét lại. Ông ta nói rằng ông ta đã khơi ngòi cuộc chiến. Bọn “xâm nhập xét lại” mà Hoàng Hoa nói tới ở đây là những người chống lại chủ nghĩa cấp tiến của Pol Pot và thân Việt Nam. Mặc dầu ông ta có nói tới sự dính dáng của bọn xét lại Liên Xô, rõ ràng trong trí ông ta là nói tới Việt Nam một khi ông ta nhắc tới khả năng chiến tranh giữa Kampuchia và bọn xét lại. “Đôi khi một cuộc chiến tranh lớn quyết định một trong hai ai là kẻ ưu thế. Và qua một trận chiến quyết định, vấn đề sẽ được giải quyết. Dù cho sự mất mát có lớn lao, vấn đề sẽ được giải quyết toàn bộ.” Ông ta nói Trung Hoa sẽ không hề hững hờ đứng ngoài và đồng ý cho bọn xét lại Liên Xô can thiệp vào quyền cai trị của Kampuchia: “Chúng tôi cương quyết ủng hộ quyết định của đất nước và nhân dân Kampuchia chống lại chủ nghĩa đế quốc và cung cấp cho họ mọi thứ viện trợ trong khả năng chúng tôi làm được.” (46)

Thật khó mà biết bao giờ thì cái ý muốn đáng ngạc nhiên này hỗ trợ cho “cuộc chiến tranh lớn” đại diện cho sự nhất trí của Trung Hoa hay hơn thế nữa, phản ảnh tả phái trong việc tiếp tục cầm quyền chống nhau giữa phái Mao-ít và nhóm thực tiễn trong các nhà lãnh đạo Trung Hoa. Sự thực tài liệu này của Trung Hoa được giữ im và vài tháng sau, một trong các nhà lãnh đạo ôn hòa ở Bắc Kinh cố gắng trì hoãn việc Khmer Đỏ mạo hiểm chống lại Việt Nam. Sự rối rắm trong nội bộ chính trị Trung Hoa về vấn đề Kampuchia được giấu kín. Đối với thế giới bên ngoài, thông điệp của Trung Hoa là rõ ràng. Báo chí phương tây không nói gì tới việc giết người hàng loạt ở Kampuchia. Trung Hoa đứng về phía đồng minh của họ. Trong bữa tiệc, Hoa đọc diễn văn “Nhân dân Kampuchia anh hùng không những chỉ tài giỏi trong việc đã phá xã hội cũ mà cũng tài giỏi khi xây dựng xã hội mới.” Một cách bóng gió, ông ta cũng nói tới việc Trung Hoa ủng hộ các cuộc thanh trừng của Pol Pot và hành động chống Việt Nam. Ông ta hoan nghênh sự thành công trong việc bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Kampuchia -nói một cách khác, đang đứng trên ranh giới chiến tranh với Việt Nam- và trong việc đập tan “ý đồ lật đổ và phá hoại của kẻ thù trong nước cũng như ngoài nước”. Ông ta nói với Pol Pot mặt mũi đang tươi cười: “Vì là anh em và đồng chí sát cánh chiến đấu, nhân dân Trung Hoa rất vui mừng với chiến thắng sáng lạng của các bạn.” (47)

Cuộc thăm viếng thắng lợi của Pol Pot ở Trung Hoa không những chỉ xua tan mối nghi ngờ, không tin chắc vào quan hệ Trung Hoa-Kampuchia kể từ hồi mùa thu/1976 mà cũng còn giúp củng cố thêm vị trí của Pol Pot trong nội bộ đảng CS Kampuchia. Cuộc viếng thăm đó chứng tỏ rõ ràng tình thân hữu Trung Hoa dành cho Kampuchia được bám rễ từ những quan điểm về lịch sử và tân-chiến lược. Những dị biệt về ý thức hệ không thể vượt qua được quyền lợi của Bắc Kinh trong việc viện trợ cho Kampuchia, đứng lên đối đầu với kẻ thù địch lớn nhất của Trung Hoa ở trong khu vực này: Việt Nam.

## Thái tử Norodom Sihanouk: nương thân

---

Đối với Sihanouk, đây là cách khuây khỏa để tránh khỏi thành phố Bắc Kinh lạnh lẽo và sương mù. Vào tháng Chạp, thủ đô Phnom Pênh nắng dịu, không còn những ngày ẩm ướt nặng nề của những tháng hè. Những tia sáng biến mất khỏi mặt nước sông Mekông lóng lánh như tấm gương soi, ngay cả một vệt nhẹ trên không trung. Điều đó làm cho Sihanouk thấy vui khi được trở lại cố hương sau 5 năm sống lưu vong. Những ngày tháng trống rỗng, nếu so với bước chân cuồn nhiệt mà ông đã thực hiện trong suốt cuộc đời - ngay cả khi ông sống lưu vong ở Bắc Kinh. Ông từng muốn trở thành một đại sứ lưu động của nước Kampuchia mới, đi vòng quanh thế giới để mong tìm thiện cảm, giúp đỡ và viện trợ, xây dựng lại đất nước ông bị tàn phá vì chiến tranh. Nhưng Khmer Đỏ đã quay lưng lại với những điều ông mong ước. Họ chẳng có thể tin vào “ông hoàng phong kiến” lại có thể trở thành người đại diện cho chế độ cách mạng cơ bản nhất của họ, dù ông có lòng hăng hái, nhiệt tình. Thực ra, đối với Khmer Đỏ, điều cần thiết của họ là tránh né thế giới bên ngoài và xây dựng đất nước của họ theo kiểu một xã hội lao động và cô lập. Bởi vì vẫn còn là một người, trên danh nghĩa, đứng đầu nước Kampuchia, Sihanouk có thể trấn an thế giới rằng ở Kampuchia mọi điều đang xảy ra đều tốt đẹp khi Khmer Đỏ thực hiện những chương trình cải cách bạo tàn của họ.

Hồi đầu năm 1975, trong suốt cuộc nói chuyện với chủ tịch

Mao trước khi Phnom Pênh sụp đổ, Sihanouk nói rằng ông ta muốn nghỉ hưu sau khi Khmer Đỏ chiến thắng. Đơn giản, ông ta không thể hợp tác với họ. Mao chống lại ý kiến ông hoàng một cách mạnh mẽ: “Ông phải giúp Khmer Đỏ. Sự khác biệt giữa ông với họ chỉ là ở mức độ 2 phần 10, còn lại 8 phần 10 thì rất thông cảm nhau. Hãy quên cái 2 phần 10 đó đi.” Sihanouk nói: “Thưa chủ tịch, điều đó không thể được.” Rồi thôi, ông không muốn tranh luận với Mao khi đó Mao đã già yếu lắm rồi. Cuối cùng, Sihanouk trở về Kampuchia. Nhưng chẳng bao lâu, ông ta lại nhận ra rằng sự khác biệt giữa ông và Khmer Đỏ không chỉ ở mức độ 20 phần trăm như Mao nói mà là một sự khác biệt hoàn toàn.

Một trong những điều đầu tiên được thấy là sự áp bức, tinh thần bài ngoại trong đám Khmer Đỏ tình cờ xảy ra trong buổi lễ tiếp tân ngày quốc khánh Cuba tại nhà quốc khách. Theo nghi lễ, Sihanouk bắt đầu đọc lời chúc mừng bằng tiếng Khmer rồi ngưng lại để chờ một người nào đó thông dịch. Trong số những người lãnh đạo Khmer Đỏ, có người đã từng du học ở Pháp nhưng chẳng ai dịch cả. Ngay cả Khieu Samphan, đậu bằng tiến sĩ ở Sorbonne, dù ông ta bị Suong Sikoeun thúc đẩy. Suong cũng là một người xuất thân trường Pháp, từng là giám đốc Khmer Thông Tấn Xã. Sau khi chờ một lúc chẳng thấy ai, Sihanouk tự dịch ra tiếng Pháp lời chúc mừng của ông. Trong chế độ Pol Pot, kiến thức ngoại ngữ được xem là dấu hiệu của tinh thần nô lệ hơn là khoe khoang.

Vài lần ông ta ngồi với Khiêu Samphan, bộ trưởng Ngoại giao Ieng Sary, hay bộ trưởng Thông tin Hu Nim, họ lễ phép gạt bỏ lời đề nghị nhỏ nhất của ông. Ông ta hỏi: “Tại sao không cho nhân dân trong các hợp tác xã ít nhất cũng được nghỉ việc ngày chủ nhật?” Câu trả là: “Chúng tôi không can được nhiệt tình cách mạng của nhân dân muốn vượt quá chỉ tiêu.” Thất vọng, Sihanouk phải lấy sự chua chát và nhạo báng để xua đi cảm giác đau đớn của ông.

Vài tuần sau khi về tới Phnom Pênh, ông ta mời đại sứ Việt Nam Phạm Văn Ba mới từ miền Nam tới để dùng cơm trưa. Lời mời, tự nó là một sự mai mỉa. Trước kia, khi còn hoạt động Cộng sản bí mật tại Phnom Pênh, đã có lúc Phạm Văn Ba, con người nhỏ nhắn đó đã phải chạy trốn cảnh sát của Sihanouk. Sau đó, ông ta lại xuất hiện ở Paris trong vai trò đại diện cho chính phủ lâm thời Cộng Hòa Miền Nam VN. Bữa cơm có Hu Nim, bộ trưởng thông tin của chính phủ Kampuchia tham dự. Chính phủ này còn mang tên chính phủ Hoàng Gia Liên Hiệp Quốc Gia - GRUNK (Royal Government of National Union of Kampuchia). Đại sứ Ba trình bày với Sihanouk những khó khăn đang gặp phải sau khi giải phóng Miền Nam. Sihanouk nói chen vào trước sự khó chịu thấy rõ của Hu-Nim. “Kampuchia cũng vậy, đang đi trên con đường tệt hại.” Sau này Ba giải thích với tôi, anh ta muốn làm lệch ý nghĩa câu nói của Sihanouk. Ông ta nói: “Được rồi, cả Miền Nam và Kampuchia là hai nước yếu kém vì đế quốc Mỹ. Bây giờ là lúc phải hàn gắn.” Không nản lòng trước những lời nói ôn hòa của Ba, ông hoàng trả đũa: “Đó là sự thực nhưng các nhà lãnh đạo ở đây đã dùng những liều thuốc quá mạnh.” Trong sự im lặng khó chịu đang bao phủ đó, Ba liếc nhìn Hu-Nim. Ông này đang nhìn chằm chằm xuống đất. Một năm sau, Hu-Nim bị giết vì bị kết tội làm tình báo cho CIA.

Tháng Hai/ 1976, một nhóm 7 người từ châu Âu, Á Rập, châu Phi có cơ sở ở Bắc Kinh - được mời tới thăm Phnom Pênh. Khi chuyện vãn trong bữa tiệc chào mừng khách, Sihanouk lại có cơ hội để bày tỏ tình cảm của ông qua những lời mai mỉa nặng nề. Một người khách hỏi ông làm thế nào mà Kampuchia có thể xây dựng đất nước khi tất cả trí thức phải về miền quê. Ông hoàng đáp lời, đưa tay chỉ vòng quanh bàn: “Ở đây, chúng tôi không thiếu trí thức. Đây là Khieu Samphan, có bằng tiến sĩ kinh tế. Đây là Thioun Thioenn, bác sĩ y khoa. Đây là Yeng Sary, một trí thức học ở Pháp...” Ông ta nói một hơi, lý luận một cách nhạo báng trong khi quan khách ngồi im lặng một cách khó chịu. Các nhà ngoại giao thấy một thành hồ ma, một nền kinh tế không có giấy bạc lưu hành, ngân hàng quốc gia đóng cửa và những chứng phiếu rải rác, bay theo gió trên các đường phố. Họ không thể quên được khung cảnh kinh hoàng này như thế nào.

Những ngày tham dự những buổi tiệc ngẫu nhiên này, khi Sihanouk còn gặp những du khách ngoại quốc, chấm dứt sớm. Những biện pháp kế tiếp dành cho số phận Sihanouk xảy ra một tuần sau khi ông ta trở lại Phnom Pênh. Ngày 5 tháng Giêng, ông ta ký bản hiến pháp mới của nước Kampuchia Dân chủ thay thế cho hiến pháp vương quốc Kampuchia. Điều đó cho thấy rằng “quốc gia nhân dân” này chẳng ích lợi gì nhiều cho ông. Ngày 8 tháng Giêng năm 1976, người bạn mà cũng là người che chở cho ông, Chu Ân Lai từ trần. Trong vòng một tuần lễ nhân dịp đám tang này, một chiến dịch báo chí ở Trung Hoa bắt đầu chống lại người được chọn kế tục Chu: Đặng Tiểu Bình. Đây là dấu hiệu nhóm cực đoan ở Trung Hoa, người bạn linh hồn của Khmer Đỏ nổi lên lại.

Chẳng có gì ngạc nhiên khi Sihanouk yêu cầu được đi Bắc Kinh để lần chót bày tỏ lòng tôn kính của ông với Chu bị từ chối thẳng thừng. Khi Khmer Đỏ công bố chính phủ mới, Sihanouk nghĩ rằng đã tới lúc ông nên rời bỏ chính trường. Khmer Đỏ rất vui lòng việc ông rút lui.

Nhưng việc lặng lẽ để cho ông ta rút lui có thể tạo ra những sự ngờ vực ở ngoại quốc. Kể từ ngày đầu trở về, ông hoàng đã có cơ hội phát biểu trên đài phát thanh. Bài diễn văn từ nhiệm của ông được cán bộ hoan hô, - do một nhân viên đến tận nhà ông ta để thu băng - Trong giọng nói cảm động, Sihanouk đọc lời từ biệt với toàn thể quốc dân, được phát thanh vào ngày 2 tháng Tư năm 1976.

“Khi Lon Nol và đồng bọn đảo chánh ở Phnom Pênh ngày 18 tháng Ba năm 1970, tôi tự hứa và thề với nhân dân Kampuchia rằng tôi sẽ cùng với nhân dân chống lại đế quốc Mỹ và bọn phản bội để đạt tới thắng lợi hoàn toàn, và sau khi mở ra một thời kỳ cách mạng mới, tôi sẽ hoàn toàn và mãi mãi rút lui khỏi chính trường, vai trò của tôi sẽ chấm dứt.

“Đối với quãng đời còn lại, tôi xin cảm ơn nhân dân Kampuchia, các nam nữ anh hùng và cán bộ cách mạng đã làm sáng tỏ hoàn toàn tên tôi trước thế giới và lịch sử. Trước tình cảm và lòng tin tưởng nhân dân và cách mạng thông cảm tôi là một chiến hữu của họ, tôi xin được rút lui khỏi chính trường ngày hôm nay.”

Hai ngày sau, đài phát thanh Phnom Pênh thông báo chính phủ rất lấy làm tiếc phải chấp thuận sự từ chức của ông và ban cho ông tước hiệu “Nhà Yêu Nước Vĩ Đại”. Chính phủ đề nghị xây dựng một đài kỷ niệm vinh danh ông và trả cho ông một khoản hưu bổng 8 ngàn đôla một năm. Đài kỷ niệm ấy chẳng bao giờ nghe nói tới. Nhiều năm sau, tôi hỏi Sihanouk là ông ta làm gì với số tiền 8 ngàn đô trong một xứ sở không dùng tiền. Ông ta nói qua tiếng thờ dài nhạo báng: “Ồ! Không! Tôi không thấy được một đồng, dù chỉ là cái bóng của nó.” Thực ra, ông ta có viết một bức thư cho “Cách Mạng” từ khước số tiền đó. Đài phát thanh cũng loan tin ông ta “rút lui khỏi hoạt động chính trị để chú tâm vào cảnh sống gia đình sau 35 năm trong chính trường”. Việc đầu tiên “Cách Mạng” giúp đỡ gia đình ông ta là đưa hai người con gái của ông, cùng với chồng của họ và mười đứa cháu đi lao động ở nông thôn. Người chồng của cô con gái cưng của ông, Botum Bopha, một phi công Kampuchia, người đã lái chiếc T-28 thả bom xuống dinh của Lon Nol hồi tháng Ba/ 1972 trước khi bay vào vùng Khmer Đỏ kiểm soát. Sihanouk chẳng bao giờ gặp lại họ. Ông ta không biết rằng cùng với việc ông ta từ chức, ông đã bị giam lỏng không chính thức tại lâu đài của ông ở Phnom Pênh.



## Một nét tổng quát về lịch sử

---

Dù đoàn đại biểu Pol Pot đi bằng máy bay Jet và xe hơi Hồng Kỳ hơn là đi xe ngựa, tới lăng Mao thay vì lâu đài Hoàng Đế để tỏ lòng thành kính, cuộc viếng thăm của phái đoàn Kampuchia tại Bắc Kinh, theo nhiều phương cách, đó là sự lặp lại của lịch sử. Một quan chức cao cấp bộ ngoại giao Trung Hoa bay tới Phnom Pênh để tháp tùng đoàn quan khách đến thủ đô. Ngày xưa, quan chức triều đình Trung Hoa phải tới biên giới để tháp tùng sứ bộ các chư hầu tới triều cống rất linh đình. Tuy nhiên, quan trọng hơn hình thức đó là quan điểm về chiến lược và chính trị xác định mối liên hệ của Trung Hoa với các nước láng giềng Đông Nam Á.

Từ thế kỷ thứ ba sau Tây lịch cho đến cuối thế kỷ 15, vua các vương quốc khác (Phù Nam, Chân Lạp, Chiêm Thành và Kampuchia - vùng sau này trở thành Nam Việt Nam) đều chấp nhận quyền lực tối thượng của Trung Hoa, ít ra trên mặt biểu tượng, thỉnh thoảng phải triều cống cho thiên tử. Các đoàn đi sứ này thực ra chỉ là hình thức giả dạng của một công việc mà lý do chính thức khác là tìm sự che chở của Trung Hoa. Vua các nước vùng Đông Nam Á hy vọng một lời cảnh cáo từ vị hoàng đế đầy quyền lực Trung Hoa đủ ngăn cản cuộc xâm lăng của nước láng giềng.

Phương cách triều cống như trên chỉ hữu hiệu khi đế quốc Trung Hoa vững mạnh, đủ sức bảo trợ lời đe dọa của họ bằng sức mạnh quân sự hoặc khi Trung Hoa không gặp khó khăn nội bộ. Năm 1407, vua Thành Tổ (Yongle) nhà Minh gọi một đạo quân mạnh 200 ngàn người trừng phạt Việt Nam về nhiều tội, luôn cả tội tấn công Chiêm Thành. Việt Nam thua trận phải trả lại phần đất mà họ đã lấy của Chiêm. Tuy nhiên, năm 1414, vua Kampuchia, kém may mắn hơn khi ông ta gọi sứ bộ tới Bắc Kinh khẩn cầu Trung Hoa giúp đỡ chống lại Chiêm Thành xâm lược. Minh Thành Tổ đang bận chống quân Mông Cổ ở phương Bắc, có lời đoán chắc rằng Chiêm, một chư hầu khác, sẽ tuân lệnh hoàng đế. Hoàng đế cũng gọi một sứ bộ tới Chiêm, “thúc đẩy vua nước này rút quân khỏi Kampuchia để Kampuchia được hòa bình”. Lời hoàng đế chẳng kèm theo sự đe dọa trừng phạt nào, giống như rơi vào tai người điếc. Các toán vũ trang của Chăm tiếp tục cướp phá Kampuchia. Thực ra, thời kỳ tiếp sau đó, khi vương quốc Kampuchia suy yếu, trở thành miếng mồi ngon cho các nước láng giềng tham lam - Việt Nam và Thái Lan - thì Trung Hoa chẳng quan tâm đến số phận của nó nữa. Quan điểm truyền thống xem Trung Hoa như là tên lính kiểm ở địa phương làm cho người Khmer nghĩ đến vấn đề có tính chiến lược. Người cai trị đầu tiên của Kampuchia hiện đại, thái tử Norodom Sihanouk tìm ở Trung Hoa Cộng sản tình hữu

ngộ với hy vọng Trung Hoa ngăn cản các nước thù địch tiềm tàng xâm lược xứ sở ông ta. Năm 1966, ông còn đi xa hơn, nói rõ ra rằng Trung Hoa là “đồng nghĩa với sự sống còn của nước Kampuchia độc lập, hòa bình và toàn vẹn lãnh thổ.” Rõ ràng là với Việt Nam và Thái Lan trong trí, ông ta cảnh cáo “Nếu chúng ta tách rời Trung Hoa, chúng ta sẽ bị những con kên kên nuốt sống, những con kên kên này muôn đời nuốt sống đất đai Kampuchia.”

Nước Kampuchia trong thời cận đại, thấy Trung Hoa là kẻ bảo vệ khoan hòa và là một nước cần có quan hệ trong khi Việt Nam là một phần tử quan hệ rất khác biệt. Trong khi bảo vệ các chư hầu, triều đình Trung Hoa không ngừng cố gắng khuất phục Việt Nam. Và Việt Nam, trong khi chống lại áp lực Trung Hoa, mai mỉa thay, lại tìm cách trở thành một đệ tử ngoan của Trung Hoa bằng cách tự biến thành một Trung Hoa nhỏ. Từ khi giành được độc lập, Cộng sản Việt Nam tiếp tục theo đuổi công việc của triều đại nhà Nguyễn cũ bằng quan hệ triều cống với Lào và Kampuchia, thành một hệ thống liên minh để bảo đảm an ninh và ưu thế kinh tế. Như trong thời trước, cố gắng của Việt Nam giữ quyền tối thượng ở vùng biên giới phía Nam Trung Hoa giờ đây không ngừng khiêu khích chống lại những nhà Cộng sản cai trị.

## Châm cứu ở “ngón chân”

Nguồn gốc dân tộc Việt Nam vẫn còn là một đề tài thảo luận của các sử gia. Theo một giả thuyết thì người Việt đầu tiên xuất hiện ở tỉnh Quảng Đông bên Trung Hoa và lưu vực sông Hồng Hà. Vương quốc Việt Nam đầu tiên còn ghi lại trong sử Trung Hoa là Nam Việt (Tiếng Trung Hoa là Nan Yueh) do một người chỉ huy quân sự nội phản dựng nên năm 208 trước Tây lịch. Đó là Triệu Đà. Ông ta có vợ Việt Nam, theo phong tục Việt Nam và giết tất cả những ai còn trung thành với hoàng đế Trung Hoa. Sau một thế kỷ tự trị, khi nhà Hán nổi lên, Nam Việt lại bị sát nhập vào Trung Hoa và trở thành vùng Panyu (thuộc tỉnh Quảng Đông) và Giao Chỉ (lưu vực sông Hồng Hà). Trong suốt thời gian một ngàn năm Bắc thuộc người Việt Nam bị Trung Hoa đồng hóa về mặt xã hội và tổ chức chính trị. Họ bắt chước kỹ thuật canh tác nông nghiệp của Trung Hoa tiến bộ hơn và phát triển ngôn tự theo Trung Hoa. Thời kỳ này người ta cũng thấy sự xuất hiện văn hóa Hán-Việt lấy từ trong văn hóa Trung Hoa và triết học Khổng giáo. Điềm sâu sắc là sự tôn kính của người Việt đối với văn hóa Trung Hoa, như trả lời một câu hỏi của người Trung Hoa về phong tục trong chữ An Nam (có nghĩa là phương Nam thanh bình) một danh xưng người Trung Hoa ban cho người Việt năm 697 sau Tây Lịch. Ở thế kỷ 15, một nhà cai trị Việt Nam viết:

*An Nam tự hào về lễ thói, phong tục  
Vua quan ta theo luật nhà Hán  
Áo mào theo cách nhà Đường*

Ngay cả khi ngọn gió dân chủ Tây phương bùng lên mạnh mẽ hồi đầu thế kỷ này, kẻ sĩ Việt nam vẫn còn tự hào về tài khéo léo của họ trong nghệ thuật viết chữ Tàu và kiến thức của họ về Trung Hoa cổ. Nhiều người trong số các nhà lãnh đạo Cộng sản Việt Nam, kể từ Hồ Chí Minh đều có học văn hóa Trung Hoa.

Tuy nhiên, một cách nghịch lý, sự đồng hóa văn minh Trung Hoa cũng đã đem lại cho người Việt Nam phương cách tổ chức chính trị và kinh tế để có thể đương đầu với thiên triều. Như một nhà sử học lưu ý, “Trung Hoa đã vô tình dựng nên một quốc gia mới thành công trong việc mô phỏng theo thể chế Trung Hoa và xây dựng nên một nền độc lập cho chính họ”. Tình

thần quốc gia nổi lên sau chín trăm năm dưới ách cai trị của Trung Hoa lại được mài dũa qua hàng ngàn năm kháng chiến chống lại Trung Hoa.

Lợi dụng thời kỳ xáo trộn bên Trung Hoa, Ngô Quyền lật đổ chế độ cai trị của Trung Hoa ở Việt Nam vào năm 939 sau Tây Lịch và dựng nên triều đại tự chủ. Sự thất bại cũng không nhe nhàng gì cho các hoàng đế nhà Tống hay Nguyên Mông, nhà Minh và nhà Thanh kế nghiệp sau đó. Bốn mươi năm sau khi Việt Nam tách rời khỏi đế quốc, khi trật tự đã được phục hồi ở phía nam Trung Hoa, hoàng đế nhà Tống gửi quân đội tới để thu hồi xứ Giao Chỉ nổi loạn. Một bức thư của hoàng đế Đại Tống gửi cho vua Việt Nam trước khi đưa quân sang đánh chứng tỏ thái độ của Trung Hoa đối với Việt Nam.

Bức thư viết rằng: “Quan hệ của Trung Quốc với các bộ tộc man rợ phía Nam, giống người ta có hai chân và hai tay giãng ra theo ý muốn của trái tim, như thế, trái tim là chủ. Nếu có mạch máu ở tay chân nào không hoạt động và tinh thần bất an thì phải dùng thuốc mà trị, nếu không thấy kết quả thì phải dùng kim mà châm cho đến khi sức khỏe phục hồi. Sau khi dùng thuốc và làm cho đau đớn chân tay - có nghĩa là các bộ tộc nhỏ ở phương nam - bây giờ hoàng đế chú tâm vào Việt Nam giống như một ngón chân. “Có phải là không khôn ngoan khi làm ngơ trước một ngón chân đau. Nếu như thế thì kết quả độc nhất để cho các người thoát khỏi vòng ngu dốt tối tăm, nó sẽ làm ô nhiễm sự trong sáng của chúng ta”.

Bức thư đòi Việt Nam phải từng phục triều đình nhà Tống để cho thân thể Trung Hoa được mạnh khỏe. Nhưng nếu như chúng nó từ chối. “Ta ban lệnh cắt xẻ thân thể các người ra, chặt xương các người ra, để cho cỏ hoang mọc trên đất đai của các người... Dù biết các người có châu ngọc, chúng ta đem quăng xuống sông, dù núi non các người có vàng bạc, ta đổ nó vào tro bụi, ta chẳng thèm những thứ có giá trị của các người. Các người bay nhảy như man rợ, ta có xe ngựa kéo, các người uống qua mũi, ta có lúa gạo và rượu. Hãy để ta thay đổi phong tục các người. Các người cắt tóc, ta đội mũ. Trong khi các người nói năng như chim, ta đã có sách vở và thi cử. Hãy để cho ta dạy cho các người kiến thức và luật pháp. Các người có muốn thoát khỏi vòng man rợ như người ở các hải đảo xa mà nhìn vào ngôi nhà văn hiến. Các người có muốn bỏ áo quần các người làm bằng cỏ lá và mặc áo thêu núi thêu rồng? Các người biết chưa? Đừng có bỏ mà đi và làm điều sai trái đáng tội chết. Ta chuẩn bị xe ngựa và binh lính...”

Vua Việt Nam Lê Hoàn chẳng hề nao núng trước những lời đe dọa đó và năm 981, quân Tống thất bại nặng nề, chết hại vô số kể. Một ngàn năm kế tiếp, Việt Nam đánh bại mấy lần các cuộc xâm lược từ phương Bắc.

Các nhà bác học phân tích quan hệ truyền thống Trung Hoa với các nước láng giềng thường đồng ý với nhau rằng Trung Hoa cảm thấy từ trong cội rễ, họ có quyền tối thượng trong việc triều cống, nằm trong bình diện văn hóa hơn là chính trị. Việc triều cống là để ban cấp cho một vị vua chứ không phải cho một nước. Mỗi vị vua chư hầu cần phải biết tới quyền tối thượng của hoàng đế và phải cầu xin “Trung Quốc” thuận phong cho làm vua nước đó. Trên lý thuyết, hoàng đế không lưu tâm tới bộ tộc man khai có chấp thuận quyền tối thượng đó hay không. Điều đó, cuối cùng, đặt căn bản trên mặt đạo đức. Tuy nhiên, trong thực tế, Trung Hoa tìm cách chiếm đóng và trực tiếp kiểm soát khu vực ngoại vi của Trung Hoa. Trong trường hợp Việt Nam, vì địa thế hiểm trở và vì Việt Nam kiên quyết kháng cự, việc triều cống chỉ có khi họ suy yếu mà thôi. Tuy nhiên, việc triều cống này đặt căn bản trên những nguyên tắc của Khổng Tử nhằm mở đường cho Trung Hoa can thiệp khi nào Việt Nam suy yếu.

Mặc dù các vị vua Việt Nam tiếp tục chấp nhận quyền bá chủ của Trung Hoa, các hoàng đế Trung Hoa kế nghiệp (khi nào họ thấy có sức mạnh quân sự) can thiệp vào Việt Nam để bảo tồn sự vững vàng và sắp đặt mọi việc đúng với trật tự Khổng giáo. Chẳng hạn như trước khi tấn công xâm lược Việt Nam, vua Thành Tổ nhà Minh đã liệt ra 20 tội của vua Việt Nam. Trong số này có 8 tội thuộc về luân lý và vi phạm ý thức hệ, chẳng hạn như tiếm quyền và giết hại tiên đế đã được Trung Hoa thuận phong, tàn hại dân lành và lừa gạt hoàng đế nhà Minh. Năm tội tiếp sau

có liên hệ đến sự an toàn của Trung Hoa, trong đó bao gồm cả việc quấy phá các bộ tộc thiểu số ở biên giới và khuyến dụ họ chống lại hoàng đế Trung Hoa. Năm tội khác là xâm lược Chiêm Thành. Hai tội cuối cùng là biểu lộ sự bất kính với hoàng đế. Những tội đó, như nhà sử học Wang Gungwu ghi nhận: “chúng tỏ một lãnh vực, qua đó, Trung Hoa muốn chứng minh quyền bá chủ, không thuận tình với tinh thần tự do và độc lập của các nước chư hầu”, đặc biệt Việt Nam, trong một thời gian lâu dài là một phần của đế quốc Trung Hoa. Việt Nam không hẳn là một nước chư hầu. Nó là một tỉnh cũ của Trung Hoa đã chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa. Điều chính yếu khi vua Thành Tổ đưa ra đề trừng phạt Việt Nam năm 1407 vì Việt Nam là một mi-mi (liên hệ hết sức gần gũi). Nền văn hiến Việt Nam có được là từ Trung Hoa, tạo thành mối hữu nghị, những “tội trạng” là của các nhà vua, đặc biệt là việc xâm phạm của họ.

## Đánh đê cho dài tóc

Sau cuộc xâm lược năm 1407, trong khoảng 20 năm, các người cai trị hàng đầu ở Việt Nam là những người Tàu. Họ tiêu hủy hết sách của Việt Nam hoặc đem về Trung Hoa và hầu hết bị mất mát. Đó là điều đau đớn nhất của người Việt đối với văn học của họ sau này. Họ áp dụng thuế khóa theo cách của nhà Minh. Trường học chỉ dạy cổ văn Trung Hoa. Các quan cai trị buộc người Việt phải theo phong tục, truyền thống và an vận để tóc theo lối Tàu. Tục xăm mình, nhuộm răng và ăn trầu - tục truyền thống của người Việt - bị cấm chỉ. Trong thời kỳ đầu của cuộc chiếm đóng, quan lại Trung Hoa bắt người Việt đi tìm vàng, bạc, đồng và mỏ sắt, săn voi để lấy ngà, sừng tê giác và xuống biển mò ngọc trai.

Lê Lợi mở cuộc kháng chiến lâu dài và chấm dứt nền đô hộ của người Trung Hoa vào năm 1427. Trong vòng 450 năm sau đó, mãi đến khi Pháp xâm chiếm Việt Nam, Việt Nam giữ được nền tự chủ. Một đe dọa lớn xảy đến cho họ năm 1788, khi nhà Thanh đem quân sang xâm lược, muốn đô hộ Việt Nam trở lại. Cuộc xâm lược đó bị đại bại vì một nhà chiến lược sáng chói Việt Nam: vua Quang Trung và vì tinh thần quốc gia độc lập đã bùng lên từ mấy trăm năm nay. Nguyễn Huệ (vua Quang Trung - ngd) có một bài hịch cho binh lính ông:

*Đánh cho để dài tóc,  
Đánh cho để trắng răng  
Đánh cho để chích luân bất phản  
Đánh cho không còn manh giáp  
Đánh cho Nam quốc tri hữu chủ*

Cuộc chiến đấu chống lại ách đô hộ Trung Hoa trở thành một động lực cho chủ nghĩa quốc gia Việt Nam được tôn giáo nâng cao.

Ngay trong cao điểm chiến tranh chống Mỹ, khi viện trợ Trung Hoa có tính cách quyết định cho sự sống còn của Việt Nam (CS) thì tinh thần tôn giáo đó lại âm thầm đóng một vai trò thực tiễn. Trong thời gian thăm viếng Bắc Việt Nam hồi tháng 10/ 1972, học giả Mỹ George Kahin tò mò khám phá ra sự tự do tôn giáo có mức độ. Sau khi quan sát một đám đông người ngoan đạo ở nhà thờ chánh tòa Hà Nội, người tùy tùng Việt Nam của ông hỏi: “Ông có muốn xem vài điểm về tôn giáo của chúng tôi không?” Kahin nhận lời mời nên được đưa đi xem một ngôi đền giữa hồ Hoàn Kiếm. Tại đền này có ba bàn thờ: Một thờ Phật, một thờ Thủy Thần và giữa thì thờ Đức Trần Hưng Đạo, một vị tướng đánh bại (3 lần - nd) quân Mông cổ hồi thế kỷ thứ 13. Do yêu cầu, Kahin tìm thấy ở Hà Nội có khoảng 6 ngôi đền người Việt Nam dùng để thờ lạy các vị nam nữ anh hùng như Lê Lợi, hai bà Trưng, những người đã chống lại Trung Hoa xâm lược.

Trong khi chiến đấu để giành độc lập, người Việt Nam phát triển một kiểu mẫu chính trị pha trộn giữa hai tính bền vững và uyển chuyển. Sự bền vững bảo tồn tính khác biệt và độc lập, sự uyển chuyển là tính thỏa hiệp với Trung Hoa. Tính độc đáo này cũng phản ánh quan điểm hai mặt với Trung Hoa, đánh dấu sự yêu mến và thù ghét, thua kém và tự hào, lòng can đảm anh dũng và sự tự đắc. Điều ấy lại được củng cố bởi tinh thần làm chủ của mình, luôn luôn được tài bồi bởi ý thức về sức mạnh Trung Hoa và lòng khâm phục của họ đối với quốc gia này. Các nhà lãnh đạo Việt Nam hiểu rất rõ rằng ngay từ khi mới giành được độc lập, tinh thần anh dũng của dân tộc họ, đất đai thuận lợi, và chiến lược hay có thể đánh bại các cuộc xâm lược, nhưng Trung Hoa là một nước quá đông dân, và tiềm năng của họ rất phong phú. Việt Nam phải đối đầu với Trung Hoa biết tới bao giờ mới thôi. Chấp thuận bá quyền của Trung Hoa, các nhà lãnh đạo Việt Nam có thể tránh được sự can thiệp của quốc gia này. Có nhà viết sử Việt Nam nói rằng: “Nhượng bớt quyền hành cho Trung Hoa có lợi hơn cho các vị vua Việt Nam, có thể bảo đảm an toàn được trong khi loạn lạc có Trung Hoa che chở còn trong thời bình thì không bị Trung Hoa chiếm đóng hoặc cai trị trực tiếp.” Thông thường, sau khi đánh bại quân Trung Hoa xâm lược, vua Việt Nam thường phái sứ bộ sang Tàu xin lỗi và đem đồ cống sứ qua cho Thiên Tử. Thường thì việc ấy được vua Trung Hoa chuẩn nhận.

## Bây giờ chiến đấu, triều cống sau

Sau khi đánh thắng quân Minh năm 1427, một số dân chúng và binh lính yêu cầu vua Lê Lợi giết tất cả những binh lính nhà Minh bị bắt để trả thù họ đã giết hết tù binh họ bắt được. Nguyễn Trãi, nhà chiến lược mà cũng là một nhà thơ, một vị quân sư rất gần gũi với Lê Lợi chống lại ý kiến ấy. Nguyễn Trãi tâu: “Hiện tại, việc tấn công kẻ thù và uống máu chúng cho đã khát là việc không khó. Nhưng thần e rằng việc ấy sẽ gây lòng thù hận sâu xa đối với Minh triều. Để trả thù và để giữ uy danh một nước lớn, Minh triều lại đưa quân sang. Chiến tranh tàn hại kéo dài bao lâu nữa. Điều có lợi cho cả hai nước là nhân dịp này, kẻ thù đang thế cùng lực kiệt mà giải hòa với họ.” Lê Lợi nghe lời Nguyễn Trãi, bèn cho quân Minh năm trăm thuyền, vài ngàn ngựa và lương thực để họ kéo về nước.

Biết rất rõ tính hiếu đại và thể diện của hoàng đế Trung Hoa, người Việt Nam áp dụng nghệ thuật vuốt ve rất khéo và giả vờ ngoan ngoãn để thuận lòng hoàng đế, những điều hoàng đế không thể dùng vũ lực để chiếm được. Hồi đầu thế kỷ thứ 18, hoàng đế Trung Hoa giận muốn điên lên vì Việt Nam đòi một vùng đất dài 40 lý (bằng 13 miles) dọc theo biên giới Hoa Việt. Nhưng khi vua Việt Nam bày tỏ lòng ăn năn hối cải thì hoàng đế Trung Hoa nhân hậu thuận trao cho vùng đất tranh chấp được vĩnh viễn thuộc về Việt Nam. Sau khi đánh bại cuộc xâm lược nhà Thanh năm 1789, anh hùng Nguyễn Huệ gửi một lá thư xin lỗi hoàng đế Trung Hoa, việc ông ta chống lại quân đội thiên triều, theo ông ta khiếm tốn giải thích, là một tai nạn.

Để xoa dịu lòng tự phụ của hoàng đế Trung Hoa, Nguyễn Huệ nói ông ta sẽ tự thân mang đồ cống phẩm qua Tàu nhân dịp bát tuần của hoàng đế. Trong dịp này ông gởi một người cháu trông giống ông giả làm vua Việt Nam. Không biết hoàng đế Trung Hoa có biết trò hai mặt này của Nguyễn Huệ hay không, người cháu đóng giả vai vua Quang Trung được tiếp đón một cách huy hoàng, xứng đáng với một vị khách của thiên triều đã biết hối cải.

Từ thế kỷ thứ 10, mặc dù Việt Nam theo đuổi một chính sách độc lập với các nước láng giềng như Chiêm Thành, Kampuchia, Thái Lan và Lào, họ vẫn thường cáo lên hoàng đế lý do hành động tại sao phải chinh phạt các chư hầu Trung Hoa. Năm 1044, vua Lý Thái Tông biện giải việc ông ta xâm lược Chiêm Thành bằng cách dẫn ra những lời giáo huấn của Khổng Tử nói

rằng Chiêm Thành thiếu lòng tôn kính - một kiểu giải thích có thể làm vui lòng triều đình Trung Hoa. Năm 1446, Việt Nam kêu gọi triều đình nhà Minh chống lại Chiêm Thành cướp phá biên giới của họ. Kết quả, vua Minh buộc Chiêm Thành chấm dứt hành vi cướp phá đó. Hai mươi ba năm sau, trước khi mở một cuộc tấn công nghiêm trọng vào Chiêm Thành, hoàng đế Thánh Tông nhà Lê cho một sứ bộ qua Trung Hoa giải thích lý do mở cuộc phạt Chiêm để tránh cơn thịnh nộ của vua Tàu.

Kết quả, trong khi Việt Nam thừa nhận bá quyền Trung Hoa, họ cũng thiết lập một hệ thống chư hầu cho họ như kiểu Trung Hoa vậy. Các vua Việt Nam tự xưng Vương (king) khi tiếp xúc với Trung Hoa nhưng lại tự xưng mình là đế (emperor) khi tiếp xúc với những vua chúa cai trị vùng Đông Nam Á. Trong khi cố gắng bắt chước Trung Hoa, các vị vua Việt Nam cũng tự gọi nước họ là “Trung Quốc” - Middle Kingdom và xây dựng một hoàng thành ở Huế theo kiểu “Cấm thành” ở Bắc Kinh, cũng cùng với hào lũy, các cửa thành giống như Trung Hoa vậy. Từ đầu thế kỷ thứ 11, triều đình Huế (có lẽ tác giả nhầm lẫn. Thời điểm này thuộc nhà Lý, kinh đô còn đóng ở Thăng Long - người dịch) gửi cho vua Kampuchia - được xem là chư hầu của Việt Nam - một cái ấn bằng vàng chạm nổi hình con lạc đà - một kiểu mô phỏng đã được nhận từ Bắc Kinh, coi như một bằng chứng được thừa nhận là vua. Cái hình vật “lạc” trên cái ấn gây nên sự tò mò ở Phnom Pênh, họ thường coi biểu tượng Trung Hoa là con sư tử.

Trong khi vẫn giữ lòng trung thành với Trung Hoa về mặt tổ chức chính trị, (Alexander Woodside chỉ rõ ra rằng) hoàng đế Việt Nam và triều thần của ông bị buộc phải tin “Trung Hoa là kim chỉ nam văn hóa của một xã hội có các bộ tộc man rợ bao quanh”. Kỳ vọng văn hóa của triều đình Việt Nam cũng vĩ đại như Trung Hoa nhưng họ khác Trung Hoa ở chỗ chung quanh Việt Nam cũng là những dân tộc có nền văn hóa tương đương. Yếu tố này làm cho người Việt Nam không tự tin như người Trung Hoa. Kết quả là sự căng thẳng và bất ổn như trong một cố gắng thất bại của hoàng đế Minh Mạng nhằm Việt Nam hóa người Kampuchia hồi thập niên 1830.

Ngoài mặt văn hóa, Việt Nam biện giải việc họ giám hộ Kampuchia và Lào là vì lý do an ninh. Nguyễn Tri Phương, một vị quan lại của triều đình Huế, năm 1835 viết: “Việt Nam ở vào một vị trí tối nguy hiểm, liền với một nước lớn mà dân số đông hơn tới mấy chục lần, hiếu chiến, luôn luôn muốn bành trướng, sát nhập đất đai xứ mà họ cho là man rợ hơn. Đó là Trung Hoa. Phía đông và phía tây thì nối liền với các dân tộc cũng muốn bành trướng và quấy nhiễu chúng ta. Họ phải luôn luôn chống lại sự xâm lược của các dân tộc và các bộ lạc để giữ mình và để tấn bộ... Kampuchia thì yếu và thường khốn khổ vì các cuộc nội loạn, bị quân Xiêm La xâm lấn mà bọn này thường tàn sát hàng loạt. Bởi vậy, nước này đã nhiều lần yêu cầu quân ta đến để vấn hồi an ninh trật tự trong nước họ.” Dưới danh nghĩa bảo vệ Kampuchia khỏi bị Xiêm La xâm lấn, triều đình Huế kiểm soát toàn bộ nước này. Năm 1827, dưới danh nghĩa giúp Lào chống Xiêm La đe dọa, Việt Nam chiếm đóng một dải đất dài ở phía Bắc và Trung Lào, bao gồm cả Sầm Nứa (một vùng đất 125 năm sau trở thành pháo đài của phong trào Pathet Lào do Việt Nam hỗ trợ). Hồi cuối thế kỷ 19, khi Pháp cai trị Lào, Kampuchia và Việt Nam, không những họ chỉ chấm dứt hàng ngàn năm bá quyền của Trung Hoa tại những xứ này mà còn làm cho các nước này trở thành các đơn vị chính trị và chiến lược -Liên bang Đông Dương - mà các vị hoàng đế nhà Nguyễn từng như đã thực hiện gần xong cho Việt Nam.

## Sự cai trị của các đồng chí

Một phần tư thế kỷ sau khi Đông Dương thuộc Liên Hiệp Pháp giải thể để trả độc lập cho các nước Lào, Kampuchia và Việt Nam, ý nghĩ về một “Khối Đông Dương đoàn kết” dưới sự lãnh đạo của Hà Nội bây giờ lại nổi lên. Có phải Cộng sản Việt Nam cố gắng tiếp tục kềm giữ biên cương thuộc địa cũ và như thế “hoàn thành mục tiêu văn hóa và chính trị của Việt Nam?” Có phải khái niệm “Liên Bang Đông Dương” do Cộng sản Việt Nam đề khởi hồi thập niên 1930 mà nay là sự diễn dịch về kỳ vọng của triều đại nhà Nguyễn ngày xưa? Một bản nghiên cứu về sự phát triển chính sách Việt Nam với Đông Dương trong vòng năm chục năm qua cho thấy sự kè tục đáng lưu ý trong tư tưởng chiến lược của họ - được tăng cường với những kinh nghiệm hiện đại - Nhưng nó cũng chứng tỏ cho thấy sự tán thưởng sức mạnh chủ nghĩa quốc gia và sự cân bằng địa lý chính trị là hai lực song song, đơn giản giữa chính sách của Hà Nội và sự yếu thế của Việt Nam.

Không như huyền thoại trong dân chúng về giấc mơ của Hồ Chí Minh xây dựng một “Liên Bang Đông Dương” do Hà Nội kiểm soát, điều đưa ông tiến tới việc thành lập đảng Cộng sản Đông Dương, ý niệm về trách nhiệm rộng rãi hơn đối với toàn bộ khu vực này khởi nguyên từ Quốc Tế Cộng sản tại Moscow hay Đệ Tam Quốc Tế. Các nhà nghiên cứu mới đây cho thấy hồi thập niên 1930 nhóm Cộng sản Việt Nam tập họp tại Hồng-Kông để thành lập đảng Cộng sản lấy tên là Việt Nam Cộng sản đảng (VCP). Quyết định đó đã bị Đệ Tam Quốc Tế khiển trách vì theo đuổi một chính sách quốc gia hẹp hòi và không lưu tâm tới chủ nghĩa quốc tế vô sản. Sau đó, lệnh của Đệ Tam Quốc tế đổi tên thành Đông Dương Cộng Sản đảng (ICP). Việc đổi tên này được lý luận rằng thực dân Pháp ở Đông Dương là kẻ thù chung của dân tộc ba nước Đông Dương. Do đó, cần tổ chức chung một lực lượng để chống lại nó. Một tạp chí của đảng Cộng sản Đông Dương giải thích hồi năm 1932: “Mặc dù ba nước (Lào, Kampuchia và Việt Nam) là ba dân tộc khác nhau, ngôn ngữ và truyền thống cũng như cá tính khác nhau, họ kết thành một xứ... Không thể thực hiện các cuộc cách mạng riêng rẽ cho Việt Nam, Kampuchia và Lào. Để chống lại kẻ thù, cách mạng thống nhất lực lượng toàn cõi Đông Dương, đảng Cộng sản Đông Dương cũng phải tập trung lực lượng của giai cấp vô sản ba nước này thành một mặt trận chung dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản do đảng Cộng sản Đông Dương đại diện.”

Tuy nhiên, dù có sự chỉ đạo như thế, những người Cộng sản Việt Nam chỉ có một phần cố gắng để động viên “giai cấp vô sản Đông Dương” - một thực thể không hiện hữu - hoặc chiêu tập các thành viên Lào và Kampuchia vào trong đảng. Không kể tới việc Việt Nam đánh giá thấp tiềm năng cách mạng Lào và Kampuchia, họ cũng đánh giá thấp khả năng dân tộc hai nước này. Nhìn chung, trong đảng Cộng sản Đông Dương toàn bộ là Việt Nam ngoại trừ danh xưng, và ngay cả những người Việt Nam sinh sống tại hai nước này là thành phần nòng cốt để thành lập các chi bộ Cộng sản tại đây. Ưu thế triết lý Cộng sản Quốc Tế của Đệ Tam (QT) và lòng trung thành với Liên Xô, dù sao cũng đã dẫn dắt đảng Cộng sản Đông Dương thông qua một nghị quyết trong đại hội đảng lần đầu tiên hồi tháng 3/ 1935, khơi dậy khả năng của toàn liên bang. Nghị quyết nói rằng: “Mỗi nước có quyền tự trị, có thể tham gia vào Liên Bang Đông Dương hoặc đứng riêng rẽ. Tự do tham gia hay rút lui khỏi liên bang hoặc có thể theo đuổi bất cứ phương hướng nào.” Tới đầu thập niên 1940, người Việt Nam thấy được sự phấn khởi và tinh thần quốc gia trong các dân tộc Lào và Kampuchia, đặc biệt sức lôi cuốn càng ngày càng tăng trong phong trào Khmer Issarak. Một nghị quyết của đảng Cộng sản Đông Dương năm 1941 nhấn mạnh nhu cầu “điều chỉnh việc thực hiện chính sách quốc gia tự quyết sau khi Pháp buộc phải nhả Đông Dương”. “Các dân tộc sinh sống trên bán đảo Đông Dương có thể tham gia Liên Bang Cộng Hòa Dân Chủ Đông Dương hoặc trở thành một nước riêng biệt.” Mười năm sau, khái niệm mơ hồ về một Liên Bang Đông Dương như thế bị thả nổi. Quan ngại Pháp có thể thúc đẩy lòng ganh ghét Việt Nam trong số những người Lào và Kampuchia, đảng Cộng sản Đông Dương giải thể thành ba đảng của ba nước. Ý niệm về một liên bang không được nhắc đến nữa. Tuy nhiên, vai trò lãnh đạo ý thức hệ của Việt Nam trong cuộc chiến tranh Đông Dương đã có dấu ấn

sâu sắc. Điều đó lại được nuôi dưỡng thêm vì những kinh nghiệm trong cuộc chiến tranh chống Pháp vừa qua.

Việt Nam từ bỏ khái niệm liên bang do Đệ Tam Quốc Tế thúc đẩy, tuy nhiên, trong thực tế, kinh nghiệm quân sự lèo lái họ vào một hướng khác: đoàn kết Đông Dương về mặt chiến lược: Họ đã hiện đại truyền thống quân sự, rút từ trong truyền thống anh hùng chống Trung Hoa trong một thời gian lâu dài và tôi luyện bằng những khái niệm về chiến tranh nhân dân do Mao phát triển. Tuy nhiên, không giống như Cộng sản Trung Hoa, người Việt Nam không có những vùng đất rộng lớn để rút lui, hàn gắn vết thương, xây dựng căn cứ địa trước khi thách thức với kẻ thù có ưu thế hơn. Họ chẳng có thời gian. Sự yếu kém đó lộ rõ khi Pháp xử dụng toàn cõi Đông Dương. Năm 1947, Pháp mở một cuộc tấn công lớn vào các cứ điểm Việt Minh ở Lào và Kampuchia. Như nhà sử học quân sự William Turley ghi nhận: “buộc Việt Nam thấy rằng hiệu năng cách mạng ở Lào và Kampuchia có ý nghĩa tấn công và đánh sập Pháp từ phía sau”.

Năm 1950, Việt Minh chuẩn bị cuộc tổng phản công để đánh Pháp. Tướng Giáp, chỉ huy quân sự, viết trong một cuốn sách nhỏ truyền bá quan điểm chiến lược Đông Dương: “Đông Dương đơn thuần chỉ là một đơn vị chiến lược, một mặt trận mà thôi. Vì lý do này, và đặc biệt vì đây là một vùng đất chiến lược, chúng ta không thể quan niệm Việt Nam được độc lập trong khi Lào và Kampuchia còn dưới ách thống trị của đế quốc. Bọn thực dân dùng Kampuchia để tấn công Việt Nam, Lào và Kampuchia, tạm thời là hậu cần an toàn của kẻ thù, đồng thời là khu vực trọng yếu của toàn bộ chiến trường Đông Dương. Vì vậy, chúng ta cần mở các mặt trận Lào và Kampuchia một cách cương quyết và mạnh mẽ.”

Việt Minh đã làm như thế thật. Trước khi đẩy Pháp vào bẫy sập Điện Biên Phủ (một thung lũng trên biên giới Lào Việt), lực lượng Việt Minh thắng lợi ở Bắc, Trung và Nam Lào và ở Trung phần Việt Nam trong khi một lực lượng nhỏ Việt Minh và đồng minh Khmer Issarak của họ quấy rối Pháp ở Kampuchia. Khi quân Pháp ở cứ điểm Điện Biên phủ giương cờ trắng đầu hàng là lúc có dấu hiệu họ phải rời bỏ không những chỉ ở Việt Nam mà toàn cõi Đông Dương.

Mặc dù bây giờ Pháp đã bị loại, không còn là kẻ thù chung của các phần tử quốc gia trên chính trường Đông Dương nữa, hậu quả cuộc chiến đấu của Việt Nam tái thống nhất tưởng như tăng cường giá trị lý thuyết của tướng Giáp. Những ai chống lại sự thống nhất Việt Nam đều cần tới lãnh thổ Lào và Kampuchia và làm sáng tỏ công trạng của Cộng sản Hà Nội phải cố gắng thành công. Như William Turley đã nói ngay trước khi chiến tranh Đông Dương lần thứ hai xảy ra, Hoa Kỳ và đồng lõa Thái sẽ nắm cơ hội bất ổn ở Lào để bảo toàn cứ địa trong cùng một vùng bình nguyên mà Pháp đã tấn công Việt Minh. Việc phân chia Việt Nam tạm thời theo hiệp định Genève dọc theo vĩ tuyến 17, là buộc đảng Lao Động Việt Nam đang cầm quyền ở phía Bắc dùng lãnh thổ Lào làm hành lang để duy trì tiếp xúc với tổ chức của họ ở phía Nam. Với chiến tranh du kích ở Nam Việt Nam trên đà đi tới, một hệ thống đường mòn xuyên qua vùng rừng rậm trên vùng núi hẹp để tiến xuống Đông Bắc Kampuchia, sau này phát triển thành đường mòn Hồ Chí Minh nổi tiếng - một hệ thống đường mòn phức tạp, xe hơi có thể xử dụng được, tính chung dài khoảng tám ngàn dặm. Con đường mòn này trở thành con đường sinh thời đi xuống phía Nam. Hoa Kỳ gia tăng cuộc chiến do họ hỗ trợ chống lại Việt Nam Cộng sản bằng cách trang bị vũ khí cho lực lượng trung lập hoàng gia Lào và lực lượng quân sự của các bộ lạc Lào. Đối đầu với hiểm nguy đang gia tăng ở phía Nam, Việt Cộng dùng các vùng đất thánh và căn cứ bên kia biên giới Kampuchia trung lập.

Tháng Ba năm 1970, một cuộc đảo chánh xảy ra ở Phnom Pênh lật đổ thái tử Sihanouk và sau đó quân Mỹ xâm lăng Kampuchia, cuối cùng đã loại bỏ tất cả các chương ngại. Toàn bộ Đông Dương, một lần nữa trở thành một vị trí chiến lược đấu tranh để tái thống nhất bằng những cuộc chiến đấu trong vùng rừng núi ở Kampuchia và đồi núi Lào. Nhờ đánh thắng Mỹ và quân đội Miền Nam Việt Nam trong cuộc xâm lược của Miền Nam VN vào Nam Lào với ý định cắt đứt đường mòn Hồ Chí Minh hồi tháng Hai/ 1971 và bằng việc đánh bại hai cuộc hành quân đầy



tham vọng của Lon Nol ở Kampuchia trong cùng một năm, Bắc Việt Nam đã bảo vệ được một vị trí vững chắc ở Đông Dương. Nhờ số đông dân chúng ủng hộ, nhờ huấn luyện và viện trợ, Pathet Lào và Khmer Đỏ thêm vững mạnh mà nếu như họ chỉ có một mình thì không bao giờ có thể làm được. Tình hình thuận lợi đưa tới cuộc tấn công cuối cùng vào mùa xuân 75. Hai mươi lăm năm sau khi Giáp phát triển tư tưởng bàn về tình hình Đông Dương chỉ là “một mặt trận thống nhất”, nay sự thực đã chứng minh lời tiên đoán ấy. Trong một khoảng thời gian chỉ có 5 tháng, chiến thắng cách mạng đã hoàn thành trên cả ba nước Đông Dương.

Yếu tố chiến lược đạt tới đỉnh cao trong suy nghĩ của người Việt về Đông Dương - trong thời kỳ hậu chiến tái xây dựng, củng cố ý thức hệ và chính sách kinh tế mang tính cách quan trọng mới. Bây giờ, nền hòa bình đã đạt được. Việt Nam tìm cách xây dựng quan hệ đặc biệt về một cấu trúc liên minh có thể đảm bảo được tình hình an ninh Việt Nam và có thể thực hiện hợp tác kinh tế lâu dài giữa những quốc gia có căn bản ý thức hệ chung. Nhận thức được chủ nghĩa quốc gia cực đoan trong số Khmer Đỏ, gia tăng thù địch Việt Nam trong những năm cuối của cuộc chiến và chủ nghĩa cực đoan của họ, Hà Nội muốn tiến gần hơn với Kampuchia và xúc tiến liên hệ chặt chẽ hơn. Nếu Kampuchia làm gãy đổ liên hệ giữa hai nước thì kẻ thù cũ của họ sẽ xây dựng căn cứ địa tại đây và mối đe dọa mà Nguyễn Tri Phương và Võ Nguyên Giáp đã từng lo ngại sẽ có cơ sống lại. Chiến lược phát triển khác biệt của nhóm Kampuchia cực đoan làm đảo lộn kế hoạch của Việt Nam về hợp tác kinh tế và chia sẻ các nguồn lợi thiên nhiên.

Giải thích về quan hệ đặc biệt này, khởi thủy Việt Nam nhấn mạnh đến tình hữu nghị đã được xây dựng trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù chung hơn là quan tâm về kinh tế và an ninh. Nghĩ rằng đã nhiều hy sinh trên chiến trường Đông Dương, Việt Nam (CS) cho đó là món “nợ máu” để Lào và Kampuchia giữ quan hệ gần gũi với Việt Nam. Võ Đông Giang, thứ trưởng Bộ Ngoại giao nói với tôi năm 1978: “Chúng tôi yêu cầu thiết lập quan hệ đặc biệt, vì trong toàn bộ lịch sử thế giới chưa bao giờ có quan hệ như thế của ba dân tộc, chia nhau từng hột gạo, từng hột muối, từng viên đạn trong cuộc chiến đấu chống quân thù. Mỗi quan hệ gần gũi đó phải được tiếp tục trong tinh thần xây dựng, bảo vệ và tôn trọng lẫn nhau.”

Việt Nam chẳng bao giờ nói một cách công khai ý kiến chia sẻ tài nguyên giữa ba nước Đông Dương - ngoài việc hợp tác xử dụng sông Mêkông. Tuy nhiên, một cách hợp lý hơn, người ta phải nghĩ rằng các nhà lập kế hoạch ở Hà Nội nhìn Đông Dương không đơn thuần trên mặt chiến lược sinh tử mà còn về mặt kinh tế nữa. Với khoảng 60 triệu dân (thời điểm tác giả viết sách này - người dịch) sống trên một giải đất hẹp có nhiều núi non (tổng Cộng chỉ có 6 triệu hecta canh tác được) tỷ lệ đất canh tác so với dân số thì Việt Nam ở mức độ thấp nhất vùng Đông Nam Á. Tới năm 2000, Việt Nam có khoảng 90 triệu dân. Hà Nội thấy rằng việc hợp tác kinh tế với các nước láng giềng có mật độ dân số thấp nhưng đất đai giàu có ở là cần thiết. Cơ sở kỹ thuật và kỹ nghệ Việt Nam đang phát triển tốt đẹp, nông nghiệp và các nguồn lợi quặng mỏ ở Lào và Kampuchia ở ba nước sẽ bổ sung cho nhau.

Trong một cuộc họp mật để lập kế hoạch về Đông Dương, một viên chức cao cấp của Việt Nam, Chế Việt Tân hồi đầu thập niên 1980 viết rằng “Trong vị trí chiến lược vững chắc, ba nước Lào, Kampuchia và Việt Nam ở vào thế liên lập. Đó là điều kiện cần thiết để phối hợp thế chiến lược của ba vùng với những khu vực kinh tế, điều hòa phân phối lực lượng lao động và dân chúng để xây dựng nền tảng sản xuất lúa gạo, khu vực kỹ nghệ và hạ tầng cơ sở...”

Chỉ sau khi mối căng thẳng Hoa Việt bùng nổ công khai thì Hà Nội mới công bố lý thuyết chiến lược quan hệ đặc biệt giữa ba nước Đông Dương. Tờ Quân Đội Nhân Dân, hồi tháng Tư/79 viết “Từ hơn một thế kỷ nay, lịch sử bao giờ cũng nối liền số phận của ba nước Việt Nam, Lào và Kampuchia. Khi một trong ba nước bị xâm lăng, bị lệ thuộc, nền độc lập và an ninh của những nước còn lại cũng lâm vào tình thế nguy hiểm, không thể sống trong hòa bình. Vì vậy, kẻ thù của một nước cũng là kẻ thù của ba nước. Phải duy trì tinh thần đoàn kết giữa ba dân tộc và để đoàn kết chiến đấu và chiến thắng - đây là một định luật về sự thành công của cách mạng của ba

nước”. Chuẩn bị kỹ vấn đề, Việt Nam cho rằng kinh nghiệm lịch sử chứng tỏ cho thấy đó là một định luật - một điều không thể tránh khỏi - trong phương cách kẻ thù đe dọa Đông Dương. Chính sự đoàn kết đã bảo vệ nền độc lập của ba nước. Sức mạnh bên ngoài muốn kiểm soát cả ba thì đầu tiên tạo ra sự phân rẽ giữa ba nước và chiếm đóng dần dần từng nước một. Một tướng lãnh Việt Nam (CS) tuyên bố năm 1984: “Trong âm mưu chiếm đoạt Đông Dương và bành trướng ra toàn vùng Đông Nam Á, bọn phản động Bắc Kinh chẳng có cách nào ngoài việc tuân theo định luật đó.”

## Gìn giữ hòa bình giữa những bộ tộc man rợ phía Nam

Chuẩn bị “định luật” này lại là phục vụ cho người Việt. Lịch sử và địa lý chính trị, dù sao, cũng chỉ cho thấy một điều không thể tránh được vị thế của Trung Hoa đối với Việt Nam để trả giá cho quyền bá chủ ở Đông Dương. Một đặc điểm nổi bật trong lịch sử quan hệ Trung Hoa với Đông Nam Á là tự coi mình như một người bảo hộ chính trực đối với trật tự và ổn định trong khu vực. Đó là sự thực nhưng cuộc xâm lược của nhà Minh với Việt Nam hồi năm 1407 là ngoại lệ. Trung Hoa không dùng sức mạnh quân sự để đóng vai trò một tên hiền binh. Tuy nhiên, nhiều lần các nước triều cống trong khu vực này đã kêu gọi Trung Hoa ngăn chặn các nước láng giềng hay xâm lược. Thiên triều vẫn luôn quả trách các nước hay xâm lược này.

Theo đường lối Khổng Tử, như lời rầy la của một người cha, vua Yongle trách cứ vua Xiêm (Thái lan - nd) có hành động xâm lược các nước Chiêm Thành, Malacca (một vương quốc trên bán đảo Mã Lai), và Sumatra, và ra lệnh “Từ nay, nhà người phải theo luật lệ của ta, giữ phận bề tôi, giữ gìn biên cương nhà người, thành thật với các nước lân bang, vậy người có thể vui hưởng đời đời và an toàn mãi mãi.”

Đằng sau vai trò công chính của vai bá chủ là tham vọng của Trung Hoa muốn có một miền Nam an bình - một sự cân bằng quyền lực giữa các nước nhỏ, không tạo ra đe dọa nào cho chính sự ổn định của họ - Những lời quả mắng đặc biệt này của Thiên triều chẳng ngăn cản được Việt Nam lấy đây Chiêm Thành hay Thái xâm lược Malacca. Tuy nhiên, sự bành trướng đất đai của các chư hầu phía Nam Trung Hoa chẳng đe dọa gì đến nền an ninh của Thiên triều và cũng chẳng hại gì tới ưu thế của Trung Hoa cả. Dù các nước chư hầu có làm gì với nhau chẳng nữa rồi họ cũng làm dịu cơn thịnh nộ của Thiên triều bằng cách tạ tội và gửi sứ bộ đến triều cống.

Lý do quan trọng tại sao Trung Hoa ít can thiệp quân sự vào các nước phía nam là vì họ phải tập trung vào vùng Tây Bắc. Từ hàng mấy thế kỷ, các bộ tộc du mục ở Trung Á - Mông Cổ và Khitans - sau này là người Nga, thường đe dọa Trung Hoa một cách nghiêm trọng. Thực ra, Hongwu, vị hoàng đế sáng lập nhà Minh, sau khi đánh bại nhà Nguyên, cấm chỉ các người kế nghiệp ông không được xâm lăng mà không có lý do chính đáng đối với các bộ tộc nhỏ ngoài biên khơi hay các nước trong vùng núi non hiểm trở. Năm 1371, ông ta viết: “Nếu chúng không gây khó khăn cho ta thì nhứt quyết đừng tấn công chúng. Đối với các bộ tộc ở phía Tây-Bắc, nhiều đời nay chúng thường gây nguy hiểm cho ta. Ta phải cẩn thận, sẵn sàng chống lại.”

Một cuộc thử nghiệm về điều này đã xảy ra khi hoàng đế Trung Hoa chọn một quyết định giữa những mối đe dọa từ phía Bắc và từ phía Nam hồi cuối thế kỷ 19. Năm 1882, một tài liệu của Trung Hoa mô tả Việt Nam là “phiên ly của Trung Hoa” có thể bảo vệ Hoa Nam. Mặc dù nó (Việt Nam) ở ngoài biên thù, chúng ta “cũng không thể bỏ rơi” (Việt Nam). Tuy nhiên, hai năm sau, khi đối đầu với áp lực Pháp từ phía Nam và sự đe dọa gây ra do chiến tranh Nga-Nhật ở phía Bắc, triều đình Trung Hoa yếu kém đành từ bỏ trách nhiệm như trong trật tự Khổng Tử đã có từ

xưa đối với việc bảo vệ vua nước Việt Nam chư hầu. Năm 1884, một quan chức nhà Thanh viết: “Việc bảo bọc cho các nước triều cống từ xưa là chuyện nhỏ. Việc củng cố, bảo vệ toàn Trung Hoa lớn hơn nhiều.” Vì chính sự an toàn của họ đang bị lung lay, trong thời gian chiến tranh Nga Nhật xảy ra, năm 1885, Trung Hoa đã ký hòa ước Thiên Tân với Pháp và từ bỏ quyền bá chủ ở Việt Nam.

(Chiến tranh Hoa Nhật xảy ra năm 1895 và chiến tranh Nga Nhật xảy ra năm 1905. Có thể tác giả nhầm lẫn về niên đại. - người dịch)

Khi nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa (PRC) thành lập năm 1949, Trung Hoa không những chỉ là kẻ tiên phong bước vào thời đại mới để giữ các mối quan hệ bình đẳng mà, như một nhà Mácxít nói “cũng là một sự bắt buộc để duy trì quan điểm về “chủ nghĩa quốc tế vô sản”. Tuy nhiên, trong tiến trình thực hiện chính sách ngoại giao, sức nặng lịch sử và những quan điểm xa xưa về an toàn của Trung Hoa tạo ra những xung khắc lớn hơn. Đằng sau sự khoa trương cách mạng Trung Hoa hiện ra rõ ràng sự nối tiếp tiến trình bảo vệ an ninh cho Trung Hoa, một tiến trình mang tính di sản từ thời phong kiến cũ. Sự tương quan lý thuyết giữa Trung Hoa Cộng sản và Bắc Việt Nam chỉ hữu hiệu trong mục đích bảo vệ quyền lợi của mỗi nước qua từng thời kỳ.

Từ khi bắt đầu có phong trào Cộng sản Việt Nam, Hồ Chí Minh và những đồng chí của ông duy trì quan hệ chặt chẽ với đảng Cộng sản Trung Hoa. Một số lớn cán bộ Cộng sản Việt Nam được huấn luyện quân sự và học tập chính trị ở Trung Hoa và có thời gian sinh hoạt trong quân giải phóng của Mao. Một thời gian ngắn sau khi giành được chính quyền ở Hoa Lục, Bắc Kinh thừa nhận chính phủ Hồ Chí Minh lúc ấy đang đặt căn cứ trong rừng rậm là chính phủ của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Lần thứ hai trong lịch sử (lần thứ nhất là khi quân cờ đen qua giúp Việt Nam chống Pháp hồi thập niên 1880) vũ khí và bộ đội Trung Hoa vượt qua biên giới vào Việt Nam để giúp Việt Nam (CS) chống lại kẻ thù. Nói rõ ra là những vũ khí đó đã giúp Giáp gỡ hái chiến thắng lịch sử ở Điện Biên phủ (1954). Về sau, Bắc Kinh nói rằng những tướng lĩnh hàng đầu của Trung Hoa như tướng Trần Canh (Chen Kang) có trách nhiệm trong việc vạch kế hoạch cho trận đánh này - người Việt Nam (CS) cười ngạo ngễ trước luận cứ này -. Dù vai trò thực của Trung Hoa trong trận đánh đó như thế nào đi nữa, về sau, nhiều sự việc cho người ta thấy rằng hợp đồng của Trung Hoa chính là quan tâm của họ (nếu không là nhiều quá) về sự an toàn dọc theo biên giới phía Nam của nước họ với Việt Minh đặt trên tình cảm và hữu nghị giữa hai bên vậy.

Do sự giải tỏa một số tài liệu đáng tin về hội nghị Genève Đông Dương 1954 - lần đầu tiên đánh dấu sự xuất hiện Trung Hoa của Mao trên chính trường quốc tế, người ta biết tính chất truyền thông của Trung Hoa Cộng sản trong tiến trình quan hệ với Đông Dương như thế nào ngay từ lúc bắt đầu. Paul Mus, một học giả về Việt Nam và nguyên là cố vấn của cao ủy Pháp ở Đông Dương, năm 1965 nói rằng Trung Hoa nhượng bộ Pháp ở hội nghị Genève để ngăn chặn Việt Nam chiếm toàn cõi Đông Dương. Mười bốn năm sau, Mus giải thích thêm rằng, điều quan tâm trước nhất của Trung Hoa trong hội nghị này, căn cứ trên hồ sơ lưu trữ là an ninh của họ - Nhà sử học pháp Françoise Joyaux cũng đồng quan điểm.

## Một môn đồ Không giáo ở Genève

Một trong những bế tắc đầu tiên của hội nghị được phá vỡ là khi Trung Hoa gây áp lực với Việt Nam buộc nước này không được hỗ trợ cho chính phủ kháng chiến Lào và Khmer do Việt Nam dựng nên. Các chính phủ đó được Việt Nam giúp đỡ để tham gia hội nghị. Không riêng gì Chu Ân Lai, trưởng đoàn Trung Hoa, thất bại trong việc ủng hộ quan điểm của Việt Nam, chủ

trương rằng các chính phủ kháng chiến này mới thực sự đại diện cho dân tộc họ. Chu cũng thuyết phục Cộng sản VN đừng mở những cuộc tấn công vào Kampuchia để tăng cường vị trí của chính phủ kháng chiến Khmer. Quan tâm chính của Chu là ngăn Mỹ can thiệp vào Đông Dương. Sự can thiệp này có thể lôi kéo Trung Hoa vào một cuộc xung đột rộng lớn hơn. Chu Ân Lai nói riêng với trưởng phái đoàn Pháp là Trung Hoa chấp thuận các chính phủ Đông Dương thân Tây phương được tồn tại. Ông ta nói với Pháp: “Nếu các chính phủ vương triều này được nhân dân họ ủng hộ thì tôi thấy chẳng có lý do gì để họ không được tồn tại.” Ông ta nói Trung Hoa muốn hai vương quốc này trở thành những quốc gia hòa bình, dân chủ giống như Nam Dương, Miến Điện hay Ấn Độ. Ngay cả ba nước cũng có thể tham gia vào khối Liên Hiệp Pháp. Tuy nhiên, ông ta cảnh cáo “Nhưng chúng tôi không muốn các nước này trở thành căn cứ của Mỹ. Điều này đe dọa an ninh của Trung Hoa. Chúng tôi tự thấy chẳng ích lợi gì cho chúng tôi khi việc ấy xảy ra.”

Tuy nhiên, không hẳn vì mối đe dọa của Mỹ hiện diện ở vùng biên giới phía Nam Trung Hoa mà Chu Ân Lai công nhận hai vương quốc Lào và Kampuchia và thúc đẩy Việt Minh rút quân của họ khỏi hai nước này. Dù hiệp định Genève không làm cho Việt Minh hoàn toàn thỏa mãn đòi hỏi độc lập toàn bộ cho cả nước và tạm thời chia cắt đất nước chờ tổng tuyển cử, Chu nói với Pháp trong cuộc thảo luận rằng Trung Hoa muốn kéo dài sự hiện hữu hai nước Việt Nam, và, một cách tổng quát, nhiều quốc gia liên hệ tới biên giới của Trung Hoa. Trong một điều bộ bất thường, biểu lộ sự công minh của một người cha trong cung cách cai trị theo kiểu Khổng giáo hơn là với tinh thần quốc tế vô sản, Chu mời thủ tướng Phạm Văn Đồng (thực ra lúc đó PVD là bộ trưởng Ngoại giao - nd) của chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà (DRV) dự tiệc tối với các nhà ngoại giao khác của Đông Dương, gồm luôn cả đại biểu Mỹ và Pháp đang hỗ trợ cho chính phủ Bảo Đại. Trong bữa tiệc, Chu đề nghị đại biểu chính phủ Quốc gia (Bảo Đại - nd) thiết lập một văn phòng đại diện tại Bắc Kinh. Thấy sự ngạc nhiên hiện ra trên mặt Đồng vì đề nghị này, Chu giải thích, “Dĩ nhiên, về ý thức hệ, Phạm Văn Đồng gần gũi với chúng tôi hơn. Tuy nhiên điều ấy không thể loại trừ đại diện của miền Nam. Suy cho cùng thì cả hai phía Việt Nam của các ông và chúng ta không phải là người châu Á cả hay sao?”

Hai thập niên sau hội nghị Genève này, Bắc Kinh vẫn tiếp tục theo đuổi chính sách bằng mọi cách duy trì một Đông Dương mạnh mẽ không có một sức mạnh nào vượt trội. Âm mưu đó hiện hữu trong chính sách ngoại giao âm thầm, thuyết phục về kinh tế, và dĩ nhiên, cả sức mạnh quân sự... Mãi đến khi Mỹ bắt đầu can thiệp trực tiếp vào Lào năm 1963, Bắc Kinh không chỉ đề nghị với các đồng chí Pathet Lào của họ mà cả các chính phủ liên minh trung lập có thể tạo ra một vùng đệm ở phía nam Trung Hoa. Trung Hoa, cũng giống như Liên Xô, chẳng nhiệt tình gì lắm với việc xử dụng võ trang như là một phương cách để tái thống nhất Việt Nam.

Việc Bắc Kinh hỗ trợ quân sự cho những nỗ lực của Hà Nội ở Lào và ở Nam Việt Nam vượt quá mối quan tâm của họ để đẩy Mỹ ra khỏi Đông Dương và tranh thủ với Liên Xô nhằm thu phục ý chí và tình cảm của những người Cộng sản Đông Dương, đặc biệt với Việt Nam (CS). Tự coi mình là kẻ chiếm hàng đầu trong các cuộc đấu tranh giải phóng quốc gia chống đế quốc Mỹ và tay sai, Trung Hoa tự cho họ có bổn phận ủng hộ cuộc chiến đấu của Việt Nam (CS). Khi Mỹ bắt đầu oanh tạc Bắc Việt hồi năm 1964, việc thiết lập hàng loạt căn cứ quân sự Mỹ và đưa 5 trăm ngàn quân Mỹ vào Miền Nam VN trong những năm tiếp sau, thì đó một trong những lý do căn bản để Trung Hoa đóng vai trò điều hòa trong hội nghị Genève 1954 không còn nữa. Đối đầu với đe dọa Mỹ có thể đưa quân bộ chiến vào Bắc Việt và với những cuộc oanh tạc của Mỹ sát biên giới Trung Hoa, Bắc Kinh không chỉ hy sinh một cách vô cùng to lớn cho Việt Nam để ủng hộ nước này, mà còn muốn Hà Nội nắm giữ vai trò lãnh đạo Đông Dương.

Bởi chiến tranh gia tăng cường độ ở Việt Nam, mà Hoa Thịnh Đốn cho rằng đó là do “chủ nghĩa bành trướng” của Trung Hoa ở vùng Đông Nam Á, lo lắng Trung Hoa có thể bị tấn công trực tiếp gia tăng một cách đáng ngại. Việc Trung Hoa viện trợ cho cuộc chiến đấu của Cộng sản VN vượt quá trách nhiệm của tình đồng chí. Đó là sự kiện bắt buộc vì chính an toàn của Trung

Hoa. Vợ Mao, Giang Thanh, nói với phái viên nhiếp ảnh người Mỹ của bà “Nếu Bắc Việt Nam không chiến đấu thì kẻ thù sẽ tấn công vào Trung Hoa.”

## Chính sách bảo hộ của Mỹ đối với Bắc Kinh

Bắc Kinh giúp Hà Nội trong cuộc chiến đẫm máu và coi đó là phương cách bảo đảm làm cho kẻ thù đế quốc suy yếu. Họ còn muốn hân hoan đón quân Mỹ xuất hiện ở gần biên giới của họ, coi đó là một sự bảo đảm sẽ không bị tấn công bằng bom nguyên tử. Thủ tướng Chu Ân Lai nói với tổng thống Ai Cập Gamal Abdel Nasser hồi năm 1965 ở Cairo: “Chúng tôi sợ vài tay quân sự Mỹ có thể thúc đẩy một cuộc chiến nguyên tử chống lại Trung Hoa và chúng tôi nghĩ rằng việc Mỹ dính líu vào Đông Dương là một chính sách bảo đảm chống lại một cuộc chiến nguyên tử như thế, bởi vì chúng tôi có móng tay bầu vào vô số da thịt của họ. Mỹ đưa nhiều quân đội vào Việt Nam thì chúng tôi vui sướng hơn vì chúng tôi có đủ sức mạnh nắm lấy họ, nắm lấy máu thịt họ.”

Giữa các năm 1965-68, Trung Hoa gọi 320 ngàn người gồm binh lính, công nhân và nhân viên kỹ thuật (để mở rộng đường xe lửa Trung Hoa-Việt Nam), các đơn vị phòng không và các cố vấn kỹ thuật tới Việt Nam. Sự hiện diện đó là một đòn tính toán để làm nản lòng người Mỹ, khiến họ không xâm lăng Bắc Việt Nam hoặc đe dọa phía Nam Trung Hoa. Bắc Kinh cũng cung cấp phương tiện vận chuyển cán bộ Cộng sản VN và cố vấn của họ sang Lào qua ngã Trung Hoa, viện trợ cho Việt Nam với tổng số lên tới ba chục ngàn xe vận tải để chuyên chở mười ngàn tấn vũ khí của Trung Hoa xuống phía Nam dọc theo đường mòn Hồ Chí Minh và dàn xếp với Sihanouk để được vận chuyển vũ khí và lương thực cho Việt Cộng qua ngã Kampuchia.

Tháng Tư/ 1980, tôi tới Bắc Kinh để phỏng vấn Hàn Niệm Long, thứ trưởng ngoại giao Trung Hoa, cánh tay mặt trong thời kỳ cuối cùng của thủ tướng Chu, và một trong những nhà cấu trúc chính sách của Trung Hoa về Đông Dương. Tôi hỏi ông ta tại sao Trung Hoa, sau khi đã giúp Việt Nam có mặt ở Lào và Kampuchia trong suốt thời gian chiến tranh, tới bây giờ chống lại việc ấy. Lắc đầu một cách rất rõ ràng, Hàn nói rằng tình hình lúc ấy và bây giờ rất khác nhau. Lúc ấy “họ (Việt Nam) thực hiện một con đường chiến đấu xuyên qua Lào và Kampuchia như là một con đường thống nhất nhằm chống đế quốc Mỹ.

Dĩ nhiên lúc ấy chúng tôi ủng hộ họ... Một điều chúng tôi không ngờ là nước ấy bị thế lực đế quốc bắt nạt trong chiến tranh thì nay họ lại bắt đầu bức hiếp các nước anh em khác khi họ đã giành được thắng lợi cuối cùng.”

Hàn đưa ra một lời tuyên bố đáng kinh ngạc rằng Trung Hoa “chẳng bao giờ nghe Hồ Chí Minh nói gì về một Liên Bang Đông Dương.” Họ cố ý vẽ ra hình ảnh những người lãnh đạo Việt Nam hiện nay là “phản bội” chính đường lối Mác-xít của Hồ, Bắc Kinh mô tả Việt Nam xúc tiến bá quyền ở Đông Dương là chỉ sau 1975. Nhưng, trong chỗ riêng tư, các viên chức cao cấp của Trung Hoa, gồm cả Đặng Dĩnh Châu (Wang Guangmei), vợ góa của Lưu Thiếu Kỳ, phê bình Hồ vì Hồ âm mưu thành lập Liên Bang Đông Dương.

Bàn về tham vọng của Việt Nam ngày xưa muốn cai trị cả Đông Dương, một viên chức cao cấp Tân Hoa xã, hồi tháng 3/ 1982, dẫn cho tôi thấy một đoạn văn trích trong cương lĩnh của đảng Lao Động Việt Nam (VWP) năm 1951, nói về Liên Bang Đông Dương. Ông ta nói: “Ngay cả trong thời kỳ chống Mỹ, người Việt Nam (lúc ấy Hồ Chí Minh còn lãnh đạo) không bao giờ bỏ rơi ý nghĩ này. Họ luôn luôn sẵn sàng thành lập Liên Bang Đông Dương... Dưới danh nghĩa bảo vệ đường mòn Hồ Chí Minh, họ đưa quân đội tới Hạ Lào và Kampuchia. Nhưng sau khi chiến tranh chấm dứt, thay vì rút quân đội này về, họ lại gọi thêm quân tới những vùng khác, chẳng hạn như ở thượng Lào.”

Nhận xét này của Bắc Kinh về vai trò Việt Nam ở Đông Dương không đơn giản chỉ là viết lại lịch sử. Có thể Trung Hoa không tiên liệu, như Hàn tuyên bố, Việt Nam không che dấu cố gắng của họ để cai trị toàn vùng. Có đầy đủ chứng cứ cho thấy trong khi tiếp tục viện trợ to lớn cho Việt Nam trong thời chiến, Bắc Kinh lo lắng về vai trò của Việt Nam trong tương lai ở Đông Dương. Từ giữa thập niên 1960, Trung Hoa bắt đầu xây dựng một con đường chiến lược từ Vân Nam tới Bắc Lào. Cũng nhằm mục đích này, Trung Hoa đóng ở Lào 20 ngàn quân, gồm các đơn vị công binh cùng phòng không để bảo vệ toán quân này. Những đơn vị quân đội này không chỉ nhằm mục đích ngăn ngừa cuộc tấn công bất thần của Mỹ mà còn là một cố gắng để cân bằng với lực lượng quân đội Việt Nam Công Sản hiện diện ở Lào. Sau khi thảo luận tình hình con đường này với Chu Ân Lai năm 1974, Henry Kissinger kết luận một cách thỏa mãn rằng việc Trung Hoa có mặt ở Lào được xem như là một sự thay thế “cho khu vực còn trống vì quân đội Việt Nam CS chưa tiến tới để cai trị toàn Đông Dương.”

Những cố gắng của Trung Hoa hồi cuối thập niên 1960 và đầu 1970 tưởng thưởng cho một số phần tử Pathet Lao muốn tránh khỏi lệ thuộc vào Việt Nam, đưa tới các cuộc tranh chấp và ám sát, ít ra là số phận một nhân vật Lào thân Bắc Kinh. Lãnh tụ Pol Pot của đảng CS Kampuchia thăm Trung Hoa hồi cuối năm 1965 và nhận được sự hỗ trợ của Mao vì chính sách độc lập của Pol Pot không phụ thuộc vào Hà Nội. Tuy nhiên cuộc đảo chánh xảy ra hồi tháng 3/1970 tạo ra một tình trạng mới, qua đó, sự hợp tác giữa ba đảng CS của ba nước trở thành khẩn thiết.

Ngay khi thái tử Sihanouk vừa mới bị lật đổ, một hội nghị cao cấp về Đông Dương được triệu tập ở Quảng Đông vào tháng Tư/ 1970. Tại hội nghị này, gồm có Sihanouk, Phạm Văn Đồng, hoàng thân Souphanouvong của Pathet Lào, Nguyễn Hữu Thọ của Mặt trận Giải phóng Miền Nam VN, đã đưa ra một bản tuyên bố khuyến cáo về việc chống lại bất cứ một đảng nào âm mưu cai trị toàn vùng. “Đặt căn bản trên nguyên tắc giải phóng và sự bảo vệ của mỗi nước là nhiệm vụ của nhân dân nước đó,” bản tuyên bố còn nói rằng “Các đảng phái riêng rẽ phải đảm nhận tất cả những gì họ có thể làm được và có thể có sự giúp đỡ hỗ tương tùy thuộc vào yêu cầu của đảng liên hệ và trên căn bản tôn trọng lẫn nhau.” Bản tuyên bố cũng nhấn mạnh đến việc hợp tác trong tương lai nhằm xây dựng cho mỗi nước “có thể tùy thuộc vào phương hướng của nước đó.” Mặc dù có những lời lưu ý này, sự quan hệ giữa Khmer Đỏ và Trung Hoa, ý định về việc thiết lập sự hợp tác Đông Dương coi như chết yểu. Hồi tháng Tư/ 1979, nói với tôi trong một cuộc phỏng vấn, thái tử Sihanouk cho rằng các nhân vật Khmer Đỏ làm việc với ông và Trung Hoa đã bỏ rơi đề nghị của ông đòi triệu tập một cuộc họp tối cao về Đông Dương tại Hà Nội năm 1971 với mục đích điều hòa và tăng cường liên minh. Một lý do Trung Hoa không thuận là họ không muốn gây trở ngại, làm căng thẳng thêm tình hình với Hoa Thịnh Đốn. Tháng Bảy/ 1971, Henry Kissinger bí mật thăm Bắc Kinh, chuẩn bị cho cuộc thăm viếng lịch sử của tổng thống Nixon vào năm tới. Nhưng trên hết, Trung Hoa muốn tránh bất cứ một cuộc họp mặt nào có thể hậu thuẫn cho vị thế quân sự chính yếu của Hà Nội ở Đông Dương.

Nói chuyện với cựu thủ tướng Pháp Mandès France ở Bắc Kinh hồi tháng 12/1971, Sihanouk cho rằng sau khi chiến tranh Đông Dương chấm dứt thì Đông Dương không thể rơi vào tay một quyền lực độc nhất nào cả - có nghĩa là Hà Nội. Hậu quả thiếu quân binh không thể trở thành một cơ hội cho bất cứ ai. “Tôi đã thảo luận vấn đề này với thủ tướng Chu Ân Lai và ông ta đồng ý với tôi. Tình trạng cũ của Đông Dương có thể tồn tại là hoàn toàn độc lập và Trung Hoa giúp đỡ để bảo đảm tình trạng đó.” Sihanouk nói với cựu thủ tướng Pháp như vậy.

Cựu thủ tướng Pháp nói lại với Chu Ân Lai việc này, người đôi thoại với ông trong hội nghị Genève trước kia, và các nhà lãnh đạo Trung Hoa khác. Ông ta kết luận: “Rõ ràng Trung Hoa không muốn bất cứ một quyền lực nào, trong đó có cả Bắc Việt Nam chế ngự hay cai trị toàn cõi Đông Dương. Họ nói tới tính độc lập của mỗi đơn vị chính trị, không riêng gì Lào, Kampuchia mà cả Nam VN nữa.”

Đối với Trung Hoa, hiệp định hòa bình Paris tháng giêng năm 1973 là một sự đảm bảo chống lại Việt Nam CS bá quyền. Nói chuyện với đại sứ Pháp Etienne Manac'h hồi đầu năm 1973, Chu nhấn mạnh đến một điều có tính cách quan trọng liên hệ đến Bắc Kinh là điều khoản 20 của hiệp định này, điều đó nói rằng phải “rút lui tất cả quân đội ngoại nhập” khỏi lãnh thổ Kampuchia và Lào. Chu nói: “Chúng tôi sẽ không đến đó (Kampuchia) nhưng chúng tôi cũng không muốn bất cứ ai đến đó.”

Năm 1972, Hoa Kỳ được khuyến cáo rằng Bắc Kinh muốn thấy một “Đông Dương bị Balkan hóa”. Đó cũng là đường lối Washington đã làm. Một sự thông cảm làm cho căng thẳng Hoa-Mỹ dịu đi.

Theo một câu chuyện của người Việt Nam sau khi xung đột Hà Nội - Bắc Kinh bùng nổ công khai: Mao khuyên Đồng nên để cho Miền Nam tách riêng ra. Mao nói riêng với Đồng hồi tháng 11/1972, “Người ta không thể quét quá xa nếu cái cán chổi quá ngắn. Đài Loan quá xa nên cái chổi của chúng tôi không với tới được. Đồng chí! Thiệu ở Miền Nam cũng quá xa với tầm chổi của đồng chí. Chúng ta phải trở lại với chính vị trí của chúng ta.” Đồng bảo đảm với chủ tịch Mao rằng cái cán chổi của ông ta rất dài. Không chổi bỏ giai thoại đó, sau này Bắc Kinh giải thích rằng, theo sự phán xét của họ, Hà Nội phải chờ một thời gian trước khi mở cuộc tấn công để thống nhất Nam Bắc bởi vì khi ấy, Hoa Kỳ không thể can thiệp vào Việt Nam một lần nữa.

## Muốn có hai hay ba Việt Nam

Mặc dù Trung Hoa có thể đóng một vai trò nào đó trong công cuộc thống nhất Việt Nam, Bắc Kinh quyết định xây dựng quan hệ với Mặt trận Giải phóng Miền Nam VN. Trung Hoa sắp đặt việc viện trợ vũ khí, lương thực, tài chánh cho Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam VN qua ngã Kampuchia (MTGPMNVN), không những căn cứ trên lý do an toàn mà còn nhắm mục đích duy trì một đường giây quan hệ trực tiếp với cách mạng Miền Nam. Sau cách mạng Văn hóa Trung Hoa năm 1966-67, Hà Nội kiểm soát chặt chẽ việc phân phối văn hóa phẩm Trung Hoa ở Miền Bắc VN. Tuy nhiên, qua đường giây bí mật, Bắc Kinh vẫn duy trì viện trợ cho bộ phận Cộng sản ở Miền Nam.

Thực ra, theo sự phân tích của Mỹ, khi chiến tranh tiến hành theo phương cách làm cho Hà Nội toại ý và Hoa Kỳ bắt đầu rút quân tác chiến theo học thuyết Nixon, Trung Hoa cố gắng gia tăng liên hệ trực tiếp, không những với Lào, Kampuchia mà cả Miền Nam VN.

Trương Như Tảng, nguyên bộ trưởng Tư pháp chính phủ Lâm thời Cộng Hòa Miền Nam VN (CPLTCHMNVN), đào thoát khỏi VN năm 1979, nói với tôi rằng Trung Hoa đã duy trì quan hệ “hết sức thân hữu” với CPLTCHMNVN. Theo ông ta thì “Ngay từ lúc đầu Trung Hoa cho rằng Miền Bắc đã áp đặt quan điểm của họ xuống Miền Nam. Vì vậy nên họ ủng hộ CPLTCHMNVN. Chính Trung Hoa đòi hỏi quyền tự trị cho Miền Nam tại hội nghị Paris.”

Đưa ra một ví dụ cho thấy việc Trung Hoa tôn trọng chính quyền Miền Nam, Tảng nói rằng trong suốt thời gian thăm viếng Bắc Kinh tháng 2/ 1975, không riêng gì đại biểu CPLTCHMNVN do ông ta dẫn đầu, sinh hoạt riêng trong một nhà quốc khách tách biệt hẳn với phái đoàn chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa (Miền Bắc) mà Trung Hoa còn tiếp đãi riêng, trang trọng với CPLTCHMNVN nữa. Việc Tảng phân tích thái độ của Trung Hoa (Bây giờ ông ta rất thỏa mãn) đã đem lại vài điều đáng tin cho bản báo cáo do Francois Missoffe viết. Ông này là một phái viên đặc biệt của bộ Ngoại giao Pháp. Sau chuyến đi Bắc Kinh hồi đầu năm 1976,

qua đó ông ta tham dự những buổi họp cấp cao, Missoffe nói rằng: “Dù có hai hay ba Việt Nam cũng chẳng thấy vấn đề gì. Trung Hoa cho rằng không thể chỉ có một Việt Nam.”

Bốn năm sau, Việt Nam tố cáo Bắc Kinh thúc đẩy Hà Nội đừng mở cuộc tấn công cuối cùng vào Saigon. Lời tố cáo ấy, cũng giống như bao nhiêu lời tố cáo khác sau khi quan hệ giữa hai nước đổ vỡ, được xem như những lời tuyên truyền. Tuy nhiên, Philippe Richer, người giữ vai trò đại sứ Pháp ở Hà Nội trong khoảng thời gian 1973-75, sau này, ngày 20/4/ 1975, chín ngày trước khi Saigon sụp đổ, ông ta xác nhận quả thật Bắc Kinh đã cảnh cáo Hà Nội sự nguy hiểm nếu “đưa cán chổi đi quá xa”, họ dùng câu tỷ dụ mà Mao đã dùng hồi năm 1972.

Dù sao, không có gì nghi ngờ việc Trung Hoa kiên trì chống Việt Nam trở thành một tiểu bá ở Đông Dương. Quan tâm lâu dài của Trung Hoa là sự cân bằng quyền lực giữa các nước nhỏ ở ngoại vi của họ. Lo lắng của họ, từ 1954, là đẩy những thế lực thù địch ra khỏi Đông Dương rồi lại phải đối đầu với Hà Nội.

Thái độ của người Việt Nam cũng vậy, thay đổi qua nhiều năm.

Trong khi theo đuổi quyền lợi đất nước, Hồ Chí Minh duy trì một hình thức quan hệ có tính cách truyền thống. Tự tay ông ta viết thư cảm ơn Mao và bằng những lời phát biểu công khai nói rằng Việt Nam “đích thực” kính trọng Trung Hoa. Người Việt Nam, ý thức rõ hơn Trung Hoa, tài bồi một mối quan hệ, xem Trung Hoa là người anh lớn và lâu dài. Francois Joyaux, ghi nhận rằng hồi đầu thập niên 1960, những nhà lãnh đạo Việt Nam đã dùng cùng một tiêu đề cho Mao giống như các vị vua Việt Nam trước kia đã dùng với các vị hoàng đế Trung Hoa. Hồ chỉ thị cho các viên chức cao cấp tháp tùng các phái đoàn thượng tầng của Trung Hoa khi họ viếng thăm Việt Nam là phải tiếp tục cung cách triều cống như ngày xưa. Joyaux nói quan điểm xem Trung Hoa là chúa tể đối với VN “là một hiện tượng lạ kỳ, còn phức tạp hơn thế nữa. Thực ra, người ta có thể nhớ lại một số trường hợp các nhà lãnh đạo Việt Nam tự xem họ là “chư hầu” của Trung Hoa”. Trong khi thách thức với Trung Hoa để bảo vệ quyền lợi đất nước, người Việt Nam lại dùng những phương cách cũ.

Tuy nhiên, phương cách đó dần dần biến mất vì sự xung khắc ngày càng căng thẳng giữa hai bên và đặc biệt là sau chuyến viếng thăm lịch sử của tổng thống Nixon đến Trung Hoa. Người Việt Nam coi đó là sự phản bội. Năm 1972, Liên Xô và Hà Nội công bố mà không nói rõ tên ai rằng đó là một sự “thỏa hiệp đáng thương rơi vào con đường đen tối và bùn lầy.”

Sau chiến thắng vẻ vang năm 1975, bây giờ một nước Việt Nam đầy tự tin, quân đội mạnh mẽ, không những muốn thỏa hiệp những gì được xem là quyền lợi quốc gia để làm vui lòng Trung Hoa mà cũng muốn xác quyết lại việc điều hòa quan hệ với Trung Hoa bằng cách từ bỏ những đường lối, mặc dù trống rỗng và vô nghĩa, bày tỏ lòng tôn kính với kẻ khổng lồ phía Bắc. Đã đến lúc Việt Nam sẵn sàng trả giá cho công việc lãnh đạo cách mạng vùng Đông Nam Á.

Tuy nhiên, điều biểu thị bi thảm nhất cho nền độc lập có tính cách thách thức của Việt Nam xảy ra hồi tháng 9/ 1975 khi tổng bí thư Lê Duẩn của đảng CSVN chấm dứt chuyến viếng thăm Bắc Kinh mà không có một bữa tiệc tiễn chân theo truyền thống ngoại giao. Có thể nói thêm rằng các nhà lãnh đạo Cộng sản Trung Hoa hy vọng một mối quan hệ ngoại giao có tính cách triều cống như xưa đối với Việt Nam, nhưng căng thẳng đã xảy ra ở Trung Hoa về việc Việt Nam “vô ơn và lòng dạ đen tối” và sự “to đầu bướng bỉnh” của họ từ khi bắt đầu có cuộc xung đột công khai thì đó không còn là mối quan hệ của thế kỷ 20 nữa. Những lời gây xúc động ấy đối với việc bỏ công vô ích của Trung Hoa ở một nước láng giềng nhỏ bướng bỉnh như Việt Nam là hành động sai lầm. Hà Nội đòi lại quần đảo Hoàng Sa trong biển Nam Hải (Trung Hoa chiếm năm 1974), Hà Nội sai lầm trong việc đối xử với nhóm thiểu số người Hoa sinh sống ở Việt Nam, cố gắng của Hà Nội nhằm cai trị toàn Đông Dương, được Bắc Kinh xem như Việt Nam ngạo ngược. Bắc Kinh hết sức bối rối vì Việt Nam chế nhạo những tình cảm và quan điểm của Trung Hoa vì như vua Yongle ghi nhận từ năm trăm năm trước Việt Nam “liên hệ quá gần gũi” với Trung Hoa.



Một lý do quan trọng để Trung Hoa chống lại việc Việt Nam cai trị toàn cõi Đông Dương - một sự chống đối có tính cách quyết định và xâm lấn hơn bất cứ thời kỳ nào trong quá khứ - là Hà Nội tỏ ý coi thường Trung Hoa, sắp xếp một tiến trình thân hữu với Liên Xô là kẻ thù của Trung Hoa. Thất chặt quan hệ chính trị, kinh tế và quân sự với Moscow, Việt Nam tạo ra một đe dọa mới mà kể từ năm 1949, chưa bao giờ Trung Hoa phải đương đầu. Hoàng đế Hongwu khuyên các người kế nghiệp ông chẳng bao giờ nên xâm lấn các bộ tộc man rợ phía Nam nếu không có đủ lý do chính đáng vì mỗi đe dọa chính của Trung Hoa thường từ phía Bắc xuống. Tuy nhiên, khi chiến tranh Đông Dương lần thứ hai chấm dứt năm 1975, với việc người Mỹ ra đi không kèn không trống thì Trung Hoa thấy mình phải đối đầu với một đe dọa hoàn toàn mới. Cùng với 50 sư đoàn bộ binh của Liên Xô dàn ra với vô số hỏa tiễn và không quân triển khai ở phía Bắc, lại có viễn tượng một liên minh Xô-Việt ngay ngưỡng cửa phía Nam. Nhiều năm sau, một viên chức cao cấp Việt Nam giải thích rằng liên minh Việt Nam - Liên Xô chỉ để chống lại Trung Hoa. Ông ta nói: “Trong toàn bộ lịch sử, chúng tôi chỉ có an toàn không bị Trung Hoa xâm lấn là với hai điều kiện: Một là khi Trung Hoa suy yếu, nội bộ phân ly. Điều kiện thứ hai là khi họ bị đe dọa vì những giống rợ ở phía Bắc của họ. Trong thời đại ngày nay, người Nga là giống rợ của Trung Hoa đây.”

Liên Xô hỗ trợ Việt Nam thống trị Đông Dương là một mối đe dọa cho Trung Hoa mà cũng là một thách thức đối với thế giới “tự nhiên” chịu ảnh hưởng Trung Hoa ở Đông Nam Á. Mở ra mối quan hệ Hoa-Mỹ năm 1972 là cuối cùng đuổi “con sói” chủ nghĩa Đế quốc Mỹ khỏi ngưỡng cửa Trung Hoa, nhưng năm 1978, “con cọp” Liên xô, con vật đã từng gặm gù ở phía Bắc Trung Hoa, bây giờ lại xuất hiện trong tầm mắt của Bắc Kinh, an toàn tại nơi trú ẩn ở phía Nam Trung Hoa vậy. Trong chiến lược sắp xếp như thế, một số ít nhà cai trị Trung Hoa có thể nào làm ngơ trước lời kêu cứu từ một nước triều cống của họ khi nước đó đang đối đầu với đe dọa như của Thiên Triều? Dù có sự xác định lý thuyết với Mao của Trung Hoa, nước Kampuchia Dân chủ đang bị đánh phá, dĩ nhiên nước này không phải là một chư hầu. Tuy nhiên, kinh nghiệm quá khứ của Trung Hoa và nỗi sợ hãi ngày nay cho thấy Trung Hoa vẫn tiếp tục coi Việt Nam và Kampuchia cũng chỉ ở trong đường hướng đó mà thôi, như các hoàng đế của họ từ những thế kỷ trước vậy.

## Cánh cửa

# mở ra với phương Tây

---

Ngày 16 tháng Ba/1977, khi chiếc máy bay phản lực của Không quân Mỹ nghiêng cánh bắt đầu hạ thấp cao độ trên lưu vực sông Hồng màu xanh thẫm, Đại sứ Mỹ Leonard Woodcock nhìn nghiêng qua cửa sổ. Phía dưới là các cánh đồng lúa nước chằng chịt những con kinh và đê điều. Đối với Woodcock, một lãnh tụ chuyên nghiệp công đoàn, đây là lần đầu tiên ông ta tới Việt Nam -miền Nam cũng như miền Bắc. Nhưng khi ông thấy những cái hố tròn lớn rải rác trong khung cảnh đó, ông ta hiểu ngay đó là những hố bom. Những hố bom ấy đã bị những trận mưa lớn lấp đầy nước. Nhưng còn nhiều vết thương nữa cần phải hàn gắn, nhiều điều cần phải làm trước khi một chương sách tội tệ của cuộc chiến Mỹ ở Việt Nam đóng lại.

Chủ tịch Liên Hiệp Công Đoàn Xe Hơi Mỹ cùng bốn nhân vật nổi tiếng khác của Mỹ trên chiếc máy bay C-141 chỉ mới bắt đầu công việc để kết thúc chương lịch sử này. Tổng thống mới được bầu Jimmy Carter cử Woodcock làm trưởng phái đoàn tới Hà Nội và Vạn Tượng để giải quyết vấn đề người Mỹ mất tích (MIA) trong chiến tranh Đông Dương. Khi chiếc máy bay hạ cánh trên một vùng đất nghèo nàn rải rác những mái nhà rách nát và những hàng tre dày đê đáp xuống phi trường Gia-Lâm, ông ta tự hỏi không biết “kẻ thù” sẽ tiếp đón ông như thế nào ở thủ đô của họ. Ông ta biết phía chủ nhà, người thực hiện những cuộc thương thảo trực tiếp với ông là một trong những nhà ngoại giao nổi tiếng lịch sử: Thứ trưởng Ngoại giao Phan Hiền. Nhưng ông ta tự hỏi không biết viên chức cấp thấp nào sẽ có mặt ở phi trường để đón ông.

Chẳng bao lâu sau khi ông ta bước ra khỏi máy bay để xuống phi đạo, không khí ẩm và ẩm ướt phủ vào mặt ông. Tiếng động cơ ngừng hẳn, không khí rất ồn ào. Ông ta đang ở Hà Nội. Chưa tròn 5 năm trước, Hà Nội là địa ngục. Hàng ngàn thường dân bị giết. Nhà thương lớn nhất Hà Nội trở thành đồng gạch trong cuộc không tập vào mùa Giáng sinh năm 1972, khi Nixon cho hàng loạt máy bay B-52 oanh tạc lần cuối với nỗ lực đạt tới mức độ cực điểm. Các đơn vị phòng không Việt Nam bắn bừa lên không trong khi không thấy những máy bay không lò bay cao hàng mấy dặm ở trên không. Tuy nhiên, giờ đây, trước mặt ông ta là tòa nhà hành khách nhỏ, người ta đang tụ họp đông đúc với vòng hoa, đứng chờ ở cuối đường băng. Công việc của ông ta là làm thế nào để có được hết danh sách những người Mỹ mất tích, bao gồm cả những phi đội B-52 bị bắn rơi ở Việt Nam. Vì là chủ tịch của Công Đoàn Xe Hơi Hoa Kỳ, ông ta phải thương thuyết với những người đầy đủ thẩm quyền nhất ở bàn hội nghị. Tuy nhiên, những người ông ta sẽ đương đầu để bảo đảm cho một thỏa hiệp hợp tác về vấn đề MIA khác với những người ở hãng General Motors và Chrysler. Đây là những đồng sự của Hồ Chí Minh, những người đã chiến đấu không ngừng trong 30 năm để đạt cho được mục đích của họ. Liệu ông ta có thể thành công được không? Liệu ông ta có thể giải quyết được những vấn đề quá khứ và mở đường quan hệ mới với kẻ thù địch được không?

Khi ông ta bước lên đường băng, Woodcock nhận ra người giang hai tay đón ông không phải là một viên chức cấp thấp của bộ ngoại giao mà chính là Phan Hiền đang mỉm cười. Người lùn, trông như một quan lại lịch sử và tự tín. Sau nghi lễ chào đón ngắn ngủi, Woodcock và các

người trong phái đoàn - Thượng nghị sĩ Mike Mansfield, Đại sứ Charles Yost, Dân biểu Sonny Montgomery và nhà hoạt động nhân quyền Marian Edelman - cùng một đám phóng viên, lên đoàn xe hơi đi trên một đoạn đường ngắn để vào Hà Nội. Dù chỉ là một đoạn đường ngắn, đoàn xe gặp phải một số đông xe cộ. Sau khi vượt qua dòng người đi bộ, đoàn xe tiến tới cầu Long Biên nổi tiếng. Xe bò, xe tải, hàng trăm người đi xe đạp, kẹt lại khi lên cầu. Tuồng như vì lý do khó hiểu, đường lái xe bên phải bị đổi, buộc xe qua trái trên một cây cầu trông như làm từ thời tiền sử. Hiền nói với Woodcock cây cầu được xây hồi Pháp thuộc - bị đánh bom trong thời kỳ chiến tranh và chưa sửa xong. Ông ta cũng chẳng bận lòng yêu cầu giải thích hướng giao thông thay đổi trên cầu là do hậu quả chiến tranh.

Vào cao điểm cuộc chiến, cảng Hải Phòng nằm về phía Đông Hà Nội là con đường sống độc nhất của đất nước. Hàng ngàn tấn chiến cụ và lương thực được bốc dỡ ở Hải Phòng và vận chuyển lên Hà Nội rồi chuyển vào Miền Nam qua chiếc cầu này. Qua nhiều năm, phía cầu dùng cho xe tải đi từ phía Hải Phòng lên bị nghiêng, rất nguy hiểm. Trong khi các kỹ sư Liên Xô và Trung Hoa chưa biết giải quyết như thế nào để chống đỡ cây cầu bị nghiêng đó thì người Việt Nam tìm ra một phương cách giải quyết theo kiểu nông dân. Khi dùng đòn gánh để gánh rau, gạo, họ đổi vai khi một vai gánh lâu bị đau. Bây giờ họ chỉ cần đơn giản đổi hướng xe. Những xe chở nặng từ Hải Phòng lên thì chạy phía bên trái - trước kia dùng cho xe không chạy vào Hà Nội. Đơn giản vậy thôi.

Mặc dù gánh chịu nhiều chết chóc, tàn phá và thương đau vì chiến tranh, những người Việt trên đường đi không tỏ ra một chút thù hận nào đối với người Mỹ. Người Việt Nam báo động cho Woodcock và phái đoàn của ông ở nhà khách chính phủ biết rằng, việc họ ra đường là nguy hiểm nếu không có người hộ tống. Họ khẳng định khách không thể ra đường một mình. Họ nói rằng nhân dân vẫn còn “hết sức giận dữ” người Mỹ. Nhưng khi các viên chức Việt Nam ra về, một vài người trong phái đoàn lên ra ngoài nhà khách. Đi dọc theo đường phố, họ ngạc nhiên vì thấy người dân thoải mái và thân thiện với họ. Sáng hôm sau, Woodcock và thượng nghị sĩ Mike Mansfield đi bộ dọc theo bờ hồ Hoàn Kiếm (Restored Sword). Hồ này, nằm ngay phía sau nhà khách. Câu chuyện thần thoại của người Việt Nam về cái hồ này, thanh kiếm thần, câu chuyện về vua Arthur (chuyện vua Lê Lợi - nd) làm Woodcock xúc động. Theo truyền thuyết của người Việt Nam, một thanh kiếm nổi lên từ đáy hồ là sự ủy thác cho một vị anh hùng nổi tiếng đánh bại quân Trung Hoa xâm lược. Sau khi chiến thắng, theo phương cách biểu lộ một năng lực siêu phàm, thanh kiếm được trả về trời nơi cái hồ rùa này.

Đêm trước trời mưa. Cây hai bên hồ như điểm sương. Vài người Việt Nam đang tập thể dục nhịp điệu (Tai chi) trong khi những người khác ngồi trên băng ghế nhìn xuống mặt hồ.

Woodcock thấy hai em bé gái ngồi xôm trên mặt đất nhìn cái gì đó trong vũng nước đục. Bỗng nhiên, một em thấy bóng người ngoại quốc, la lên báo động. Cả hai đứng thẳng dậy. Sau này, ông ta nhớ lại có một em quay mặt về phía ông. Ông ta thấy khuôn mặt em bé đẹp nhưng có một cái sẹo lớn trên đó. Ông ta nói với về buồn rầu: “Tôi không nhận ra ngay lúc đó, nhưng về sau, chắc chắn tôi nhớ khuôn mặt đó có vết sẹo.”

Woodcock kể lại khi ngồi đối bàn với Phan Hiền, tìm cách chấm dứt một trang sử đau buồn. Buổi tối hôm trước, ông ta ngạc nhiên khi gặp bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh. Ông bộ trưởng tới nhà khách để chào phái đoàn. Với tính cách riêng, ông ta chúc mừng ngày sinh nhật Thượng nghị sĩ Mike Mansfield. Woodcock nói với Trinh: “Tôi hy vọng với cuộc thăm viếng này, chúng ta sẽ đặt được nền tảng cho mối quan hệ gần gũi hơn.” Nhưng ông bộ trưởng ngoại giao, có cặp môi hẹp trông giống như cặp môi cá và cặp mắt dữ, là một người cương quyết. Ông ta nói một cách chắc chắn với Woodcock không có tiền thì không có gì về việc người Mỹ mất tích hết. Người Mỹ bằng lòng trả tiền bồi thường như đã nói trong hiệp định Paris trước khi Việt Nam tham dự vào việc thảo luận tìm kiếm người Mỹ mất tích.

Woodcock cũng cương quyết. Ông ta nói Hiệp định Paris đã chết rồi. Vấn đề bây giờ là trên căn bản nhân đạo. Woodcock nói với Trinh: “Không phải chúng tôi đi nửa vòng trái đất để tham gia vào một cuộc tranh luận vô bổ như thế này.” Cuộc họp chấm dứt trong sự bất hòa.

Những cuộc họp có tính cách hình thức với Hiền tuồng như chẳng có gì tốt đẹp hơn. Woodcock đọc một bài phát biểu đã soạn sẵn, kêu gọi một giải pháp nhân đạo về vấn đề người Mỹ mất tích. Và Hiền đưa ra lời yêu cầu tái thiết. Trong tiệc trà giải lao, Woodcock đề nghị gặp riêng, mặt đối mặt với Hiền và với một thông dịch viên người Việt mà thôi. Nếu phá vỡ được sự băng giá đó, như Woodcock và Mansfield quyết định trước đó, có thể tiến tới trực tiếp họp riêng. Cuộc họp sẽ không được ghi chép lại. Woodcock giải thích với thông dịch viên Việt Nam: “Nếu không đạt được gì, cuộc họp coi như không xảy ra.” Một lần đối diện với Hiền, Woodcock nói thẳng rằng đoàn đại biểu này do chính tổng thống Jimmy Carter gửi đi, Việt Nam có cơ may độc nhất để lập quan hệ bình thường. Woodcock nhớ lại đã nói với Hiền: “Ông chẳng bao giờ gặp một phái đoàn nào tốt hơn phái đoàn này. Ông biết trong chiến tranh, tôi đứng về phía nào, Thượng nghị sĩ Mansfield đứng về phía nào, (Charles) Yost đứng về phía nào. Ông rõ Marian Edelman đứng về phía nào chứ? Chỉ có một người trong đoàn chúng tôi, đứng ở vị thế khác là dân biểu Sonny Montgomery. Nhưng ông biết ông ấy rồi ra chắc chắn sẽ đứng về phía nào. Nếu chúng tôi trở về mà không có kết quả gì, thì ông hãy quên chuyện lập lại quan hệ bình thường trong vòng mười hay mười hai năm”. Ông ta nói rằng đây là cơ hội bằng vàng để xóa đi tàn dư kịch của thời gian trước. Ông ta kể lại với Hiền ông xúc động như thế nào hồi sáng nay khi họ thấy vết sẹo lớn trên khuôn mặt em bé gái. - Một cái sẹo có lẽ do bom Mỹ tạo ra. “Buổi sáng này có thể quyết định nếu như một loạt sự kiện như thế xảy ra nữa.” Khi nói, ông ta thấy nước mắt chảy xuống trên khuôn mặt của người thông dịch viên. Hiền nói một cách đơn giản: “Ông thật là người thẳng thắn. Chúng ta sẽ làm gì? Trở lại bàn hội nghị?” Woodcock trả lời đầy hy vọng: “Đó là điều chúng tôi muốn.”

Trở lại chiếc bàn phủ khăn thô màu xanh lá cây, Hiền chờ một cái cặp giấy từ bộ Ngoại giao tới. Sau đó, ông ta lấy từ trong cái cặp ấy ba xấp giấy và nói: “OK. Có ba vấn đề: MIA, bình thường hóa quan hệ ngoại giao, và viện trợ kinh tế. Đó là ba vấn đề riêng nhưng liên hệ với nhau rất chặt chẽ.” Đây là điều mà Woodcock, người rất hiểu phải trái, sẵn sàng chấp thuận. Hiền thông báo rằng có thể đem về 12 bộ hài cốt người Mỹ mất tích do Việt Nam tìm ra. Ông ta cũng thông báo cho Woodcock một văn phòng đặc biệt được thành lập để tìm kiếm tin tức về những người Mỹ mất tích hoặc tìm hài cốt họ, Việt Nam sẽ trao cho Mỹ càng sớm càng tốt tất cả những tin tức có được hoặc hài cốt của họ

khi tìm thấy. Kể từ đó, có sự hợp tác của người Việt Nam về vấn đề MIA, là vấn đề nhân đạo, - Hiền nhấn mạnh -, trong một hành động phải chăng, Mỹ cũng sẽ vì nhân đạo mà tái thiết những nơi bị tàn phá vì chiến tranh. Từ quan điểm hồ tương đó, Hoa Thịnh Đốn tiến lên vài bước bày tỏ quan tâm của họ đối với người Việt Nam. Ông ta nói: “Giúp đỡ, là điều buộc phải thực hiện vì lương tâm và trách nhiệm của quý vị.” Để sự giúp đỡ có thể thực hiện được, Hiền bảo đảm với Woodcock, phía Việt nam rất uyển chuyển.

Woodcock tìm ra một phương cách hợp lý: Không còn viện trợ tái thiết theo hiệp định Paris. Woodcock kể lại: “Tôi muốn họ thực thi những điều này vì lý do nhân đạo, cũng cùng những lý do đó mà chúng tôi giúp đỡ họ, giúp họ xây dựng đất nước.”

Mấy tháng sau, Hiền kể cho tôi, Woodcock bàn về khả năng Hoa Kỳ viện trợ nhân đạo cho Việt Nam. Mặc dù có sự ngăn cấm viện trợ trực tiếp, theo Woodcock nói với Hiền, tổng thống có đủ quyền lực để viện trợ cho Việt Nam rồi sau đó sẽ được quốc hội thông qua. Việt Nam nôn nóng muốn thiết lập quan hệ ngoại giao với Mỹ. Hiền nói rằng điều đó tùy thuộc vào thái độ của Mỹ, - “khi họ từ bỏ những chính sách sai lầm quá khứ” như cấm vận, và phủ quyết việc Việt Nam xin gia nhập Liên Hợp Quốc.

Việc làm của đoàn đại biểu Woodcock trước khi rời Việt Nam là tới thăm xã giao thủ tướng Phạm Văn Đồng. Khi đoàn đại biểu vào dinh thủ tướng thì Đồng, một nhà “cách mạng khổ hạnh”, đứng chờ ở ngưỡng cửa. Trán rộng, tóc tiêu muối chải ngược ra sau, hai môi mím chặt như cái túi, và áo dài màu xám thường tạo cho ông vẻ người có nhân cách và buồn. Nhưng sáng hôm nay, mắt ông sáng lên như có vẻ cười.

Sau cái bắt tay nồng nhiệt, Đồng mời khách vào phòng tiếp tân. Dưới cái nhìn của Hồ Chí Minh trên tấm hình bán thân treo trên tường, người ta có cảm tưởng như cái nhìn ấy chế ngự cả căn phòng. Woodcock ngồi trên ghế bành cạnh Đồng, kể “cụ thù.” Họ cười khi máy quay phim bắt đầu chạy. Đối với Việt Nam đó là giờ chiến thắng cuối cùng. Đoàn đại biểu - của kẻ thù hùng mạnh nhất đã bị đánh bại -, nay tới đây để kiểm tìm bang giao mới. Có thể nào Hoa Kỳ, giống như Pháp, kẻ thù cũ trước kia đã bị đánh bại, nay trở thành một người hợp tác ưu tiên? Phương cách của Hà Nội là tạo nên thoải mái. Đồng nói với Woodcock: “Tôi biết tổng thống Jimmy Carter giải quyết những vấn đề của chúng ta bằng một tinh thần mới. Và nếu như được thế, tôi thấy chẳng có trở ngại gì khi giải quyết nó.” Woodcock cũng vậy. Ông ta bày tỏ một tinh thần mới bằng cách ca ngợi niềm “tự hào và can đảm” của nhân dân Việt Nam. Ông ta nói: “Quá lâu, những vấn đề chiến lược đã chia rẽ hai quốc gia chúng ta.” Sau đó, ông ta tuyên bố trong một buổi họp báo tại Hà Nội rằng những cuộc thương thảo vững chắc và xây dựng đã “bắt đầu tiến tới để cải thiện một viễn tượng bình thường hóa quan hệ Mỹ-Việt.”

Trong không khí thân hữu trong hai ngày đó, Woodcock cảm thấy thoải mái tự do để xin phía chủ nhà một ân huệ không thích hợp lắm. Khi đoàn đại biểu quan sát 12 cái quan tài kim loại đựng hài cốt của quân nhân Mỹ đưa lên máy bay, Woodcock nắm tay Phan Hiền đang đứng bên cạnh để nhờ Hiền một việc.

Woodcock muốn Hiền giúp đỡ một thành viên trong phái đoàn ông cho gia đình được sum họp: Đại tá Paul Mather. Phụ tá Ken Quinn báo cho Woodcock biết người vợ hứa hôn Việt Nam của Mather đã bị kẹt lại Saigon sau 1975. Hiền ghi nhận việc này và hứa ông ta sẽ làm những gì ông ta có thể làm được. Trong vòng mấy tháng sau, cô gái hứa hôn này được rời Việt Nam qua Mỹ kết hôn cùng Mather. Tuy nhiên dù cố tạo thoải mái cho quan hệ mới với Việt Nam, kết quả chuyến đi đạt được chỉ là việc sum họp với vợ của Mather và thu hồi 12 bộ hài cốt.

## Chờ trận mưa Đôla

Chẳng bao lâu sau mùa xuân năm 1975, khi truyền hình Mỹ chiếu lên màn ảnh hình ảnh các chuyến bay di tản người tỵ nạn và quan chức Mỹ trước khi Cộng sản vào Saigon, Hoa Thịnh Đốn muốn quên Đông Dương đi. Họ giữ lại số tiền ký quỹ 150 triệu của Việt Nam (Cộng Hòa) trước kia ở Hoa Kỳ và cầm vận Việt Nam và Kampuchia. Sau những xúc động ngán ngùi về vụ tàu Mayaguez hồi tháng năm, Đông Dương chìm mất trong tầm nhìn của người Mỹ.

Hoa Kỳ chán ngấy và thấy chẳng có lợi gì ở Đông Dương nữa thì hầu như ngược lại, Việt Nam hết sức mong muốn lập lại quan hệ với đối thủ cũ. Ngay trước khi chiến tranh chấm dứt, Hà Nội quyết định củng cố quan hệ với Tây phương, đặc biệt với Hoa Kỳ. Đó là bước chủ yếu để tiến tới thời kỳ xây dựng tiếp sau.

Vài ngày sau khi Cộng sản chiến thắng Saigon, tôi hỏi một anh lính đứng canh tại tòa đại sứ Mỹ cũ tại sao không treo cờ chính phủ Cộng Hòa/ MNVN trên tòa nhà này trong khi đó họ lại treo cờ “giải phóng” trên các tòa đại sứ phương Tây khác. Anh lính trả lời: “Tại chúng tôi không được phép.” Trong cách nhìn, nó không đơn giản. Hà Nội hội hè thắng trận, nhưng điều quan tâm hơn là chiến thắng hòa bình. Tháng Bảy/ 1975, tôi hỏi Hoàng Tùng, biên tập nhật báo Nhân Dân của đảng khi ông ta sắp sửa xuất bản “Saigon papers” - một số lượng vĩ đại về những tài liệu bí mật lấy được ở Saigon. Giữa những tài liệu đáng tin cậy ấy là các băng từ computer nói về hoạt

động của CIA ở Việt Nam để lại cho các viên chức Cơ Quan Tình Báo Việt Nam (CIO) đồng sự với CIA. Hoàng Tùng rất tin tưởng khi trả lời: “Việt Nam không muốn trưng những tài liệu này ra và xát muối vào vết thương của người Mỹ.” Ông ta nhắc lại những điều Hồ Chí Minh nói với ông hồi năm 1954. Sau khi Pháp thất bại ở Điện Biên Phủ. Họ Hồ ra lệnh cho Tùng lúc ấy đã là biên tập tờ nhật báo đảng là đừng quá say sưa với chiến thắng của mình. Hồ giải thích: “Trong thời gian tới, chúng ta cần tình thân hữu và hợp tác của Pháp.”

Vào lúc đó, Tùng không nói với tôi lý do quan trọng nhất là Việt Nam hết sức mong muốn tái lập quan hệ dân sự với Hoa Kỳ, là nguồn hy vọng để có thể nhận được 4 tỷ 7 đôla viện trợ kinh tế mà Richard Nixon bí mật hứa trong khi ký hiệp định Paris. Trong khi chờ đợi người Mỹ thực thi yêu cầu đó, Việt Nam bắt đầu ve vãn các ông chủ ngân hàng và thương giới Mỹ. Chỉ hai tháng sau khi Saigon sụp đổ, đại diện Bank of America và First National City Bank được mời tới Việt Nam để nghiên cứu khả năng thương mại và tài chính. Cũng trong vòng hai tháng sau khi Saigon sụp đổ, Việt Nam tỏ dấu cho thấy họ đón mừng các công ty đã khai thác dầu ở ngoài thềm lục địa Việt Nam quay trở lại.

Ngõ lời trước Quốc Hội ngày 3 tháng Sáu, một tháng sau khi Saigon sụp đổ, Phạm văn Đồng đưa ra đề nghị Hoa Kỳ bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam và vinh danh Hiệp Định Hòa Bình Paris bằng viện trợ tái thiết Việt Nam. Lời kêu gọi đó bị Hoa Thịnh Đốn từ chối. Hồi tháng 11/ 1975, Hoàng Tùng nói với một nhóm người Mỹ: “Trong các dịp lễ người Việt Nam chúng tôi thường chơi đô vật. Cuối cùng chúng tôi ôm hôn nhau. Việt Nam thì sẵn sàng nhưng Ford thì không chịu.”

Có một sự đáp ứng, nâng cao hy vọng nhất thời: Ngoại trưởng Henry Kissinger hồi tháng 11/ 1975, đáp ứng dịp Hà Nội phóng thích 9 người Mỹ đã bị bắt hồi tháng Ba ở Nam Việt Nam, cho phép một nhóm hoạt động tôn giáo và nhân đạo gởi đồ cứu trợ cho Việt Nam. Ngày 24 tháng 11, Kissinger tuyên bố quan hệ Mỹ Việt Nam “sẽ không căn cứ vào quá khứ. Chúng tôi chuẩn bị đáp ứng với ý hướng tốt đẹp. Nếu chính phủ các nước Đông Dương “chứng tỏ sự thông cảm” cho người Mỹ và quan tâm của các nước láng giềng của họ, “xây dựng” trên vấn đề 832 người Mỹ mất tích, trao trả hài cốt của họ thì Hoa Kỳ “sẵn sàng đáp ứng.”

Báo New York Times ghi nhận: “Đây là sự bắt đầu đáng ca ngợi, có tính cách uyển chuyển mới đối với các chế độ Cộng sản ở Đông Dương, nhưng cũng còn một con đường dài phải đi.” Nó gợi ý rằng Hoa Kỳ sẽ không dùng quyền phủ quyết đã dùng hồi tháng Tám, ngăn Việt Nam gia nhập Liên Hiệp Quốc.

Tuy nhiên, phương hướng của Hoa Thịnh Đốn là muốn quên Việt Nam chứ không phải là làm dịu đi. Với cuộc bầu cử sắp tới, Gerald Ford đang đối đầu với thách thức của hữu phái: Ronald Reagan. Ngay từ đầu, việc viện trợ cho Việt Nam, về mặt chính trị, chẳng có cơ may gì sẽ được chấp thuận. Rõ ràng trong vị thế khó khăn của Mỹ, Kissinger mới nói phần trả lại hài cốt người Mỹ mất tích còn “toàn bộ những người này thì chưa tìm ra, đó hoàn toàn là điều kiện tiên quyết, nếu không có điều ấy chúng tôi không thể xem xét việc bình thường hóa quan hệ ngoại giao được.” Ngay cả Nixon cũng nói riêng với Ủy Ban Quốc Hội tìm kiếm người Mỹ mất tích ở Đông Nam Á là mối quan tâm, là trở ngại buộc Hà Nội từ bỏ yêu cầu viện trợ. Kissinger nói: “Nếu không vì vấn đề người Mỹ mất tích thì họ lèo lái về phía chúng ta. Chúng ta thì lo lắng hơn. Họ cương quyết hơn.”

Tuy nhiên, Hà Nội không bao giờ từ bỏ hy vọng nhận được đôla Mỹ và đạt được quan hệ ngoại giao bình thường. Trong khi tranh cãi vấn đề người Mỹ mất tích không phải là điều khoản quan trọng trong hiệp định Paris, trừ phi người Mỹ hoàn toàn viện trợ tái thiết. Dù sao, hồi tháng Chạp/ 1975, Việt Nam cũng đã trao trả hài cốt ba người Mỹ. Họ cũng trao trả hài cốt hai thủy quân lục chiến Mỹ chết cuối cùng ở Nam Việt Nam và đưa ra một danh sách gồm 12 người Mỹ mất tích. Đó cũng là một sự tính toán đầy hy vọng Mỹ sẽ có hành động tương xứng bằng viện trợ, nhưng chưa thấy gì. Chiến thuật mời các hãng Mỹ khai thác dầu ngoài thềm lục địa trở lại

cũng chẳng thành công. Trước khi Saigon sụp đổ, gần một chục công ty dầu Mỹ đầu tư khoảng một trăm triệu đôla để khai thác dầu ở Nam Việt Nam. Cả hai hãng Mobil và Shell cùng khai thác nhưng sự sụp đổ của Nam VN xảy ra trước khi họ biết chắc chắn trữ lượng dầu có đủ tính thương mại hay không. Từ tháng Bảy/ 1975, đại diện các hãng dầu Mỹ họp kín với các quan chức Việt Nam ở Paris để nối tiếp việc tìm kiếm dầu. Tháng Hai/ 1976, một vài người trong số đó được mời tới Hà Nội để nhận đề nghị. Nhưng rồi chẳng có gì xảy ra cả, mặc dù có áp lực từ những vận động của nhóm khai thác dầu lửa. Chính quyền Ford từ chối tháo bỏ cấm vận nếu Việt Nam không đáp ứng hoàn toàn đầy đủ vấn đề người Mỹ mất tích.

Mùa thu năm 1976, trong khi Kampuchia thanh trừng đẫm máu, và Trung Hoa đang vượt qua một giai đoạn thay đổi quan trọng, cuộc vận động bầu cử tổng thống Mỹ đang thời kỳ quyết liệt, ứng cử viên tổng thống Jimmy Carter của đảng Dân Chủ tấn công dữ dội vào tổng thống Gerald Ford, gọi ông này là “sự thất bại rắc rối nhất” vì không chịu gọi một phái bộ đi tìm dữ kiện về người Mỹ mất tích ở Đông Dương hay nói chuyện thẳng với Hà Nội. Việc ông Carter quan tâm tới vấn đề người Mỹ mất tích không chỉ là vấn đề chính trị (Hoa Kỳ đang còn chịu đau đớn về vết thương chiến tranh Việt Nam, nó còn là vấn đề rất dễ gây xúc động và dễ kiếm phiếu). Nó cũng mở đầu cuộc thử nghiệm cho một chính sách mới nhằm tiến gần Việt Nam hơn.

## Dấu hiệu sai lầm phía Hà Nội

Carter chọn Cyrus Vance làm bộ trưởng ngoại giao và Richard Holbrooke làm phụ tá đặc trách về Đông Á và Thái Bình Dương. Cả hai đều có tham gia vào những cố gắng tìm kiếm hòa bình. Do những kinh nghiệm về Việt Nam, Vance tin rằng việc bình thường quan hệ với Hà Nội sẽ giúp Hà Nội bớt tùy thuộc vào Moscow và Bắc Kinh. Holbrooke cũng tin rằng quan hệ Việt Mỹ sẽ góp phần xây dựng quan hệ tốt đẹp giữa Việt Nam và các nước trong Hiệp Hội Đông Nam Á (ASEAN). Thảo luận với tổng thống mới được bầu Carter, tại sao Hoa Kỳ có lợi ở châu Á, Holbrooke nói: “Viễn Đông là nơi Mỹ gặp phải nhiều vấn đề lớn trong vòng 30 năm qua. Ba cuộc chiến tranh vừa qua của chúng ta khởi đầu từ nơi này và chúng ta cũng có một trận đánh ngay tại quê nhà, rồi để mất Trung Hoa, Korea, Việt Nam và Kampuchia. Tôi nghĩ rằng chính quyền của tổng thống có thể vượt qua một khúc quanh. Chúng ta từ bỏ chính sách liên tục gây nên nhiều hậu quả như trên và xây dựng lại một vị trí hợp lý hơn ở châu Á.”

Carter, nguyên là thống đốc Georgia, một người chẳng bao giờ giữ chức vụ gì có liên hệ đến chiến tranh Việt Nam, chẳng liên hệ gì tới những học thuyết chiến lược lớn về trật tự mới ở châu Á. Holbrooke nói với tôi: “Tôi không nghĩ là Carter có những cảm nhận nhẹ nhất về vấn đề này. Carter chỉ thấy lợi ở Việt Nam vì nó là biểu tượng cho một sự kiện quan trọng, vì nó là một trong những lý do khiến ông ấy được chọn làm tổng thống, vì ông là ứng cử viên thời kỳ sau Việt Nam. Ông ta rất muốn bình thường hóa quan hệ với Việt Nam vì đó là một biểu tượng. Ông ta cũng rất muốn bình thường quan hệ với Trung Hoa và Cuba. Ông ta muốn bình thường với tất cả mọi người.” Vì là tổng thống đầu tiên sau chiến tranh Việt Nam, công việc ông ta là hàn gắn phân ly ở trong nước và phục hồi hình ảnh Mỹ đã bị lu mờ ở ngoại quốc. Bỏ vấn đề Việt Nam lại phía sau, một trong những hành động đầu tiên của ông khi làm tổng thống là đưa ra một lời xin lỗi chung cho những người trốn quân dịch. Điều quan trọng khác là muôn quên đi nỗi đau khổ quá khứ, có tới hai ngàn năm trăm người mất tích ở Đông Dương, trong đó có hơn 800 người được ghi vào danh sách những người đã hy sinh khi thi hành nhiệm vụ.

Vì đòi hỏi một điều không thực tế là có đủ những người Mỹ mất tích trước khi bình thường hóa quan hệ ngoại giao, chính quyền Ford thực ra đã kết thúc vấn đề. Trong suốt thời gian vận động bầu cử, Ford phải tự che mình vì bị tấn công, bị cho là kẻ khù khờ. Tuy nhiên, công việc của Carter nhẹ hơn nhờ bản tường trình của Ủy Ban Quốc Hội tìm kiếm người Mỹ mất tích ở

Đông Nam Á, đứng đầu là dân biểu Sonny Montgomery của đảng Cộng Hòa. Bản tường trình không những kết luận rằng “Không người Mỹ nào còn sống đang bị ở tù ở Đông Dương hoặc nơi nào khác do hậu quả chiến cuộc Đông Dương” nhưng bản tường trình đó cũng nói rằng “đối với toàn bộ vấn đề người Mỹ mất tích thì các chính phủ Đông Dương không thể mà cũng không mong có được.”

Tất cả nghị trình về chính sách ngoại giao của chính phủ mới, đối với chiến cuộc Việt Nam thì coi như đóng lại rồi, trở thành một việc đơn giản. Từ khi Hoa Kỳ không trông mong tìm được đầy đủ số người mất tích trong chiến tranh nữa thì họ muốn có một danh sách tương đối đầy đủ nhất có thể có được. Hà Nội thì mong muốn hợp tác, đặc biệt có củ cà-rốt viện trợ nhân đạo lúng lẳng trước mặt. Trong một bản ghi nhận về chính sách ngoại giao do tổng thống vạch ra, hồi tháng Mười/ 1976, Vance đề nghị tổng thống gọi một phái đoàn đi Đông Dương để thảo luận vấn đề người Mỹ mất tích. Trong suốt chuyến đi đó, phái đoàn được trao quyền thảo luận với Hà Nội. Vance viết: “Mỹ phải chuẩn bị đưa ra Quốc hội một chương trình viện trợ nhân đạo trong đó có những phần như gia cư, sức khỏe, lương thực để tương xứng với vấn đề người Mỹ mất tích.”

Và đó là chỗ ngoặt trong chính sách ngoại giao của tổng thống Carter. Ba tháng sau khi nhậm chức, một phái đoàn do tổng thống cử đi, Woodcock hướng dẫn, tới Hà Nội. Một viên chức bộ Ngoại giao nói riêng: “Toàn bộ vấn đề chuyến đi của Woodcock là việc tuyên bố vấn đề người Mỹ mất tích coi như thế là xong. Đó không phải là vấn đề nhân đạo mà là tiền.” Ngũ giác đài giữ tên những người mất tích trong sổ xếp loại theo định kỳ cho đến khi được công bố là chết rồi.

Carter vui sướng với những kết quả đó. Đối với việc ngoại giao, đó là thành công đầu tiên của ông. Ông ta gọi sự đáp ứng của Việt Nam với phái đoàn Woodcock là “hết sức khích lệ” và thỏa mãn về những điều Việt Nam đã đóng góp cho vấn đề người Mỹ mất tích. Ông ta tuyên bố: “Tôi nghĩ rằng đó là tất cả những gì chúng ta có thể làm được. Tôi chẳng có cách nào ngoài việc nói rằng họ đã làm hết những gì đối với những người họ đã thu nhận được tin tức. Tôi nghĩ là tôi xác nhận họ làm việc một cách đáng tin.”

Việc người Việt Nam muốn hợp tác cho thấy rõ điều ấy tương phản với những lời đã kích Carter từ phía Khmer Đỏ. Sứ mạng của Woodcock chẳng đạt được đáp ứng nào từ phía Kampuchia khi ông ta yêu cầu đến thăm Phnom Pênh. Trong khi ở Vạn Tượng, thủ đô Lào, được Việt Nam hỗ trợ, đoàn đại biểu Woodcock thực hiện cố gắng chót: Một viên chức của bộ Ngoại giao với một thành viên trong đoàn đại biểu tới tòa đại sứ Kampuchia Dân chủ xin đến thăm nước này. Nhưng cũng giống như ở Kampuchia, tòa đại sứ đóng kín cửa. Sau nửa giờ gõ cửa, bà vợ ông đại sứ, cũng là đệ nhất bí thư của cơ quan này mở cửa để nhận một thư viết tay của Woodcock đưa qua cánh cửa mở hé trước khi đóng lại: “Ông đại sứ không có đây.” Bà vợ ông đại sứ nói vậy. Đài phát thanh Phnom Pênh loan tin: “Con giận dữ của nhân dân Kampuchia chống đế quốc Mỹ và bọn chó săn vẫn còn sôi sục. Vì nhân dân Kampuchia muốn độc lập, giữ quyền tự chủ và tự do. Họ không thể chấp nhận yêu cầu của đế quốc Mỹ gọi phái đoàn đến thăm nước Kampuchia Dân chủ và không thể tham gia bất cứ một cuộc họp nào ở bất cứ nơi nào.”

Người ta không ngạc nhiên khi thấy Carter thỏa mãn với những gì mà ông ta xem là sự hòa giải mới với Việt Nam. Ông ta ghi nhận rằng trong quá khứ Việt Nam nói là không thương nghị cũng như không đưa thêm tin tức nào về người Mỹ mất tích cho đến khi Mỹ chịu bồi thường chiến tranh. Tuy nhiên, bây giờ Việt Nam đề nghị một vòng hội đàm mới ở Paris mà không có điều kiện tiên quyết nào. Theo Carter, Việt Nam nói với Hoa Kỳ “Chúng tôi không theo đuổi những thỏa hiệp hay bất đồng nào trong quá khứ. Chúng tôi nóng lòng đi tới tương lai.” Hiểu làm về vị thế Việt Nam, Carter giải thích rằng Hà Nội sẵn sàng từ bỏ những yêu cầu trong quá khứ về việc đòi Hoa Kỳ viện trợ tái thiết. Tuy nhiên, ngay chính bản tường trình của Woodcock nói rõ rằng mặc dù không đưa ra điều kiện tiên quyết về vấn đề bình thường hóa quan hệ hai bên, Việt Nam không nghi ngờ gì việc móc nối hai bên lại với nhau.



Hà Nội mau lẹ thách đố đề nghị của Carter là việc viện trợ không lâu quá hơn những điều kiện tiên liệu việc bình thường hóa đó. Ba ngày sau khi Carter đưa ra những dấu hiệu mới, trong một buổi phỏng vấn của Thông tấn xã Việt Nam, Phan Hiền gián tiếp bác bỏ. Hiền nói ông ta quả thật có nói với phái đoàn Woodcock Việt Nam sẵn sàng hướng tới tương lai trong quan hệ mới với Hoa Kỳ nhưng “người ta không thể cắt rời tương lai với quá khứ”. Phan Hiền nói rằng quá khứ đã để lại một số chướng ngại trên con đường bình thường hóa mà chúng ta cần phải dẹp bỏ.

Nếu Carter hiểu lầm việc Việt Nam sẵn sàng bỏ quá khứ lại đằng sau, tự ông ta đưa ra những lời tuyên bố bị dịch lầm ra tiếng Việt.

Mặc dù phủ nhận Hoa Kỳ không có ràng buộc nào phải giúp đỡ Việt Nam, Carter còn đưa ra một khả năng: Ông tuyên bố: “Trong việc bình thường quan hệ hai bên, bao gồm cả thương mại, viện trợ bình thường, rồi tôi sẽ đáp ứng tốt đẹp”.

Thật ra tổng thống Hoa Kỳ không nói rõ viện trợ như thế nào mà chỉ nói là viện trợ đến sau khi quan hệ bình thường, khuyến các nhà lãnh đạo ở Hà Nội muốn thúc đẩy viện trợ như là một phần trong tiến trình bình thường quan hệ ngoại giao. Thắng lợi bầu cử của Carter và cá tính hòa giải chiến tranh của ông đã tạo hy vọng ở Hà Nội. Việc ông ta gọi phái đoàn đến Hà Nội cũng biểu lộ cá tính đó của ông. Carter tuồng như tái xác nhận quan điểm của người Việt Nam là Hoa Kỳ phải chuộc tội. Trong một lời công bố khi phái đoàn Woodcock trở về, Carter từ chối việc bắt buộc vì lương tâm. Ông ta nói: “Tôi không thấy là chúng ta phải xin lỗi hay tự mình trừng phạt. Tôi không thấy là chúng ta có mang một món nợ nào.”

Tuy nhiên, việc phái đoàn được gọi đi và ấn tượng về Việt Nam thu đạt được gì tại bàn hội nghị với Woodcock không phá tan được ý nghĩ cho rằng Hoa Kỳ có sự bắt buộc lương tâm để hàn gắn vết thương chiến tranh. Quyết định của Carter về việc tổng thống gọi một phái đoàn đi Việt Nam rất sớm, sau lễ nhậm chức, cũng làm tăng cường ý nghĩ của Hà Nội cho rằng Việt Nam vẫn còn nằm ở trọng tâm chính sách ngoại giao Hoa Kỳ và Hoa Thịnh Đốn trả một cái giá nào đó để bắt đầu thực hiện quan hệ mới.

Là những người Mácxít, những nhà lãnh đạo ở Hà Nội thường hay kết hợp những vấn đề quan trọng với hoạt động kinh tế sau khi đế quốc Mỹ can thiệp vào nước này. Họ được khuyến cáo rằng sức quyến rũ khả năng tiềm tàng về kinh tế Việt Nam, tài nguyên thiên nhiên và khả năng lao động sẽ làm cho tư bản Mỹ trở lại. Có phải viện trợ cho Việt Nam cũng có nghĩa là giúp đỡ công nghiệp Mỹ? Ủy ban Liên hợp Kinh tế Việt Mỹ đạt được bản sơ thảo thỏa hiệp năm 1973 qua đó Việt Nam sẽ mua của Hoa Kỳ 85 phần trăm hàng hóa tài trợ bằng 1 tỷ rưỡi từ chương trình viện trợ. Thêm vào đó là lợi ích về vốn, Hà Nội còn hy vọng vào lòng cao thượng của người Mỹ và mặc cảm tội lỗi của họ đối với Việt Nam. Việt Nam hy vọng việc hàng ngàn người đi bộ cho hòa bình, hàng chục lãnh tụ Quốc hội, những người chống chiến tranh bây giờ sẽ thúc đẩy bình thường hóa quan hệ ngoại giao và viện trợ tái thiết.

Thực ra, các viên chức chính quyền Carter không nắm được hoàn toàn ý muốn của Việt Nam về viện trợ to lớn của Mỹ như thế nào, không hẳn là một phần thưởng cho họ đối với vấn đề người Mỹ mất tích (MIA) mà chính là một hành động bắt buộc vì lương tâm. Chắc chắn chẳng có ai nghĩ rằng Việt Nam trông chờ lòng hào hiệp của người Mỹ - giúp đỡ theo kiểu một kế hoạch Marshall mới - để xây dựng lại đất nước bị tàn phá. Một viên chức Việt Nam cao cấp xác nhận với tôi trong khi phác thảo chương trình phục hưng kinh tế sau chiến tranh ngay sau khi Jimmy Carter thắng cử, thực tế là Việt Nam trông vào lời hứa viện trợ 4 tỷ 7 của Mỹ. Một viên chức Việt Nam khác nói với tôi “áp lực từ những nhà hoạch định kinh tế như Lê Thanh Nghị yêu cầu chúng tôi phải cương quyết đòi hỏi viện trợ Mỹ, coi như đó là điều kiện tiên quyết để lập lại quan hệ bình thường giữa hai nước.”

Nhiều năm sau, khi tôi nói với Richard Holbrooke về kế hoạch của người Việt được thiết lập đặt căn bản trên lời hứa của tổng thống Nixon, thì Holbrooke rất ngạc nhiên. Ông ta nói: “Họ phải bỏ ra ngoài trí óc họ việc đó đi.”

Holbrooke, 36 tuổi, một người tiến rất nhanh trong việc thiết lập đường lối ngoại giao Hoa Kỳ, là một trong những người bị con rệp Việt Nam cắn cho một phát. Công việc đầu tiên của ông là phục vụ ở Việt Nam ba năm. Kinh nghiệm đó đã ám ảnh ông.

Khi Carter và Cyrus Vance chọn ông làm phụ tá ngoại trưởng đặc trách về Đông Á, Holbrooke thấy có cơ hội để thực hiện chính sách ngoại giao của Mỹ đối với châu Á. Lập quan hệ ngoại giao bình thường với Việt Nam và Trung Hoa là những bước đầu tiên của tình hình mới. Chính đốn lại quan hệ với Việt Nam là ưu tiên hàng đầu. Sau này một viên chức bộ Ngoại giao nhận xét: “Dick bị ám ảnh về vấn đề Việt Nam. Ông ta muốn lưu danh trong lịch sử như là một người đã hàn gắn với Việt Nam và đóng lại một chương sách đau buồn chính sách ngoại giao của Mỹ”

Đối với chính quyền Carter, tìm kiếm quan hệ bình thường với Việt Nam cũng còn vì những lý do thực tế. Bàn về Việt Nam, chính tổng thống Nixon cũng nói tới tài nguyên thiên nhiên. Việt Nam còn nhiều tiềm năng, bao gồm cả dầu lửa mà Việt Nam nắm được. Các ông chủ nhà băng và thương gia Hoa Kỳ cũng như các công ty dầu lửa thúc ép bãi bỏ lệnh cấm vận. Họ không muốn các công ty châu Âu và Nhật giành mất cơ hội ở Việt Nam. Ngày 18/ 4/ 1977, Hà Nội ban hành một đạo luật tự do kinh doanh cho đầu tư tư nhân. (Điều này đáng ngạc nhiên). Mấy tháng trước đó, họ đã đưa một bản phác thảo về điều luật này cho các ông chủ nhà băng Mỹ.

Quan hệ kinh tế tùy thuộc quan điểm rộng rãi hơn về ngoại giao. Vance và Holbrooke không nghi ngờ gì một nước Việt Nam độc lập rất mong muốn có quan hệ cân bằng với các siêu cường hơn là hoàn toàn tùy thuộc vào Liên Xô. Họ thấy việc vắng bóng các nhà ngoại giao Mỹ ở Việt Nam là một yếu tố quan trọng ngăn ngừa khả năng Mỹ đối đầu với ảnh hưởng Liên Xô tại Đông Nam Á. Sau này, Vance viết trong hồi ký: “Tôi thấy việc lập quan hệ ngoại giao bình thường với Hà Nội, - được các bạn bè Á châu hỗ trợ mạnh mẽ, có thể làm gia tăng ảnh hưởng của chúng ta đối với Việt Nam và đem lại lệ thuộc hỗ tương về chính trị và quân sự với Liên Xô và Trung Hoa.” Chỉ có Zbigniew Brzezinski, cố vấn an ninh quốc gia của tổng thống, không nhiệt tình đối với những điều ông ta gọi là “những vấn đề ngoại vi như Việt Nam”. Sự khác biệt về quan điểm này tạo ra nhiều hậu quả nghiêm trọng về sau.

## Từ Paris, với Chagrin

Một tháng sau khi Woodcock đi Việt Nam về, Paris lại trở thành nơi hội nghị giữa Việt Nam và Mỹ - lần này thảo luận rộng rãi hơn về những vấn đề của hai kẻ cự thù, bao gồm cả việc bình thường hóa quan hệ hai bên. Tháng Năm ở Paris thật huy hoàng và triệu chứng thành công đang được khuyến khích. Mặc dù có lệnh cấm vận, chính quyền Carter đã chuẩn chi 5 triệu viện trợ nhân đạo. Việc này làm đảo ngược chính sách của chính quyền Ford và không nghịch lại với chương trình phát triển cho vay nợ của Liên Hiệp Quốc. Trong một cuộc phỏng vấn trước khi Holbrook rời Hoa Thịnh Đốn, ông ta bày tỏ khả năng Hoa Kỳ viện trợ gián tiếp cho Việt Nam. Chuyến viếng thăm Hà Nội lần đầu tiên của phái đoàn Quỹ Tiền tệ Quốc tế hồi tháng Chạp/ 1976, và phái đoàn Ngân Hàng Thế Giới hồi tháng Giêng/ 1977 nâng cao hy vọng Việt Nam nhận viện trợ Mỹ thông qua các tổ chức này. Cả hai tổ chức này đều bị Mỹ kiểm soát chặt chẽ. Một bản tường trình mật của Ngân hàng Thế giới khen ngợi Việt Nam sau khi chính phủ nước này đưa ra nhiều cố gắng để xử dụng tài nguyên và phát triển tiềm năng to lớn của họ. Điều đó thúc đẩy “viện trợ thực tiễn” qua từng thời gian. Bản tường trình nói rằng “Việt Nam mong muốn được viện trợ nhiều hơn bởi vì sự thực đất nước đang trong thời kỳ tái thiết, vì cuộc chiến lâu dài, và nhu cầu cần có một khoảng không gian để thở, việc tái chỉ đạo kinh tế cho thời bình.”

Ngày 27 tháng Tư, một báo cáo của đại sứ Mỹ ở Thái Lan gửi về Hoa Thịnh Đốn nói tới hy vọng đang dâng cao ở Hà Nội. Trích dẫn lời đại sứ Bỉ ở Hà Nội, ông ta báo cáo rằng Việt

Nam hy vọng nhận được viện trợ Mỹ sau khi bình thường hóa quan hệ “và mong muốn một phái bộ ngoại giao Mỹ hiện diện tại Hà Nội vào cuối năm 1977”. Trong một báo cáo khác, đại sứ Mỹ dẫn ra một nguồn tin cho rằng thủ tướng Phạm Văn Đồng “hết sức nồng nhiệt” về viễn tượng quan hệ Mỹ-Việt.

Tuy nhiên, sau hai ngày hội đàm (ngày 3 và 4 tháng Năm) phái đoàn Cộng sản Việt Nam ở Paris đã làm lu mờ hy vọng đó. Phan Hiền đưa ra lá thư của tổng thống Nixon viết hồi 1973 gửi cho Phạm Văn Đồng, trong đó tổng thống Mỹ hứa viện trợ 3 tỷ 250 triệu tái thiết Cộng thêm 1 tỷ rưỡi viện trợ hàng hóa. Chính phủ Carter trả lời không thể đáp ứng khoản cam kết đó. “Chỉ thị của tôi là đề nghị với VN hai bên công nhận nhau mà không có điều kiện tiên quyết nào, và bày tỏ ước muốn của chúng ta là thấy Việt Nam dự phần vào sự ổn định và hòa bình ở Đông Nam Á.” Sau này, Holbrooke nói với tôi ông ta bày tỏ cảm tình với Phan Hiền về tình trạng Việt Nam bị tàn phá vì chiến tranh nhưng Holbrooke từ chối thực hiện bất cứ lời cam kết viện trợ nào cho Việt Nam. Ông ta nói viện trợ chỉ có thể có sau khi lập quan hệ bình thường, không phải là trước khi thực hiện được điều đó. Ông ta bảo đảm Hoa Kỳ sẽ không phủ quyết khi Việt Nam xin gia nhập Liên Hợp Quốc. Điều này không làm cho nhà thương thuyết VN phải hồi hộp vì Hà Nội đã được chấp thuận trước rồi.

Ken Quinn, hồi ấy là phụ tá đặc biệt cho Holbrooke, nhắc lại trong cuộc hòa đàm, có lần Holbrooke chồm qua bàn và nói: “Ông bộ trưởng, gạt ra ngoài vấn đề làm chia rẽ chúng ta. Chúng ta hãy ra ngoài và tuyên bố với báo chí chúng ta quyết định lập lại quan hệ ngoại giao”. Hiền nói không. Hoa Kỳ phải đóng góp vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh. Quinn thấy Việt Nam gặp trở ngại khi đòi viện trợ mà điều ấy nằm ngoài cảm nhận về một sự chiến thắng đạo đức. Chiến thắng của họ năm 1975 biện minh cho việc điều chỉnh đường lối đảng trong 40 năm qua và những quốc gia khác như Nhật Bản, Pháp chấp thuận việc bồi thường tái thiết. Quinn nói: “Trong cuộc đấu tranh của người Việt Nam, đó là điều chính đáng. Điều này sẽ không được hoàn toàn công nhận nếu Hoa Kỳ trở lại mà không có bồi thường tái thiết nào cho Việt Nam cả.”

Những chuyển hướng gay gắt làm xấu đi vòng đàm phán đầu tiên chấm dứt ở Paris. Phía Việt Nam đòi hỏi điều tổng thống Nixon bí mật cam kết viện trợ và những đề nghị mới yêu cầu Mỹ viện trợ gián tiếp làm cho quốc hội Mỹ bức mình và làm sống lại cảm tưởng rằng Vance và Holbrooke không định liệu trước. Dù tổng thống Carter có tham khảo với Quốc hội trước khi gửi Holbrooke đi Paris, vẫn còn có sự chống đối của nhóm bảo thủ đối với bất cứ hành động nào nhằm tiến tới bình thường hóa quan hệ ngoại giao. Hạ viện đang giữa chừng tranh luận đạo luật về chính sách viện trợ cho nước ngoài thì nhận được báo cáo nói rằng Phan Hiền, trong buổi họp báo ngày 4 tháng Năm ở Paris, buộc Mỹ phải viện trợ cho Việt Nam - báo cáo gửi qua máy viễn tự tại Ủy Ban Ngoại Giao Hạ Viện. Dân biểu William Askbrook cầm bản báo cáo hoa lên để kêu gọi quốc hội chặn đứng bàn tay của bộ Ngoại giao. Tu chính của ông nhằm ngăn cấm chính quyền Mỹ không được “thương thảo về vấn đề tái thiết hoặc bất cứ một hình thức trả tiền nào khác” cho Việt Nam, được quốc hội thông qua cùng một ngày bằng 266 phiếu chống 131. Thất bại trước phương cách chống Việt Nam của Quốc hội, Vance tuyên bố “Chúng tôi nói rõ cho Việt Nam hay rằng chúng tôi không trả bất cứ khoản tái thiết nào.”

Ngày 6 tháng 2, khi Hiền tới tòa đại sứ Mỹ trên đại lộ Gabriel ở Paris để thương thảo vòng 2 với Holbrooke thì tình hình đã thay đổi đáng kể. Thật ra, đây là lần thứ nhất một viên chức Hà Nội vào một tòa đại sứ Mỹ không mang theo một cảm giác đặc biệt nào về thành tích của người Việt Nam. Điều thấy rõ là Hà Nội cần nhượng bộ nhiều hơn nữa để có thể có được viện trợ to lớn của Mỹ. Ngày 19 tháng Năm, Hà Nội công bố bức thư bí mật của Nixon. “Chính phủ Hoa Kỳ sẽ đóng góp việc tái xây dựng thời hậu chiến ở Bắc Việt Nam mà không cần điều kiện chính trị nào.” Đó là điều Nixon đã viết cho Phạm Văn Đồng ngày 1 tháng Hai năm 1973. Ông ta nói rõ rằng sự đóng góp của Mỹ “là vào khoảng 3 tỷ 250 triệu trong thời gian 5 năm.” Hà Nội coi điều này là “lá bài ăn” để giành được viện trợ Mỹ. Tuy nhiên, những người trước kia tiến

vào Ngũ giác đài để kêu gọi hòa bình thì bây giờ họ không ở đó để đòi hỏi phải giúp đỡ Việt Nam. Điều quan trọng hơn hết, việc Bắc Việt xua quân chiếm miền Nam, tiếp theo là những đợt sóng người tỵ nạn chạy trốn khỏi đất nước họ, và những bản báo cáo về việc tống giam 10 ngàn người chống đối chính trị đã làm cho những nhà lập pháp Mỹ chống Việt Nam. Một lời hứa bí mật của một tổng thống bị bất tín nhiệm trước khi Saigon thất thủ chẳng có giá trị gì.

Trong khi Holbrooke ngồi đối diện qua bàn hội nghị với Phan Hiền, một bức màn vô hình mới đã buông xuống và một cảm giác chẳng tốt đẹp gì đã nằm sẵn trước mặt hai người. Frank Sieverts, một viên chức của bộ Ngoại giao chịu trách nhiệm vấn đề người Mỹ mất tích, tham gia các cuộc hội đàm hồi tháng Năm và tháng Sáu, ngạc nhiên khi thấy Holbrooke tùy thuộc vào đa số hơn là chuyên tâm lưu ý đến cuộc thảo luận với Việt Nam. “Tôi ngạc nhiên nếu như Dick hành động theo mệnh lệnh khác, chỉ sau này tôi mới biết tại sao.” Ngay trước khi rời Hoa Thịnh Đốn đi Paris, FBI cho Holbrooke biết có một điệp viên nằm trong chính quyền Mỹ, - có thể trong bộ Ngoại giao - đã báo cáo cho Việt Nam. Ken Quinn kể lại: “Tôi không rõ bao nhiêu người Việt Nam biết việc đó, nhưng chúng tôi có cảm giác lạ rằng những người thương nghị với chúng tôi ngồi phía bên kia bàn đã biết chúng tôi nhận những chỉ thị gì.” Tuy nhiên, tôi thấy có điều gì khác làm cho Holbrooke lưu tâm và bí mật hơn. Việc gián điệp không cản trở ông ta đi tới bởi vì phía Mỹ kết luận rằng “nếu Việt Nam biết được nội dung ngắn gọn trong hồ sơ, chúng tôi cũng chẳng thể cho họ gì nhiều hơn điều Dick đã nói với họ trước kia.”

Và những gì Holbrooke đề nghị - một lời hứa mơ hồ về viện trợ gián tiếp sau khi có quan hệ bình thường - không phải là điều Hiền muốn nghe. Việt Nam cung cấp thêm tin tức hai mươi người Mỹ mất tích, mong nhận được đáp ứng từ phía Mỹ. Hiền nói với Holbrooke: “Làm sao tôi có thể trở về Hà Nội với hai bàn tay không? Cơ quan tìm kiếm người Mỹ mất tích mới đưa cho tôi danh sách hai chục người sẽ hỏi tôi đem về được gì?” Ông ta bác bỏ lời biện bạch của Holbrooke là những nhà lập pháp đã trói tay chính phủ ông. Hiền hỏi: “Ông sẽ làm gì nếu như tôi nói rằng Quốc hội Việt Nam đã thông qua một đạo luật cấm việc tìm kiếm người Mỹ mất tích. Việt Nam sẵn sàng uyển chuyển về số lượng và phương cách viện trợ.” Hiền nói với Holbrooke: “Đối với chúng tôi một đôla là một đôla. Chúng tôi không cần biết tiền đó từ đâu tới.” Holbrooke nói: “Chúng tôi sẽ giúp đỡ nước ông qua các tổ chức quốc tế khác nhau.” Tại hậu trường của cuộc tranh cãi ở hội nghị Paris, Hiền nói với tôi với vẻ thất vọng và cay đắng, dù bề ngoài ông ta có vẻ trầm tư và cười mỉm: “Nhưng khi tôi hỏi ông ta số tiền viện trợ là bao nhiêu thì ông làm thinh.” Hiền nói Holbrooke trấn an ông ta rằng tòa Bạch Ốc và Quốc Hội là hai thực thể khác nhau và tòa Bạch Ốc sẽ không quyết định được điều gì khi Quốc hội đã biểu quyết. Hiền nói, điều đó đúng nhưng “Bộ Ngoại giao không đủ can đảm để báo cáo với quốc hội hay với công chúng những gì họ suy nghĩ về việc giúp đỡ Việt Nam.”

Sự thất bại ở vòng hội đàm lần thứ hai về bình thường hóa quan hệ ngoại giao và những xúc cảm trong số những người bảo thủ, có nghĩa là chấm dứt đường lối ngoại giao đầu tiên của chính phủ Carter. Như Woodcock nói với tôi sau này, đơn giản là chính phủ đã không tạo ra được những cảm nghĩ sâu sắc trong số các nhà lãnh đạo quốc hội, ngay cả những người có khuynh hướng phóng khoáng chống lại viện trợ cho Việt Nam. Tháng Sáu, Hạ Nghị Viện chấp thuận tới đa một đạo luật viện trợ cho ngoại quốc do dân biểu thuộc đảng Dân chủ Lester Wolf đệ trình, có nhắc lại, trên hình thức, lời hứa của Nixon về 3 tỷ 250 triệu cho Việt Nam. Ngay từ đầu, Carter đã viết một bức thư cho chủ tịch Hạ Viện thúc hối ông ta đừng chấp thuận bất cứ một tu chính án nào có thể hạn chế khả năng của Ngân Hàng Thế Giới cho Hà Nội vay tiền. Nhưng bằng đa số phiếu, Quốc hội đã khước từ lời yêu cầu của tổng thống và thông qua đạo luật ngăn các tài khoản Mỹ “trực tiếp hay gián tiếp” chuyển cho Việt Nam (cũng như Lào, Kampuchia và Uganda)

Mặc dù Holbrooke và Vance vẫn còn chú tâm đến việc bình thường hóa quan hệ với Việt Nam, họ cũng không có đủ tin tưởng để đến điện Capitol yêu cầu quốc hội viện trợ, ngay cả viện trợ nhân đạo. Hơn nữa, hồi tháng Tám, Carter ký một thỏa ước về kinh đào Panama. Ông ta

không có ý định chống lại những người ủng hộ thỏa hiệp này trong quốc hội bằng cách thúc đẩy vấn đề Việt Nam là vấn đề không được lòng dân chúng.

Vào lúc Holbrooke gặp Phan Hiền một lần nữa vào ngày 19 tháng 12/ 1977, một điệp viên Việt Nam tạo nên một bầu không khí u ám cho vấn đề bình thường hóa quan hệ. Một nhân viên FBI hoạt động quan hệ với Ken Quinn hồi mùa hè, phát hiện một viên chức Mỹ bí mật đưa tin cho Việt Nam, và theo dõi người này. Tháng Sáu, lần đầu tiên ông ta chuyển cho Holbrooke một bản photocopy bản tin bị ăn cắp từ bộ Ngoại giao. Quinn nhún vai cho rằng người làm việc này có thể là một người nào đó có liên hệ gia đình hay tình cảm ở Việt Nam và đang bị Hà Nội tống thư nặc danh. Ông ta nghĩ tới Ronald Humphrey, một nhân viên được chỉ định làm việc tại trung tâm điều khiển thông tin bộ ngoại giao (USIA). Hồi tháng Ba, người này có đến gặp ông ta để xin giúp đỡ đưa một người bạn gái ra khỏi Việt Nam. Lúc ấy Quinn đang chuẩn bị đi Hà Nội với Woodcock. Không như Woodcock đưa vấn đề người vợ chưa cưới của đại tá Paul Marther thẳng cho Việt Nam để xin giúp đỡ, ông này lại đến tòa đại sứ Thụy Điển để nộp đơn xin di trú cho người bạn gái của Humphrey. FBI điều tra Humphrey, tìm ra sự thật. Trong khi Humphrey đang còn bị FBI theo dõi, thỉnh thoảng, ông ta có đến thăm Quinn để nói chuyện về người bạn gái của ông và hỏi thăm về việc bình thường hóa quan hệ với Việt Nam. Quinn kể lại: “Tôi rất khó nói với anh ta vì chẳng có gì hay ho xảy ra cả.” Humphrey không nghi ngờ gì, tiếp tục chuyển những bức điện - có giá trị thấp của bộ Ngoại giao khi những điện văn này được đưa qua Trung tâm Điều hành USIA - cho David Trương (Trương Đình Hùng - nd). David Trương là thành phần phản chiến, và là con trai của luật sư Trương Đình Du, người ra ứng cử tổng thống Nam VN và bị tù. David Trương chuyển những tin tức này cho phái đoàn Việt Nam ở Liên hợp Quốc và tòa đại sứ Việt Nam ở Paris.

Tới tháng 12/ 1977, Việt Nam hiểu rằng chẳng thể có được tiền bạc gì trước khi bình thường hóa quan hệ ngoại giao. Nhưng họ không biết những cố gắng gián điệp vụng về của họ đang bị FBI giám sát. Việt Nam vẫn còn thúc ép Mỹ viện trợ. Khi Hiền ngồi đàm phán vòng ba với Holbrooke vào đầu tháng 12, ông ta đưa ra yêu cầu viện trợ kinh tế. Trong giờ giải lao, khi Hiền nói chuyện thẳng với Holbrooke bằng tiếng Pháp, không cần thông ngôn hay người ghi chép hiện diện, Hiền hỏi Holbrooke có nhớ những điều khoản A và B được thảo luận giữa các người thương nghị Việt Mỹ năm 1966 hay không. Điều khoản A bao gồm việc Mỹ ngưng ném bom Việt Nam và điều khoản B bàn việc hai bên chắc chắn thực hiện những điều mà không cần tuyên bố chính thức. Hiền đề nghị trong phần A mới, Việt Nam và Hoa Kỳ bình thường quan hệ ngoại giao và trong phần B mới, - có nghĩa là sau khi đã bình thường rồi - Hoa Kỳ sẽ tự mình tuyên bố vài viện trợ cho Việt Nam. Điều Việt Nam mong muốn là một lời cam kết riêng về phần B. Holbrooke kể lại lời Hiền yêu cầu như sau: “Ông vừa nói nhỏ bên tai tôi về khoản ông muốn viện trợ. Và thế là đủ.” Holbrooke nói: “Tôi xin lỗi. Tôi không có quyền làm việc ấy.” Holbrooke cũng từ khước lời đề nghị của Hiền là Hoa Kỳ bãi bỏ lệnh cấm vận như là bước đầu để tiến tới quan hệ bình thường. Hà Nội đưa ra đạo luật đầu tư hồi tháng 4, rất muốn các công ty Hoa Kỳ tham gia vào việc phát triển kinh tế Việt Nam. Về sau, một viên chức Hoa Kỳ có mặt tại buổi họp báo cáo: “Phía Việt Nam trông có vẻ ngạc nhiên khi Holbrooke nói với họ không thể có được điều ấy.”

Lời đề nghị có vẻ mới mẽ nhất của Holbrooke là hai bên thành lập các phái bộ liên lạc tại thủ đô của mỗi nước để chờ một giải pháp cho các vấn đề khác và thiết lập quan hệ ngoại giao hoàn toàn. Hiền nói với Holbrooke: “Chúng tôi chẳng bao giờ làm những điều như Trung Hoa làm.” Ông muốn nói tới việc thành lập các phái bộ ngoại giao ở Bắc Kinh và Hoa Thịnh Đôn hồi tháng Hai/ 1973. Thật ra việc quan hệ ngoại giao bình thường giữa Hoa Kỳ và Trung Hoa vẫn chưa hoàn toàn sau 4 năm hai bên đã gửi các phái bộ ngoại giao đến mỗi nước. Điều này làm cho Việt Nam nản lòng. Việc từ chối này ám ảnh Việt Nam trong khi chỉ một năm sau đã có nhiều cố gắng gia tăng quan hệ bình thường Hoa Mỹ.

Rõ ràng Việt Nam không hiểu được vết thương Watergate, một lần đã là ân sủng cho họ thì nay nó lại là tai ương. Đó là sự xáo trộn chính trị làm suy yếu quyền lực tổng thống khi Nixon từ chức, đem lại cho các nhà lãnh đạo Hà Nội cơ hội bằng vàng để mở cuộc tấn công vào miền Nam hồi mùa xuân năm 1975 mà không bị Mỹ trừng phạt. Giờ đây, cùng một sự yếu kém quyền lực đó của tổng thống, cũng như quyền quyết định của Quốc hội là một trở ngại to lớn ngăn cản viện trợ từ Hoa Thịnh Đốn cho Hà Nội. Phía Việt Nam thất bại khi nhận ra rằng sau vết thương Watergate và thất bại quân sự ở Đông Dương, họ chẳng còn hy vọng gì ở phương cách hành xử bí mật của Nixon-Kissinger. Nixon có thể thách thức ý kiến công chúng bằng việc gọi B-52 tới Hà Nội và ông ta cũng có thể đưa ra những hứa hẹn bí mật về viện trợ. Việt Nam vẫn giữ hy vọng Carter sẽ hành xử như Nixon cầu hòa. Đối với điều đáng kinh ngạc đó, họ khám phá ra rằng Việt Nam không còn chiếm ngự vị trí trung tâm trong suy nghĩ của người Mỹ nữa, và như thế, đối đầu với một quốc hội chống đối, Carter phải thu hồi những lời cam kết trước kia của ông ta, - chuyển lời qua Holbrooke -, điều gọi là viện trợ nhân đạo. Việt Nam chỉ còn hai con đường chọn lựa: Ngậm và nuốt điều mong muốn thiết lập quan hệ với kẻ thù đã bị đánh bại vì chính thái độ của phía kẻ thù hoặc từ bỏ hy vọng kiếm được đôla và kỹ thuật Mỹ mà quay về với Moscow.

Một ông chủ nhà băng viếng thăm Hà Nội vào mùa xuân năm 1977 nói với tôi rằng ông ta “kinh ngạc về sự uyển chuyển và thực dụng” của các viên chức Việt Nam khi họ thảo luận với các nhà thương nghiệp Tây phương. Tuy nhiên, chẳng có gì đáng kể về tính thực dụng và cởi mở trong đạo luật đầu tư. Không có việc bỏ đi tứ tán của các nhà đầu tư đã tới Hà Nội. Những ai tới đây rồi sẽ phải nản lòng vì tính quan liêu của người Việt Nam, và vì lo sợ cho nền an ninh, Hà Nội tạo ra những bức tường chắn nghi ngờ. Việt Nam hy vọng thiết lập mau lẹ thân hữu và hợp tác với Tây phương với một nửa là lòng nhiệt thành và một nửa là sự từ chối.

Trong cái thăm kịch mở cửa ra với Tây Phương, Việt Nam lập kế hoạch cho chuyến đi ngoại quốc đầu tiên của thủ tướng sau đại hội đảng là đến thăm Pháp, và trong lộ trình ấy, thăm các nước Tây Âu. Tuy nhiên, vì những lý do nội bộ và đơn giản vì không muốn có quan hệ nào trước Mỹ, khi Mỹ chưa có quan hệ ngoại giao với Việt Nam, hầu hết các nước Tây Âu, ngoại trừ Đan Mạch, Na Uy, Phần Lan, từ chối tiếp Đổng sau khi Đổng thăm Pháp. Ngay cả những nước đã đón ông ta, họ chẳng hứa hẹn gì nhiều. Câu trả lời tiêu biểu có lẽ là câu của hãng Thông tấn Đan Mạch, nói rằng việc ấy chỉ có thể “muốn hạn chế sự mở rộng” của Việt Nam.

Ngay chuyến đi lịch sử của Đổng tới Pháp cũng chỉ có tính cách tượng trưng, đoàn kết hơn là cam kết viện trợ. Tổng thống Valéry Giscard d'Estaing ca ngợi nhà cách mạng cũ trong bữa tiệc tráng lệ ở điện Élysée, và hai thỏa ước hợp tác nhỏ về kinh tế và văn hóa được hai bên ký kết. Nhưng điều Hà Nội mong muốn ở lòng hào hiệp của Tây phương thì chẳng tìm thấy đâu cả. Như một nhà ngoại giao Pháp làm việc ở Hà Nội viết sau này rằng Việt Nam cay đắng. “Họ thấy chán nản vì hy vọng bao nhiêu thì thất vọng bấy nhiêu.”

Hy vọng của Việt Nam quan hệ với Hoa Kỳ và hậu quả thất vọng là điểm gặp gỡ quyết định giữa những lý thuyết gia và thực dụng ở Việt Nam. Năm 1977 là thời điểm có đầy đủ tất cả những dữ kiện đối với tình hình trong nước tuồng như xấu đi nhiều. Hồi tháng Hai, mùa màng ở phía Bắc hư hại vì lạnh gắt, tiếp sau nhiều tháng hạn hán nặng nề rồi lại lũ lụt lớn. Kết quả là lương thực thiếu hụt trầm trọng. Tháng Ba năm 1977, Việt Nam kêu gọi Liên Hợp Quốc và các nước bạn bè viện trợ khẩn cấp lương thực. - chẳng có đáp ứng nào. Vì tình trạng thiếu hụt nhiên liệu và các cơ phận thay thế, kỹ nghệ cũng xuống dốc theo.

Bên ngoài, người ta không biết Bộ Chính trị thảo luận chính sách đối nội, đối ngoại như thế nào. Tuy nhiên, các quan sát viên ở Hà Nội thấy được những dấu hiệu lưỡng lự giữa các nhà soạn thảo kế hoạch. Hai nhóm chính trị trong đảng Cộng sản VN tranh cãi gay gắt. Phái hòa hoãn do Phạm Văn Đồng dẫn đầu muốn hợp tác gần gũi với các nước kỹ nghệ Tây phương và chuyển hóa Miền Nam dần dần, như thế có thể xử dụng vốn và nguồn nhân lực ở đây. Nhóm kia, người tranh luận nổi tiếng là lý thuyết gia Trường Chinh, muốn xây dựng Xã hội Chủ nghĩa, chủ trương

lý thuyết thuần túy, bảo vệ hệ thống xã hội chủ nghĩa không để cho “kẻ thù xâm nhập và cướp đoạt.” Nhóm này chống lại chính sách nói rộng và mở cửa với Tây phương. Họ đã kích sự chậm lụt trong việc chuyển hóa Miền Nam - là nguồn nhiễm độc về sự suy đồi đang lan tràn ra phía Bắc. Trong khi Đông đi châu Âu vắng, Trường Chinh mở cuộc tấn công vào đường lối quan liêu nguy hại và kêu gọi trừng phạt nhiều cơ quan trong chính phủ. Sự thật là Hoa Kỳ khẳng khái từ chối bất cứ một trách nhiệm tinh thần nào đối với việc tàn phá chiến tranh ở Việt Nam, điều Nhật và Pháp có tranh luận “chút ít” với Việt Nam để trả món nợ cũ và bồi thường chút ít. Việc này chỉ giúp củng cố các phần tử cứng rắn sẵn có quan điểm thù địch với Phương Tây. Nguồn hy vọng đối với Trung Hoa đang trên đường thực tiến hóa làm cho Việt Nam muốn noi theo, vào hồi đầu tháng Sáu khi Phạm Văn Đồng từ Bắc Kinh trở về sau những cuộc đụng độ gay gắt với các nhà thương thảo Trung Hoa.

Một quan sát viên Pháp ở Hà Nội ghi nhận “Giữa năm 1977 một đường hướng tổng quát mới đã được thỏa thuận. Như thường thấy ở Việt Nam, người ta im lặng đạt tới một phương cách mà không cần bất cứ những lời kêu gọi ồn ào nào hay sự buộc tội giữa công chúng đối với những người bị thất bại, bao hàm cả những sự cứng rắn của nhóm Trường Chinh. Bên ngoài, đường hướng mới phản ánh sự khác biệt đang gia tăng với phương Tây và một đường hướng thu hẹp với tất cả liên hệ với khối Xã Hội Chủ Nghĩa.”

Cuối tháng 6/ 1977, hội nghị trung ương đảng CS Việt Nam thông qua chương trình hợp tác hóa nông nghiệp và tăng cường công tác tư tưởng.

Theo kế hoạch này, công việc xây dựng nông nghiệp xã hội chủ nghĩa sẽ hoàn tất vào đầu thập niên 1980. Bước tiến này phải được thực hiện sớm, tiếp theo các bước quyết định để loại trừ công thương nghiệp miền Nam. Cánh cửa mở ra để đón ngọn gió Tây tuồng như đóng lại.

## Gió Tây thổi thế

---

Những năm sau chiến cuộc -thực ra là toàn bộ thời gian sau khi Pháp rút đi - Hà Nội chỉ có thêm hai công trình kiến trúc mới: Lăng Hồ Chí Minh màu đá xám chiếm ngự quảng trường Ba Đình -tương đương với Công trường Đờ ở Moscow - và công trình thứ hai, không lớn bằng, là một khách sạn nằm bên bờ hồ. Khi Hồ Chí Minh chết năm 1969, Việt Nam từ chối lời đề nghị của Liên xô là đưa xác ông ta qua Liên xô để ướp và cất giữ cho đến khi Mỹ thôi ném bom. Họ không thể chấp thuận một nước khác, dù là bạn bè gần gũi, làm người canh giữ thi hài lãnh tụ của họ. Thay vào đó, các “đạo tỳ” người Nga phải qua Hà Nội để giúp ướp xác. Xác này sau đó được đưa xuống một cái hầm sâu dưới một ngọn đồi, mãi đến khi oanh tạc cơ Mỹ rời bỏ bầu trời Bắc phần. Với sự giúp đỡ của người Nga, lăng hồ Chí Minh được hoàn thành đúng vào thời điểm mừng chiến thắng năm 1975. Từ đó, lăng Hồ Chí Minh là nơi du khách thường đến thăm.

Nếu lăng HCM đánh dấu một thời kỳ thì khách sạn Thắng Lợi do Cuba giúp xây dựng là một sức đẩy của kỹ nghệ khách sạn thời đại mới. So sánh với khách sạn hàng đầu -khách sạn Metropole thời Pháp -nay đặt tên lại là Thống Nhất- thì Thắng Lợi với những phòng có máy điều hòa không khí trông như cái hộp, bàn ghế kiểu mới, có phòng hội lớn nhìn xuống hồ là nơi lộng lẫy như thành phố. Đây là nơi thích hợp để đại sứ Liên Xô tiếp tân, kỷ niệm hằng năm cuộc cách mạng Bôn-sê-vít.

Đối với những nhà ngoại giao muốn nghe chuyện khác quanh bàn trà, thì những buổi tiếp tân của đại sứ Trung Hoa hay Liên xô, không bao giờ thiếu mặt họ.

Trung Hoa và Liên xô thường tranh nhau để lấy cảm tình thân hữu và trung thành, và Việt Nam kiên trì giữ mối hòa hợp với cả hai bên, chờ xem sẽ ngã về hướng nào. Trong báo cáo hằng ngày, các nhà ngoại giao theo dõi rất kỹ lòng trung thành của đảng Cộng sản VN với Liên xô và Trung Hoa, xem thử ai đạt được ưu thế hơn. Họ có thể so sánh các lời bình luận từ phía Liên Xô và Trung Hoa được dịch ra và đăng lại trên báo chí Việt Nam để ước lượng những dị biệt lý thuyết. Tháng 9/1975, khi một thành viên bộ chính trị đảng Cộng sản Trung Hoa, tướng Chen Xilian tới Hà Nội và lên án “chủ nghĩa bá quyền” thì báo chí Việt Nam gạt bỏ những lời đã kích này. Qua đó các nhà ngoại giao có thể tìm ra kết luận và báo cáo về nước.

Những buổi tiếp tân của Liên Xô và Trung Hoa ở thủ đô Hà Nội cũng đem lại cơ hội có giá trị để đo lường mức độ thay đổi quan hệ nông âm của Việt Nam với các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Các nhà ngoại giao không chỉ theo dõi các đảng cấp khách Việt Nam được mời nhưng cũng để mắt nhìn và dự đoán bao lâu thì các nhà lãnh đạo Việt Nam còn ngồi lại trong đảng. Công việc này cũng nhằm kiểm chứng bao lâu họ sẽ đi chệch đường lối đảng và chắc chắn một khoảng thời gian tương tự để có mặt tại các buổi tiếp tân của Trung Hoa hay Liên Xô.

Tối hôm 6 tháng 11 năm 1976 việc theo dõi như thế trở thành vô ích. Đại sứ Trung Hoa tại Hà Nội hủy bỏ kỷ niệm ngày Quốc khánh tháng 10 vừa qua để tưởng niệm Mao qua đời. Do đó, không có cách thức đối chiếu nào để tìm hiểu thêm các nhà lãnh đạo Việt Nam trong buổi tiếp tân của tòa đại sứ Liên xô. Tuy nhiên khi buổi tiếp tân chấm dứt, các nhà quan sát ngoại giao cũng không phải thất vọng. Thủ tướng Phạm văn Đồng, người khách số một của buổi tiếp tân, đã làm cho các nhà ngoại giao có mặt hôm đó ngạc nhiên bởi một việc có tính cách làm mất mặt Moscow. Họ cảm thấy ghen khi nâng rượu mừng cách mạng Bôn-sê-vít thành công trước khi Đồng rời bàn tiệc. Ông ta biểu người phụ tá tìm gặp đại sứ Pháp, Charles Malo, mời ông này qua phòng kê bên để tán chuyện gẫu. Trong khi Đồng đứng nói chuyện riêng với Malo khoảng 20 phút, chủ tiệc, đại sứ Liên Xô B.N. Chaplin thân nhiên ngồi nhìn vào ly rượu sâm banh của ông. Sau này Malo kể lại với một bạn đồng nghiệp: “Ông thủ tướng hỏi tôi về việc làm thế nào ông có thể thực hiện chuyến đi thăm nước Pháp”. Theo ông đại sứ, chẳng có gì nghiêm trọng hay khẩn cấp cần phải thảo luận như thế. Việc Đồng đi thăm Pháp đã được chuẩn bị từ mấy tháng trước đó rồi. Rõ ràng chẳng có lý do gì mà Đồng rời khỏi bàn tiệc lâu đến như thế. Thực ra, Malo nói đùa rằng, Đồng tuồng như chẳng có gì gấp gáp để chấm dứt câu chuyện và trở lại bàn tiệc. Nói chuyện xong với Malo, thủ tướng chào từ biệt Chaplin và rời khỏi phòng.



Các nhà ngoại giao kết luận rằng hành động bất thường này, không những chỉ là một sự sắp đặt của bộ chính trị nhằm bắn ra một tín hiệu. Cái tín hiệu đơn giản tối hôm đó là Việt Nam muốn thắt chặt hơn mối quan hệ với Pháp, có lẽ với toàn bộ phương Tây hơn là với Moscow. Một thời gian sau, tin tức đưa ra từ những lần tiệc tùng của các nhà ngoại giao, cho rằng hành động bất thường của Đồng tối hôm đó cũng là một cách trả lời đối với những áp lực khéo léo của Liên Xô. Việt Nam là bạn của Liên Xô nhưng không phải là thứ dễ bị bắt nạt.

Vở tuồng tại khách sạn Thăng Lợi tối hôm đó làm cho người ta nhớ lại quá trình quan hệ với Liên Xô kể từ thập niên 1950 thay đổi như thế nào, khi Việt Nam nhìn về Liên Xô đáng kính như một mục tiêu tiến tới trong khối Xã hội Chủ nghĩa. Không những Việt Nam đánh mất sự ngây thơ của họ về chủ thuyết, mặt đối mặt với những người anh lớn, tuy nhiên với giấc mơ thống nhất đất nước, họ thấy sự thực và với nhiều cơ hội, họ mở ra một chính sách đối ngoại đặt trên căn bản rộng rãi hơn. Họ cũng sẵn sàng hướng tới Moscow. Tuy nhiên với nhận thức mới về tự do, chính sách ấy kéo dài không lâu. Vì những rắc rối với Trung Hoa và Kampuchia càng lúc càng gia tăng, kinh tế chìm sâu trong những cuộc khủng hoảng, và hành động quờ quạng mở cửa ra với phương Tây, Việt Nam thấy họ đang đứng bên lề, khó có được sự vững vàng, và rồi đến lúc họ phải ghen mà nuốt đi niềm tự hào để quay lại với Liên Xô.

## Ngày họ Hồ khóc với nỗi vui mừng

Sự ngưỡng mộ của Việt Nam với Liên Xô phải đánh dấu trở lại từ hồi đầu thế kỷ 20. Qua cánh cửa mở ra của thực dân Pháp, các phần tử quốc gia Việt Nam hiểu biết Cách mạng Bôn-sê-vít. Mãi cho đến khi người Pháp đến Việt Nam, thế giới quan của thành phần trí thức Việt Nam không vượt ra ngoài Trung Hoa. Các nhà bác học Trung Hoa cung cấp cho người Việt Nam những nét căn bản kiến thức, những tư tưởng triết học, chính trị và xã hội. Cánh cửa do người Pháp mở ra không chỉ về phần nước Pháp mà cho cả toàn thế giới nữa. Đọc Lê-nin trong một căn phòng nhỏ ở Paris năm 1920, lần đầu tiên Hồ Chính Minh thấy phần khởi về chủ nghĩa Cộng sản. Bốn mươi năm sau, ông ta hồi tưởng lại: “Hết sức cảm động, sung sướng, và tin tưởng, những tư tưởng ấy đã thấm vào lòng tôi. Tôi mừng đến rơi nước mắt. Ngồi một mình trong phòng, tôi la to lên như đứng giữa đám đông. Hỡi những người đang bị đọa đày đau khổ, hỡi đồng bào yêu nước. Đây là cái chúng ta cần đến. Đây là con đường giải phóng dân tộc chúng ta.” (2)

Bốn năm sau, Hồ - một nhà Cộng sản quốc tế, có mặt ở Moscow. Ông không có dịp gặp anh hùng Lê-Nin, qua đời một thời gian ngắn trước khi Hồ đến đây. Ông ta theo học ở trường đại học Phương Đông tại Moscow, biết Joseph Stalin và những phần tử trung kiên khác như Radek, Zinovyev và Dimitrov. Hồ liên lạc với đảng Cộng sản Liên Xô và đảm nhiệm một công tác có tính cách quan trọng, không những với Đông Dương thuộc Pháp mà cho cả Liên Xô nữa. Cuối năm 1924, Hồ rời Moscow đi Quảng Đông qua vai trò cán bộ Cộng sản Quốc tế ở Viễn Đông để đẩy lên ngọn lửa cách mạng. Sáu năm sau, ông ta thành lập đảng Cộng sản Đông Dương. Phần còn lại là của lịch sử. (3)

Dù có khoảng cách địa lý giữa Liên Xô với đảng Cộng sản Đông Dương đang hoạt động bí mật ở Hoa Nam và Việt Nam, hai mươi năm sau khi Hồ đến Moscow, Liên Xô là ngôi sao Bắc đẩu chỉ đường cho các nhà cách mạng Việt Nam. Họ vẫn còn ủng hộ mạnh mẽ chính sách đối ngoại của Liên Xô bởi vì, như một tài liệu của đảng Cộng sản Đông Dương ghi nhận năm 1935, Xô viết là “thành quách và hào lũy bảo vệ cách mạng thế giới” đang bị bọn đế quốc đánh phá, “đẩy lùi cách mạng thế giới hàng chục năm.”

Năm 1945, Cộng sản Việt Nam bắt được nhịp cầu vào một thời điểm quyết định khi tư bản thế giới bị đẩy lùi. Tháng Tám/ 1945, lợi dụng cơ hội sụp đổ của thực dân Pháp và phát xít Nhật ở Đông Dương, Cộng sản Việt Nam nắm quyền ở Hà Nội và thành lập nước Việt Nam Dân

Chủ Cộng Hòa. Tuy nhiên, cũng giống như tổng thống Mỹ Harry Truman, chủ tịch Liên Xô Stalin làm ngor trước lời kêu gọi công nhận và giúp đỡ của Việt Nam. Moscow thỏa mãn với thắng lợi của đảng Cộng sản Pháp ở quốc hội và chính ảnh hưởng của họ ở châu Âu sau khi chiến tranh chấm dứt, hơn là sự thành công của Cộng sản Việt Nam.(4) Chỉ sau khi không còn hy vọng gì rằng đảng Cộng sản Pháp sẽ cầm quyền và đảng này lên án cuộc “chiến tranh đế quốc” ở Đông Dương, Moscow thấy rằng cuộc chiến đấu của Cộng sản VN hữu ích và cần được giúp đỡ. Dù vậy, Moscow cũng không vội vàng thừa nhận chính phủ nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Tháng Giêng năm 1950, theo chân Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa mới thành lập, Liên Xô mới thừa nhận chính phủ Hồ Chí Minh lúc đó đang đặt căn cứ trong rừng rậm.

Tuy nhiên, dù đã thừa nhận như thế, Liên Xô và Trung Hoa vẫn muốn thỏa hiệp với Pháp hơn là ủng hộ Việt Minh đạt tới thắng lợi hoàn toàn. Họ cho rằng họ không thể bảo đảm ủng hộ Hồ Chí Minh trong trường hợp Mỹ can thiệp vào Đông Dương. Thực ra, Stalin có phương cách riêng đối đầu với Pháp. Moscow muốn có chiến tranh Đông Dương - dù có nguy hại cho Cộng sản Việt Nam- nhưng ngược lại nó hạn chế sức chống đối của Pháp với Cộng sản Châu Âu. Dưới sức ép của Liên Xô và Trung Hoa trong hội nghị Genève 1954, Việt Nam phải nhả những vùng do quân Việt Minh chiếm được. Đồng minh của họ ở Lào và Kampuchia phải chấp nhận tính cách hợp pháp của các chính phủ chống Cộng ở hai nước này. Họ cũng buộc Cộng sản VN chấp nhận chia đôi đất nước tạm thời ở vĩ tuyến 17 - một sự chia cắt kéo dài tới hai mươi năm. Năm 1980, tôi ngắt lời một ông đại sứ Việt Nam nhân khi nói về vai trò của Trung Hoa tại Genève để hỏi ông ta có khi nào Liên Xô không gánh chịu trách nhiệm nào hết hay không? Ông ta chỉ vào ngăn tủ đang đóng và nói: “Những điều ấy nằm ở đây. Chúng tôi sẽ đem nó ra đúng lúc.” Thế giới phải chờ 25 năm Việt Nam mới mở ra hồ sơ tố cáo vai trò của Trung Hoa ở hội nghị Genève năm 1954.

Những năm sau hội nghị Genève, khoa trương cách mạng không che dấu được sự thật là Moscow không quan tâm đến Việt Nam nhiều trừ phi tình hình ở đây phát triển có ảnh hưởng đến vai trò của Liên Xô ở châu Âu hay quan hệ của Liên Xô với Hoa Kỳ hoặc Trung Hoa. Mặc dù Liên Xô viện trợ không hạn chế kinh tế và quân sự cho Bắc Việt Nam, họ đã thất bại trong việc đòi hỏi tổng tuyển cử năm 1956, thống nhất Việt Nam theo điều khoản dự trù trong hội nghị Genève. Họ làm nản lòng những kẻ chủ trương đấu tranh võ trang ở miền Nam. Nhà lãnh đạo Sô Viết Nikita Khrushshev thấy rằng một cuộc phiêu lưu chống lại đồng minh của Mỹ sẽ làm cho cố gắng của ông ta nhằm giảm căng thẳng với Mỹ gặp rối loạn. Ông ta nói với Việt Nam, làm họ ngỡ ngàng trước ý kiến của ông: “Cuộc chiến tranh du kích bùng phát có thể gây ra chiến tranh thế giới.”

Lời kêu gọi của Khrushshev về sự “tân công hòa bình” đối với chủ nghĩa xã hội và tái thống nhất quốc gia càng lúc người Việt Nam càng không quan tâm tới. Đối đầu với sự đàn áp Cộng sản đang gia tăng nghiêm trọng của chính phủ Ngô Đình Diệm, Cộng sản Miền Nam tự phát cuộc đấu tranh võ trang. Trước sự thiếu nhiệt tình của Moscow, cuộc chiến tranh du kích Toàn Bộ (Việt Cộng gọi là Đồng Khởi -nd) được mở ra năm 1960 có sự ủng hộ của ủy ban trung ương đảng Cộng sản ở Hà Nội. Việt Nam CS lại bối rối vì sự cam kết đơn phương của Liên Xô trong hiệp định Genève 1962: (Ghi chú của người dịch: Nếu độc giả xem ở Về Rờ (R) của Kim Nhật, -một cán bộ Cộng sản hồi chánh, sẽ thấy rằng chiến tranh miền Nam VN là do Hà Nội chỉ đạo ngay từ đầu. Mặt Trận GPMNVN chỉ là bù nhìn, không có quyền lực gì. Cả Hứa Hoành trong ở Trứ thức Miền Nam theo Cộng sản cũ cũng cho thấy rõ như vậy.) Không được xử dụng Lào làm con đường chuyển vận xuống phía Nam Việt Nam -đúng vào thời gian Hà Nội gia tăng xử dụng đường mòn Hồ Chí Minh để giúp đỡ cuộc đấu tranh ở Miền Nam.

Tuy nhiên việc leo thang chiến tranh -cùng với việc Hoa Kỳ bỏ bom ở miền Bắc và đổ quân vào miền Nam năm 1965 - và việc xung đột với Trung Hoa hầu như buộc Moscow phải gia tăng viện trợ cho Hà Nội. Việc Khrushchev bị hạ bệ làm viện trợ cho Việt Nam thêm dễ dàng.

Sự kiện Moscow chống lại Bắc Kinh vì bị Trung Hoa gán cho là xét lại và việc Moscow đồng mưu với Hoa Kỳ chống Trung Hoa buộc các nhà lãnh đạo Liên Xô phải thành thật trong việc giúp đỡ Việt Nam. Viện trợ của họ nhằm giúp miền Bắc chống lại Hoa Kỳ oanh tạc hơn là chiến tranh du kích miền Nam. Trong suốt cuộc chiến, Moscow liên tục cố gắng làm giảm thiểu xung đột và xử dụng viện trợ để làm giảm căng thẳng với Hoa Thịnh Đốn và thắng Trung Hoa trong một số việc. Bảy mươi lăm phần trăm chi tiêu quân sự của Việt Nam là do Moscow cung cấp, nhưng họ không giúp Hà Nội phương cách tự chế tạo vũ khí để Việt Nam có thể mở rộng cuộc xung đột. Một tướng lãnh Bắc Việt Nam bị bắt than phiền rằng trong khi Liên Xô viện trợ hỏa tiễn chống pháo hạm cho “Nasser và Ben Bella, họ chẳng bao giờ viện trợ cho chúng tôi thứ vũ khí đó để chống lại hải quân Mỹ hoạt động ngoài khơi Việt Nam.” Tôi nghe nhiều lần câu chuyện về lòng tự hào của người Việt Nam, -nhưng không kiểm chứng được -, là người Việt Nam đã cải thiện hệ thống hướng dẫn hỏa tiễn phòng không do Liên Xô viện trợ để có thể bắn hạ máy bay B-52. Liên Xô không muốn khiêu khích Hoa Kỳ nên họ viện trợ cho Việt Nam loại hỏa tiễn không thể hạ B-52 được và hoảng hồn trước chiến công của Việt Nam. Câu chuyện này có thể là ngụy tạo, nhưng nó cũng biểu lộ cách ăn nói trắng trợn của Cộng sản Việt Nam về sự giúp đỡ của Liên Xô và lòng tự hào về sự tinh xảo của họ.

Một học giả hàng đầu về chính sách ngoại giao của Liên xô, Donald Zagoria, mô tả tình trạng khó xử của Liên Xô đối với Việt Nam hồi giữa thập niên 1960 như sau: “Liên Xô... quan niệm rằng chiến tranh không phải là cuộc tranh bá đồ vương nhưng là một sự xâm nhập nguy hại tiềm tàng, chỉ làm cho chính sách ngoại giao thêm rắc rối, tạo ra tình trạng tấn thối lưỡng nan... Mục đích của nó không những vì tham vọng lên cao hơn mà còn vì hai đối thủ của nó nữa.-Trung Hoa và Hoa Kỳ. Liên xô chẳng muốn ai trong hai nước này chiến thắng hoặc làm nguy hại tới uy danh Liên Xô. Kết quả tốt đẹp nhất người Nga muốn là một sự bất phân thắng bại.”

Trong khi Việt Nam đẩy Liên Xô tới tình trạng bót đối đầu với Hoa Thịnh Đốn bằng việc lợi dụng ý muốn của Moscow muốn nắm giữ vai trò hàng đầu khối Cộng sản, việc đấu đá mỗi lúc một gia tăng giữa Trung Hoa và Liên Xô tạo ra nhiều vấn đề nghiêm trọng cho Hà Nội. Mặc dù thỉnh thoảng gặp phải khó khăn với Moscow hoặc Bắc Kinh, những nhà lãnh đạo Việt Nam tin tưởng một cách chắc chắn rằng vì nhu cầu đoàn kết trong các tầng lớp khối xã hội chủ nghĩa, và lo sợ sự chia rẽ trong khối Cộng sản chỉ có lợi cho đế quốc, đặc biệt là cho cuộc chiến đấu của Việt Nam, Hồ Chí Minh nhiều lần cố gắng hàn gắn sự nứt rạn giữa hai ông anh lớn, nhưng tới năm 1966 thì tuồng như Việt Nam không còn hy vọng gì ở sự đoàn kết này nữa. Thay vào cố gắng làm cho quan hệ Nga-Hoa tốt đẹp hơn, họ giữ vị thế trung lập và nhận viện trợ cả hai bên.

## Moscow đề phòng chủ nghĩa cơ hội

Hồ Chí Minh theo chủ nghĩa Mác-Lênin và hướng về Liên Xô vì tuồng như điều này hứa hẹn độc lập cho đất nước ông ta. Cùng một ý tưởng đơn giản như thế để tái thống nhất đất nước, dưới sự chỉ đạo của Cộng sản, thúc đẩy Việt Nam tiến gần hơn các nước anh em xã hội chủ nghĩa sau hội nghị Genève 1954. Mặc dù có sự khác biệt về ý thức hệ, Việt Nam không bao giờ thân Liên Xô hay thân Bắc Kinh mà chỉ kiên trì với quyền lợi của nước họ. Với trường hợp ngoại lệ Hoàng Minh Chính năm 1967, khi Chính là giám đốc trường đảng, và một số đảng viên khác bị bắt vì bị gán tội làm gián điệp cho Liên Xô. Người ta biết rằng ở Việt Nam không có trường hợp nào thanh trừng thẳng thừng những người trung thành với ngoại quốc. Cuộc thanh trừng những phần tử thân Trung Hoa ra khỏi đảng chỉ xảy ra sau năm 1975 mà thôi.

Không hẳn chính sách của Hà Nội không đứng vào vị thế trung lập, nhưng khi thì nghiêng bên này, khi thì nghiêng bên kia trên căn bản hiệu quả mỗi quan hệ đó có làm cho họ đạt được mục tiêu cao nhất hay không. Năm 1963, khi Khrushchev đã kích chiến tranh giải phóng có hại

cho hòa bình thế giới thì Việt Nam nghiêng về phía Trung Hoa, thỏa mãn việc làm giảm căng thẳng thế giới và hiệp ước hạn chế vũ khí nguyên tử. Nhưng năm 1972, khi Richard Nixon thăm Moscow và Bắc Kinh trong khi Hoa Kỳ vẫn tiếp tục oanh tạc Bắc Việt, Hà Nội lên án bọn theo đuổi “chủ nghĩa cơ hội” của các nước Cộng sản vì quyền lợi ích kỷ, hẹp hòi mà hy sinh quyền lợi của giai cấp vô sản thế giới, trong trường hợp Việt Nam thì hy sinh nỗ lực thống nhất khối Cộng sản.

Moscow, muốn làm giảm căng thẳng với Hoa Kỳ và lo ngại bị lôi cuốn vào cuộc chiến tranh phiêu lưu của Việt Nam CS ngày càng mở rộng hơn nên lạnh nhạt trong quan hệ với Việt Nam CS sau mùa xuân năm 1968, sau cuộc tổng tấn công của Cộng sản ở Miền Nam Việt Nam. Moscow bị kẹt giữa cơ hội Việt Nam thống nhất và hiểm họa do các hoạt động quân sự của Việt Nam CS. Liên Xô không muốn Mỹ quay trở lại Việt Nam làm cho họ phải đối đầu với những khó khăn mà họ không thể giải quyết được, để phải hàng phục hay leo thang xung đột. Khi Hoa Thịnh Đốn bắt tay với Moscow để ngăn chặn Hà Nội, Liên Xô không nhiệt tình lắm khi cảnh giác Hà Nội, nhưng lại lợi dụng cơ hội này để trấn an Mỹ: “Việt Nam không có ý làm hại uy danh Hoa Kỳ.” Đó là một phần nội dung trong bức điện trấn an tổng thống Ford một tuần lễ trước khi Saigon sụp đổ.” Quả thật Việt Nam không tôn trọng lời hứa của họ. Bằng việc tấn công vào phi trường Tân Sơn Nhất, họ đã chấm dứt con đường di tản bằng phi cơ thường và buộc Hoa Kỳ phải vội vàng thoát ra khỏi Việt Nam bằng phi cơ trực thăng đậu trên sân thượng các cao ốc là con đường không vẽ vang gì cho lắm. Không những Liên Xô đã không thúc ép Bắc Việt hoạt động quân sự chừng mực mà còn gọi điện văn chúc mừng Hà Nội, chẳng màng gì tới Hoa Kỳ, điều đó còn được xem như là xát muối vào vết thương của Hoa Kỳ.

Tuy nhiên, Liên Xô cũng lưu tâm tới sự kiện Việt Nam xung đột với Trung Hoa qua hàng ngàn năm lịch sử và nay có thể chuyển hướng qua phía Liên Xô. Việt Nam chứng tỏ là một đồng minh vô giá trong việc ngăn chặn Trung Hoa tiến về phía Nam, đặt từng bước vững chắc có ảnh hưởng và có sức mạnh đối với vùng Đông Nam Á. Liên Xô cũng có thể xử dụng các hải cảng Việt Nam và có cơ hội mới để tăng cường sức mạnh của họ ở vùng này. Chỉ mấy ngày sau khi Saigon sụp đổ, hàng loạt đại biểu Liên Xô tới Hà Nội để giúp đỡ và chia xẻ vinh quang với Cộng sản Việt Nam. Sau nhiều năm chần chừ và lưu tâm tới việc hỗ trợ cho Việt Nam, giờ đây, Liên Xô sẵn sàng ôm hôn kẻ chiến thắng. Tuy nhiên, họ phải miễn cưỡng trả một giá cần thiết. Một viên chức Liên Xô phàn nàn với Ngoại trưởng Liên Xô Andrei Gromyko hồi tháng 9/ 1975: “Vấn đề là, chúng ta không thấy làm thế nào mà chúng ta nói Không. Những thằng con hoang này bắt đầu làm như chúng tự làm hết mọi sự và bây giờ chúng ta nợ chúng nó mặt trăng.” (13)

Ngày 4 tháng 5, chỉ 4 ngày sau khi xe tăng Liên Xô chế tạo húc đổ cổng dinh Độc lập, tàu chở hàng Liên Xô Nina Sagaida và tàu dầu Komsomolets Primorya tới cảng Đà Nẵng ở Nam Việt Nam. Hai tuần sau, nhiều tàu Liên Xô cập cảng Saigon đem theo thực phẩm và dầu. Những “hoạt động nhân đạo” này không phải để gạt hái lòng biết ơn của Việt Nam. Nó nhằm tạo ra một con đường thường xuyên hơn và xử dụng các hải cảng phía Nam VN. Nhiều năm sau, một viên chức Việt Nam nói với tôi là chỉ một thời gian ngắn sau khi chiến thắng Miền Nam, Liên Xô đòi xử dụng các phương tiện hải quân ở phía Nam VN - và đã bị từ chối một cách lịch sự. Mặc dù nhận được viện trợ kinh tế và kỹ thuật có giá trị, Hà Nội vẫn muốn tự mình vạch ra đường lối ngoại giao cho chính họ. Cùng với yêu cầu xử dụng các hải cảng, Việt Nam cũng có khuynh hướng ký một thỏa ước hữu nghị với Liên Xô. Mặc dù về mặt ý thức hệ, Hà Nội gần gũi với Moscow hơn Bắc Kinh, Việt Nam không muốn từ bỏ vị trí trung lập trong cuộc xung đột của hai nước này. Tham gia vào một liên minh công khai với Liên Xô mà không tuyên bố công khai cho Liên Xô xử dụng các hải cảng, có thể là hành động khiêu khích Trung Hoa, đó là điều Hà Nội không muốn.

Dù Trung Hoa có biết việc từ chối đó hay không, họ vẫn còn ngờ vực những gì các nhà cách mạng Việt Nam có thể thỏa thuận với Liên Xô. Vài tuần sau khi Saigon sụp đổ, chủ tịch

Mao được báo cáo cuộc viếng thăm của thủ tướng Thái Lan, Kukrit Pramoj, kế hoạch của Việt Nam chiếm đóng cả khu vực, nơi họ sẽ hành động như “biên giới của đế quốc Liên Xô ở Á châu.”

Nếu quả thật Mao có tuyên bố như thế thì còn một điều quan trọng mà Việt Nam hiểu sai. Chiến thắng ở Saigon hoàn tất giấc mơ của Hồ Chí Minh và đồng chí ông ta nhưng gặp nhiều thử nghiệm và nghịch cảnh. Hơn bao giờ hết, đảng Cộng sản VN giờ đây thấy tự do hơn trong việc chọn đường đi cho chính họ. Không ai bày tỏ rõ ràng niềm tự hào của Việt Nam và thấy được tính cách quan trọng của nó như Hoàng Tùng, tổng biên tập báo Nhân Dân. Là một Cộng sự viên của Hồ Chí Minh, ông đã trải qua suốt cuộc chiến đấu chống Pháp giành độc lập, trận Điện Biên Phủ và những năm dài đen tối trong cuộc kháng chiến chống Mỹ. Tháng Bảy/ 1975, tôi đến gặp ông ta trong văn phòng nhỏ của ông tại một tòa nhà cũ ở Hà Nội. Từ cửa sổ, người ta có thể hóng mát nhìn xuống những tầng lá cây xanh bên hồ Hoàn Kiếm. Hồ này có huyền thoại về một thanh kiếm của vị anh hùng lịch sử trong cuộc chiến đấu giành độc lập. Gương mặt phong sương của Hoàng Tùng hiện lên những vết nhăn khi Hoàng Tùng cười và nói: “So với bất cứ thời gian nào trong quá khứ, chúng tôi bây giờ tự do hơn và mạnh hơn. Chiến tranh kết thúc, cuối cùng loại trừ được những trở ngại trong việc vạch ra đường lối của chúng tôi”. Tùng chẳng cần giấu giếm sự thực là cuối cùng chiến thắng cũng tới, mặc dù có sức ép từ Bắc Kinh và Moscow không muốn đẩy Hoa Kỳ vào góc tường. Ông ta nói Hà Nội đã thắng lợi và đang phải đối đầu với những khó khăn mới, không những từ phía kẻ thù mà còn từ phía bạn hữu nữa. Trong chỗ riêng tư, vài viên chức chân thật hơn, tự hào một cách rõ ràng hơn, nói rằng Hà Nội tự vạch chiến lược để đạt thắng lợi cuối cùng ở miền Nam mà không thông báo đầy đủ cho các đồng minh trong khối xã hội chủ nghĩa biết. Những ngày cuối cùng của tháng 4/75, Hà Nội không màng tới những lời khuyên cáo riêng từ phía Bắc Kinh cũng như Moscow chống lại việc chiếm đóng Saigon bằng vũ lực mà họ ngại rằng có thể làm cho Washington mở ra một sự can thiệp mới vào Đông Dương.

Đưa ra ví dụ về việc Hà Nội bây giờ tự do bày tỏ ý kiến mình, Tùng nói: “Bây giờ chúng tôi có thể công khai ủng hộ Ấn Độ chống lại âm mưu của phe tư bản, mặc dù điều đó làm cho Bắc Kinh không vui. Chúng tôi ủng hộ đảng Cộng sản Bồ Đào Nha chống lại việc Liên Xô muốn chỉ đạo họ, có thể làm cho các đảng Cộng sản khác phê phán.” Ông ta nói tới việc chống đối của Bắc Kinh vì Ấn Độ tuyên bố tình trạng khẩn trương hồi tháng Sáu và việc Bắc Kinh đã kích đảng Cộng sản Bồ Đào Nha là tay sai của Liên Xô. Những quan chức Việt Nam khác nói với tôi rằng họ không đồng ý chính sách của Liên Xô cam kết vô nguyên tắc với Hoa Kỳ hay lời kêu gọi của Liên Xô tập hợp một hệ thống an ninh ở Châu Á, chẳng có mục đích gì ngoài việc chống Trung Hoa. Một năm sau, trong cuộc phỏng vấn, tôi lại hỏi Hoàng Tùng ý kiến của Liên Xô, - thả nổi từ 1969 đến nay - về việc xây dựng một nền an ninh, được coi như là một hành động tập hợp các nước ở châu Á tham gia một thỏa hiệp chống Trung Hoa. Làm thế nào có thể tập hợp họ lại thành một nhóm. Làm thế nào có thể tập hợp thành một tập thể với Suharto (của Indonesia) và Seni Pramoj (của Thái Lan)

Rõ ràng Hà Nội không sẵn sàng từ bỏ viện trợ cho các cuộc đấu tranh cách mạng tại các nước châu Á để giúp Liên Xô lôi kéo các nước phản động vào kế hoạch bao vây Trung Hoa. Hồi tháng Tư/1977, một nhà báo Việt Nam nói với tôi.: “Liên Xô mềm mỏng khéo léo. Họ muốn giảm căng thẳng với Hoa Kỳ để sản xuất thêm nhiều xe hơi và tủ lạnh cho dân họ. Ngoài việc chống Trung Hoa, họ chẳng có lợi gì khi hỗ trợ cho các phong trào đấu tranh giải phóng tại Thế giới Thứ Ba.”

## Nền Độc lập đắt giá

Trong niềm hân hoan chiến thắng đến một cách bất thành linh, Hà Nội thấy phần chân. Nếu họ thắng được một kẻ thù hùng mạnh nhất thì chẳng có gì mà họ không làm được. Tại sao họ không thể có dồi dào công nhân có tài năng, nông nghiệp phong phú, có đủ các loại mỏ cần thiết, có lẽ bao gồm cả dầu lửa, và biển nhiều tôm cá. Xây dựng một nền kinh tế mạnh trên những điều kiện đó chắc chắn là một nhiệm vụ dễ dàng hơn chiến đấu chống lại nước Mỹ không lồ. Ít ra, đây cũng là điều những nhà lãnh đạo nghĩ tới. Nhưng điều phần chân ấy bay vọt mất khi họ phải đối đầu với thực tế của một nền kinh tế lún sâu dần. Nhu cầu viện trợ kinh tế và kỹ thuật để xây dựng một đất nước bị tàn phá vì chiến tranh cùng với gánh nặng do hậu quả thống nhất đất nước tạo ra cho Việt Nam mới giành được độc lập. Trong khi thảo luận riêng với Moscow về chính sách tương lai, Hà Nội thỏa thuận mọi đòi hỏi của Liên Xô. Không giống như trong chuyến đi Bắc Kinh hồi tháng Chín, trong chuyến đi Moscow tháng Mười, Lê Duẩn đưa ra một bản thông báo nói về việc hợp tác lâu dài, trong đó, ông ta nói rằng Việt Nam “ủng hộ chính sách ngoại giao” của Liên Xô và nói tới “khúc quanh làm suy giảm căng thẳng để bước vào tiến trình không thể đảo ngược được.” Giảm thiểu căng thẳng chỉ là một danh từ làm dơ bản tại người Trung Hoa. Hồi tháng Mười/ 1974, Việt Nam cũng tố cáo âm mưu của Hoa Kỳ nhằm chia rẽ các nước khối Cộng sản và che dấu mục đích thực sự của Mỹ là “đè bẹp các phong trào giải phóng dân tộc.” Nhiều tháng sau, một viên chức Việt Nam giải thích sự thay đổi đột ngột này cho một du khách có cảm tình với Việt Nam CS. Ông này nói với Peter Limqueco, giám đốc Nhật báo Châu Á Ngày Nay (Journal of Contemporary Asia): “Cái giá của độc lập thực mắc mỏ. Mỗi lúc chúng tôi bày tỏ độc lập là chúng tôi phải thất lưng buộc bụng. Số lượng viện trợ từ các nước “anh em” hao dần đi cùng với cái thế đứng hiểm nghèo của chúng tôi.”

Sau khi Duẩn đi Moscow về được một tháng, một tờ báo biếm họa nhắc cho độc giả biết rằng chiến thắng có nghĩa là chấm dứt lòng hào hiệp của bằng hữu. “Trong chiến tranh, chúng tôi nhận được sự giúp đỡ đầy ơn nghĩa từ phía bạn bè. Tuy nhiên, từ bây giờ trở đi, mối quan hệ kinh tế của chúng tôi với các nước anh em nằm trong tiến trình như sau: Mượn gì thì phải trả lại, tính lời trên vốn mua bán -tất cả đều ở trên nguyên tắc viện trợ hỗ tương và lợi ích cho cả hai bên.”

Nhìn vào nhu cầu khối lượng viện trợ đồ sộ để xây dựng Việt Nam thời hậu chiến, Hà Nội bị cuốn hút vào viện trợ của Tây phương nhiều hơn. Viện trợ này cũng có nghĩa là kỹ thuật cao hơn khối Cộng sản. Tuy nhiên, Hà Nội trù tính để giữ cân bằng khi theo đuổi chính sách ngoại giao không liên kết. Như sau này Việt Nam giải thích cho đại sứ Pháp ở Hà Nội, Philippe Richer, về mặt lý thuyết, họ muốn củng cố nền độc lập chính trị bằng một thỏa hiệp viện trợ “bốn đảng”, khối Liên Xô và Trung Hoa cung cấp một nửa viện trợ và Tây Âu, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Canada cung cấp nửa còn lại. Tuy nhiên, họ muốn có sự quan hệ cân bằng với cả Moscow và Bắc Kinh. Dù vậy, khi họ nghiêng quan điểm của họ về phía nào để được viện trợ, thì Hà Nội cho thấy họ phải đi tới một kết luận: Nghiêng về phía Moscow thì tốt hơn. Liên Xô không những giàu mạnh hơn Trung Hoa mà còn muốn Việt Nam trở thành một nước hùng cường. Người ta không thấy ngạc nhiên, vì đối nghịch với Trung Hoa nên Trung Hoa từ chối bất cứ một lời cam kết viện trợ lâu dài nào cho Việt Nam, còn Moscow thì hứa viện trợ cho kế hoạch 5 năm của Việt Nam (1976-1980) và sự tín dụng dễ dãi. Tháng Mười/ 1975, Moscow ký thỏa ước viện trợ đầu tiên thời hậu chiến hứa đóng góp 60 phần trăm -tính khoảng 2 tỷ rưỡi- cho kế hoạch kinh tế 1976-1980 của Việt Nam.

Dĩ nhiên, sự cao thượng của Moscow là phải có một cái giá. Việt Nam bỏ đi danh tiếng của mình và ủng hộ chính sách ngoại giao của Liên Xô. Việt Nam được yêu cầu phải ủng hộ sự giảm thiểu căng thẳng Xô-Mỹ, nhưng các nhà lãnh đạo Liên xô không hoan nghênh cố gắng nào của Hà Nội để mở rộng và đảo ngược quan hệ của chính họ. Điều đó chỉ có nghĩa là làm giảm thiểu sức nặng đối với ý nghĩ độc lập. Trong suốt năm 1976, Liên Xô chú tâm quan sát những cố gắng của Hà Nội nhằm phát triển giao hảo kinh tế và chính trị với Tây phương và đạt tới vị thế

không liên kết. Nhiệt tình ban đầu coi Việt Nam như là một “tiền đồn của khối xã hội chủ nghĩa” bắt đầu phai mờ ngay trong những tháng mới ký thỏa hiệp viện trợ Việt Nam.

Về ý thức hệ thì Hà Nội gần Moscow hơn Bắc Kinh nhưng họ thấy chẳng lợi lộc gì khi dính líu vào cuộc tranh cãi của hai nước lớn này. Theo một bản báo cáo nội bộ về hội nghị thượng đỉnh Xô-Việt hồi tháng Mười/1976, ghi nhận là Việt Nam chẳng “quan tâm đến sự thích ứng nào với tình trạng hiện tại để giữ một vị thế trực tiếp với các dị biệt” giữa Trung Hoa và Liên xô. Nói cách khác, những người lãnh đạo Việt Nam lo lắng không muốn để cho miền Nam mới giải phóng biến thành một đầu trường cho hai kẻ thù địch Liên Xô và Trung Hoa. Việt Nam CS mời một số nước như Pháp, Na Uy, Ấn Độ và Nhật Bản đảm nhận một số chương trình kinh tế ở phía Nam, nhưng một cách có hệ thống, gạt Trung Hoa và Liên Xô ra ngoài. Thất bại trong việc bị Việt Nam từ chối mở tòa lãnh sự ở thành phố Hồ Chí Minh, Liên Xô đe dọa không cho tàu bè họ tới thủ đô miền Nam. Nhưng để biểu lộ sự công bằng, Việt Nam từ chối cả Liên xô lẫn Trung Hoa mở tòa lãnh sự tại thành phố Hồ Chí Minh và từ chối cả việc để cho họ hoạt động ở phía Nam. Tuy nhiên, Pháp thì được tiếp tục giữ tòa lãnh sự, các nhà ngoại giao và báo chí phương Tây đều được tự do đi lại vùng này.

Hồi tháng Năm/ 1975, một thông tin viên của hãng thông tấn Tass Liên Xô ở Hà Nội đi thăm phía Nam cùng với các bạn đồng nghiệp trong khối Cộng sản, than phiền một cách chua chát về sự “bất công” trong việc để cho các hãng thông tấn đế quốc như France-Presse, Associated-Press, Reuters, và United Press International đặt trụ sở tại thành phố Hồ Chí Minh trong khi ông ta thì bị từ chối. Mùa xuân năm 1976, một nhà ngoại giao Ấn Độ nói với tôi ở Hà Nội: “Thiệt đáng thương cho các nhà ngoại giao Liên Xô bị ngăn cản, các nhà ngoại giao khác thì từ Saigon về mang theo tin tức phía Nam.”

Trong đại hội lần thứ 25 đảng Cộng sản Liên Xô tháng Ba/1976, Lê Duẩn làm cho người Nga phát giận bằng cách ông ta nhấn mạnh đến hai chữ độc lập. Một ngày sau khi lý thuyết gia Liên Xô Mikhail Suslov tố cáo tính không chính thống của đảng Cộng sản Pháp, Lê Duẩn thẳng thừng dùng cơm trưa với nhà lãnh đạo Cộng sản Pháp Georges Marchaise. Trong bài diễn văn, Duẩn nhấn mạnh rằng những người Cộng sản có thể tìm ra những “phương cách đảo ngược, hình thức và đường hướng cho cuộc đấu tranh thích ứng với điều kiện của mỗi nước.”

Tháng Tám năm 1976, Phạm Văn Đồng đại diện cho Việt Nam tại hội nghị thượng đỉnh các nước không liên kết ở Colombo. Lần đầu tiên gặp số đông đại biểu các nước trong Khối Thứ Ba, Việt Nam rất được hoan hô, nhưng họ cũng phải đối đầu với đại biểu Liên Xô không được các nước này ngưỡng mộ lắm. Sau khi từ Colombo về, Ngô Điền nói với một nhà lãnh đạo Cộng sản Ý: “Liên Xô phải cố gắng nhiều lắm để cải thiện hình ảnh của họ”

Tháng Chín/ 1976, Hà Nội được Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (International Monetary Fund) chuẩn nhận, và tháng Giêng tiếp đó, họ được giúp 36 triệu đôla. Việt Nam là nước Xã Hội Chủ nghĩa đầu tiên quan hệ với tổ chức này. Moscow coi IMF như là “phương tiện chính của đế quốc nhằm bóc lột các nước đang phát triển.”

Bắc Kinh, Moscow, và các nước Cộng sản khác không tham gia vào tổ chức IMF này vì một lý do khác: các thành viên buộc phải trình bày cán cân chi phó và nguồn dự trữ ngoại tệ, điều đó có khác chi đem điều bí mật quốc gia ra mà nói cho kẻ thù.

Không có gì ngạc nhiên khi Liên Xô phê bình Việt Nam tham gia Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế và quan tâm về phương hướng lý thuyết khi Việt Nam mở cửa cho ngoại quốc đầu tư và kêu gọi các nhà đầu tư phương Tây đến hợp tác. Các nhà ngoại giao Liên Xô ở Hà Nội không che dấu sự bất mãn của họ. Họ cay đắng cho rằng những cố gắng của Hà Nội nhằm lôi cuốn vốn Tây phương để xây dựng xã hội chủ nghĩa rồi ra sẽ thất bại. Một nhân viên ngoại giao Liên Xô ở Hà Nội nói với một đồng sự người Ấn: “Tôi đã thấy Nam Tư thực hiện nhiều việc với vốn đầu tư của phương Tây.”

Liên Xô bắt mặn Việt Nam vì Việt Nam từ chối tham gia vào Hội Đồng Hợp Tác Kinh Tế (CMEA), khối Xã Hội Chủ Nghĩa, thường gọi là COMECON. Hồi đầu năm 1977, một nhà ngoại giao Việt Nam nói với tôi: “Liên Xô nhấn mạnh rằng tất cả các nước Xã hội chủ nghĩa phải tham gia vào Comecon. Nhưng ngoại trừ Cuba, không một nước nào ở châu Âu chịu làm việc ấy. Chắc chắn chúng tôi cũng chẳng muốn tham gia vào đây. Nếu chúng tôi vào hiệp hội này, Trung Hoa sẽ không vui.”

Hồi mùa hè năm 1976, tuồng như Liên Xô muốn rút lui một đề nghị trước kia về việc xây dựng một nhà máy thép hoàn chỉnh và một xí nghiệp quân nhu cho Việt Nam. Bất thành lĩnh họ khám phá ra rằng Việt Nam không đủ than cốc và mỏ sắt có giá trị cao để có thể làm cho nhà máy hoạt động. Đồ tiếp liệu quân sự cũng thừa dần đi. Công tác thủy điện ở Bắc Việt Nam do Liên Xô đảm trách bị ngưng trệ. Hà Nội tức giận công bố một đề mục trong chương trình thủy điện sông Đà mà không tham khảo ý kiến với Liên Xô. Việt Nam lặng lẽ bắt đầu thăm dò Ngân hàng Phát triển Châu Á và các nước Tây phương, khả năng giúp họ tự xây dựng lấy chương trình thủy điện này. Một phái đoàn kinh tế Úc đến thăm Việt Nam hồi cuối năm 1976 ngạc nhiên vì các viên chức Hà Nội hỏi họ rất kỹ về phí tổn việc xây dựng một nhà máy thủy điện như ở Úc. Việt Nam không nói rõ họ đang có chương trình nào trong trí nhưng rõ ràng họ đang tìm một nguồn tài trợ thay thế cho chương trình sông Đà. Họ cũng công khai tìm kiếm một nguồn tài trợ khác thay thế Liên Xô trong chương trình nhà máy thép hoàn chỉnh. Trong khi tự kềm không tuyên bố công khai về những điều Liên Xô từ chối, họ đã yêu cầu nhà máy luyện kim Creusot-Loire của Pháp đảm nhận việc nghiên cứu để xây dựng một nhà máy như vậy.

Việt Nam cũng nói với Liên Xô họ cần viện trợ tức khắc trước khi hợp tác toàn vẹn với khối Xã hội chủ nghĩa và thực hiện đầy đủ yêu cầu của Liên Xô về việc gia tăng xuất cảng hàng hóa sang nước này. Hậu quả những công việc thăm dò như thế đã làm cho Lê Thanh Nghị, Chủ tịch Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, hồi tháng Bảy/ 1976 thực hiện chuyến đi lâu dài ở Moscow và Bá Linh, nhưng không đạt được một thỏa hiệp viện trợ mới nào.

Sự bắt mặn của Việt Nam với Moscow thường thường được các viên chức cấp thấp bày tỏ bằng cách châm chích việc thiếu lương thực và nguyên vật liệu ở trong nước, hậu quả của việc xuất cảng mà Liên Xô phải trả lại bằng hàng nhập cảng. Tháng Chín/1976, tờ báo “Học Tập”, cơ quan lý thuyết của đảng Cộng sản VN đã thúc đẩy nhân dân “nhận chân được sự thay đổi trong việc hợp tác quốc tế, và từ căn bản đó, cần hiểu rõ hơn nữa chính sách của chúng ta là tự lực, phải thực hiện nhiều cố gắng hơn nữa để sản xuất hàng xuất khẩu với số lượng lớn” Việt Nam trả đũa bằng các giảm bớt cố vấn quân sự Liên Xô từ 60 xuống còn 40 ngay sau đại hội đảng hồi tháng 12 và tới tháng Tư/ 1977 chỉ còn lại có 25. Viện trợ quân sự hàng năm của Liên Xô cho Việt Nam xuống còn 20 triệu. Quan hệ Việt-Xô tụt xuống tới mức khiến các nhà ngoại giao Liên Xô ở Hà Nội công khai than phiền rằng “Việt Nam vô ơn.” Mùa xuân năm 1977, một nhà ngoại giao châu Á có quan hệ rất gần gũi với Liên Xô ngạc nhiên về mức độ quan tâm của nước này đối với việc Việt Nam càng lúc càng đi sâu vào thế giới tư bản. Hơn bất cứ nước nào khác, Nhật bản lo lắng cho Việt Nam. Một nước Việt Nam tiềm tàng nguyên liệu và là một thị trường, có thể làm lợi đáng kể cho Nhật Bản. Đối thủ chính của Moscow là các nước Đông Á không Cộng sản. Do đó, họ thấy sự quan hệ mật thiết Nhật bản và Việt Nam là một mối nguy, có thể làm cho Hà Nội quay lưng lại với khối Xã hội Chủ nghĩa và rơi vào cạm bẫy: vốn và kỹ thuật của phương Tây.

Cuối năm 1976, sự bắt mặn của Việt Nam đối với thái độ của Liên Xô gia tăng vì sự hấp dẫn do nhiều cơ hội hợp tác mà Tây phương đề nghị. Việt Nam thương nghị bí mật với Nhật bản để yêu cầu viện trợ kinh tế. Các viên chức ở Hà Nội và Paris chuẩn bị cho cuộc thăm viếng của Phạm văn Đồng. Thứ trưởng ngoại giao Phan Hiền thành công trong chuyến đi thăm các nước không Cộng sản trong vùng Đông Nam Á hồi tháng Bảy/1976; tháng Mười Hoa Kỳ đề nghị bắt đầu thảo luận với Việt Nam và cuối cùng là chiến thắng của Jimmy Carter trong cuộc bầu cử tổng thống đem lại tin tưởng và nguồn hy vọng mới cho Hà Nội. Những điều này chứng minh thêm



việc Đồng có hành động coi thường đại sứ Liên Xô tại Hà Nội trong buổi tiệc chiêu đãi hằng năm của Liên Xô.

## Suslov vội vàng trở về nước

Sự dị biệt với Liên Xô càng rõ thêm trong đại hội lần thứ tư của đảng Lao Động Việt Nam hồi tháng 12/1976. Đại hội này đổi lại tên đảng Lao Động thành đảng Cộng sản Việt Nam, được triệu tập sau một thời gian dài 16 năm, để hoạch định lại tiến trình bình thường sau khi tái thống nhất. Đó là giờ phút huy hoàng nhất trong đời sống chính trị quốc gia. Đó là cơ hội lý tưởng cho Việt Nam biểu thị tinh thần độc lập của họ. Mặc dù Liên Xô gây áp lực nặng nề, Việt Nam cũng không chịu mời đại biểu đảng Cộng sản Ấn Độ. Đảng này đang bị phân hóa. Thay vào đó, cánh độc lập, tên gọi là đảng Cộng sản Ấn Độ Mácxít, đang bị cả Moscow và Bắc Kinh đã kích, lại được mời dự. Đảng Cộng sản Trung Hoa cũng được mời, tuy nhiên theo chính sách đã có trong thời kỳ Cách mạng Văn hóa, Trung Hoa không tham dự các đại hội đảng của ngoại quốc. Do đó, việc đón đại biểu Liên Xô sẽ không gặp khó khăn. Tuy nhiên, đoàn đại biểu Liên Xô do Maikhaïl Suslov, một lý thuyết gia hàng đầu của đảng Cộng sản Nga hướng dẫn, không phải là mục tiêu cao nhất của đại hội. Cùng với Liên Xô, hai đoàn đại biểu khác, cũng được ưu tiên đặc biệt dành cho hai biệt thự riêng. Đó là đoàn Cộng sản Pháp và Ý mà Xô Việt gán cho nhãn hiệu tà giáo theo chủ nghĩa Cộng sản Châu Âu (Eurocommunism).

Ngay từ lúc bắt đầu đã có sự căng thẳng. Trong ba cuộc họp liên tiếp, Suslov thất bại trong việc thuyết phục Lê Duẩn để Việt Nam hoàn toàn trở thành thành viên của khối Cộng sản. Suslov công khai gây áp lực. Trong bài diễn văn đọc trước đại hội, Suslov thúc đẩy Việt Nam tham gia khối Comecon, mặc dù ông ta không nói rõ danh xưng tổ chức này. Ông ta nói: “Có rất nhiều khả năng lớn lao để tăng cường quan hệ kinh tế giữa các nước xã hội chủ nghĩa.” Đại biểu các nước Đông Đức, Ba Lan, và Tiệp Khắc thì trực tiếp hơn với việc tham gia khối Comecon và xây dựng vững chắc “liên minh với Liên Xô.” Họ nói: “Đó là sự thành công căn bản để xây dựng chủ nghĩa xã hội.”

Tuy nhiên, cũng không giải quyết được dị biệt. Để bày tỏ sự tức giận của mình, Suslov rút ngắn chương trình thăm viếng và dùng máy bay riêng trở về Moscow trước khi đại hội đảng Cộng sản VN bế mạc.

Sáu tháng tiếp đó, Việt Nam phải gánh thêm nhiều nỗi chua chát vì cơn giận dữ của Liên Xô. Hàng viện trợ Liên Xô hứa cho Việt Nam bắt đầu có trở ngại, phải một thời gian dài bất thường mới tới được Việt Nam. Trong một sự trùng hợp đáng kể khi Phạm Văn Đồng sắp sửa rời Việt Nam thăm viếng các nước Tây Âu, thì những món hàng viện trợ thiết yếu của Liên Xô cho Việt Nam bị ngưng lại. Thiếu nhiên liệu, - mặt hàng viện trợ chính của Liên Xô, thiếu cơ phận thay thế máy móc, đe dọa nền công nghiệp sơ đẳng của Việt Nam.

Một nhà ngoại giao Xô Viết bàn luận một cách thích thú với bạn đồng nghiệp Ấn Độ: “Người Việt Nam hết sức nhạy cảm về nền độc lập của họ, nhưng cũng không ngăn kinh tế của họ khỏi bị sụp đổ được. Kinh tế của họ đang gặp khó khăn lớn. Họ nên chinh đốn kinh tế của họ hơn là nói tới độc lập.” “Để cho họ thấm thía cái tinh túy của của họ.” Tuồng như Liên Xô đã làm cho kinh tế Việt Nam thêm khủng hoảng và chính sách ngoại giao phức tạp mà Việt Nam phải đối đầu.

Trong thời kỳ chiến tranh, việc thiếu hụt lương thực ở Bắc Việt Nam đã có Trung Hoa cung cấp với 250 ngàn tấn mỗi năm. Ở miền Nam thì đã có Hoa Kỳ bù đắp vào cán cân chi phí thiếu hụt. Độc lập rồi, Việt Nam kém may mắn. Năm 1975, Trung Hoa ngưng cung cấp, và khi Việt Nam yêu cầu Liên Xô viện trợ khẩn cấp thì Việt Nam được báo cho biết rằng “việc làm

giảm mỗi căng thẳng lương thực như thế” sẽ dễ dàng và sẵn sàng hơn nếu Việt Nam là thành viên của Comecon.

Vấn đề an ninh cũng làm cho Việt Nam lo lắng hơn. Từ đầu năm 1977, quan hệ với Kampuchia tệ hại đi rõ rệt. Trong tháng Hai, chuyến đi thăm bí mật của thứ trưởng ngoại giao Hoàng văn Lợi đến Phnom Pênh đề nghị một cuộc họp thượng đỉnh về Đông Dương bị thất bại. Việc trục xuất người Việt ra khỏi Kampuchia và thanh trừng những phần tử thân Việt Nam trong hàng ngũ Khmer Đỏ bắt đầu hồi tháng Tư tiến tới cực điểm, Khmer Đỏ tấn công các làng mạc gần biên giới Kampuchia-Nam VN. Ở Lào đã có những nhóm chống Cộng âm mưu chống lại chế độ cai trị của Pathet Lao, đồng minh của Việt Nam, trong khi Thái Lan vẫn duy trì thái độ cấm vận thù địch, chống lại các nước đang đóng chặt cánh cửa ngoại giao. Việt Nam hy vọng cải thiện quan hệ với Trung Hoa mà hồi mùa xuân năm 1977, từng như đã giảm bớt đi. Tháng Hai, Trung Hoa từ chối lời yêu cầu viện trợ của Việt Nam và làm sống lại việc tranh chấp chủ quyền trên các hòn đảo vùng biển Nam Hải (biển Đông - nd). Họ thường công khai xác nhận chủ quyền và từ chối thương nghị, cẩn thận chuẩn bị biện pháp quân sự đối với Việt Nam.

Việt Nam thừa hưởng một số lớn vũ khí và quân dụng do quân đội của Thiệu để lại nhưng không có cơ phận thay thế và khả năng bảo trì, không thể dùng trong bất cứ thời gian lâu dài nào. Dù Hà Nội có muốn hay không thì cũng chỉ còn có Liên Xô có đủ khả năng viện trợ và huấn luyện cho quân đội Việt Nam mà thôi.

Càng lâu, Hà Nội càng nhận ra rằng trong khi tìm kiếm quan hệ tốt đẹp với phương Tây, họ không thể để quan hệ của họ với Liên Xô xấu đi. Tình hình hiện tại trong khu vực cũng như những khó khăn về kinh tế và nhu cầu quân sự cho thấy họ cần một đường lối hòa hoãn. Không có ai ở Hà Nội so sánh chuyến đi của Đồng tới Liên Xô với chuyến đi của hoàng đế La Mã hồi lỗi tới Canossa để xin đức Khâm mạng tha thứ. Tuy nhiên, người ta cũng thấy có điều đáng mai mỉa khi Đồng đến Moscow để hòa giải mà chỉ 5 tháng trước đó thôi, ông ta đã có hành vi sỉ nhục đại sứ Liên xô tại Hà Nội.

Dưới áp lực của Liên Xô, chuyến đi Pháp của Đồng dự trù 3 tuần lễ rút ngắn chỉ còn có 3 ngày. Thực ra, ông ta ngừng lại trước ở Moscow 5 ngày, tiếp tục đi Paris, rồi quay trở lại một tháng ở Liên Xô -thời điểm chứng tỏ sự chuyển hướng trong lịch sử Việt Nam hiện đại- Trên đường đi Paris, Đồng gặp thủ tướng Xô Viêt Aleksey Kosygin thảo luận về “những vấn đề lợi ích chung”. Buổi tiếp tân của ông ta không có gì nòng nài. Cái nhìn của Liên Xô đối với việc Việt Nam mở cửa ra với Tây phương thật u ám, và sự u ám đó biểu lộ khá rõ khi Liên Xô chỉ cho những viên chức cấp thấp ra sân bay tiễn Đồng đi Paris hôm 25 tháng Tư.

## Cuộc tranh cãi khó khăn mùa hè

Đầu tháng Năm/1977, Đồng quay trở lại Liên Xô, và việc ông ta ở lại đây lâu dài được giữ bí mật. Mãi tới ngày 6 tháng Sáu, như từ trong bóng tối, ông ta xuất hiện họp với tổng bí thư đảng Cộng sản Liên Xô Leonid Brezhnev, sự bí mật đó mới chấm dứt. Việt Nam và Liên Xô cân nhắc trở lại việc hợp tác hai bên. Làm thế nào Việt Nam có thể đạt tới hòa giải và Liên Xô phải trả cái giá nào cho Việt Nam, chỉ là câu trả lời đầy đủ khi Liên Xô và Việt Nam sau này trình bày lại mà thôi. Tuy nhiên góp nhặt từ một ít tin tức lọt ra, người ta thấy cuộc khủng hoảng kinh tế của Việt Nam càng lúc càng trầm trọng. Chính sách mở cửa của họ bị thất bại buộc họ phải đi với Moscow.

Từ Moscow, Phạm văn Đồng theo dõi kỹ và không khỏi hoảng hốt về cuộc thương thảo giữa Phan Hiền và Richard Holbrook ở Paris. Ngày 3 và 4 tháng Năm, cuộc họp về bình thường quan hệ Mỹ Việt bị thất bại. Không chỉ chính quyền Carter dập tắt hy vọng của Việt Nam về viện trợ tái thiết mà ngay cả quốc hội Hoa Kỳ, ngày 5 tháng Năm, thông qua một đạo luật ngăn cấm

chính phủ thảo luận bất cứ một “sự viện trợ tái thiết, giúp đỡ hoặc bất cứ một hình thức chi trả nào” cho Việt Nam. Hà Nội nhận được những tin tức không có gì tốt đẹp cả: Đêm 30 tháng Tư, Khmer Đỏ mở một cuộc tấn công lớn vào các làng Việt Nam dọc theo biên giới Miên. Lê Đức Thọ, Ủy viên bộ Chính trị, một chuyên gia về chính sách đối ngoại của đảng Cộng sản VN, bí mật bay qua Moscow cùng với Đồng, mở rộng cuộc thương thảo với các nhà lãnh đạo Liên Xô về quan hệ giữa hai nước trong tương lai.

Tin tức chuyến đi bí mật của Thọ sang Moscow và thực hiện những cuộc họp lâu với Liên Xô, sau cùng cũng được các nhà ngoại giao Đông Âu ở Hà Nội rò ra. Sáu năm sau, một viên chức cao cấp của Sô Viết xác nhận với tôi rằng “một loạt các cuộc họp đáng kể” đã diễn ra ở Moscow hồi tháng Năm và Sáu/1977 đưa Việt Nam tiến gần Liên Xô hơn. Tuy nhiên, ông ta bác bỏ ý kiến cho rằng Việt Nam nghiêng về Moscow là bởi họ thất bại trong các cuộc họp với Hoa Kỳ. Theo ông ta thì “điều quan trọng nhất là họ lo sợ Trung Hoa và sự quây rối của Kampuchia. Họ bắt đầu suy tính một vài biện pháp xử lý Kampuchia”. Tôi hỏi: “Có phải vì thế nên các nhà lãnh đạo Việt Nam có ý kiến thảo luận và ký thỏa hiệp với Lào?” Ông ta trả lời một cách bí ẩn: “Có thể đó là một điều tự nhiên khiến Việt Nam phải hỏi ý kiến các nhà lãnh đạo Sô Viết.”

Dù nội dung các cuộc thảo luận ở Moscow như thế nào, kết quả là Việt Nam tiến tới gần khối Liên Xô hơn. Cuối tháng Năm, Hà Nội thực hiện bước đầu tiên để tham gia khối Comecon, trở thành một thành viên Ngân Hàng Thế giới về Hợp tác Kinh tế (IBEC), Ngân hàng Đầu tư Quốc Tế do Liên Xô yểm trợ. Ngày 6 tháng Sáu, bốn ngày sau khi vòng hội đàm thứ hai ở Paris về bình thường hóa Mỹ-Việt thất bại, Phạm Văn Đồng chính thức họp với Brezhnev. Như báo chí Liên Xô quan sát và tường thuật “Cả hai bên đều thỏa thuận về chính sách quốc tế của hai đảng Cộng sản, tăng cường mạnh mẽ tình thân hữu” giữa hai nước. Các bản tường trình của Moscow tỏ đầy nhiệt tình khi cho biết rằng Việt Nam đã “hợp tác toàn bộ và sự kiện đó có ý nghĩa rất lớn.” Như có phép tàng hình, các ông dần dần trước kia khóa chặt thì nay lại mở ra. Chỉ trong vòng một tháng sau các cuộc họp nói trên, cuối tháng Sáu, Lê Thành Nghị lại đi Moscow và được hứa hẹn nhiều điều rất “lớn lao và thuận lợi” dành cho bốn chục công trình mà Liên Xô đã hứa xây dựng ở Việt Nam. Liên Xô cũng công bố quyết định của họ về việc “gia tăng vận chuyển hàng công nghiệp”. Như Lê Thành Nghị báo cáo, các cuộc họp ở Moscow là “thành công vượt bực”, “biểu lộ tình đoàn kết sáng chói, hữu nghị và hợp tác” giữa hai nước.

Không có gì rõ hơn trong việc xoay hướng chiến lược do quyết định của Việt Nam mời các nhà quân sự Liên Xô tới thăm miền Nam Việt Nam. Trong vòng một năm rưỡi, Việt Nam cự tuyệt một cách có hệ thống việc đề nghị của Trung Hoa và Sô Viết lập tòa lãnh sự ở thành phố Hồ Chí Minh, nhưng có lẽ do các cuộc thảo luận hồi tháng Năm và Sáu ở Moscow, tới cuối tháng Bảy, một đoàn đại biểu quân sự Liên Xô gồm 21 người bí mật tới Đà-Nẵng. Để giữ kín, chiếc máy bay Liên Xô Ilyushin 62 không ghé Hà Nội, để tránh cặp mắt tò mò của các nhà ngoại giao, mà bay thẳng tới Đà-Nẵng. Liên Xô hết sức vui mừng vì Việt Nam thay đổi đường lối. Chẳng bao lâu sau, các nhà ngoại giao ở Hà Nội nhận được những tin tức biểu lộ sự vui mừng đó. Cuộc viếng thăm bí mật đánh dấu bước đầu quan hệ mới, chỉ trong vòng hai năm đủ chín mùa để thiết lập liên minh quân sự tuy mới nhưng toàn diện. Đoàn đại biểu quân sự gồm đủ 3 quân chủng đến thăm Đà Nẵng, vịnh Cam Ranh và Nha Trang, vài vị trí quân sự khác ở miền Nam. Mục đích của họ là: Nghiên cứu nhu cầu quân sự của Việt Nam cho thập niên tới. Lần đầu tiên họ đến quan sát các kho vũ khí quân dụng do Mỹ để lại -có lẽ họ tìm kiếm một thị trường tiềm tàng nào đó. Dù việc đổi chác giữa Việt Nam và Liên Xô như thế nào đi nữa, kể từ tháng Mười, Việt Nam bắt đầu lạng lẽ vận chuyển các xe bọc sắt tới cho khách hàng mới của Liên Xô: Ethiopia. Do kết quả thảo luận trong các cuộc thăm viếng này, Liên Xô đồng ý cung cấp cho Việt Nam hai tàu ngầm cũ, một diệt ngư lôi hạm, một số tàu tuần duyên và bốn phi đội chiến đấu cơ Mig-21. Cùng với thỏa hiệp vũ khí, số cố vấn quân sự giảm xuống hồi năm 1976 thì nay lại tăng lên vì Moscow đàm

nhận việc huấn luyện quân sự cho Việt Nam, cách sử dụng vũ khí và máy bay mới. Cuối năm 1978, tổng số cố vấn quân sự là 600 và viện trợ quân sự của Liên Xô là 75 triệu.

Chẳng bao lâu sau Hà Nội bố cáo cho dân chúng và kẻ thù của họ biết, việc Việt Nam tăng cường thân hữu với Liên Xô. Nhân dịp 60 năm kỷ niệm cách mạng Bolshevik, Hà Nội có cơ hội lý tưởng để tổ chức “Tháng hữu nghị Việt-Xô.” Báo chí và truyền hình Việt Nam mở ra một chiến dịch chưa từng có bao giờ để ca ngợi Liên Xô và lòng hào hiệp giúp đỡ Việt Nam. Trong tháng kỷ niệm đó, tám đoàn đại biểu Liên Xô -từ các tướng lãnh cho tới các nhà làm phim ảnh- đến thăm Việt Nam. Một thành viên Ủy ban Trung ương đảng Cộng sản Liên Xô đi thăm thú nhiều nơi trong nước, đọc diễn văn ca ngợi cuộc cách mạng Bolshevik. Ngay cả Hà Nội cũng không còn lưu ý tới việc mặt đối mặt với Bắc Kinh, công bố cuộc viếng thăm do tướng A. Yepishev, chính ủy lực lượng quân và hải quân Liên Xô dẫn đầu. Có một điều họ dấu kín là bốn chuyên gia hải quân đã tách khỏi đoàn đại biểu, lặng lẽ đến thanh sát vịnh Cam Ranh và Nha Trang. Liên Xô muốn quan sát kỹ những phương tiện quân sự do Mỹ để lại. Việt Nam chưa sẵn sàng để Liên Xô sử dụng các phương tiện này, nhưng vẫn chấp thuận cuộc viếng thăm. Hà Nội muốn nhắm mắt mặc cho Liên Xô tiến hành công việc, nếu như Liên Xô rời ra sẽ giúp họ hiện đại hóa các phương tiện quân sự này.

Có một điều hơi đặc biệt, hồi mùa xuân 1977 khi giới truyền thông Việt Nam ca ngợi bữa bừa Liên Xô mà không lưu ý tới chương trình viện trợ của họ, Lê Duẩn nói: “Uống nước nhớ nguồn.” Nguồn đây là Liên Xô vì họ đã viện trợ to lớn và có giá trị cho Việt Nam, ông ta nhấn mạnh đến “tình cảm sâu sắc và lòng biết ơn chân thành”. Cuối tháng kỷ niệm đó, Lê Duẩn và nhân vật lý thuyết số 2, Trường Chinh bay qua Moscow để dự lễ kỷ niệm cách mạng tháng 10. Đúng một năm sau buổi tiếp tân của đại sứ Nga tại khách sạn Thắng Lợi, mối quan hệ Xô Việt đã toàn vẹn. Một trong những câu nói hay ho của chủ tịch Mao Trạch Đông “Gió Đông đã thắng gió Tây” như là một lời tiên tri thì nay đã thành sự thực, nhưng điều đó không làm cho Bắc Kinh vui gì.

## Không khí tĩnh lặng trước cơn bão

---

Anh chàng cao lêu nghêu và xương xẩu Sandor Gyori là một nhà báo Hungary làm việc cho hãng thông tấn MTI của Hung. Ngày nay, dù anh ta có biến dạng như thế nào, tôi vẫn nhận ra. Lần đầu tiên tôi gặp là lúc anh làm thành viên trong Ủy ban Quốc tế Bốn bên Kiểm soát và Giám sát đình chiến (ICCS) thành lập do hội nghị Paris để điều hành việc ngưng bắn. Sự hiện diện của những nhà ngoại giao khối Xô Viết như Gyori giữa trung tâm thủ đô Saigon -trong cuộc chiến đấu một mất một còn để chống lại Cộng sản- trở thành bộ dạng kỳ dị của chiến tranh. Đại

biểu Bắc Việt và Việt Cộng cũng có mặt tại khu vực có rào kẽm gai bên trong phi trường Tân Sơn Nhứt. Họ cũng là thành viên trong phái đoàn Liên hợp Quân sự Bốn bên do hiệp định Paris đề ra. Không giống như phái đoàn Cộng sản Việt Nam ở trong trại lính lợp tôn thiếc có quân đội Saigon canh giữ, phái đoàn Hungary và Balan sống trong những biệt thự trong thành phố. Gyori cư ngụ tại khu vực sống động như ở Saigon: khách sạn Astor trên đường Tự Do, trung tâm thành phố. Khi anh ta tiếp xúc với các nhà báo, anh ta cũng là bạn với đại biểu Việt Nam CS ở Tân Sơn Nhứt. Một trong những người anh ta yêu thích nhất là một người béo tròn, mang kiếng, thiếu tá Phương Nam, một quan chức báo chí của đoàn đại biểu Chính phủ Lâm thời (Miền Nam VN - nd). Là một người quê ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, dễ tính, Nam rất hay cười. Nhiều khi anh ta phải xiết nịt quần lại cho khỏi tuột vì con cười dài.

Tuy nhiên, vào một ngày oi ả tháng Chín/1977, Nam căng thẳng và lo lắng. Công việc của anh ta bây giờ không khác trước - vẫn là một quan chức báo chí - nhưng hiện tại anh làm việc cho chính phủ thống nhất tại thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời chiến anh ta sống ở Hà Nội nhiều năm và ghét nó. Vì vậy, khi hết chiến tranh, anh ta chọn cuộc sống ở Saigon, không khí dễ chịu hơn. Vì là người có nhiệm vụ tiếp xúc với giới báo chí ngoại quốc, công việc anh ta là ỏchăm sóc các phái viên báo chí từ Hà Nội vào thăm (Saigon). Ban đầu, tuồng như anh lấy làm vui khi đi theo người bạn cũ, Gyori, uống bia với nhau và nói chuyện cũ.

Bất thần, mọi sự thay đổi hết. Buổi sáng ngày 26 tháng Chín, tướng Trần văn Trà, tư lệnh quân khu 7, -gồm thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh chung quanh, và những tỉnh giáp biên giới Kampuchia-, gọi Nam tới. Ông tướng này, có huyền thoại là một anh hùng phía Nam, người chỉ huy cuộc tấn công vào Saigon hồi tháng Tư/1975. Ông ta giận như điên. Hai hôm trước, Khmer Đỏ tấn công vào Tây Ninh, giết hàng trăm dân thường. Đây là lần thứ hai Khmer Đỏ tấn công giết người vào một đêm thứ bảy như thế, khi các chỉ huy trưởng không có mặt tại chỗ. Nhiều người về thăm gia đình ở thành phố Hồ Chí Minh. Tướng Trà ra lệnh cho mọi người sẵn sàng vị trí, chuẩn bị phản công trừng trị bọn hiếu sát. Ông ta tự mình đến thăm các làng bị tấn công và xúc động vì cảnh giết người dã man. Ông ta nghĩ rằng đây là điều mà thế giới cần phải thấy. Tướng Trà ra lệnh cho Nam phải đưa ông nhà báo Hungary đến tận nơi coi cảnh giết chóc.

Buổi chiều thứ Hai hôm đó, Gyori tới một nhà thờ ở ngoại ô thành phố để phỏng vấn một linh mục cấp tiến, linh mục Chân Tín, một người quen biết cũ. Nam, mặt nghiêm nghị, bước vào phòng và làm ngưng cuộc phỏng vấn, yêu cầu Gyori trở lại khách sạn. Gyori đang đặt cho linh mục Chân Tín, - vì ông này nay đổi thái độ khác trước, phê bình chế độ Cộng sản - nhiều câu hỏi căng thẳng. Trở về lại khách sạn, Nam nói riêng với Gyori một cách bí mật: “Ông phải chuẩn bị một chuyến đi hai ngày.”

Cuộc viếng thăm bất thần đó, ngày hôm sau Gyori được biết là tới một làng ở Tây Ninh. Trong sự nghiệp ba mươi năm làm cách mạng của ông, Phương Nam đã thấy nhiều cảnh chết chóc và bạo lực, cũng giống Gyori khi làm nhiệm vụ của ông ta trong ICCS. Nhưng chẳng bao giờ chuẩn bị để xem một quang cảnh như ngày hôm ấy. Từ nhà này qua nhà khác, những xác đàn ông, đàn bà bị cháy đen, sưng to và xác trẻ em rải rác đây đó. Có xác thì bị chặt đầu, có xác thì bị mổ bụng, có xác thì mất chân tay, móa mắt. Một năm sau nhắc lại cảnh đó, Nam còn thấy buồn nôn. Máy quay phim của Gyori quay lia lịa. Anh ta hết cả phim dự trữ. Anh ta nghĩ rằng những hình ảnh này sẽ làm thế giới xúc động. Gyori là nhà báo ngoại quốc đầu tiên gặp các cán bộ Khmer Đỏ cũ, khi những người này chạy trốn qua Việt Nam. Không chuẩn bị sẵn để gặp những cán bộ Khmer Đỏ này ở biên giới nhưng anh ta cũng biết cảnh giết người hàng loạt đang xảy ra ở Kampuchia. Sau này Gyori nói rõ thêm: “Cho tới lúc bấy giờ, tôi vẫn còn ngần ngại khi cho rằng Kampuchia có thể có những lò sát sinh, bởi vì toàn bộ vấn đề là do Hà Nội cấm đoán không muốn cho ai biết. Trên hình thức, quan hệ giữa hai nước vẫn tươi sáng và thân thiện”. Nay thì những người Cộng sản Việt Nam đi lại thúc đẩy “thông báo cho cả thế giới biết sớm chừng nào hay chừng đó.”

Tuy vậy, lại còn nhiều điều khác ngạc nhiên hơn nữa. Anh ta về lại khách sạn cũ, sau hai ngày bụi, nóng và hôi thối. Rồi nhân viên an ninh Việt Nam đến thăm anh ta. Phim và các tờ ghi chép bị tịch thu. Anh ta được “yêu cầu” một cách cương quyết, không được viết gì hết về những điều đã thấy, ngay cả việc kể chuyện lại với những nhà báo đồng hương ngụ chung khách sạn. Điện thoại bị cắt. Hai ngày sau, xúc động vì bị “bí mật giữ tại nhà”, anh ta bay trở lại Hà Nội. (1)

Phương Nam bị khiển trách vì đã đưa một nhà báo ngoại quốc đến thăm một khung cảnh rất dễ gây xúc động mà không có phép của bộ Ngoại giao. Về sau, Gyori và Nam biết rằng bộ Chính trị không đồng ý đề nghị của tướng Trà. Không những ngăn chặn tất cả những tin tức và hình ảnh về cuộc tấn công của Khmer Đỏ lọt ra ngoài, tướng Trà còn được lệnh hủy bỏ tất cả mọi sự chuẩn bị tấn công trả thù Kampuchia. Chiến tranh với Kampuchia là một vấn đề hết sức nghiêm trọng nằm ngoài tầm tay của một tướng lĩnh mẫn cảm ở chiến trường. Kampuchia không đơn độc. Đằng sau Kampuchia mờ mờ hình ảnh của Trung Hoa. Bất cứ hành động nào của Việt Nam chống lại Kampuchia phải cân nhắc thật kỹ vì nó có liên hệ đến các vấn đề quân sự, kinh tế và ngoại giao. Chỉ trong vòng mấy tuần lễ sau, Trà được “thăng chức” thứ trưởng bộ Quốc phòng -ngồi chơi xơi nước là một sự giáng chức-, đẩy ông ta vào ngôi trong một văn phòng tại tòa nhà bộ Quốc phòng ở Hà Nội. Một viên chức ở Hà Nội giải thích: “Ở Việt Nam, người ta không bị giáng chức hay hạ nhục. Một khi người ta làm không đúng nhiệm vụ của mình, thì được nâng lên địa vị cao hơn, ăn lương cao hơn, và nắm một chức vụ nghe có vẻ ngon lành”. Sáu năm sau, tướng Trà nghỉ hưu, rời bỏ chức vụ.

Ngày 31 tháng 12/ 1977, ngày Khmer Đỏ tổ cáo công khai Việt Nam “xâm lược”, Ngô Diên gọi Gyori tới văn phòng và trả lại cho Gyori tất cả những phim, cát-xét và các bản ghi chép đã bị tịch thu. Bằng một thái độ hòa nhã, Diên cho Gyori thấy phản ứng đầu tiên của người Việt Nam về tình hình mới phát triển. Lúc đó, những tin tức ở Tây Ninh trước kia nay đã thành lịch sử. Qua những gì xảy ra trong các cuộc tàn sát ở Tây Ninh, người ta cũng thấy rõ hành động điên cuồng đó chẳng phải đơn lẻ. Cuộc tấn công xảy ra ngay trước ngày thăm viếng chính thức đầu tiên của Pol Pot ở Trung Hoa, rõ ràng muốn nhấn mạnh cho Trung Hoa thấy tính cách nghiêm trọng việc Kampuchia quyết định chống lại Việt Nam. Stephen Heder, một học giả người Mỹ, người đã phỏng vấn cán bộ và binh lính Khmer Đỏ nhiều hơn bất cứ một chuyên viên nào của Kampuchia, tin rằng cuộc tấn công vào Tây Ninh ngày 24 tháng Chín, do bốn hay năm sư đoàn của Khu Quân Sự phía Đông là món quà có hai mặt: Ở trong nước thì đó là cuộc săn đuổi rộng lớn những người bị nghi ngờ theo Việt Nam; và cũng là nhiệt tâm của các nhà lãnh đạo Khu Đông bày tỏ với Pol Pot, bằng cách giết chết hàng loạt người Việt Nam. Đó cũng là món quà Pol Pot mang dâng cho Bắc Kinh. (2)

## Cuộc chiến bí mật

Hồi mùa thu năm 1977, dân chúng ở thành phố Hồ Chí Minh được nghe những người sống sót kể lại nhiều câu chuyện khủng khiếp. Những người tỵ nạn tới được Mã Lai và Thái Lan đem theo họ những câu chuyện chém giết rừng rợn của các cuộc tấn công dọc biên giới. Tuy nhiên, thế giới bên ngoài thì chỉ biết vắn tắt, mơ hồ về vấn nạn này. Việc chính phủ kiểm soát hoàn toàn báo chí và ngay cả bịt miệng những nhà báo thân hữu như trường hợp Sandor Gyori, giúp duy trì một bộ mặt ngoại giao bên ngoài bình thường. Bên trong, bộ Chính trị đảng Cộng sản Việt Nam âm thầm chuẩn bị trả đũa. Sau cuộc tấn công của Kmer Đỏ bốn ngày, ngay đài phát thanh Hà Nội cũng còn đưa tin mừng nhân dịp đảng Cộng sản Kampuchia công khai ra mắt.

Sau nhiều tháng vạch kế hoạch, - có tướng Giáp tham gia việc này, tháng Mười/ 1977, quân đội Việt Nam mở cuộc tấn công đầu tiên, - quan trọng và không công bố -, vào lãnh thổ Kampuchia. Sau khi cho xe thiết giáp tiến sâu vào tỉnh Svay Rieng của Kampuchia 15 dặm, họ già vờ rút lui. Một tiểu đoàn bộ binh Khmer Đỏ vội vàng tiến sâu vào nội địa Việt Nam truy kích.

Một đơn vị xe thiết giáp khác bọc hậu, đẩy chúng vào một cái bẫy như bẫy chuột, vài trăm bị bắt. Tuy nhiên, sự thiệt hại đó không làm cho Khmer Đỏ ngừng tay. (3)

Có điều đáng lưu ý, trong những lời tố cáo Việt Nam sau này, - cuốn “sách đen” của chế độ Pol Pot ấn hành hồi tháng Chín/78, không nói gì tới cuộc tấn công của Việt Nam hồi tháng Mười/77. Có lẽ họ không muốn nói tới sự bại trận đáng kể đó. Trong khi Việt Nam bị tố cáo có những hành động quân sự chống Kampuchia trong những năm 1975-76, một điều đáng ngạc nhiên là Kampuchia chẳng nói gì đến những hoạt động này của Việt Nam trong toàn bộ năm 1977. Theo cuốn sách này, chỉ có một điểm đáng lưu ý là giữa năm 1977, Việt Nam có quyết định “thiết lập một kế hoạch tấn công rộng lớn” vào Kampuchia.(4) Tuy nhiên cuốn “sách đen” đó không đưa ra một chi tiết nào của kế hoạch nói trên. Về sau, một quan chức Việt Nam tiết lộ việc chuẩn bị tấn công chống Pol Pot bắt đầu từ tháng 11 năm 1977. Những cán bộ bắt mẫn Pol Pot ở Khu Đông bắt đầu xây dựng kho lương thực bí mật ở trong rừng. Tuy nhiên, chưa định được ngày lật đổ Pol Pot. (5)

Hà Nội có can dự gì vào âm mưu lật đổ đó không? Với người Việt Nam, có lẽ họ rất muốn làm việc đó. Tuy nhiên, các nhà phân tích tình báo Tây phương và các học giả phỏng vấn hàng trăm cán bộ Khmer Đỏ cũ và những người Việt Nam bỏ đảng Cộng sản, cũng như họ nghiên cứu vô số lời khai của những người bị Khmer Đỏ bắt giam tại nhà tù Tuol Sleng, -nguyên là một trường học biến thành nhà tù nổi tiếng độc ác ở Phnom Pênh-, thì không tìm ra bất cứ một chứng cứ trực tiếp nào cho thấy Hà Nội có liên hệ đến những âm mưu chống Pol Pot. Nếu Việt Nam quả thật có tránh né được hệ thống tình báo của Kampuchia và vượt qua được tình trạng cô lập của Kampuchia, tiếp xúc được với những kẻ âm mưu bên trong nước này thì công việc đó vẫn còn được giữ bí mật. Tuy nhiên, có điều chắc chắn là từ tháng Mười/1977 Hà Nội bước đầu thành lập lực lượng kháng chiến chống Pol Pot ở Việt Nam.

Trong nhiều cách, những cuộc tàn sát ở Tây Ninh và những kế hoạch đưa ra cho thấy có sự thay đổi sâu sắc trong mối quan hệ Việt Nam-Kampuchia và công lao một số cán bộ Khmer Đỏ, những người đã trốn qua Việt Nam. Một trong những người đó là Hun-Sen, một trung đoàn trưởng trẻ của quân đội Khmer Đỏ, đóng dọc biên giới, từ Kratié tới Kompong Cham. Đầu năm 1977, ông ta được trung ương ra lệnh sẵn sàng tấn công vào nội địa Tây Ninh sâu 9 dặm. Cuộc tấn công trên bộ do các đơn vị địa phương thực hiện, được dự trù mở ra vào ngày 30 tháng Năm, có Sư đoàn 4 Pháo binh yểm trợ. Tuy nhiên, có vài Trung đoàn trưởng và Đại đội trưởng phản đối việc họ phải đi tiên phong. Họ bị bắt và bị hành quyết. Hun Sen là người trẻ nhất trong số chỉ huy, được trung ương tin tưởng nhất, chọn làm chỉ huy cuộc hành quân. Sau này Hun Sen thuật lại với Stephen Heder: “Nhưng tôi thấy tôi không thể làm được việc này. Chẳng có cách nào khác hơn là rút quân lui và kéo vào rừng. Hôm đó là ngày 20 tháng Sáu năm 1977.”(6) Chẳng bao lâu sau ông ta theo Việt Nam.

Kế hoạch tấn công đó được thi hành hôm 20 tháng Chín. Tuy nhiên, có điều mai mỉa về một cấp chỉ huy Khmer Đỏ, sau này được coi là đồng minh chính của Việt Nam: Heng Samrin, bốn mươi ba tuổi, lùn, đen, người trông có vẻ âm đạm. Anh em của Heng Samrin cũng là cán bộ Khmer Đỏ ở Khu Đông. Không rõ vai trò của Heng Samrin trong cuộc tấn công nhưng sau đó ông ta được thăng chức chủ tịch “Mặt trận đường số 7” là khu vực dọc theo biên giới Việt Miên. Như vậy, đương nhiên ông ta là phó chủ tịch bộ tham mưu quân sự Khu Đông. Vài tháng sau việc thăng chức đó, ông ta trở thành cột thu lôi, đón nhận cơn giận dữ của Pol Pot khi các sư đoàn của ông không chống cự nổi Việt Nam. Vì vậy, ông ta phải trốn qua Việt Nam để giữ mạng sống. (7)

Vấn đề Kampuchia tạo ra hàng loạt cuộc họp giữa Việt Nam và Liên Xô hồi mùa hè 1977 tại Moscow. Liên xô cũng có những tin tức về các hoạt động của Việt Nam chống Kampuchia. Tháng 11/ 1977 một nhà ngoại giao Liên Xô ở Hà Nội báo cho một đồng nghiệp Ấn Độ biết cuộc kháng chiến chống lại Pol Pot đang được thực hiện. Lực lượng này gồm một nhóm mười hay mười lăm người ở cấp lãnh đạo trung ương, ít ra có 3 người thuộc đảng Cộng sản Kampuchia do

Việt Nam lãnh đạo trước kia.(8) Nhà ngoại giao này không nói rõ lực lượng kháng chiến này đang hoạt động trong nội địa Kampuchia hay được tổ chức bên trong lãnh thổ Việt Nam.

Tới mùa thu 1977, một số người Khmer Đỏ đào thoát, gồm có: Hun Sen, Heng Samrin và Bou Thang (sau này đóng vai trò chính trong việc chống lại Pol Pot) được tập trung ở Việt Nam. Cuộc tấn công tàn bạo của Khmer Đỏ vào Tây Ninh hồi tháng Chín, cuối cùng, thúc đẩy Hà Nội chọn lựa những giải pháp khác hơn là oanh tạc và pháo kích vào Kampuchia như đã thực hiện từ tháng Năm/ 1977.

Sau nhiều tháng điều tra và xem xét, Việt Nam kết luận rằng những người đào thoát khỏi Khmer Đỏ nói trên không phải là gián điệp.

Cuộc tấn công của Khmer Đỏ vào Tây Ninh tạo ra chứng cứ khiến có thể tin được những người đào thoát này, vì một số trong nhóm họ, đặc biệt là Hun Sen đã cung cấp cho Việt Nam những chi tiết về cuộc tấn công. (9) Vì những tin tức này không được người Việt tin tưởng và không thể kiểm chứng được nên không chuyển lên bộ chỉ huy quân sự khu vực. Do đó, khi cuộc tấn công xảy ra, nhiều dân thường không được bảo vệ. Sau cuộc tấn công ít lâu, một cuộc họp bao gồm 8 người vừa mới trốn thoát để thảo luận về tương lai Kampuchia. (10)

Hà Nội thấy muốn chống Pol Pot, cần bổ sung thêm lực lượng quân sự. Tuy nhiên, trước khi đưa ra những nỗ lực mới để lật đổ chính phủ Kampuchia, -lần thứ ba họ tham dự vào công việc này, hai lần trước là chống Pháp trong thập niên 1940-50, chống chính quyền Lon Nol vào thập niên 1970,- Việt Nam muốn thực hiện một cố gắng cuối cùng để đẩy Trung Hoa ra khỏi Kampuchia. Một bức điện gửi cho Trung Hoa pha lẫn những lời yêu cầu viện trợ và vén lên bức màn cảnh cáo Trung Hoa về hậu quả nếu họ ủng hộ Kampuchia.

## Thử nghiệm nước ở Bắc Kinh

Như các quan chức Việt Nam nói với tôi sau này, mãi đến mùa thu năm 1977, họ không chắc Bắc Kinh gia tăng ủng hộ Pol Pot. Hoàng Tùng tiên đoán rằng sau khi “bè lũ bốn tên” bị lật đổ, quan hệ Trung Hoa và Kampuchia yếu đi. Ông ta cho rằng vì nhà thực dụng Đặng Tiểu Bình lại nổi lên nắm quyền, có thể Trung Hoa đứng xa bọn cực đoan Khmer Đỏ. Những sự kiện hồi đầu năm 1977, khi Trung Hoa chính thức giảm viện trợ cho Việt Nam, làm Việt Nam dần dần xa rời viễn tượng cải thiện quan hệ với Trung Hoa. Tuy nhiên những nhà lãnh đạo Việt Nam cũng không chắc Trung Hoa vui gì vì thái độ của Việt Nam nên Trung Hoa gia tăng ủng hộ quân sự cho Khmer Đỏ để bọn này tổ chức những cuộc tấn công Việt Nam. Việc Pol Pot được đón tiếp nồng nhiệt ở Bắc Kinh hồi mùa thu 1977 và những cuộc tấn công của Kampuchia vào Việt Nam không che dấu kỹ làm cho Hà Nội thêm lo lắng. Ngày 3 tháng Mười/1977, trong khi Pol Pot tiếp tục cuộc thăm viếng thắng lợi của ông ta ở Trung Hoa thì nhà thương thuyết hàng đầu Việt Nam, Phan Hiền được bí mật phái đi Bắc Kinh. Hiền yêu cầu Trung Hoa xếp đặt một cuộc họp với Kampuchia nhằm tìm hiểu vị thế Trung Hoa trong cuộc xung đột mới nổi lên giữa Việt Nam và Kampuchia. Trung Hoa buộc lòng phải làm việc dàn xếp đó. Hai kỳ họp giữa Hiền và đại diện Kampuchia ở Bắc Kinh diễn ra gay gắt và vô ích. Kampuchia tố cáo dữ dội Việt Nam xâm lược, lật đổ và cướp phá. Đặc biệt họ lên án Việt Nam thực hiện vài vụ lật đổ bất thành chống lại Kampuchia. Ngược lại Hiền cũng tố cáo Kampuchia thực hiện những cuộc tấn công tàn bạo, nhưng Hiền đề nghị thương thảo để làm giảm căng thẳng dọc theo biên giới. Khmer Đỏ trả lời họ không thương thảo gì hết trước khi Việt Nam chấm dứt những âm mưu lật đổ và cướp phá. Tuy nhiên, về phía Việt Nam, đề nghị của Kampuchia không thể chấp thuận được. Nó chỉ làm gia tăng thêm tội ác trước khi ngồi xuống thương nghị.

Hiền cũng chẳng gặp may mắn gì hơn khi thương nghị về vấn đề biên giới Hoa Việt với Trung Hoa. Trong tháng Mười có hàng loạt cuộc họp riêng với Trung Hoa về đường biên giới dài



797 dặm với Trung Hoa và đại cương về vịnh Bắc Việt, nơi hai nước cùng chia sẻ quyền lợi với nhau. Những cuộc họp này bắt đầu ở Bắc Kinh từ ngày 7 tháng Mười, gián đoạn rồi tiếp tục qua 10 tháng trước khi nhiều hành động thù địch xảy ra.

Hồi tháng Mười, một tuần lễ trước khi Hiền đi Bắc Kinh, Hà Nội cảnh cáo dè dặt, bằng cách công bố cuộc viếng thăm của đoàn đại biểu quân sự Liên Xô. Hà Nội tưởng như muốn nói với Trung Hoa nếu họ ủng hộ Khmer Đỏ thì Việt Nam sẽ tiến gần hơn với kẻ thù của Bắc Kinh: Liên Xô. (13)

Người ta cũng thấy, một thời gian ngắn trước cuộc thăm viếng phái đoàn quân sự Liên Xô, Trung Hoa thực hiện một bước tiến đáng kể bằng cách gia tăng viện trợ quân sự cho Kampuchia. Điều ấy cũng cho thấy Trung Hoa có những người bạn tốt (như Hoàng văn Hoan, cựu ủy viên bộ Chính trị, sau này đào tẩu qua Trung Hoa), đã cung cấp tin tức, cho biết Việt Nam gia tăng quan hệ với Liên Xô. (14)

Đúng vào những giai đoạn nghiêm trọng của lịch sử, dù Trung Hoa không có tin tình báo chính xác, tưởng như họ cũng nghi ngờ đúng. Ngày 5 tháng Mười, chỉ hai ngày sau khi Hiền rời khỏi bàn hội nghị ở Bắc Kinh và 5 ngày trước khi tướng Yepishev của Liên Xô tới Hà Nội, tùy viên quân sự Trung Hoa ở Phnom Pênh - đại diện cho bộ Tổng tham mưu bộ Quốc Phòng Trung Hoa- ký kết thủ tục trao thiết bị quân sự cho Kampuchia. Đó là kết quả thỏa hiệp viện trợ quân sự không hoàn lại của Trung Hoa ký hồi tháng Hai/ 1976. Sự kiện này kết thúc một cách lặng lẽ việc cung cấp một số trang bị quân sự hoàn chỉnh -từ máy bộ đàm, máy truyền tin cho các chiến đấu cơ -cần thiết để xây dựng ba quân chủng cho quân đội Kampuchia.

Để bày tỏ rõ ràng hơn mối bất bình với Việt Nam, Trung Hoa cắt xén dịch vụ hàng không thường trực cho Hà Nội. Cơ quan hàng không dân dụng Trung Hoa (CAAC) dịch vụ giữa Hà Nội và Quảng Đông (Ở đây nối liền với Hongkong bằng xe lửa) là con đường chính nối với thế giới bên ngoài cho người ngoại quốc đang sinh hoạt ở thủ đô Việt Nam, thông thường ghi tên từ hàng tuần trước. Rõ ràng Trung Hoa muốn bày tỏ tức giận của họ hơn là quan tâm tới những hoạt động thương mại. Trước viễn tượng dịch vụ bị suy giảm, Trung Hoa cắt giảm các chuyến bay mỗi hai tuần chỉ còn lại một chuyến mà thôi, và bắt đầu có hiệu lực từ ngày 1.11.1997.

Trong khi gia tăng khó khăn cho Việt Nam, Trung Hoa tăng cường quan hệ với Kampuchia. Từ tháng Mười/1977, kỹ thuật viên Trung Hoa thiết lập trang bị viễn thông ở Phnom Pênh. Khi họ khai thông đường viễn án tự trực tiếp và phát thanh nối liền với Trung Hoa, là coi như công bố hồi kèn vĩ đại vào ngày 10.11.1977, đài truyền tin của tòa đại sứ Trung Hoa nối với Bắc Kinh, là con đường độc nhất Phnom Pênh nối liền với thế giới bên ngoài. (16)

Sau khi từ Moscow về được 10 ngày, Tổng bí thư đảng Cộng sản Việt Nam lại đi ngoại quốc, lần này tới Bắc Kinh. Điều hâu như bình thường là lãnh tụ đảng Cộng sản Việt Nam muốn giữ thế cân bằng giữa hai bên. Tuy nhiên, chuyến đi Bắc Kinh ngày 21 tháng 11 không phải là để lấy giây tờ trời mình. Sau chuyến đi đó một thời gian ngắn, một nhà ngoại giao Việt Nam giải thích với tôi: “Đồng chí Lê Duẩn giống như vị anh hùng Lý Thường Kiệt của chúng tôi. Ông tới tận sào huyệt của kẻ thù để đối đầu với họ.” (Lý Thường Kiệt, danh tướng đời Lý, thế kỷ thứ 11. Ông thực hiện những cuộc tấn công qua Trung Hoa trước khi Trung Hoa xâm lăng Việt Nam).

Tuy nhiên, nhà lãnh đạo Việt Nam mở đầu cuộc thảo luận một cách khiêm tốn bằng những lời ca ngợi Trung Hoa. Ông ta nói với Hoa Quốc Phong: “Chúng tôi là đàn em của các đồng chí, luôn luôn đứng bên cạnh các anh, và chúng tôi không bao giờ thay lòng đổi dạ.” (17)

Dù vậy, Duẩn chỉ ra rằng, dù có nhiều quan điểm khác biệt với Trung Hoa về những vấn đề chiến lược rộng lớn, Việt Nam không đã kích Trung Hoa một cách công khai hoặc đứng về phía Liên Xô để phê phán Trung Hoa. Tuy nhiên, Trung Hoa cũng chẳng quan tâm đến vấn đề này. Duẩn muốn các nhà lãnh đạo Trung Hoa nhớ rằng điều Chu Ân Lai nhắc nhở là giúp đỡ Việt Nam xây dựng xã hội chủ nghĩa và đó là”nghĩa vụ quốc tế” buộc Trung Hoa phải làm. Duẩn bày tỏ lòng thương tiếc cái chết của Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai và Chu Đức, và rồi, trong một lời

phát biểu, ông ta nói những điều thô bạo hiện nay là phản ảnh đường lối chính trị của Trung Hoa. Duẩn nói Việt Nam tin tưởng Trung Hoa “cương quyết không cho bất cứ một giai cấp bóc lột nào ngẩng đầu lên trong cố gắng làm Trung Hoa thay đổi màu sắc.” (18)

Duẩn thất bại trong khi cố gắng thúc ép Trung Hoa ngưng hỗ trợ Kampuchia. Các nhà lãnh đạo Trung Hoa lên án Việt Nam hiệp đáp nước Kampuchia nhỏ bé, Việt Nam thúc ép xứ này trở thành nước phụ thuộc bằng “mối liên hệ đặc biệt.” Ngay cả Hoa Quốc Phong cũng xác định công khai Trung Hoa viện trợ cho Kampuchia chống Việt Nam. Trong bữa tiệc chào Duẩn, ông ta nói rằng Trung Hoa liên kết với bất cứ nước nào bị tư bản hay xã hội chủ nghĩa xâm lược, lật đổ, can thiệp nội bộ, kiểm soát hay ức hiếp, tạo thành một mặt trận đoàn kết rộng rãi nhất chống lại chủ nghĩa bá quyền của siêu cường.

Duẩn trả đũa sự thách thức của Trung Hoa bằng cách tuyên bố Việt Nam cương quyết không cho phép “bất cứ bọn đế quốc hay thế lực phản động nào, bằng bất cứ cách nào xâm phạm nền độc lập và tự do của chúng tôi.”(19) Hoa thì đã kích “bá quyền”, Duẩn thì tố cáo “thế lực phản động”. Rõ ràng hai bên đang nã đạn vào nhau.

Trong những cuộc thăm viếng vừa qua, Duẩn và những nhà lãnh đạo Việt Nam khác lịch sự từ khước cố gắng của Trung Hoa nhằm lôi kéo Việt Nam vào liên minh chống Sô Viết. Trong khi ca ngợi sự giúp đỡ của Trung Hoa, họ không quên cảm ơn những “nước anh em xã hội chủ nghĩa” khác, có nghĩa là khối Liên Xô (20). Nhưng trong dịp này, Duẩn làm cho nước chủ nhà thêm kích động không ít bằng cách nêu rõ tên Liên Xô trong lời ca ngợi của ông ta. Bộ mặt lịch sự từ lâu che dấu căng thẳng Việt-Hoa nay đã lộ ra. Khi Lê Duẩn trở lại Hà Nội, đường hướng xung đột mới hiện ra đã rõ ràng.

Tuy nhiên, cam kết của Trung Hoa ủng hộ Kampuchia chỉ xảy ra sau những cuộc họp căng thẳng với Lê Duẩn hồi tháng 11/1977. Khi xem xét kỹ lại chính sách của Trung Hoa đối với Đông Dương, Geng Biao, tổng bí thư quân ủy trung ương đảng Cộng sản Trung Hoa ghi nhận rằng trong các cuộc thương thảo với Duẩn hồi tháng 11/1977 là “sự bất đồng giữa Việt Nam và Kampuchia không còn che dấu được nữa. Những cố gắng của chúng ta nhằm ngăn ngừa sự mâu thuẫn giữa họ với nhau đã trở thành công khai từ khi Kampuchia giải phóng năm 1975, cuối cùng chúng ta thất bại”. Do đó, tới tháng 12, Ủy ban trung ương đảng quyết định giúp đỡ Kampuchia, tăng cường sức mạnh của họ, làm thế nào họ có thể có được thế đứng mới khi các cuộc thương nghị bị thất bại, để có thể giải quyết được vấn đề. (21)

Những ghi nhận của Geng Biao nói trên chỉ rõ cho thấy trong khi dành cảm tình cho Kampuchia, công nhận giá trị của nước này như một phương cách để chống lại Việt Nam tiểu bá, các nhà lãnh đạo Trung Hoa vẫn còn lưu tâm tới giải pháp thương nghị hơn là đối đầu bằng vũ lực. Quan điểm này, hồi tháng Chín/ 1977, được thấy rõ hơn khi Trung Hoa bớt khuyến khích Pol Pot. Có lẽ điều này phản ảnh những rối rắm chính trị ngay trong nội bộ đảng Cộng sản Trung Hoa.

Sự kiện các nhà lãnh đạo có tính thực dụng lại nổi lên chung quanh Đặng Tiểu Bình không chỉ là đã phá chính sách quân sự hóa của Khmer Đỏ; họ miễn cưỡng khi ủng hộ chính sách khiêu khích Việt Nam của Kampuchia.

## Đã tới lúc cầm tay Pol Pot

Một tuần sau chuyến viếng thăm của Lê Duẩn ở Bắc Kinh, người ta không có gì ngạc nhiên khi thấy Trung Hoa ủng hộ Kampuchia tích cực hơn. Người được chọn đảm nhiệm công việc này là người thuộc nhóm cực đoan: Phó thủ tướng kiêm ủy viên bộ Chính trị Chen Yonggui. Ông là người lãnh đạo nổi tiếng xã Dazhai thuộc tỉnh Sơn Tây vì đã áp dụng những nguyên tắc của Mao trong nông nghiệp tự túc địa phương. Trong nông nghiệp, câu châm ngôn “học tập

Dazhai” là câu nổi tiếng của Mao. Mặc dù không đủ sức nặng chính trị, rõ ràng Chen là người bạn ý thức hệ của Khmer Đỏ và người Pol Pot lắng nghe.

Ngày 3 tháng 12, Chen bay tới Phnom Pênh, thực hiện chuyến viếng thăm bất thường 10 ngày. Hôm ông ta tới Phnom Pênh, Tân Hoa xã đưa ra một bài bình luận nhan đề “Tình thân hữu Trung Hoa-Kampuchia sâu sắc và mạnh mẽ.” Bài báo nhấn mạnh đến liên hệ lịch sử giữa Trung Hoa và Kampuchia, tiếp tục ủng hộ Pol Pot. Việc ông ta đi thăm vùng biên giới nóng bỏng được Kampuchia thông báo rộng rãi để gây ấn tượng cho Hà Nội, những bài diễn thuyết của vị khách Trung Hoa này thường được nhắc đi nhắc lại đủ mọi khía cạnh liên quan đến cuộc xung đột biên giới giữa Kampuchia và Việt Nam. Dù ông ta có thấy chứng cứ Việt Nam tấn công vùng Mỏ Vẹt của Kampuchia hay không, ngày 5 tháng 12 ông ta cũng tuyên bố Trung Hoa giúp đỡ Kampuchia. (23) Ông ta nói: “Không một thế lực nào có thể đứng vững trên tình hữu nghị Trung Hoa và Kampuchia, mãi mãi là đồng chí,” (24)

Có lẽ Kampuchia không hài lòng lắm vì thái độ Trung Hoa còn ngập ngừng, không chịu công khai chống Việt Nam. Phó thủ tướng Kampuchia Vorn Vet (chỉ mấy tháng sau ông này là nạn nhân trong cuộc thanh trừng của Pol Pot) tuyên bố trong buổi tiếp tân chào mừng Chen: “Kampuchia cương quyết không để tự biến thành một chư hầu và cũng không để rơi vào tình trạng bị mất đất đai và lãnh hải.” Ông ta cũng lưu ý khách rằng “Các đồng chí Trung Hoa của chúng ta đã thấy tận mắt ý chí cương quyết của quân đội cách mạng... nhận thức hoàn toàn và đầy đủ tinh thần hy sinh của họ.” Đối với tất cả những gì mà Chen đã thấy, ông ta tuyên bố rằng đó sự tận tụy và chủ nghĩa anh hùng quân đội.

Tuy nhiên, Chen tuyên bố lấy làm vinh dự ủng hộ chính sách của Pol Pot tiến mạnh trên con đường Cộng sản Chủ nghĩa. Theo ông, các hợp tác xã nông nghiệp của Kampuchia đang nắm giữ một vai trò quan trọng “đề bẹp sự phá hoại của kẻ thù và củng cố chuyên chính vô sản”. Chen mạnh mẽ chấp nhận rằng chính sách nội trị của Pol pot là “hoàn toàn đúng đắn.” (25)

## Một ông hoàng cố gắng đấu tranh cho hòa Bình

Chỉ hai ngày sau khi Chen Yonggui rời khỏi Phnom Pênh, Pol Pot đón một vị khách khác: Chủ tịch Lào, hoàng thân Souphanouvong. Đây là thời điểm để tỏ bày cố gắng cuối cùng, làm trung gian giữa Việt Nam và Kampuchia, trước khi Hà Nội cho quân tấn công. Mặc dù Lào liên minh với Việt Nam vì tình hình chính trị thực tế và quyền lợi chung của hai bên, họ cũng lo ngại khi nhìn thấy sự căng thẳng gia tăng giữa Việt Nam và Kampuchia. Khiêu Samphan và Ieng Sary viếng thăm vùng giải phóng Lào ở Sầm Nứa vào năm 1974. Vì vậy, hồi tháng 11/ 1977, khi chính phủ Lào, qua ngã tòa đại sứ Kampuchia ở Vạn Tượng, dàn xếp cuộc viếng thăm của hoàng thân Souphanouvong, Kampuchia không thể từ chối một cuộc thăm viếng ở cấp cao như vậy được.

Ngày 17 tháng 12 hoàng thân Souphanouvong đến phi trường Pochentong ở Phnom Pênh và được đón tiếp nghiêm trang. Cuộc họp tức thì của ông hoàng với Pol Pot cho thấy rõ họ muốn tránh một sự gậy đổ công khai. Ngay cả phía Kampuchia, họ cũng không muốn thông báo việc Pol Pot tiếp ông hoàng Lào. Suốt trong cuộc họp căng thẳng tại dinh quốc khách nhìn xuống sông Tonle Sap, Souphanouvong thúc đẩy Pol Pot đừng làm tan vỡ đoàn kết ba nước Đông Dương đã được xây đắp qua nhiều năm chống kẻ thù chung. Về sau, một quan chức Lào nói với tôi: “Nhưng Pol Pot chẳng muốn nghe điều đó. Ông ta chỉ muốn tiếp tục nói về những điều xấu của Việt Nam.” Pol Pot cố gắng thuyết phục Souphanouvong gìn giữ độc lập Lào, mặt đối mặt với Việt Nam. Đó là cuộc đối thoại với người điếc.

Nhưng ông hoàng Đò, người mà sự nghiệp cách mạng của ông liên hệ một cách rối rắm với Hồ Chí Minh, -nhà lãnh đạo đảng Cộng sản Đông Dương-, không muốn rời Phnom Pênh mà không công bố quan điểm của ông. Phát biểu trong buổi đón tiếp, ông ta nói với chủ nhân rằng

đảng Cộng sản Lào “theo đuổi nhiệm vụ rực rỡ của đảng Cộng sản Đông Dương và vai kẻ vai với nhân dân các nước Việt Nam và Kampuchia anh em.” Trả lời sự phê phán của Kampuchia về quan hệ Lào-Việt Nam, ông ta nói rằng đó là một “ví dụ về chính sách thân hữu và láng giềng tốt mà cũng là một ví dụ về quan hệ quốc tế của chúng ta.” Một quan chức Lào hiện diện trong buổi tiếp tân cho biết có một sự im lặng khó chịu bao trùm hội trường khi hoàng thân Souphanouvong đọc diễn từ. Các nhà ngoại giao có mặt hôm đó ai cũng đỏ mặt hời hợt và quan chức phía Kampuchia thì ngồi yên trong suốt buổi suốt chiều nóng nực đó, ngoài cái nóng của tháng Chạp. Trong phần đáp từ của Khiêu Samphan, ông ta đã kích xiên xẹo việc Lào liên minh với Việt Nam và cho quân đội Việt Nam trú đóng trên đất Lào. Ông ta cảnh cáo rằng mối liên hệ giữa hai nước chỉ có thể phát triển vì hữu ích chung của hai nước đó, không thể để cho nước khác dùng lãnh thổ của mình để chống nước khác.

Mặc dù có sự căng thẳng, ngoài mặt, còn hợp tác, Ieng Sary tới tham dự buổi tiếp tân do hoàng thân Souphanouvong tổ chức tại tòa đại sứ Lào. Theo kế hoạch, hoàng thân sẽ đáp máy bay DC-3 (sản xuất hồi đệ nhị thế chiến) tới Siem-Rep để thăm Đế Thiên Đế Thích nổi tiếng, đang bị hư nát. Một nhà ngoại giao Lào tháp tùng chuyên đi của hoàng thân sau này kể lại, đó là chuyến đi không thể quên được. Phi công là những thanh niên Khmer trẻ mới thụ huấn xong ở Trung Hoa. “Khi cất cánh và hạ cánh thật là rợn tóc gáy, cảm thấy khỏe vô cùng khi xuống tới đất.” (26)

Ngày 26 tháng 12, bốn ngày sau khi hoàng thân Souphanouvong từ Kampuchia trở về, bộ trưởng ngoại giao Việt Nam Nguyễn Duy Trinh dừng lại ở Vạn Tượng trên đường đi Indonesia. Souphanouvong kể vắn tắt cho Trinh về những điều trao đổi gay gắt với Pol Pot. Trinh lắng nghe chăm chỉ nhưng không nói với ông hoàng những gì Việt Nam đang làm: các đoàn xe tăng Việt Nam đang tiến vào lãnh thổ Kampuchia. Cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ ba - mà ông hoàng nước Lào hết sức muốn tránh - bắt đầu. Thế giới bên ngoài vẫn chưa hay biết gì.

Một lực lượng đáng kể, gồm bộ binh, pháo binh, sư đoàn bộ binh số 9 tinh nhuệ mở cuộc tấn công lớn trên 6 đường tiến quân vào Kampuchia với hai gọng kìm nhắm vào thủ đô Phnom Pênh. Quân bộ, T-54 và thiết vận xa tiến dọc theo đường số 1 và đường số 7 hướng tới Phnom Pênh. Sau này Hoàng Tùng giải thích với tôi, mục đích của Việt Nam “trước hết là đuổi chúng (Khmer Đỏ) ra khỏi lãnh thổ chúng tôi và sau đó tấn công vào các sư đoàn của chúng, làm cho chúng thấy rằng chúng tôi không phải là những kẻ thụ động như chúng nó tưởng, và nói với chúng rằng chúng tôi chọn một giải pháp khác với thương nghị.” (27)

Họ đạt được những mục tiêu đầu tiên không mấy khó khăn. Các lực lượng bộ binh Việt Nam được pháo binh yểm trợ tiến vào Kampuchia như lát dao cắt vào miếng bơ mềm. Hàng trăm lính Khmer Đỏ bị giết, bị thương trong các cuộc hành quân tìm và diệt của Việt Nam. Cái may mắn là những người bị thương được cáng tới Phnom Pênh. Mặc dù họ được đưa tới bệnh viện nhưng họ không tránh khỏi rủi ro. Một chiến dịch cho máu được vận động trong số cán bộ ít ỏi và gia đình sống ở vùng ngoại ô thủ đô vắng vẻ. Tình hình khẩn trương đó cho thấy những di hại mà Khmer Đỏ đã làm. Hàng trăm bác sĩ thuộc giai cấp tiểu tư sản đã bị đuổi về miền quê làm công việc lao động, nhiều người đã bị hành quyết. Bệnh viện bây giờ được điều hành bằng những người phản y khoa -những cậu bé nông dân trở thành “bác sĩ cách mạng”. Những cố gắng chuyển máu của họ trở thành tai họa. (28)

Chỉ có sự chống đối yếu kém ở những khu vực bị quân đội thiết giáp và hỏa lực Việt Nam đè bẹp. Một gọng kìm tấn công tiến tới gần Kompong Cham -một thành phố quan trọng trên bờ sông Mekong, có con đường đi Phnom Pênh. Một đạo quân khác thì tới bên ngoài thành phố Svay Riêng. Một số các đoàn quân thăm dò khác tiến vào lãnh thổ Kampuchia đập tan sức phòng ngự rải rác. Các đơn vị địa phương, gồm cả sư đoàn 4 dưới quyền chỉ huy của Heng Samrin tan tác trước sức tấn công của quân Việt Nam.

Các nhà lãnh đạo ở Phnom Pênh sững sờ trước sức tấn công của Việt Nam và bị kích động trước sự tan vỡ lực lượng của họ ở Khu Đông. Nhưng họ vẫn chưa sẵn sàng tiến tới hòa bình như Việt Nam hy vọng. Ngày 25 tháng 12 một buổi họp đặc biệt được triệu tập tại Phnom Penh gồm những cán bộ lãnh đạo Khmer Đỏ để quyết định gửi lực lượng tới tăng cường Khu Đông, và quan trọng hơn nữa, để bày tỏ phản ứng về cuộc tiến công của quân đội Việt Nam bằng đường lối chính trị. Với sự kiện quân đội Việt Nam chiếm đóng khu vực phía Đông Kampuchia là thời điểm tốt để tố cáo Hà Nội xâm lăng Kampuchia trước thế giới. Sự tố cáo công khai cuộc xung đột này kèm theo quyết định cắt đứt quan hệ ngoại giao với Việt Nam. Khmer Đỏ tuồng như không để ý đến vấn đề rút lui các lực lượng quân sự Việt Nam vì họ thích sử dụng đòn ngoại giao. “Chúng tôi nắm được họ trước. Nghe tin này, thế giới sẽ nhảy dựng lên.” Đó là cách các cán bộ Khmer Đỏ nói về những điều họ tố cáo Việt Nam.

## Vén lên bức màn che dấu chiến tranh

Kiều Minh, bí thư thứ nhất tòa đại sứ Việt Nam tại Phnom Pênh, có thói quen mở đầu công việc mỗi ngày bằng cách mở đài phát thanh Phnom Pênh để biết tin tức chế độ Pol Pot. Một bản dịch được in trên máy ronéo gửi tới cho tòa đại sứ vào buổi chiều. Minh, nói sôi tiếng Miên, thích nghe tin tức trên đài hơn là chờ tới buổi chiều để đọc bản tin bằng tiếng Pháp. Buổi sáng ngày 31 tháng 12/ 1977, có việc khác thường xảy ra. Thay vì bắt đầu bằng nhạc cách mạng và tin tức thì hồi 6 giờ đài phát thanh đưa ra lời thông báo đặc biệt. Chương trình bắt đầu bằng tuyên truyền chống Việt Nam với lời lẽ không bao giờ thấy trong “tình anh em các nước xã hội chủ nghĩa.”

Bài phát thanh nói: Nhìn vào hành động độc ác và dã man của Việt Nam xâm lăng nước Kampuchia Dân Chủ và nhân dân Kampuchia vô tội; nhìn vào thái độ bất thân hữu và ý đồ xấu xa của chính phủ nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam... Chính phủ nước Kampuchia Dân chủ quyết định tạm thời cắt đứt quan hệ ngoại giao với nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam kể từ 31 tháng 12 năm 1977 cho đến khi lực lượng xâm lược nước Cộng Hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam rút ra khỏi vùng đất thánh của Kampuchia Dân chủ, cho đến khi bầu không khí thân hữu giữa hai nước được văn hồi. (30)

Bốn giờ sau, quan chức bộ Ngoại giao Kampuchia đến đưa cáo thị trục xuất, nhân viên và quan chức Việt Nam phải rời khỏi Kampuchia trong vòng một tuần lễ. Ngày 3 tháng Giêng, Kiều Minh và các nhân viên khác rời Kampuchia về thành phố Hồ Chí Minh trên một chuyến bay đặc biệt. Đối với Minh, việc ra đi ấy cho thấy còn hơn là một buổi tiễn đưa ngắn ngủi. Một năm sau, Minh lại trở lại thành phố Phnom Pênh “giải phóng”, khi quân đội Cộng sản Việt Nam đã lật đổ chế độ Pol Pot. Nhân viên tòa đại sứ Kampuchia ở Hà Nội thì gặp số phận khác. Trước khi rời khỏi phi trường Hà Nội đi Bắc Kinh ngày 2 tháng Giêng, đại sứ Kampuchia So Kheang ôm hôn một quan chức ngoại giao Việt Nam. Hành động đó, do các viên chức ngoại giao Trung Hoa tại phi trường quan sát thấy, và cũng như những người khác được xem là thân Việt Nam, ông đại sứ này đã bị hành quyết sau khi trở về Phnom Pênh được ba tháng. (31)

Khmer Đỏ đúng. Thế giới cảm thấy kinh hoàng trước lời tố cáo của đài phát thanh Phnom Pênh. Chưa được ba năm sau khi chiến tranh Đông Dương lần thứ hai chấm dứt, một cuộc chiến tranh mới trong nội bộ các nước Cộng sản với nhau bùng nổ công khai, chấm dứt thời gian nói bóng gió và suy đoán về những vấn đề rắc rối giữa hai thế lực cựu đồng minh. Bất thần cán cân quyền lực ở Đông Nam Á đổi chiều.

Việc tính toán thời cơ để tố cáo Hà Nội của Khmer Đỏ quả thật đã làm cho chính phủ nước này hết sức bối rối bởi vì bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam mới đi thăm các nước Đông Nam Á, đề nghị thiết lập ngoại giao tốt đẹp với các nước này. Trong khi gia tăng cuộc tấn công ngoại

giao, rõ ràng Hà Nội không tính đến những phản ứng chung từ phía Kampuchia. Những cuộc phản công trước kia của Việt Nam chống Kampuchia, bao gồm cả không kích, thì Khmer Đỏ âm thầm chịu đựng. Nay ngọn đèn chiếu rọi vào việc này bắt thần bừng sáng lên, soi rõ cuộc chiến tranh bí mật giữa các đồng chí, Việt Nam vội vàng đưa ra lời tuyên truyền, cực lực tấn công Khmer Đỏ. Với một thứ ngôn ngữ thích ứng với sự lên án gay gắt của Khmer Đỏ, Hà Nội trình bày chi tiết về vô số tội trạng của chế độ Pol Pot và việc họ tấn công rất nhiều lần vào Việt Nam, trước kia được che dấu rất kỹ trước con mắt công chúng.

Không biết khi nào thì Pol Pot tham khảo ý kiến với Bắc Kinh hoặc Bắc Kinh chuẩn bị trước hành động chống Việt Nam. Chen Yonggui, người ít nói, nhận định về cuộc xung đột biên giới chỉ mười ngày trước đó, cho rằng việc Kampuchia tạm thời cắt đứt quan hệ ngoại giao với Việt Nam có thể được xem như đề thúc đẩy Trung Hoa thực hiện thêm một điều gì đó đối với Việt Nam. (32)

Những nhà lãnh đạo Kampuchia không ủng hộ công khi nhắc nhở Trung Hoa thực hiện tốt đẹp lời hứa viện trợ quân sự. Cũng phải hơn một năm rưỡi Bắc Kinh mới thực hiện một cách tích cực những gì họ đã hứa hồi tháng Hai/1976. Họ cũng không để mất cơ hội dù Đặng Tiểu Bình không cam kết gì về cuộc xung đột Miên-Việt. Tháng Mười/1977, trả lời câu hỏi của báo chí về cuộc xung đột này, Đặng nói: “Họ sẽ giải quyết với nhau. Điều chúng tôi mong muốn là họ thực hiện những cuộc thương nghị có hiệu quả tốt. Từ phía chúng tôi, chúng tôi không phán xét ai đúng ai sai.” (33) Sự thực là Đặng, người mà một năm trước đó bị Phnom Pênh lên án là tên “phản cách mạng”, đang củng cố vị trí của ông ta trong nội bộ đảng Cộng sản Trung Quốc, như có thể thêm lý do cho Pol Pot bày tỏ với Trung Hoa một việc đã rồi. (34)

Những nhà ngoại giao Trung Hoa ở Hà Nội bày tỏ đoàn kết với Kampuchia bằng cách tháp tùng nhân viên tòa đại sứ Kampuchia ở Hà Nội khi những người này lên máy bay Trung Hoa để về Phnom Pênh qua ngã Trung Hoa. Tuy nhiên, Bắc Kinh cũng không thoải mái khi thấy cuộc xung đột leo thang một cách đáng lo ngại và sự đoạn giao công khai giữa hai nước Đông Dương. Tân Hoa Xã đưa tin đầy đủ những lời kết án của Kampuchia đối với Việt Nam nhưng họ cũng đưa tin Việt Nam phản kích lại Kampuchia, tuy nói ngắn gọn. Trong khi mặc nhiên có thiện cảm với Kampuchia, Trung Hoa muốn giải quyết vấn đề bằng hòa đàm hơn là leo thang xung đột. Trung Hoa vẫn chưa sẵn sàng công khai gây áp lực với Việt Nam, bởi vì một điều thấy rõ là ngày 10 tháng Giêng/1977, họ còn ký một thỏa ước viện trợ lương thực hàng năm cho Việt Nam. Như các nhà phân tích Mỹ ghi nhận, vào lúc Trung Hoa có thể “trì hoãn thỏa ước nếu họ cảm thấy không bằng lòng Hà Nội” (35) Trung Hoa cũng thỏa thuận xếp đặt một cuộc họp giữa Việt Nam và Kampuchia -cũng chẳng có ích lợi gì như cuộc họp trước, hồi tháng Mười. (36)

Một cuộc thăm viếng Kampuchia khác được vội vàng xếp đặt. Lần này, ý kiến của Trung Hoa được một lãnh tụ có tiếng là nhà thương thuyết hòa giải mang đi, bà Đặng Dĩnh Châu. Trung Hoa không những quan tâm về sự an toàn của Kampuchia khi đối đầu với Việt Nam, có ưu thế vượt trội về quân sự và sự nguy hiểm cố hữu về chính sách khiêu khích của Kampuchia. Lo sợ chiến tranh, thấy quan hệ của Việt Nam với Moscow phát triển ngày một vững chắc, Trung Hoa không thể không biết tới khả năng Liên Xô liên hệ với Việt Nam nhiều hơn nếu Liên Xô công khai quan tâm đến cuộc xung đột Việt-Miên. Rõ ràng là vì quyền lợi, Bắc Kinh không muốn cuộc xung đột ở Đông Dương vượt khỏi tay họ. Tuy nhiên, bà Đặng Dĩnh Châu, khuyến khích Phnom Pênh tin tưởng thêm nữa vào Trung Hoa. Bà không chỉ là vợ góa của thủ tướng Chu Ân Lai, mà cái chết của ông ta không khỏi làm cho Khmer Đỏ cảm thấy vui, ông ta cũng là người bạn cũ của người lãnh đạo Kampuchia, thái tử Sihanouk, đang bị giam lỏng tại nhà ở Phnom Pênh. (37)

## Cái đuôi chó ve vẩy

Ngày 18 tháng Giêng, tháp tùng bằng một số đông người, gồm cả thứ trưởng Ngoại giao Trung Hoa Hàn Niệm Long và nhiều chuyên viên khác về Đông Nam Á, bà Đặng tới Phnom Pênh. Bà nhận được những lời khoa trương để che dấu nhiều thất bại nghiêm trọng. Từ mùa thu/1977, các nhà lãnh đạo Trung Hoa thúc đẩy Kampuchia mở rộng nền tảng chính trị và đưa ông Sihanouk trở lại sinh hoạt quốc gia. Bây giờ, họ lại từ chối lời yêu cầu không cho bà gặp thái tử. Bức thư của con gái thái tử, một vũ nữ biểu diễn trong một đại hý trường ở Paris, Bopha Devi nhờ bà trao cho thân phụ, vẫn chưa trao được.(38) Lời đề nghị của bà với Kampuchia nên thương nghị với Việt Nam để giải quyết sự xung đột cũng bị bác bỏ. Trong một bài diễn văn đọc công khai ở Phnom Pênh, bà Đặng Đình Châu xác quyết một lần nữa sự hỗ trợ của Trung Hoa đối với 5 nguyên tắc sống chung hòa bình như là “những nguyên tắc căn bản, qua đó, tất cả mọi quốc gia trên thế giới, gồm cả những nước xã hội chủ nghĩa, có thể căn cứ vào đó, cố gắng thiết lập các quan hệ giữa các quốc gia với nhau.” (39)

Trong đáp từ, chủ tịch quốc hội nhân dân Kampuchia Nuon Chea bảo đảm với bà Đặng rằng nhân dân Kampuchia “yêu nước một cách hợp lý và vững chắc nhất, không bao giờ khiêu khích hay có ý khiêu khích bất cứ ai. Tuy nhiên, một cách cương quyết, nhân dân Kampuchia sẽ chiến đấu chống lại những hành động cướp đoạt và lật đổ, có mục đích sắp đặt những cuộc đảo chính để lật đổ nước Kasmputhia Dân chủ, chống lại những hành động có mục đích chiếm dần vùng biên giới, và tất cả những hành động xâm lược và bành trướng từ bên ngoài.” (40)

Coi như việc bác bỏ đề nghị của Trung Hoa thế vẫn chưa đủ, Phnom Pênh thực hiện thêm một bước không cần thiết, hé lộ sự phê phán Trung Hoa trong khi bà Đặng vẫn còn ở Kampuchia. Vào chiều ngày 20 tháng Giêng, ngay sau khi bà Đặng rời thủ đô đi Angkor trên đường trở về nước, đài phát thanh Phnom Pênh đưa ra một bài bình luận nhan đề “Nhân dân Kampuchia cương quyết giữ vững nền Độc lập, Tự chủ, Tự tin, phân biệt rõ Bạn và Thù trên toàn thế giới.”

“Kampuchia là một nước nhỏ và nghèo, dân cư thưa thớt. Tuy nhiên” bài bình luận xác quyết “dưới sự lãnh đạo của đảng Cộng sản Kampuchia, nhân dân rất can đảm.” Trước sự viện trợ đáng kể của Trung Hoa, nhân dân Kampuchia chiến đấu “chính là do cố gắng của chính họ.” “Đối đầu với sự xâm lăng và bành trướng của Việt Nam, Kampuchia cần bạn hữu nhưng chỉ với ai đối xử với Kampuchia trên sự bình đẳng”. Bài bình luận ám chỉ sức ép của các nước bạn mạnh hơn: “Chúng ta phân biệt bạn tốt và bạn xấu. Chúng ta tôn trọng và yêu mến những bạn bè tốt, những ai tôn trọng độc lập, quyền cai trị và toàn vẹn lãnh thổ của Kampuchia, những ai đối xử ngang chân (bình đẳng) với chúng ta. Tuy nhiên, tiêu chuẩn bằng hữu không đặt trên căn bản giúp đỡ vật chất. Tình bạn hữu đó đặt trên nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, trên tình cảm đoàn kết phù hợp với nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ quyền hạn mỗi nước, dù lớn hay nhỏ, mỗi nước tự điều hành sinh hoạt của nước đó vậy...” (41)

Pol Pot xem thường quan điểm hẹp hòi của Bắc Kinh. Mùa Đông năm 1977, Trung Hoa quan tâm đến cái được gọi là chính sách hòa dịu của chính quyền Carter đối với Moscow. Bắc Kinh thấy không nên khiêu khích Moscow bằng cách công khai ủng hộ Pol Pot chống lại Việt Nam. Tuy nhiên khi Kampuchia bày tỏ phản ứng, có thể nguy hại đến liên minh quan trọng nhất của họ ở Đông Nam Á, Bắc Kinh quyết định từ bỏ thắng lợi chiến thuật để bảo trì thuận lợi chiến lược. Có thể những phần tử tả khuynh trong đảng Cộng sản Trung Hoa cũng miễn cưỡng gây áp lực với đồng minh cách mạng vì sự khác biệt chiến thuật.

Những quan tâm khác, chẳng hạn như sự gia tăng Sô-Việt hợp tác, Liên Xô tán công tuyên truyền vào Trung Hoa vì chính sách ủng hộ của họ cho Kampuchia, và vấn đề thiếu số người Hoa đang cư trú ở Việt Nam -phải tranh luận để từ bỏ thế đứng trung lập của họ, Ủy viên bộ Chính trị Grigory Romanov thực hiện chuyến đi bất thần tới Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh hồi giữa tháng Hai. Sự việc này tiếp nối lời phát biểu của Việt Nam ngày 21 tháng Hai

công khai tố cáo Trung Hoa. Một bài bình luận của đài phát thanh Hà Nội tố cáo có một thế lực vô danh đã dùng Kampuchia để chống Việt Nam. Việc sử dụng những danh từ bịa đặt mới với Trung Hoa, như là “bọn phản động đế quốc và quốc tế đã giúp cho chúng nó (Kampuchia) xây dựng và tập hợp mau chóng hàng chục sư đoàn trang bị pháo binh hạng nặng và máy bay mà trước đó Kampuchia không có. (42)

Vì bị Pol Pot lập mưu hay vì Việt Nam tái hoạch định kế hoạch quân sự, Bắc Kinh vội vàng từ bỏ cố gắng thương thảo với Hà Nội. Trong khi tàu chở hàng của Trung Hoa bắt đầu chuyên xuống cảng Kompong Som đại pháo 130ly tầm xa, súng chống chiến xa, và xe lội nước, Bắc Kinh tự rời bỏ thái độ trung lập. (44) Trong bài diễn văn đọc ngày 26 tháng Hai, thủ tướng Hoa Quốc Phong chính thức khước từ điều họ khởi xướng trước đó là Năm Nguyên tắc Sống chung Hòa bình. Ông ta nói, rõ ràng là với Việt Nam trong trí “Không một nước nào có thể muốn làm tiểu bá ở trong vùng hoặc đặt định ý kiến của mình lên người khác. Dù đối xử ngang chân nhau (bình đẳng) hoặc tìm cách làm bá chủ là tiêu chuẩn hàng đầu, qua đó chúng tôi muốn nói với họ rằng khi nào họ có thể sống theo năm nguyên tắc sống chung hòa bình.” (44)

Đầu tháng Giêng/1978, trong khi chiến tranh tuyên truyền là phương cách được Phnom Pênh và Hà Nội hết lòng theo đuổi, thì các bộ phận của ba sư đoàn trung tâm dưới quyền chỉ huy của ba người chỉ huy dũng cảm Khmer Đỏ - Bộ trưởng Quốc phòng Son Sen, Chỉ huy trưởng khu Trung Tâm Ke Pauk và chỉ huy trưởng Khu Tây Nam Ta Mok bắt đầu di chuyển về phía Đông. Tuy nhiên trước khi các sư đoàn này đụng độ với quân đội Việt Nam thì họ lại được lệnh rút về vị trí cũ.

Để che dấu sự thất bại đầu tiên, Khmer Đỏ tăng cường công tác tuyên truyền, cho rằng việc quân Việt Nam rút lui là “một thắng lợi lịch sử vĩ đại” của Kampuchia. Ngày 6 tháng Giêng được tuyên bố là ngày lịch sử, ngày ghi đậm nét chữ đỏ khi quân đội Việt Nam hùng mạnh đã bị quân Khmer Đỏ cắt làm nhiều mảnh. Để kỷ niệm chiến thắng này, các nhà ăn cộng đồng phục vụ thêm một đĩa cơm cho cán bộ ở Phnom Pênh. Nhiều câu chuyện được thuật trong các buổi họp đông người mô tả các chiến sĩ anh hùng đã diệt hàng chục xe tăng Việt Nam, đập tan chúng nó như đập vỡ đĩa đựng cơm vậy. (45)

Tuy nhiên, chẳng bao lâu sau lễ chiến thắng là một đợt giết người mới. Lãnh đạo trung ương lý luận nếu Việt Nam thành công trong việc xâm nhập sâu vào lãnh thổ Kampuchia 25 dặm và hàng ngàn người trốn chạy qua Việt Nam, là do chính quyền khu Đông hoàn toàn phản bội. Chỉ một thời gian ngắn sau cuộc xâm lăng của Việt Nam thì tư lệnh Sư đoàn 4 của Khmer Đỏ bị một nhân viên an ninh địa phương trung thành với Pol Pot bắn chết. (46)

Bằng giọng điệu xuyên tạc quen thuộc, đài phát thanh Phnom Pênh tuyên bố nhiệm vụ mới bây giờ là bảo vệ “văn phòng và các bộ bằng cách diệt trừ kẻ thù được cài lại bên trong cũng như kẻ thù xâm lược bên ngoài.” Nhân dân phải “bằng mọi giá, loại trừ ra khỏi đầu óc mình tất cả những tàn dư do xã hội đế quốc, phản động, phong kiến, tư bản để lại cũng như tất cả những giai cấp áp bức khác... từ bỏ những quan điểm vô trách nhiệm... từ bỏ mọi thứ tư hữu, quan điểm chiếm hữu của chủ nghĩa cá nhân... và xây dựng đất nước với một tốc độ vô cùng mau lẹ...” (47) Thể hiện chính sách này có nghĩa là làm việc nhiều giờ hơn, ăn ít đi và gia tăng phát giác những phần tử có tư tưởng sai lầm. Khó khăn nhất là tại những tỉnh đã bị Việt Nam xâm nhập.

Một đợt thanh trừng mới và tàn ác - hầu hết nạn nhân là những cán bộ Khmer Đỏ và gia đình bị nghi ngờ - bắt đầu từ tháng Giêng 1978, đạt đến cao điểm trong cuộc chống đối bất thành hồi tháng Năm và sau một cuộc tàn sát lớn lao. Tên đao phủ đứng đầu cuộc thanh trừng đẫm máu này là tên thân cận được Pol Pot tin tưởng nhất, cựu lãnh đạo Cộng sản Ta Mok, một tên nông dân cao lêu nghêu, hói đầu và mắt sắc. Tên của y trở thành mối kinh hoàng của người dân và binh lính của y là những tên tàn ác nhất. Dưới quyền chỉ huy của y, quân đội khu Tây Nam thỏa thích giết người ở phía Đông Kampuchia, rồi sau đó lan tràn ra cả nước, trở thành một chế độ gia tăng vây hãm dân lành, tiếp tục săn tìm những kẻ thù còn trốn tránh. (48)



Trong khi chế độ Pol Pot thực hiện cuộc thanh trừng ở mọi cấp, xây dựng và tập hợp lực lượng võ trang lại thì các nhà lãnh đạo Việt Nam lo chuẩn bị chiến đấu.

## Kế hoạch của Hà Nội đối với Kampuchia

Kể từ ngày thống nhất đất nước năm 1975, mỗi mùa Đông các nhà lãnh đạo Việt Nam thường rời Hà Nội lạnh và sương mù để vào miền Nam nắng ấm. Họ đi thăm các nhà máy, các hợp tác xã, các đơn vị quân đội, đem lời chào mừng nhân dịp tết Nguyên đán và nói một cách tự hào về “nhiệm vụ huy hoàng xây dựng xã hội chủ nghĩa”. Những cuộc thăm viếng này cũng dành cho họ những ngày nghỉ ngơi nơi vùng có khí hậu tốt. Tuy nhiên, năm 1978 thì khác hẳn. Miền Nam không chỉ là nơi lui về nghỉ ngơi mà còn là nơi đề hoạt động nữa. Cuối tháng Giêng 1978, các ủy viên bộ Chính trị đảng Cộng sản VN họp tại thành phố Hồ Chí Minh để kết thúc một loạt các buổi họp quan trọng. Việc Khmer Đỏ đoạn giao làm cho họ bị kích động. Cuộc xung đột Việt Nam hết sức dấu kín thì nay xuất hiện trên những trang đầu báo chí thế giới, và điều hoàn toàn bất ngờ là Việt Nam bị tố cáo âm mưu nuốt trọn nước láng giềng nhỏ bé. Người anh hùng ngày hôm qua chiến đấu “chống đế quốc” thì ngày hôm nay bị gán cho vai trò là một tiêu đề quốc.

Các lãnh tụ trong bộ Chính trị họp bí mật, xem xét lại kết quả cuộc tấn công Kampuchia hồi tháng 12/1977. Họ đã làm cho bọn Khmer Đỏ thất điên bát đảo, tuy nhiên, không có chứng cứ gì rằng chiến thắng của họ có thể làm nguy hại tới vai trò lãnh đạo của Pol Pot. Thành quả quân sự của Việt Nam không tạo ra động cơ đảo chánh Pol Pot cũng không có gì thách thức tới vai trò lãnh đạo của y. Nhưng Việt Nam đã thành công trong việc kéo về với họ sáu chục ngàn người tỵ nạn Kampuchia. Sau năm 1975, ba trăm ngàn người tỵ nạn Kampuchia, Việt Nam và Trung Hoa đã trốn chạy khỏi Kampuchia tới Việt Nam. Hà Nội giữ im lặng việc này. Nay loạt người tỵ nạn mới này, theo chân quân đội Việt Nam trốn chạy khỏi Kampuchia, trở thành một chứng cứ mới cho thế giới thấy rõ thêm chế độ Pol Pot ở Kampuchia. Cao Ủy Tỵ nạn Liên Hợp Quốc được yêu cầu giúp đỡ cho những người tỵ nạn này.

Tháng Ba năm 1978, tôi đi thăm trại tỵ nạn Bến Sanh ở tỉnh Tây Ninh, trại dành cho những người từ Kampuchia mới trốn sang. “Trại” là một vùng đất bụi khô cằn với những cụm nhà vách tre lợp lá. Cuộc gặp gỡ không được sắp đặt trước với người Kampuchia ở đây cho tôi thấy rõ họ thuộc một loại người tỵ nạn khác biệt. Về phía Việt Nam, trong trí họ không có gì khác hơn là vì nhân đạo mà họ dành cho những người tỵ nạn này một chỗ nương thân. Tôi hỏi một cô giáo trẻ do phía Việt Nam giới thiệu để nói chuyện với báo chí về những điều độc ác đang xảy ra trong xứ Kampuchia: “Cô có muốn về lại Kampuchia không?” Cô ta trả lời bằng một thứ tiếng Pháp không sỏi lắm: “Vâng, khi toàn bộ đất nước tôi đã được giải phóng.” Ai giải phóng? Trước thái độ không được thoải mái của quan chức Việt Nam, cô ta trả lời: “Tại sao? Quân đội Việt Nam.” Có lẽ cô ta không biết việc quân kháng chiến Kampuchia đang được thành lập tại Việt Nam. Tuy nhiên, những người Khmer khác ở trong trại nói riêng với tôi vài ngàn người lính mới, đàn ông và đàn bà từ trại Bến Sanh được đưa đi chiến đấu chống lại chế độ Pol Pot. Do đó, trong khi Cao Ủy Tỵ nạn LHQ bắt đầu chương trình nuôi ăn người dân trong trại thì quân đội Việt Nam được giả làm người Khmer. Rõ ràng Việt Nam đã cải tiến ngay cả tư tưởng Mao về chiến tranh nhân dân, trong đó, du kích với dân cũng giống như cá ở trong nước, được dân giúp đỡ.

Trong cuộc họp tháng Giêng, Lê Đức Thọ, “một người trong Bộ Chính trị của Kampuchia cũ”, nắm vai trò lãnh đạo cuộc thảo luận thực hiện những bước mới trong việc đối đầu giữa Việt Nam và Kampuchia.

Những cuộc thảo luận gay gắt với các nhà lãnh đạo Trung Hoa hồi tháng 11/1977 thuyết phục Lê Duẩn rằng “họ” - như bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Cơ Thạch, có tham gia buổi họp,

nói với tôi sau này: - “dùng Pol Pot chống lại chúng tôi.” Quyết định của Khmer Đỏ cắt đứt quan hệ với Việt Nam chỉ hai tuần sau khi một ủy viên bộ Chính trị Trung Hoa thăm viếng Kampuchia, thúc đẩy Việt Nam chuẩn bị can thiệp lớn hơn. Thạch nói: “Trong khi Pol Pot cắt đứt quan hệ ngoại giao với chúng tôi, chúng tôi biết Trung Hoa đã chuẩn bị chiến tranh. Vì vậy, chúng tôi phải xem xét hết mọi mặt.” “Mọi mặt” đó là sự chuẩn bị quân sự và quan hệ ngoại giao “rách nát” với Hoa Kỳ và các nước không Cộng sản ở Đông Nam Á. Đã đến lúc Việt Nam phối hợp áp lực quân sự và công khai kêu gọi nhân dân nổi dậy chống Kampuchia. Việc chuẩn bị đó bắt đầu bằng cách thành lập lực lượng kháng chiến Khmer trong khi Việt Nam cố gắng tái lập quan hệ ngoại giao với Pol Pot.

Hai tuần sau, Việt Nam đề nghị một bản dự thảo hiệp nghị. Ngày 5 tháng Hai/1978, đài phát thanh Hà Nội đề nghị ba điểm với Kampuchia, kêu gọi hai bên cùng rút lui xa đường biên giới khoảng ba dặm, ký một thỏa ước bất tương xâm có quốc tế giám sát. Một quan chức Việt Nam sau này nói thêm với tôi: “Chúng tôi biết Khmer Đỏ chẳng bao giờ chấp thuận đề nghị đó, nhưng ít ra chúng tôi cũng có thể đổ tội cho họ là đã từ chối thương nghị.” Đề nghị của Việt Nam được phổ biến một cách rộng rãi và Liên Xô lên tiếng ủng hộ đề nghị này cho rằng đó là đề nghị “hợp lý nhất.” Y như Việt Nam muốn, Phnom Pênh tỏ vẻ khinh miệt đề nghị này, cho đó là cố ý đe dọa Kampuchia và làm thay đổi sai lạc nhân quan của thế giới.

Cuối tháng Giêng/ 1978, tướng Grigoriyevich Pavlovsky, chỉ huy trưởng lực-lượng lục quân Liên Xô đến Lào trên một chuyến bay đặc biệt để “thăm viếng thân hữu”. Bộ trưởng Quốc phòng Võ Nguyên Giáp bay tới Vieng Say, ở phía bắc Lào, bí mật họp với Pavlovsky để xem xét lại tình hình Kampuchia. Nhiều năm sau, một quan chức Việt Nam kể lại với tôi, lời khuyên cáo của tướng Pavlovsky là “làm như ở Tiệp khắc.” Trung Hoa không đủ sức để tới Kampuchia giúp đỡ nước này. Việt Nam cứ cho nhiều đoàn chiến xa đánh thẳng vào Phnom Pênh và lật đổ chế độ Pol Pot, giống như phương cách trước đây quân đội Liên Xô lật đổ Alexander Dubcek ở Prague năm 1968. Giáp tránh không làm theo đề nghị đó. Quan chức nói trên nói với tôi Việt Nam giải quyết vấn đề “theo chính phương cách thích hợp của họ.”

## Sự hình thành Quân Giải Phóng Khmer

Bộ chính trị họp một lần nữa hồi giữa tháng Hai ở vùng ngoại ô thành phố Hồ Chí Minh, tại một vùng biệt lập trước kia là Học viện Cảnh sát của chế độ Thiệu. Cuộc họp nhằm nghiên cứu những vấn đề then chốt trong kế hoạch thành lập đảng Cộng sản Kampuchia và tổ chức kháng chiến chống Pol Pot. Một thời gian ngắn sau cuộc họp, Lê Duẩn và Lê Đức Thọ họp riêng với những cán bộ đảng Cộng sản Kampuchia sống lưu vong ở Việt Nam từ năm 1954 và những người mới trốn khỏi các cuộc thanh trừng của Pol Pot đang nung nấu ở Việt Nam. (49)

Theo Hiệp định Genève, khoảng vài ngàn người Khmer tập hợp tại Hà Nội. Số đông đã trở lại Kampuchia tham gia cuộc kháng chiến chống Mỹ. Cỡ một chục người còn ở lại Bắc Việt Nam. Một số ít sống sót sau chiến tranh và sau các cuộc thanh trừng. Vì thế, số ứng viên được nhắm để đóng vai trò lãnh đạo hồi tháng Hai chỉ là một nhóm nhỏ sống sót. Đó là các ông Pen Sovan, một cán bộ 45 tuổi, năm 1954 đến Bắc Việt Nam cùng với hàng ngàn người khác, theo học trường đảng và quân sự ở Hà Nội và đóng lon thiếu tá trong quân đội Việt Nam CS. Chan Si và Khang Sarin, những thiếu tá trong quân đội Việt Nam CS; Tang Saroem, một người Khmer lưu vong, đang làm giám thị ở mỏ than Hòn Gay, Keo Chanda, phát ngôn viên chương trình Khmer của đài phát thanh Hà Nội; Chea Soth, biên tập viên Thông tấn xã Việt Nam. Cùng với họ là những người trốn từ Kampuchia sang, các cán bộ chính trị như Heng Samrin, Yos Por, Hun Sen và Bou Thang.

Lôi ra từ những văn phòng vô danh và từ trong trại tỵ nạn, bắt thần họ được trình diện trước các nhà lãnh đạo chớp bu Việt Nam, những người trước kia họ chỉ thấy trên tranh ảnh mà thôi. Nhờ vận may, họ trở thành những nhà lãnh đạo của nước Kampuchia mới đang còn trong bào thai. Lê Đức Thọ nói với họ rằng đã đến lúc phục hồi quan hệ và hợp tác đã có giữa hai đảng Cộng sản Việt Nam và Kampuchia, phát triển cấu trúc chính trị và quân sự của phong trào kháng chiến mới cho Kampuchia. (50)

Suốt trong tháng Ba/1978, thăm trại tỵ nạn Khmer, tôi gặp một trong những người lãnh đạo như thế mà không rõ vai trò của họ trong chiến lược của Việt Nam. Khi đoàn truyền hình đang quay phim một phụ nữ nói về đời sống dưới chế độ Pol Pot; hàng trăm đồng bào của bà ta đang tụ tập chung quanh, tôi lên ra ngoài nói chuyện với vài người Khmer mà không có người Việt Nam đi kèm tôi. Thong Pak, một quan chức của chế độ Lon Nol cũ, nói thâm vào tai tôi về một khóa học chính trị buổi tối để chuẩn bị chiến đấu chống lại Pol Pot. Ông này chỉ cho tôi thấy một người lùn, mập, đội cái mũ cối quân đội: “Chính ông ta, ông Đức. Ông ta là giảng viên chính trị.”

Mặc áo trắng ngắn tay, quần kaki, dép nhựa, khuôn mặt tròn. “Ông Đức” hơi có vẻ e ngại một chút khi tôi tới gần để hỏi về cuộc đời của ông. Ông ta ngại ngùng khi nói chuyện với người lạ. Mặc dù ông ta có vẻ là người Việt và có bộ tịch như cán bộ Cộng sản Bắc Việt Nam, nhưng ông ta là người có dòng máu Khmer trăm phần trăm, một cán bộ cũ của đảng Nhân dân Cách mạng Kampuchia. Giống như hàng ngàn cán bộ đảng khác, ông ta tới Hà Nội năm 1954 theo Hiệp định Genève. Năm 1971, ông ta trở lại Kampuchia tham gia cuộc kháng chiến chống Lon Nol. Tuy nhiên, chỉ trong vòng 3 năm ông ta phải chạy trở lại Việt Nam để trốn tránh cuộc thanh trừng của Pol Pot. Sau ba năm sống như một nông dân trong một làng ở đồng bằng sông Cửu Long, “Đức” nói, ông ta quay trở lại theo tiếng gọi của Cách mạng. Nhiệm vụ của ông ta là huấn luyện các tân binh và cán bộ trong số những người tỵ nạn để chống lại chế độ Pol Pot. Ba năm sau nữa, ở Phnom Pênh, tôi khám phá ra Yos Por, người lãnh đạo ở Mặt trận Đoàn kết Cứu nguy Quốc gia Kampuchia mới (Kampuchean National United Front for Salvation- KNUFNS), người có nụ cười cương quyết, mặc bộ quần áo màu sáng, đeo cái đồng hồ vàng to, chẳng ai khác hơn là “Ông Đức” ở trại Bến Sanh; khác hẳn với điều mong muốn trở thành một nông dân trong vùng đồng bằng sông Cửu Long, ông ta trải qua ba năm ở Hà Nội trước khi nhận nhiệm vụ này.

Chỉ bốn tháng sau khi ngoại giao với Kampuchia bị cắt đứt, một loạt các trại bí mật được dựng lên ở miền Nam Việt Nam để huấn luyện cho du kích Khmer. Các nhà lãnh đạo ở Hà Nội thực hiện những điều họ cho là tốt đẹp nhất. Có điều mai mỉa là trong khi chuẩn bị cuộc “giải phóng” thứ hai cho Kampuchia, họ đã làm đầy đủ những điều mà kẻ cựu thù họ đã làm - Hoa Kỳ và chế độ Thiệu để lại. Học viện cảnh sát Thủ Đức, cách ly bởi những bức tường cao có rào kẽm gai ở vùng ngoại ô thành phố Hồ Chí Minh, trở thành căn cứ chính và bí mật khi đảng Cộng sản Khmer còn sơ sinh. Những căn cứ quân sự cũ của Mỹ ở Xuân Lộc và Long Giao gần thành phố Hồ Chí Minh và căn cứ trực thăng Vị Thanh ở đồng bằng sông Cửu Long, bí mật trở thành những căn cứ mới để mở ra cuộc chiến bí mật chống Pol Pot.(51). Ngày 22 tháng Tư/1978, Binh đoàn thứ nhất của quân đội kháng chiến được trao quyền trong một buổi lễ bí mật. (52) Tới cuối năm 1978, vài binh đoàn như thế sẵn sàng tham gia với quân đội Việt Nam trong cuộc tiến công chống lại Kampuchia.

Cùng với sự chuẩn bị bí mật, Hà Nội cũng gia tăng bộ máy tuyên truyền. Trong khi báo chí và đài phát thanh Việt Nam đưa ra vô số bản tường trình về những hành động sai lầm của Khmer Đỏ, mở rộng cửa cho báo chí ngoại quốc. Trong khoảng hai năm sau khi tôi rời Saigon, chỉ có hai lần tôi tới Việt Nam vì thơ mời và điện tín của nước chủ nhà. Bây giờ thì mới có ba tháng tôi lại được mời trở lại đây. Chẳng bao lâu sau khi tôi tới Hà Nội, ngày 4 tháng Ba/ 1978, các quan chức Việt Nam cho tôi thấy rõ mục đích của chuyến đi này là để biết toàn bộ vấn đề Kampuchia. Tôi không muốn tìm thăm các quan chức trong Ủy ban Kế hoạch Nhà nước hoặc

thăm viếng các hợp tác xã ở lưu vực sông Hồng Hà. Phạm văn Cương, một quan chức có nhiệm vụ hướng dẫn các đoàn báo chí thăm viếng Việt Nam nói với tôi: “Anh phải hiểu một cách rõ ràng nguồn gốc vấn đề của chúng tôi với Kampuchia.”

Người được Hà Nội chọn để dùng mưu mẹo trong việc xử dụng chiến tranh tuyên truyền chẳng ai khác hơn là thứ trưởng bộ Ngoại giao. Ngày 5 tháng Ba, ông ta mời tôi và hai nhà báo châu Âu -Roland Pierre Paringaux của báo Le Monde và Karel Van Wolferen của NBC Handelsblad tới ăn cơm riêng và nói chuyện. Lời mời này làm tôi nhớ lại những kỷ niệm cũ vào một sáng thứ bảy năm 1974-75, tôi tìm đường lên vào trại David ở trong phi trường Tân Sơn Nhứt ở Saigon có lính gác rất chặt chẽ. Theo Hiệp định Paris 1973, các cuộc họp báo được tổ chức hằng tuần do một đại tá Việt Cộng mặc bộ đồ xanh lá cây chủ tọa. Mặc dù đại diện Việt Cộng của Chính phủ Cách mạng Lâm thời ở Saigon khó khăn trong việc duy trì cuộc ngưng bắn - mục tiêu giả của họ - báo chí được mời đến uống trà, nước ngọt, và đôi khi được uống rượu để hiệu “Lúa Mới”. Người thường họp và uống rượu với báo chí là đại tá Giang, chủ nhân bữa tiệc mời chúng tôi tối hôm đó.

Hai gò má sâu, mắt nhỏ như hạt nút và sáng, Giang có vẻ hơi ốm, mặc áo trắng, trông già dặn. Ông ta nói thông thạo cả ba thứ tiếng Pháp, Anh và Tây Ban Nha - một thời ông ta phục vụ tại tòa đại sứ chính phủ Cách mạng Lâm thời ở Cuba. Ông ta có vẻ dịu dàng, che dấu được nét hắc hác trong cuộc đời cách mạng gian khổ. Rõ ràng đây là cơ hội gặp “người bạn cũ tại những ngày ở Tân Sơn Nhứt”. Trong ba giờ liền, một mình ông ta nói tới những điều đáng buồn về cuộc xung đột huynh đệ tương tàn và những lời đã kích chua cay Pol Pot, và cả những người ngoại quốc đứng đằng sau ủng hộ ông này. Giang tiết lộ một số sự việc xung đột mà trước kia chưa ai nói tới.

Tại thành phố Hồ Chí Minh, một người có nhiệm vụ tiếp xúc với báo chí ngoại quốc, Bùi hữu Nhân, đưa ra tấm vé du lịch để trông:

“Ông có thể đi bất cứ nơi đâu dọc theo biên giới Miên Việt, đến khi ông thỏa mãn những điều ông biết về vấn đề này thì thôi.” Những lời mời công khai như vậy, rõ ràng là muốn đạt kết quả tới mức tối đa đối với những nhà báo còn bị quan, để biết rằng Việt Nam chẳng có gì giấu họ hết, cho họ biết sự thực về những nạn nhân của các cuộc tấn công của Khmer Đỏ, và không như Pol Pot tố cáo, không có gì gọi là Việt Nam muốn bành trướng cả.

Tỉnh Tây Ninh là nơi đáng nôn nóng để tới hơn hết. Thành phố rải rác với những chòi tạm trú -sát trên vỉa hè thành phố, kê những công thự, và trên đất tư của nhà dân. Phía bắc thành phố, cách biên giới Kampuchia vài dặm là làng Tân Lập, với những dãy nhà tranh vách đất bị cháy rụi, nằm dọc hai bên con đường đất. Đây là chứng cứ cuộc tấn công của Khmer Đỏ sáu tháng trước. Đây là cái làng Sandor Gyori đã bị tịch thu phim ảnh chụp về cuộc tàn sát của Khmer Đỏ. Bây giờ chúng tôi nói chuyện với bà Nguyễn Thị Cư không khó khăn gì, bà là một trong số ít người sống sót ở trong làng. Bà ta khóc nức nở khi kể lại cuộc tàn sát. Ngoại trừ người anh (em) bị thương trong cuộc tấn công, bảy người trong gia đình bà đều bị giết. Bà cũng như người anh (em) nằm chui vào đồng xác người và giả vờ chết.

Dọc theo biên giới, chúng tôi còn thấy nhiều làng mạc hoang tàn, những ruộng lúa bỏ hoang, và hàng trăm ngôi mộ. Chúng tôi nghe những người sống sót thuật lại những câu chuyện dông dài về những tội ác như thời trung cổ. Trí óc tôi chẳng còn nghi ngờ gì về sự thực cuộc xung đột cay đắng mà đã lâu, Việt Nam muốn dấu kín thế giới. Dù có cho rằng Hà Nội sắp đặt để chúng bày cho báo giới thì những chứng cứ này cũng đã quá rõ ràng.

Tuy nhiên, tất cả những điều tôi thấy hôm đó cũng không cho tôi biết mới đây có những cuộc tấn công lớn bằng mức độ cuộc tấn công năm ngoái. Sự thực, tôi thêm nghi ngờ bây giờ chủ động là phía Việt Nam. Dầu sao, ai có thể giải thích được tại sao bây giờ chúng tôi có thể thành thoi khi đứng sát biên giới. Những dấu xích chiến xa trên con đường đất gần biên giới tỉnh Tây Ninh với Kampuchia và một chiếc xe vận tải nhà binh chở đầy bắp cải đậu sát biên giới - rõ ràng

là chở đồ tiếp liệu cho binh sĩ- những thứ đó cho thấy quân đội Việt Nam đã tiến sâu vào nội địa Kampuchia ở những nơi có thể tiến được, họ đã đẩy một “cordon sanitaire” -hàng rào y tế - vào bên trong lãnh thổ Kampuchia. Tình hình này tạo cho người ta lòng tin về an ninh, để có thể đưa giới báo chí quốc tế ra tận biên giới xem xét chứng cứ sự cướp bóc của Khmer Đỏ.

Điều nghi ngờ Việt Nam ngưng chiến tranh tuyên truyền đã được chứng minh trong chuyến thăm làng An Phú thuộc tỉnh Châu Đốc. Rõ ràng là làng vừa bị Khmer Đỏ pháo kích và tấn công hai ngày trước đó. Dấu hiệu của sự tàn phá còn rõ. Dân làng đang kiếm tìm đồ đạc của họ trong những căn nhà bỏ hoang sau khi được đưa đến nơi tạm trú.

Tuy nhiên, có ai đó quyết định cho các nhà báo tiểu tư sản ưa đi tìm cảm giác, biết một chút hành động của họ. Một vài người trong số chúng tôi hơi bi quan về việc các trái pháo đang rít ở trên đầu khi nó từ bên phía lãnh thổ Kampuchia bắn sang. Một lúc sau, người thông dịch viên của tôi - đi theo từ Hà Nội, tên Huỳnh văn Tâm - gọi: “Chúng ta tới bìa làng, có thể thấy họ đang đánh nhau.” Chúng tôi được cho mượn ống nhòm và biểu hãy nhìn vào hàng cây bên kia cánh đồng lúa. Chỗ đó là biên giới với Kampuchia. Một người lính Việt Nam đi theo chúng tôi đứng bên bụi tre, nói vào máy truyền tin ông ta mang trên lưng. Bỗng nhiên, ông ta la to lên: “Xuống hầm ngay.” Máy giây sau có tiếng trái pháo bắn đi từ phía sau lưng chúng tôi, tiếp sau là tiếng đạn rít và có tiếng nổ ở phía hàng cây chúng tôi đang quan sát. Tiếng người sĩ quan cau có: “Bọn Khmer đang tấn công.” Ông ta chẳng lưu tâm núp đạn. Rồi vài loạt đạn bắn tới và tiếng súng nổ. Chúng tôi lại được yêu cầu núp đạn. Một trái đạn khác rít trên đầu chúng tôi và nổ ở phía hàng cây.

Chúng tôi cười vì cho rằng đó là cố gắng của họ muốn gây ấn tượng cho chúng tôi. Một quan chức đi theo chúng tôi từ thành phố Hồ Chí Minh mặt dài ra. Tình hình thiệt là tệ hại vì Pol Pot chẳng phản ứng gì để bên phía Việt Nam có cơ mở một cuộc tấn công khác trong khi các nhà báo đang có mặt ở đây. Chúng tôi biết ra điều ấy thì đã quá trễ.

Chưa tới một trăm dặm phía trước, ở một chỗ khác trên biên giới, một trận chiến thực sự đang xảy ra để đánh đuổi quân Khmer Đỏ đang mở cuộc tấn công.

Ba ngày sau, tại khách sạn ở thành phố Hồ Chí Minh, tôi lại được Tâm đánh thức dậy bất thường. Tâm báo cho tôi biết trong vòng một giờ nữa, các nhà báo phải có mặt tại phi trường Tân Sơn Nhứt để đi thăm một chỗ chưa được thông báo.

Một số đồng nhà báo đang ở phi trường Tân Sơn Nhứt, có các nhà báo phương Tây, Cuba, một toán quay phim người Ba lan, một số phóng viên nhiếp ảnh và quay phim Việt Nam. Tất cả đi Hà Tiên. Tim tôi muốn ngất xỉu khi thấy phương tiện di chuyển. Nó giống như một con quái vật thời tiền sử: Một chiếc trực thăng Chinook xơ xác. Màu sơn lá cây đã bạc. Chỉ có cái nét vẽ còn lại trên chiếc máy bay hạng nặng cũ kỹ này của quân đội Mỹ để lại sau khi rút đi là dấu hiện ngôi sao vàng đỏ của không quân Việt Nam trên thân máy bay. Hai cái cửa sổ là hai cái lỗ. Mấy sợi giây điện xoắn vào nhau treo lửng lơ trong thân máy bay. Dù sao thì rời máy cũng nổ, chúng tôi được nâng lên khỏi bãi đất. Tôi nhìn xuống những hàng máy bay khác nhau còn lại, trông đen đui và giống như loài thú ăn thịt. Đó là di sản chú Sam để lại cho nước Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa.

Chẳng bao lâu chúng tôi bay trên cánh đồng sậy, lỗ chỗ những hố bom và đạn pháo, và màu xanh rợp của đồng bằng sông Cửu Long -chẳng chịt những con kinh màu nâu. Gió mát từ các cửa sổ hư tạt vào. Những cửa sổ hư này giúp chúng tôi thấy mặt đất bên dưới rõ hơn là qua những cửa kiếng đầy vết bụi và dầu. Sau khi ngừng lấy thêm dầu xăng ở Cần Thơ, thủ phủ vùng đồng bằng, chúng tôi bay đi Hà Tiên.

Tôi nhìn xuống phi trường Cần Thơ hoang vắng, một trong những phi trường lớn nhất do Mỹ xây dựng ở Việt Nam. Những chiếc A-37 do Mỹ chế tạo chứa đầy bom, gầm thét rời khỏi phi đạo, chắc chắn là với nhiệm vụ tấn công Kampuchia. Tôi lại cảm thấy mai mỉa trước toàn bộ những việc như thế. Chỉ mới ba năm trước, Hoa Kỳ chiến đấu chống “Kampuchia đại diện cho

Hà Nội”. Hồi ấy bộ trưởng Ngoại giao Kissinger chẳng tin Lê Đức Thọ khi Thọ nói rằng ông ta không đủ khả năng gây ảnh hưởng với Khmer Đỏ. (53) “Nói cho cùng, không phải là Cộng sản Kampuchia do Việt Nam đề ra hay sao?”

Tóm tắt cuộc hành trình của chúng tôi, gồm cả trạm dừng chân ở Hà Tiên, được vẽ trên tấm bản đồ dã chiến Mỹ bọc plastic. Nhưng giờ đây thì không còn người sĩ quan Mỹ nói giọng rền rền của bang Texas hướng dẫn cuộc hành trình và vị trí địch quân được đánh dấu bằng bút chì không phải là Việt Cộng hay Cộng sản Khmer -nói theo kiểu các sĩ quan Mỹ thời đó- nhưng lại là quân Pol Pot của nước Kampuchia Dân chủ. Bây giờ là cuộc chiến mới nhưng người ta còn xử dụng phương tiện chiến tranh cũ.

Phi trường Hà Tiên vắng ngắt. Cột khói trắng của nhà máy Xi măng bốc cao trong bầu trời xanh. Ở cuối đường băng, nước ngọt và bánh qui được bày ra trên một cái bàn phủ khăn trắng để mời báo chí. Tại nước Việt Nam Cộng sản, chẳng có việc gì được thực hiện mà không có sự tiếp đãi của địa phương. Vì ở dưới ánh nắng mặt trời gay gắt, nên mấy chai nước cam lạt lèo cũng được người ta hoan hô lắm.

Sau khi thiếu tá Hoàng Châu nói tóm tắt về cuộc tấn công của Khmer Đỏ, chúng tôi vào thành phố Hà Tiên. Trước kia, thị trấn này đông nghẹt với chừng ba mươi ngàn dân, thì nay hoàn toàn trống không. Nhà cửa, tiệm quán đều khóa cửa hết. Mảnh đạn còn nằm rải rác chung quanh. Tại bến phà, một vài người đang chờ phà. Họ mang giỏ, bị bành, hộp nhựa, treo tòn ten trên đòn gánh đặt trên vai, chất trên xe đạp hay xe đẩy. Đoàn xe buýt và xe thường chở báo chí và cán bộ dừng ở cuối thành phố, nơi các đám ruộng lúa xã Mỹ Đức kéo dài tới những ngọn đồi gần biên giới Kampuchia.

Chúng tôi đi băng qua một đám ruộng khô, chân làm tung lên những đám bụi trắng. Khi chúng tôi tới gần các túp lều tranh thì ngửi thấy mùi thối, rõ ràng là mùi người chết. Khoảng một chục người đang im lặng, toát mồ hôi đào huyết. Mười lăm xác người, đàn ông, đàn bà, trẻ em nằm gập bên căn nhà trông trơn. Một vài xác người bị đánh cho tới chết nằm quanh quất. Một cái xác nằm giữa hai chân người đàn bà chết nằm giang tay chân ra. Hai đứa con của bà ta thì bị chặt khúc. Vài xác không có đầu, vài xác bị moi bụng, ruồi xanh bu đầy. Tôi thấy nôn mửa và phải ngồi nghỉ một chút dưới gốc cây. Rồi tôi đi xuyên vào làng. Nhà nào cũng cảnh máu me như vậy. Ngay cả súc vật cũng không khỏi bị giết. Xác bò, xác chó nằm dọc theo con đường đi bên cạnh đường mương. Trên một hố đất gần Hà Tiên mà người ta đã đào trong cuộc tấn công, có hai xác Khmer Đỏ. Những tên trốn chạy để lại súng AK-47, B-40 và súng không giật do Trung Hoa chế tạo.

Nguyễn Văn Hoan, 25 tuổi, cùng với vợ thức giấc vào lúc nửa khuya ngày 14 tháng Ba vì tiếng la Chone – Chone - (Vào đi, vào đi) của bọn Khmer Đỏ, và tiếng la hét của dân làng. Trong đêm tối, họ chạy trốn vào một ngọn đồi có rừng cây rậm. Họ trốn ở đó hai ngày. Sáng hôm sau, từ chỗ trốn trên đồi, Hoan thấy Khmer Đỏ mang gạo và những đồ dùng của dân làng đi. Nhìn những căn nhà tranh vách đất này, tôi không nghĩ có gì đáng giá để cướp bóc. Điều đáng nói ở đằng sau vụ tấn công giết người này là câu biểu ngữ tiếng Khmer viết nguệch ngoạc bằng than trên cửa: “Ti nih srok yoong”, (có nghĩa đây là đất chúng tao). Thật vậy, ba trăm năm trước, toàn bộ vùng đồng bằng sông Cửu Long, kể cả Hà Tiên, là vùng đất của người Kampuchia. Một số đông người ở xã Mỹ Đức này, và ngay số người chết ở đây, gốc là người Kampuchia.

Kinh nghiệm tê cứng lại. Người ta không thể nào hiểu để tìm đáp số cho cuộc tàn sát này. Giống như hầu hết thế giới bên ngoài, tôi không thể hiểu những gì đã xảy ra ở khu phía Đông nước Kampuchia sau khi Việt Nam tấn công năm 1977. Tôi cũng không hiểu được tính khoa đại sức mạnh của Khmer Đỏ sau cái gọi là chiến thắng ngày 6 tháng Giêng 1978. Mấy tháng sau, Ieng Sary giải thích cho phóng viên ngoại quốc rằng vì Việt Nam xâm nhập vào lãnh thổ Kampuchia nên “chúng tôi phải tấn công họ để đẩy họ ra khỏi lãnh thổ chúng tôi và đẩy chúng sâu vào lãnh thổ của chúng. (54)

Chúng tôi quay trở lại thành phố Hồ Chí Minh, với nhiều chứng cứ ghê gớm của các đồng chí Đông Dương trong chiến tranh. Chẳng bao lâu sau, tôi cũng biết quyết định gửi các phóng viên báo chí đi Hà Tiên bằng trực thăng trước khi các xác chết được chôn cất là của Lê Đức Thọ, người có nhiệm vụ thực hiện chính sách của Hà Nội đối với Kampuchia. Pol Pot tuyên truyền chống Thọ, và Thọ cũng chẳng để mất cơ hội. Tuy nhiên, Kampuchia cũng có chính phương cách của họ để giành sự hỗ trợ của ngoại quốc. Ngày chúng tôi thăm Hà Tiên là ngày Pol Pot tiếp đón đoàn báo chí Nam Tư tại nhà khách bên bờ sông ở Phnom Pênh - Lần đầu tiên các nhà báo chuyên nghiệp được phép đến Kampuchia kể từ khi Khmer Đỏ chiến thắng. Ông ta nói với các nhà báo Nam Tư là Kampuchia đang cố gắng giải quyết vấn đề với Việt Nam, “để giữ tình trạng cho được vững chắc. Nếu Việt Nam quả thật thân thiện với chúng tôi, thì vấn đề được giải quyết ngay, không có khó khăn gì.”

Võ Đông Giang nói vấn đề với chúng tôi, trực tiếp hơn, là làm thế nào để gìn giữ mối quan hệ thân hữu đó. Ông ta nói: “Có hai cách kết thúc cuộc xung đột này: Hoặc là Kampuchia thay đổi chính sách của họ hoặc chính nhân dân Kampuchia thay đổi chế độ.”

## Thái tử Norodom Sihanouk:

# mắc kẹt trong lồng

---

Lần đầu tiên trong đời, thái tử Sihanouk trở thành cái tên riêng của chính ông, chung quanh là sự trống rỗng hoàn toàn. Nơi ông ở là lâu đài hoàng gia nằm trong những bức tường cao và cũ, trở thành cái lồng vàng, với những thanh niên nông dân đen đúa mặc đồng phục màu đen và chẳng có một nụ cười, canh giữ lâu đài này. Ông ta nói với tôi là nếu không có phép của Angkar, ông không thể rời khỏi nơi ông ở. Tuy nhiên người lãnh đạo quốc gia hưu trí này cũng chẳng cần phải đi đâu, ngay cả việc đi mua rau rắng. Mỗi sáng, có một anh lính đi xe đạp mang cá và rau tói. Cùng đi với anh lính là cựu thủ tướng và người Cộng sự cũ của Sihanouk, Penn Nouth. Ông này cũng đã về hưu, và thư ký riêng của ông này, bà Sao Saroth. Họ sống riêng trong những ngôi nhà nào đó tại thành phố Phnom Pênh. Từ khi các con gái của Sihanouk và gia đình họ rời khỏi thành phố này, thế giới của ông chỉ còn lại có bà Monique và hai con trai: Sihamoni và Narindrapong.

Ba năm sau, bà Monique nói với tôi: “Từ khi Ngài về hưu (tháng Tư/ 76), chúng tôi chẳng thấy một bóng ma nào. Ngay cả người làm họ cũng bắt đi.” Lần đầu tiên trong đời, bà phải nấu nướng cho cả gia đình. Trong năm năm sống lưu vong ở Bắc Kinh, họ có được một trong những đầu bếp Pháp giỏi nhất ở Trung Hoa. Chu Ân Lai đã chọn một người đầu bếp hàng đầu để thỏa ý một người sành điệu ăn uống như ông hoàng. Bây giờ thì bà Monique có cậu con trai Sihamoni giúp một tay làm mọi việc nhà: lau chùi, nấu nướng và làm vườn. Họ trồng được vài cây chuối.

Trong niềm im lặng tê tái đó, với Sihanouk, thời gian là kẻ đứng hàng đầu. Chứa bạc đứng kế bên lâu đài hoàng gia bây giờ hoang vắng. Tháp vàng và hội trường có những cây cột cao, nơi đoàn vũ hoàng gia trình diễn trước kia theo nhịp trống chậm rãi, bây giờ im lặng một cách kỳ dị. Sự sống còn lại nơi cung điện này chỉ còn có tiếng vỗ cánh của những con chim bồ câu. Điều Sihanouk quyết định cần gìn giữ là một sức mạnh tinh thần. May mắn ông còn giữ được một cái radio (máy thu thanh) to hiệu Grundig do Khieu Samphan biếu ông hồi tháng Giêng. Đó là cánh cửa sổ ông mở ra với thế giới bên ngoài, là phương cách để tâm hồn ông thoát ra khỏi cảnh sống nơi này, ngày đêm buồn nản khôn nguôi. Mỗi sáng, mỗi tối, ông tìm hết đài này tới đài khác, những đài phát thanh lớn trên thế giới mà ông có thể bắt được: BBC, VOA, Úc, Pháp quốc tế, NHK, Hà Nội. Mang ông nghe vào tai, ông ngồi hàng giờ liền, nghe từng bản tường trình về Kampuchia, về các nơi trên thế giới.

Ông nghe tin tức phát thanh báo chí nói về số phận ông với lòng biết ơn và vài nỗi vui. Thế giới chẳng quên ông. Một bản tường trình thì nói ông hoàng bây giờ kinh hãi vì những gì ông thấy, đến nỗi ông tịnh khẩu. Một bản tường trình khác thì trích lời Ieng Sary, trấn an nhà báo rằng bây giờ Sihanouk sống yên ổn trong lâu đài và đang bận bịu viết hồi ký. Khi đi thăm Malaysia hồi mùa Xuân/1977, Ieng Sary nói với một nhà báo ngoại quốc rằng bây giờ thái tử



không muốn gặp ai hết bởi vì, ông ta nói giả câu của Sihanouk: “Nếu tôi gặp ai, tôi lại sẽ dính líu vào chính trị”. Sihanouk thán phục tài đối trá của Ieng Sary.

Điều quý nhất là những bản tường trình của các phóng viên từ biên giới Thái-Kampuchia gửi về và từ các thủ đô khác ở Châu Á. - cho ông biết về những sự việc đang xảy ra ở Kampuchia, bên ngoài lâu đài bị cô lập của ông. Những tin tức đó chỉ làm cho ông buồn và lo lắng. Một cách tự nhiên, theo ông, những vụ hành quyết, lao động khổ sai và những nỗi đau khổ do các người tỵ nạn kể lại là có thực. Tác phong những người lính gác cũng chỉ cho ông thấy những thanh niên này cuồng tín, độc ác và tàn bạo như thế nào.

Sihanouk biết rằng chẳng có ai lưu tâm về tình trạng thái quá ở Kampuchia. Buổi sáng, ông ta mở hết âm độ để nghe đài phát thanh Phnom Pênh tuyên truyền, mở toang cửa sổ cho mấy tên lính gác Khmer Đỏ có thể nghe được. Khi cái màn lễ nghi đó qua rồi, ông ta mang ống nghe vào để nghe các đài quốc tế. Ông ta có thói quen thâu băng lại các bài bình luận vào máy cát-xét để có thể nghe thêm một lần nữa, phân tích tất cả những gì có thể báo trước cho số phận đất nước bi thảm của ông.

Việc thâu băng các bài bình luận của các đài ngoại quốc là may rủi. Một ngày cuối năm 1976, ông được báo trước sáng hôm sau Khiêu Samphan sẽ đến đưa ông đi thăm một vòng thành phố. Điều ấy có nghĩa là ông phải bỏ cái máy “cát xét” ở nhà và nó có thể tố giác tội của ông. Sau này ông kể lại: “Suốt đêm hôm đó, tôi, vợ tôi, và hoàng tử Sihanouk vội vàng thu nhạc chồng lên trên tất cả những băng cát xét, để xóa mất những bài tôi đã thu băng trước kia.”

Chuyến đi thăm thành phố với Khiêu Samphan cho Sihanouk thấy bước nhảy vọt vĩ đại mà Khmer Đỏ đang cố công thực hiện. Ông ta thấy những cảnh làm việc với hàng ngàn đàn ông đàn bà, họ lặng lẽ đào những con kinh dài, gánh đất trên vai đập đê. Khung cảnh đó trông giống như bàn cờ với những đoàn người mặc đồ đen như kiến. Người dân ở đằng xa nhìn ông, họ có nhận ra ông là Sihanouk không? Dù có biết ông, họ cũng sợ, không dám đến chào như trước kia. Chỉ có một lần, người dân làm việc rất gần con đường chiếc xe Mercedes của Sihanouk dừng lại. Người ta thấy mặt ông qua cửa sổ xe, la lên: “Sandech Euv” rồi họ chạy dồn về phía chiếc xe. Cảm động, Samdech nói với bà Monique: “Vây là đủ. Tôi sẽ nói chuyện với họ.” và ông bước ra khỏi xe. Samphan, ngồi bên cạnh tài xế, bật ra ngoài và nói với thái tử: “Yêu cầu im lặng và trở lại xe.” Monique cũng vậy. Bà nài ni thái tử hãy tự chế. Sau này bà ta nói với tôi Khiêu Samphan làm đúng. Ông ta không muốn Sihanouk bày tỏ tấm lòng của ông và tạo ra một cuộc nổi loạn ngầm ngầm. Sihanouk đồng ý và ông ta trở lại xe, vội vàng rời khỏi nơi đó. Bà Monique thấy người dân quì xuống đưa tay sờ vào chỗ đất thái tử vừa đứng.

Đối với thái tử và hàng triệu người Khmer, sống còn là điều ám ảnh họ. Với Sihanouk, nó có nghĩa là nuốt đi niềm tự hào và cúi đầu xuống. Sau này ông ta nói với tôi đã có lúc ông chống lại, “nhưng càng chống càng bị đàn áp, càng bị Khmer Đỏ xiết bù loon. Họ thu hồi hết toàn bộ những người làm, cả việc tiếp xúc với người ngoài. Suốt cả năm 1977, Khiêu Samphan chẳng tới thăm tôi một lần.” Và rồi sau một lần tranh cãi gay gắt lâu dài với Monique về việc có nên khôn ngoan mà đừng chống Khmer Đỏ hay không; và rồi vì gia đình, Sihanouk từ bỏ hết. Theo chính lời ông, ông bắt đầu cầu nguyện cho bọn Khmer Đỏ mau châu trời. Ông ta nói: “Điều ấy có phần cải thiện được tình hình. Tuy nhiên điều mình tự phỉnh mình lại là mình tự kết tội mình, mình tự hạ mình tệ hại mà tôi chưa từng làm.” Điều ông tin chắc như vậy là một phương cách cứu được ông và gia đình.

Tuy nhiên, càng luồn lụy Khmer Đỏ thì sự xung đột gia tăng với Việt Nam lại làm lợi cho ông. Không lưu tâm tới ông, Khmer Đỏ bắt đầu giết dân, những ai có gốc Việt Nam hoặc người Khmer có cảm tình với Việt Nam. Tháng Tư/ 1977, Khmer Đỏ bắt đầu xâm nhập các làng Việt Nam dọc theo biên giới. Một số nhà lãnh đạo Trung Hoa quan tâm tới những cuộc phiêu lưu như vậy, không hay gì cho Kampuchia, có thể bị cô lập trước thế giới. Trong chuyến thăm Trung Hoa của Pol Pot tháng Chín và Mười/ 1977, Trung Hoa thuyết phục Pol Pot đưa Sihanouk về nước,

dùng uy danh của Sihanouk để củng cố hình ảnh Kampuchia Dân chủ với thế giới bên ngoài. Để nhân mạnh quan tâm của mình với người bạn, chủ tịch Bắc Triều Tiên Kim Nhật Thành nhờ Pol Pot mang về cho thái tử Sihanouk một giỏ táo.

Giỏ táo đó đã gây ra điều kinh ngạc thích thú. Pol Pot đề nghị Sihanouk đừng dùng hết. Đó cũng là cách bày tỏ lòng cảm ơn Kim Nhật Thành đã lưu tâm, nhân mạnh tới bình bằng hữu với thái tử bằng cách nhờ tay Pol Pot gửi tới cho thái tử một món quà. Sihanouk cũng không muốn bỏ mất cơ hội đề phá vỡ cảnh cô lập hoàn toàn do Khmer Đỏ áp đặt cho ông kể từ đầu năm 1977. Ông gửi thư bày tỏ “lòng chân thành cảm ơn” Pol Pot đã mang quà về cho ông, một thiệp khác thì chúc mừng Pol Pot “vào dịp kỷ niệm sự thành công vô cùng huy hoàng của đảng Cộng sản Kampuchia” và cái thứ ba thì chúc mừng Pol Pot về điều “thành công vĩ đại và vinh dự như” trong chuyến viếng thăm Trung Hoa và Bắc Triều Tiên. Những thiệp này chẳng bao lâu được loan báo trên đài phát thanh Phnom Penh. Sihanouk vui thú khi nghe đài phát thanh đối ngược tầm thiệp của ông thành ra là “món quà cao quý” do Pol Pot gửi tặng. Các tay kiểm duyệt của đài phát thanh cũng đặt vào mồm Sihanouk những câu ca ngợi đảng Cộng sản Kampuchia “tình cảm nồng nàn và đầy đủ về tình hữu nghị và lòng yêu mến”. Sihanouk phá lên cười khi ông ta kể lại chi tiết đó. Tuy nhiên ông cũng chẳng lưu tâm lắm. Sự thật là sau 18 tháng im lặng, nay đài phát thanh Phnom Penh lại nhắc tới tên ông. Điều đó hạnh phúc hơn giỏ táo do Kim Nhật Thành gửi biếu ông nhiều. Ông thấy một tia sáng nhỏ chiếu xuyên qua bóng tối đang bao phủ quanh ông.

Con đường đi tới  
chiến tranh

---

Ngày 24 tháng Ba/1978, bắt đầu một ngày tưởng như chẳng có gì lạ trong cuộc sống thành phố Hồ Chí Minh. Mặt trời ló lên đằng sau hàng cây và bến tàu trên sông Saigon đang còn yên lặng. Những người Việt Nam và Tàu trung niên đang tập thể dục nhịp điệu bên bờ sông. Hàng trăm dân ngủ hè vẫn còn đang nằm trên hè phố đường Nguyễn Huệ, chợ Bến Thành, chưa trở mình. Trước khi mặt trời lên cao là thời gian còn mát mẽ nhất trong ngày. Một người chạy xe ôm thùng thỉnh đạp xe xuống đường để kiếm khách, và một người đàn bà trên đường Lê Thánh Tôn đang nấu mì gói. Ít ai để ý tới một điệu nhạc cách mạng và hàng loạt khẩu hiệu tuyên truyền đang tuông ra trên loa phóng thanh ở công trường Lam Sơn tại trung tâm thành phố. Trong ánh sáng dịu dàng của buổi sớm mai, thành phố vẫn còn mơ màng như những ngày mang tên Saigon cũ.

Giấc mơ đó bỗng dung tan biến ngay khi hàng trăm công an mặc đồ vàng, binh lính mặc đồ xanh lá cây và sinh viên học sinh mang băng đỏ tỏa ra khắp thành phố trong một cuộc hành quân như kiêu quân đội, kể từ khi chiến tranh chấm dứt. Chính quyền vừa loan tin trên đài một thương gia thuộc giai cấp tư sản vừa bị tuyên án tử hình. Trong khi công an án ngữ các cửa tiệm ở trung tâm thành phố, thì nơi tập trung lớn nhất của họ là Chợ Lớn. Ngơ ngác thức giấc trước chấn động đó, hàng ngàn người Tàu sợ hãi nhìn công an có trang bị vũ khí và thanh niên xung phong bao quanh khu vực Chợ Lớn này. Nhiều người nghĩ rằng đó cuộc biểu dương sức mạnh của chính quyền, có lẽ để bắt giam thêm một số người có liên hệ đến hoạt động chống đối xảy ra bốn ngày trước.

Ngày 20 tháng Ba, Chợ Lớn, - trung tâm buôn bán lớn nhất của thành phố Hồ Chí Minh chứng kiến một khung cảnh bất thường. Khi một chiếc xe Jeep chở binh lính tới để bắt giữ thanh niên Trung Hoa không chịu đi lính (nghĩa vụ quân sự - nd) thì có một đám đông tụ tập lại. Chẳng bao lâu cuộc tụ tập đó trở thành một cuộc biểu dương chính trị chống đối chế độ. Vài người giương cao ảnh Mao Trạch Đông. Rồi đám đông đó, khoảng vài trăm người, thừa thế xông lên, đi diễu trên đường phố và hô to khẩu hiệu. Họ yêu cầu được trả về Trung Hoa, đất mẹ, hơn là đẩy họ vào nơi thiếu tình thương: Vùng Kinh Tế Mới, hay con em họ phải vào bộ đội. Họ không muốn làm bia đỡ đạn cho cuộc leo thang chiến tranh với Kampuchia. Công an tới, giải tán đám biểu tình bằng dùi cui và bắt đi khoảng một chục người.

Nhưng chẳng mấy chốc người ta biết cuộc động binh buổi sáng hôm đó không chỉ là bắt một vài người Trung Hoa bất mãn chế độ, nhưng đánh ngay vào trung tâm điếm Chợ Lớn. Sau khi những người võ trang đã vào vị trí trên đường phố đầu đó rồi, thanh niên xung phong, một cách có hệ thống, lục soát nhà ở và cửa tiệm để tìm vàng chôn giấu và kiểm soát hàng hóa để tịch thu. Sau khi nhân viên chính quyền mang vàng và đôla tìm được trong cuộc càn quét đi thì các thương gia được lệnh cấm bán bất cứ một thứ gì đã bị quốc hữu hóa. Dư luận trong giới bình thường Việt Nam, những người chẳng thích gì lắm khi thấy quyền lực của Chợ Lớn sụp đổ tan tành, thì chính quyền đã tịch thu cỡ 7 tấn vàng. “Thành phố Hồ Chí Minh trở thành tan hoang.” Một ít du khách ngoại quốc có mặt hồi ấy kể lại: “Người dân vô phương; bất thần như bị rơi vào bẫy chuột, chạy quanh một cách vô vọng.” Có báo cáo 18 người tuyệt vọng tự tử.

Mặc dù chính quyền không dấu kín kế hoạch của họ để đưa miền Nam vào Xã hội Chủ nghĩa, sự việc bất thành linh và mức độ hành động cương quyết của chính quyền đã làm cho người dân choáng váng. Năm 1976, chính quyền Cộng sản ở phía Nam đổi tiền làm cho dân bót giàu. Chính quyền cũng có những cố gắng rời rạc để kiểm soát và thu thuế. Tuy nhiên, hình như bao giờ cũng có những kẻ hở để cho thương gia Tàu tránh bị kiểm soát. Sáng hôm đó thì họ

không còn tránh được nữa. Mười ngàn thanh niên xung phong huấn luyện trong các trại biệt lập được đưa tới thành phố để giúp cán bộ kiểm kê mọi dịch vụ thương mại. Những nơi được chừa là quán ăn. Bỗng nhiên ba mươi ngàn gia đình thương nhân -đa số là người Tàu- bị tước đoạt mọi tài sản và cả phương tiện sinh sống. Trong một hành động cương quyết khác, ngày 3 tháng Năm, tiền miền Nam bị hủy bỏ. Những người giàu cất tiền mặt coi như trắng tay. Trên lý thuyết, tiền cũ có thể đổi ra tiền mới, nhưng chỉ được đổi một số nhỏ mà thôi. (1)

Việc cải cách tiền tới Xã hội Chủ nghĩa được thông báo từ lâu, cuối cùng đã thực hiện ở Nam Việt Nam. Mĩa mai thay, cuộc tấn công vào Chủ nghĩa Tư bản cũng là loạt đạn của Việt Nam CS đối đầu với Trung Hoa Xã hội Chủ nghĩa.

Dù cuộc xung đột Việt Nam CS và Kampuchia đã công khai hóa, cho tới lúc này, Việt Nam và Trung Hoa cũng chỉ đánh gió nhau mà thôi. Trong khi Hà Nội lên án bọn “phản động quốc tế” là tên xúi giục Khmer Đỏ thì Trung Hoa công bố viện trợ cho Kampuchia để chống lại bọn “bá quyền máu mặt”. Nhưng sau cuộc tấn công vào Chợ Lớn, và hàng loạt trú dân Trung Hoa trốn khỏi Việt Nam thì Bắc Kinh công khai tố cáo Việt Nam CS. Trong khi chiến tranh bằng mồm Hoa-Việt leo thang, một âm mưu lật đổ hồi tháng Năm của nhóm chống Pol Pot bị thất bại thì Việt Nam không tránh khỏi bị tố cáo can thiệp. Việt Nam bị kẹt trong cuộc xung đột với Trung Hoa nên họ không thể trì hoãn hơn nữa việc liên minh với Liên Xô. Việc sắp đặt cho cuộc chiến này, giờ đây đã vượt ra ngoài biên thù Việt Nam và Kampuchia.

Khi Việt Nam chuẩn bị cuộc tấn công vào thành trì chủ nghĩa tư bản (đánh tư sản - nd), họ tin rằng báo chí ngoại quốc được phép vào miền Nam để tường trình về việc Kampuchia khiêu khích, sẽ không biết được việc đánh tư sản của họ. Tôi ở thành phố Hồ Chí Minh cho tới ngày 20 tháng Ba và có vào Chợ Lớn thăm ba gia đình các bạn cũ của tôi, tôi được ăn những bữa cơm ngon tuyệt tại những nhà hàng ở Chợ Lớn. Chợ Lớn ồn ào và đông đúc -đầu mỗi hàng buôn lậu cũng như sản phẩm địa phương -tôi ngạc nhiên thấy nó tương phản với những kệ hàng trống không ở Hà Nội, thấy đáng thương cho cái chợ nghèo nàn ngoài ấy. Những người làm việc tại bộ Ngoại giao ở Hà Nội đi theo chúng tôi, lỗ mắt qua cửa kính, nhìn những món hàng chung trong tủ mà trước kia họ chưa bao giờ thấy. Nhưng khi thấy giá hàng thì họ giựt mình. Tôi có nghe những lời than phiền của những tay chính trị hoạt đầu từ Hà Nội vào, lấy làm lạ rằng còn bao lâu nữa thì những người khắc kỷ ở phía Bắc sẽ tấn công vào khu Chợ lớn hấp dẫn này. Lê quang Chánh (- trong nguyên tác là Le quang Chan - nd) phó chủ tịch Ủy ban Nhân dân Cách mạng thành phố Hồ Chí Minh nói với tôi: “Nhiệm vụ của chúng tôi là thay đổi từ một thành phố tiêu thụ trở thành một thành phố sản xuất, để xứng đáng với cái tên Hồ Chí Minh.” Ông ta không minh thị làm thế nào để có thể thay đổi như vậy được.

Theo chương trình, tôi phải trở lại Hà Nội để đáp máy bay rời Việt Nam ngày 24 tháng Ba. Ngày hôm sau, tôi biết tại sao họ giữ chúng tôi tại phòng. Tại buổi ăn tối do Ủy ban Quan hệ Văn hóa với nước ngoài khoản đãi tối 23 tháng Ba, tôi thảo luận với Hồng Hà, biên tập viên kinh tế báo Nhân Dân về vấn đề đưa miền Nam vào Xã hội Chủ nghĩa. Sau khi giải phóng ba năm, sau đó qua vài cuộc đổi tiền và cải cách chống tư bản, đà tiến kinh tế của miền Nam vẫn còn mạnh. Hầu hết kỹ nghệ và thương mại ở miền Nam, đặc biệt việc buôn bán lúa gạo có tính chiến lược, đều do tư nhân người Tàu kiểm soát. Người ta tính khoảng hơn một nửa số tiền mặt và hầu hết số vàng và đôla ở miền Nam nằm ở Chợ Lớn. -trung tâm đối nghịch kinh tế. (2) Chợ Lớn là “trái tim Tư bản mạnh khỏe đập giữa thân thể Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa”. Hồng Hà nhận xét như trên trong khi ông ta giải thích sự khan hiếm hàng hóa, lạm phát và chợ đen phát triển quá mức ở Miền Nam. Tôi hỏi ông ta: “Ông có kế hoạch nào để giải quyết vấn nạn này?” Ông ta cười nhẹ, và nói: “Chúng tôi đang suy nghĩ về vấn đề ấy.” Nhưng ngay khi chúng tôi đang nói chuyện thì hàng ngàn cán bộ và lực lượng an ninh của thành phố Hồ Chí Minh đã sẵn sàng cho cuộc tấn công tư bản sáng hôm sau dành cho “sự thay đổi trái tim.”

Như sau này tôi biết, việc chuẩn bị đánh tư sản và sức mạnh kinh tế của người Hoa ở miền Nam bắt đầu cùng thời với việc họ lập kế hoạch đề đối phó với Kampuchia. Trong cùng một buổi họp của bộ Chính trị hồi tháng Hai/1978, để quyết định thành lập lực lượng kháng chiến chống Pol Pot, họ cũng thảo luận về vấn đề an ninh liên hệ đến người Hoa kiểm soát kinh tế ở miền Nam Việt Nam. Họ cũng chuẩn bị đối đầu lớn hơn với Bắc Kinh đang hỗ trợ cho Kampuchia. Thật ra, hồi tháng Giêng, Trung Hoa đã đề ra chính sách mới đối với người Hoa ở hải ngoại: Kêu gọi họ tiếp tay với cuộc đấu tranh chống bá quyền. Điều này chỉ làm cho Việt Nam phải quan tâm nhiều hơn tới công đồng người Hoa ở Việt Nam rất mạnh. Giữa tháng Ba, bộ Chính trị lại họp ở thành phố Hồ Chí Minh một lần nữa, hoàn toàn bí mật, vạch kế hoạch cuộc tấn công vào Chợ Lớn. Đó là phát súng lệnh nghiêm trọng tạo ra cuộc trốn chạy vĩ đại nhất kể từ sau chiến tranh và tạo thêm một cuộc đấu tranh mới về vấn đề chủng tộc và quốc gia đang phát triển ở Châu Á.

## Bác sĩ Jekyll và ông Hyde ở phố Tàu

Sự căng thẳng giữa Trung Hoa và Việt Nam bùng phát từ mùa hè năm 1978 thể hiện qua vài hình thức, phải kể lại từ thuở Việt Nam hình thành quốc gia. Di dân Trung Hoa bắt đầu đến Việt Nam từ thế kỷ thứ ba trước Tây lịch. Từ đó, trong khoảng hai ngàn năm (gồm cả chín trăm năm bị Tàu đô hộ) những làn sóng người liên tục này gồm những đạo binh tan rã, viên chức chính quyền, tội phạm và những kẻ nô loạn, đã tới Việt Nam. Thái độ vua chúa của một nước Việt Nam độc lập là kinh địch - Họ có thể củng cố chế độ cũng như có khả năng tiềm tàng. Là nhóm người cần mẫn và kỷ luật, di dân Trung Hoa cải hóa đất đai, thành lập những khu dân cư mới, phát triển thương mại, và mở rộng vùng cai trị của Việt Nam. Hồi thế kỷ 17, vài ngàn người theo nhà Minh bị người Mãn châu đánh đuổi, đến Saigon. Chính quyền Khmer hữu danh vô thực không biết đối phó với những di dân này ra làm sao, bèn xin hoàng đế nhà Nguyễn giúp đỡ. Nhà Nguyễn mau chóng đưa họ vào vòng trật tự và định cư họ ở một vùng gần Saigon, sau này là Chợ Lớn. Cái giá của sự giúp đỡ này là Kampuchia chấp thuận quyền cai trị của Việt Nam ở khu vực Saigon. Mạc Cửu (trong nguyên tác là Mạc Cu - nd) lãnh đạo một nhóm khác định cư ở Hà Tiên. Khu vực này, hồi thế kỷ 17 là lãnh thổ của Kampuchia. Tự đặt mình như là “vua của Hà Tiên” theo kiểu Trung Hoa, Mạc Cửu làm thay đổi phần đất này thành nơi buôn bán thịnh vượng, mở rộng quyền cai trị của ông tới các tỉnh lân cận, và vì trung thành với hoàng đế Việt Nam, do đó đã mở rộng biên giới Việt Nam tới ranh giới hiện nay. (3)

Trong khi xử dụng người Trung Hoa tới định cư, các vua nhà Nguyễn không bao giờ thoải mái với lòng trung thành của họ. Thật ra vì họ tới từ nước Tàu rộng lớn, mà nước này không bao giờ ngưng cố gắng xâm lược và cai trị Việt Nam, do đó, những di dân này trở thành những đối tượng bị ngờ vực. Trong mỗi quan hệ này, có một lần tệ hại nhất là khi Tây Sơn khởi nghĩa chống lại chúa Nguyễn hồi thế kỷ 18, mười ngàn người ở Chợ Lớn đã bị tàn sát vì tham gia việc khởi loạn. Cũng nhiều lúc họ được tự do và phồn thịnh. Tuy nhiên họ luôn luôn biệt lập với dân chúng Việt Nam. Năm 1840, hoàng đế Minh Mạng của triều Nguyễn ngạc nhiên vì chính sách phóng khoáng của triều đình Xiêm La (Thái Lan) cho phép người Hoa được chung sống với dân địa phương. Ông ta tiên đoán không có chính sách cô lập người Hoa sẽ dẫn tới việc Xiêm La sụp đổ. (4)

Như một nhà bác học Nhật Bản ghi nhận, “Người Hoa ở Việt Nam là bác sĩ Jekyll và ông Hyde của Việt Nam, một nửa có hại phải để mắt vào đó, và một nửa thì có ích ...” Ngay cả trong trường hợp nhà Nguyễn, có chính sách ưu đãi họ, nhà Nguyễn vẫn lo lắng về quan hệ với Trung Hoa. Họ thường dùng người Hoa để tìm hiểu tình hình thực tế Trung Hoa và cố gắng cải thiện quan hệ với nước này. (5)

Mặc dù đảng Cộng sản Việt Nam thừa hưởng một di sản cùng trên căn bản với cộng đồng người Hoa, việc đối xử của họ với người Hoa đặt trên căn bản ý thức hệ giữa Bắc Kinh và Hà Nội trong các thập niên 1950-60, và nhu cầu thực tế viện trợ của Trung Hoa cho Việt Nam chiến đấu thống nhất đất nước. Thực ra, chỉ có 15 phần trăm người Hoa sinh sống ở miền Bắc đa số là công nhân kỹ nghệ, thợ mỏ, và ngư dân, và đảng điều hành họ không mấy khó khăn. Vì họ thuộc về một nước anh em xã hội chủ nghĩa nên không có vấn đề tình trạng luật pháp mà chỉ cần một sự sắp xếp giữa hai đảng với nhau. Bằng một thỏa ước ký vào năm 1955 giữa hai đảng Cộng sản Trung Hoa và Việt Nam, trú dân Trung Hoa ở Việt Nam được đặt dưới sự “lãnh đạo của đảng Lao Động (Cộng sản) Việt Nam”. Nhờ thỏa ước đặc biệt này, người Hoa ở Việt Nam (thực ra là Bắc VN - nd) không giống như đồng bào của họ ở các nước Đông Nam Á vừa giành được độc lập, buộc họ phải thay đổi quốc tịch ngay. Họ vẫn sống ở Việt Nam và giữ quốc tịch Trung Hoa một thời gian tạm cho đến cuối cùng, trở thành công dân Việt Nam.

Hai mươi ba năm qua, kể từ khi có khẩu ước, Hà Nội không có một cố gắng công khai nào để áp đặt quốc tịch Việt Nam trên số trú dân Trung Hoa này. Năm 1961, Trung Hoa thỏa thuận một đề nghị của Việt Nam, trên căn bản, người Hoa cư trú ở miền Bắc phải nhập Việt tịch. Bắc Kinh đồng ý chỉ cấp chiếu khán cho người Việt gốc Hoa có thân nhân ở Trung Hoa mà thôi. (7)

Tuy nhiên, dần dần tình trạng hai mặt làm cho Hoa kiều có nhiều ưu đãi. Ke Xuan, 71 tuổi, nguyên cư trú ở Hà Nội, nói: “Chúng tôi được lợi cả hai phía. Người Hoa (thật ra là sinh đẻ ở VN, hậu duệ người Hoa di dân -) ở miền Bắc có đủ mọi quyền công dân và ưu đãi, không có gì bất lợi cả. Khoảng năm 1970, Việt Nam cố buộc chúng tôi phải trở thành công dân Việt Nam. Một số ít trong chúng tôi thấy đó là có lợi nhất. Chúng tôi có thể tham gia các cuộc bầu cử. Chúng tôi được mọi điều ngoại trừ việc chúng tôi phải đi lính” (nghĩa vũ quân sự - nd) (8)

Điều ưu đãi cuối cùng là điều rất có giá trị đối với một nước mà hầu hết gia đình nào cũng có người chết trong chiến tranh. Giống như đồng hương họ ở Trung Hoa những người làm nghề buôn bán ở miền Bắc lo lắng trước động cơ cải cách xã hội chủ nghĩa nhưng lại không bị kỳ thị. Thực ra có một số cán bộ người Hoa giữ những nhiệm vụ mẫn cảm trong đảng và trong chính quyền. Đồng hương của họ dưới chế độ chống Cộng ở miền Nam thì giàu có nhưng bị chính quyền Ngô Đình Diệm buộc nhập Việt tịch. Bắc Kinh phản kháng hành động này. Hà Nội thì mượn tiếng nói của Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam do họ kiểm soát cũng phản kháng và hứa hẹn với người Hoa ở miền Nam sẽ cho họ quyền chọn quốc tịch sau khi giải phóng xong.

Tuy nhiên thái độ của Cộng sản Việt Nam bắt đầu thay đổi hồi cuối năm 1960 khi ngọn triều Cách mạng Văn hóa bắt đầu có ảnh hưởng trên cộng đồng người Hoa ở phía Bắc. Trong khi Hồng Vệ binh đã kích Hà Nội và ngăn cản việc chuyển vận vũ khí cho Việt Nam thì những người theo Mao trong cộng đồng người Hoa ở Bắc Việt Nam thực hiện cuộc Cách mạng Văn hóa cho chính họ, tố cáo đảng Cộng sản Việt Nam là bọn xét lại. (9)

## Sự quấy nhiễu tái sinh

Sau này, một quan chức Việt Nam nói với tôi, theo kinh nghiệm cuộc Cách mạng Văn hóa và đặc biệt việc Nixon tới thăm Trung Hoa hồi năm 1972, các nhân vật chóp bu trong đảng Cộng sản Việt Nam nhận ra rằng cần có “hành động chăm sóc” đối với cán bộ gốc Hoa. Sự cấu trúc ý thức hệ chung hai đảng với nhau xem ra đã hao mòn. Sau cuộc viếng thăm của Nixon, nếu không còn tin Trung Hoa nữa, thì cũng chẳng thể tin các cán bộ gốc Hoa, dù họ thuộc thế hệ thứ hai ở Việt-Nam. Với tình hình quan hệ đang suy yếu dần, sự quấy nhiễu của người Việt, bắt nguồn từ hai ngàn năm trước trong lịch sử, lại bắt đầu nổi lên. Một cách thận trọng, các cán bộ thuộc con cháu người Hoa được giao công việc mới, ít có nguy hiểm hơn.

Năm 1975, các nhà lãnh đạo Việt Nam cho rằng Bắc Kinh chẳng ưa gì một nước Việt Nam thống nhất và hùng mạnh. Điều đó thấy rõ hơn vào mấy năm sau, ngay trong chiến thắng huy hoàng tháng Năm/1975, họ cũng không muốn có sự hiềm nguy tiềm ẩn khi đối diện với Trung Hoa. Ngay sau khi tới phi trường Tân Sơn Nhứt của thành phố Saigon, trong sự đón tiếp cảm động, tổng bí thư Lê Duẩn, như người ta báo cáo, có nói bây giờ đất nước phải lo đối phó với nhiều hiềm nguy lớn “bởi vì chúng ta chống lại hai sự đe dọa: nạn đói và bọn phản động Trung Hoa.” Ông ta không nói rõ khả năng xâm lược của Trung Hoa, như sau này một ủy viên bộ Chính trị có nhắc lại “vì sự kiện ấy không thể tồn tại nữa nhưng ông ta có nói phải cần hết sức lưu tâm đến họ.”

Trong các năm 1976-77 vì viện trợ của Trung Hoa cho Việt Nam ngày càng ít đi, và vì tình hình quan hệ càng lúc càng tồi tệ, Hà Nội càng lúc càng thấy ít cần đến cộng đồng người Hoa ở Việt Nam. Nếu có cần đến họ chẳng thì, như Việt Nam nghĩ, cần xiết chặt hơn nữa việc kiểm soát họ. Từ ngày giải phóng, đảng Cộng sản Việt Nam nghi ngờ lòng trung thành của cộng đồng người Hoa có thể lực ở miền Nam Việt Nam. Cộng đồng này có đến hàng triệu người. Khó có thể có cảm tình với trú dân Trung Hoa ở Chợ Lớn, vì những ngày đầu giải phóng, người Hoa đã treo cờ Trung Cộng và chung ảnh Mao Trạch Đông. Đối với số người Hoa tư sản ở Chợ Lớn, - những người coi Đài Loan chống Cộng như là kẻ bảo trợ cho họ, thì hành động có tính chất thời cơ trấn an những người cai trị mới là trái tim họ đặt đúng chỗ, có lẽ cũng muốn cho thấy rằng bây giờ họ có một người bảo vệ hết sức mạnh, là Bắc Kinh. Dần dà họ biết rằng hành động như thế là xúc phạm đến các nhà lãnh đạo ở Hà Nội, và cái hố chia cách giữa Việt Nam và Trung Hoa, đằng sau những lời tuyên bố chính thức về tình hữu nghị, sâu đến bực nào!

Nhà cầm quyền bây giờ không muốn nhắc lại lời hứa của Mặt trận Giải phóng Dân tộc trước kia, cho họ tự do chọn quốc tịch. Nhiều năm sau, khi tôi hỏi một đại sứ Việt Nam ở Bắc Kinh về việc nước ông không giữ lời hứa của Mặt trận Giải phóng Dân tộc, ông ta gạt qua một bên, nói: “Thực tế lịch sử để lại cho chúng ta là tất cả những trú dân Trung Hoa ở Chợ Lớn là người Việt Nam. Chúng tôi thấy không cần thiết đảo ngược tình thế. Xét cho cùng, lời tuyên bố là một chuyện mà thực tế là một chuyện khác”. (11)

Lòng tự tin của một nước Việt Nam tái thống nhất khác với những năm đầu ở Bắc Việt Nam, họ gằn gủi và tùy thuộc vào Trung Hoa. Hà Nội không sẵn sàng mở lại cái hộp của Pandora về quốc tịch, cũng không trao cán cân kiểm soát ở phía Nam bằng cách thuận cho Bắc Kinh quyền bảo vệ quốc tịch người Hoa ở vùng này. Đầu năm 1976, tất cả những người gốc Hoa ở miền Nam bị buộc nhập Việt tịch. Bắc Kinh không bày tỏ thái độ bất mãn, nhưng sau đó, ngày 10 tháng Sáu năm 1977, trong một cuộc họp với thủ tướng Phạm Văn Đồng, phó thủ tướng Lý Tiên Niệm của Trung Hoa lên án Việt Nam không giữ lời hứa và buộc người Hoa phải nhập tịch. (12) Lý không chỉ than phiền về vấn đề người Hoa ở miền Nam. Mùa xuân năm 1977, Việt Nam bắt đầu làm sáng tỏ vấn đề quốc tịch của những người dân sống dọc theo biên giới với Trung Hoa. Gia đình những người dân ở trên vùng núi cao này có thân nhân ở cả hai bên biên giới và họ tự do. Nếu bị coi là cư trú bất hợp pháp, họ về bên này hay bên kia, đi qua đi lại buôn bán hoặc thăm viếng gia đình. Hà Nội sợ ảnh hưởng của Trung Hoa trên số người này và đặc biệt về sự lôi cuốn sức mạnh kinh tế của Bắc Kinh nên lặng lẽ trục xuất những ai có quốc tịch Trung Hoa. (13)

Chẳng bao lâu sau, việc quan tâm tới sức mạnh thương mại của Trung Hoa lại gia tăng bằng mối lo đã có từ lâu vì an ninh. Từ mùa hạ năm 1977, khi Cộng sản bắt đầu áp dụng chương trình hợp tác nông nghiệp ở miền Nam, nhịp độ cải cách xã hội chủ nghĩa tiến nhanh hơn. Một ủy ban đặc trách công thương nghiệp tư nhân được thành lập để thi hành kế hoạch đề bẹp ngành công thương nghiệp tư bản. Việc sụt giảm nghiêm trọng sản xuất lúa năm 1977 và chợ đen lúa gạo làm gia tăng tình trạng khẩn cấp cần kiểm soát thị trường chặt chẽ hơn. Cùng thời, nền an ninh Việt Nam lại bị đe dọa vì những cuộc tấn công càng lúc càng gia tăng của Khmer Đỏ, cũng như cuộc kháng chiến bền bỉ của FULRO (Front Unitée pour la Lutte des Races Oppressés) và

các nhóm chống Cộng khác, chính quyền không thể làm tan rã bộ máy kinh tế để tạo ra bất ổn xã hội miền Nam.

## Hà Nội quay tròn theo đuôi rồng

Khi bộ Chính trị đảng Cộng sản Việt Nam họp tại thành phố Hồ Chí Minh giữa tháng Hai năm 1978, họ nghiên cứu chính sách mới của Trung Hoa về vấn đề người Hoa ở hải ngoại. Trong thời gian có cuộc Cách mạng Văn hóa, Ủy ban Quan hệ Hoa kiều Hải ngoại như ở trong địa ngục và chính sách của họ đối với Hoa Kiều rất lộn xộn. Tuy nhiên, từ đầu năm 1977, cùng một thời gian khi Việt Nam “thanh lọc” vùng biên giới sát Trung Hoa của họ, Bắc Kinh bắt đầu chứng tỏ cho thấy họ lưu tâm đến tài năng và vốn liếng của người Hoa ở hải ngoại. Ngày 4 tháng Giêng/1978, một bài báo của Liao Chengzhi trên tờ “Nhân dân Nhật báo” của Trung Hoa hé lộ cho thấy chính sách mới của Bắc Kinh, gọi Hoa kiều là “một phần của đất nước Trung Hoa.... mà số phận kết liên gần gũi với quê mẹ.” Chủ tịch Ủy ban Quan hệ Hoa kiều Hải ngoại -ban này mới được củng cố-, thúc đẩy Hoa kiều thành lập “Mặt trận Đoàn kết Yêu nước Hải ngoại” chống lại “bá quyền”. Hoa kiều không những được ưu ái như thế mà còn được gọi là “bạn hữu của quốc gia ở hải ngoại, hậu duệ của người Hoa.” Liao còn tuyên bố thêm là sẽ bảo vệ quyền hạn của Hoa kiều, những ai còn giữ quốc tịch Trung Hoa. Trung Hoa cũng “hoan nghênh và sắp xếp thích đáng cho những người muốn trở về để góp phần xây dựng đất nước hoặc cư ngụ.” Những ai giữ quốc tịch ở nước đang định cư thì được xem là “quyền thuộc và bạn hữu.” (15)

Câu nói nổi bật của Liao là dù có quốc tịch nào đi nữa, tất cả những người có nguồn gốc Trung Hoa đều có quyền tham gia việc chống Moscow và bè lũ, và được xem là bạn hữu của Bắc Kinh. Từ đầu năm 1978, tòa đại sứ Trung Hoa ở Hà Nội giải thích chính sách mới cho cộng đồng người Hoa và bắt đầu lạng lẽ cấp phát thông hành cho Hoa kiều ở một vài thành phố giàu có, những người này muốn đóng cửa tiệm và nhà hàng để trở về Trung Hoa. Đối đầu với hành động này của Bắc Kinh càng lúc càng gia tăng trong cộng đồng người Hoa ở Việt Nam và việc họ dính líu càng lúc càng sâu ở Kampuchia, Hà Nội kết luận rằng đã đến lúc có hành động cương quyết để giải quyết cả hai vấn đề kinh tế và an ninh tại Chợ Lớn cùng một lúc. (16)

Tuy nhiên, một cách lạ lùng, hình như Việt Nam không nghĩ rằng Trung Hoa sẽ không công khai lên án hành động chống Trung Hoa của Việt Nam. Hồi cuối tháng Ba, một nhà ngoại giao Việt Nam tiên đoán “Trung Hoa không làm thiệt hại uy danh quốc tế của họ bằng cách công khai tấn công chúng tôi. Chúng tôi tiếp tục đấm nhau dưới gầm bàn.” Vừa nói ông vừa đưa tay lên trời.

Hà Nội tính toán rằng Bắc Kinh sẽ không gây nguy hiểm cho những cố gắng của Việt Nam nhằm ve vãn các nước không Cộng sản ở Đông Nam Á bằng cách công khai thiết lập quan hệ với người Hoa ở hải ngoại và đem lại cho những nước ở trong vùng nỗi sợ hãi người Hoa sẽ trở thành đạo quân thứ năm. Việt Nam cũng hy vọng Trung Hoa sẽ không công khai chống lại hành động của chính quyền Hà Nội ở Chợ Lớn vì đó là hành động đầu tiên chống tư bản. Rõ ràng với quan điểm loại trừ bất cứ một sự phê phán nào của Trung Hoa, ngày 24 tháng Ba, Việt Nam tuyên bố “Chính sách thủ tiêu thương nghiệp tư sản sẽ đem lại đoàn kết tại thành phố và tất cả thành thị miền Nam, không phân biệt quốc tịch và tôn giáo.” Họ cũng cảnh cáo nhân dân: “vẫn còn phải thận trọng chống lại âm mưu phản động (Bắc Kinh) xuyên tạc chính sách này và chia rẽ nhân dân lao động.” (18)

Việt Nam tính sai rất lớn. Bắc Kinh coi hành động của Việt Nam ở Chợ Lớn như là một sự thách thức công khai đối với chính sách kiều dân của Trung Hoa mà thật ra, đối với Bắc Kinh, họ cho là sức mạnh của họ ở trong vùng. Bắc Kinh thất bại không làm được gì để bảo vệ Hoa kiều ở Việt Nam, đặc biệt sau khi họ tuyên bố chính sách mới về kiều dân của họ, hứa hẹn có



phản ứng nghiêm trọng để bảo vệ uy danh của họ trước 15 triệu Hoa kiều ở vùng Đông Nam Á. Sự kiện Trung Hoa không có phản ứng gì trở thành một điều khích lệ cho những nhà chính trị ở trong vùng có khuynh hướng chống Trung Hoa cũng như có tinh thần quốc gia cực đoan. Họ sẽ có những hành động tương tự như Việt Nam vậy.

Bốn tháng sau sự kiện Chợ Lớn, Bắc Kinh vẫn im lặng. Tuy nhiên đằng sau sự im lặng đó là sự căng thẳng trong hàng ngàn người Hoa ở phía Bắc, tạo thành làn sóng tỵ nạn đổ dồn sang Trung Hoa và thêm nhiều thương gia Hoa Kiều ở miền Nam đi vùng Kinh Tế Mới. Thời gian cũng có điều mai mỉa. Bắc Kinh chọn ngày kỷ niệm lần thứ ba chấm dứt chiến tranh Việt Nam để bắn phát súng đầu xuyên suốt vào cây cung của Việt Nam, báo hiệu khởi đầu một cuộc chiến tranh mới. Trong một tiệc trà tiếp đãi du khách Hoa kiều vào ngày 30 tháng Tư/ 1978, Liao Chengzhi tuyên bố một số lớn Hoa kiều ở Việt Nam đã “bất thần trở về Trung Hoa.” Chẳng có gì kiêu cách, ông ta nhắc nhở rằng “Trung Hoa quan tâm và theo dõi sát sao tình hình này.”

Mười hai ngày sau, Trung Hoa gia tăng áp lực với Hà Nội bằng cách lặng lẽ nói với nước này là họ đình hoãn 21 hạng mục công trình do Trung Hoa giúp đỡ, nói là để nhằm “chuyển ngân khoản và vật liệu của công trình để lo cho đời sống của Hoa kiều vừa bị xua đuổi khỏi Việt Nam.” Đó cũng là một kịch bản buồn cười được lập lại vì hồi năm 1960 Moscow cũng bất thần đình hoãn các chương trình viện trợ của họ cho Trung Hoa để bày tỏ sự giận dữ với Bắc Kinh. Trung Hoa tố cáo mạnh mẽ để có thể cuối cùng đoạn tuyệt với Hà Nội. Tuy nhiên, Bắc Kinh chờ đến khi con người chống Liên Xô òn ào Zbigniew Brzezinsky, cố vấn an ninh quốc gia của tổng thống Hoa Kỳ rời khỏi Trung Hoa, họ mới mở cuộc tấn công Việt Nam đầu tiên. Ngày 24 tháng Năm, văn phòng Kiều dân Trung Hoa tố cáo Việt Nam đày ải, ngược đãi Hoa kiều ở Việt Nam và xua đuổi họ về lại Trung Hoa. Bản tuyên bố đó nói rằng nhiều người bị ngược đãi, cướp bóc và ngay cả bị đánh đập tàn nhẫn. “Họ chẳng còn gì ngoài bộ quần áo mặc trong mình khi họ tới lãnh thổ Trung Hoa.” Bản tuyên bố cũng tố cáo Việt Nam “bắt giữ hàng loạt kiều dân, làm bị thương và giết chết nhiều người ở thành phố Hồ Chí Minh”. Bắc Kinh cảnh cáo Hà Nội phải chịu trách nhiệm về hậu quả của những hành động “độc đoán, tàn bạo và phi pháp của họ.” (20)

Khi Trung Hoa đầu tiên công khai tố cáo vấn đề hàng loạt người Hoa rời khỏi Việt Nam thì có khoảng 17 ngàn người sẵn sàng vượt biên giới. Cuộc di cư này bắt đầu như thế nào? Tại sao Trung Hoa mở rộng cửa biên giới. Tại sao họ phải chờ đến lâu như thế mới công khai hoá? Chẳng bao giờ có thể biết toàn bộ câu chuyện như thế nào. Nó được che dấu bằng những lời tố cáo mạnh mẽ và gay gắt, biến bạn thành thù. Trung Hoa tố cáo Hà Nội đày ọa và ngược đãi Hoa Kiều; nghe nói là cưỡng bức họ tới biên giới rồi xua đuổi ra khỏi nước. Hà Nội tố cáo ngược lại Trung Hoa xúi dục Hoa Kiều ra đi bằng cách ngụy tạo những lời đồn đãi độc ác để phá vỡ kinh tế Việt Nam và dùng áp lực cho mưu đồ chính trị. Tới giữa tháng Sáu thì số người di cư này lên tới 133 ngàn mà chẳng có lời giải thích đầy đủ nào về một cuộc di cư vĩ đại như thế. Cuộc di cư ở phía Bắc, mặc dù bắt đầu từ tháng Ba -chẳng liên hệ trực tiếp gì việc đánh tư sản ở Chợ Lớn. Nó có liên hệ đến một số thương gia, nhưng phân đông là công nhân, thợ mỏ và ngư dân. Thật ra, ở cảng Hải Phòng, - cảng lớn ở phía Bắc mở ra với thế giới- các mỏ than và hoạt động đánh cá bị ngưng trệ vì Hoa Kiều bỏ đi, ám chỉ rằng có bàn tay Hà Nội đằng sau cuộc di cư đó. Tuy nhiên cũng không phải vì mười ngàn ngư dân rách nát và công nhân Hoa kiều thiếu tay nghề mà Trung Hoa khuyến khích họ trở về đất mẹ để góp phần vào “Bốn Hiện Đại.” Có chứng cứ cho thấy dù cả hai phía Hà Nội và Bắc Kinh một bên kéo, bên đẩy kiều dân Trung Hoa, chẳng bao lâu cuộc di cư bùng lên là do chính động lực của nó, đạt tới một số lượng chẳng ích cho ai cả. Như chúng ta đã thấy, ban đầu Việt Nam kiểm tra dân số vùng biên giới, cho rằng vấn đề quốc tịch Trung Hoa là một phần trong biện pháp gìn giữ an ninh. Rồi đến khi việc đánh tư sản ở Chợ Lớn xảy ra, Hà Nội bắt đầu gây khó khăn cho một nhóm nhỏ thương gia và nhà hàng, tố cáo rằng họ làm giàu bất chính và trốn thuế. Tháng Hai, Hà Nội tổ chức hai buổi lễ kỷ niệm bất thường: Chiến thắng của

hai vị anh hùng lịch sử, đánh bại Trung Hoa xâm lược. Đó là Lê Lợi và Trần Hưng Đạo. Những buổi lễ như thế không làm cho Hoa kiều an tâm.

## Lời đồn đãi chiến tranh

Đầu năm 1978, tòa đại sứ Trung Hoa tại Hà Nội bắt đầu cấp chiếu khán cho một số Hoa kiều. Tuy nhiên, động lực chính phát xuất từ dư luận cho rằng sẽ có chiến tranh giữa Trung Hoa và Việt Nam. Ban đêm, nhiều truyền đơn thả trước cửa nhà Hoa Kiều, yêu cầu họ trở về Trung Hoa để xây dựng đất nước hoặc bị đe dọa trừng phạt nếu còn tiếp tục ở Việt Nam. Ai ở đằng sau dư luận này? Hà Nội thì nói rằng “đó là những phần tử xấu trong số người Hoa”. Bắc Kinh thì tố cáo đó là hành động của Công an Việt Nam. Mục tiêu chiến dịch này thì không rõ. Charles Benoit, một học giả Mỹ nói được cả tiếng Hoa và tiếng Việt, phỏng vấn nhiều người trốn khỏi Bắc Việt Nam kết luận rằng “động lực chính khiến Hoa kiều trốn khỏi Bắc Việt Nam là vì họ sợ rồi sẽ có chiến tranh giữa Trung Hoa và Việt Nam, vấn đề này liên hệ đến quốc tịch của họ. Họ sợ mất quốc tịch, khả năng của họ giúp họ giữ được một đời sống cơ bản, những ưu đãi bị giảm bớt dần và họ nghĩ rằng họ sẽ không được thụ hưởng mãi như là một thường trú nhân ngoại quốc.” (21)

Dù là gì ở đằng sau những lời đồn đãi ấy, chắc chắn Việt Nam chẳng làm gì mạnh mẽ ngăn chặn làn sóng người ra đi. Thiếu phương tiện vận chuyển, quan trọng hơn nữa, việc hạn chế người dân di chuyển vì tình hình an ninh, và lại ở xa biên giới, việc ra đi của một số đông người như vậy không thể đến biên giới được nếu không có sự đồng lõa của chính quyền. Dù thế nào, Hà Nội giảm bớt thái độ của họ một cách rõ rệt trong ba tháng đầu khi Trung Hoa gia tăng công khai tấn công Việt Nam. Ngày 30 tháng Năm, Trung Hoa công bố chấm dứt chương trình viện trợ phụ trội 51 cho Việt Nam, nâng tổng số chương trình bị hủy lên tới 72, một hành động không những chống lại nguyên tắc Trung Hoa đã từng tuyên bố là không dùng viện trợ như một động lực để chống lại bất cứ một quốc gia nào và cũng cho thấy trong vòng một tháng, họ đã dùng hết phương tiện truyền thông, một phương cách bắt bạo động để gây sức ép với Việt Nam.

Việc chấm dứt viện trợ gây hậu quả nghiêm trọng cho kinh tế rách nát Việt Nam. Tuy nhiên, ngay tức thì, Hà Nội không còn ngần ngại gì nữa tham gia khối Comecon. Trong cuộc họp cao cấp bí mật ở Moscow hồi mùa Xuân năm 1977, Việt Nam thỏa thuận trên nguyên tắc sẽ tham gia khối Comecon vào “thời gian thích hợp.” Hà Nội không muốn khiêu khích Trung Hoa bằng cách tham gia vào một tổ chức do Liên Xô đứng đầu bao lâu Bắc Kinh còn duy trì quan hệ bình thường với Việt Nam. (23) Giờ đây, quyết định của Trung Hoa làm cho Việt Nam thấy tự do, chính thức tham gia Comecon ngày 28 tháng Sáu. Mai mĩa thay, bước đầu thắng lợi trong cuộc đấu tranh Hoa-Việt là làm cho Hà Nội tiến tới gần Moscow hơn.

Ngày 26 tháng Năm, Bắc Kinh leo thang xung đột bằng cách công bố gọi hai chiếc tàu thủy tới Việt Nam để “đón về nước những người Hoa đang bị ngược đãi.” Hà Nội lên án quyết định đơn phương của Trung Hoa là “ngoại giao pháo hạm.” Một nhà bình luận ở Hà Nội phê bình: “Đó là cao điểm của sự láo xược. Biển Nam Hải không phải là cái hồ của Trung Hoa, Hải phòng và Hồ Chí Minh không phải là các cảng của Trung Hoa mà tàu bè Trung Hoa muốn ra vào lúc nào cũng được.” (24)

Hà Nội cũng không bỏ lỡ cơ hội tố cáo sự mâu thuẫn giữa lời yêu cầu của Bắc Kinh bảo vệ kiều dân của họ và chính sách của Trung Hoa đối với Kampuchia, nơi hàng ngàn Hoa Kiều đang chịu khổ nạn dưới bàn tay Khmer Đỏ. Một bài phát thanh của đài Hà Nội mai mĩa, nếu Trung Hoa muốn hồi hương những “nạn nhân Trung Hoa” thì “hãy đưa tàu tới đón kiều dân Trung Hoa ở Kampuchia nhanh bao nhiêu tốt bấy nhiêu.” (25)

Sứ mạng đi cứu Hoa kiều ở Việt Nam thất bại ngay từ đầu. Trung Hoa nhấn mạnh rằng chỉ hồi hương những “nạn nhân Trung Hoa” có nghĩa là Việt Nam không những chỉ thừa nhận có ngược đãi mà còn yêu cầu không còn người Hoa nào ở Việt Nam, -người Hoa, có nghĩa là người Việt có gốc gác Trung Hoa. Việt Nam lợi dụng ngay cơ hội này để đưa ra 22 địa điểm đón người Hoa. Trung Hoa nói rằng họ có thể đón hết tất cả Hoa kiều, những ai muốn rời Việt Nam sau khi đơn xin của họ được cứu xét và Trung Hoa cấp chiếu khán cho họ. Thực ra, Bắc Kinh không bao giờ có thể đón về một triệu hai trăm ngàn người công dân Việt Nam được xem có gốc Trung Hoa. Trung Hoa cũng tự bày tỏ cho thấy họ đã can thiệp vào nội bộ Việt Nam.

Có điều hoàn toàn nghi ngờ là Trung Hoa muốn Việt Nam thừa nhận có ngược đãi Hoa kiều bằng cách cho phép họ lên tàu về nước. Thật ra, hai chiếc tàu này chỉ chở khoảng 2,200 người, chỉ là sự tượng trưng cho hành động của Trung Hoa mà thôi. Hành động đó chỉ nhằm để gây khó khăn cho Hà Nội và chứng tỏ cho Hoa kiều thấy mối quan tâm sâu sắc của họ đối với số phận người Hoa.

Sau sáu tuần đấu trò ngoại giao về phương pháp đón người về nước với những chi tiết việc bốc người đi, cùng với chiến dịch tuyên truyền gay gắt của cả hai bên, tới tháng Bảy, mọi việc đều bị bỏ lửng. Một toán tiên phong chuẩn bị để thành lập tòa lãnh sự ở thành phố Hồ Chí Minh bị cầm chân ở Hà Nội ba tháng, trước khi quay trở về Bắc Kinh. Hà Nội cho rằng vì lý do an ninh, toán này không được phép vào thành phố Hồ Chí Minh. Hà Nội nói có thể mở cửa tòa lãnh sự vào quý Ba năm 1978, sau hạn kỳ triệt thoái hết người Việt gốc Hoa ra khỏi Việt Nam. Sau khi chờ ngoài khơi biển Việt Nam sáu tuần lễ, trong lúc gió mùa thổi dữ dội, hai chiếc tàu của Trung Hoa lặng lẽ trở về hải cảng Hangpu với nhiều thủy thủ bị bệnh, chén bát bị vỡ. Chẳng bao lâu sau, đối đầu với tình trạng hàng vạn người đến Trung Hoa bằng đường bộ, -rõ ràng là do Hà Nội thúc đẩy từ hồi tháng Năm, Bắc Kinh phải dờn câu “chào mừng kiều dân trở về” tới nhiều điểm trên biên giới.

Toàn bộ tiến trình đón người trở về bằng tàu cho thấy việc đó gây khó khăn cho Bắc Kinh và vận may tuyên truyền cho Hà Nội. Hà Nội nhắm hướng tuyên truyền vào các nước Đông Nam Á, nói rằng “Sự tráo trở của Trung Hoa đối với Việt Nam khiến chính phủ các nước vùng Đông Nam Á có lý do để lo lắng. Nếu họ không đề cao cảnh giác, thì họ sẽ mất hết an toàn vốn liếng tài sản. Quả thật Trung Hoa có quan tâm đến điều đó.” (26) Đại sứ các nước trong Hiệp Hội Đông Nam Á đều được thông báo đặc biệt, trấn an rằng phản ứng của Trung Hoa đối với sự đối xử của Việt Nam với Hoa kiều là “trường hợp đặc biệt” vì hành động của Hà Nội là một phần trong âm mưu của Liên Xô.

Phản ứng sai lạc của Trung Hoa gây cho kiều dân Trung Hoa tại Việt Nam gặp nhiều nguy cơ hơn. Những lời tuyên bố nẩy lửa của họ như “Đồng bào chúng ta ở Việt Nam hy vọng ngày này để được đón về quê mẹ”. (27) đã tạo ra nhiều hy vọng hão huyền, thúc đẩy hàng ngàn Hoa kiều ở phía Bắc chạy lên biên giới Hoa-Việt và hàng trăm ngàn người ở Chợ Lớn công khai xin về nước. Trong tháng Sáu, văn phòng cho ghi danh người muốn trở về Trung Hoa mở tại thành phố Hồ Chí Minh tưởng như tràn ngập với ba chục ngàn đơn trong vòng một tuần lễ.

Hầu hết những Hoa kiều muốn trở về Trung Hoa cũng tìm cách di cư tới một nước khác. Nhưng trong con mắt Việt Nam, họ là người đứng về phía kẻ thù. Tò ý muốn trở về với Trung Hoa Cộng sản, nơi tình trạng buôn bán tư nhân không tốt gì hơn ở Việt Nam, làm gia tăng sự quấy rối ở Việt Nam như một đạo quân thứ năm. Thay vì buộc các thương nhân Chợ Lớn làm nông nghiệp ở các vùng Kinh Tế Mới, như họ đã ép buộc các nhóm chủng tộc khác không có công ăn việc làm, chính quyền quyết định loại trừ tất cả người này và đó cũng là điều lợi cho họ. Sự kiện này là bước khởi đầu của một trong những cuộc di dân vĩ đại và bi thảm nhất thời hậu chiến. Sau khi hai chiếc tàu thủy quay mũi về Trung Hoa và biên giới Hoa Việt đóng lại, Hà Nội đưa ra một chính sách di dân bóc lột trắng trợn. Một thương gia Chợ Lớn giải thích: “Vì chúng

tôi từ chối đi về quê sản xuất, chẳng bao lâu chúng tôi cũng phải trốn đi, chính quyền quyết định gom vàng của chúng tôi lại rồi cho chúng tôi đi.” (29)

Mùa hè năm 1978, Công An Việt Nam thành lập một số văn phòng tại các thành phố gần bờ biển ở miền Nam để đóng tàu và cho người Hoa (hay Việt Nam giả dạng người Hoa) rời Việt Nam sau khi họ đóng một phí khoản nặng bằng vàng và đôla. (30) Các nhà ngoại giao Tây phương ở Hà Nội gán cho sự việc này cái tên là “Công Ty Du Lịch cái xô sắt” (Rust Bucket Tours Inc.), có trách nhiệm làm cho gần một phần tư triệu người, trong vòng hai năm, chạy trốn khỏi Việt Nam. Khoảng ba đến bốn chục ngàn trong số thuyền nhân này đã bỏ mạng ngoài biển (41)

## Phương Đông Đỏ

Trong khi thế giới chú ý vào việc hai con rồng, một lớn một nhỏ ở châu Á gầm gừ nhau, Kampuchia đang ở trong thời kỳ cực điểm của bạo lực, có thể thúc đẩy Việt Nam can thiệp vào nước này sớm hơn. Ngay cả một nhóm quan sát viên Kampuchia ở phương Tây, những người có nhiệm vụ điều hành chương trình phát thanh của đài Phnom Pênh và phỏng vấn những người tỵ nạn vừa mới trốn khỏi Kampuchia, cho biết những điều chính yếu đang xảy ra trong nội địa nước Cộng Hòa dấu kín này, cũng không thể ngờ rằng các hành động bạo lực ghê gớm đã xảy ra ở trên các đồng lúa và trong các đồn điền cao su ở phía Đông Kampuchia. Hôm 24 tháng Năm, một ngày sau khi Brzezinsky rời Bắc Kinh sau chuyến đi thành công tốt đẹp, Trung Hoa công khai đá giò lái Việt Nam. Cùng một ngày thứ Tư đó, trùng hợp một cách mai mỉa, một cuộc tấn công loại khác vào một thành phố nhỏ ở Kampuchia, tên gọi là Suong, xa Bắc Kinh hai ngàn dặm. Pol Pot gửi các sư đoàn trung ương tới để bao vây bộ chỉ huy đảng Khu Đông, bắt giữ những tên lãnh đạo đảng “phản bội” nghi ngờ có quan hệ với Việt Nam. Một số ít bị bắt, bị tra khảo, và làm bản tự thú, rồi sau đó bị hành quyết. So Phim, bí thư Khu Đông, một thời là cánh tay mặt của Pol Pot, tự tử. Một số khác nổi dậy chống quân Pol Pot, rồi chạy trốn qua Việt Nam, làm cho số lượng kháng chiến chống Pol Pot gia tăng. Cuộc giết chóc cán bộ và binh lính Khu Đông một cách tàn bạo đã dập tắt hy vọng cuối cùng nhằm lật đổ Pol Pot. Hòa lực Việt Nam bây giờ là bắn phá dọc vùng biên giới.

Ngày 25 tháng Sáu, thế giới ngạc nhiên vì lời tố cáo của Phnom Pênh, khi họ cho biết đã đập tan một âm mưu phản loạn do Việt Nam và CIA (Central Intelligence Agency - Cơ quan Tình báo Trung ương của Mỹ) xúi dục. Một ít người tin lời tố cáo hành động hợp đồng ám muội đó, cùng lúc với việc Việt Nam tuyên truyền các cuộc lật đổ ở Kampuchia, củng cố thêm niềm tin hình như có gì quan trọng đang xảy ra trong nội bộ Kampuchia. Phải đến hai năm sau, sau khi hành động giết người được trình bày chi tiết, và cuộc khởi loạn ở phía Đông nổi lên, toàn bộ câu chuyện mới được rõ. Cuộc lật đổ bị phá vỡ và việc đàn áp ở khu vực này nằm trong chuỗi biến động ở Đông Dương, chỉ là câu chuyện làm cho người ta chú ý thêm mà thôi.

Trong nhiều ý nghĩa, các cuộc thanh trừng ở phía Đông đạt tới mức đổ máu tối đa để bảo vệ quyền lực của Pol Pot đối với tất cả các khu trong nước. Nước Kampuchia Dân chủ phân chia thành 7 khu dựa trên địa lý. Khu Bắc, khu Đông Bắc, khu Đông, khu Tây Nam, khu Tây, khu Tây Bắc và khu Trung ương, duy trì gần y như tình trạng trong thời kỳ hoạt động bí mật và cũng giống như trong thời kỳ kháng chiến (1970-75). Việc thiếu phương tiện liên lạc và vì tình hình an ninh, đưa tới tình trạng tự trị giữa các đơn vị đảng trong những vùng khác nhau. Trong vòng bốn năm kể từ khi nắm quyền, lãnh đạo trung ương của Pol Pot phải tìm cách áp đặt quyền hạn trực tiếp và kiểm soát chặt chẽ các khu. Với sự hỗ trợ của các lực lượng Trung ương và Tây Nam, Pol Pot mở ra các cuộc thanh trừng trong các năm 1976-77 để loại trừ cấp lãnh đạo khu Bắc và Tây Bắc. Quan điểm chính yếu khác nhau của họ là tiến trình thực hiện biện pháp cách mạng khác

nghiệt. Đối với những người thắc mắc về phương pháp cực đoan của Pol Pot nhằm tiến nhanh lên chủ nghĩa Cộng sản và sự đối xử bất nhân với dân thành phố bị đuổi về nông thôn, chính sách phiêu lưu của ông ta với Việt Nam, những người này bị đánh giá là phản bội và xử tử. Mãi mai thay, phần nhiều các nạn nhân bị thanh trừng lại tin rằng Việt Nam đe dọa Kampuchia, trừ phi sự sai lầm được sửa chữa, không thì cách mạng Kampuchia sẽ thất bại hoàn toàn và quốc gia sẽ không còn đủ sức chống lại Việt Nam - một sự chẩn đoán chính xác mà những biến cố sau này đã chứng minh. Bởi vì Pol Pot và nhóm nhỏ trung thành với ông ta tố cáo những người bất đồng ý kiến là phản bội là biện pháp tiện lợi nhất để tránh “ tranh cãi về đường lối của đảng, qua đó, không những Pol Pot bị đánh bại mà còn có thể tháo gỡ được mọi sự rắc rối trong nội bộ đảng.” Stephen Heder chỉ rõ cho thấy như vậy. (32)

Trong các khu vực, khu Đông là mối đe dọa nghiêm trọng hơn hết đối với quyền lãnh đạo của Pol Pot. Từ khi có phong trào Issarak chống Pháp vào thập niên 1940, khu vực này thuận tiện cho việc hợp tác với Cộng sản Việt Nam. Sự tiếp cận địa lý với Việt Nam và sự có mặt của công nhân Việt Nam trong các đồn điền cao su làm cho việc tiếp xúc dễ dàng. Trong thời kỳ đầu chống Lon Nol, đây là khu vực Việt Nam giúp huấn luyện và tổ chức quân kháng chiến Kampuchia. Việc hợp tác lâu dài với Việt Nam đã để lại những ấn tượng sâu sắc trên hình thái chính trị của đảng Cộng sản Kampuchia trong khu vực này. Trong khi nhóm do Pol Pot lãnh đạo thì chịu ảnh hưởng Mao rất lớn về khái niệm bình đẳng và đấu tranh giai cấp không ngừng. Các nhà lãnh đạo khu Đông thì không tiến bộ bằng, họ theo đường hướng Việt Nam tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đường hướng này chủ yếu nhắm tới việc sử dụng các nguồn dự trữ có sẵn - giai cấp tư sản và các phương tiện khác- để gia tăng sản xuất, loại bỏ sự khác biệt về giai cấp là mục tiêu thứ hai. (33)

Người ta không biết khi nào thì những dị biệt này được thảo luận công khai hoặc khi nào thì các nhà lãnh đạo khu Đông thách thức quyền lực chính trị của Pol Pot. Hình như các nhà lãnh đạo khu Đông không nhiệt tình trong việc áp dụng một vài chính sách cực tả và khắc nghiệt do Trung ương chỉ đạo. Trong suốt ba năm đầu Khmer Đỏ cai trị, khu này có nhiều lương thực, và trong vài trường hợp được chiếu cố, đời sống của “người dân mới” -dân thành phố bị xua đuổi- đỡ khắc nghiệt hơn các nơi khác ở trong nước. (34)

Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là khu Đông không có sự giết chóc. Hơn sáu chục ngàn người Chăm thiểu số -hầu hết ở trong khu vực tỉnh Kompong Cham - bị giết chết vì theo đạo Hồi. Một trong những cách giết chóc người dân thường Việt Nam tàn ác nhất là do các đơn vị khu Đông xâm nhập vào Việt Nam -Dĩ nhiên có sự chỉ đạo của Trung ương. Dù sao, sự thực vẫn cho thấy hoặc là vì hậu quả bất bình của đảng viên, hoặc vì sự quấy nhiễu của Pol Pot đối với khu Đông, khu vực này của Kampuchia là nơi sản sinh ra nhiều cán bộ nhút, họ là những người đứng lên chống Pol Pot hoặc bị Trung ương dẹp tan trước khi họ làm được gì. (35)

## Thân mình Kampuchia, trí óc Việt Nam

Tình hình khu Đông liên quan phức tạp đến số phận của So Phim. Ông này là một nông dân mập lùn, mặt tròn, lãnh đạo phong trào Cộng sản ở Kampuchia hơn một phần tư thế kỷ. Năm 1954, ông là một trong hàng ngàn người Cộng sản Khmer tập kết ở Hà Nội. Trong vòng hai năm, ông ta bí mật trở lại Kampuchia để tổ chức đảng. Năm 1963, ông là thành viên gốc nông dân độc nhất trong ủy ban năm người của đảng (tương đương với bộ chính trị) do Pol Pot, một trí thức chống Việt Nam lãnh đạo. Trong những năm du kích chống Lon Nol, ông ta vươn lên thành phó tư lệnh lực lượng Khmer Đỏ. Trong suốt hai thập niên 1960-70, ông ta vẫn duy trì mối quan hệ gần gũi với Việt Nam Cộng sản, dù có lúc đụng chạm. Ảnh hưởng của ông ở khu Đông lớn đến nỗi sau năm 1975, ông là người độc nhất trong bộ chính trị vẫn còn nắm giữ khu vực này. Ông ta

được tin tưởng vì đã tạo ra sự thịnh vượng cho khu Đông, nhưng các học giả Kampuchia đã phân tích vai trò của ông trong quá trình sụp đổ cuối cùng ở đây.

Chúng ta thấy sự thất bại của quân đội khu Đông, không ngăn chặn nổi sức tiến công của quân đội Việt Nam hồi tháng Chạp năm 1977, đưa tới những cuộc thanh trừng mới. Trong sự hỗn loạn sau khi quân đội Việt Nam rút lui, các đơn vị địa phương thất tán trước khi Việt Nam tấn công, về sau lại liên hệ đến cuộc đấu đá với quân đội trung ương mới gởi tới, tạo ra nhiều mối nghi ngờ phức tạp. Từng người một, các cán bộ quân sự cấp giữa của lực lượng khu Đông cũng như các đơn vị trung ương được gọi về Phnom Pênh để “hợp”. Họ đi không bao giờ về. Tài liệu ở nhà tù Toul Sleng cho biết kể từ 19 tháng Tư/1978 số cán bộ quân sự khu Đông bị giam ở đây là 409 người, gấp mười lần số cán bộ Tây Bắc cùng chung số phận. Con số lớn thứ hai là không có từ khu nào cả. Toàn bộ 28 người chuyển đến ngày hôm sau cũng là từ khu Đông. Cấp chỉ huy của hai sư đoàn trung ương đóng tại phía Đông cũng bị bắt hồi tháng Tư. Một trong số họ là anh (em) của Heng Samrin, Heng That, tư lệnh sư đoàn 290.

Ngày 10 tháng Năm đài phát thanh Phnom Pênh đặc biệt kêu gọi tiêu diệt dân Việt Nam và “thanh lọc” hàng ngũ chính họ. “Tính theo số lượng, một người của chúng ta giết ba chục người Việt..... có nghĩa là chúng ta mất một, họ mất ba chục. Chúng ta không cần tới 8 triệu dân (dân số phỏng chừng Kampuchia thời kỳ đó). Chúng ta chỉ cần hai triệu binh lính để đè bẹp năm chục triệu dân Việt Nam. Chúng ta cũng còn lại 6 triệu dân.” Thực hiện tham vọng như vậy, họ hoàn toàn trong cậy vào quân đội, đảng và nhân dân. Bài phát thanh chấm dứt với lời kêu gọi: “Chúng ta phải thanh lọc hàng ngũ quân sự, đảng và số đông dân chúng để tiếp tục chống lại kẻ thù, bảo vệ lãnh thổ và dân tộc Kampuchia.” (37)

Vì là một chỉ huy cao cấp của đảng, có phải Phim ủng hộ chính sách tàn bạo và các cuộc thanh trừng này? Ben Kiernan, một học giả người Úc nói được tiếng Miên, ông này trải qua một thời gian dài nghiên cứu lịch sử Kampuchia hiện đại, tin rằng lúc đó So Phim đang bị bệnh, và không biết việc bắt giữ. Khi ông ta hay tin các cấp chỉ huy của hai sư đoàn trung ương 280 và 290 đóng tại khu Đông bị bắt bèn nổi giận. Ông ta “yêu cầu mọi người quan sát bên ngoài và cẩn thận.” Theo Kiernan, So Phim đau đớn vì ông ta là một đảng viên, và ông ta tin rằng những việc bắt giữ, giết người này không phản ảnh tính chất cách mạng. Khi những cuộc thanh trừng mở ra, ông trở nên trì độn và không còn quyền lực để chống lại được. Tuy nhiên, Stephen Heder, tin rằng đó là hậu quả do việc Việt Nam tấn công hồi tháng 12. So Phim chống lại việc thanh trừng cán bộ của Pol Pot. Ở Kampuchia Dân chủ, chỉ có một con đường để lãnh đạo tồn tại là bằng cách đổ lỗi sự thất bại của họ cho những người thân cận, gọi họ là phản bội. Heder nói: “So Phim làm đúng như thế. Tuy nhiên ông ta không biết rằng chính ông ta bị nghi ngờ vì đã làm cho khu Đông phát đạt và phát triển lực lượng địa phương.” (38)

Dù Phim là người hảo tâm nhưng lại là một lãnh tụ ngây thơ hoặc là kẻ tòng phạm giết người của Pol Pot, mà thời gian thì không còn. Những cố gắng chậm trễ của ông ta để thoát khỏi cái thòng lọng xiết cổ ông chỉ là đánh dấu sự bắt đầu một cuộc nội chiến đạt tới cao điểm khi Việt Nam can thiệp hoàn toàn vào nội tình Kampuchia.

Cuối tháng Năm 1978, Ke Pauk, chỉ huy trưởng khu Trung ương được Pol Pot phái tới khu Đông để tổ chức cuộc thanh trừng. Ông này gởi một “thư mời” Phim đến họp. Phim hiểu rất rõ ý nghĩa của bức thư mời đó là gì. Ông ta gởi ba tay thân cận của ông, trong đó gồm cả một bí thư cao cấp của đảng đi điều tra xem mục đích cuộc họp đó là gì. Ba người này không bao giờ trở về.

Ngày 24 tháng Năm, một lữ đoàn thiết giáp từ Phnom Pênh tới tăng cường quân đội Trung ương, bao vây bộ chỉ huy khu Đông ở thành phố Suong, cách biên giới Việt Nam hai chục dặm. Một số viên chức đảng bị bắt và bị đưa đi hành quyết. Nhưng Phim vẫn còn lên xe Jeep cùng vợ, con, và cận vệ thoát ra khỏi vòng vây, hy vọng tới Phnom Pênh. Theo Kiernan, Phim nói với cộng sự viên của ông ta rằng Pauk và bộ trưởng Quốc phòng Son Sen là những tên phản

bội, ông ta sẽ yêu cầu lãnh đạo bắt giữ bọn chúng. Theo Heder thì Phim còn nghĩ đơn giản rằng quân đội Trung ương làm việc vượt quá quyền hạn mà thôi. Do đó, ông ta ra lệnh cho quân khu Đông chống lại quân Trung ương cho đến khi ông ta có thể yêu cầu Pol Pot ngăn cản quân của Pauk và Son Sen lại. Dần dần, ông ta hiểu rằng dưới con mắt của Pol Pot, ông ta đã trở thành tên phản bội hàng đầu ở khu Đông. Từ tháng Năm 1978, Pol Pot được báo cáo rằng So Phim là tên hoạt động bí mật cho “Đảng Lao Động Kampuchia” do Việt Nam và CIA dựng nên để cầm quyền ở Kampuchia. (39)

Ông ta ngừng xe lại bên bờ sông Mekông để chờ tin tức Pol Pot. (Ông ta đã gọi người tới gặp Pol Pot trước khi ông ta vào thủ đô). Ngày 2 tháng Sáu, hai chiếc phà chở đầy lính đến “đón chào” Phim. Phim vẫn còn tự tin nên không biết cách hộ tống đó có nghĩa là thế nào. Cuối cùng, khi biết ra thì ông ta bèn rút súng và tự bắn vào ngực.

Cuộc thanh trừng ngày 24 tháng Năm bắt đầu một chương đẫm máu nhất trong lịch sử đẫm máu của nước Kampuchia Dân chủ. Rồi từ đó về sau, những cuộc thanh trừng cán bộ chính trị được tổ chức một cách bí mật. Các nạn nhân được gọi đi dự các buổi “tư vấn thường lệ”, “các khóa học tập”, “hội nghị bất thường” hay “một nhiệm vụ” mới ngoài phạm vi làng rồi cuối được chuyển giao cho Công An Quốc Gia. Trong khoảng thời gian bốn năm, hai mươi ngàn người “được mời” như thế, bị tra khảo để thú nhận tội lỗi rồi bị giết tại nhà tù Toul Sleng. Những việc này làm cho người ta thấy rằng công việc của đảng đang cai trị và sự cô lập hoàn toàn giữa khu này với khu khác, những biện pháp làm cho người ta thấy ngấm ngấm sợ hãi và lòng họ không ổn định nhưng chưa phải kinh hoàng. Kiểm soát đảng bộ khu tại Suong bằng các đơn vị thiết giáp, trong trí Pol Pot không có gì nghi ngờ là các cán bộ còn sống chẳng có ích lợi gì cho đảng. Ngày hôm sau, cán bộ cấp tiểu đoàn và trung đoàn của sư đoàn 4 và 5 được gọi về họp. Khi tới nơi, họ bị tước vũ khí và bị trói lại. Họ được đưa lên xe tải và đưa ra ngoài ruộng, bị bắn bằng súng máy. Chỉ có một người, thoát chết một cách lạ lùng, sau đó trốn qua Việt Nam và kể lại câu chuyện này. (41)

Tư lệnh Sư Đoàn 4 Heng Samring, thấy anh (em) ông ta biến mất, nên không chờ tới phiên mình. Khoảng với một ngàn binh lính trung thành với ông, họ trốn vào rừng. Một cán bộ trung cấp, Tea Sabun, hướng dẫn một toán dân quân địa phương, xâm nhập kho vũ khí khu Đông để lấy súng và vũ khí chống chiến xa. Họ giao chiến với quân đội Trung ương gần ba tuần lễ trước khi kéo vào rừng. Tư lệnh các khu khác như Chea Sim, Mat Ly, Men Chhan, Ouch Bun Choeun, và Sim Kar cũng trốn vào rừng với khoảng ba ngàn tay súng và ba chục ngàn dân thường. Sau tháng Năm, trong gần hai tháng, ba thành phố ở khu Đông gồm Kompong Cham, Svay Riêng và Prey Veng trở thành chiến trường của những trận đánh và rút, tấn công vào quân đội khu Trung ương. Khi các cán bộ Khmer Đỏ chạy trốn, nhiều dân làng tới phá tan các “nhà bếp cộng đồng” rồi chia nhau trâu bò, súc vật và tài sản chung.

Đối đầu với những vũ khí và xe thiết giáp do Trung Hoa chế tạo, do quân Trung ương sử dụng, tới tháng Sáu thì có thêm đội quân hung hãn Nirdey do Ta Mok chỉ huy, cuộc kháng chiến tự phát của các toán quân được tổ chức một cách vội vàng, không kéo dài được lâu.

Trong tháng Bảy, sau cuộc chiến đấu sống chết, việc giết chóc trả thù bắt đầu. Cuộc tàn sát không giống như bất cứ lần nào trước mà khu Đông đã thấy. Dưới con mắt của Pol Pot và các đồng chí của ông, người dân khu Đông cho thấy bản sắc của họ. Họ là những kẻ “thân hình thì Khmer mà đầu óc thì Việt Nam.” Và phải đê bẹp hết. (42)

Không chỉ những người phản loạn và gia đình họ bị giết, toàn thể dân làng nào mà những người khởi loạn tới ẩn náu, cũng bị giết tuốt. Họ bị chở lên xe tải, đem ra ngoài ruộng, rồi giết chết bằng cuộc, dao. Hai năm sau, tôi đến thăm một trong những khu đất giết người ở Kompong Cham, nơi được tính vào khoảng năm chục ngàn người bị giết. Dưới những gốc xoài, sọ và xương người, già trẻ bày ra một cách hết sức kinh hãi.

Số người ở Khu Đông bị giết trong cuộc nổi loạn hồi tháng Năm tính vào khoảng trên một trăm ngàn. Nhằm dọn sạch hết những gì có thể nghi ngờ, một phần ba dân số được chuyển từ phía đông qua khu có sốt rét rừng ở phía tây Kampuchia. Nơi này, một nửa trong số họ lại chết vì đói hay bệnh tật, nếu họ không bị hành quyết.

Khi cuộc đàn áp tàn bạo đang diễn ra, dân chúng khu Đông và những người lãnh đạo cuộc nổi loạn trốn trong rừng, dưới những cơn mưa mùa nước đổ như xối. Thiếu lương thực, quần áo, thuốc men và vũ khí, chẳng bao lâu họ tan rã. Tới lúc này họ phải chọn, hoặc là đầu hàng, -chắc chắn sẽ chết hoặc tìm kiếm cơ may với Việt Nam. Nhiều người thuộc các sư đoàn Trung ương khi đánh nhau với Việt Nam, không chịu nổi sợ hãi cũng tìm cách trốn. Những cán bộ thường tuyên truyền chống Việt Nam cũng khó khăn khi chọn lựa. Những cán bộ Issarak trước kia một thời có quan hệ gần gũi với Việt Nam, còn sống sót, nay được giao cho sứ mạng vượt qua vùng biên giới đầy đặc mìn. Từ cuối tháng Sáu, Hà Nội bắt đầu phát thanh chương trình tiếng Miên, kêu gọi lật đổ. Tiếng nói của các cán bộ Khmer nổi tiếng, những người tưởng đã chết rồi, nay lại nghe tiếng trên đài làm cho người ta yên tâm. Sự thật là người anh của Heng Samrin, Heng Samkai, một lãnh tụ khác của khu Đông, được Việt Nam giúp đỡ. Năm 1981, Samkai nói với tôi:

“Chúng tôi biết rằng, tự chúng tôi không thể lật đổ Pol Pot được. Chúng tôi phải tìm Việt Nam giúp đỡ.” Là chủ tịch cơ quan vận chuyển thư điện khu Đông, -những người mang thư điện đi lại giữa các bộ phận của đảng, cũng như với Việt Nam, -ông ta biết tiếng Việt từ lâu. Tháng Giêng 1978, ông ta tới biên giới, rồi dọt lên máy bay trực thăng của Việt Nam bay tới thành phố Hồ Chí Minh. Ông và hai người Khmer Đỏ đào tẩu khác tập trung tại trường cảnh sát của chế độ cũ ở Thủ Đức.

Việt Nam CS bắt đầu huấn luyện những người kháng chiến và tập hợp thành phong trào. Sự triệt hạ đảng bộ khu Đông, nơi Việt Nam hy vọng có thể có được cảm tình, đã đóng lại cơ hội có thể qua đó thực hiện sự thay đổi từ trong nước: một cuộc đảo chánh chống Pol Pot. Nay thì có rất ít cơ may cho những người Khmer được huấn luyện ở bên Việt Nam, lên về trong nước để liên lạc với những phần tử bất mãn và tổ chức nổi loạn.

Đã có tiếp xúc giữa Việt Nam và các nhóm nổi loạn khác nhau đang lẫn trốn ở trong rừng. Đầu tháng Chín, Việt Nam mở một cuộc tấn công khác có chiến xa dẫn đầu vào nội địa Kampuchia. Mục tiêu lần này là để tiếp xúc với Heng Samrin và những người theo ông đang trốn trong rừng và hộ tống họ về Việt Nam. Với Heng Samrin, Chea Sim, và những cán bộ Khmer Đỏ còn sống sót khác, một chính phủ tương lai của Kampuchia thân với Việt Nam được thành lập. (43)

Lê Đức Thọ từ Hà Nội bay vào. Tháp tùng ông ta là những chuyên viên Khmer khác trong đảng. Ông triệu tập một cuộc họp gồm có những người Khmer Đỏ đào tẩu, và những thường trú nhân Khmer cũ như Pen Sovan, Chea Soth, tại Thủ Đức trong hai ngày 21 và 22 tháng Chín. Họ quyết định biện pháp quân sự để chống lại Pol Pot sẽ thực hiện vào tháng Chạp, khi mùa màng đã gặt xong và đất đai khô ráo. Toàn nhóm bắt đầu làm việc để thành lập Mặt trận Cứu Nước Đoàn kết Quốc gia Kampuchia và cuộc chiến đấu bắt đầu. (44)

## Trung Hoa thấy được âm mưu

Mọi hoạt động đã sẵn sàng từ mùa hè năm 1978, mặc dù có nhiều điều mà các quan sát viên bên ngoài không thấy được. Với những xáo trộn và tàn sát ở phía đông Kampuchia, với hàng ngàn Hoa kiều chen chân ở Lạng Sơn, thành phố biên giới, với hy vọng về Trung Hoa, và với việc gia tăng hoạt động quân sự của Sô Viết chung quanh Trung Hoa, cơ hội một cuộc xung đột rộng lớn đã ăn khớp nhau. Nhìn từ phía Bắc Kinh, việc Việt Nam đối xử với kiều dân Trung Hoa không hẳn là một bước cải cách để tiến lên xã hội chủ nghĩa, mà cũng



không đơn giản là vấn đề kỳ thị chủng tộc. Nhưng đó là một phần toàn vẹn trong chính sách của Liên xô nhằm mục đích bao vây Trung Hoa. Cuộc xung đột Việt Nam và Kampuchia đang gia tăng được xem là một phần hoạt động của Sô Viết chống lại vai trò lãnh đạo của Bắc Kinh ở trong vùng, bằng cách sử dụng vai trò của một “tiểu bá”. Việt Nam CS thì thấy việc sử dụng bạo lực một cách dữ dội ở Kampuchia và việc Kampuchia tấn công Việt Nam như là một phần kế hoạch do Bắc Kinh khôn khéo lèo lái để đè bẹp Việt Nam. Moscow thì muốn hợp tác lâu dài với Việt Nam vì thấy quan hệ Hoa-Mỹ càng lúc càng nổi bật hơn. Quan điểm của tòa Bạch ốc (gia tăng chủ trương chống Liên Xô Manichean của Brzezinsky) thấy cuộc xung đột Miền Việt là một cuộc “chiến tranh ủy nhiệm” giữa Moscow và Bắc Kinh, qua đó, Trung Hoa đáng được Mỹ hỗ trợ về mặt chiến lược.

Với Moscow, đó là thời gian của cơ hội mà cũng là thời gian của hiểm nguy. Sự bắt đầu cải và công khai giữa Trung Hoa và Việt Nam là cơ hội được Liên Xô chờ đón từ lâu để kéo Việt Nam vào vòng tay của họ. Moscow lợi dụng vấn đề người Hoa ở hải ngoại để lật tẩy việc Trung Hoa dùng Hoa kiều làm đạo quân thứ năm và đạt được thắng lợi tuyên truyền ở Đông Nam Á. Họ quay lưỡi dao về phía Trung Hoa và tố cáo mạnh mẽ Bắc Kinh là “bá quyền nước lớn” và can thiệp vào nội bộ Việt Nam.

Nhưng chuyến đi của Brzezinsky qua Trung Hoa hồi tháng Năm/1978 và công việc khoa trương chống Liên Xô của ông ta ở Bắc Kinh báo động cho Moscow, đặc biệt là bản báo cáo nói tới việc ông ta thảo luận bí mật trao cho Trung Hoa kỹ thuật quân sự và vũ khí. Ngày 25 tháng Sáu, tổng bí thư đảng Cộng sản Liên Xô Leonid Brezhnev tấn công kịch liệt như chưa bao giờ có về chính sách của Mỹ đối với Trung Hoa. Ông ta nói rằng điều này, ở Hoa Kỳ, những ai chơi “lá bài Trung Hoa” là theo đuổi một chính sách “thiên cận và nguy hiểm”. Ông ta cảnh cáo rằng “những ai dùng nó phải hối tiếc cay đắng.” (45)

Một cách bí mật, Liên Xô gia tăng quan hệ với Hà Nội. Bộ Chính trị đảng Cộng sản Việt Nam họp hồi giữa tháng Hai đưa ra một số quyết định lớn về Kampuchia và Trung Hoa, và kết luận rằng Việt Nam sẽ can thiệp quân sự vào Kampuchia cũng như trả miếng Trung Hoa. Để đối đầu với đe dọa từ Trung Hoa, Hà Nội cần một chính sách bảo đảm. Sau này, một quan chức Việt Nam nói với đại sứ Ấn Độ tại Hà Nội: “Chúng tôi rút một ngọn lá khỏi cuốn sách Ấn Độ”. Liên Xô đề nghị ký với Ấn Độ một thỏa ước thân hữu và hợp tác nhằm bảo đảm việc hỗ trợ quân sự năm 1969. Ấn Độ chấp thuận đề nghị đó trong vòng hai năm. Ấn Độ đồng ý ký thỏa ước và chấp nhận sự bảo vệ quân sự của Liên Xô khi nào họ thấy rằng -trong trường hợp có chiến tranh với Pakistan và có khả năng Trung Hoa can thiệp vào nội bộ của họ vì muốn bảo vệ cho Pakistan. Họ cần tới sự bảo vệ của siêu cường. Ba tháng sau khi ký thỏa ước với Moscow, Ấn Độ đánh bại Pakistan và đem lại độc lập cho Bangladesh.

Hà Nội nghiên cứu kỹ lưỡng đề nghị của Liên Xô hồi năm 1975 về một thỏa ước hữu nghị, ngay sau khi Hà Nội chiến thắng miền Nam. Đầu tháng Sáu, tướng Giáp bí mật đi Moscow trình bày bản sơ thảo về thỏa ước nói trên và đưa ra một danh sách các loại vũ khí muốn mua. Trên đường đi Moscow, Giáp không công bố việc dừng chân ở Tân Đề Li. Tại cuộc họp với bộ trưởng Quốc phòng và bộ trưởng Ngoại giao Ấn Độ tại phi trường, Giáp đề nghị Ấn Độ giúp Việt Nam xây dựng một nhà máy sản xuất vũ khí nhỏ. Cho rằng cuộc chiến tranh Việt Miên đang hiện ra ở cuối chân trời, Việt Nam không muốn phụ thuộc hoàn toàn vào Liên Xô về vũ khí. Một quan chức có địa vị quan trọng, người theo dõi rất sát cuộc họp này, hai năm sau, nói với tôi là đề nghị của Giáp bị từ chối hoàn toàn vì thiếu nguyên vật liệu. Đề nghị này của Giáp có thể có kết quả khác đi nếu chính phủ thuộc đảng Quốc Đại của bà Indira Gandhi -người được xem là bà mẹ đỡ đầu cho Bangladesh- nắm chính quyền. Tuy nhiên vì chính phủ của Morarji Desai, chính phủ cánh hữu đầu tiên của Ấn Độ e ngại dính líu vào một cuộc tranh chấp mà rõ ràng là chống lại Trung Hoa và liên minh với Liên Xô.

Liên xô có vẻ giao động bởi vì Việt Nam muốn trở lại thỏa ước hữu nghị. Cuối tháng Sáu, Nikolai Firubin, thứ trưởng ngoại giao Liên xô đi Hà Nội. Trong chuyến đi bí mật đó, ông ta gạt bỏ mọi khác biệt lớn trong bản dự thảo. Thời gian khi nào ký thỏa ước là do Hà Nội quyết định. Trước khi hoàn tất sẽ không được công bố, cũng để cảnh cáo Bắc Kinh. Tuy nhiên thỏa ước sẽ được công bố đúng lúc để ngăn ngừa Bắc Kinh trừ liệu bất cứ một hành động quân sự nào chống Việt Nam. Bộ Chính trị cũng không muốn làm u ám mỗi hy vọng quan hệ bình thường với Hoa Kỳ nếu sớm công bố bản thỏa ước quân sự ký với Liên Xô. (46)

Vì bản thỏa ước hữu nghị Việt-Xô còn chờ chữ ký, việc chuẩn bị hợp lý cho cuộc xung đột trong tương lai vẫn tiếp tục. Tháng Tám, đáp ứng lời yêu cầu của Việt Nam, Liên Xô thực hiện các chuyến vận chuyển vũ khí bằng hàng không và hàng hải cho Việt Nam mà trước kia chưa hề có. Máy bay không lồ Antonov 12 thực hiện khoảng một chục chuyến bay tới Đà Nẵng đổ xuống các loại đại bác, hỏa tiễn, radar và đạn dược để giúp Việt Nam củng cố lực lượng chống Trung Hoa. Máy bay Mig 21 được chở tới Đà Nẵng, lắp ráp thêm ở đây rồi bay ra phía Bắc, sát với biên giới Trung Hoa.

Khi chiến dịch tuyên truyền của Liên Xô gia tăng đến độ đỉnh tại nhưc óc, Trung Hoa cũng đáp lại như thế. Trong ba tuần lễ tấn công đầu tiên của Trung Hoa, tố cáo Việt Nam đầy ải, ngược đãi và trục xuất Hoa kiều, họ bắt đầu đánh giá Việt Nam là tay sai của Liên xô, là một “Cu-Ba ở châu Á...” Lời thóa mạ ám chỉ binh lính Cu-Ba chiến đấu ở Angola vì quyền lợi của Liên Xô. Bắc Kinh cho rằng “Đế quốc Xã hội Chủ nghĩa Liên Xô” là kẻ hỗ trợ và xúi dục chính để Việt Nam chống lại Trung Hoa. (47)

Trong khi cuộc tranh cãi về thỏa hiệp Hoa kiều ở Việt Nam leo thang gay gắt, Trung Hoa hủy bỏ tất cả chương trình viện trợ, tố cáo Việt Nam có hoạt động chống Kampuchia. Từ giữa tháng Sáu, Trung Hoa bắt đầu lặp lại lời Khmer Đỏ tố cáo Việt Nam có chính sách bành trướng lãnh thổ vào Kampuchia. Tờ Nhân Dân Nhựt báo của Trung Hoa phát hành hồi tháng Bảy tố cáo Hà Nội sau khi chiến thắng Hoa Kỳ cũng như các chính phủ ở Đông Dương, đã thủ đắc một số lớn vũ khí “làm cho cái đầu của Việt Nam thì phình to lên và tay chân thì ngứa ngáy muốn giành giật thêm nữa.” Nó làm cho Việt Nam mơ tưởng trở thành “chúa tể” vùng Đông Nam Á và bước đầu “dựng lên” một Liên bang Đông Dương dưới sự kiểm soát của Việt Nam.

Chẳng bao lâu, những tay tuyên truyền ở Bắc Kinh tăng cường tố cáo Việt Nam, cho rằng cuộc xung đột với Kampuchia thuần túy chỉ là mối tương quan giữa Việt Nam thì muốn bành trướng; còn Liên Xô thì có tham vọng làm bá chủ. Họ không còn cho rằng vấn đề Kampuchia, vấn đề người Hoa ở hải ngoại và việc tranh luận giữa hai nước xã hội chủ nghĩa, có thể giải quyết bằng thương lượng. Các nhà bình luận cho rằng “cuộc xung đột này (Việt Nam và Kampuchia) cùng với hành động Việt Nam chống Trung Hoa, gồm cả hành vi ngược đãi và trục xuất kiều dân, xử dụng vấn đề Hoa kiều nhằm phá hoại quan hệ của Trung Hoa với các nước Đông Nam Á, hình thức cấu thành toàn bộ âm mưu. Trong âm mưu đó, siêu cường Liên Xô với chính chủ nghĩa bá quyền, giúp đỡ và che chở Việt Nam thực hiện chủ nghĩa bá quyền trong vùng, Việt Nam thì phục vụ cho người anh lớn Sô Viết của họ.” (48)

## Đã đến lúc phải dạy cho một bài học

Trung Hoa công khai tung ra những lời giận dữ chống Việt Nam, phản ảnh chính sách Trung Hoa vào đầu mùa hè năm 1978. Chủ tịch Mao từng tin tưởng một cách chắc chắn rằng chiến tranh giữa Trung Hoa và đế quốc là không thể tránh được và cô vũ dân chúng giữ vững tư tưởng, chuẩn bị tích trữ lúa gạo và đào hầm ẩn núp. Tuy nhiên, từ khi Mao qua đời và bè lũ bốn tên bị lật đổ, các nhà lãnh đạo mới ở Trung Hoa cần thận hướng tới đường lối lạc quan hơn, thấy rằng sự trì hoãn chiến tranh là điều có thể có được nếu Trung Hoa thành tựu trong việc thành lập

một phong trào đoàn kết quốc tế để chống lại sự đe dọa của Moscow. Vì tham vọng thực thi kế hoạch 10 năm hiện đại hóa, kể từ tháng Ba/ 1978, Trung Hoa cần có một thời gian ổn định lâu dài để chuẩn bị cho cuộc chiến tranh toàn cầu không thể nào tránh khỏi. Các nhà lãnh đạo Trung Hoa cho rằng Trung Hoa có thể mua thời gian để giành trước kế hoạch của kẻ thù ngay từ bước đầu. Một quan chức Trung Hoa nói với chuyên viên quốc phòng Mỹ, Michael Pillsbury hồi tháng Năm/ 78: “Phương Tây có thể phá vỡ thời biểu chiến lược của Liên Xô bằng cách thách đố ảnh hưởng của họ tại các quốc gia thuộc khối thứ Ba có giá trị chiến lược, bằng cách từ chối liên minh với Liên Xô, bằng cách luôn luôn giữ trong óc nhận định về sự yếu kém trong nội bộ Liên Xô. Các yếu kém đó là các vấn đề xã hội, kinh tế và sự cân bằng chủng tộc ở Sô Viết.” (49) Dù không chỉ rõ quốc gia thứ Ba nào, nhưng khi nói tới “giá trị chiến lược” thì người ta chắc chắn rằng đó là Việt Nam. Một cách thú vị, vào lúc Trung Hoa phát triển chính sách mới thì Brzezinsky tới thăm Trung Hoa. Theo nhà chuyên môn về Trung Hoa trong Hội đồng An ninh Quốc gia, Michel Iksenberg, người tháp tùng Brzezinsky tới Trung Hoa, thì “sự hăng say trong việc Trung Hoa tố cáo Việt Nam phản phúc là điều hết sức bất ngờ trong cuộc thảo luận với Brzezinsky”. (50)

Những tiết lộ về sau, theo báo cáo của một người Nhật, trong cuộc họp hồi tháng Năm/1978, Trung Hoa quyết định có hành động đáp ứng sự “khiêu khích của Việt Nam.” và “thách thức biểu dương quân sự nếu Việt Nam liều lĩnh tấn công” là điều hoàn toàn có khả năng xảy ra. (51) Kế hoạch bất ngờ đó, nếu như hồi đó có thực hiện đi nữa, thì hai tháng sau lại được củng cố. Các nhà lãnh đạo Trung Hoa xem xét một cách cẩn thận tình hình quân sự ở Kampuchia và sự sụp đổ của Khmer Đỏ vì áp lực của Việt Nam. Vài nhà lãnh đạo quân sự đề nghị gửi chỉ nguyện quân Trung Hoa tới Kampuchia, lý luận rằng như thế là đặt Kampuchia dưới ảnh hưởng Trung Hoa và cũng làm cho các nước trong khu vực này tin tưởng Trung Hoa. Về sau, một vài nguồn tin Trung Hoa cho tôi biết, “Ý tưởng đó đã bị phản bác ngay tức khắc vì sự khác biệt về nền tảng kinh tế, quân sự và chính trị.” Một quan chức giải thích Trung Hoa tiến tới Kampuchia bằng cách bày tỏ quan điểm của họ: “Một khi không hy vọng người ta tới thì không ai nấu nướng làm chi.” Ông ta nói thêm, “Cuối cùng, nguyên tắc của chủ tịch Mao là việc bảo vệ độc lập, quyền tự trị của một nước là chính công việc của nhân dân nước đó.” Một quan điểm thực tế hơn là về địa lý, Trung Hoa và Kampuchia xa cách nhau. Một điều nguy hiểm khác là có thể khiêu khích Liên Xô can thiệp vào Việt Nam. Việc can thiệp quân sự trực tiếp của Trung Hoa vào Kampuchia sẽ làm cho các nước không Cộng sản ở Đông Nam Á lo ngại, là đối đầu với Tây phương, là làm đảo lộn kế hoạch hiện đại hóa của Trung Hoa. Trung Hoa đồng ý gia tăng viện trợ quân sự và gửi cố vấn đến Kampuchia, tuy nhiên, họ kết luận rằng chính Kampuchia của Pol Pot phải tự lo liệu lấy.

Trong khi bác bỏ việc can thiệp vào Kampuchia, Trung Hoa cũng không chịu để Việt Nam đe dọa nước đồng minh duy nhất của họ ở Đông Nam Á, bằng cách miễn trừ hay thách thức Bắc Kinh về vấn đề trục xuất Hoa kiều, hân hoan với kẻ thù đáng nguyên rủa của Trung Hoa. Các nhà lãnh đạo Trung Hoa, đứng đầu là Đặng Tiểu Bình, chọn một phương cách mà các hoàng đế trước kia đã làm đối với nước Việt Nam “ngao mạn”: Trừng phạt nó. Trong trật tự thế giới của Khổng tử Trung Hoa cổ, không có gì đáng trách mắng hơn là thiếu lòng hiếu thảo với hoàng đế, người cha của thiên triều. Với tất cả những gì đã viện trợ cho Việt Nam trong thời chiến - Bắc Kinh ước tính khoảng hai chục tỷ đôla - Việt Nam bây giờ đá đít Trung Hoa. Tháng Tám/ 1978, một quan chức Bắc Kinh mô tả với tôi như sau, khi nói về sự vong ơn của Việt Nam: “Bọn chúng có trái tim đen tối.”

Sự xúc cảm chắc chắn đã dự phần quan trọng trong thái độ thù địch của Trung Hoa đối với Việt Nam. Mai mỉa thay, con người thù ghét Việt Nam nhất, lại có lúc thương Việt Nam nhất lại chính là Đặng Tiểu Bình. Khi ông ta tái xuất hiện trên chính trường Trung Hoa thì Việt Nam reo mừng. Có lẽ đó là do cảm tình của Đặng ủng hộ Việt Nam trong những năm chiến tranh. Điều ấy làm cho Đặng cảm thấy cay đắng hơn khi ông ta thấy Hà Nội trở mặt. Một nhà ngoại giao

Thái có mặt trong nhiều cuộc họp với Đặng kể lại rằng “khi nói tới Việt Nam, người ta thấy được sự thay đổi nơi Đặng Tiểu Bình.” Việc ông ta ghét Việt Nam là từ trong tạng phủ. Ông ta nhỏ toet vào ông nhỏ rồi gọi Việt Nam là bọn “chó”. Trong cuộc họp báo hồi tháng Mười một/1978, ông ta tuyên bố “Việt Nam là “bọn vô lại” phương Đông”. Bên cạnh ông là thủ tướng Thái Lan Kriangsak Chomanan ngồi co lại một cách lúng túng. Tới tháng Tám, khi những xúc động đó đã qua đi, ý định của Trung Hoa về Việt Nam lại cũng thiếu rõ ràng.

Ba năm sau, một quan chức của Bắc Kinh tiết lộ cho tôi biết, một trong những buổi họp hàng tuần đều đặn hồi đầu tháng Bảy/1978, bộ Chính trị đảng Cộng sản Trung Hoa quyết định “dạy cho Việt Nam một bài học” vì sự vong ơn và xác láo của họ. Quyết định đó, thông qua một cách bí mật, không có sự chống đối. Nhưng Đặng thuyết phục rằng, hành động quân sự có hạn chế chống Việt Nam cũng là bày tỏ cho Liên Xô thấy rằng Trung Hoa sẵn sàng đứng lên để chống lại tên côn đồ lớn, chính là Liên Xô.

Nếu Liên Xô thất bại trong việc giúp đỡ Việt Nam, như Đặng hy vọng, thì điều đó cho thấy Moscow thiếu trách nhiệm, vị thế yếu kém của Liên Xô trong khối thứ Ba. Theo một viên chức Trung Hoa, Đặng cho rằng, để có thể có kết quả, hành động của Trung Hoa không phải là một cuộc tranh chấp giữa một quốc gia với một quốc gia nhưng chính là một phần đóng góp của Trung Hoa vào chiến lược quốc tế chống bá quyền, phục vụ cho quyền lợi bên ngoài. Bộ Chính trị tính toán lại thời gian và khả năng hành động quân sự, quyết định tăng cường liên minh với Hoa Kỳ, các nước không Cộng sản ở châu Á và Tây phương. (52)

Cuối tháng Bảy/1978, khi bộ trưởng Quốc phòng Kampuchia Son Sen tới Bắc Kinh để mưu tìm cam kết viện trợ quân sự chống lại Việt Nam, ông ta nghe đầy tai về lòng tự tín. Đặc biệt, những lời chối tai trong diễn văn là của Đặng Tiểu Bình, người có lần bị Khmer Đỏ đã kích là tên “phản cách mạng”. Ông ta nói thẳng với Son Sen là viện trợ của Trung Hoa sẽ chẳng có ích lợi gì nếu Kampuchia không chịu từ bỏ chính sách “cực đoan” và thành lập mặt trận đoàn kết chống kẻ thù. Trung Hoa thúc đẩy Khmer Đỏ đưa thái tử Norodom Sihanouk lên đứng đầu chính phủ, và cố gắng cải thiện hình ảnh Kampuchia với quốc tế. Các nhà lãnh đạo Trung Hoa khuyến cáo Son Sen nên chuẩn bị kéo dài chiến tranh du kích bằng cách đào hầm, thành lập các nơi chôn dấu vũ khí và động viên quần chúng. Nếu Việt Nam xâm lăng trở lại thì nên áp dụng du kích chiến hơn là đối diện chiến đấu. Trung Hoa hứa sẽ gây sức ép với Việt Nam nhưng không nói rõ họ sẽ làm như thế nào. (53)

Dù khuyến cáo nên có lòng tự tín, chẳng bao lâu sau, Trung Hoa thiết lập cầu không vận vũ khí và đạn dược viện trợ cho Kampuchia mà trước kia chưa có bao giờ. Ngoài những chuyến bay hai tuần một lần qua không phận Lào, lại có thêm 5 chiếc Boeing 707 bất thường qua lại giữa Quảng Đông và Phnom Pênh bay trên không phận biển Nam Hải. (Đông Hải -nd) Cùng với vũ khí và đạn dược, hàng trăm cố vấn Trung Hoa bay tới Kampuchia. Theo tình báo Mỹ ước đoán, tới cuối năm 1978, tổng số nhân viên Trung Hoa có mặt ở Kampuchia lên tới năm ngàn người.

Tuy nhiên, việc chuẩn bị chính cho hành động quân sự của Trung Hoa chống Việt Nam khởi đầu bằng ngoại giao. Nhờ sự thúc đẩy kín đáo của Brzezinsky với Tokyo, tháng Tám/1978, Nhật ký thỏa hiệp thân hữu và hòa bình lâu dài với Trung Hoa. Một điều khoản trong thỏa ước đó nói về việc chống lại chủ nghĩa bá quyền từ bất cứ thế lực nào là cú đấm ngoại giao đầu tiên của Trung Hoa đối với Sô Viết. Với sự có mặt của Leonard Woodcock ở Bắc Kinh, và của Chai Zemin ở Hoa Thịnh Đốn, đứng đầu phái bộ đại diện của hai nước, một tiến trình mới bắt đầu cố gắng bình thường hóa quan hệ ngoại giao Hoa-Mỹ. Và khi ngành truyền thông Trung Hoa mở chiến dịch ve vãn các nước láng giềng ở Đông Nam Á, (từ lâu họ nghi ngờ Trung Hoa chủ trương phát triển cách mạng), để chuẩn bị chuyến đi lịch sử và vếu ngoại vi rách nát của Đặng tới các nước không-Cộng sản ở vùng Đông Nam Á.

Khi mùa hè năm 1978 tới gần hơn, Việt Nam và Trung Hoa lặng lẽ vạch kế hoạch chiến đấu. Tuy nhiên, trước khi tiếng súng bùng nổ, là thời gian giành lấy bạn hữu và cô lập kẻ thù.

Một trong những phần thưởng lớn nhất trong cuộc chạy đua Hoa-Việt này chính là ở một người mà mới đây họ đã tìm cách đuổi ra khỏi châu Á: Chú Sam.

Người Mỹ:  
hãy về đi

---

Phụ tá thứ trưởng Ngoại giao Hoa kỳ Richard Holbrooke thực hiện một nguyên tắc: im lặng là cách tốt nhất ở chỗ đông người. Ngày 27 tháng Chín/1978, lần thứ hai trong một tuần lễ, nhóm thương thuyết ít người của ông tập trung với phái bộ Mỹ ở Liên Hợp Quốc giữa sự sinh hoạt ồn ào của Đại Hội Đồng LHQ. Sự lưu thông vào buổi chiều trên đại lộ số 5 hết sức đông đúc với cả hàng lô xe đưa các ông bộ trưởng, các ông đại sứ chen chúc nhau trong dòng xe cộ thường nhật cùng với các cỗ xe chở du khách tiến tới tòa nhà Liên Hợp Quốc. Các ông tổng thống, thủ tướng và bộ trưởng ngoại giao của 140 quốc gia đi xuống khu phố Manhattan. Họ gặp các phát

ngôn viên, thông báo buổi họp của Đại hội Đồng và tham dự hàng loạt cuộc tiếp tân, tiệc tùng, hội họp náo nhiệt. Holbrooke nghĩ rằng lý tưởng nhất là nên lặng lẽ nói chuyện với Việt Nam để đặt lại quan hệ bình thường. Hồi tháng Hai, đại sứ Việt Nam tại Liên Hợp Quốc bị trục xuất vì dính líu vào một vụ gián điệp, việc liên lạc với Việt Nam không còn bình thường nữa, những hoạt động công khai giữa hai bên chết yểu, theo Holbrooke, không làm tổng thống Carter vui lòng.

Các cuộc dàn xếp bí mật diễn tiến theo đúng kế hoạch. Báo chí khó có thể đánh hơi được cuộc gặp gỡ đầu tiên của ông với thứ trưởng ngoại giao Nguyễn Cơ Thạch năm ngày trước đó. Buổi chiều 27 tháng Chín, chẳng ai lưu ý khi Holbrooke, Frank Wisner, thành viên bộ tham mưu Hội Đồng An Ninh Quốc gia Michel Oksenberg, và hai phụ tá bộ Ngoại giao đi taxi tới gặp đại biểu Việt Nam lần thứ hai. Phái bộ Việt Nam chỉ có mấy người, tránh mặt trong một khu gia cư ở building vô danh 35 tầng, xây bằng gạch và kiếng ở Waterside Plaza, trông xuống Sông Đông (East River) là một nơi chẳng có gì huy hoàng nhưng lại là nơi có tính cách lịch sử. Holbrooke tin chắc chuyến gặp gỡ với Thạch lần này, cuối cùng sẽ đóng lại một chương đau buồn của lịch sử Mỹ vì những năm Mỹ tham chiến ở Việt Nam và tiến tới một thời kỳ lịch sử mới. Tuần rồi, sau khi ký kết thành công thỏa hiệp Camp David giữa Menachem Begin và Anwar Sadat, trong trí của Carter, bình thường hóa quan hệ với Hà Nội sẽ là bước thứ hai.

Trong buổi họp với Thạch ngày 22 tháng Chín, Holbrooke ngạc nhiên vì Việt Nam kiên trì đòi hỏi phải có viện trợ Mỹ mới tái lập quan hệ ngoại giao. Ông ta đem theo một tập hồ sơ dày, trong đó có những lời phát biểu chung hay với tính cách riêng của những người có trách nhiệm, tuyên bố từ hồi tháng Bảy là Việt Nam muốn tái lập quan hệ với Hoa Kỳ mà không có điều kiện tiên quyết nào. Nhưng mỗi khi ngồi vào bàn thương nghị thì Thạch lại bắt đầu điệp khúc về lương tâm của người Mỹ đối với Việt Nam bằng viện trợ tái thiết. Đó những đề nghị vô ích làm cho các cuộc thương nghị năm 1977 thất bại. Ông ta báo cáo với bộ trưởng Ngoại giao: “Tôi không tin điều ấy. Việt Nam vẫn cứ đòi tiền”.

Tuy nhiên, biết chiến thuật thương nghị của Việt Nam, Holbrooke hy vọng Thạch sẽ từ bỏ điều kiện ấy trong cuộc họp lần 2. Ông ta nghĩ, dù sao, Thạch không đòi hỏi buổi họp thứ hai vì hôm 22 tháng Chín, Holbrooke đã phá vỡ buổi họp, nói rằng chẳng ích lợi gì nếu cứ tiếp tục công việc theo phương cách đó. Thực ra, Holbrooke chẳng tin Thạch cuối cùng sẽ thỏa thuận việc lập quan hệ ngoại giao vô điều kiện. Vì vậy ông ta mang Oksenberg theo ngồi bên cạnh. Ông ta biết có vấn đề an ninh quốc gia của tổng thống Carter là Zbigniew Brzezinski không nhiệt tình thiết lập liên lạc với quốc gia mà ông ta cho là “đệ tử” của Liên Xô. Việt Nam, đặc biệt đang có xung đột với Trung Hoa, đồng minh chiến lược của Hoa Kỳ. Holbrooke tính rằng Việt Nam khi khước từ, không còn đòi được viện trợ trước mặt của Oksenberg, chuyên viên về châu Á của Brzezinski sẽ gây khó khăn cho Hội Đồng An ninh Quốc gia, nơi đây thường gây trở ngại cho kế hoạch bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

Cuộc họp có vẻ như một việc thương mại. Thạch mặc bộ đồ màu xanh biển, đón chào họ khi họ vào khu Việt Nam. Sau cái bắt tay ngắn ngủi, đoàn Mỹ ngồi xuống ghé bên cái bàn màu rơm ở trong góc căn phòng có đồ đạc thừa thớt, có lẽ nơi dùng để tiếp tân của phái đoàn Việt Nam. Đối với chuyên viên về vấn đề Trung Hoa Oksenberg, đây là lần đầu tiên ông ta đụng đầu với quan chức Việt Nam. Ông hơi ngạc nhiên vì trông Thạch, 53 tuổi, vẫn còn trẻ. Dáng bộ ông ta trẻ trung và hay cười. Tuy nhiên, bộ điệu đó không che dấu được ba thập niên kinh nghiệm của Thạch trong chiến tranh và ngoại giao. Chuyện trò khi uống trà trong giờ nghỉ, Thạch nói với người Mỹ rằng ông ta là trung tá trong quân đội Việt Minh vào thời kỳ có cuộc bao vây lịch sử quân đội Pháp ở Điện Biên phủ năm 1954. Hai năm sau, ông ta bắt đầu sự nghiệp ngoại giao khi làm tổng lãnh sự ở Tân Đề Li. Lúc này, Thạch nói được tiếng Pháp, học cách xã giao theo Âu tây và học thêm tiếng Anh. Có lần ông ta hỏi một người phỏng vấn ông khi chắc rằng ông ta chỉ muốn mình là người Việt Nam mà thôi: “Ông có nghe mùi cà-ri trong tiếng Anh của tôi không?” Kiến thức Anh ngữ và kinh nghiệm ngoại giao được xử dụng hồi thập niên 1970, khi ông ta làm

phụ tá cho Lê Đức Thọ trong các cuộc thương nghị dai dẳng với Henry Kissinger. Bây giờ thì tới phiên ông ta. Thạch bắt đầu xuất hiện, làm đại diện cho Việt Nam và nhanh chóng chứng tỏ rằng con người ông chẳng gì thay đổi. Ông ta nói nếu người Mỹ tới Hà Nội có mang cái gì trong tay thì hay lắm. Holbrooke lại lặp lại Hoa Kỳ không thể hứa gì cả. Sau một tiếng rưỡi đồng hồ bàn qua cãi lại chẳng có ích gì, Holbrooke thu gom giấy tờ bỏ vào kẹp rồi ra dấu buổi họp coi như xong. Ông ta nói: “Ông Thạch, chúng ta đã đi tới gần cuối đường. Nếu đây là tất cả những gì ông trình bày thì chẳng còn gì để tiếp tục thảo luận nữa.” Thạch trả lời: “Chúng ta uống chút trà.”

Họ rời bàn và đi tới góc phòng phía bên kia. Ở đó, bình ca-phê, trà, bánh cúc-ki và chĩa giò dọn sẵn trên bàn. Mỹ-Việt nhấp cà-phê và nhắm chĩa giò trong khi bầu trời trên sông Đông chuyển qua màu tím. Suốt cả buổi chiều hôm đó, Oksenberg ngồi nín thinh, mặt cau có. Ông ta hết sức bi quan về việc bình thường hóa quan hệ, thực sự nghiêm trọng đối với Việt Nam. Với ông, tuồng như Holbrooke là người làm cho tình hình xấu đi vì cứ buộc Thạch phải từ bỏ yêu cầu viện trợ. Thạch biết Oksenberg là ai và cảm thấy bất lợi. Ông ta cố làm cho cuộc nói chuyện nhẹ nhàng theo phong cách của ông. Oksenberg làm như không biết tới cố gắng đó, nhìn chăm chăm vào chân trời phía khu công nghiệp Queens hiện lên ngoài cửa sổ. Sau này, Oksenberg kể lại: “Tôi không thể nói gì với ông ta. Đây là lần đầu tiên tôi gặp một người Việt Nam.” Để phá tan sự im lặng, Holbrooke chấm dứt cuộc thảo luận.

Khi sự căng thẳng đã qua, Holbrooke sắp sửa chia tay với Thạch, Thạch nói: “Hãy bàn thêm chút nữa.” Khi họ trở lại cái bàn màu rom, bất thần Thạch trở thành con người khác. “Okay! Tôi sẽ nói những gì ông muốn nghe. Chúng ta để lại những trở ngại đó về sau. Chúng ta hãy lập lại quan hệ bình thường mà không có điều kiện tiên quyết.” Sau này Holbrooke thuật lại: “Xong. Như Thạch bày tỏ. Rồi ông ta muốn một thỏa ước, đã hai năm chưa bàn xong, thì bây giờ lại hoàn tất trong vòng mười phút.” Thạch yêu cầu Holbrooke ký một công hàm ngoại giao về quan hệ giữa hai nước. Ông ta nói: “Có máy chữ ở đằng kia. Cả hai nhóm tham mưu thảo luận để viết thành văn bản, trong khi chúng ta uống trà.” Holbrooke có vẻ hân hoan. Ông ta nói: “Đây là sự phát triển có tính cách xây dựng. Một bước tiến rất đáng kể.” Nhưng ông ta từ chối ký bất cứ một văn bản nào vào lúc này như Thạch yêu cầu. Ông ta nói: “Tôi sẽ đệ trình việc này lên tổng thống. Chúng tôi sẽ xem xét rất cẩn thận đề nghị của ông. Và sẽ báo cho ông biết lúc nào chúng ta có thể tiến hành.” Thạch đang nôn nóng về thỏa ước đó, ít ra sẽ được ký vào lúc bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam Nguyễn duy Trinh đang ở Nữ Ước vào tuần đầu tháng Mười. Tuy nhiên, Holbrooke nói là khó có thể trả lời trong khoảng thời gian đó.

À “Được rồi”, Thạch nói. Ông ta sẽ ở lại Nữ Ước cho tới 20 tháng Mười. Rồi như một trò ảo thuật, buổi họp buồn tẻ đó chuyển mình. Viễn ảnh tòa đại sứ Mỹ được thiết lập ở Hà Nội hiện lên ở cuối chân trời. Thạch nói với Holbrooke tòa nhà thời Pháp thuộc là lãnh sự Mỹ ở Hà Nội sẵn sàng để cho người Mỹ xử dụng. Tòa đại sứ cũ của Cộng Hòa Miền Nam ở Hoa Thịnh Đốn đang bị bỏ trống là điều Holbrooke vui vẻ hứa với Thạch. Thạch chẳng thể chờ bàn tới số lượng nhân viên ngoại giao của mỗi tòa đại sứ, việc thiết lập phương cách liên lạc và các bư kiện ngoại giao. Thời gian bây giờ là củng cố các vấn đề then chốt của bản thỏa hiệp.

Khi Holbrooke vui vẻ ra về với nụ cười rạng rỡ với Thạch, trời Nữ Ước đã tối. Nhưng, tuồng như đó là một ngày mới vậy.

Với việc loại bỏ trở ngại cuối cùng và thiết lập quan hệ với Việt Nam, chính sách ngoại giao của Mỹ như đụng phải một ngã tư đường. Đó là lúc cần phải quyết định. Sự xung đột có tính cách chiến lược đối với Trung Hoa và Đông Nam Á từ lâu mà Zbigniew Brzezinsky và Cyrus Vance theo đuổi, không có điểm mâu thuẫn công khai nào thì bây giờ lại phải giải quyết. Việt Nam và Trung Hoa, Kampuchia và Việt Nam rõ ràng là con đường đụng đầu bằng vũ lực càng lúc càng gia tăng nguy hiểm nếu Liên Xô can dự vào. Có thể nào Washington đứng về phía Trung Hoa và đồng minh đáng ghê của họ là Khmer Đỏ để trở thành một liên minh chống Liên Xô -như Brzezinsky chủ trương. Hay họ sẽ quan tâm đến cuộc xung đột đang hình thành như

Vance và Holbrooke đã làm, trở thành cuộc xung đột giữa các quốc gia có căn nguyên từ trong lịch sử mà Hoa Kỳ sẽ đứng ngoài? Quyền lợi của Mỹ ở châu Á và trên thế giới liệu có tốt đẹp hơn khi Hoa Kỳ có quan hệ ngoại giao bình thường với cả Trung Hoa lẫn Việt Nam? Hay Hoa Kỳ sẽ không thêm lưu tâm đến Hà Nội để đạt hữu nghị với Trung Hoa? Hai nước Cộng sản lớn hàng đầu ở Châu Á đang tỏ dấu mời Hoa Kỳ trở lại vùng này để đóng một vai trò chính. Bây giờ là lúc Jimmy Carter quyết định quay trở lại giữ thế cân bằng quyền lực hay đứng về phía nào?

## Gỗ cửa nhà Mỹ

Cuộc tiếp xúc Mỹ-Việt ở cấp cao hồi mùa Thu năm 1978 là cuộc gặp gỡ sau mười tháng băng giá. Trong vòng đàm phán cuối cùng giữa Holbrooke và thứ trưởng Ngoại giao Việt Nam Phan Hiền hồi đầu tháng 12/1977, Việt Nam đã ngưng đòi viện trợ kinh tế như là điều kiện tiên quyết. Nhưng dù sao, Hiền cũng cứ khăng khăng đòi Hoa Kỳ phải có cam kết riêng về viện trợ kinh tế sau khi quan hệ ngoại giao bình thường thiết lập xong. Cuộc họp hôm đó chấm dứt và thất bại.

Hai tháng sau, có một luồng không khí mới. Ronald Humphrey, một công nhân cơ quan Thông tin Hoa Kỳ và Daid Trương (Trương đình Hùng - nd), người Cộng sự với Ronald bị truy tố về tội gián điệp, và đại sứ Việt Nam tại Liên Hợp Quốc, Đinh Bá Thi, được xem là người đồng mưu nhưng không bị truy tố. Thi bị trục xuất khỏi Mỹ.

Vụ gián điệp này chỉ có tính cách quan trọng giới hạn. Những bức điện bị đánh cắp chỉ ở mức thấp nhất và có vài thứ cũng chẳng được xếp loại gì cả. Một trong những bức điện đó có nói tới quan điểm của các nhà ngoại giao Ấn Độ và Nam Tư ở Hà Nội. Một bức điện khác thì nói tới quan điểm của phái bộ Woodcock trong việc hòa giải với Việt Nam. Những bức điện khác thuộc loại “đáng tin” là chi tiết của những chuyến bay của hãng Air France đến và đi tại thành phố Hồ Chí Minh trong khoảng thời gian một tháng. Chẳng phải là một cú điệp báo lớn cho Hà Nội và cũng chẳng ảnh hưởng gì tới tình hình an ninh Mỹ. Nhưng thật mai mỉa vì đúng là nó có ý nghĩa giới hạn cho ai ăn cắp điện tín, tạo nên một trường hợp hoàn hảo để FBI nắm đầu đưa ra tòa. Có vài lần FBI thất bại trong việc đưa vài tay gián điệp ra trước pháp luật. Truy tố điệp viên không thể đem ra công lý mà không tiết lộ bí mật điều điệp viên đã ăn cắp. Trường hợp này có người Việt Nam dính líu, đúng là trường hợp lý tưởng để trừng phạt người phạm tội mà không có gì nguy hại cho an ninh quốc gia. Ít ra, vài quan chức ở bộ Ngoại giao ngạc nhiên bởi vì có quyết định nhanh chóng tố cáo đại sứ Việt Nam ở Liên Hợp Quốc, - nhân vật không thể bị truy tố, là kẻ tòng phạm trong vụ gián điệp này. Có phải người ta muốn vội vàng trả thù? Ít ra, phía Việt Nam cũng tố cáo như vậy. Robert Oakley, phụ tá của Holbrooke về Đông Nam Á nói rằng phía Việt Nam chẳng bao giờ hiểu được tại sao Hoa Kỳ đã làm như vậy. “Vi luật pháp, vì vấn đề chính trị nội bộ, vì những điều khác nữa, chúng tôi chẳng có cách nào khác” (trục xuất đại sứ Đinh Bá Thi). (1)

Vụ này chẳng đáng là một cái cước chú trong một cuốn sách nói về quá trình gián điệp Đông-Tây, nhưng nó cho chúng ta thấy một khúc ngoặt trong lịch sử quan hệ Mỹ-Việt. Oakley nói: “Đúng là làm cho mọi việc tê cứng lại.” Washington hoàn toàn chẳng biết gì việc ấy. Và trong sự trùng hợp mai mỉa, nó đưa tới quyết định trục xuất đại sứ Việt Nam ngay lúc các nhà lãnh đạo Việt Nam đang giữa tiến trình đánh giá lại chính sách ngoại giao của họ.

Tháng Giêng/ 1978, bộ Chính trị họp, để xem xét công việc chuẩn bị quân sự chống Trung Hoa và Kampuchia, và cũng để kết thúc quan điểm cho rằng bây giờ là lúc cần xúc tiến thương thảo bình thường hóa quan hệ với Mỹ và phát triển quan hệ với các nước không - Cộng sản trên thế giới, nếu như phải từ bỏ viện trợ Mỹ cũng đành. (2)



Quyết định của Việt Nam từ bỏ điều kiện tiên quyết về viện trợ là một sự nhụt chí. Không những nó có nghĩa là từ bỏ hy vọng kiếm được tiền, mà cũng là một điều thất bại cho chính sách ngoại giao nữa. Mặc dù chiến thắng của Việt Nam làm cho người Mỹ choáng váng, đây cũng là lần đầu tiên một thế lực bị đánh bại được tái lập quan hệ ngoại giao mà chẳng phải trả một đồng xu nào cho việc bồi thường. Nhưng quyền lợi an ninh của Việt Nam là trên hết. Một loạt sự kiện xảy ra hồi cuối năm 1977 và đầu năm 1978 cho Việt Nam thấy rõ rằng họ phải tìm viện trợ quân sự ở Liên Xô để chuẩn bị cho cuộc xung đột với Trung Hoa và Kampuchia - một đường hướng có thể làm phương hại nghiêm trọng đến tham vọng của họ trở thành một sức mạnh xã hội chủ nghĩa độc lập ở Đông Nam Á. Một tòa đại sứ Mỹ hiện diện ở Hà Nội không những là sự cân bằng quyền lực với Sô Viết mà còn có thể ngăn ngừa hoạt động của Trung Hoa nhằm cô lập Việt Nam ở vùng Đông Nam Á.

Kế hoạch của Việt Nam giờ đây bỗng trở nên u ám vì việc ông đại sứ của họ bị trục xuất ra khỏi nước Mỹ. Việc xét lại tội trạng sau vụ xì-căng-đan đó làm cho quan hệ Mỹ-Việt trở nên băng giá. Sau vòng họp thứ tư giữa Richard Holbrooke và Phan Hiền, chương trình nghị sự chuẩn bị cho tháng Hai sắp tới bị đình hoãn.

## Chuyến đi Hạ Uy Di

Tuy nhiên, đây không phải là lúc để Hà Nội giận hờn lâu. Việt Nam hết sức quan tâm chuyến đi Trung Hoa của Brzezinsky và lời tuyên bố của ông ta hỗ trợ nước này chống lại bá quyền địa phương, người ta hiểu ngay là ám chỉ Việt Nam. Sự căng thẳng Việt-Hoa gia tăng, Bắc Kinh viện trợ vũ khí cho Kampuchia, Việt Nam chuẩn bị can thiệp vào Kampuchia hồi mùa hè năm 1978, nên việc thiết lập quan hệ với Hoa Thịnh Đốn là vấn đề khẩn trương. Fred Brown, một quan chức bộ Ngoại giao kể lại: “Việt Nam muốn bình thường hóa vào ngày Lễ Lao Động, hoặc ít ra là Ngày Lễ Tạ Ơn” (Thanksgiving). Chờ đợi để họp với người Mỹ, dù sao, Hà Nội cũng đặt thành vấn đề. Trong chuyến đi thăm Tokyo hồi đầu tháng Bảy, Phan Hiền phát biểu trong một cuộc họp báo, cho biết toàn bộ vấn đề viện trợ Mỹ vẫn còn được giải quyết. Việt Nam không còn thúc đẩy điều kiện tiên quyết để bình thường hóa. Ông ta nói: “Về phía chúng tôi, chúng tôi giữ thái độ mới, nhìn tới phía trước”. Ông ta cũng nói Việt Nam chuẩn bị đón tiếp người Mỹ nếu họ đến với thái độ thân hữu và hợp tác. Tuy nhiên, “khi họ đến mà có cầm cái gì trong tay thì chúng tôi hoan hô hơn là họ đến với hai bàn tay không.” (3)

Sau Tokyo, Phan Hiền đi Úc. Trong buổi họp với thủ tướng Úc Malcolm Fraser, và bộ trưởng Ngoại giao Andrew Peacock, Hiền lặp lại lời ông ta phát biểu trước kia là lập lại quan hệ ngoại giao vô điều kiện. Andrew Peacock nói với tôi: “Trước khi Hiền đến, tôi đã nói chuyện điện thoại hai, ba lần với Dick (Holbrooke) về vị thế mới của Việt Nam. Tôi lại gọi ông ta sau khi họp, ông ta hoàn toàn lạc quan vì họ (Việt Nam) không còn đòi hỏi điều kiện tiên quyết nữa.” (4)

Holbrooke lại càng lạc quan nhiều hơn khi Việt Nam nói thẳng với quan chức Hoa Kỳ. Một cuộc họp xảy ra hồi tháng Bảy khi Hà Nội nhận lời mời trước kia, gọi một phái đoàn đến thăm Trung tâm Hỗn hợp Giải lý Thương vong ở Honolulu để xem xét kỹ thuật khám phá pháp y nhận dạng bằng các mẫu xương và tóc do người Mỹ thực hiện. Hoa Kỳ hy vọng phương tiện này sẽ thúc đẩy Việt Nam gia tăng tìm kiếm người Mỹ mất tích ở Đông Dương. Theo một người Mỹ tham dự buổi họp kể lại, cuộc họp hết sức nồng ấm và thân thiện. Một quan chức bộ Ngoại giao Việt Nam, Vũ Hoàng, lần đầu tiên đến thăm Hoa Kỳ, rất niềm nở. Ông ta nói với Frank Sieverts, quan chức bộ Ngoại giao phụ trách vấn đề MIA (Người Mỹ mất tích trong chiến tranh) rằng: “Trong đời tôi, chưa bao giờ tôi ngủ ngon như vậy.” Sau khi thăm viếng trung tâm này (JCRC) và thảo luận việc hợp tác, Fred Brown mời Hoàng đi thăm viện Hải Sản (Marine Zoo). Trong khi nhìn cá heo, Hoàng nói nhỏ một tin mới cho Brown. Việt Nam không đòi viện trợ để bình thường

hóa quan hệ ngoại giao nữa. Đã lâu mới có một lời phát biểu trực tiếp từ một quan chức Việt Nam sau nhiều lần nói bóng gió khác nhau. Brown thích thú gọi điện thoại báo cho Holbrooke ở Hoa Thịnh Đốn. Holbrooke nói tin đó tốt đấy, và nói thêm rằng ông ta muốn trực tiếp nghe thêm từ phía Việt Nam.

Tuy nhiên, Holbrooke vẫn lạc quan. Trong khi các nhân viên phục vụ tại bộ Ngoại giao phần khởi một cách kín đáo về khả năng quan hệ với Hà Nội thì những lời tuyên bố công khai của bộ Ngoại giao cho biết tình hình không có gì thay đổi, và Hoa Kỳ chưa chính thức ghi nhận được gì từ phía Việt Nam. Từ khi không còn lịch trình thương nghị, không có dịp nào để Việt Nam chính thức tuyên bố với Hoa Kỳ. Thực ra, Holbrooke đã từ chối lời đề nghị của Hà Nội thực hiện một vòng hội đàm mới ở Paris vào tháng Tám. Sau này, Holbrooke giải thích với tôi là ông ta muốn tránh cái nhìn soi mói của công luận Paris và yêu cầu gặp Việt Nam một cách lặng lẽ vào tháng Chín ở Nữ Ước, khi Đại Hội Đồng Liên Hợp Quốc họp, đặc biệt là lúc có nguy cơ chiến tranh xảy ra giữa Việt Nam và Trung Hoa. Đó không phải là một hoạt động ngoại giao mở lại các cuộc thảo luận với Hà Nội. Việt Nam cũng vậy, trong khi đưa ra những lời bóng gió, và những bảo đảm riêng có sự uyển chuyển mới của họ, rõ ràng là họ không muốn từ bỏ việc trả giá trước khi có một cuộc gặp mặt đối mặt khác với các nhà thương thuyết Hoa Kỳ. Khi dân biểu John P. Murtha, người tham gia phái đoàn Dân biểu Hạ Viện đến Hà Nội để xem xét vấn đề MIA, ông ta có hỏi khi nào thì Hà Nội từ bỏ điều kiện tiên quyết, Phan Hiền nói có vẽ bí ẩn: “Chúng tôi biết là chúng tôi phải uyển chuyển như thế nào.” Hỏi tới chi tiết, ông ta đùa với Murtha: “Đề đó cho các nhà thương thuyết. Đừng làm cho Holbrooke xao lãng công việc của ông ta.” (5)

Dù phía Việt Nam không lấy làm vui vì sự trì hoãn cuộc gặp với Holbrooke, họ vẫn còn tin sẽ có một vòng hội đàm nữa ở Nữ Ước, công việc bình thường hóa sẽ tiến nhanh hơn. Một loạt các cuộc thăm viếng của các thành viên quốc hội tại Hà Nội hồi mùa hè cũng có thêm hy vọng của họ. Phái đoàn quốc hội do dân biểu Sonny Montgomery dẫn đầu đưa ra lời mời thủ tướng Phạm văn Đồng và Phan Hiền qua thăm Hoa Kỳ. Đáp lại, phía Việt Nam trao cho phái đoàn này 15 bộ hài cốt người Mỹ mất tích trong chiến tranh.

Trở về Hoa Thịnh Đốn, Montgomery khuyến cáo chính quyền nên tức khắc mở lại các cuộc thương nghị với Hà Nội để thiết lập hoàn toàn quan hệ ngoại giao và thương mại với Việt Nam. Dân biểu Murtha giải thích một cách tích cực: “Họ rất nôn nóng muốn họp lại. Họ sợ Trung Hoa.”(6) Một toán người do thượng nghị sĩ Edward Kennedy gửi đi, sau khi từ Hà Nội về, mạnh mẽ khuyến cáo nên thiết lập ngoại giao với Hà Nội và gia tăng viện trợ nhân đạo. Bản tường trình của Ủy ban Tư pháp Thượng viện có nói: “Quả là chúng ta đạt tới một quyết định lịch sử trong chính sách ngoại giao của chúng ta... bây giờ chúng ta đang gặp cơ hội hòa bình để có thể đạt được điều chúng ta mưu cầu trong chiến tranh: Bảo vệ quyền lợi của nước Mỹ ở vùng Đông Nam Á bằng cách bảo vệ độc lập cho Việt Nam khỏi bị thế lực nào ở bên ngoài thống trị.”(7) Một thành viên trong nhóm ghi nhận riêng một cách trớ trêu rằng chính Phạm văn Đồng đã nói một câu gần như câu của ngoại trưởng Dean Rusk đã nói trước kia: “Hoa Kỳ cần thiết có mặt ở đây để giúp gìn giữ hòa bình và sự ổn định ở Đông Nam Á.” (8)

Mặc dù Việt Nam lo lắng theo dõi khuynh hướng của Brzezinsky thiên về Trung Hoa nhưng họ cũng tin rằng vì quyền lợi của mình, chẳng bao lâu nữa Hoa Thịnh Đốn sẽ đồng ý thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam. Rồi với thỏa hiệp ngoại giao ký với Hoa Kỳ ở trong túi, Hà Nội có thể tiến hành ký thêm một thỏa hiệp hữu nghị với Moscow. Thắt chặt với Hoa Kỳ và một thỏa hiệp ký với Liên Xô giúp Việt Nam có được đảm bảo từ hai phía chống lại áp lực Trung Hoa và xúc tiến công việc chuẩn bị chiến tranh với chế độ Pol Pot. Hà Nội không biết rằng khuynh hướng ở Washington bây giờ là quay trở lại chống Việt Nam. Một nhóm phụ tá của tổng thống, cuối tháng Sáu, soạn thảo một kế hoạch để thiết lập ngoại giao hoàn toàn với Trung Hoa vào tháng 12/1978. (9)

Trong bản ghi chép viết ngày 7/ tháng 7/ 1978, Brzezinsky lưu ý Carter quyết định chính họ phải thực thi là với Trung Hoa, chứ không phải Việt Nam. Ông ta viết: “Sự phát triển quan hệ giữa hai nước, chúng ta (Hoa Kỳ và Trung Hoa) sẽ làm cho cán cân quốc tế thay đổi lớn.” Ông ta cảnh cáo rằng tiến tới lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam chỉ là khiêu khích Trung Hoa.(10)

Ngày 5 tháng Bảy, sáu ngày trước khi Hiến công bố quan điểm mới của Việt Nam ở Tokyo, cuộc thương nghị bình thường hóa quan hệ Hoa-Việt bắt đầu ở Bắc Kinh. Vì sự trì hoãn các cuộc họp với Hà Nội, Holbrooke không biết cơ hội của Việt Nam đang khép lại và Trung Hoa được đẩy vào cuộc chạy đua cùng với Việt Nam trong tiến trình bình thường ngoại giao. Hoạt động chống Trung Hoa trong nỗ lực bình thường hóa của Việt Nam đối với mọi người đã rõ ràng, tạo ra vài sự chống đối. Bí mật bao trùm toàn bộ những cuộc thảo luận bình thường hóa Hoa-Mỹ được bảo vệ kỹ để chống lại bất cứ dò xét hoặc đối lập chính trị nào.

## Thời gian để liên minh

Kể từ chuyến viếng thăm bí mật của Kissinger và chuyến đi lịch sử của tổng thống Richard Nixon hồi tháng Hai năm 1972, quan hệ giữa Trung Hoa và Hoa Kỳ vẫn còn băng giá. Mao Trạch Đông bồn chồn muốn củng cố Trung Hoa để chống lại Liên Xô thù địch đang ngày càng gia tăng, nên nôn nóng muốn thiết lập quan hệ ngoại giao với Hoa Kỳ. Đó là một phần trong chiến lược “Mặt trận Đoàn kết”, bắt tay với một kẻ thù ít nguy hiểm hơn để chống lại kẻ thù chính là Liên Xô. Đầu năm 1973, các phái bộ liên lạc đã được thành lập ở Hoa Thành Đôn và Bắc Kinh. Quan hệ thương mại và văn hóa đã thiết lập xong. Tuy nhiên, những vụ xáo trộn ở Mỹ do hậu quả vụ “xì căng đan” Watergate và cuộc đấu tranh giành quyền lực ở Trung Hoa đã mau chóng làm cho môi quan hệ mới mở này trở nên lạnh nhạt. Trung Hoa đánh giá việc xây dựng quan hệ với Hoa Kỳ như là một chiến lược đôi đầu với Liên Xô, là một nỗ lực mà Mỹ rất quan tâm để giảm bớt gay gắt với Liên Xô. Đó cũng là điều làm cho người ta kinh ngạc vì sự thất bại của chính quyền Ford, không xúc tiến được đà phát triển mà Nixon đã xây dựng, tiến tới bình thường hóa quan hệ ngoại giao hoàn toàn với Trung Hoa, bỏ rơi Đài Loan.

Tuy nhiên, kể từ đầu năm 1978, một tình trạng hoàn toàn khác biệt nảy sinh ở Trung Hoa, hướng tới Hoa Kỳ. Từ vụ bắt giữ “bè lũ bốn tên” hồi cuối năm 1976, những nhà lãnh đạo có tinh thần thực tiễn và ôn hòa chung quanh Đặng Tiểu Bình tán thành một đề nghị mới nhằm mục tiêu tăng cường hiện đại hóa kinh tế đất nước. Từ tháng Bảy năm 1977, khi Đặng phục hồi quyền lực, không những ông ta mở một chiến dịch triệt hạ chính sách cực đoan ở trong nước mà còn kêu gọi thay đổi chính sách của Trung Hoa đối với thế giới. Ông ta lên án chính sách ngoại giao của Trung Hoa đặt căn bản trên đấu tranh giai cấp rất hẹp hòi.(11)

Trong khi Đặng đề khởi thanh trừng nhóm cực đoan và từ từ củng cố sự hỗ trợ cho chính sách của ông ta ở trong đảng, chính quyền và quân đội, thì quan hệ Hoa-Xô và những rắc rối với Việt Nam càng ngày càng gia tăng, làm cho ông ta thêm lý do để củng cố chính sách ngoại giao thân Tây Phương. Ý kiến thành lập một mặt trận quốc tế chống Liên Xô và đồng minh Việt Nam là một đề nghị mới, được củng cố từ Brzezinsky, có vấn an ninh quốc gia của tổng thống Carter. Sự tức giận và gây trở ngại của Brzezinsky đối với hoạt động của Liên Xô ở châu Phi, ý của Đặng muốn trừng phạt Việt Nam kéo họ lại với nhau trong một liên minh mà viễn ảnh đã bị mờ nhạt đi vì sự cân bằng quan hệ của Mỹ với các nước Cộng sản từ thù ở Đông Nam Á.

Mặc dù tái lập quan hệ ngoại giao bình thường với Trung Hoa và Việt Nam là một trong những mục tiêu ưu tiên trong chính sách ngoại giao của Carter, một năm sau khi ông ta nhận chức, cả hai nước chứng tỏ sự bình thường quan hệ còn xa mới trở thành hiện thực được. So sánh việc thiết lập ngoại giao với Việt Nam và chính thức với Trung Hoa, quả thật có khó khăn và phức tạp. Hoa Kỳ có thể lập quan hệ với Hà Nội chỉ khi nào Hà Nội bằng lòng giúp tìm kiếm

người Mỹ mất tích và từ bỏ điều kiện tiên quyết. Tuy nhiên, việc chuyển từ phái bộ liên lạc đã có từ năm 1973 lên hàng đại sứ đòi hỏi sự nhượng bộ của Hoa Kỳ. Trung Hoa từ chối thiết lập ngoại giao bình thường nếu Hoa Kỳ không cắt đứt ngoại giao với Đài Loan và thủ tiêu hiệp ước phòng thủ với nước này. Trong cuộc họp với tổng thống Carter hồi tháng Hai/1977, trưởng phòng liên lạc của Trung Hoa ở Hoa Thịnh Đốn, đại tướng Huang Zhen thẳng thừng từ chối lời mời của tổng thống Carter, mời nhà lãnh đạo Trung Hoa sang thăm Hoa Kỳ, trong khi còn tòa đại sứ Đài Loan ở Hoa Thịnh Đốn. Tổng thống Carter cũng giận. Ông viết trong hồi ký là người Tàu “vẫn còn tự coi mình là người của “Trung Quốc” (Middle Kingdom) -trung tâm nền văn minh thế giới, đơn giản họ chỉ ngồi chờ người khác đến thừa nhận ngôi vị của mình.” (12)

## Kẻ hở của tòa Bạch Ốc

Mặc dù cáu giận như vậy, tới giữa năm 1977, Carter cũng đi tới kết luận là ông ta sẽ thỏa mãn yêu cầu của Bắc Kinh, - “Vấn đề nguyên tắc”, nếu những phương cách ấy có thể duy trì được quan hệ không chính thức với Đài Loan, và bảo đảm các cuộc thương nghị, nhằm đem lại một giải pháp hòa bình giữa Trung Hoa lục địa và Đài Loan. Ông ta cũng quyết định xúc tiến công việc một cách chậm rãi, từng bước một, để buộc Trung Hoa chấp thuận những điều Mỹ quan tâm. Tháng Tám/1977, một tháng sau khi Leonard Woodcock giữ nhiệm vụ trưởng phái bộ liên lạc Hoa Kỳ ở Bắc Kinh, bộ trưởng Ngoại giao Cyrus Vance tới Bắc Kinh để cố gắng thu hẹp khoảng cách dị biệt giữa Mỹ và Trung Hoa. Ông ta đề nghị công nhận nước Cộng Hòa Nhân dân Trung Hoa là chính phủ hoàn toàn hợp pháp và “vô hiệu hóa” thỏa hiệp phòng vệ Mỹ-Đài Loan, coi như không còn cần thiết nữa. Vance nói với bộ trưởng ngoại giao Trung Hoa Hoàng Hoa: “Đối với chính phủ Hoa Kỳ, vấn đề nhân viên còn lại ở Đài Loan là một hình thức điều đình”. (13)

Mặc dù đề nghị của Vance tuồng như là một sự thoái bộ đối với chính sách của Ford và Kissinger trước kia: “Hai nước Trung Hoa.” Hoa Kỳ vẫn duy trì một tòa đại sứ ở Đài Loan, ngoại trừ danh xưng. Trung Hoa cũng không phản đối. Vance bị ám ảnh mạnh mẽ rằng chính sách đó không hẳn là chính sách cuối của Mỹ nhưng ông ta có thể đề nghị với Trung Hoa một chính sách uyển chuyển hơn mà ông có mang theo. Tuy nhiên, ông ta không vội vàng và rõ ràng Trung Hoa cũng chưa sẵn sàng để lập quan hệ bình thường. Trung Hoa cũng không muốn coi chuyến đi này của Vance là một sự thất bại. William Gleysteen, chuyên viên hàng đầu của bộ Ngoại giao về vấn đề Trung Hoa, tháp tùng Vance trong chuyến đi này, nhớ lại rằng Trung Hoa quan tâm đến việc làm thế nào có thể đưa ra một công thức trước cuộc gặp gỡ báo chí. Từ Washington có tin nói Trung Hoa thay đổi bất ngờ trong các cuộc đàm phán, làm hỏng thỏa ước mỏng manh này. Đặng nổi nóng trả đũa bằng cách nói với một nhóm bình bút báo chí Mỹ rằng kết quả phái đoàn Vance đem lại là làm thoái bộ quan hệ Mỹ-Hoa. Sự tố cáo công khai bất thường này làm tê liệt các nỗ lực ngoại giao. Có lẽ, quan trọng hơn, là giai đoạn mở đầu cuộc đấu đá vì chính sách Trung Hoa giữa người đứng đầu ngành An ninh Quốc gia, Zbigniew Brzezinsky và bộ Ngoại giao - một sự xung đột có hậu quả sâu xa đối với châu Á.

Tin xì ra từ tòa Bạch Ốc có hậu quả đối với phản ứng của Đặng, làm cho Vance nghi ngờ rằng có cố gắng nào đó làm hỏng công việc của ông. Con người nói năng dửng dưng và bao giờ cũng lịch sự, Cyrus Vance, ít dấu diếm tình cảm, khi ông ta kể nhiều điều về “chuyến đi thất bại” của ông ở Trung Hoa. Ba năm sau ông ta nói với tôi: “Chúng tôi hết sức thành công trong các cuộc đàm phán. Nhưng rồi thay, có ai đó ở Hoa Thịnh Đốn xì tin ra. -Chính là ai đó ở tòa Bạch Ốc. Tôi bối rối lắm. Tôi biết những cuộc nói chuyện với Đặng hết sức nhạy bén, nhưng có gì bị tiết lộ ra, sẽ làm hại cho các cuộc đàm phán.” (14)

Brzezinsky từ chối, không cho rằng Hội đồng An ninh Quốc gia là nơi tiết lộ tin đó. Trung Hoa phản ứng với Vance. Ông ta giải thích "họ thấy họ chuẩn bị không đủ nhanh để lập quan hệ bình thường và cũng thấy rằng họ không đủ cứng rắn với Liên Xô."(15)

Trong khi những tin tức xì ra ở Hoa Thịnh Đốn đưa tới những lời tố cáo công khai, một yếu tố khác nữa trong lời nói cứng rắn của Đặng là Trung Hoa thấy được Hoa Thịnh Đốn, -nói riêng là Vance, rất muốn giảm thiểu căng thẳng với Liên Xô và đạt tới thỏa ước hạn chế chạy đua vũ trang nhờ bình thường hóa quan hệ với Trung Hoa. Trong nội bộ, Đặng mới phục hồi quyền lực, và thấy con đường ông ta tiến hành là phức tạp và chính sách của ông là phải đối đầu với những phần tử trung thành với Mao, chẳng hạn như chủ tịch đảng Hoa Quốc Phong. Bằng cách công khai tố cáo Hoa Kỳ gây sức ép đòi hỏi Trung Hoa phải uyển chuyển về vấn đề Đài Loan, Đặng cũng tạo được sự thành thật đứng đắn như các nhà yêu nước và cứng rắn trước những người đối lập tả phái.

Từ cuối năm 1977, Brzezinsky quan tâm về Liên Xô bành trướng ở Châu Phi, gia tăng chống phá bình thường quan hệ với Trung Hoa là kẻ đối đầu với Moscow. Ông ta cũng bắt đầu "bắn lén" vào cố gắng của Vance và Holbrooke khi hai người này tiến hành bình thường hóa quan hệ với Việt Nam, nước mà ông ta xem chỉ có tính cách quan trọng ngoại vi.(16) Trong một bản lưu ý gửi cho Carter hồi giữa tháng 11, Brzezinsky lưu ý rằng quan điểm chính trong chính sách ngoại giao của ông ta là "mềm mỏng" với Cu-Ba, Việt Nam, SALT và Korea. (17)

Brzezinsky chống lại việc Vance không quan tâm và thúc đẩy nhanh bình thường hóa quan hệ với Trung Hoa vì nó có ảnh hưởng đến việc hoàn tất thỏa hiệp SALT. Ông ta cho rằng nếu Liên Xô cư xử vụng về ở một nơi nào đó trên thế giới, thì Liên Xô có thể không ràng buộc vào SALT. Tại sao Hoa Kỳ quá nể vì Moscow khi Hoa Kỳ tiến hành bình thường hóa quan hệ với Trung Hoa. Thực ra, theo quan điểm của ông ta, hợp tác Mỹ-Hoa có thể làm cho Liên Xô hiểu được tính cách quan trọng của sự vị nể và hỗ tương của hai bên. Có thể đó là "đáp ứng có tính cách chiến lược" của Hoa Thịnh Đốn đối với điều Moscow gọi là "lợi dụng sự căng thẳng để cải thiện vị trí chiến lược và địa lý chính trị của Liên Xô" ở Trung Đông và vùng Sừng Châu Phi. Ý nghĩ việc xử dụng lá bài Trung Hoa nảy sinh.

Qua Michel Oksenberg, Brzezinsky bắt đầu nài nỉ Trung Hoa gửi giấy mời cho chính ông. Như Oksenberg e ngại, Trung Hoa quyết định "lợi dụng ngay cạnh tranh giữa ban tham mưu của Hội đồng An ninh Quốc gia và bộ Ngoại giao mà Kissinger đã tập tành để thúc đẩy chính sách của Mỹ đối với Trung Hoa tiến tới". Trung Hoa quay lại với những quan chức có quan điểm thế giới gần gũi với quan điểm của chính họ. (18)

Trung Hoa gửi lời mời Brzezinsky hồi đầu tháng 11/1977. Điều đó làm lộ rõ sự căng thẳng giữa ông ta và Vance. Vance mạnh mẽ thúc đẩy Carter không thuận cho Brzezinsky thực hiện chuyến đi này, vì nếu Brzezinsky đi Trung Hoa, sẽ cắt đứt những cố gắng của bộ Ngoại giao về vấn đề quan hệ với Trung Hoa. Nhưng Brzezinsky nhờ gần gũi với phòng bầu dục của tổng thống nên có nhiều cơ hội phản ứng mạnh mẽ việc Carter ngăn không cho ông ta đi Trung Hoa. Ông ta cũng nhờ bộ trưởng Quốc phòng Harold Brown vận động với tổng thống giúp ông. Cuối cùng, giữa tháng Ba, Carter đồng ý và bỏ qua đề nghị của Vance.

Carter cho Brzezinsky quyền thảo luận một chiến lược rộng rãi với Trung Hoa và tìm cách thiết lập quan hệ ngoại giao trên chiều hướng đó. Tuy nhiên, Hoa Kỳ được ủy thác thực hiện một chiến lược, mà sự cân bằng của nó do Vance theo đuổi đã bị phủ nhận: Vance là người đầu tiên đề xướng bình thường hóa với Trung Hoa, do chính quyền lợi của Trung Hoa chứ không phải là một phần trong chiến lược chống Liên Xô. Trong một bản tường trình gửi tới tổng thống ngày 5 tháng Mười/1978, Vance yêu cầu thiết lập quan hệ bình thường với Trung Hoa trước cuối năm. Ông ta cho rằng các cuộc đàm phán nhạy bén về SALT lúc đó đang diễn ra với Liên Xô đang được dấu kín. Trình bày thỏa hiệp bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Trung Hoa trước Quốc hội, trước khi đạt được thỏa hiệp về hiệp ước SALT, theo sự tính toán của ông ta có thể làm

tăng thể mạnh của chính phủ và việc phê chuẩn hiệp ước kiểm soát vũ khí. Điều cuối cùng Vance muốn thấy là sự phê trương của Mỹ về việc xử dụng lá bài Trung Quốc trước mặt Moscow. Ông ta ghi lại trong hồi ký, “Tôi được thuyết phục là nếu thất bại trong cuộc thảo luận về việc “xử dụng lá bài Trung Hoa”, luôn luôn là trò nguy hiểm, là một sự hên xui đặc biệt, nhất là vào lúc đó, khi chúng ta ở vào thời điểm nhạy bén trong cuộc thảo luận về thỏa hiệp SALT”. (19)

Tuy nhiên, Vance không biết Brzezinsky bắt đầu ve vãn Trung Hoa để Trung Hoa trở thành một thành viên chiến lược chống Liên Xô. Tháng Hai/1978, Brzezinsky bắt đầu một loạt những cuộc họp với Han Xu, quyền trưởng phái bộ liên lạc của Trung Hoa ở Hoa thành Đồn, qua đó ông ta đưa ra nhiều quan điểm về chính sách đối với Moscow, trên căn bản, khác với quan điểm của Vance. (20)

Trước khi rời Bắc Kinh, Brzezinsky bảo đảm thỏa ước bằng cách chỉ rõ chữ ký của Carter trên bản chỉ thị của tổng thống mà ông ta và Oksenberg đã soạn thảo.

Hậu quả đúng của tình hình mới là quốc tế hóa cuộc xung đột Hoa-Việt và Hoa Kỳ đứng về phía Trung Hoa. Mỗi quan hệ với Trung Hoa, như bản chỉ dẫn nói, là một bề mặt nhỏ bé trong chính sách toàn cầu của Mỹ. Mỹ và Trung Hoa được xem là hai quốc gia song song, cùng quan tâm tới chiến lược trường kỳ, và quan trọng nhất là “cùng chung vị trí chống bá quyền khu vực và thế giới từ bất cứ một thế lực đơn lẻ nào.” Dấu đàng sau câu nói bí ẩn đó là dấu hiệu cho Bắc Kinh hay rằng Hoa Thành Đồn rất thông cảm những khó khăn của Bắc Kinh với Liên Xô và Việt Nam, bị Bắc Kinh tố cáo là "bá quyền địa phương.” Bản chỉ dẫn cũng bao gồm những lời nói với Trung Hoa rằng Hoa Kỳ quan tâm chính sách của Liên Xô muốn “dùng Việt Nam để bao vây Trung Hoa” (Một ngày nào đó có thể bao gồm luôn cả Đài Loan).

## Brzezinsky đi thăm Vạn Lý Trường Thành.

Ngày 19 tháng Năm, hai tuần lễ sau khi Trung Hoa tuyên bố quan tâm việc Hoa Kiều đổ xô trốn chạy khỏi Việt Nam, Brzezinsky, nhóm thân cận của ông trong Hội đồng An ninh Quốc gia, quan chức bộ Ngoại giao, và Ngũ giác đài lên chiếc máy bay Boeing 707 đi Trung Hoa. Vừa khi máy bay cất cánh, Holbrooke, người đang tháp tùng cố vấn An ninh Quốc gia của tổng thống nhận ra rằng chuyến bay này là cuộc trình diễn chỉ dành cho một người: Brzezinski. Ông ta thấy tức khi biết rằng Brzezinsky đã có kế hoạch loại ông ta ra khỏi vị trí cao nhất trong cuộc nói chuyện với Bắc Kinh. Chán nản, ông ta đánh điện cho Woodcock đang là trưởng phái bộ liên lạc của Mỹ ở Bắc Kinh, tới ngay Tokyo, nơi phái đoàn tạm dừng chân. Bức điện bí mật gọi Woodcock đi Tokyo chỉ có 24 giờ trước khi phái đoàn tới Bắc Kinh, nơi người Mỹ suy cứu gay go về vấn đề chính trong chính sách của họ. Như sau này họ biết, đây chưa hẳn là thời kỳ thù địch Vance-Brzezinsky. Holbrooke muốn Woodcock can thiệp với Carter để ông ta có mặt trong các cuộc đàm phán với Bắc Kinh, Woodcock nhã nhặn từ chối. Một quan chức Hoa Kỳ sau này kể lại: “Holbrooke tới Bắc Kinh, trong bộ dạng ba đào, giận dữ hết ngày giờ.” Sau này, một Cộng sự viên của Brzezinski nói thêm rằng quyết định không cho Holbrooke tham gia đàm phán làm cho “bầu không khí giữa hai người xấu đi.” William Gleysteen, chính ông ta cũng là nạn nhân của việc cản trở này, sau này đổ lỗi cho sự tị hiềm thường xuyên giữa hai người. Cả Brzezinski lẫn Holbrooke là những người hoạt động tích cực trong cuộc vận động bầu cử của Carter và cả hai cũng là những nhân vật quan trọng trong bộ tham mưu chính sách đối ngoại. Cả hai đều nhắm vào mục đích cao, nhưng Brzezinsky đạt ngôi vị cao hơn Holbrooke. Tuy nhiên, khi làm việc với tòa Bạch-Ôc, ông ta là người tuyệt hảo, rất giỏi, có vài điều thường làm mất lòng Brzezinski. Như Gleysteen nhận xét, Brzezinski cho rằng Holbrooke là “người mới nổi, thường hay lấn quyền.”, không thể để cho ông ta chia xẻ cái hào quang đạt được ở Bắc Kinh. Dù với lý do nào chăng nữa, việc loại trừ Holbrooke ra khỏi cuộc thương nghị làm cho người Trung Hoa thấy rằng Brzezinski

không tin tưởng người phụ tá của Vance. Chẳng bao lâu, họ hoàn toàn lợi dụng sự phân rẽ cá nhân trong chính quyền Carter.

Brzezinski dự trù nếu các nhà lãnh đạo Trung Hoa thấy được tính cách nghiêm trọng trong chính sách chống Liên Xô của chính quyền Carter, thì Trung Hoa sẽ uyển chuyển hơn đôi với quan hệ không chính thức của Hoa Kỳ với Đài Loan. Ngay Trung Hoa cũng không nhượng bộ về vấn đề Đài Loan, thì vấn đề hợp tác an ninh sẽ đẩy họ tiến tới gần Hoa Kỳ hơn mà không cần thiết lập quan hệ ngoại giao hoàn toàn. Ông ta bảo đảm với Đặng là Hoa Kỳ chấp nhận điều kiện của Trung Hoa về việc cắt đứt quan hệ chính thức với Đài Loan - đúng ra, đây là phương hướng thứ hai của Vance, hồi tháng Tám/1977, ông ta đã thủ sẵn trong túi nhưng không bày tỏ cho Trung Hoa biết- Ông ta cũng nói với Đặng là tổng thống Carter quan tâm đến những vấn đề này. Như là một chứng cứ bày tỏ sự nghiêm chỉnh của Hoa Kỳ trong khi tìm kiếm hợp tác với Trung Hoa, Brzezinski mang tới cho Đặng một “món quà” mà chắc chắn sẽ gây nên ấn tượng sâu xa.

Samuel Huntington, một thành viên tham mưu của Hội Đồng An Ninh Quốc Gia, người đã có lần làm cố vấn cho chính quyền tổng thống Johnson về vấn đề đánh dẹp bạo loạn ở Việt Nam, thảo luận với Trung Hoa về vấn đề tối mật “Hiệu Đỉnh Giác Thư Ngoại giao số 10 của Tổng Thống” - một bản đánh giá tình hình thế giới, đặc biệt quan tâm đến sức mạnh của Liên Xô. Công việc này nhằm thuyết phục Trung Hoa là Hoa Thanh Đồn coi Trung Hoa là thành viên trong liên minh chống Moscow. Brzezinski thông báo cho Trung Hoa hay rằng từ nay trở đi, Hoa Kỳ quan tâm đến việc bán kỹ thuật “xử dụng song phương” cho Trung Hoa để dài hơn và Hoa Kỳ sẽ không chống lại các nước

đồng minh Hoa Kỳ bán vũ khí cho Trung Hoa. Để chứng tỏ sự nghiêm chỉnh, Hoa Kỳ sẵn sàng trao kỹ thuật và phát triển quan hệ giữa hai nước, Brzezinski đề Benjamin Huberman, cố vấn khoa học và kỹ thuật của tổng thống và Morton Abramowitz, phụ tá thứ trưởng Quốc phòng về an ninh nội bộ cùng tháp tùng phái đoàn ông ta.

Abramowitz, một quan chức bộ Quốc phòng, người có thời gian lâu dài tham gia kế hoạch hợp tác quân sự Hoa-Mỹ. Ông ta là người chỉ đạo một trong những chương trình sớm nhất của Ngũ Giác đài, nghiên cứu khả năng thiết lập quan hệ quân sự và chiến lược với Trung Hoa.(22) Bây giờ ông ta trở thành quan chức đầu tiên của bộ Quốc Phòng Mỹ tới thăm Trung Hoa. Ông ta tách khỏi phái đoàn để họp mật với một quan chức cao cấp của bộ Quốc Phòng Trung Hoa. Sau này, một thành viên của nhóm ông ta kể lại: “Thực ra, đó không phải là những cuộc thảo luận, mà là độc thoại. Abramowitz nói hơn một giờ đồng hồ, đánh giá về việc quân đội Liên Xô triển khai dọc biên giới Hoa-Nga.” Trong cái gọi là lần đầu tiên chia sẻ tin tức tình báo quốc phòng ở cấp bộ trưởng, ông ta cung cấp cho Trung Hoa tin tức vũ khí chiến lược Liên Xô. Để thỏa mãn quan chức Trung Hoa, ông ta lôi trong cặp ra phóng ảnh tình báo tối mật về việc Liên Xô triển khai quân đội và chiến xa dọc theo biên giới Nga-Hoa. Benjamin Huberman cũng vậy, ông ta thực hiện một cuộc họp riêng với Trung Hoa về khả năng Hoa-Mỹ hợp tác trong lãnh vực khoa học kỹ thuật, đặc biệt về kỹ thuật tình báo điện tử để thu thập tin tức Liên Xô. Ý kiến được nêu lên trong suốt cuộc thảo luận là năm tới Hoa Kỳ sẽ thiết lập các trạm kiểm soát do Mỹ huấn luyện dọc theo biên giới Nga-Hoa, để theo dõi các cuộc thử nghiệm hỏa tiễn của Liên Xô. (5)

Ngay cả Vance, người chủ trương mạnh mẽ kế hoạch hợp tác an ninh với Trung Hoa cũng không chống lại việc thiết lập hệ thống đài quan sát, bởi vì, như một nhân vật thân cận với ông ta sau này giải thích, sẽ thúc đẩy Liên Xô ký thỏa hiệp SALT (Thỏa ước giới hạn vũ khí chiến lược -nd) và thực hiện thỏa hiệp có thể bán vũ khí được quốc hội thông qua.

Dĩ nhiên, Brzezinski có mục tiêu hoàn toàn khác biệt trong khi thúc đẩy hợp tác an ninh và tình báo. Sau này, một thành viên trong toán ông ta giải thích: “Brzezinski cố gắng làm tình làm tội Trung Hoa, ngụ ý cho họ hy vọng nhiều hơn như chúng ta nghĩ.” Khi trở về Hoa Thanh Đồn, William Gleysteen viết một bài đã kích chiến thuật của Brzezinski trong việc tính toán

nhằm nâng cao hy vọng của Trung Hoa nhận được hỗ trợ từ phía Hoa Kỳ nhưng không được chấp thuận hay thảo luận ở cấp cao nhất. Vance thì vui thích với bài viết ấy còn Brzezinski thì không quan tâm tới nó.

Trong chính cuộc thảo luận của ông ta với Hoàng Hoa và Đặng Tiểu Bình, ông cũng thêm ân huệ cho Trung Hoa bằng cách nhấn mạnh tới nhu cầu hợp tác chặt chẽ hơn “trên những vấn đề như Afghanistan, viện trợ cho Pakistan và hỗ trợ cho những cố gắng ở vùng Đông Nam Á, xem lại hoạt động của Liên Xô giúp Việt Nam bành trướng. (24) Lời nói này coi như là sự hưởng ứng đối với việc Trung Hoa hỗ trợ cho Khmer Đỏ bởi vì chỉ có một quốc gia ở Đông Nam Á lúc bấy giờ chống “chủ nghĩa bành trướng Việt Nam” là nước Kampuchia Dân chủ của Pol Pot mà thôi. Về sau, một cộng sự viên của Brzezinski nhắc lại: “Brzezinski không những nuốt trọn mối đe dọa của Liên Xô đối với Trung Hoa mà còn cả Việt Nam, bù nhìn của Liên Xô nữa. Ông ta còn thừa nhận lập luận của Trung Hoa rằng phương cách trừ bỏ đe dọa của Liên Xô từ phía Việt Nam là thúc đẩy họ hợp tác chặt chẽ với nhau hơn. Điều này, cuối cùng tạo ra sự cọ xát giữa hai bên khiến cho sự hiện diện của Liên Xô phải chấm dứt.” (25) Brzezinski cũng công khai tuyên bố Hoa Kỳ xích gần lại Trung Hoa bằng cách hỗ trợ Trung Hoa chống “bá quyền thế giới và khu vực” trong bữa tiệc do Trung Hoa khoản đãi. Vance bản khoăn khi nghe những lời tuyên bố như thế, đối với ông là không rõ ràng lắm. Vance nhấn mạnh bằng một cái nháy mắt tinh quái: “Thật là ngu xuẩn. Lời phát biểu của Brzezinski và những điều ông ta nói khi thăm Vạn Lý Trường Thành chắc chắn làm vui lòng người Trung Hoa. Nhưng nó chẳng đạt được gì hết” (26)

Trong khi thăm Vạn Lý Trường Thành, Brzezinski thách người thông dịch viên Trung Hoa, Nancy Tang (Nancy Đường) “Ai lên đỉnh trường thành trước nhất thì coi như người đánh thắng Liên Xô ở Ethiopia.” Ông ta lên tới đỉnh trường thành trước sự sùng sờ của người đồng hành. Trên đường đi xuống, ông ta gặp một số sinh viên sĩ quan hải quân đang đứng họp nhau lại để chụp hình. Ông ta bước ngay vào giữa đám họ và chụp hình chung. “Người ta cảm thấy gì khi đứng chung với những con mồi lớn nhất của Liên Xô trên thế giới”. Đó là câu ông ta hỏi một sinh viên đang bối rối, người này chẳng có một ý niệm gì về con người có “cái mũi dài qui quái” là ai.

Tuy nhiên, sự phiền bức cái trò hề này có thể có đối với Vance. Chuyến đi Trung Hoa của Brzezinski tạo nên một động lực mới cho tiến trình bình thường hóa quan hệ giữa hai nước. Điều quan trọng hơn đối với Trung Hoa là sự hỗ trợ của ông ta cũng như sự thông cảm cho vị thế của Đặng, đem lại cho Đặng một sự hợp tác thực tế trong buổi họp quyết định của bộ Chính Trị hồi tháng Bảy/ 1978, đưa tới việc “dạy cho Việt Nam một bài học.”

Một tháng sau khi Brzezinski từ Trung Hoa về, một cuộc họp triệu tập tất các cố vấn về chính sách của Carter. Vance, Harols Brown, Brzezinski, và Hamilton Jordan cùng họp với Carter để quyết định chọn một ngày giữa tháng 12 cho việc bình thường hóa quan hệ hai nước. Hồi đầu tháng Bảy, một cách bí mật, Woodcock ở Bắc Kinh thực hiện một bản tường trình chi tiết để giải quyết sự dị biệt giữa Trung Hoa và Đài Loan. Về sau, Vance viết: “Mia mai thay, như nó cho thấy, ý nghĩ xử dụng băng tầng của Tòa Bạch Ốc (mật danh Voyager) để liên lạc với Woodcock là chính của Woodcock và của tôi.” (27) Họ nghĩ rằng ít nguy cơ tiết lộ hơn có thể tạo ra sự nguy hiểm cho những cuộc thảo luận rất nhạy cảm này. Cuối cùng, có điều cho thấy có một sự sắp đặt sẵn có thể làm cho Brzezinski đẩy bộ Ngoại giao ra khỏi tiến trình bình thường hóa này vào những giờ phút quyết định nhưt.

## Kế hoạch dựng tòa đại sứ Mỹ ở Hà Nội

Sau cuộc họp ngày 27 tháng Chín ở Nữ Ước, văn phòng đặc trách về Việt Nam tại bộ Ngoại giao thành lập một nhóm công tác đặc biệt để nghiên cứu việc thiết lập tòa đại sứ Mỹ ở Hà Nội. Biết rõ những khó khăn của người Úc, Tây Đức và các tòa đại sứ khác đã gặp phải trong khi



vội vã, Holbrooke muốn ký một thỏa hiệp chi tiết với Việt Nam trước khi Hoa Kỳ trưng cờ lên ở Hà Nội. Phụ tá thứ trưởng ngoại giao Robert Oakly và nhân viên văn phòng về Việt Nam, Lào và Kampuchia, Steve Lyne thực hiện mấy chuyến đi Nữ Ước để bàn sâu vấn đề với phụ tá đặc biệt của Thạch, Trần Quang Cơ, những chi tiết -từ số nhân viên ngoại giao và phương cách gửi các bưu kiện ngoại giao và việc phi cơ không lồ C-5A Galaxy đáp xuống Hà Nội để vận chuyển dụng cụ.

Tại bộ Ngoại giao, người ta bắt đầu tuyển chọn nhân viên cho tòa đại sứ Mỹ tại Hà Nội. Phụ tá đặc biệt của Holbrooke, Ken Quinn, viết cho ông ta một bản lưu ý về lý do an ninh, không ai có vợ Việt Nam được đi Hà Nội cả. Douglas Pike, một chuyên viên đặc biệt có tham gia chiến tranh Việt Nam làm việc với Phòng Thông tin Hoa Kỳ nhiều năm ở Saigon, phân tích các bản tường trình về tài liệu bị đánh cắp và lời khai trong các cuộc phỏng vấn, nghe nói tới việc bình thường hóa, khi ông ta đang ở tình trạng lững lơ vì bị bãi việc ở Ngũ Giác Đài, bèn làm đơn xin làm việc ở Hà Nội. Tuy nhiên, với một vài ngoại lệ, các nhân viên ngoại giao không gặp trở ngại. Steve Lyne kể lại lần gặp một đồng sự ở hành lang bộ Ngoại giao. Người ấy nói: “Tôi nghe ông đang tìm người đi Hà Nội, đừng quên là ông có biết tôi.”

Việc chuẩn bị bình thường hóa quan hệ với Việt Nam bắt đầu được phổ biến cho công chúng và quốc hội. Sự thăm dò cho thấy công chúng ủng hộ. Ngày 29 tháng Chín/1978 -hai ngày sau khi Thạch bỏ điều kiện tiên quyết- phụ tá Bộ trưởng ngoại giao về “Quan hệ Công chúng” Hodding Carter phân tích kết quả cuộc thăm dò của thông tấn NBC và kết luận “ít ra có thể thu hoạch được sự ủng hộ đông đảo việc công nhận (Việt Nam) nếu như việc viện trợ tài chánh không đạt tới mức độ lớn trong bình thường hóa như thế, và việc giới hạn cần được giải thích, công chúng thấy rằng Việt Nam đã thực hiện những cố gắng đáng kể để làm rõ vấn đề người Mỹ mất tích trong chiến tranh ở Việt Nam.”

Trong việc chuẩn bị để đương đầu với các nhà lãnh đạo quốc hội, Holbrook chỉ thị cho bộ tham mưu của ông soạn sẵn những lý do chính, ngắn gọn, tại sao bây giờ phải thiết lập quan hệ với Việt Nam. Bản ghi nhận có tiêu đề “Quan hệ Ngoại giao với Việt Nam -hiện nay” ghi nhận rằng Việt Nam trở thành một võ trường xung đột giữa Liên Bang Xô Viết và Trung Hoa và Liên Xô đã gia tăng sự có mặt ở đây cũng như viện trợ cho Việt Nam trong cuộc xung đột với Kampuchia. Bản ghi nhận này viết: “Sự hiện diện của Mỹ ở Hà Nội có thể làm cho tình hình tốt đẹp hơn để điều hướng cuộc cạnh tranh này, và có thể đưa ra những đường hướng nhằm điều chỉnh cả hai nước Cộng sản mạnh này.” Bản ghi nhận viết tiếp, nếu không có quan hệ với Việt Nam “Rõ ràng hiện giờ Hoa Kỳ không có ảnh hưởng gì cũng như không hiểu biết gì về tình hình Việt Nam hoặc những hành động tương tự như vậy.” Một tòa đại sứ Mỹ ở Hà Nội “có thể làm cho việc tìm kiếm người Mỹ mất tích trong chiến tranh có hiệu quả hơn là qua những cuộc họp bất thường ở Paris và Băngcốc và những cuộc họp không chuẩn bị trước với Việt Nam và các cuộc thăm viếng của quan chức chính phủ cũng như của các nhân vật thuộc khối lập pháp.” Sự có mặt của tòa đại sứ cũng có thể giúp đỡ các công ty Mỹ trong việc làm ăn với các công ty tương ứng ở các nước khác.

Trong khi đó thì nhóm hành động đặc biệt bận bịu tìm kiếm những điều quan yếu để thiết lập tòa đại sứ ở Hà Nội. Có ai nhắm tới tòa lãnh sự Mỹ cũ ở Hà Nội? Michael Eiland, một đại tá nói được tiếng Việt làm việc tại Cơ quan Quân sự Chính trị của bộ Ngoại giao đến có mang theo một phim ảnh do ông chụp tòa nhà lãnh sự này ở Hà Nội trong cuộc viếng thăm của các nhân vật quốc hội hồi hai tháng trước. Eiland cũng không khó khăn khi chụp hình một biệt thự trên đường Hai Bà Trưng ở trung tâm thành phố Hà Nội. Ông ta kể lại: “Đó chỉ là tòa nhà màu xanh lá cây ở Hà Nội, giống một đòla.” Khi ông ta nâng máy ảnh để chụp hình ngôi nhà lịch sử đó, ngôi nhà phía Việt Nam đã sơn lại màu sáng với hy vọng người Mỹ sẽ xử dụng nó thì một người lính chạy tới cản ông ta. Kết quả là tấm phim không được rõ. Tuy nhiên đó chỉ là ngôi nhà độc nhất trong kế hoạch của bộ Ngoại giao. Cuối cùng, nhóm hành động đặc biệt tìm trong văn khố bản in một

tòa nhà có thể xử dụng được. Michel Oksenberg kể lại: “Trong một lần đến bộ Ngoại giao, tôi ngạc nhiên thấy vô số tài liệu đem ra xử dụng cho viễn ảnh cuộc bình thường hóa này -hàng trăm vấn đề khó khăn, vấn đề vị trí tòa đại sứ, vấn đề liên lạc -toàn bộ công việc.” (28)

Có quyết định cho Dennis Harter, một quan chức khác nói được tiếng Việt đi thăm Việt Nam vào tháng Chạp, mang theo kế hoạch tìm kiếm địa điểm tòa đại sứ.

Từ khi Việt Nam CS chiếm tòa đại sứ Mỹ cũ ở Saigon, nay Harter đi một vòng thanh sát. Như ông ta kể lại, đó là chuyến hành trình xuyên lịch sử. Các tấm thảm đã ẩm mốc, sơn tường tróc lở, nói cách khác thì thời gian đã ngừng lại kể từ tháng Năm/1975 khi các viên chức ngoại giao hết nhiệm vụ. Các số báo TIMES và NEWSWEEK mô tả lại vết thương cuối cùng đối với Miền Nam Việt Nam còn lại trên bàn, như những chén bát chưa rửa của bữa ăn cuối cùng. Văn phòng Xây dựng thuộc bộ Ngoại giao từ chối đảm nhận việc sửa chữa mặc dù được bảo đảm sẽ được bồi hoàn số phí sau này. Văn phòng này bối rối vì họ đã chi trả mua một số xe hơi nay vẫn còn nằm trong kho. Bây giờ không cần phải sơn phết hay chùi rửa tòa nhà. Bộ ngoại giao không biết rằng một kế hoạch khác đang được chuẩn bị ở tòa Bạch ốc.

## Đánh lá bài Trung Hoa

Vào buổi tối 27 tháng Chín, khi một toán người Mỹ đảm trách vấn đề Việt Nam ra về sau khi thảo luận với Thạch về việc mở tòa đại sứ Mỹ ở Hà Nội, tưởng như có khả năng tiến tới được. Vài người có vẻ bi quan. Michel Oksenberg nhớ có nói với Holbrooke: “Dick, Việt Nam họ trêu ghẹo anh. Họ chọc quê anh.” Oksenberg ngạc nhiên bởi vì Thạch dai dẳng đòi viện trợ. Oksenberg nói: “Ông ta chỉ bỏ điều kiện tiên quyết vào phút chót mà kết quả là do Holbrooke bèn bi từ khước.

Xong rồi, tức thì ông ta đòi ký một thỏa ước ngoại giao. Ông ta phải biết rằng cung cách ngoại giao không phải là làm như vậy.” Ông ta được biết Việt Nam làm như vậy là chỉ muốn quảng cáo cho họ -họ muốn được xem là một trong những người thực hiện được việc bình thường hóa quan hệ ngoại giao, nhưng họ thiếu nghiêm chỉnh về việc ấy. Bốn năm sau, hồi tưởng giai đoạn ấy, Oksenberg nghĩ rằng hồi mùa thu năm 1978, có những động lực đã lôi kéo hai nước đi về hai hướng khác nhau. “Tay đã đưa ra nhưng có sự nhận thức rằng họ không thể bắt tay nhau được”. (29)

Người ta biết như vậy là do nhận xét của Oksenberg về thái độ chống đối bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam của Brzezinski. Hoặ ông ta nói ra là vì ông ta biết thế mà thôi. Trái với điều ông ta nghĩ, quả thật Việt Nam rất nôn nóng, hầu như tuyệt vọng nữa, muốn ký một thỏa ước ngoại giao với Hoa Kỳ. Chiến thuật của Thạch, như Holbrooke đoán đúng, chỉ là một cố gắng cuối cùng bảo đảm lời hứa viện trợ của Mỹ trước khi họ từ bỏ yêu sách của họ. Việt Nam muốn xúc tiến công việc này chẳng qua họ được thuyết phục rằng một khi họ từ bỏ điều kiện tiên quyết thì họ có thể mau lẹ ký được một thỏa ước với Hoa Kỳ.

Holbrooke không bi quan như Oksenberg. Ông ta biết có trở ngại nhưng không phải là không vượt qua được. Holbrooke cũng biết quan điểm của Brzezinski. Ông ta cũng biết Việt Nam và Kampuchia đang ở trên bờ vực chiến tranh và sự liên hệ của họ với siêu cường. Một thời gian ngắn trước khi gặp Thạch, máy bay thám thính RC 135 của Hoa Kỳ bay gần bờ biển miền Trung Việt Nam thu nhận được tín hiệu cho biết một sư đoàn Cộng sản Việt Nam đang triển khai ở biên giới Kampuchia. Các tin tình báo khác cũng cho biết hoạt động quân sự đang triển khai ở biên giới Kampuchia-Việt Nam và đang hâm nóng chiến tranh biên giới. Raphael Iungerich, trưởng ban phân tích về Đông Dương của cơ quan tình báo bộ Ngoại giao, hồi tháng Tám viết một bản nhận định, tiên đoán Việt Nam trù định kế hoạch lật đổ Pol Pot trong vòng 6 tháng. (30)

Hoa Kỳ cũng quan tâm về việc Việt Nam thắt chặt hơn nữa quan hệ với Moscow bằng cách tham gia khối Comecon. Holbrooke nói rõ mối quan tâm này với Thạch. Thạch trấn an ông

ta: “Chủ ý của chúng tôi đối với Kampuchia chỉ là phòng vệ.” Câu trả lời của Thạch có thể chấp nhận được vì đã có lúc Hoa Kỳ biết bọn Khmer Đỏ tàn ác tấn công các làng Việt Nam dọc theo biên giới. Iungerich nói với tôi: “Thực ra, Holbrooke và tất cả chúng tôi nói chuyện với phía Việt Nam là vào thời điểm tháng Chạp 1978. Lúc đó Việt Nam đang bị phục kích bên trong lãnh thổ Việt Nam, Điều đó cũng nhằm chống Thái Lan vào mùa hè năm đó. Vì vậy chúng tôi nhìn con chó hoang Pol Pot như là kẻ mà cả vùng ai cũng căm ghét, coi như là tên khủng bố chính yếu. Vì vậy chúng tôi rất thiên về quan điểm của người Việt vào thời gian đó,” (31)

Vance và Holbrooke cho rằng sự căng thẳng ở trong khu vực là một lý do khác để củng cố sự hiện diện của Hoa Kỳ. Quan hệ bình thường với cả Trung Hoa và Việt Nam có thể tạo cho Hoa Kỳ đòn bẩy để giảm căng thẳng trong vùng. Sự xung đột trong nội bộ Cộng sản ở châu Á tạo ra đe dọa cho vùng này nhưng cũng là một cơ hội để thúc đẩy Hoa Kỳ trở lại. Bộ trưởng bộ Ngoại giao Úc, Andrew Peacock, bạn thân của Holbrooke hoàn toàn chia sẻ quan điểm của Holbrooke và Vance. Sau này ông ta nói với tôi ông ta hết sức phấn khởi nghe tin bình thường hóa đang tiến tới với Việt Nam và ông ta cũng có ý kiến về hành động bổ sung. Peacock kể lại: “Lúc ấy tưởng như mọi việc đã tới nơi rồi và tôi đề nghị với họ (Vance và Holbrooke) đó là ý kiến hay, nếu những nước như Úc bắt đầu nói chuyện với Kampuchia về một vài hình thức trao đổi ngoại giao và từng bước chậm rãi tiến chung con đường với Trung Hoa. Trung Hoa có thể thấy chúng ta đang canh chừng họ. Những nước như Canada và Tân Tây Lan cũng có thể được yêu cầu làm như chúng ta. Do đó, chúng ta đóng một vai trò kèm giữ bất cứ một sự đối nghịch nào trong việc bình thường hóa quan hệ giữa Việt Nam và Mỹ qua mối quan hệ Mỹ-Hoa” (31) Holbrooke sau này cũng không nhắc lại những ý kiến như vậy đã được bàn thảo, nhưng ông ta nói: “Tôi không nhớ, nhưng nếu Andrew cho rằng việc ấy xảy ra thật thì tôi chẳng tranh cãi gì cả.” (33)

Ngày 27 tháng Chín, một ngày đơn giản trong chuỗi biến cố thế giới, cũng như mọi buổi tối khác, một bản tóm tắt về việc Holbrooke họp với Thạch được chuyển từ bộ Ngoại giao tới tòa Bạch ốc, có ghi thêm lời nhận xét của bộ trưởng ngoại giao Vance về việc thực hiện những bước tiến nhằm bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam. Điều này đúng như những gì Carter đã suy nghĩ vì hồi đầu tháng Chín, tổng thống đã chỉ thị cho Brzezinski phải nhắm vào mục đích “công nhận đồng thời với cả Trung Hoa lẫn Việt Nam”. (34)

Brzezinski chống lại những điều ông ta cho là cố gắng của Vance và Holbrooke “để đưa Việt Nam vào tiến trình bình thường hóa quan hệ Mỹ-Hoa và Trung Hoa cho rằng chúng ta cũng bình thường hóa với Việt Nam.” Trong mục tiêu chiến lược đối đầu với người Nga, những vấn đề khu vực trở nên kém trọng yếu. Ông ta cũng chẳng lưu tâm nhiều tới mối hận thù giữa người Trung Hoa và Việt Nam và nỗi sợ hãi của Trung Hoa đối với các nước chung quanh. Ông ta loại trừ mối sợ hãi của các nước trong khu vực đối với việc Trung Hoa có thể bành trướng xuống phương Nam, bởi vì, như ông ta nói với tôi “chẳng phải vì lý do lịch sử hay lý do chiến lược mà lo sợ như thế.” Với ông, Việt Nam chỉ là kẻ được Liên Xô ủy nhiệm. Việc Trung Hoa lo lắng Việt Nam trở thành một căn cứ của Liên Xô chính là điều Hoa Kỳ quan tâm nhất. Ông ta nói: “Vance và Holbrooke thúc đẩy việc bình thường hóa quan hệ với Việt Nam, theo nhận định của ông, chỉ làm hỏng việc bình thường hóa quan hệ Mỹ-Hoa, có khả năng phát triển quan hệ chiến lược với Trung Hoa.” Ông ta cho rằng chính Holbrooke, nôn nóng trong việc quan hệ với Việt Nam, là người đã xúi Việt Nam từ bỏ yêu cầu viện trợ. Ông ta tuyên bố một cách tự hào: “Tôi cho rằng Holbrooke đến đó (gặp phái đoàn Việt Nam tại Nữ Ước hồi tháng Chín/ 1978) để chứng tỏ rằng họ muốn làm cho việc quan hệ bình thường thêm được dễ dàng, và tôi từ chối việc ấy.” (35)

Ông ta cho biết đã thảo luận về hoạt động vô ích đó, và Carter đồng ý những điều ông ta phân tích, quyết định trì hoãn việc bình thường hóa với Việt Nam. Năm 1981, khi Brzezinski nói với tôi việc này thì Việt Nam đã trở thành một quốc gia bị nhiều người kinh tởm vì họ chiếm

đóng Kampuchia và hàng vạn người vượt biên bằng thuyền. Lời ông ta phát biểu giống như lời tố cáo của một chính khách mà chỉ một mình ông ta tận công vào việc bình thường quan hệ với Hà Nội. Một người khác, có thể tố cáo như vậy, nếu không được người ta “tin tưởng” lắm đối với việc cản trở quan hệ bình thường như trên thì mai mỉa thay, người đó lại là Leonard Woodcock, người đã hướng dẫn phái đoàn của tòa Bạch ốc đi Hà Nội hồi mùa xuân năm 1977 để dọn đường cho công việc bình thường hóa quan hệ với Việt Nam.

Là người giữ nhiệm vụ trưởng phòng liên lạc của Mỹ ở Bắc Kinh, và là người được giao nhiệm vụ thương thuyết bình thường hóa Mỹ-Hoa, Woodcock bây giờ khác xa với những quyền hạn ưu tiên trong khi hướng dẫn phái đoàn thăm viếng Hà Nội trước kia. Việc bí mật thương nghị với Trung Hoa về quan hệ bình thường giữa hai nước bắt đầu ở Bắc Kinh hồi tháng Bảy, đạt tới một mức độ nhạy cảm và cần phải thận trọng hơn nữa. Có nhiều điều hết sức nhạy bén do bộ trưởng Ngoại giao Hoàng Hoa của Trung Hoa đề nghị hôm 3 tháng Mười mà ông đem về theo. Cùng với Vance, Holbrooke và Oksenberg gặp phái đoàn Trung Hoa để thảo luận trong bữa ăn tối. Cũng tối hôm đó, George Quintin chỉ huy một đám đốt pháo bông ở công viên Central Park, cách chỗ phái đoàn Trung Hoa chỉ có mấy căn nhà. Tiếng pháo nổ dội vào khung cửa kính tăng thêm vẻ bi tráng của cuộc đối đầu nóng bỏng. Bộ trưởng Hoàng Hoa với vẻ hiếu chiến, kịch liệt đã kích Vance về việc Hoa Kỳ cương quyết duy trì quan hệ và bán vũ khí cho Đài Loan. Tới mười giờ đêm, khi họ nghỉ tới bữa ăn tối, thì các đĩa thức ăn ngon do Trung Hoa dọn ra trên bàn đã nguội lạnh. Holbrook tiếc rẻ nhớ lại bữa ăn tối với thức ăn lạnh ấy. “Chúng ta ở đây, chẳng thấy được pháo bông, nhưng tiếng nổ thì nghe như súng cối, giống Saigon trong thời chiến.”

Woodcock chán nản toàn bộ công việc. Tuy nhiên, ông ta thấy có một chút hy vọng khi một người phụ tá của Hoàng Hoa len lén tới gần để nói nhỏ với ông. Ông ta trở lại Bắc Kinh để định lại một vòng thương thuyết mới. Đó là dấu hiệu bí mật của người Trung Hoa: mặc dù tranh cãi với Vance, nhưng lại uyển chuyển với Woodcock vì ông này làm việc gần gũi với Carter và Brzezinski hơn.

Do đó, trong cuộc họp với Brzezinski ở phòng Bầu Dục hôm 11 tháng Mười/1978, Carter hỏi Woodcock về quan điểm của ông đối với tiến trình bình thường hóa quan hệ với Việt Nam, ông này trả lời nhanh là “Không”. Ông trình bày với Carter ý nghĩ sâu sắc của ông là nếu có quan hệ với Việt Nam tại thời điểm đó thì nó sẽ là “bung đổ mối quan hệ với Trung Hoa xuống nước.” Woodcock sau này kể lại, theo ông ta, nhiệm vụ của ông đơn thuần có liên hệ tới lòng mong muốn kết thúc thỏa hiệp bình thường quan hệ với Trung Hoa. Tuy nhiên, có phải Trung Hoa muốn chỉ cho ông ta thấy rằng họ có nhận xét không chắc chắn về việc thiết lập quan hệ Mỹ Việt? Woodcock nói rằng không bao giờ ông ta trách nhiệm người Tàu về vấn đề này. Những vấn đề này lại nổi lên khi một người nào đó đi thăm Trung Hoa. “Một lần, trong khi người nào đó có thể hỏi: Ông nghĩ thế nào nếu chúng tôi lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam. Câu trả lời có thể đó là công việc của ông, nhưng chúng tôi nghĩ là chẳng khôn ngoan khi nói vì lý do này hay vì lý do kia mà không nói rõ ra rằng điều đó không làm cho chúng tôi vui.” Lý do ông ta sợ phản ứng tiêu cực của Trung Hoa là không phải họ biểu lộ sự chống đối nhưng bởi vì vấn đề không được đem ra thảo luận gì cả. Woodcock giải thích: “Từ tháng Bảy, tôi đã nói chuyện với họ một cách nghiêm chỉnh, và lúc bấy giờ là tháng Mười. Chúng tôi đã sẵn sàng cho hành động chót. Chưa bao giờ nói chuyện với Trung Hoa về Việt Nam trong khoảng thời gian đó, không nói với họ việc quan hệ bình thường với Hà Nội. Tôi nghĩ rằng có thể đặt ra trong trí họ niềm tin nơi chúng tôi.” (36)

Brzezinski và Woodcock đọc được phản ứng của Trung Hoa bằng sự đối nghịch với Holbrooke. Holbrooke nói: “Tôi nhớ rất rõ, năm 1978, trong khi Đại hội đồng Liên hợp Quốc họp thì người Trung Hoa nói với chúng tôi: “Những điều ông làm để bình thường hóa quan hệ với Việt Nam là việc của ông. Chúng tôi không chống lại việc bình thường hóa quan hệ của Hoa Kỳ với bất cứ một nước xã hội chủ nghĩa nào.” Do đó, tất cả chúng tôi biết rằng dù họ không

niệt tình với công việc ấy bởi vì họ muốn tái lập quan hệ với chúng tôi, họ không chống lại việc quan hệ bình thường giữa chúng tôi và Việt Nam.” (37) Nhưng Carter đồng ý với Brzezinski và Woodcock “Quan hệ đối với Trung Hoa là điều quan trọng nhất” và quyết định trì hoãn quan hệ với Việt Nam cho đến khi việc quan hệ với Trung Hoa hoàn tất. (38)

Trong bầu không khí mờ mờ đục bí mật bao quanh các cuộc đàm phán quan hệ bình thường với Trung Hoa, quyết định của tổng thống đưa ra hôm 11 tháng Mười, mọi người vẫn chưa được biết, ngoại trừ một nhóm nhỏ ở bộ Ngoại giao, là nơi có động cơ thúc đẩy công việc thiết lập tòa đại sứ ở Hà Nội. Holbrooke và các phụ tá chính yếu của ông không nói thật lý do tại sao việc bình thường hóa bị đình chỉ, có lẽ là để tránh một sự xung đột khác nữa giữa Vance và Brzezinski. Thay vì nói rõ ra việc thiết lập quan hệ với Trung Hoa quan trọng hơn với Hà Nội thì họ giả bộ nói rằng việc ký kết một thỏa hiệp thân hữu với Việt Nam có thể tạo ra những sự phức tạp nội bộ, có thể có ảnh hưởng đến cuộc bầu cử quốc hội vào đầu tháng Mười một. Sau này, một phụ tá thân cận nhất của Holbrooke nói thêm: “Sau ngày 27 tháng Chín, tòa Bạch ốc chỉ thị cho chúng tôi: Đừng bình thường hóa, đợi đến sau ngày bầu cử.” (39)

## Những lô rò ở Bangkok

Việc bình thường quan hệ với Hà Nội đụng phải một vài trở ngại chính trị tại tòa Bạch ốc là do những lời đồn đãi không tốt đẹp gì tại Văn phòng Đông Nam Á Sự vụ của bộ Ngoại giao. Sau này các nhân viên tham mưu nhắc lại điều hết sức căng thẳng xảy ra giữa văn phòng phụ trách vấn đề Việt Nam và văn phòng phụ trách vấn đề Trung Hoa vì những lời phê bình gay gắt người Việt Nam cũng như những hiểm nguy quan trọng trong việc quan hệ với Trung Hoa nếu Hoa Kỳ thiết lập ngoại giao với Hà Nội. Tuy nhiên, tin tức từ Tòa Bạch ốc về việc đình chỉ quan hệ với Hà Nội vẫn còn được giữ kín mãi đến khi có sóng gió nhỏ bùng lên vì những nhận định có dụng ý của Holbrooke ở Bangkok. Đáng lưu ý là sự kiện này xảy ra đúng một ngày sau khi Việt Nam được kín đáo thông báo các điều kiện tiên quyết mới của Mỹ đối với việc bình thường hóa quan hệ giữa hai bên.

Robert Oakley thực hiện hai chuyến đi Nữ Ước vào hồi tháng Mười để thương nghị với Việt Nam. Nhóm hành động tìm cách giải quyết những khó khăn chính yếu để thiết lập tòa đại sứ. Trong cuộc họp với Nguyễn Cơ Thạch ngày 17 tháng Mười, Oakley nhận thấy ông ta thiếu kiên nhẫn. Oakley kể lại “Thạch cứ liên tục nói nhanh lên, nhanh lên, nhanh lên. Chúng tôi muốn thực hiện ngay.” Oakley chống lại yêu cầu của Thạch, nói rằng tất cả chi tiết phải thực hiện trước.

Tuy nhiên, ngày 30 tháng Mười, Oakley đến gặp nhà ngoại giao Việt Nam Trần Quang Cơ với cung cách khác. Việc bình thường hóa quan hệ phải chờ. Oakley nói với Cơ, chờ Việt Nam trả lời thỏa mãn ba vấn đề: Việt Nam thù địch với Kampuchia, quan hệ Việt Nam với Liên Xô, và sự gia tăng thuyền nhân trốn ra ngoại quốc. Phạm Bình (hay Bình? Nd), một viên chức ngoại giao hàng đầu của Việt Nam, hỏi mà không cần trả lời, khi, vài năm sau, ông ta nhắc lại câu chuyện hồi đó: “Tại sao lại phải có những điều kiện mới? Ông ta cũng trả lời luôn: “Bởi vì từ hồi tháng Năm/ 1978, (thời gian Brzezinski thăm Trung Hoa), Trung Hoa công khai đưa ra chính sách thù địch Việt Nam. Bây giờ người Mỹ thông đồng với Trung Hoa.” (40)

Những điều Bình không muốn nói là chính Việt Nam cũng đã chuẩn bị liên minh với Liên Xô. Tại Hà Nội, buổi sáng ngày 30 tháng Mười (buổi tối 29 tháng Mười, giờ Hoa Thạnh Đôn), chiếc máy bay phản lực Liên Xô Ilyushin 62, gồm thét rời phi trường Nội Bài, chở theo những nhân vật hàng đầu của Việt Nam đi Liên Xô trong một chuyến bay bất thường. (41)

Gần một nửa thành viên bộ Chính trị, do tổng bí thư Lê Duẩn dẫn đầu, trên đường đi Moscow để ký một thỏa ước thân hữu, hy vọng bảo đảm cho Việt Nam chống lại các cuộc tấn

công của Trung Hoa trong tình hình sắp có xung đột với Kampuchia. Sau khi chờ đợi một tháng tròn để ký một thỏa ước quan hệ bình thường với Mỹ, Nguyễn Cơ Thạch, thất bại rời Nữ Ước đi Paris, rồi lên đường đi Moscow. Ở đây, ngày 3 tháng Mười một, ông ta chứng kiến lễ ký kết thỏa hiệp thân hữu Liên Xô-Việt Nam. Hy vọng của Việt Nam thủ sẵn sự công nhận của Hoa Kỳ trước khi liên minh quân sự với Liên Xô đã thất bại.

Có phải quyết định của Hoa Kỳ đưa ra cho Việt Nam những điều kiện mới là do tình báo biết được việc ký kết gấp rút thỏa ước Việt Nam-Liên Xô? Cuộc thăm viếng của một nhân vật cao cấp Việt Nam đã bị tiết lộ. Ngày 27 tháng Mười, Hà Nội thông báo Lê Duẩn và thủ tướng Phạm Văn Đồng sẽ đi thăm Liên Xô “trong một tương lai gần.” Người ta nghĩ chẳng ai biết Việt Nam sắp sửa ký thỏa ước với Liên Xô. Cuối cùng thì người ta cho rằng tất cả là do tình báo cả.

Về sau, bộ Ngoại giao Hoa Kỳ cố gắng chứng minh để khỏi mất mặt trong khi bình thường hóa quan hệ với Việt Nam. Thỏa hiệp ký kết giữa Việt Nam-Liên Xô, Việt Nam xâm lược Kampuchia và những đợt sóng thuyền nhân đã làm cho công việc ngoại giao thất bại. Lời giải thích đó được ghi lại trong sổ biên niên. Một trong hai điều phát triển tốt được thực hiện sau ngày 11 tháng Mười do quyết định của tổng thống Carter, và làn sóng thuyền nhân đạt tới mức độ cao nhất chỉ là vào mùa hè năm 1979. (42)

Trong một loạt phỏng vấn, Holbrooke thường nhắc lại rằng không bao giờ có quyết định rõ ràng về việc đình chỉ thương thảo quan hệ ngoại giao với Việt Nam. Trái với những lời phát biểu của Brzezinsky và Woodcock và cả Carter, Holbrooke vẫn cho rằng quyết định đình chỉ thỏa hiệp nói trên chẳng là gì với Trung Hoa cả. Holbrooke nói: “Rất nhiều người nghĩ rằng có quyết định không tiến hành với Việt Nam nhưng tiến hành với Trung Hoa. Trong khi sự thật Việt Nam cố tạo ra nhiều điều kiện để công việc được tiến triển tốt đẹp.” Holbrooke có thể đưa ra ba lý do thực tiễn giải thích tại sao việc quan hệ bình thường với Việt Nam không thể đạt được. Ông ta nói: “Tôi có thể nói ra ba yếu tố, một là vấn đề thuyền nhân, hai là tin tình báo cho biết một cuộc xâm lăng sắp xảy ra và cuối cùng là việc bầu cử quốc hội.” (43)

Chắc chắn người ta muốn tránh những biện pháp đối nghịch, chẳng hạn như việc bình thường hóa quan hệ với Việt Nam trước ngày bầu cử quốc hội. Tuy nhiên, đình chỉ này không buộc có hạn định thời gian. Giải thích việc đình chỉ này, Holbrooke nói rằng chính quyền quan tâm việc lập tòa đại sứ tại Hà Nội đúng vào lúc truyền hình Mỹ chiếu những hình ảnh thuyền nhân chạy trốn tới các nước Đông Nam Á. Việc này có thể gây ra phản ứng. Sự kiện thuyền nhân và tin tức tình báo cho biết Việt Nam sắp tấn công Kampuchia, hết sức trái ngược với những lý do có giá trị về việc bình thường ngoại giao. Tuy nhiên, với Holbrooke và các đồng nghiệp của ông trong bộ Ngoại giao, việc này không phải là không vượt qua được, khi toàn bộ việc chuẩn bị thiết lập tòa đại sứ ở Hà Nội coi như gần xong.

Thực ra, tất cả những lời giải thích phức tạp về việc đình chỉ quan hệ bình thường với Việt Nam là hết sức trái ngược với ý kiến của những người trong bộ tham mưu của Holbrooke mà hồi mùa thu họ đã có lập một bản tường trình. Oakley thừa nhận rằng, những trở ngại được đưa ra cho Việt Nam vào ngày 30 tháng Mười chỉ là nhằm che đậy sự thoái thác của Mỹ. Ba vấn đề ông ta đưa cho Việt Nam hôm đó chẳng phải là điều mới khám phá ra. Holbrooke đã trình bày với Thạch hồi tháng Chín rồi, nhưng dù thế nào mặc lòng, họ vẫn cứ xúc tiến các cuộc họp bàn về việc quan hệ bình thường. Bây giờ ai biết được do đâu có lệnh nói ra về ba trở ngại như trên với Việt Nam? Oakley rõ ràng vừa tự bảo vệ và vừa phản kháng: “Không phải tòa Bạch ốc đưa ra lệnh ấy. Cũng không phải là Oksenberg bắt thần khám phá ra và cũng không phải tổng thống ra lệnh cho Vance.” Ông ta nói rằng chính đó là ý kiến của ông ta và Holbrooke. “Chúng tôi muốn nói rõ với họ, chỉ ra ở đâu là trách nhiệm đối với những gì chúng tôi thấy trước là sẽ thất bại” (44)

Holbrooke không nhớ rõ -khi tôi hỏi ông ta chính xác lúc nào thì ông ta biết quyết định ngày 11 tháng Mười của tổng thống Carter về việc đình chỉ xúc tiến lập quan hệ ngoại giao với

Việt Nam. Tất cả chứng cứ cho thấy ông ta thấy vài hiệu lằm trong khi ông ta đi Đông Nam Á, khi ông ta giận dữ phủ nhận rằng việc bình thường hóa sẽ được Washington quyết định sớm. Holbrooke kịch liệt phủ nhận ông ta không bao giờ nói với Thái Lan là quan hệ bình thường Việt Nam-Hoa Kỳ sẽ xảy ra trong vài tháng nữa, như hãng thông tấn UPI (United Press International) và National Review từ Bangkok đưa tin hôm 31 tháng Mười. Thực ra, việc này xảy ra một tuần sau khi ông ta gặp thủ tướng Thái Kriangsak Chomanan, cho ông này hay chuyện và làm ra vẽ như Holbrooke là người khỏi xương. Biết Holbrooke hăng hái đối với việc lập quan hệ bình thường với Việt Nam, nhiều người đồng sự với ông trong bộ Ngoại giao muốn tin rằng ông chưa biết câu chuyện này.

Tuy nhiên, như sau này tôi phỏng vấn các quan chức Thái và Mỹ có tham dự buổi họp, thì họ xác nhận quả thật Holbrooke không tiên liệu được bất cứ một ngày giờ nào như vậy. Tháp tùng Holbrooke là Abramowitz, bây giờ là đại sứ Mỹ tại Thái Lan, Holbrooke tóm tắt đầy đủ cuộc họp của ông với Thạch hồi tháng Chín, gồm luôn cả việc Việt Nam quyết định thôi không đòi Mỹ viện trợ nữa. Từ khi điều kiện tiên quyết này không còn đặt ra trong quan hệ bình thường, Thái Lan đơn giản đặt 2 với 2 và kết luận rằng quan hệ Mỹ với Việt Nam là cần thiết. Các nước trong khối ASEAN, đặc biệt là Thái Lan, sợ Holbrooke trong khi quá nhiệt tình trong việc lập quan hệ ngoại giao với Hà Nội mà quên mất quyền lợi của họ. Hy vọng việc công bố sớm sẽ tạo ra điều đình, Thái Lan vẽ vời thêm nhận định riêng của Holbrooke và hé ra cho báo chí thấy. Bằng hành động khéo léo báo động cho Trung Hoa, một bài báo trên tờ Nation Review nói rõ ra việc Hoa Kỳ bình thường hóa quan hệ với Việt Nam “chắc chắn sẽ xảy ra” trước khi có quan hệ bình thường Hoa-Mỹ. Việc hé lộ này tạo kết quả như họ muốn. Mấy giờ sau khi tin này được loan đi, cả Bạch ốc cũng như bộ Ngoại giao đều phủ nhận. Khéo léo giải thích thêm lời tuyên bố của Holbrooke, phát ngôn viên bộ Ngoại giao Hodding Carter nói rằng “Không một quan chức nào của chính phủ Mỹ tuyên bố như vậy.” Rồi ông ta tiếp tục phủ nhận điều ấy “như đã được phân tích và có thể phủ nhận. Chính phủ Hoa Kỳ chưa có quyết định gì cũng như lúc nào thì có thể thực hiện được, chưa có thỏa hiệp hay sự hiểu biết nào với bất cứ gì đã đạt được với Việt Nam.” Chắc chắn đó là sự thực, nhưng bản tin đã được loan đi. Bắc Kinh cũng như các nước Đông Nam Á được trấn an.

## Holbrooke thực hiện chuyến đi vì nhiệm vụ

Brzezinski bối rối vì những tin tức từ Bangkok đưa tới, coi đó như là việc khuyến khích của Holbrooke nhằm xúc tiến quan hệ bình thường với Việt Nam và cản trở công việc bình thường hóa quan hệ với Trung Hoa. Nếu những tin tức này từ Bangkok đưa ra chưa đủ, văn phòng nội bộ CIA phụ trách Đông Dương nhận được báo cáo ngày 31 tháng Mười có thể gần như làm tiêu ma sự nghiệp của Holbrooke. Trong khi đọc tin tức tình báo hằng ngày, Oksenberg thấy một bản tin - một bản viển ký nội bộ của phái viên Thông tấn xã Việt Nam ở Vạn Tượng gửi cho cơ quan trung ương của hãng ở Hà Nội. Bản tường trình nói rằng một “Một quan chức Mỹ” cho biết, -theo ông ta- thì sau cuộc bầu cử ở Hoa Kỳ vào tháng Mười một “Chính quyền Carter có khả năng thực hiện hai việc cùng một lúc: bình thường quan hệ Hoa Kỳ-Trung Hoa và Hoa Kỳ-Việt Nam. Không có khả năng tiềm ẩn nào trong quan hệ Hoa-Mỹ làm trở ngại quan hệ Mỹ-Việt.” Bản tường trình cũng nói tới việc Brzezinski gây “sức ép với các nhà thiết lập chính sách Đông Nam Á trong bộ Ngoại giao, tiếp tục ve vãn Trung Hoa và ngăn chặn Việt Nam.” Phần cuối bản tường trình, phái viên thông tấn xã Việt Nam có nói trong khi thăm viếng Vạn Tượng, tại một buổi gặp gỡ chung, Holbrooke được một đại biểu Việt Nam “nồng nhiệt tiếp đón”. Holbrooke “vui vẽ nói rằng ông ta vừa nói chuyện với thứ trưởng Ngoại giao Nguyễn Cơ Thạch và ông ta để một phụ tá của ông tại Nữ Ước duy trì sự tiếp xúc thường trực giữa hai bên.” Ông ta còn nói

thêm với đại biểu Việt Nam rằng ông ta “hết sức lạc quan về viễn tượng bình thường hóa giữa hai nước.” Phái viên Thông tấn xã Việt Nam diễn dịch ra rằng đây là một thông điệp và “thái độ thân hữu” của Holbrooke đối với Việt Nam. Khi Oksenberg chuyển bản tường trình này đến văn phòng Brzezinski thì mặt mày Brzezinski xám ngắt. Ông ta tới văn phòng tổng thống Carter rồi sau đó, Holbrook bị bãi chức.

Khi sự rắc rối này xảy ra, Holbrooke đang ở Lashio tại Miến Điện. Đây là những chuyến thăm viếng định kỳ tại một quốc gia có phong cảnh đẹp nhưng xa xôi. Đại sứ Mỹ ở Ngưỡng Quang gọi tiếp cho ông ta bức điện của bộ Ngoại giao, báo cho ông ta biết việc phủ nhận bản tin từ Bangkok gọi đi. Trong điện của Vance, ông ta nói muốn biết chắc Holbrooke đã tuyên bố gì. Holbrooke đánh điện trả lời, phủ nhận tất cả những gì trong các bản tường trình đó. Sau này ông ta nhắc lại: “Lúc đó có nhiều điều căng thẳng giữa bộ Ngoại giao và Tòa Bạch ốc, và có cố gắng đẩy tôi dính líu vào những rắc rối đó. Thứ nhất là Abramowitz phủ nhận rõ và thẳng thừng, và Vance đã hỗ trợ cho tôi, gọi điện cho tổng thống Carter, và rồi chẳng còn vấn đề gì nữa hết. Việc thứ hai là CIA nghiên cứu và quyết định rằng có thể -cũng có lẽ là Liên Xô đưa tin sai lạc.” (45) Thực ra, Holbrooke công khai loại trừ bài viết của Rowland Evans và Robert Novak, loại bỏ bản tường trình nội bộ của phái viên thông tấn xã Việt Nam, coi đó là ý đồ của Liên Xô, đưa tin sai lạc để phá hoại quan hệ Hoa-Mỹ và tạo nên mâu thuẫn trong nội bộ chính quyền Carter. (46)

Holbrooke tin rằng cả hai bản tường trình từ Bangkok và Việt Nam đều là những âm mưu. Ông ta nói, -và hỏi tường thời kỳ rắc rối ấy: “Hình như có ai đó muốn hại tôi.” Nhưng nếu như quả thật đây là hậu quả của những âm mưu thì nó không cùng phát xuất từ một người. Những điều rò rỉ ở Bangkok trước ngày bầu cử quốc hội, cái mà Holbrooke gọi là “những con muỗi” là nhắm mục đích tấn công các cuộc hội nghị Việt-Mỹ -có thể coi như phục vụ cho mục đích của Thái Lan và Trung Hoa. Nhưng bản tường trình nội bộ của phái viên Thông tấn xã Việt Nam ở Vạn Tượng, chẳng bao giờ được hăng thông tấn phổ biến như một tin tức thì lại để chống Trung Hoa. Tin đó được truyền đi nhắm mục đích tạo ra căng thẳng Hoa-Mỹ và sự bất hòa trong nội bộ chính quyền Carter. Điều hay của bản tường trình thông tấn xã Việt Nam là làm ngưng trệ những vấn đề đã biết. Holbrooke quả có gặp tham vụ ngoại giao Việt Nam tại Vạn Tượng, tại nhà tham vụ ngoại giao Hoa Kỳ. Holbrooke kể lại: “Tôi chào ông ta, nhưng cái câu nói “tôi nồng nhiệt chào ông ta” là hoàn toàn không đúng.” Holbrooke cương quyết phủ nhận, không công nhận có phê bình Brzezinski điều gì hoặc là về chính sách đánh lá bài Trung Hoa mà gián tiếp có sự đóng góp của ông.

Quả thật khó mà tin Holbrooke tuyên bố những điều như thế, dù là với cảm tình riêng của ông ta với một nhà ngoại giao Việt Nam. Tuy nhiên, việc nói rằng “Một quan chức Hoa Kỳ” đã nhân mạnh những điều ấy với Việt Nam, quan điểm của ông là “tiếng nói trong suốt thời kỳ thương thảo”. Phái viên Thông tấn xã Việt Nam tại Vạn Tượng, Đặng Kiến, thường nói chuyện với các đại biểu giáo phái Quaker và Mennonites, cũng như các đặc phái viên Tây phương trong khi họ thăm viếng Vạn Tượng. Hoàn toàn có khả năng là ông ta lấy tin từ những người này về mối thù địch sâu sắc giữa Brzezinski và Holbrooke hay là từ nguồn tin ngoại giao không chính thức. Sự kiện một nhà ngoại giao Việt Nam được mời tới nơi cư trú của một tham vụ ngoại giao Mỹ cũng đủ cho người Việt Nam thấy phần khởi. Trong cách nhìn đối với một bối cảnh xác định quan hệ bình thường Mỹ-Việt mà Holbrooke đã bày tỏ ở Bangkok trước khi ông ta tới Lào, là ông ta lạc quan khi nói chuyện với tham vụ ngoại giao Việt Nam. Trong khi đó, về mặt lý thuyết, việc Liên Xô đưa tin sai không thể phủ nhận được, thì bản tường trình của Thông tấn xã Việt Nam có lẽ hoàn toàn là một bản tường trình nội bộ của một phái viên với cấp chỉ huy. Theo đó thì bản tường trình này được gọi đi một ngày sau khi Holbrooke rời Vạn Tượng đi Miến Điện. Dù có hay không có âm mưu chống lại Holbrooke, các bản tường trình của báo chí Bangkok cũng như bản tường trình của Thông tấn xã Việt Nam chỉ ra một điều - Holbrooke không biết việc bình thường hóa quan hệ với Việt Nam bị đình hoãn.



Holbrooke phủ nhận, Vance hỗ trợ, và bản nghiên cứu của CIA tránh không nói tới sự khủng hoảng của cá nhân ông ta, nó cũng đem lại một điều cay đắng trong quan hệ của ông với Brzezinski và Oksenberg mà ông ta chẳng bao giờ phục hồi được nữa. Và tại khúc quanh này, chấm dứt một thời kỳ hai năm cố gắng của ông để xây chiếc cầu nối với Việt Nam. Đầu tháng Mười một, khi ông ta trở lại Hoa Thịnh Đốn, hy vọng quan hệ ngoại giao với Hà Nội nằm im, và viễn tượng vai trò lãnh đạo mới của Mỹ ở Á châu cũng cùng chung số phận. Mỹ nắm tay Trung Hoa, được xem như một cái xiết tay trong phạm vi khu vực để đối phó với chiến tranh.

## Thái tử Norodom Sihanouk: Người sống sót

---

Ngày 1 tháng Giêng năm 1978, một buổi sáng mát mẻ ở Phnom Pênh. Như thường lệ, Sihanouk mở máy thu thanh hiệu Grundig để nghe tin tức qua đài Phnom Pênh. Và cũng như thường lệ, ông mở to cho các tên lính gác dinh thự ông cùng nghe. Việc làm này, nhằm trấn an bọn lính này về lòng yêu nước của ông hơn là để cho chúng cùng nghe tin tức. Nhưng cùng ngày hôm đó, sự việc lại xảy ra theo một hướng khác. Thay vì tuyên truyền về những anh hùng lao động, nông dân, binh lính của nước Kampuchia Dân chủ thu hoạch mùa màng vĩ đại và xây dựng nước Kampuchia sáng lạng thì đài phát thanh loan ra một tin đáng ngạc nhiên: Nước Kampuchia Dân chủ quyết định cắt đứt quan hệ ngoại giao với Việt Nam vì Việt Nam tấn công lớn và không tuyên bố trước. Sihanouk cũng biết Việt Nam không biết những gì nguy hiểm mà Pol Pot đã làm.

Hồi tháng Ba/1973, khi đi thăm vùng giải phóng, Sihanouk biết nhiều mâu thuẫn ngầm ngầm giữa Khmer Đỏ và các “đồng chí” Việt Nam của họ. Từ đó, ông ta có nhiều chứng cứ cho thấy sự dị biệt càng lúc càng gia tăng. Trong chuyến đi thăm Việt Nam hồi tháng Chín/ 1975, thủ tướng Phạm Văn Đồng của Việt Nam nói với ông, ngay trước mặt Khiêu Samphan là Việt Nam chỉ tin tưởng vào ông ta mà thôi. Ít tuần sau, trở lại Phnom Pênh, Khiêu Samphan và Son Sen cho ông ta biết ý kiến của họ đối với Việt Nam. Họ nói Việt Nam CS đe dọa ngay chính sự sống còn của Kampuchia. Việc đe dọa đó chỉ có thể loại trừ nếu đuổi hết thiểu số người Việt Nam ra khỏi Kampuchia, xây dựng một quân đội Kampuchia hùng mạnh và đổi đầu quân sự, buộc Việt Nam CS phải chấp thuận một vùng đất và bờ biển “đúng hơn” với Kampuchia.

Nhiều tuần tiếp sau, đài phát thanh Phnom Pênh tuyên bố một cách đáng ngạc nhiên là họ đã chiến thắng vĩ đại, đánh bại Việt Nam xâm lược -lời tố cáo này khó tin. Sihanouk lo lắng về sự hiểm nguy nếu Kampuchia gây nên một cuộc tử chiến với người Việt Nam dày dạn chiến đấu. Ông ta gửi cho Pol Pot một bức thư, tự nguyện tham gia việc bảo vệ đất nước. Sau này ông ta

thuật lại “Họ từ chối lời đề nghị của tôi vì, như họ nói, họ gặt hái được một chiến thắng lớn hơn cả chiến thắng 17 tháng Tư/1975 (Ngày Phnom Pênh rơi vào tay Khmer Đỏ).” Khi ông ta nghe đài Phnom Pênh đưa tin chuyến đi thăm Kampuchia của bà vợ góa Chu Ân Lai, Đặng Dĩnh Châu, ông ta hơi có hy vọng gặp bà. Nhưng việc ấy không xảy ra. Bà ta được báo cho biết là Sihanouk không muốn gặp bất cứ ai. Thay vào đó, bà ta được mời dự tiệc trà phụ nữ do các bà vợ lãnh tụ Khmer Đỏ tổ chức, vợ Pol Pot, Khieu Ponnary chủ tọa.

Tin tức về cuộc chiến không công bố chống Việt Nam CS và những lời khoe khoang về Kampuchia anh dũng phát ra trên đài Phnom Pênh khiến Sihanouk biết rằng Pol Pot vẫn chưa nhìn thấy sự thực.

Sihanouk ngạc nhiên khi nghe Pol Pot nói tới giải pháp cuối cùng đối với Việt Nam. Hồi tháng Năm, đài phát thanh Phnom Pênh đưa ra luận điệu cho rằng một người dân Kampuchia có khả năng giết ba chục người Việt. Vì vậy Kampuchia không cần tới 8 triệu người Khmer để tiêu diệt hết người Việt Nam. Bài phát thanh kết luận một cách dễ dàng “Chúng ta chỉ cần hai triệu quân đội để đè bẹp 50 triệu người Việt Nam. Chúng ta vẫn còn lại 6 triệu người.” (1)

Trong khi những lời nói khùng điên như vậy làm cho ông ta buồn cười thì ông lại khoái chí với những tin tức nói rằng có một số người Khmer bắt đầu kêu gọi lật đổ Pol Pot được phát ra trên đài phát thanh Hà Nội. Ít ra, chế độ đen tối của Pol Pot bắt đầu lung lay. Tới tháng Chín, sự lung lay đó như thế nào thì đã rõ khi ông ta được yêu cầu: Khiêu Samphan đề nghị Sihanouk đi thăm một số tỉnh. Khác với lần trước, lần đi thăm này họ cố đưa Sihanouk lại gần với nhân dân hơn để chứng tỏ cho dân chúng thấy rằng ông ta hoàn toàn đứng sau chế độ. Ở cảng Kompong-Som cũng như Battambang Sihanouk đứng với công nhân và được họ hoan hô nhiệt liệt.

Những lúc này, ông được tỏ lòng biết ơn. Khi trở về Phnom Pênh, ông ta được mời dự một bữa tiệc mà Khiêu Samphan mô tả là “thân hữu và vinh danh những người yêu nước.” Sihanouk hy vọng gặp lại người cộng sự viên cũ của ông Penn Nouth tại bữa tiệc đặc biệt này ở nhà quốc khách. “Nhưng tôi ngạc nhiên thấy thêm hai cộng sự viên thân cận cũ nữa: Cựu bộ trưởng ngoại giao Sarin Chhak và cựu bộ trưởng binh khí Duong Sam O. Họ đau lòng, chỉ nhìn tôi mà thôi.” Sihanouk khó nhận ra khuôn mặt xương xẩu của Sarin Chhak, một luật gia sáng chói khi nhận định về vấn đề biên giới Miên Việt, thì mai mỉa thay nay trở thành người vận chuyển đạn dược cho cuộc chiến chống lại Việt Nam. Và bây giờ ông ta lại ở đây, xanh mét như một cái xác chết, vẫn còn hết sức bối rối sau nhiều năm lao động cực nhọc và đói khát. Món ăn dọn ra trên bàn trông như một giấc mơ. Ieng Sary và Ieng

Thirith, - người đã đưa nhiều người thuộc phe Sihanouk tới chỗ chết -, thì rất duyên dáng. Một người nhiếp ảnh viên cũng là người làm cho cuốn phim trở thành bất hủ: Vài tuần sau, Ieng Sary tới Nữ Ước để tham dự Đại Hội đồng Liên hợp quốc. Ông ta phân phát những tấm hình của buổi tiệc hôm trước ở Phnom Pênh cho các nhà ngoại giao và phóng viên báo chí. Những tấm hình này không có gì dối trá. Sary chứng minh điều ấy, mặc dù có dư luận thăm khốc cho số phận Sihanouk. Trong hình, thái tử Sihanouk vẫn còn sống và khỏe mạnh, vẫn còn gặp gỡ các cộng sự viên cũ và ông ta vẫn được kính trọng như một chính trị gia hàng đầu của nước Kampuchia đoàn kết.

Sihanouk không chỉ bất thần được ân huệ đó. Tuồng như Khmer Đỏ rất quan tâm tới sự an ninh không bình thường của ông ta. Ngôi nhà ông ở trong khu lâu đài hoàng gia không được coi là an toàn. Trục thẳng của địch dễ đáp xuống khu này để ám sát. Ông ta hiểu nỗi lo lắng thực sự của bọn họ là sợ Việt Nam có thể bắt cóc ông ta và tước mất lá bài ăn có tính cách quốc tế của Khmer Đỏ. Ông ta được chuyển vào ở trong một căn nhà nhỏ hơn có tường gạch và giây kẽm gai bao quanh. Sự tiên liệu này của Pol Pot rất dễ nhận ra. Nhiều năm sau, Nguyễn Cơ Thạch có nói với tôi là Việt Nam quả thật có ý “giải phóng” ông ta vào thời gian ngắn sau khi ông ta dời chỗ cư ngụ.

Cạnh chỗ ông ta ở là hai tòa buidng cao. Khmer Đỏ đặt hai ngọn đèn chiếu để rọi vào nhà ông vào ban đêm. Như thế có nghĩa là đôi ông và Monique không có đêm. Ánh sáng tràn vào phòng ngủ ông qua khung cửa kính mờ. Sihanouk thường ngạc nhiên là tới khi nào nữa thì ông bị lính Khmer Đỏ canh chừng bằng ống nhòm.

Ngoài nghe đài phát thanh, Sihanouk thường tiêu khiển thì giờ bằng đọc sách và tự học tiếng Tây Ban Nha qua cuốn sách tự học của ông. Công việc giải buồn trong những ngày buồn thảm và căng thẳng đó là nấu ăn. Ông thường thích nấu ăn, và ông đã khám phá những món ăn kết hợp giữa khẩu vị Khmer và kiến thức sâu xa của ông về món ăn Pháp. Buổi chiều 24 tháng Chạp khi ông ta đang ở trong bếp thử một món ăn mới tìm ra thì Monique xúc động gọi ông. Bà ta vừa nghe đài Hoa Kỳ. Malcom Caldwell, một học giả người Anh đang đi thăm Kampuchia với hai nhà báo châu Âu, đã bị giết tại nhà quốc khách ở Phnom Pênh. Chính phủ Kampuchia chính thức đổ lỗi cho Việt Nam. Ông ta nghĩ đó là lời tuyên bố hoang đường.

Theo kinh nghiệm, ông ta biết trong chế độ Pol Pot ở Kampuchia, an ninh rất chặt chẽ. Làm sao một biệt kích có thể vượt qua vô số hàng rào binh lính Khmer Đỏ, canh gác cho Caldwell và hai nhà báo Tây phương. Làm sao họ có thể biết ai trong ba người đó là Caldwell và làm sao biết ông ta ngủ ở phòng nào? Nếu người Việt Nam làm được điều đó, - theo ông ta nghĩ - , thì ngay chính sinh mạng của Pol Pot cũng không an toàn. Sihanouk kết luận rằng việc giết người là do lệnh của Pol Pot vì một vài việc nào đó mà vị giáo sư người Anh này, một người trung thành ủng hộ Khmer Đỏ, đã làm. Sự việc này nhắc cho thấy tính mạng của chính ông ta nguy hiểm đến mức nào.

Sihanouk có cảm tưởng lịch sử đang tiến nhanh hơn. Các đài phát thanh ngoại quốc loan tin Việt Nam đang mở cuộc tấn công toàn bộ và nhiều trận đánh lớn đang xảy ra. Biết Việt Nam, biết huyền thoại về tướng Võ Nguyên Giáp, từ lâu, ông ta cho rằng đó là hậu quả tất nhiên không tránh được. Nhưng nó sẽ kết thúc như thế nào đây? Buổi chiều ngày 2 tháng Giêng, cán bộ Khmer Đỏ tới thông báo cho biết trong vòng 15 phút, Sihanouk và gia đình phải dời đi một nơi nào đó. Sihanouk nói với bà Monique sau khi ông ta cầu nguyện lần chót:

“Thời gian của chúng ta đã tới,” Qua các đài phát thanh ngoại quốc, những người trốn chạy khỏi Khmer Đỏ khai rằng nhiều người bị bắt đưa đi mà không bao giờ trở lại. Nay thì tới phiên ông và gia đình. Ông ta nghĩ tới việc tự tử, nhưng việc đó không khác chi đem thịt tới cho người hàng thịt. Cán bộ Khmer Đỏ quay trở lại nói cho ông ta rõ chỉ đem theo thức ăn đóng hộp ông đang có. Điều này xua đi nỗi u ám. Nếu họ muốn mang theo thức ăn, có nghĩa chưa phải là bị đưa đi hành hình. Sihanouk nghĩ vậy.

Buổi tối, Khiêu Samphan tới tiễn chân thái tử và gia đình khi họ lên đường đi Battambang ở phía Bắc Kampuchia. Khiêu Samphan giải thích: Quân xâm lược Việt Nam đang tiến tới, để bảo đảm an toàn, họ phải dời khỏi thủ đô đúng lúc. Ông ta hẹn sẽ đến thăm Sihanouk ở Battambang. Khi đoàn xe rời thủ đô trong đám bụi mù thì nghe có tiếng nổ ì ầm ở phía đông. Chiến tranh đang tới.

Khiêu Samphan không nói cho ông ta hay rằng hồi sáng sớm hôm đó, một toán biệt kích Việt Nam CS thất bại khi cố gắng xâm nhập Phnom Pênh để bắt cóc Sihanouk. Nhiều tuần sau, khi ông ta lại được tự do, Sihanouk có nghe nói đến cố gắng đó của Việt Nam CS để giải thoát ông, đưa ông lên lãnh đạo lực lượng chống Pol Pot.

Ngay những giờ đầu ngày 2 tháng Giêng, hai toán đặc công Việt Nam dùng xuồng vượt sông Tonlé-Sap để đến phía bờ sông có lầu đài hoàng gia. Hầu hết bọn họ đều bị toán Khmer Đỏ canh giữ mặt sông bắn chết. Một trong những người sông sót chạy thoát. Nhiều năm sau, người này trốn qua Thái Lan và cung cấp cho tình báo Tây phương những chi tiết đầu tiên về cố gắng bắt thành này.

Sau chuyến đi xóc đến đau cả xương trên con đường số 5 đầy ổ gà, Sihanouk tới Sisophon, một thị trấn gần biên giới Thái Lan. Hai ngày sau, Khiêu Samphan tới và nói cho

Sihanouk hay rằng quân địch đã bị đẩy ra khỏi Phnom Pênh. Họ có thể quay lại thủ đô. Tuy nhiên, căng thẳng và mệt mỏi vì việc đi lại như thế, ít ra cũng cho thấy nỗi sợ hãi của Sihanouk cho chính mạng sống ông có sai lầm. Có lẽ Khmer Đỏ không bao giờ muốn ông ta chết, nhưng ông ta lấy làm lạ là làm thế nào ông có thể được an toàn ở trong tay chúng khi quân Việt Nam đang tiến tới. Ông ta nhận ngay ra rằng, trái với những gì Khiêu Samphan nói, quân Việt Nam không bị đẩy lui. Cửa sổ nơi nhà ông ở thường rung chuyển mỗi khi pháo binh bắn, dường như ngày càng gần hơn.

Buổi tối ngày 5 tháng Giêng, Sihanouk được triệu tới để nghe “Anh số Một” Khmer Đỏ nói chuyện. Tối hôm đó, ông ta được xe đưa tới một ngôi nhà hai tầng đồ sộ trên bờ sông Tonlé-Sap, một thời là nơi cư ngụ của Khâm Sứ Pháp. Thời Sihanouk thì đó là nhà quốc khách. Kể từ năm 1973, đây là lần đầu tiên Sihanouk gặp mặt đối mặt với Pol Pot. Hồi tháng Ba/1973, trong khi đi thăm vùng giải phóng, Sihanouk đã gặp Saloth Sar. Lúc đó, Sihanouk đã biết con người lý thuyết rụt rè ở Paris trở về, tự dấu mình, thường đứng sau hậu trường nói chuyện với Sihanouk.

Con người tự dấu mình và e lệ đó khác với Pol Pot buổi tối 5 tháng Giêng. Trong bốn giờ đồng hồ nói chuyện với Sihanouk, Pol Pot chính là con người đảm trách nhiệm vụ nhưng hết sức dịu dàng và lịch sự. Nhiều năm sau, Sihanouk kể lại: “Pol Pot là con người hết sức hung ác, nhưng xem ra anh ta không ghét tôi lắm. Thực ra, anh ta có vẻ đáng yêu.” Ông ta được nghe lại những ngôn ngữ của hoàng triều, -những ngôn ngữ được phô diễn bằng tiếng Khmer khi dành cho hoàng gia và các tu sĩ Phật giáo. Sihanouk nhận xét: “Ieng Sary không nói với tôi bằng thứ ngôn ngữ đó. Ông ta nói rằng Sihanouk cũng chỉ là một công dân.” Khiêu Samphan thì khác. Mặc dù dị biệt lý thuyết, ông ta vẫn thừa chuyện với Sihanouk bằng những ngôn ngữ hoàng triều. Sihanouk kể lại: “Bất thần hôm đó, Pol Pot nói với tôi cũng theo cung cách như Khiêu Samphan. Thật là kỳ lạ, không thể tin được.”

“Pol pot nói: “Thưa hoàng thượng. Kẻ hạ thần này xin lỗi là đồng chí Khiêu Samphan đã thay mặt cho hạ thần.” Ông ta chấp tay chào tôi mà không dùng chữ “Tôi” nhưng lại nói “Kẻ hạ thần này” -cũng giống như trong triều đình Anh nói “Kẻ hạ thần ngoan ngoãn”, đại khái là giống như vậy. Tôi hết sức ngạc nhiên,”

Pol Pot nói với ông ta là rất mong muốn ông làm đại diện cho Kampuchia tại Liên Hợp Quốc. Với rất nhiều bạn bè ở ngoại quốc, ông ta có thể nhờ họ giúp cho Kampuchia Dân chủ.

Sihanouk nói với Pol Pot là ông yêu nước và nguyện rửa Việt Nam xâm lăng. Ông ta hứa sẽ làm hết sức để giành được sự ủng hộ của Hội Đồng Bảo an Liên Hợp quốc cho Kampuchia. Ieng Sary ngăn lại, nói rằng không đủ chỗ trên máy bay nên chỉ dành cho Sihanouk và bà hoàng Monique mà thôi. Sihanouk nói với Pol Pot: “Tôi khẩn cầu ngài, cho phép những người trong gia đình tôi cùng các cộng sự viên đi theo tôi.” Sihanouk nhìn Ieng Sary đang ngồi bên cạnh thái tử và nói: “Vâng, sắp đặt để cùng lên hết một máy bay.” Bỗng nhiên, Sihanouk thấy nhẹ mình. Ông ta hết sức cảm ơn Pol Pot vì sự tử tế và quan tâm của ông ta. Tuy nhiên, ông ta cũng biết sự tử tế đó rất nguy hiểm. Pol Pot cũng dành thì giờ vẽ ra một hình ảnh lạc quan trong chiến tranh chống lại Việt Nam. Ông ta nói: “Trong vòng hai tháng, chúng ta sẽ quét sạch quân xâm lược Việt Nam.” Sihanouk nói: “Chúc mừng. Thưa chủ tịch. Chúc mừng.” Với cái gật đầu mạnh mẽ đồng ý của Ieng Sary, Pol Pot nói: “Từ nay về sau, nếu ngài muốn thường đi Trung Hoa thì cứ đi. Ngài được tự do. Nếu Ngài trở về, ngài sẽ được nồng nhiệt đón tiếp. Nếu Ngài muốn lưu lại cùng chúng tôi vài ngày, chúng tôi hết sức vui sướng có ngài bên cạnh.” Sihanouk há hốc miệng kinh ngạc: “Thật vậy sao? Xin cảm ơn.”

Sáng ngày 6 tháng Sáu, ông được tự do trên máy bay. So với đêm hôm trước, khi nói chuyện với Pol Pot, pháo binh Việt Nam bắn gần thủ đô hơn. Máy bay Boeing 707 của Trung Hoa làm thế nào có thể đáp xuống phi trường Pochentong? Trong các đường băng, có cái nào an toàn khi máy bay cất cánh dưới hỏa lực Việt Nam. Ieng Sary nói nếu máy bay không đến được, họ có thể rời thủ đô trốn vào rừng. Sihanouk kể lại với tôi: “Tôi chuẩn bị hai cái bao để ra phi

trường. Một cái đựng áo quần để đi Nữ Ước và một cái đựng đồ ăn đóng hộp, áo kaki, pijama, krama (khăn choàng) và đôi dép Hồ Chí Minh.” (dép Hồ Chí Minh làm bằng vỏ xe hơi, là dép thường dùng của du khách ở Đông Dương). Có thể nào chúng tôi lại đi vào rừng theo bọn Khmer Đỏ? Câu trả lời vẫn còn ẩn kín dưới bầu trời cao, qua những người khách Trung Hoa và Kampuchia của chuyến bay này. Tại họ căng ra để ngóng tiếng máy bay Boeing 707 ù ù qua tiếng đại bác nổ ì ầm. Một hàng máy bay Mig-19 do Trung Hoa chế tạo sơn màu cờ Kampuchia Dân chủ nằm bất động ở cuối phi đạo vì thiếu phi công. Và mặt trời lên cao, sương ẩm không khí phi trường Pochentong. Sihanouk đón chờ con chim sắt của tự do.

## Một mùa Giáng sinh đỏ

---

Ngày 6 tháng Giêng/1979, đại sứ Lào Khamphan Vilachit trải qua một đêm không ngủ. Sáu thành viên trong bộ tham mưu của ông cũng vậy. Chiến tranh tuồng như đang đến gần, hết sức nguy hiểm. Sự im lặng chết chóc thường bị quấy động vì tiếng đại bác và tiếng dội âm ỉ của nó trong thủ đô vắng lặng. Các khung cửa sổ dội tiếng đạn kêu lách cách. Khamphan nghĩ rằng chiến tranh đang tới, nhưng chưa bao giờ ông nghĩ nó đến nhanh như vậy.

Ông ta biểu nhân viên cầu Phật. Xa gia đình và xa nhà, sống nơi xa xôi này, nơi họ sống chung với nhau, những người trẻ này hầu như trở thành trẻ con. Tuy nhiên, không phải thuộc những người chính thông Cộng sản, và có cách sống hết sức tự nhiên, chắc chắn ông ta có thể xoay sở được dưới mọi hoàn cảnh. Ông ta như sống trong một hòn đảo hoang vậy. Từ ngày 2 tháng Giêng, chỉ có tòa đại sứ Lào là nhóm độc nhất còn lại trong thành phố ma ám, chờ giờ phút cuối cùng của thủ đô. Tại những giờ phút như thế, chẳng có gì ngạc nhiên khi họ quay trở lại với lời dạy của Phật tử về con đường đi tới Niết bàn để thoát khỏi vòng luân hồi.

Khamphan cảm thấy không thoải mái khi được gọi đi làm đại sứ nước Xã hội Chủ nghĩa Lào tại quốc gia cực đoan nhất thế giới này. Khamphan là người to con, trán rộng và có nụ cười e lệ, được chọn làm đại sứ Lào ở Kampuchea Dân chủ không phải vì lòng tin cách mạng nhưng vì ông nói rành tiếng Khmer và có quan điểm tinh tế về cuộc sống. Sự bình tĩnh là điều hết sức cần thiết cho sự sống còn của thành phố Phnom Pênh dưới chế độ Pol Pot. Người tiền nhiệm của ông là một cán bộ cách mạng trẻ. Ông này gần như hoàn toàn không thể chịu đựng nổi sau một năm sống cô lập ở Phnom Pênh. Ông ta yêu cầu được về gấp -một việc chẳng có nghĩa lý gì dưới chế độ Khmer Đỏ ở Kampuchea cả. Mỗi tháng chỉ có một chuyến bay đi Vạn Tượng. Nhà ngoại giao này trở về Lào bằng thuyền, đi ngược sông Mekông. Chuyến đi kéo dài một tuần lễ.

Trước đây bốn mươi năm, Khamphan đã ở Kampuchea, khi ông là chủ tiêu tu ở Học viện Phật giáo Phnom Pênh. Sau này lớn lên, có một thời gian dài ông làm nhân viên chính quyền và thị trưởng thủ đô hoàng gia Luang Prabang. Đó cũng là một trung tâm quan trọng nhất đối với việc tu học đạo Phật ở trong nước. Ông ta không bao giờ nghĩ là sẽ trở thành một nhà ngoại giao và chắc chắn không phải là ở một quốc gia tuyên chiến với tôn giáo. Nhưng ông ta không thể từ chối lời yêu cầu của Chính phủ Cách mạng Nhân dân Lào. Điều đó chứng tỏ sự khoan dung quá mức của đạo Phật.

Sau tám năm vắng mặt, ông lại trở lại Kampuchea. Phong vị của một thành phố đáng yêu theo kiểu Pháp không còn nữa. Ngoại trừ một ngôi chùa gần lâu đài hoàng gia, những lâu đài khác, hoặc bị bỏ hoang hoặc trở thành vựa thóc hay xưởng làm nước mắm. Các tu sĩ đều bị bắt hoàn tục, bị giết hay đi lao động ở vùng quê. Khmer Đỏ tự hào cho Khamphan xem một cuốn phim, qua đó, các cựu tu sĩ làm việc lao động cực nhọc như súc vật hoặc kéo cày ngoài ruộng.

Ở Kampuchea, giá trị con người hết sức thấp. Sáng ngày Chủ nhật 7 tháng Giêng, đời người không hơn gì một phút dù du, như giọt nước trên lá sen. Ông ta nghe đài ngoại quốc nói quân đội Việt Nam đang mở cuộc xâm lăng Kampuchea. Tiếng súng nổ rất gần khiến ông ta nghĩ rằng tình hình còn nghiêm trọng hơn cả tin tức trên đài phát thanh. Sự nguy hiểm còn rõ hơn vì họ là đoàn ngoại giao độc nhất còn lại ở Phnom Pênh. Đường giây liên lạc mật mã với Vạn Tượng cũng đã chết ngum cách đây sáu ngày. Trả lời bức điện mừng năm mới của ông, về sự bất an ở đây, bộ trưởng Ngoại giao Lào ở Vạn tượng khuyến cáo họ đừng sợ và nên ở lại. Điều họ có thể làm được từ hôm nhận bức điện ấy rõ ràng là chẳng có cách nào thoát ra khỏi Phnom Pênh.

Sau này ông ta biết là người hiệu thính viên ở bộ Ngoại giao Lào bị tiêu chảy đùng vào tuần lễ có cuộc chiến căng như ở Phnom Pênh.

Đêm 2 tháng Giêng, một nhân viên đại sứ đánh thức ông dậy. Người này lo lắng báo cáo cho ông hay: “Khmer Đỏ đang di tản hầu hết nhân viên ngoại giao. Tuồng như họ chẳng hỏi han gì chúng ta.” Trời lúc ấy có trăng. Qua cửa sổ, ông ta thấy nhiều biến động trên đường phố do việc di tản các nhân viên ngoại giao. Binh lính Khmer Đỏ bận rộn chất hàng hóa dụng cụ của nhân viên ngoại giao đoàn lên xe tải, trong khi họ sẵn sàng ngồi trong xe hơi của họ. Một nhân viên tòa đại sứ Lào hỏi người lính gác Miên: “Có chuyện gì vậy? Đồng chí!” Vì lý do an ninh, các cơ quan ngoại giao được chuyển đi Battambang. Anh ta trả lời, rồi nói thêm là tòa đại sứ Lào không có lệnh đi. Rõ ràng là Pol Pot muốn bắt giữ đồng minh của Việt Nam làm con tin ở tại thủ đô để ngăn ngừa việc tàn sát.

Quyết định triệt thoái của Khmer Đỏ đã rõ. Buổi sáng ngày 2 tháng Giêng, đại sứ Nam Tư Mihailo Lompar tới thăm Pol Pot và trao cho ông ta một món quà là thuốc men của hội Hồng Thập tự Nam Tư gửi tặng. Pol Pot tin tưởng mạnh mẽ rằng cuộc xâm lăng của Việt Nam bắt đầu hồi cuối tháng Chạp sẽ bị đánh bại. Nhưng buổi chiều hôm đó, một cán bộ Ngoại giao ngân ngại báo cáo với ông đại sứ rằng ông ta phải “tạm thời di tản” khỏi thủ đô. Lompar nghĩ rằng đây chỉ là sự chuẩn bị hờ mà thôi. Tuy nhiên, khi người cán bộ nói: “Ông phải rời ngay đây trong khoảng một tiếng đồng hồ.” thì Lompar thấy vẻ kinh hãi trong mắt người cán bộ Khmer. Có phải vậy là chấm dứt chế độ Kampuchia Dân chủ? Trong vòng mấy tiếng đồng hồ, một đoàn dài gồm xe tải và xe du lịch chở tất cả đoàn ngoại giao, ngoại trừ Lào, hướng về Battambang. Đại sứ Lompar gặp đồng nghiệp Trung Hoa, ông Sun Hao, con người thường vui vẻ. Ông này hết sức khó chịu. Việc triệt thoái làm cho ông ta kinh ngạc.

Sau khi trải qua một đêm ở Battambang, các đoàn đại sứ Nam Tư và Trung Hoa quay lại Phnom Pênh bằng đường bộ. Đã có sắp xếp đưa hai đoàn này ra khỏi Kampuchia bằng máy bay đi Bắc Kinh. Ngày 6 tháng Giêng, súng nổ gần thủ đô hơn, vài trăm người Khmer và Trung Hoa chờ máy bay ở phi trường Pochentong. Với ngoại lệ đáng kể do Pol Pot chỉ thị, tất cả các nhà lãnh đạo Khmer Đỏ đều có mặt. Ai này mặt mày nghiêm nghị. Lompar biết ngay tại sao họ có mặt ở đây: Ông nhận ra khuôn mặt quen nhưng đã lâu không gặp của ông hoàng Sihanouk. Những người chủ Khmer Đỏ đều có mặt ở đây để miễn cưỡng tiễn ông Hoàng ra đi. Năm ngoái, Lompar yêu cầu được thăm ông hoàng vì ông là bạn cũ của Jozip Broz (Thống chế Tito) nhưng bị từ chối khéo. Cuối cùng, việc giam giữ ông hoàng qua rồi. Ieng Sary tới gần đại sứ Nam Tư xin lỗi một cách lịch sự. Còn rất nhiều người chờ chuyến bay nhưng tòa đại sứ của họ chỉ được dành cho có 4 chỗ. Sary nói với ông ta như vậy. Cả đại sứ Trung Hoa và Nam Tư chọn ở lại để dành chỗ cho các người đang chờ.

Đến trưa, chiếc phi cơ sơn màu xanh bạc Boeing 707 của hãng Hàng không Trung Hoa hạ cánh. Sihanouk đầm đìa nước mắt - ông vui vì bây giờ ông được tự do thật sự, nhưng buồn vì thêm một lần trốn chạy khỏi quê hương. Ông ta ôm lấy đại sứ Nam Tư và nói bằng giọng nghẹn ngào: “Cho tôi gửi lời chào thống chế Tito và thưa với ông ta rằng nhân dân chúng tôi không bao giờ đầu hàng.” Sau khi máy bay cất cánh, hai ông đại sứ lại lên đường đi Battambang.

Từ sáng sớm ngày 7 tháng Giêng, khu vực chung quanh nhà ga Phnom Pênh rất xáo trộn. Hàng ngàn đàn ông, đàn bà và trẻ em - cán bộ chính quyền và gia đình họ sống ở những trại bên ngoài thủ đô, -chạy tới đây bằng xe tải, xe gắn máy và xe đạp. Nhưng không đủ chỗ cho họ: Hai toa tàu trên sân ga đầy nhóc thương binh và những nhân viên dân sự đang lo sợ kinh hãi. Ieng Sary, con người thường gây rắc rối và cán bộ Ngoại giao của ông đang cố gắng trấn an đám đông, dành thêm chỗ cho thương binh. Dưới ánh nắng gay gắt, phòng ốc dần dần trở thành cái lò. Sau 9 giờ một chút, tin điện đưa tới báo cho Ieng Sary biết một đạo quân Việt Nam cách thủ đô có ba dặm. Ieng Sary ra lệnh khởi hành. Hàng trăm người tuyệt vọng ngồi trên nóc toa, đeo vào thành cửa. Chuyến tàu cuối cùng hết sức hỗn độn rời khỏi sân ga, hướng về Battambang.

Ngồi trên sân thượng tòa đại sứ, Khamphan lấy làm lạ tại sao mọi sự chấm dứt. Từ bình minh lửa cháy âm ầm cùng với tiếng súng nổ. Khoảng mười giờ sáng, một chiếc xe Jeep lái vào tòa đại sứ đang bị canh giữ để đón những người lính cuối cùng đang đứng gác. Trước khi rời đi, một người trong bọn họ bất thành linh bắn một loạt đạn AK-47. Chẳng ai bị thương. -Một nhân viên Lào đang đứng nhìn nơi của sổ bỗng cúi đầu xuống như vệt. Nhưng một viên đạn trúng vào chân dung thủ tướng Kaysone và hai khung cửa kiếng bể rơi xuống đất.

Thành phố ma quái ngày trước bây giờ gần như điên dại. Thịnh thoảng, những chiếc xe tải do Trung Hoa chế tạo chất đầy người chạy xuống đại lộ Monivong với một tốc độ khủng khiếp. Tiếng đại pháo nổ đều đặn bị át đi bởi tiếng trực thăng âm ầm, tiếng cánh quạt ù ù, làm xáo động không khí buổi sáng sớm. Máy bay vội vàng biến mất ở chân trời phía tây. Có phải Pol Pot ở trên đó? Khamphan tự hỏi như vậy. Đứng trên sân thượng tòa đại sứ Lào, ông ta chứng kiến thời điểm chấm dứt một giai đoạn. Khoảng trưa, ông nhận ra những tiếng động mạnh khác thường. Ông nhìn xuống. Ở cuối đường, khoảng nằm giữa những khu nhà cao tầng ở hai bên đại lộ Monivong là con đường chính của thành phố Phnom Pênh: Nhiều chiến xa nối đuôi nhau, mang cờ đỏ vàng bay phất phới, khói xe màu xanh nhạt tỏa lên không. Quân Việt Nam đang tới. Ông gọi to nhân viên trong tòa đại sứ: “Treo cờ lên! Treo cờ lên.”

Một giờ sau, bí thư thứ hai của tòa đại sứ bước ra đường, nồng nhiệt ra dấu cho một toán nhỏ quân tuần tiễu Việt Nam đang đi xuống đại lộ vắng tanh. Ngạc nhiên vì tiếng gọi của ông, họ đưa súng về phía đó. Ông ta vội đưa tay lên quá đầu. Khi họ tới gần, ông ta giải thích với một người Khmer độc nhất trong nhóm biết rằng ông ta là nhà ngoại giao Lào, rồi chỉ vào tòa đại sứ. Tối ấy, khoảng một chục binh lính Việt Nam đến canh giữ tòa đại sứ. Cơn ác mộng đã qua. Khamphan phấn khởi, ra lệnh mở tiệc với cơm và thịt hộp thết đãi những người đến giải phóng họ. (1)

## Hiệp ước hữu nghị, chẳng có ai

Trong khi những nhà ngoại giao Lào và những người lính mới đến canh giữ tòa đại sứ mở tiệc mừng thì thế giới ngạc nhiên. Chỉ có hai tuần lễ, Việt Nam đã đè bẹp nước Xã hội Chủ nghĩa láng giềng, lật đổ quyền lực đồng minh độc nhất của Trung Hoa ở Đông Nam Á. Thời điểm cuối cùng đã tới sau nhiều tháng ngoại giao căng thẳng và chuẩn bị quân sự ở cả hai phía Việt Nam và Trung Hoa. Thỏa hiệp Việt-Xô xảy ra tiếp sau Hoa-Mỹ bình thường quan hệ ngoại giao, sự kiện này lại được tiếp nối bằng việc Việt Nam xâm lăng Kampuchia và Trung Hoa xâm lăng Việt Nam. Trong vòng ba tháng, bản đồ chính trị châu Á vẽ lại bằng những đổi thay bi thảm.

Trong tiến trình trục xuất Hoa kiều ra khỏi Việt Nam hồi mùa hè năm 1978, Việt Nam cố gắng vẽ ra một nước Trung Hoa như là mối đe dọa cho toàn vùng Đông Nam Á. Đồng thời, họ cố gắng một cách tuyệt vọng để củng cố quan hệ với các nước Đông Nam Á, kiếm tìm thông cảm, ủng hộ họ chống lại Trung Hoa và Kampuchia. Trong việc này, họ thực hiện một điều trở trái làm mặt vì họ đã từng khinh miệt các nước trong Hiệp hội Đông Nam Á, (ASEAN). Hồi năm 1967, trong khi Việt Nam CS đang chống lại Hoa Kỳ, đảng Cộng sản Việt Nam thường ngày gọi các nước ASEAN “là sản phẩm của chính sách đế quốc Mỹ nhằm can thiệp và xâm lược.” (2)

Nhưng giữa năm 1976, Hà Nội yêu cầu các nước ASEAN hãy thiết lập quan hệ bình thường và hợp tác với Hà Nội dù cho vẫn còn một khoảng cách.

Tuy nhiên, chủ trương của Hà Nội đối với các nước ASEAN có khuynh hướng thân Tây phương đành phải lặng lẽ gác lại khi xung đột Hoa-Việt lên cao. Bắc Kinh và Hà Nội bắt đầu tranh giành gay gắt “trái tim và khối óc” của các nước ASEAN. Tháng Sáu/1978, khi Việt Nam bắt đầu oanh tạc hạn chế khu vực ở Kampuchia, khoảng ba chục phi vụ một ngày, họ tuyên bố



sẵn sàng hợp tác với khối ASEAN, -đến bây giờ vẫn còn khăng khăng từ chối. Tháng Bảy/1978, Phan Hiền đi thăm Mã Lai và tuyên bố ủng hộ hòa bình và trung lập khu vực này.

Tháng Chín/1978, thủ tướng Phạm văn Đồng thực hiện chuyến đi thăm lịch sử, ve vãn các nước chống cộng Đông Nam Á. Trong một hành động đặc biệt đối với Mã Lai chống Cộng, Đồng đến đặt vòng hoa tại đài tưởng niệm các chiến sĩ trận vong trong cuộc tiêu trừ Cộng sản nổi loạn. Ông ta còn xin lỗi riêng với các nhà lãnh đạo Mã Lai vì Hà Nội đã viện trợ cho cuộc nổi loạn này, cuộc nổi loạn đã bị bỏ rơi vì “sự thông cảm bị sút mẻ”. Ở Bangkok, Đồng bảo đảm với thủ tướng Thái Lan là Việt Nam không ủng hộ đảng Cộng sản Thái Lan (CPT), xác nhận đó là đảng phi pháp. Thực ra, nhà lãnh đạo Việt Nam khẩn khoản muốn ký một thỏa ước thân hữu và hợp tác với các nước trong khối ASEAN để hợp thức hóa một tiến trình mới, xích lại gần nhau hơn. Đề nghị đó bị nhóm này từ chối một cách lịch sự, họ quyết định không ký kết bất cứ một thỏa ước chính thức nào với Việt Nam. Thực ra, họ có ký một bản thông cáo chung ít quan trọng hơn, giao kết tình trạng hữu nghị giữa các nước này với Việt Nam.

Cố gắng của Việt Nam nhằm lôi kéo Thái Lan vào liên minh chống Trung Hoa cũng bị thất bại. Trong khi Kriangsak và Đồng ký thông cáo chung chủ trương không “thực hiện những cuộc lật đổ, trực tiếp hay gián tiếp, để chống đối lẫn nhau và sử dụng lực lượng để đe dọa hay chống đối nhau” thì Thái Lan từ chối đề nghị của Việt Nam gài thêm danh từ “nước thứ ba” sử dụng lãnh thổ của mỗi bên nhằm mục đích thù địch. Điều này là để đả kích Trung Hoa hiện đang sử dụng Kampuchia trong mưu đồ chống Việt Nam.

Việc các nước ASEAN từ chối ký thỏa hiệp thân hữu làm cho Hà Nội phải đảo lộn kế hoạch dùng lá chắn ngoại giao đối với hành động quân sự mạo hiểm của họ ở Kampuchia. Với sự ngỡ ngàng đáng ngạc nhiên, Việt Nam hy vọng đề nghị ký thỏa ước của họ sẽ triệt tiêu nỗi sợ hãi về chủ nghĩa bành trướng của Việt Nam, và là một bằng chứng lòng thành thực của họ đối với quan hệ hữu nghị với các nước ASEAN, dù cho họ có những hành động quân sự ở Kampuchia. Một loạt thỏa ước hữu nghị với các nước láng giềng và bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ là điều các nhà lãnh đạo Hà Nội tính toán, giúp Hà Nội giải trừ được lo ngại khi họ tiến tới ký thỏa ước với Moscow.

Quá trình ngoại giao do Việt Nam thực hiện mau lẹ hồi mùa thu có liên hệ chặt chẽ với thời biểu tính toán hoạt động quân sự của họ. Cuối mùa hè 1978, khi Hà Nội đề nghị chuyến viếng thăm của Đồng tới các nước trong khối ASEAN, các nước này ngạc nhiên vì Việt Nam muốn thực hiện chuyến viếng thăm đó không trễ hơn tháng Mười. Nhiều nhà ngoại giao khối ASEAN cho rằng Việt Nam muốn giành trước chuyến đi thăm của phó chủ tịch Đặng Tiểu Bình tới Thái Lan và Tân Gia Ba sẽ diễn ra vào tháng Mười một. Chẳng phải chỉ là vấn đề thời biểu của các cuộc thăm viếng này. Hà Nội cũng gây áp lực lớn với một vài nước ASEAN để đạt được thỏa hiệp hữu nghị. Các nhà ngoại giao Mã Lai ở Hà Nội -từ bí thư thứ hai của đại sứ -được những người đối thoại phía Việt Nam báo cho biết nếu chuyến đi của Đồng thất bại, Việt Nam sẽ cứu xét lại chính sách ngoại giao của họ.(3) Dù việc “thành công” đó không được xác định rõ, như Việt Nam đã nói trong khi đề nghị ký thỏa hiệp thân hữu, bên kia nửa địa cầu, tại Nữ Ước, bộ trưởng ngoại giao Việt Nam, thúc đẩy chính phủ Hoa Kỳ tiến nhanh hơn trong việc ký một bản thông cáo chung về việc thiết lập quan hệ ngoại giao hai bên.

Nhìn chung, công việc ngoại giao của Việt Nam được xúc tiến nhanh có lẽ là do quyết định tiến vào Kampuchia vào mùa khô bắt đầu vào tháng Chạp. - Đất đai cứng để chiến xa có thể di chuyển được và vụ mùa thu hoạch xong có sẵn lương thực cho quân kháng chiến Kampuchia do Hà Nội huấn luyện từ đầu năm 1978. Thời điểm xâm lược không thể quá kề cận với ngày ký thỏa ước với Liên Xô vì nó có thể tạo ra ấn tượng vai trò Liên Xô trực tiếp và chỉ đạo trong cuộc phiêu lưu ở Kampuchia hơn là do Hà Nội muốn cho mọi người thấy chính họ mới là chủ động. Điều này cũng làm cho Hà Nội mau lẹ thực hiện thỏa ước ký với Moscow hồi mùa thu, việc bình thường quan hệ với Hoa Thịnh Đốn và ký hiệp ước thân hữu với các nước ASEAN trước khi mọi

việc xảy ra ở Kampuchia. Trong khi tìm cái dù che Liên Xô, Việt Nam cũng tìm kiếm bảo đảm từ các cửa ngõ khác của Tây phương, không đóng sầm lại vì sự xung đột với Trung Hoa và Kampuchia, không thể làm cho Việt Nam bị cô lập. Việt Nam có lẽ cũng tính toán việc củng cố vị trí ngoại giao, tăng cường thế mạnh của họ khi nói chuyện với Liên Xô.

## Tìm kiếm bảo đảm từ phía Liên Xô

Vào giữa tháng Mười, khi Phạm Văn Đồng đi thăm các nước Đông Nam Á trở về thì kế hoạch của Việt Nam tuồng như gặp trở ngại. Các nước trong hiệp hội Đông Nam Á nghi ngại nên từ chối ký thỏa ước. Lúc đó Việt Nam lại gặp phải nhiều trận mưa bất ngờ dữ dội, lũ lụt và giông bão khắp khu vực sông Hồng, miền Trung Việt Nam và đồng bằng sông Mêkông trong suốt hai tháng Tám và Chín. Gần một triệu ruồi tấn lúa gạo bị hư hại, 20 phần trăm gia súc bị dịch chết. Theo dự đoán, sự thiếu hụt lương thực trong năm đạt tới con số bi đát: ba triệu tấn. (4)

Lũ lụt gây ảnh hưởng không những ở quân khu 9 của Việt Nam - quân khu được giao nhiệm vụ tấn công Kampuchia- mà còn ở cả một vùng rộng lớn phía đông Kampuchia nữa. Đây là vùng sông Mêkông chảy về phía Nam. Điều ấy cho thấy một vùng sông rộng lớn đang chờ đón chiến xa Việt Nam một thời gian lâu dài sau khi mưa đã dứt. Điều đáng quan ngại là chẳng thấy tin tức gì từ phía Hoa Kỳ. Richard Holbrooke rời Mỹ, thực hiện chuyến đi thăm các nước châu Á trong khi Thạch nôn nóng chờ đợi ở Nữ Ước để ký một thỏa ước bình thường quan hệ ngoại giao.

Vì tháng Mười đã gần hết, bộ chính trị đảng Cộng sản Việt Nam tuồng như quyết định, dù tình hình không thuận lợi lắm, họ cũng không thể trì hoãn ký thỏa ước với Moscow và ra lệnh cho Thạch đi Liên Xô. (5)

Tối ngày thứ Tư, 1 tháng Mười một, tuyết nhẹ bao phủ phi đạo phi trường Vnukovo của thủ đô Moscow, khi chiếc phi cơ phản lực đặc biệt hạ cánh giữa tiếng vỗ tay chào mừng. Trong bầu không khí ấm áp bất thường, năm thành viên bộ chính trị đảng Cộng sản Liên Xô và chín thành viên trung ương đảng, vài chục viên chức cao cấp chính quyền tập trung tại phi trường. Tổng bí thư đảng Cộng sản Liên Xô Leonid Brezhnev ăn vận quần áo ấm nặng nề bước tới cửa máy bay - dưới ông kính truyền hình - ôm hôn thăm thiết tổng bí thư đảng Cộng sản Việt Nam Lê Duẩn. Sau các bản quốc thiều, và sau khi Lê Duẩn cùng Phạm Văn Đồng duyệt hàng quân danh dự, đoàn đại biểu lên xe về nhà quốc khách. Dọc đường có treo cờ đỏ sao vàng của nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam bên cạnh cờ búa liềm của Liên Xô. Biểu ngữ chằng ngang đường với hàng chữ “Chào mừng bạn hữu Việt Nam thân mến”, “Chào nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam “Tiền đồn Xã hội Chủ nghĩa ở Đông Nam Á”.

Liên Xô có lý do để vui mừng với vai trò Việt Nam làm “tiền đồn” vì từ lâu họ ôm ấp giấc mơ trói buộc Việt Nam vào một liên minh quân sự chống Trung Hoa, và bây giờ, điều ấy thành sự thực. Ngày 3 tháng Mười một, các nhà lãnh đạo Cộng sản Liên Xô và Việt Nam họp nhau ở đại sảnh đường điện Cẩm linh để ký một thỏa hiệp 25 năm hữu nghị và hợp tác. Điều khoản thứ Sáu của thỏa hiệp này bảo đảm cho Việt Nam có thể chống lại Trung Hoa. Điều khoản ấy nói rằng “nếu một trong hai nước bị tấn công hoặc bị đe dọa tấn công thì hai bên sẽ thảo luận với nhau nhằm giải trừ mối đe dọa đó, thực hiện những biện pháp thích đáng và có hiệu quả để gìn giữ hòa bình và an ninh của cả hai nước”.(6)

Brezhnev, con người say sưa với chiến thắng không quên bỏ mất cơ hội khoe khoang cú đánh của Liên Xô và vén lên bức màn mỏng để cảnh cáo Trung Hoa. Ông ta tuyên bố thỏa hiệp sẽ làm cho những ai không vui lòng vì tình hữu nghị Xô Việt và cho những ai vui lòng vì sự phân rẽ của khối Xã hội chủ nghĩa, làm cho sự căng thẳng thêm nghiêm trọng ... “thì từ nay trở đi, thỏa

hiệp này là một thực thể chính trị dù người ta có ưa hay không, người ta cũng phải quan tâm đến nó”. (7)

Thực thể, như nó đã chứng tỏ một cách rõ ràng mấy tháng sau đó, là về mặt quân sự. “Những hành động thích hợp” như nói ở điều Sáu, là bao gồm những tiện nghi dành cho hải quân và không quân Liên Xô ở Việt Nam. Đó là cái giá mà Việt Nam phải trả cho sự bảo đảm của Liên Xô khi họ chống lại Trung Hoa, để nhận được hàng tiếp liệu, mọi thứ vũ khí và trang bị cần đến cũng như viện trợ kinh tế, bao gồm cả viện trợ lương thực khẩn cấp một triệu rưỡi tấn lúa. Hồi tháng Tám/1978, khi Hà Nội còn quan tâm đến bình thường hóa quan hệ với Mỹ, Phạm Văn Đồng đã nói tới điều nguy hiểm khi chỉ liên hệ đến một cường quốc mà thôi. Ông ta nói: “Từ lịch sử bốn ngàn năm của chúng tôi, Việt Nam đã phụ thuộc vào một người bạn lớn, và đó là tai họa.”(8) Tuy nhiên, chỉ ba tháng sau, Việt Nam dính tới một cuộc phiêu lưu quân sự mới. Đất nước này lại bị đưa vào đúng vị thế lệ thuộc tai hại vì chỉ liên hệ đến một người bạn mà thôi.

Tại buổi tiệc mừng lễ ký kết thắng lợi, Lê Duẩn tuyên bố bây giờ Việt Nam càng thêm khích lệ để hoàn thành một cách tự hào “nhiệm vụ quốc gia cũng như nhiệm vụ quốc tế cao cả.” Nói một cách khác, có nghĩa là tự bảo vệ chống lại Trung Hoa và can thiệp vào Kampuchia. Việc bày tỏ lòng biết ơn sâu xa của các nhà lãnh đạo Hà Nội tại Moscow làm cho các quan sát viên cảm thấy tuồng như Việt Nam đã nhận được một “món quà để sống”. Lê Duẩn cúi đầu chào hai lần trước khi lên máy bay phản lực trở về nước hôm 9 tháng Mười một.

## Vận chuyển súng đạn về phía Nam

Trong thời gian đoàn đại biểu Việt Nam đang ở Moscow, Trung Hoa bí mật kết thúc những hoạt động kỹ thuật, chuẩn bị cuộc tấn công Việt Nam. Hồi đầu tháng Tám/1978, tình báo Mỹ thu nhận tin tức cho thấy việc chuẩn bị hoạt động quân sự bất thần của quân khu Quảng Châu sát biên giới Việt Nam. Vệ tinh tình báo Mỹ và du khách ở Hoa Nam thấy nhiều phi đội máy bay Mig-19 và Mig-21 của không lực Trung Hoa được chuyển về những phi trường gần biên giới Việt Nam hơn như Nam Ninh và Côn Minh. Chiến xa và pháo hạng nặng cũng dần dần được chuyển về phương Nam. Tới đầu tháng Mười một, kế hoạch chi tiết cho cuộc chuyển quân rộng lớn bao gồm cả thiết giáp, pháo binh và nhiên liệu tới vùng biên giới Việt Nam hoàn tất. Lại có tin đồn khác do tình báo Mỹ thu nhận được cho hay Trung Hoa đã thiết lập đài truyền tin liên lạc bằng luồng sóng ngắn trên một ngọn đồi thuộc tỉnh Quảng Tây. Việc này nhằm để bộ Tổng tham mưu Trung Hoa và Quân ủy có thể liên lạc trực tiếp với bộ chỉ huy chiến trường của quân giải phóng Trung Hoa (PLA). (9)

Một trong những nguồn tin hay nhất về việc Trung Hoa chuẩn bị chiến tranh được tình báo Tây phương ghi nhận là hồi đầu năm 1982, do một người đào thoát tiết lộ. Một sĩ quan thuộc một đại đội quân giải phóng nhân dân Trung Hoa từ quân khu Quảng Tây chèo qua Hồng Kông làm di dân bất hợp pháp được cảnh sát Hồng Kông đón nhận. Viên sĩ quan này khai với Anh Mỹ rằng hồi cuối tháng Mười một viên chỉ huy đơn vị anh ta đã phân phát một bản tuyên bố nói tới khả năng có thể có chiến tranh với Việt Nam. Sau đó, ngày 11 tháng Chạp, tướng Wei Guoqing, Chủ tịch quân ủy trung ương quân Giải phóng Nhân dân Trung Hoa, phát biểu trong một buổi họp ở Nam Ninh, kỷ niệm lần thứ hai mươi ngày thành lập “khu tự trị Quảng Tây-Doang” là Việt Nam đã có nhiều hành động thù địch chống Trung Hoa và Bắc Kinh sẽ “dạy cho Việt Nam một bài học.” Lời phát biểu ấy của một lãnh tụ thiểu số người Doang 72 tuổi, -người này cũng là đồng minh quân sự chính của một người quyền lực mới nổi lên cầm quyền: Đặng Tiểu Bình, đánh dấu thời điểm cuối cùng việc Trung Hoa chuẩn bị xâm lăng Việt Nam.

Vì là lãnh tụ “khu tự trị Quảng Tây-Doang” nằm dọc theo biên giới Việt Nam và vì là thân thuộc với các nhóm dân thiểu số sống ở cả hai bên vùng biên giới Hoa Việt, Wei đã từng

tham gia trực tiếp vào việc viện trợ quân sự cho Cộng sản Việt Nam. Khi có cuộc bao vây ở trận đánh Điện Biên Phủ năm 1954, Wei là một trong những cố vấn Trung Hoa bên cạnh bộ chỉ huy quân sự Việt Nam. Trong cao điểm cuộc Cách mạng Văn hóa, khi ông ta là mục tiêu tấn công của Hồng Vệ binh, Wei cố gắng bảo trì liên tục đường viện trợ quân sự xuyên qua lãnh thổ ông. Bảy giờ, hai mươi năm sau, nhiệm vụ của Wei là thông báo cho Hồng quân Trung Hoa nhiệm vụ của họ là chống lại Việt Nam “vô ơn.” Ngay sau lời phát biểu đó, bộ tư lệnh quân khu Quảng Tây chuyển đến gần biên giới Việt Nam hơn, và sư đoàn Độc lập số một -người đào thoát thuộc sư đoàn này- chiếm đóng một vị trí cách biên giới khoảng một dặm, và bắt đầu huấn tập. (10) Giữa tháng Chạp, một cuốn sách bỏ túi màu đỏ được phân phối cho các đơn vị Hồng quân Trung Hoa trú đóng dọc theo biên giới. Cuốn sách này giải thích về quân phục và huy hiệu của các ngành khác nhau trong quân đội Việt Nam.

Khi các hoạt động quân sự bí mật chống Việt Nam bước vào tiến trình mới là lúc Đặng Tiểu Bình quay lại ve vãn các nước không Cộng sản ở Đông Nam Á. trong chuyến đi thăm chín ngày qua Thái Lan, Mã Lai Á và Tân Gia Ba. Nhiệm vụ của Đặng là trấn an các nước này về hảo ý của Trung Hoa, như là người gìn giữ an ninh khu vực và ủng hộ các nước này đối đầu với Việt Nam. Mặc dù Trung Hoa tránh bày tỏ thù địch với các nước không-Cộng sản này từ hồi đầu thập niên 1970, và mặc dù từ năm 1975 đã thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước này, ngoại trừ một vài quốc gia trong khối ASEAN, quan hệ giữa họ với nhau vẫn còn lạnh nhạt. Thương mại và văn hóa có phát triển, nhưng việc Trung Hoa ủng hộ bọn phiến loạn Cộng sản ở Thái Lan và Mã Lai đã để lại một bầu không khí nghi ngờ, treo lừng lơ trên quan hệ với các nước này. Bắc Kinh giải thích quan hệ hữu nghị giữa một quốc gia với một quốc gia không liên can gì đến quan hệ anh em giữa đảng và đảng chẳng thuyết phục được ai. Mặc dù Trung Hoa phủ nhận, chính phủ các nước trong hiệp hội Đông Nam Á biết rõ chương trình phát thanh của đảng Cộng sản Mã Lai và Thái Lan kêu gọi đấu tranh vũ trang chắc chắn phát đi từ đài chuyển vận ở Vân Nam, và vũ khí cũng như tiền bạc là do Bắc Kinh tài trợ. Việc bảo đảm công khai của thủ tướng Phạm Văn Đồng đối với các nước ASEAN vài tuần trước khi Đặng tới, là Việt Nam không ủng hộ các cuộc nổi dậy làm cho Trung Hoa lúng túng. Hoặc là họ theo chân Việt Nam và bỏ rơi những nguyên tắc căn bản mà họ theo đuổi từ lâu, hoặc duy trì thể đứng làm cho Hà Nội dễ tuyên truyền về mối đe dọa của Trung Hoa đối với khu vực Đông Nam Á.

Đặng giải quyết tình trạng tán thối lưỡng nan bằng cách tấn công: “Tôi không bắt chước Phạm Văn Đồng bằng cách nói láo.” Ông ta tuyên bố như vậy trong một buổi họp báo tại Bangkok khi được hỏi về quan hệ của Trung Hoa với Cộng sản Thái. “Chân thật là điều kiện ưu tiên cho quan hệ tốt đẹp giữa các quốc gia.” Trong khi duy trì vị thế căn bản ủng hộ tinh thần cho các đảng Cộng sản anh em, Đặng hứa riêng với thủ tướng Thái Kriangsak là Trung Hoa sẽ chấm dứt viện trợ cho đảng Cộng sản Thái Lan. Ông ta biện luận rằng nếu Trung Hoa công khai ngừng ủng hộ cho đảng Cộng sản Thái thì Liên xô sẽ nhảy vào, điều này chẳng có lợi gì cho cả Trung Hoa lẫn ASEAN.

## Thời gian để chinh phục bạn hữu và ảnh hưởng nhân dân

Tuy nhiên, nếu Việt Nam không coi việc quay rời là chính sách để làm mất uy tín Trung Hoa thì việc ký kết thỏa hiệp hữu nghị Việt Xô chỉ hai ngày trước khi Đặng tới Thái Lan là một sự tuyên truyền trời cho. Việc công bố thỏa ước mới được ký này làm lung lay nghiêm trọng lòng tin của các nước Đông Nam Á đối với chủ trương của Việt Nam CS cho rằng họ là một quốc gia

độc lập và không liên kết, làm cho các nước ASEAN càng thêm nhạy cảm về lời tuyên bố của Đặng cho rằng Liên xô là “đại bá” đang khuyến khích “Việt Nam tiểu bá”

Trong một buổi họp hạn chế ngày 6 tháng Mười một, trong đó chỉ có một phụ tá, một thông dịch viên và một người ghi chép được tham dự, Đặng làm cho thủ tướng Thái Lan Kriangsak kinh ngạc vì sự chân thật và khó chơi của ông ta. Đặng nói: “Có khả năng Phnom Pênh sẽ sụp đổ. Đó không phải là lúc chấm dứt mà chính là lúc khởi đầu một cuộc chiến.” (12)

Ông ta nói Trung Hoa không cùng quan điểm với chính sách của Pol Pot, nhưng sẽ không bao giờ cho phép khu vực có tính cách chiến lược này rơi vào tay Việt Nam. Ông ta nói: “Trung Hoa sẽ không bao giờ làm ngơ đứng ngoài. Chúng tôi sẽ có biện pháp thích đáng.” Đặng nói bóng gió nhưng rõ ràng là Trung Hoa sẽ trừng phạt Việt Nam bằng quân sự. Mấy ngày sau, Đặng cũng nói như vậy với các nhà lãnh đạo Tân Gia Ba. Phó thủ tướng Tân Gia Ba Sinnathamby Rajaratnam, người ngồi họp với Đặng nói rằng “Người Trung Hoa chẳng bao giờ đa cảm, nhưng khi thủ tướng Lý Quang Diệu hỏi Đặng về người Việt Nam thì lần đầu tiên tôi thấy mắt ông ta long lanh. Thật vậy. Tôi cho rằng không phải giả bộ. “Những kẻ vô ơn này cần phải bị trừng phạt. Chúng tôi đã viện trợ cho họ 20 tỷ bạc. Trung Hoa đã đổi mồ hôi, máu và chứng kiến những gì xảy ra.” Lý hỏi Đặng trừng phạt Việt Nam như thế nào. “Chúng tôi có nhiều phương cách.” Đặng nói một cách bí ẩn. Hồi tháng Bảy/1978, mặc dù Trung Hoa quyết định “dạy cho Việt Nam một bài học” đã được trả lời bằng chính sách của Việt Nam đối với Hoa kiều thì bây giờ Đặng lại nói vì an ninh và ổn định của vùng Đông Nam Á, đặc biệt với Thái lan, Trung Hoa phải chống lại Việt Nam. Đặng vẽ ra một viễn ảnh bằng những lời tiên đoán đáng kể, như những biến cố về sau chứng minh, Việt Nam tấn công ồ ạt vào Kampuchia và cuộc kháng chiến lâu dài của người Kampuchia. Trong cuộc chiến tranh chống Việt Nam bành trướng, Trung Hoa và Thái Lan cần hợp tác chặt chẽ. Thủ tướng Thái Lan, người thực hiện chính sách cân bằng theo truyền thống Thái Lan, dè dặt để khỏi bị lôi cuốn vào một cuộc chiến của các nước Cộng sản. Ông ta chỉ hứa có hành động khi tình hình cho phép. (13)

Tuy nhiên, ông ta chấp thuận yêu cầu của Trung Hoa cho một đường bay tới Phnom Pênh xuyên qua không phận Thái. Sự căng thẳng gia tăng giữa Bắc Kinh và Lào, đồng minh của Hà Nội khiến Bắc Kinh thấy cần xử dụng một đường hàng không tới Phnom Pênh được bảo đảm. Bây giờ cũng là lúc Trung Hoa cần gia tăng khối lượng vật liệu và cố vấn tới Kampuchia đang bị vây hãm.

Thực ra, trong khi Đặng thực hiện chuyến đi quanh các nước vùng Đông Nam Á thì một đoàn đại biểu khác của Trung Hoa, do một ủy viên bộ chính trị lãnh đạo, Uông Đông Hưng, tới Kampuchia. Cuộc viếng thăm này nhằm bày tỏ sự ủng hộ của Trung Hoa dành cho Kampuchia trong khi nước này đang ở trong tình trạng càng lúc càng có nhiều triệu chứng cho thấy Việt Nam đang chuẩn bị một cuộc tấn công rộng lớn. Uông Đông Hưng, người cận vệ Mao trước kia và đôi thủ chính trị của Đặng, người được chọn để truyền đạt một bức điện không vui gì cho người “bạn tả phái” ở Phnom Pênh. Dù ông ta công khai xác nhận sự ủng hộ của Trung Hoa đối với nhân dân Kampuchia “Chiến đấu để bảo vệ nền độc lập, cai trị và toàn vẹn lãnh thổ” nhưng ông ta đắn đo, tránh không đưa ra một cam kết rõ ràng nào về sự đáp ứng quân sự cho Kampuchia. Sự thực, ông ta nói rằng bọn xâm lược “có thể hùng hổ một lúc” nhưng cuối cùng sẽ bị thất bại. Tuồng như ông ta chủ trương một cuộc kháng chiến du kích trường kỳ hơn là nhờ sự ủng hộ quân sự từ bên ngoài. (14)

Về sau, nhiều tiết lộ cho thấy Việt Nam triển khai lực lượng của họ từ hồi mùa Thu/ 1978 làm cho Pol Pot giao động đối với lòng tin của y cho rằng Việt Nam không thể thắng nổi Kampuchia. Một bằng chứng hay ho cho thấy Khmer Đỏ đã ngạc nhiên vì Trung Hoa từ chối lời yêu cầu của Laurence Pisq, một cán bộ nhiệt tình sinh ở Pháp, ông này kết hôn với một cán bộ cao cấp Khmer Đỏ trong bộ ngoại giao và làm việc tại Phnom Pênh trong vai trò thông dịch và đánh máy. Picq dịch một bài diễn văn của nước chủ nhà đón chào Uông. Tuy nhiên, một khoảng

thời gian ngắn trước buổi tiếp tân, người chồng chạy hết hơi trở về yêu cầu bà vợ bỏ một đoạn và đánh máy lại bài diễn văn. Đoạn văn đó nói: “Chính phủ nước Kampuchia Dân chủ và đảng Cộng sản tin chắc vào sự giúp đỡ của quân đội nước Trung Hoa anh em khi cần thiết”. (15) Lời kêu gọi giúp đỡ của Kampuchia được Uông chứng kiến, và chủ nghĩa cấp tiến điên rồ cũng như xã hội rối loạn cũng được các đồng minh chính trị của Đặng là Hồ Diệu Bang và Yu Qiuly quan sát thấy, - Hồ Diệu Bang và Yu Qiuly là thành viên trong phái đoàn của Uông, - họ cung cấp tài liệu đầu tiên cần thiết cho cuộc thảo luận về chính sách chủ yếu đối với vai trò của Trung Hoa ở Đông Dương.

## Đặng nhận lãnh vai trò kiểm soát

Một thời gian ngắn sau các chuyến viễn du của Đặng và Uông, bộ chính trị mở cuộc họp lớn ở Bắc Kinh. Chương trình nghị sự gồm những vấn đề nội bộ, chính sách quan hệ với Hoa Kỳ và Đông Dương. Hội nghị này kéo dài từ 11/11 đến 15 tháng 12, cho thấy đây là giao điểm trong sinh hoạt chính trị của Trung Hoa, đánh dấu việc thiết lập quyền kiểm soát của Đặng, điều nhà nghiên cứu về Trung Hoa, Jurgen Domes gọi là “CC bảng kiểm soát điện” -những đòn bẫy quyền lực chính của ủy ban trung ương đảng. (16) Đặng khéo léo điều khiển một cuộc vận động, tập họp và quảng bá những người ủng hộ ông trong ủy ban trung ương để thay đổi thành phần bộ chính trị. Bốn người ủng hộ ông ta - gồm cả vợ góa Chu Ân Lai, bà Đặng Dĩnh Châu được bầu vào bộ chính trị, và người ủng hộ ông ta mãnh liệt nhất, Zhao Zhiyang, được bầu làm tổng bí thư ủy ban trung ương. Một số lãnh đạo khác, những người đạt địa cao trong cuộc Cách mạng Văn hóa và chống lại chính sách kinh tế thực tiễn của Đặng - Chủ tịch Hoa Quốc Phong, thủ trưởng an ninh Uông Đông Hưng và thị trưởng Bắc Kinh Wu De -buộc phải làm bản tự kiểm và chấp thuận giảm bớt quyền lực. (17)

Sự củng cố quyền lực của Đặng bên trong đảng giờ đây có thể làm cho ông ta xúc tiến chính sách ngoại giao không ai có thể tranh cãi như trước kia. Sự lu mờ của các nhà lãnh đạo tả khuynh -một số trong bọn họ đã từng thăm Kampuchia và ủng hộ mạnh mẽ Khmer Đỏ -làm gia tăng ảnh hưởng đường lối của Đặng đối với khoảng cách ý thức hệ của Trung Hoa và Khmer Đỏ, xây dựng một liên minh rộng rãi với các nước không Cộng sản để bẻ gãy sức tấn công của Việt Nam. Nhà sử học King C. Chen tin rằng việc thảo luận về chính sách ngoại giao trong cuộc họp tập trung vào vấn đề “can thiệp hay không can thiệp” và một vài thành viên có khuynh hướng điều hòa. Uông Đông Hưng thuật lại lời cầu xin của Pol Pot là Trung Hoa nên gửi quân tới. Chính ủy hải quân Su Zhenhua đề nghị Trung Hoa nên phái hạm đội Đông Hải tới Kampuchia để giúp đỡ nước này giữ vững mặt biển. Nguyên chỉ huy trưởng quân sự Quân khu Quảng Tây Xu Shiyoun muốn chỉ huy quân của ông ta tấn công Việt Nam. (18)

Tuy nhiên, Đặng và bạn hữu ông ta tranh cãi mạnh mẽ, chống lại việc Trung Hoa can thiệp trực tiếp: Điều này phản lại những nguyên tắc của Trung Hoa mà cũng chống lại việc hiện đại hóa Trung Hoa đang theo đuổi. Geng Biao ủy viên bộ chính trị cho rằng “Nếu chúng ta gửi quân đội Kampuchia thì chúng ta sẽ tạo ra những ấn tượng gì trong con mắt của các nước Đông Nam Á và các nước khác trên thế giới? Hơn nữa, đối với sự thất bại khi xây dựng một mặt trận liên hiệp chống bá quyền bằng cách đoàn kết với các nước trong khối thế giới thứ ba, chúng ta sẽ trở thành một cường quốc bá quyền mới.” Ông ta cho rằng Moscow thực sự hy vọng Trung Hoa gửi quân đội tới Kampuchia. Lúc đó, Liên xô sẽ vận động thế giới chống lại Trung Hoa, và như thế sẽ làm trở ngại cho công việc hiện đại hóa. (19)

Mặc dù chống việc gửi quân tới Kampuchia, Đặng vận động đảng thực hiện kế hoạch của ông ta trừng phạt Việt Nam. Ông ta cho rằng trước hết là để “tự bảo vệ để khỏi bị tấn công” đối

với Việt Nam sẽ không lôi kéo Liên Xô mở cuộc tấn công lớn vào Trung Hoa. Nhắc lại tin tình báo quân sự Mỹ cho biết việc quân đội Liên Xô triển khai dọc theo biên giới Nga-Hoa, ông ta cho rằng quân đội này không thể tiến nhanh vào Bắc Kinh. Trung Hoa có thể cầm chân các cuộc tấn công nhỏ của họ. Thứ hai nữa, việc Trung Hoa tấn công vào Việt Nam có thể coi như “tự vệ” thay vì đưa quân vào Kampuchia, sẽ không tạo ra phản ứng quốc tế bất lợi cho Trung Hoa. Thứ ba, biện pháp trừng phạt sẽ không ảnh hưởng đến bốn hiện đại của Trung Hoa, thực tế sẽ ngăn Việt Nam tránh khỏi những xáo trộn trong tương lai. Ông ta cho rằng nếu Trung Hoa đạt được 70% mục tiêu quân sự thì 30% thất bại được coi như là sự cố xúy cho việc cải cách quân đội. Ông ta cho rằng, điều quan trọng nhất, việc xâm lăng của Trung Hoa và việc rút lui khỏi Việt Nam sẽ cho Liên Xô và Việt Nam thấy rõ quyết định và khả năng của Trung Hoa có thể bẻ gãy vòng bao vây của họ. Chiến lược toàn cầu của Liên Xô sẽ suy thoái ở châu Á. Đặng kết luận như vậy. (20)

Không những hội nghị đồng ý quyết định này của Đặng mà còn hỗ trợ chính sách liên minh với Hoa Kỳ của Đặng, hứa hẹn vị thế vững mạnh của Trung Hoa đối với vấn đề Đài Loan. Michel Oksenberg sau này ghi nhận rằng, hành động quân sự bất ngờ chống Việt Nam “gia tăng lưu tâm hoàn tất việc bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ. Nó cũng tăng cường sức mạnh của Đặng chống lại sự chống đối còn tiềm tàng, hóa giải mọi sự để đạt tới thỏa thuận.” (21)

Việc vươn lên ngôi vị vững chắc ở trong đảng của Đặng liên hệ trực tiếp việc chấp nhận chương trình kinh tế thực tiễn, kế hoạch của ông ta trừng phạt Việt Nam là ý muốn của ông thiết lập quan hệ hoàn toàn với Hoa Kỳ. Trong sự trùng hợp lịch sử, cá nhân Đặng và sự tính toán về chính sách Đông Dương của ông lại ăn khớp một cách hoàn hảo với chính sách của Carter. Như sau này Oksenberg ghi nhận, ngày 2 tháng 11, khi tổng thống Carter gọi cho Đặng đề nghị cuối cùng về quan hệ bình thường giữa hai nước vào ngày dự định 1 tháng Giêng/1979, ông ta “bắt đầu nghĩ tới ba sự thành đạt đặc biệt để công bố cho nhân dân Mỹ trước ngày nghỉ lễ Giáng Sinh, hoàn tất thỏa hiệp ở Camp David, bình thường quan hệ với Trung Hoa và SALT II”. (22)

## Thời gian để người Mỹ lên tàu

Một ngày sau khi đề nghị của tổng thống Carter được thông báo cho Bắc Kinh, hiệp ước liên minh quân sự Việt-Xô cũng hoàn thành, và ba ngày sau đó, Đặng viếng thăm các nước Đông Nam Á.. Ở một khúc quanh mai mỉa của lịch sử, các thế lực chính trị nội bộ ở Hoa Thạnh Đôn và Bắc Kinh -nói một cách rõ ràng là những vận động của Brzezinski chống Vance và Holbrooke và những âm mưu chính trị của Đặng với cánh tả của đảng CS Trung Hoa và tình hình chiến lược, tuồng như tập trung vào việc thúc đẩy liên minh Hoa-Mỹ tiến nhanh hơn trong khi bóng đen chiến tranh hiện ra ở chân trời. “Mãi đến tháng Mười một, tháng Chạp, trong hội nghị, Hoa Quốc Phong vẫn cương quyết chống lại việc bình thường hóa với Hoa Kỳ nếu như hiệp ước ấy bao gồm luôn cả liên hệ của Hoa Kỳ với Đài Loan.” Hai năm sau, một quan chức thuật lại với tôi như trên. Chỉ ra mối đe dọa của liên minh Việt-Xô đang càng lúc càng bành trướng đối với cả Trung Hoa cũng như đồng minh của nó là Kampuchia, Đặng thuyết phục được rằng uyển chuyển về vấn đề Đài Loan là một cái giá đối với việc hợp tác nhiều mặt của Hoa Thạnh Đôn.

Nhân vật hàng đầu của Trung Hoa nói bóng gió rằng họ có thể hòa giải với Đài Loan vào ngày 4 tháng Chạp năm 1978 - đúng hai ngày sau khi Hà Nội thông báo việc thành lập mặt trận kháng chiến (KNUFNS) chống Pol Pot ở Kampuchia. Ngày hôm đó, khi đại sứ Woodcock tiến hành cuộc họp với quyền ngoại trưởng Hàn Niệm Long để thảo luận đề nghị bình thường hóa quan hệ của Mỹ trước kia, ông ta chú ý ngay tới sự thay đổi nhân sự. Hai phụ tá thuộc tả phái nổi tiếng, những người này thường hiện diện trong các buổi họp thảo luận về vấn đề quan hệ bình thường trước kia, Vương Hải Dung, cháu gái của Mao và Nancy Đường, người mới được chọn

làm thông dịch viên, bị thay thế bằng hai nhà ngoại giao chuyên môn. Hàn Niệm Long cũng vậy, cũng có giọng điệu khác. Trung Hoa không còn đòi dùng võ lực với Đài Loan nhưng chống lại bất cứ một lời tuyên bố đơn phương nào của Hoa Kỳ bày tỏ hy vọng một tương lai hòa bình cho Đài Loan. Trung Hoa không “công khai chống lại vấn đề Đài loan”. Chấm dứt buổi họp, Hàn nói rằng phó thủ tướng Đặng sẽ tiếp đại sứ Woodcock trong một ngày gần đó.

Ngày 13 tháng Chạp, trong khi Woodcock bước vào Đại Sảnh Đường Nhân Dân Bắc Kinh để tham dự buổi họp đầu tiên với Đặng Tiểu Bình, nhà lãnh đạo Trung Hoa, một người không được Hoa Kỳ biết đến nhiều, giành được quyền lãnh đạo tối cao đảng Cộng sản Trung Hoa, chủ trương tấn công trừng phạt Việt Nam. Việc thiết lập quan hệ ngoại giao hoàn toàn với Hoa Kỳ và chuyến viếng thăm Hoa Kỳ của Đặng (Hai ngày trước tổng thống Jimmy Carter đã chuyển lời mời đến ông ta) theo Đặng tính toán, sẽ đem lại cho Trung Hoa một cơ hội lý tưởng để gạt hái thêm một vài hỗ trợ chống lại Moscow và củng cố kết quả liên minh với Hoa Kỳ trước khi mở cuộc tấn công Việt Nam. Về sau, Woodcock nói với tôi rằng từ hồi tháng Mười một/1978, thỉnh thoảng ông ta có nhận được những bản tin tình báo về việc Trung Hoa chuyển quân tới gần biên giới phía nam nhưng ông ta “hoi bi quan” về khả năng tấn công của Trung Hoa. (23)

Trong bất cứ trường hợp nào, một số ít những người lập chính sách có liên quan đến các buổi họp tối mật với Bắc Kinh hầu như hoàn toàn có nhiệt tình với việc xây dựng lại quân đội Trung Hoa, và không quan tâm đến việc chuẩn bị tấn công Việt Nam CS. Điều Hoa Kỳ muốn là Trung Hoa sẽ trở thành người hợp tác với họ chống Moscow. Trung Hoa không thể dùng quan hệ với Hoa Thanh Đôn để dương oai diệu võ ở trong khu vực này và cũng không để xảy ra hay làm điều gì phiền tới người Mỹ. Sự thất bại của Hoa Kỳ là cảm thấy thất vọng khi Trung Hoa muốn dùng quan hệ Hoa-Mỹ đạt tới một mức độ cao mà Đài Loan dù muốn cũng không đạt tới được.

Vì không biết âm mưu của Trung Hoa, Woodcock ngạc nhiên một cách thích thú khi thấy Đặng mau lẹ chấp thuận những gì do Mỹ đề nghị. Đặng nói, trước sự ngạc nhiên của Woodcock: “Chúng tôi chấp thuận những gì Hoa Kỳ soạn thảo và chấp thuận lời mời của tổng thống sang thăm quý quốc.” Tuồng như Đặng vội vã sang thăm Hoa Kỳ. Ông ta nói rằng ông muốn trong vòng một tháng việc quan hệ bình thường sẽ xong -tháng Giêng/1979(24) Sự thỏa thuận của Đặng đặc biệt ngạc nhiên, kể từ khi Hoa Kỳ đề nghị và bây giờ ông ta chấp thuận lại chính là điều trước kia ông ta từ chối khi Vance đưa ra hồi tháng Tám/1977. Bây giờ Carter đề nghị Hoa Kỳ duy trì thỏa hiệp phòng thủ hoàn toàn với Đài Loan thêm một năm, tiếp tục bán các vũ khí đã chọn cho Đài Loan sau khi thỏa hiệp phòng thủ này hết hạn kỳ và Trung Hoa không có mâu thuẫn gì với Hoa Kỳ, về quan tâm của Hoa Kỳ đối với những hành động của Hoa Kỳ về vấn đề Đài Loan.

Carter bị giao động vì những đáp ứng của Đặng. Những điểm chính yếu về thỏa hiệp quan hệ bình thường cuối cùng đã đặt được nhưng ông ta không muốn tin tức đó bị tiết lộ ra, tạo nên sự chống đối của phía bạn hữu của Đài Loan ở Quốc hội. Thay vì chờ đợi công bố vào ngày 1 tháng Giêng như chương trình đã dự liệu từ đầu, ông ta quyết định thông báo tin tức đó tức thì. Carter cho rằng “Ngược lại, tôi làm cho Đặng ngạc nhiên.” Theo chỉ thị của ông ta, Woodcock đến thăm Đặng vào buổi sáng ngày 14 tháng Chạp và đề nghị thỏa hiệp sẽ được công bố vào ngày hôm sau. Thỏa hiệp cuối cùng về thời gian công bố chưa bàn xong. Carter cũng chưa được yêu cầu công bố thỏa hiệp, bản thông báo về bình thường ngoại giao chưa kết thúc. Đặng ngạc nhiên nhưng ông ta đồng ý.

Sự thay đổi cảnh sắc này cho thấy cú đánh cuối cùng dành cho Vance trong cuộc xung đột giữa ông ta với Brzezinski về vấn đề Trung Hoa. Chính sách của Vance là cân bằng quan hệ với cả hai nước Việt Nam và Trung Hoa bị thất bại khi những khuyến cáo của ông về bình thường quan hệ với Việt Nam bị xếp lại để thiết lập liên hệ với Trung Hoa. Giờ đây, mối quan tâm của ông là hậu quả lá bài Trung Hoa đối với quan hệ Mỹ - Moscow, một thời gian ngắn ngủi để thi hành, Vance đồng ý vào ngày 1 tháng Giêng, một ngày được chọn để lập quan hệ bình thường



với Trung Hoa. Tuy nhiên, ông ta không muốn việc bình thường ấy được công bố trước ngày ông ta, theo lịch trình, sẽ gặp ngoại trưởng Liên Xô Andrey Gromyko vì nó có thể làm đảo ngược kết quả thỏa hiệp SALT thương thảo lâu dài mới có được. Tuy nhiên, ngày 14 tháng Chạp, Carter gọi ông ta đang ở Jerusalem cho biết rằng quan hệ bình thường với Trung Hoa sẽ tiến hành vào ngày 15 tháng Chạp, có nghĩa là trước ngày Vance gặp Gromyko. Vance viết trong hồi ký: “Tin đó là một cú sốc. Vào giờ phút nghiêm trọng, Brzezinsky đã khóa tay (thứ trưởng ngoại giao Warren Christopher và phụ tá ngoại trưởng Richard). Holbrooke bị gạt ra ngoài quyết định trong vòng 6 giờ đồng hồ. Họ không thể báo cho tôi biết những gì xảy ra.” (26)

Trong khi Vance đang trên đường trở về Hoa thành Đốn để trình bày việc công bố, Carter đang phấn khởi và Brzezinski bỗng nhiên cảm thấy lạnh giời. Không biết rằng việc thúc đẩy mau lẹ quan hệ bình thường với Trung Hoa thích hợp một cách toàn hảo với kế hoạch quân sự của người Tàu. Họ ngạc nhiên không hiểu tại sao Đặng mau lẹ đồng ý, là hậu quả việc hiểu lầm vị thế của Hoa Kỳ với Đài Loan. Woodcock nhắc lại một bức điện khẩn Carter gửi cho ông ta vào buổi sáng ngày 15 tháng Chạp (buổi tối ngày 14 ở Hoa Thành Đốn) ra lệnh cho ông ta tìm gặp Đặng để bảo đảm rằng Đặng biết Hoa Kỳ sẽ tiếp tục bán vũ khí cho Đài Loan sau một năm diên kỳ. Woodcock xem lại bản dịch cuộc nói chuyện của ông ta với Đặng vào ngày hôm trước. Chẳng có sự hiểu lầm nào cả. Tuy nhiên trong một bức điện khác thì Carter yêu cầu ông ta đến gặp Đặng một lần nữa. Bằng một sự dễ dãi bất thường, chỉ trong vòng một giờ để hẹn cuộc gặp. Woodcock cùng với phụ tá phái bộ Mỹ, Stapleton Roy trên đường đến Đại Sân Đường Nhân dân để gặp Đặng lần thứ ba chỉ trong vòng 24 giờ đồng hồ.

Đặng chẳng có gì khác trước. Khi Woodcock nhắc lại với ông ta việc Hoa Kỳ tiếp tục bán vũ khí cho Đài Loan, ông ta nổi đóa: “Tại sao ông lại đem chuyện bán vũ khí ra nói lần nữa?” Woodcock không nắm chắc tại sao lại có cuộc họp này nhưng ông ta cũng cố gắng giải thích Hoa Kỳ có quyền cung cấp vũ khí phòng vệ cho Đài Loan là việc cần thiết. Woodcock kể lại, như sòng lại với kinh nghiệm: “Đặng đổ gánh nặng lên cho tôi. Ông ta đánh qua đầu tôi. Ông ta cay đắng.” Đặng cương quyết nhắc lại rằng Trung Hoa xem Đài Loan là một tỉnh của họ, Đài Loan không thể có quan hệ vũ trang độc lập với Hoa Kỳ sau khi đã có quan hệ ngoại giao hoàn toàn. Cuối cùng Đặng tuyên bố: “Chúng tôi không bao giờ thỏa thuận như thế.” Woodcock nói rằng ông ta không tìm kiếm thỏa thuận của Trung Hoa về vấn đề ấy, ông ta theo đuổi việc bình thường hóa quan hệ. Một khi việc này đã đạt được, mọi sự sẽ bắt đầu thay đổi. Woodcock nói: “Quan hệ giữa lục địa và Đài Loan bắt đầu thay đổi, quan hệ của chúng tôi với Đài Loan cũng thay đổi. Mọi việc tưởng như không giải quyết được thì bây giờ nó trở thành một vấn đề dễ giải quyết.” (27)

Đặng trầm tĩnh lại một chút. Ông ta hỏi: “Chúng ta sẽ làm gì đây?” Woodcock nói: “Tôi mong ước được đề nghị, thưa ông Phó thủ tướng, chúng ta thì hành thỏa ước đã đạt được.” Với lời trấn an của Woodcock, Đặng nói “Okay”. Vấn đề bán vũ khí cho Đài Loan được xếp lại đó, về sau làm hại cho quan hệ giữa hai nước. Tuy nhiên, vào lúc đó người hùng họ Đặng của Trung Hoa đang muốn đạt được thắng lợi trong cuộc chạy đua thâm lạng giữa Trung Hoa và Việt Nam, cố giành giật cho được hữu nghị của Hoa Kỳ.

## Sẵn sàng hành động cuối cùng

Việc chuẩn bị quân sự của Bắc Kinh ở biên giới phía Nam không làm người Mỹ chú ý. Việc Việt Nam chuẩn bị quân sự dọc theo biên giới Kampuchia đã được thực hiện. Tới ngày 12 tháng Mười, nhiều sư đoàn quân đội Việt Nam, bao gồm cả vài đơn vị tinh nhuệ (đặc công- nd) được triển khai ở tỉnh Đặc Lắc, Tây Ninh và An Giang dọc theo biên giới Kampuchia. Hồi tháng Sáu họ dùng máy bay lấy được ở miền Nam do Mỹ chế tạo như oanh tạc cơ A-37 và F.5 đánh phá

Khmer Đỏ. Cuối cùng, vì không có đủ cơ phận thay thế, họ bắt đầu dùng máy bay do Liên Xô chế tạo như Mig-19s và Mig-21s từ miền Bắc đưa vào những căn cứ ở phía Nam như Chu Lai, Biên Hòa và Cần Thơ.

Công việc chuẩn bị của Việt Nam CS bao gồm cả biện pháp chống lại đe dọa từ phía Kampuchia. Họ rất lưu tâm đến khả năng có thể Kampuchia tấn công thành phố Hồ Chí Minh bằng không quân. -Từ Phnom Pênh tới chưa đầy nửa giờ bay. Hồi tháng Mười một, một viên chức Liên Hiệp Quốc thường xuyên lui tới Nam Việt Nam vì công tác, ngạc nhiên khi thấy vùng ngoại ô thành phố Hồ Chí Minh tạm thời thiết trí các đơn vị phòng không cùng hỏa tiễn hướng về phía Tây. Hầm trú ẩn không tạc được đào bên cạnh những trung tâm quan trọng của thành phố này. Một phần, việc chuẩn bị này nhằm lôi kéo dân chúng đứng sau lưng chính quyền để chống lại Kampuchia, tuy nhiên các nhà thiết lập kế hoạch quân sự Việt Nam cũng thấy được đe dọa của hai gọng kềm tấn công: Cuộc tấn công của Khmer Đỏ do Trung Hoa hỗ trợ dọc theo biên giới tây nam và cuộc tấn công trực tiếp của Trung Hoa ở phía bắc. Mối lo sợ đó căn cứ trên những tin tình báo thu thập được từ mùa xuân năm 1978, cho biết Trung Hoa không chỉ gia tăng viện trợ chiến xa, xe thiết giáp, Mig-19s cho Kampuchia mà còn gia tăng công việc ở một phi trường mới mở rộng ở tỉnh Kompong Chnang. Phía Việt Nam cũng tin rằng khoảng vài chục ngàn binh lính Trung Hoa, cố vấn và kỹ thuật viên, mau lẹ tham gia việc xây dựng quân đội Kampuchia để thực hiện các cuộc chiến đấu ở nam Việt Nam. (28)

Tình hình ngoại giao và chính trị phát triển mau lẹ cũng làm tăng thêm tình trạng khẩn trương mới cho kế hoạch quân sự của Việt Nam. Như về sau Việt Nam cho thấy rõ, họ quan tâm đến những dấu hiệu rõ ràng cho thấy nỗ lực hòa bình của Khmer Đỏ đối với thế giới. Mùa thu năm 1978, do Trung Hoa thúc đẩy, Kampuchia thoát khỏi tình trạng cô lập, chính sách đóng cửa bài ngoại và bắt đầu cải thiện hình ảnh đẫm máu của họ. Trong suốt mùa hè và mùa thu, Kampuchia đón tiếp nhiều phái đoàn ngoại quốc đém thăm thân hữu -từ những nhóm nhỏ người Mỹ theo chủ nghĩa Mác-Lê, nhóm người Bỉ thân Mao và Nhật Bản thiên xã hội chủ nghĩa. Vài du khách trở về ca ngợi những "tiến bộ" đạt được ở Kampuchia và lên án những bài tường thuật của giới báo chí về việc giết người, coi đó là trò tuyên truyền. Một du khách Mỹ viết trên tờ New-York Times, trừ vài trường hợp quá độ, ở Kampuchia, cũng là nơi cách mạng không thể tránh được, "huyền thoại về diệt chủng chỉ là sản phẩm" được ngụy tạo ở Bangkok do những phần tử khích động, những người đã "trả 50 đô la một lần cho một số người tỵ nạn để kể những câu chuyện kinh hoàng cho người ngoại quốc nghe." (29)

Phó thủ tướng Kampuchia Ieng Sary thực hiện chuyến đi thăm các nước Đông Nam Á, kêu gọi thắt chặt liên hệ, đặc biệt với các ngoại trưởng Thái Lan, Mã Lai và mời họ đến thăm Kampuchia. Trong một cuộc họp báo ở Nữ Ước, chính Ieng Sary đề nghị những cuộc thăm viếng Kampuchia: "Chúng tôi muốn quý vị tự mình đến xem xét nhân quyền có bị vi phạm hay không." Để chứng tỏ Kampuchia không quan tâm đến những lời lên án của thế giới, họ đưa ra lời mời Tổng thư ký Liên Hợp Quốc Kurt Waldheim đến thăm nước họ và xem xét các hồ sơ lưu trữ về nhân quyền. Ông ta dự trù đến thăm Kampuchia vào tháng Hai/1979. Vào tháng Mười một, Kampuchia cho phép một hãng du lịch Thái, - Chủ nhân là Chatchai Choochavan, cựu bộ trưởng ngoại giao Thái Lan và cũng là một bạn thân của Bắc Kinh -, mở những chuyến du lịch dài một ngày tới thăm Đền Thiên Đê Thích. Chỉ có công dân của những nước như Việt Nam, Do Thái, Nam Triều Tiên, Đài Loan và Nam Phi bị cấm tham gia các chuyến du lịch này. Theo dự trù công việc sẽ bắt đầu vào tháng Giêng. (30) Chatchai nói với tôi: "Tôi không quan tâm tới lợi nhuận. Tôi chỉ muốn Kampuchia mở cửa. Trung Hoa họ cũng muốn như vậy." (31)

## Ông hoàng của mọi mùa

Về mặt chính trị, đó là một vấn đề lớn hơn những gì Việt Nam quan tâm, cho thấy Khmer Đỏ cuối cùng tiến tới việc phục hưng thái tử Sihanouk. Hồi tháng Mười, khi đến trụ sở Liên Hợp Quốc, Ieng Sary phân phát những tấm hình thái tử chụp trong một buổi “dạ tiệc thân hữu để vinh danh những nhà ái quốc” tổ chức ở Phnom Pênh hồi tháng Chín. (32)

Việt Nam CS không những chỉ sợ việc phục hồi ngôi vị thái tử Sihanouk, việc này làm cho bộ mặt Khmer Đỏ kém bị ghét bỏ; điều đó còn đối nghịch với kế hoạch của Hà Nội là dùng danh nghĩa của ông hoàng để giành sự hỗ trợ ở trong nước cũng như ngoại quốc cho công cuộc kháng chiến chống Pol Pot. Hồi đầu tháng Mười năm 1978, một đại diện Việt Nam trong tổ chức UNESCO ở Paris bí mật đến một thành phố ở vùng French-Midi thăm một nhân vật sáng giá nhất trong các con của Sihanouk -thái tử Norodom Ranarith. Ông này đang dạy luật ở trường đại học Aix-en-Provence. Với cái đầu tròn, đôi mắt to tròn và rất hay cười, ông hoàng này chính là hình ảnh của thân phụ ông ta. Theo ông ta kể lại, người khách đến mang theo một bức thư của một người bạn chung Việt Nam và tự nhận mình là một phái viên đặc biệt của Việt Nam CS. Ông ta ca ngợi vai trò của Sihanouk trong việc xây dựng một nước Kampuchia hiện đại và tỏ ý rằng Việt Nam muốn “giải thoát” Sihanouk khỏi tay Khmer Đỏ để ông ta nắm vai trò lãnh đạo cuộc kháng chiến chống chế độ Pol Pot. Người Việt Nam này nói với ông ta: “Chúng tôi muốn ông hợp tác với phong trào kháng chiến mới của Kampuchia, đại diện cho Samdech Sihanouk”. Ranarith hết lời cảm ơn vị khách Việt Nam vì những quan tâm của Việt Nam đối với thân phụ ông ta nhưng từ chối không tham gia bất cứ một sự hợp tác nào. Về sau, Ranarith nói với tôi, giải thích việc từ khước của ông: “Tôi không rõ tình trạng cha tôi đang bị giam giữ như thế nào và thực sự tôi cũng không biết Việt Nam muốn tạo dựng cái gì đây.” Ông ta có một ý tưởng hay hơn đối với việc này khi người khách đó đến thăm ông ta một lần nữa, vào giữa tháng Chạp. Ông ta kể lại: “Khoảng một tuần hay mười ngày trước lễ Giáng sinh, vì lúc ấy tôi đang dựng cây Noel và kết đèn thì ông ta tới. Lần này người khách Việt nam yêu cầu tôi chấp thuận giữ vai trò đại biểu cho Mặt trận Cứu nguy Quốc gia vừa mới công bố. Tôi lại từ chối một lần nữa.” (33)

Sự thất bại trong việc tìm hỗ trợ trong đám hậu duệ của Sihanouk hay bất cứ một khuôn mặt Kampuchia nào không phải là Cộng sản, để mượn uy danh của họ cho Mặt trận Kháng chiến do Hà Nội hỗ trợ hoặc những người có liên quan đến việc chống Phnom Pênh cho thấy Hà Nội không có nhiều cơ may. Thời gian dành cho Việt Nam can thiệp vào Kampuchia có thể được thế giới hay kẻ cùng âm mưu hỗ trợ trôi qua rất nhanh. Mặc dù Waldheim (TTK/LHQ) không nhận lời mời đến thăm, việc Kampuchia mở rộng cửa và hình ảnh ghê tởm của họ có phai mờ đi đôi chút, giờ đây vẫn còn đe dọa cho kế hoạch của Hà Nội. Nếu Việt Nam tiến hành việc thành lập một chính phủ cho lực lượng du kích, theo Hà Nội tính toán, thì phải thực hiện ngay bây giờ hoặc không bao giờ có thể làm việc đó được cả.

Liên minh quân sự và ngoại giao với Moscow xong rồi, Việt Nam chú tâm vào việc chuẩn bị lần cuối để tấn công Kampuchia. Tình hình tiến nhanh hơn cả những điều các nhà lãnh đạo ở Hà Nội tiên liệu. Mấy trăm cán bộ Khmer Đỏ trước kia nay đang được Hà Nội huấn luyện ở Miền Nam Việt Nam quyết định chống lại chế độ Pol Pot, nhưng họ chưa dàn xếp ổn thỏa với nhau về dị biệt chính trị, có thể dựng nên một đảng Cộng sản Kampuchia mới để lãnh đạo công cuộc chiến đấu. Thời gian thì thúc ép. Việt Nam thì chưa thuận tiện mở cuộc họp mà phải chờ đến khi có đại hội đảng được triệu tập và một ban lãnh đạo đảng mới được thành lập. Ngay cả khi không có đảng, Mặt trận Giải phóng Kampuchia cũng đã được công bố cho toàn thế giới biết trước khi quân đội Việt Nam mở cuộc tấn công.

Vấn đề học thuyết chính trị và huấn luyện quân sự cho người Khmer bắt đầu năm 1978 và hiện tại đang ở mức căng thẳng. Một khuynh hướng thì muốn loại bỏ mọi trở ngại do tình trạng ngôn ngữ tạo ra, khuynh hướng này được sự hỗ trợ của thiểu số người Khmer Krom -tức là người Việt gốc Miên sống ở vùng đồng bằng sông Cửu Long và người Miên ở phía Nam Kampuchia. Dưới con mắt của các nhà lãnh đạo Hà Nội, những người Việt gốc Miên này thường bị nghi ngờ

vì họ có khả năng nói được cả hai thứ tiếng Việt và Miên và rất hữu ích trong vai trò trợ thủ một khi quân đội Việt Nam tiến vào lãnh thổ Kampuchia. Thiếu tá Say Pak, một người Cộng sản Miên sống ở Hà Nội từ năm 1954, tới Bạc Liêu hồi tháng Mười một năm 1978 để tuyển mộ thanh niên Việt gốc Miên. Mỗi tuần, ông ta mở những cuộc họp với thanh niên trong một ngôi chùa để thúc đẩy họ tham gia Mặt trận Giải phóng Kampuchia. Ông ta hứa với họ là sau khi giải phóng Kampuchia rồi “các bạn sẽ có một địa vị quan trọng trong chính quyền Kampuchia”. Sau khi làm lễ qui nạp, năm trăm thanh niên được gọi tới Cà Mau để được huấn luyện quân sự. Tháng Giêng năm 1979, đám này đi theo quân đội Việt Nam tiến vào tỉnh Tà-Keo bên Kampuchia.

## Cánh cửa hậu để vào mặt trận

Một điều thích thú ở đằng sau việc Việt Nam mở cuộc tấn công vào Kampuchia là do Đinh Cẩn (hay Cẩn- nd) kể lại. Ông ta là cựu sĩ quan công binh của quân đội Miền Nam Việt Nam trước kia. Tính ra, ông ta được xem là “nhẹ tội” hơn những sĩ quan chế độ cũ đang bị Hà Nội giam giữ trong các trại “cải tạo.” Hà Nội đang cần những chuyên viên do Mỹ huấn luyện để bổ sung cho Sư đoàn Công binh 476 xây dựng cầu đường tại tỉnh Darlac, Sông Bé và Tây Ninh là những tỉnh nằm dọc theo biên giới Việt Miên. Ông ta đồ chừng Việt Nam đang có kế hoạch gì đó trong lãnh thổ Kampuchia và công việc này được bắt đầu từ mùa hè năm 1978, khi có lệnh sửa gập những con đường dẫn tới Kampuchia. Từ tháng Mười, quân đội Việt Nam CS đã chiếm đóng một dải đất chạy dọc theo biên giới hai nước. Tới giữa tháng Mười một thì Việt Nam mở cuộc tấn công lớn vào tỉnh Kratie của Kampuchia dọc theo quốc lộ 13. Một trận đánh đẫm máu xảy ra, tiêu diệt một sư đoàn Khmer Đỏ và chiếm một vùng được xem là “khu giải phóng”. Tuy nhiên, đối với Đinh Cẩn (Cẩn), việc đó chưa rõ ràng lắm. Mãi đến cuối tháng đó, ông ta thấy một chiếc trực thăng đáp xuống giữa đám bụi đỏ quay tròn tại bộ chỉ huy của đơn vị ông ta gần biên giới hai nước. Ông ta ngạc nhiên khi thấy các vị khách không ai khác hơn là Lê Đức Thọ và tướng Đồng Văn Cống, phó tư lệnh quân khu 7 của Việt Nam CS. Họ tới để giám sát việc thành lập tổ chức kháng chiến Kampuchia và việc thành lập bộ chỉ huy tiền phương của quân đội Việt Nam CS.

Địa điểm này được chọn để cho thế giới biết Mặt trận Giải phóng Kampuchia mới được thành lập (The Kampuchean National United Front for National Salvation - Mặt trận Đoàn kết Quốc gia Cứu quốc -viết tắt là KNUFNS) nằm sâu trong nội địa Kampuchia khoảng hai dặm. Nơi này là một khoảng đất trống giữa một đôn điền cao su ở phía đông Kampuchia, gần thị trấn Snoul. Cẩn lái một chiếc xe ủi đất vào đây để ủi mặt bằng. Các binh lính của đơn vị 476 dựng khán đài và hệ thống loa truyền thanh. Buổi sáng ngày 2 tháng Chạp 1978, vài ngàn người Khmer tập trung ở đây dưới ánh mặt trời chói chang để chứng kiến lễ ra mắt “Mặt trận Đoàn kết Quốc gia Cứu Quốc”. Hầu hết đàn ông và đàn bà tập trung về đây là những người đang sống trong các trại tỵ nạn ở Việt Nam và được xe vận tải chở tới. Vài trăm binh sĩ, gồm cả những người đào ngũ khỏi Khmer Đỏ cũng như những người được huấn luyện tại Việt Nam cũng được tập trung về đây, hân hoan trong bộ quần áo và mũ màu xanh lá cây. Một bài quốc ca mới được hát lên trong khi một chục lá cờ mới màu đỏ và vàng của mặt trận bay phất phới trong cơn gió nhẹ.

Hết người này đến người khác, 14 thành viên trong Ủy ban Trung ương được choàng vòng hoa khi họ được giới thiệu giữa tiếng hoan hô vang dậy. Chủ tịch Mặt trận là Heng Samring, đọc chương trình của Mặt trận trong khi đám đông đưa nắm tay lên hoan hô. Sau cuộc họp, Heng Samring tới cảm ơn Lê Đức Thọ đang đứng xa xa để nhìn như gà mẹ nhìn đàn gà con. Samring tươi cười nói với Thọ: “Tôi không ngờ Ngài tổ chức việc này hoàn hảo đến như vậy.”

Sau cuộc “mít tin”, các đơn vị quân kháng chiến và các nhà lãnh đạo Mặt trận đến thăm các làng dọc biên giới, nơi những đơn vị Khmer Đỏ đã rút lui. Họ giải thích cho dân chúng chương trình mười một điểm của Mặt trận để lật đổ chế độ Pol Pot và bảo tồn đời sống gia đình,

chợ búa, tiền bạc và tôn giáo và chấm dứt chiến tranh biên giới với Việt Nam.(35) Một đài phát thanh đặt ở thành phố Hồ Chí Minh mệnh danh là “Tiếng Nói Nhân Dân Kampuchia” bắt đầu phát thanh chương trình của Mặt trận và các bài tường thuật về cuộc đấu tranh của họ. Hàng ngàn truyền đơn được thả xuống các tỉnh dọc theo biên giới Kampuchia, kêu gọi nhân dân đứng lên lật đổ chế độ hiện tại ở Phnom Pênh.

Việc xây dựng Mặt trận trông giống như một cuốn phim cũ đem chiếu lại. Hai mươi tám năm sau khi Việt Nam giúp đỡ để xây dựng tổ chức đầu tiên giải phóng quốc gia - Mặt trận Issarak Đoàn kết - để chống lại chế độ thực dân Pháp và tám năm sau khi tay bắt tay chống Mỹ, Mặt trận Đoàn Kết Quốc gia Kampuchia do Việt Nam đỡ đầu khơi dậy một cuộc đấu tranh “giải phóng quốc gia” khác ở một nước láng giềng. (36) Chính Lê Đức Thọ, nhà lãnh đạo Việt Nam chịu trách nhiệm việc huấn luyện cán bộ kháng chiến Khmer, là người đã dựng nên Mặt trận Issarak Đoàn kết và lãnh trách nhiệm bộ Chính trị đặc biệt cho Kampuchia từ năm 1966. Tuy nhiên, kẻ thù lúc này không phải là thực dân Pháp, cũng không phải là Đế quốc Mỹ mà chính là những người một thời họ là liên minh của Cộng sản Hà Nội.

Một biểu tượng đấu tranh, tượng trưng cho truyền thống liên minh Việt Nam-Kampuchia cũ, là ngọn cờ mới: Năm ngọn tháp màu vàng trên nền đỏ. Lá cờ này khởi nguyên từ Khmer Issarak hồi thập niên 1950 đã bị nhóm Pol Pot loại bỏ năm 1975 khi nước Kampuchia Dân chủ chọn lá cờ ba ngọn tháp màu đỏ.

Tuy nhiên, tính biểu tượng đã bị người dân Kampuchia bỏ mất vì quan tâm chính của họ là sự còn mất của gia đình và bạn bè họ vẫn còn nằm trong sự kiểm soát của Khmer Đỏ. Đó là sự thù ghét có tính cách chung đối với chế độ Pol Pot, đã đưa họ tới đặt mình dưới sự chỉ dẫn của Việt Nam CS, tập hợp rời rạc những người sống sót -những người tỵ nạn thuộc giai cấp trung lưu trốn thoát được, những người đào thoát khỏi Khmer Đỏ. Những người Khmer được tập hợp lại là những người đã bị thất tán gia đình và số đông họ nghi ngờ về lý do bí mật của Việt Nam. Tuy nhiên, họ không có sự chọn lựa nào khác ngoài trợ giúp của Việt Nam CS để chống lại một chế độ giết người đang đe dọa cả nước Kampuchia. Mười bốn thành viên Ủy ban Trung ương trình diện trong cuộc “mít tin” là những người đại diện cho một sự tập hợp không có gì chặt chẽ. Sáu người trong số họ, gồm cả chủ tịch Heng Samring là những cán bộ cũ của Khmer Đỏ, bốn người là đảng viên đảng Cộng sản Kampuchia thân Hà Nội (Khmer Issarak). Những người khác thuộc thành phần trí thức thành thị và một nhà sư. (38)

Trong khi cuộc “mít tin” đang diễn tiến, các đơn vị quân đội thường trực Việt Nam CS bọc theo vòng ngoài khu vực và những tay súng phòng không mắt hờn sẵn về phía chân trời. Sau khi lễ ra mắt hoàn tất, Đinh Cẩn (Cẩn) và những người trong nhóm ông ta được lệnh khai hoang một khu rừng gỗ nằm xa hơn một dặm trong lãnh thổ Kampuchia, thuộc tỉnh Kratié dùng để đặt bộ chỉ huy tiền phương của quân đội Việt Nam CS. Các bồn chứa bằng nhôm, -của quân đội Mỹ trước kia xử dụng ở Việt Nam-, chờ tới. Các ngôi nhà bằng tranh được dựng lên và các công sự chiến đấu xây đắp. Máy điện, máy truyền tin đặt dưới các tầng cây to. Bộ chỉ huy, được gọi là “Tiền Phong” hay “Vanguard” chẳng bao lâu tạo nên bão táp trên lãnh thổ Kampuchia.

## Chiến dịch bắt đầu

Tuy nhiên phát súng lệnh của chiến dịch quân sự được bắn ra ở Ban Mê Thuột, một thành phố nằm ở trung tâm Cao nguyên. Việc chiếm được thành phố này đã là một cuộc tấn công ngạc nhiên hồi tháng Ba/1975, đánh dấu việc mở đầu chiến dịch Hồ Chí Minh, chấm dứt bằng việc chiếm đóng Saigon. Thành phố có tính chiến lược này, lại một lần nữa được chọn làm nơi tỵ nạn cho lịch sử quân sự Việt Nam. Nửa đêm ngày 24 tháng Chạp, khi tiếng chuông nhà thờ ngân vang, tướng Chu Huy Mân, chính ủy Quân ủy trung ương Quân đội Nhân dân Việt Nam (VPA)

rút súng bắn lên không phát súng lệnh để chính thức mở đầu chiến dịch. Tướng Chu Huy Mân từ Hà Nội tới để làm lễ xuất quân cho đạo quân do tướng Hoàng Cầm chỉ huy. Về sau, một quan chức Việt Nam nói với tôi: “Tướng Hoàng Cầm biết rõ vùng phía đông Kampuchia như biết rõ lòng bàn tay ông ta vì ông ta đã chỉ huy những chiến dịch quân sự chống Lon Nol hồi thập niên 1970”. Dưới bầu trời lạnh và đầy sao, những đoàn chiến xa T-54 và những xe vận tải chở đầy binh lính bắt đầu tiến theo quốc lộ 14, hướng tới biên giới Kampuchia. Trong vòng 5 ngày, quân đội Việt Nam đánh tan các đồn binh Khmer Đỏ và chiếm thủ phủ tỉnh Kratie. (39)

Kratie là một thành phố mà người Việt Nam biết rất rõ. Sau khi “giải phóng” thành phố này khỏi tay Lon Nol hồi thập niên 1970, Việt Nam CS đã thiết lập một trường quân sự ở đây để huấn luyện hàng trăm cán bộ Khmer Đỏ. Giờ đây, chín năm sau, Việt Nam CS lại chộp lấy thành phố này khỏi tay những người học trò cũ để giao lại cho đồng minh Khmer mới.

Tháng Giêng/ 1979, từ Lào, lực lượng quân sự Việt Nam tiến dọc theo sông Mêkông xuống chiếm đóng thành phố thứ hai, tỉnh lỵ Stung Treng. Chiếm được hai thành phố lớn trên sông Mêkông, quân Việt Nam đã cắt đứt liên lạc bốn tỉnh phía đông bắc với các tỉnh còn lại của Kampuchia. Mặc dù các tỉnh này có dân cư thưa thớt, với nhiều ngọn đồi và rừng rậm bao phủ vùng đông bắc, hồi thập niên 70 là căn cứ chống Lon Nol, giờ đây trở thành “khu giải phóng” cho mặt trận Khmer mới.

Trong khi đó, các sư đoàn quân Việt Nam thuộc Quân khu 7 và Quân khu 9, dưới quyền chỉ huy tổng quát của tướng Lê Đức Anh bắt đầu mở cuộc tấn công lớn theo quốc lộ 1 và quốc lộ 7, cả hai đạo quân này đều nhắm tới sông Mêkông. Gần một tuần lễ trước khi mở chiến dịch có xe tăng dẫn đầu này, lực lượng không quân Việt Nam gia tăng đánh phá các vị trí Khmer Đỏ. Vì tập trung gần ba chục ngàn binh sĩ - một nửa quân đội thường trực Khmer Đỏ-, trong một vùng đất có hình vòng cung dọc theo khu vực có tên gọi là Mỏ Vẹt và Lưỡi Câu gần biên giới Việt Nam, Pol Pot đã làm cho số quân này bị tiêu diệt dễ dàng. Đạo quân này bị tàn sát vì đại pháo và không tập sau khi bị không thám phát hiện. Đáng ngạc nhiên là sức kháng cự của lực lượng dân quân Pol Pot, những người được biết là giết người bằng dao và mã tấu, không có thì giờ để được huấn luyện lái máy bay hay dùng súng phòng không. Hầu hết các cố vấn Trung Hoa và chuyên viên quân sự vội vàng rút ra phía biên, để lại các toán quân của Pol Pot chưa được huấn luyện này tự bảo vệ lấy họ. Hàng mấy dãy máy bay Mig-19 mới toanh sơn màu cờ Kampuchia Dân chủ nằm im ở phi trường Pochentong, nhiều chiếc nệm ghế còn bọc nylông khi quân Việt Nam tiến chiếm Phnom Pênh và rồi Việt Nam tuyên bố thắng trận.

Mặc dù đã có không tập, cuộc tấn công trên bộ cũng không dễ dàng. Đại tá Bùi Tín, quan sát từ trên trực thăng và chụp hình, nói với tôi trận đánh nặng nhất của chiến cuộc này trước khi chiếm Phnom Pênh là trận ở khu vực Lưỡi Câu. Trận đánh kéo dài khốc liệt hai ngày khi quân đội Việt Nam CS cố gắng vượt qua tuyến phòng ngự dọc theo các kinh đào và các bãi mìn. Khi vượt qua được tuyến phòng ngự này rồi, quân đội Việt Nam CS tiến nhanh tới sông Mêkông, đối diện với tỉnh lỵ Kompong Cham. Hai trận đánh lớn khác là trận Neak Luong, bên phả trên quốc lộ 1 và trận Tani, (tỉnh Takeo) trên quốc lộ 3 dẫn ra biên. (40) Một lực lượng biệt kích Việt Nam CS cố tiến tới bờ sông Tonle Sap, đối diện với Phnom Penh. Buổi sáng ngày 2 tháng Giêng họ cố gắng vượt qua sông để “giải thoát” thái tử Sihanouk khỏi nơi ông cư trú đang bị canh gác chặt chẽ. Tuy nhiên, họ thất bại. Sihanouk nói với tôi trong tiếng thờ dài tiếc rề: “Họ cố vượt qua sông để bắt cóc tôi nhưng họ đã bị giết hết. Vào lúc đó tôi chẳng biết tại sao bắt thần buổi tối đó (2/ tháng Giêng) Khiêu Samphan đến nói với tôi: “Ngài có 15 phút để chuẩn bị rời khỏi nơi này. Sau đó họ đưa tôi đi Battambang rồi Sisophon.” (41)

Đến ngày 4 tháng Giêng, quân Việt Nam kiểm soát toàn bộ khu phía đông sông Mêkông gồm 7 tỉnh nhưng viễn tượng đưa ông hoàng Sihanouk lên làm lãnh đạo Mặt trận Cứu nguy kiểm soát “vùng giải phóng” này coi như tan biến.

Sau một ngày tình hình lắng dịu, lệnh cuối cùng của bộ chính trị ban ra ngày 4 tháng Giêng: “Tiến tới Phnom Pênh.” Ngày 6 tháng Giêng, các đơn vị quân đội Việt Nam vượt sông Mê Kông ở bên phà Neak Luong và phía bắc tỉnh Kompong Cham. Cầu nổi do Liên xô chế tạo và những chiếc phà lớn do Mỹ sản xuất được đưa từ Việt Nam tới để đưa xe tăng và quân lính vượt sông. Chẳng bao lâu, 9 trong số 12 sư đoàn quân Việt Nam với ba trung đoàn đi tiên phong từ phía tây nam và hướng bắc tiến vào Phnom Pênh. Buổi sáng ngày 7 tháng Giêng, pháo binh bắt đầu bắn vào ngoại ô Phnom Pênh. Hai con đường quan trọng tiến tới thủ đô - quốc lộ 1 và 7 đã bị khóa chặt vì các đoàn quân Việt Nam đang tiến vào thủ đô.

## Tiệc tùng chám dứt

Quan sát mọi mặt, khung cảnh ngày cuối cùng của thành phố Phnom Pênh trông giống như trong một cuốn phim của Fellini. Độc nhút chỉ còn bệnh viện hoạt động đầy đặc thương binh từ mặt trận chuyển về. Hàng trăm người nằm trong sân và trên những con đường chung quanh bệnh viện, đầy máu và ruồi. Họ kêu la hấp hối. Các nơi khác trong thành phố lúc này người ta tiệc tùng kỷ niệm. Mùa cá truyền thống bắt đầu từ cuối tháng Chạp và đầu tháng Giêng khi các đặng lưới cá đặt trên sông Tonle Sap thu hàng tấn cá. Buổi sáng ngày 6 tháng Giêng hai chiếc xe tải đầy cá được chở tới trại “Bar 30”, một khu trại của các cán bộ trẻ và gia đình họ. Đối với những người dân gần chết đói cả tháng nay, hình ảnh những chiếc xe chở đầy cá như thể làm họ phấn khởi. Tức thì không khí hội hè diễn ra. Mọi người bận rộn lo làm cá kéo sọt ươn. Các người trong trại lo ăn trưa rồi chuẩn bị cá cho buổi tối và để dành cho những tháng sắp tới. Nhưng bất thành linh tiệc tùng chám dứt. Lệnh ban ra là phải di tản tức khắc. “Đi ngay tức khắc”. Một người đàn bà chưa tin hỏi: “Còn cá của chúng tôi thì sao?” Một đồng cá cao tới mấy “fit” đang nằm trong nhà bếp cộng đồng lấp lánh dưới ánh đèn dầu hôi mờ mờ, như nổi kinh hoàng của những người trong trại. (42)

Một buổi tiệc khác cũng bị bỏ dở ở nhà máy dệt không xa trại này bao nhiêu. Cùng một ngày Khmer Đỏ cho phép công nhân giết heo và gà để tổ chức tiệc tùng kỷ niệm năm đầu tiên “chiến thắng lịch sử” đánh bại Việt Nam. (42)

Rõ ràng cuộc tấn công của Việt Nam dụ lại kể từ đêm 3 tháng Giêng, tạo cho Phnom Pênh không khí an toàn giả tạo. Ngay buổi tối 5 tháng Giêng, Pol Pot nói với Sihanouk một cách tin tưởng rằng lực lượng quân sự của y sẽ quét sạch quân đội Việt Nam ra khỏi Kampuchia. Mặc dù Bắc kinh khuyến cáo Khmer Đỏ nên xây dựng khu dự trữ trong vùng núi Cardamon khi phải bỏ thủ đô và mặc dù trong cuộc phỏng vấn của Tân Hoa xã hồi 11 tháng Chạp, Pol Pot tuyên bố chính phủ ông ta sẵn sàng đổi đầu khi quân đội Việt Nam tấn công trong một cuộc “chiến tranh trường kỳ”, đơn giản là họ không tiên liệu được sức phòng ngự của họ bị sụp đổ hết sức bất ngờ. Tới lúc Pol Pot thấy không thể chiến thắng thì đã quá trễ. Trong vòng 24 tiếng đồng hồ thủ đô Phnom Pênh bị bỏ 180 ngõ, bỏ lại những bữa ăn chưa xong và hàng tấn cá ươn thúi, cả những hàng núi vũ khí đạn dược và hồ sơ lưu trữ các bản tự khai của nhà tù Toul Sleng. Ngay cả với một nhân vật đang bị chế độ tầm nã, Deuch, người đứng đầu trại tù Toul Sleng, hầu như cũng bị bỏ lại. Ông này chuồn ra khỏi Phnom Pênh dễ dàng khi quân Việt Nam tiến vào. Đại sứ Trung Hoa và hàng trăm cố vấn Trung Hoa cũng rời Phnom Pênh đúng lúc, nhưng họ phải bỏ lại mọi thứ. Với Việt Nam, điều họ thích thú nhất là tìm thấy trong tòa đại sứ Trung Hoa một hầm đầy rượu “cô-nhắc” của Pháp.

Việc Phnom Pênh sụp đổ có làm cho Việt Nam ngạc nhiên hay không? Không có câu trả lời sẵn. Không giống như “chiến dịch Hồ Chí Minh” chiếm đóng Saigon, chiến thắng đem lại hai cuốn hồi ký của hai tướng Cộng sản tham dự chiến dịch đó. (34) Chẳng có ai viết hồi ký về cuộc mạo hiểm của Việt Nam trên lãnh thổ Kampuchia.

Những hồi ký như thế về cuộc chiến năm 1975, tiết lộ là theo kế hoạch đầu tiên của bộ Chính trị Cộng sản Việt Nam thông qua hồi tháng Chạp năm 1974, quân đội Nhân dân Việt Nam thực hiện từng bước đấu tranh chính trị và quân sự trong các năm 1975-76 “làm thế nào để tạo ra những điều kiện tiến tới thực hiện tổng tấn công và nổi dậy... và giải phóng miền Nam.” (45)

Nhưng sau cuộc tấn công sơ khởi ở miền Cao nguyên hồi tháng Ba/ 1975, chế độ miền Nam sụp đổ mau lẹ đến nỗi bộ Chính trị quyết định nắm lấy thời cơ và “giải phóng Saigon trước mùa mưa.” Có phải việc chiếm đóng Phnom Pênh là lặp lại việc chiếm đóng Saigon bốn năm trước đó? Hay Việt Nam đã có kế hoạch chiếm đóng toàn bộ Kampuchia và thành lập một chế độ lệ thuộc? Quan sát việc quân đội Việt Nam tiến nhanh vào thủ đô Phnom Pênh và thành lập chính phủ mới, hầu hết các quan sát viên kết luận rằng quả thật đây là mục tiêu của họ. Tuy nhiên cũng không có gì nổi bật để kết luận như thế. Giống như điều đã xảy ra ở Saigon năm 1975, việc chiếm đóng Phnom Pênh cũng vậy, có thể đó là cơ may có chiến lược.

Chúng có lý thú nhất về giả thuyết đó là ở cuộc phỏng vấn hai nhân vật lãnh đạo Mặt trận Cứu nguy: Chea Soth, một trong những người xây dựng Mặt trận và là một thành viên bộ Chính trị của đảng Nhân dân Cách mạng Kampuchia (Kampuchea People's Revolutionary Party -viết tắt là KPRP) nói với Stephen Heder năm 1981, thoát tiên họ không nghĩ có thể chiếm lấy toàn bộ đất nước. Ông ta nói: “Đúng ra, chúng tôi nghĩ phải có một thời kỳ chiếm đóng một nửa đất nước, một nửa bờ sông Mê-kông và để phía bên kia cho Pol Pot”. Kế hoạch đó đã thay đổi sau khi quân đội Việt Nam giành được chiến thắng quân sự đầu tiên: Chiếm Phnom Pênh và chiến đấu trường kỳ. “Chúng tôi không nghĩ là chúng tôi chiếm được toàn bộ đất nước cùng một lúc. Nhưng sau khi tấn công và không thấy sức kháng cự đáng kể, họ (lực lượng Pol Pot) chỉ rút lui mà thôi thì chúng tôi cứ thế mà tiến tới. Khi chúng tôi nắm được tình hình (Phnom Pênh đã bỏ trống) thì chúng tôi vào ngay thành phố này. Chẳng có nơi nào còn lại mà không bị chiếm”.

Một ủy viên khác của Ủy ban Trung ương đảng Nhân dân Cách mạng Kampuchia, Hem Saming cũng nói với Heder trong một cuộc phỏng vấn khác là: Kế hoạch nguyên thủy chỉ tấn công và “chiếm đóng một nửa bờ sông Mê-kông. Nhưng khi tấn công và truy kích chúng thì chúng tôi thấy dễ quá. Chúng tôi cứ thế mà tiến tới”. (47)

Những điều này hỗ trợ cho những chứng cứ rõ ràng việc chuẩn bị gấp rút của Mặt trận để nắm lấy tình hình. Cuộc tấn công bắt đầu hồi cuối tháng Chạp thì chưa tới ngày 6 tháng Giêng Mặt trận đã “tức tốc” công bố chương trình tám điểm để thi hành trong vùng giải phóng Kampuchia. Chương trình này được thông qua ngày 5 tháng Giêng sau nhiều lần trì hoãn cuộc họp được triệu tập ở Mimot trong tỉnh Kompong Cham để tái tổ chức đảng Cộng sản. Đại hội đang tiến hành nhằm bầu lãnh tụ mới và các thành viên chính thì ngay trưa ngày 7 tháng Giêng “tin điện báo cho biết Phnom Pênh đã được giải phóng. Đảng vừa mới thành lập tức thì kêu gọi tinh thần trách nhiệm 66 đại biểu đang họp hôm đó”.(48)

Ngày 8 tháng Giêng, trong khi những người lãnh đạo Mặt trận đang chờ có được tin tức rõ ràng hơn từ phía quân đội Việt Nam đưa tới để tiến vào Phnom Pênh thì đài phát thanh của Mặt trận loan tin sau khi “lực lượng quân đội cách mạng và nhân dân Kampuchia” giải phóng Phnom Pênh, một Hội đồng Cách mạng gồm 8 thành viên được thành lập do Heng Samring lãnh đạo. Vị cựu tư lệnh sư đoàn Khmer Đỏ, người đã đào thoát qua Việt Nam chỉ bốn tháng trước đây bất thần trở thành quốc trưởng nước Kampuchia.

Việc vội vàng ra lệnh cho các nhân viên dân sự Việt Nam -kỹ thuật viên và hành chính - lãnh mọi trách nhiệm ở Kampuchia chứng tỏ có thiếu sót trong kế hoạch của Việt Nam dự trừ chiếm đóng Kampuchia. Một điều thích thú khác cho thấy mục tiêu đầu tiên của Việt Nam có thể là chưa kiểm soát toàn bộ Kampuchia là thật vì theo sự quan sát của tình báo Mỹ, xe tăng Việt Nam hết xăng nửa đường khi họ tiến về tỉnh Kompong Thom trên quốc lộ 6. Trong khi chờ được tiếp tế nhiên liệu, vài chiếc đã bị Khmer Đỏ bắn hạ khi bọn này rút lui. Việc chờ đợi nhiên liệu kéo dài cả tuần lễ trước khi đoàn xe tăng tới được thành phố Battambang.(49)



Mặc dù tới tuần lễ thứ ba của tháng Giêng, việc chiếm đóng toàn bộ những khu chiến lược của Kampuchia -bao gồm những thành phố lớn và những con đường chiến lược cũng chưa xong, mãi tới trước tháng Tư/1979 cùng với chính lực lượng tăng phái, Việt Nam mới có thể mở ra cuộc tấn công chính vào tuyến phòng thủ Ta-Sanh do Khmer Đỏ dựng lên gần biên giới Thái Lan khi họ rút lui.

Kể từ chuyến bay cuối cùng cất cánh ở phi trường Pochentong hôm 6 tháng Giêng và chuyến xe lửa cuối cùng, trên đó có Ieng Sary rời Phnom Pênh vào sáng ngày 7 tháng Giêng, với người Kampuchia, biên giới Thái Lan là con đường độc nhất để tiếp xúc với thế giới bên ngoài. Các nhà ngoại giao Trung Hoa, Nam Tư và các nước khác nữa có trụ sở ở Phnom Pênh cũng như hàng mấy trăm cố vấn và kỹ thuật viên Trung Hoa lo lắng và lếch thếch đồ xô qua biên giới để tìm nơi an toàn trong lãnh thổ Thái. Một quan chức bộ ngoại giao Thái kể lại: “Đối với Trung Hoa, đó là giây phút nhục nhã. Trước kia chẳng bao giờ có sứ bộ của Trung Hoa phải trốn chạy khỏi một nước chư hầu một cách nhục nhã như vậy.” Dĩ nhiên Thái Lan đón tiếp họ với thái độ nhã nhặn nhất. Họ kín đáo sắp đặt những chuyến bay Boeing 707 của Trung Hoa hạ cánh xuống Thái Lan, đáng mỉa mai lại là đáp xuống chính ngay căn cứ Mỹ cũ ở Utapao để đón những người Trung Hoa di tản từ Kampuchia sang. Chỉ mấy năm trước thôi, Trung Hoa lớn lối tuyên bố những căn cứ Mỹ ở Thái Lan là bàn đạp cho “cuộc xâm lăng của Đế quốc Mỹ.”

Ngày 11 tháng Giêng/1979, Ieng Sary chạy tới biên giới Thái Lan, vừa đói vừa mệt. Trong cuộc tháo chạy hỗn loạn đó, ông ta bị mất dép. Các nhà ngoại giao Trung Hoa ở Bangkok phải đem quần áo và giày mới tới cho ông. Một chiếc máy bay trực thăng của quân đội Thái bí mật chở ông ta và các cộng sự -gồm những người làm việc cho đài phát thanh Phnom Pênh - tới phi trường Đôn-Mường của Bangkok. Ở đây, họ được đưa lên một chuyến bay quốc tế thường lệ của hãng hàng không Thái để đi Trung Hoa qua ngã Hồng Kông.

## Sứ mạng bí mật ở Utapao

Tài liệu Việt Nam bắt được ở Utapao, bao gồm cả những bản phiên dịch các cuộc nói chuyện của các nhà lãnh đạo Trung Hoa và Ieng Sary trong bốn lần khác nhau. Trong cuộc họp ngày 13 tháng Giêng/1979, Đặng đã rầy rà Sary về “chiến dịch thanh trừng do đồng chí chỉ đạo là hết sức thừa thãi và bao quát”. Đối với cuộc thanh trừng của Khmer Đỏ, Đặng giận dữ nói với Sary rằng y đã tạo nhiều bất lợi cho Trung Hoa và đem lại “kết quả hoàn toàn vô ích”. Ông ta chỉ ra một ví dụ: đoàn kết với kẻ thù ít thù địch hơn, như một thời Cộng sản Trung Hoa liên minh với Tưởng Giới Thạch trong chiến tranh Hoa-Nhật và ông ta thúc đẩy Sary phải lôi kéo thái tử Sihanouk vào chung một mật trận. Ông ta nói “Chúng ta sẽ mất mát nhiều nếu chúng ta không liên kết được với thái tử. Để nắm lấy cơ may và trong tương lai gần, tôi yêu cầu ông phải đưa thái tử lên ngôi vị nguyên thủ quốc gia. Đồng chí Pol Pot sẽ làm thủ tướng kiêm bộ trưởng quốc phòng và tư lệnh tối cao”. Nếu đảng Cộng sản Kampuchia đồng ý với đề nghị đó thì Trung Hoa sẽ “giúp một tay”. Đặng gay gắt đưa ra một cái giá. Ông ta khuyến cáo Sary phải thay đổi giọng điệu tuyên truyền. “Lúc này không nên đặt vai trò đảng lên hàng đầu, nên nhấn mạnh tới chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa quốc gia và dân chủ”.

Đặng thông báo cho Sary biết Trung Hoa dành một số tiền 5 triệu đồng cho Kampuchia. Khi tiền này hết, sẽ được bổ sung thêm. Đặng hỏi: “Làm thế nào để chuyển số tiền này đi? Qua ngã Bangkok? Qua ngã Kriengsak? Qua ngân hàng Thái lan?” Y đề nghị: “Chúng tôi muốn đưa vào trương mục của tòa đại sứ Trung Hoa ở Bangkok”. (50)

Ngày 13 tháng Giêng, trong cuộc họp mấy giờ đồng hồ giữa Đặng và Ieng Sary, hai nhà chiến lược hàng đầu của Trung Hoa - ủy viên bộ chính trị Geng Biao và thứ trưởng ngoại giao Hàn Niệm Long, vội vàng tới phi trường Bắc Kinh để đáp máy bay Boeing 707 của hãng hàng

không quốc gia (CAAC) với một sứ mạng bí mật. Chuyến bay được sắp đặt vội vàng này nhằm đưa Geng và Hàn cùng vài thành viên cao cấp của bộ Tổng tham mưu quân đội Nhân dân Trung Hoa đi Utapao. Thủ tướng Thái lan Kriengsak tới phi trường này đón khách. Ngày 14 tháng Tư có cuộc họp lâu dài giữa hai bên để điều hòa hợp tác Hoa-Thái về cuộc chiến ở Kampuchia. Bao nhiêu nước trên sông Mêkông đã “chảy qua cầu” từ khi Đặng đưa ra ý kiến hợp tác của Trung Hoa để nâng đỡ Khmer Đỏ. Trong khi vẫn duy trì thế đứng trung lập, Kriengsak bây giờ sẵn sàng hợp tác với Bắc Kinh. Về sau, theo một viên chức cao cấp của Thái tiết lộ, trong cuộc họp bí mật giữa Trung Hoa và các nhà lãnh đạo quân sự Thái, những điều căn bản về hợp tác Hoa-Thái được sắp đặt.(51) Sau một ngày họp, quan chức Trung Hoa bay về lại Bắc Kinh cùng với Sun Hao, đại sứ Trung Hoa tại Phnom Pênh mới đi tản ra khỏi Kampuchia và một trong những thỏa ước quan trọng nhất đã được thông qua. Kriengsak đồng ý cho xử dụng lãnh thổ Thái lan để tiếp tế cho Khmer Đỏ, giúp vận chuyển và phương tiện di chuyển cho người và hàng tiếp liệu Khmer Đỏ, giúp đỡ các lãnh tụ Khmer Đỏ dùng ngõ Thái-Lan để tiếp xúc với thế giới bên ngoài. Điều đó cho thấy có bước mở đầu quan hệ chiến lược của Bắc Kinh ở Đông Nam Á thời kỳ hậu-Việt Nam. Hai tàu chở hàng đầy vũ khí tới Kampuchia khi Phnom Pênh thất thủ nay được lệnh tới cảng Thái Lan ở gần Kampuchia. Máy bay Trung Hoa cũng thực hiện những chuyến bay bí mật chở tiếp liệu khẩn cấp tới căn cứ không quân cũ của Mỹ ở Takhli. (Thái Lan)

Ngày 16 tháng Giêng, hai ngày sau khi có cuộc họp Thái-Hoa, đài phát thanh Kamphuchia Dân chủ ngưng phát thanh từ ngày 7 tháng Giêng, bây giờ lại lên tiếng cùng với những giọng nói cũ, đòi hỏi cũ về cuộc đấu tranh không khoan nhượng chống Việt Nam xâm lược. Theo tình báo Hoa Kỳ ghi nhận, có điều khác là làn sóng điện đài bá âm này phát đi qua trạm chuyển tiếp trong nội địa Trung Hoa.

Trong khi những công việc cơ bản được đặt ở Thái lan để hỗ trợ cho phong trào chiến tranh du kích chống Việt Nam -Đúng như đường lối Đặng đã vạch ra trong chuyến đi thăm Thái Lan của ông hai tháng trước đó -Trung Hoa bắt đầu chuyển đại quân, thiết giáp và không quân gần tới biên giới Việt Nam hơn. Trong chuyến đi Thái Lan, cố gắng của Geng Biao thực ra là hoan nghênh Kriengsak trong vai trò mới, vai trò liên kết với Khmer Đỏ để trừng phạt Việt Nam trong tương lai. Ông này nói với nhà lãnh đạo Thái: “Không chỉ đơn giản là đe dọa mà Trung Hoa gọi quân tới Quảng Đông và Vân Nam, chúng tôi dự đoán mọi phản ứng”. (53)

## Brzexinski thắng một trận ở Hoa Thanh Đồn

Công bố việc quan hệ bình thường với Hoa Kỳ và đã kích quan hệ Đài Loan- Hoa Thanh Đồn, giờ đây có thể làm cho Trung Hoa chuyển nhiều sư đoàn từ các tỉnh ở eo biển Đài Loan tới biên giới Hoa-Việt hay Nga-Hoa. Cuối tháng Giêng, vài trong số 17 sư đoàn quân đội thường trực, tức là vào khoảng 225 ngàn người được tập trung ở vùng biên giới gần Việt Nam. Bảy trăm máy bay oanh kích và ném bom -đơn vị thứ năm của không quân Trung Hoa cũng được chuyển xuống những phi trường gần Việt Nam. Ngày 19 tháng Giêng, tình báo Mỹ gửi một “giác thư khẩn cấp” cho cấp lãnh đạo tối cao về các hoạt động quân sự Trung Hoa. Một vài viên chức, đặc biệt ở bộ Ngoại Giao, hết sức quan tâm tới các hoạt động quân sự có tính cách chuẩn bị này để thực hiện một cuộc tấn công ngay trước ngày Đặng Tiểu Bình sang thăm Hoa Kỳ. Don Oberdorfer, một nhà ngoại giao Mỹ có vẻ giao động vì sự kiện này, nói với phái viên đặc trách vấn đề ngoại giao của tờ Washington Post: “Tôi không rõ ông ta (Đặng) đang muốn lôi kéo gì đây. Ông ta muốn dứt đầu vào cuộc tấn công, ít ra cũng một chút hương thơm của cuộc xung đột”.(54) Richard Holbrooke, trước chuyến viếng thăm của Đặng, trong vòng một tuần lễ, hai lần triệu đại sứ Trung Hoa, Chai Zemin, ở Hoa Thanh Đồn tới, lưu ý ông ta rằng việc tấn công Việt

Nam trong khi Đặng đang viếng thăm Hoa Kỳ sẽ gây nhiều khó khăn cho chính phủ Hoa Kỳ. (55)

Trung Hoa bắt buộc, không phải vì họ không muốn gây phiền phức cho Hoa Thạnh Đôn, nhưng vì họ đã tính toán thời gian cho cuộc tấn công Việt Nam vào lúc đã định sẵn rồi. Hồi tháng Ba/1979, một viên chức Trung Hoa nói với tôi: “Khi phó Chủ tịch Đặng đi Hoa Thạnh Đôn, chúng tôi đã tính toán thời điểm cho cuộc tấn công. Không phải phó Chủ tịch đi Mỹ để Mỹ đồng ý, chỉ là một sự ủng hộ về tinh thần thôi.” Cuối cùng, Trung Hoa gạt hái được nhiều hơn thế. Lịch sử có tính cách mai mỉa: Trung Hoa tấn công Việt Nam với sự ủng hộ dè dặt của Hoa Kỳ. Nhiều người băn khoăn nhớ rằng một trong những lời biện minh việc Hoa Kỳ can thiệp vào Việt Nam là ngăn chặn “Trung Hoa bành trướng” và cái biểu hiệu của MACV (U.S. Military Assistance Command in Vietnam) là thanh gươm Mỹ đâm thủng “Vạn Lý Trường Thành” -biểu tượng của nước Tàu.

Đặng trực tiếp đưa ra nhiều đòi hỏi trong chuyến đi Hoa Kỳ của ông. Ông ta muốn được ủng hộ và thông cảm về kế hoạch tấn công Việt Nam CS, ảnh hưởng tới quyền lợi của Mạc Tư Khoa và Hà Nội, và gây ấn tượng cho những phần tử còn lưỡng lự trong đảng Cộng sản Trung Hoa. Ngày 28 tháng Giêng, ngay đêm đầu tiên khi Đặng tới Hoa Thạnh Đôn, ông ta nói với Brzezinski rằng ông ta muốn họp riêng với tổng thống Carter để thảo luận vấn đề Việt Nam. Ngày hôm sau, tại cuộc hội kiến đầu tiên ở tòa Bạch ốc, Đặng lưu ý tổng thống Carter “Cả hai nước Trung Hoa và Hoa Kỳ đã tiếp xúc lâu dài và không ưa thích gì Việt Nam CS”. Buổi tối, lúc gần tới giờ nhập tiệc, ông ta lại muốn gặp riêng tổng thống Carter để thảo luận vấn đề hai bên cùng tin tưởng. Carter rời phòng họp và trở về phòng Bầu dục cùng với Mondale, Vance, Harold Brown và Brzezinski để nghe Đặng phác họa kế hoạch tấn công Việt Nam. Phì phà điều thuốc là hiệu Panda, Đặng tuyên bố rằng Trung Hoa phải phá vỡ chiến lược của Liên Xô. “Chúng ta xem việc ấy là cần thiết để ngăn chặn tham vọng điên cuồng của họ đối với Việt Nam và cho họ một bài học hạn chế thích đáng”. Đặng bảo đảm rằng cuộc tấn công hạn chế cả về mặt thời gian và không gian. Điều ông ta yêu cầu là Hoa Kỳ “ủng hộ tinh thần” đối với quốc tế. (56)

Cùng với việc Đặng đề nghị một thỏa hiệp chống Moscow và tìm được sự hỗ trợ của Mỹ đối với việc tấn công Việt Nam của Đặng, sự đấu đá nhau giữa Brzezinski và Vance đạt tới một đỉnh cao mới. Ngay trước cuộc viếng thăm của Đặng, Vance tuyên bố chính sách của Mỹ đối với Mạc tư khoa và Bắc Kinh “sẽ được cân bằng và không thiên lệch bên nào”. (57)

Để tránh lên tiếng cùng với Trung Hoa chống lại “chính sách bành trướng”, bộ Ngoại giao cố gắng không đưa ra một bản thông cáo chung nào. Nhưng Brzezinski lại thắng điểm trước Vance thêm một lần nữa. Không những Carter từ khước những cố gắng này, mà còn căn cứ trên lời đề nghị của Brzezinski, bác bỏ lời phát biểu chung về việc giữ cân bằng giữa hai nước và về hai bản công bố trước giữa Trung Hoa và Hoa Kỳ mà mối quan hệ giữa hai bên là “không liên hệ trực tiếp gì đối với nước khác” Ngay trước cuộc họp của Đặng và Carter, Brzezinski làm dịu sự chống đối của Carter về ý định của Trung Hoa trừng phạt Việt Nam. Sau này ông ta viết: “Tôi e ngại tổng thống sẽ bị Vance thuyết phục nhằm tạo áp lực tối đa đối với Trung Hoa đừng dùng vũ lực, bởi vì việc này không chỉ là một sự thuyết phục đơn giản vì Hoa Kỳ đã có lúc bị Trung Hoa cho là con cọp giấy.” (58) Tuy nhiên, điều cần thiết hơn là phải chứng tỏ cho thấy nước Mỹ là hùng mạnh (macho). Trong chính ngôn ngữ của Brzezinski, ông ta và vài người bạn của ông, những người liên hệ một cách kín đáo tới những cuộc thảo luận diễn ra trước khi Trung Hoa cố đạt được việc cho Việt Nam một “bài học”... cảm nhận được lợi ích nữa.” (59)

## Sự chói sáng của một quyền lực còn non nớt

Đối với Carter và Brzezinski, cả hai đều bị gây ấn tượng sâu sắc do một lãnh tụ cứng rắn của một quốc gia thù địch cũ đang kiêu hãnh về việc dạy cho Việt Nam một “bài học”. (60) Đối với Brzezinski, lời trình bày của Đặng về kế hoạch tấn công Việt Nam “chứng tỏ là điều xúc động nhất về một quyền lực chính trị còn non nớt.” mà ông ta chưa bao giờ gặp phải trong bốn năm làm việc tại tòa Bạch Ốc. Sau này ông ta viết: “Tôi kín đáo muốn việc Đặng thích thú dùng quyền lực sẽ loại trừ được những quyết định chính của những người hoạch định chính sách Mỹ”. (61) Có thể nói rõ ra rằng một trong những người hoạch định chính sách, theo ông ta nghĩ là Vance. Ông này không chấp nhận việc Trung Hoa cho Việt Nam một “bài học” và ông là người hết sức quan tâm đến việc Hoa Thanh Đón đón tiếp Đặng sẽ làm cho Mạc Tư Khoa kết thúc liên minh Hoa-Mỹ. (62) Nhưng Carter từ chối những điều ông ta coi là sự “tán dương” của Vance tiến tới quan hệ với Trung Hoa. (63)

Điều này có nghĩa là Đặng thu gặt được hết điều ông ta muốn. Đặng công khai tố giác Liên xô, chất vấn về sự hữu ích của thỏa hiệp SALT II mà Hoa Kỳ đã kiên trì lâu dài để đạt được thỏa hiệp này với Liên Xô, và đưa ra những lời đe dọa Việt Nam. Carter, là người chủ, sung sướng và lịch sự, chẳng cần gì làm ngược lại hoặc ngay cả tự ông ta tự tìm cách lánh xa những lời phát biểu của Trung Hoa. Trong buổi họp hạn chế với Đặng hôm 29 tháng Giêng, Carter tỏ ra không nhiệt tình lắm, làm cho nhà lãnh tụ Trung Hoa cảm thấy chán nản. Nhưng ông ta không bao giờ nói bóng gió rằng hành động trù liệu của Trung Hoa sẽ có ảnh hưởng đến quan hệ Hoa-Mỹ. Ông ta chẳng hỏi tới phần kết thúc mà chỉ là hỏi tới phương cách mà thôi. Carter cho rằng Việt Nam càng ngày càng bị cô lập trên trường quốc tế vì xâm lăng Kampuchia và nếu như Trung Hoa chống lại Việt Nam thì sẽ được thế giới ủng hộ. Tuy nhiên, thấy Đặng không lay chuyển quyết định trừng phạt Việt Nam, Carter đề nghị họp thêm một lần nữa. Buổi sáng ngày 30 tháng Giêng, họ lại họp với nhau trong Phòng Bầu dục, chỉ có một thông dịch viên có mặt. Lúc đó, Carter có một hành động hơi lạ. Ông ta đọc to rồi trao cho Đặng một bản viết tay một lá thư tóm tắt ý kiến của ông làm cho Đặng nhụt lòng xâm lăng Việt Nam. Mục đích tuồng như là nói hết ý kiến chống đối của ông ta trong khi ông ta nghĩ rằng Đặng chẳng chú tâm gì tới. Carter viết: “Điều khích động nhất là quyết định đã có rồi. Việt Nam sẽ bị trừng phạt.” (64)

Nội dung của bức thư không được tiết lộ nhưng về sau Brzezinski có trình bày việc viết lá thư ấy là hành động đúng vì, như ông ta nói là ngay thật, “chúng ta không thể thông đồng một cách chính thức với Trung Hoa bằng cách hỗ trợ cho điều mà chẳng khác gì là công khai mở ra một cuộc tấn công quân sự. Đồng thời, lá thư cũng không đặt Hoa Kỳ vào thế kẹt về sau khi có nhiều áp lực lên án Trung Hoa tại diễn đàn Liên Hợp Quốc.”

Dù sao, sự Trung Hoa sẽ chộp lấy những phản kháng hình thức này một cách nghiêm trọng, trong cuộc họp riêng với ngoại trưởng Hoàng Hoa của Trung Hoa cùng ngày hôm đó, Brzezinski nói chỉ có một điều Hoa Kỳ lo âu thực sự là khả năng phản ứng của Liên Xô đối với hành động quân sự của Trung Hoa. Ông ta cố “khuyến khích Trung Hoa tập trung vào hành động quân sự mau lẹ và cương quyết và không kéo dài.” -Điều này Đặng đã trình bày với Carter. Trong hồi ký của Brzezinski, ông ta viết: “Với hành động thân hữu đặc biệt, tôi tới bãi đáp trực thăng gần đài kỷ niệm Washington để chào từ biệt riêng với Đặng. Tôi muốn nhấn mạnh đến sự ủng hộ của tổng thống và Đặng tỏ dấu hiệu làm cho tôi rất vui lòng”. Nếu Carter thực sự muốn làm nãn lòng Trung Hoa trong việc họ muốn tấn công Việt Nam, thì Brzezinski lại không làm theo ý chủ bằng cách nhấn mạnh đến tính cách biểu trưng trong hành động của tổng thống. Thực ra, phân vân giữa xu hướng hòa bình của người công giáo và sự thôi thúc làm thế nào để được tiếng là một tổng thống có ý chí mạnh mẽ, Carter đã chọn con đường thoát ra nhẹ nhàng - một sự chống đối có tính cách hình thức và một cái nháy mắt ra dấu. Trong khi nôn nóng chờ đợi cuộc tấn công của Trung Hoa xảy ra 16 ngày sau đó, Washington hành động như một cái mồi che Liên Xô trả thù bằng cách thúc ép sự trì hoãn của Liên Xô, đặt quan hệ tốt đẹp với Liên Xô bằng cách ký thỏa hiệp SALT II. (65)

Nếu Carter và Brzezinski bỏ qua vài cảm nghĩ chống việc Trung Hoa xâm lăng Việt Nam thì một nhà lãnh tụ quốc hội lại thẳng thắn ủng hộ Đặng. Trong buổi họp ở điện Capitol, chủ tịch Hạ viện Tip O'neil nói với Đặng nếu hành động phiêu lưu của Việt Nam không bị ngăn chặn thì có thể có thế giới chiến tranh thứ ba. Ông ta nhắc lại hồi Nhật tấn công Mãn châu năm 1931, cả thế giới chẳng làm gì hết, rồi cả thế giới thấy mình đang ở giữa cuộc thế giới chiến tranh thứ hai. Đặng thực hiện một bước lùi bằng một sự căng thẳng tương tự nào đó nhưng ông ta nói với Chủ tịch Hạ viện tình hình Việt Nam hoàn toàn không phải như vậy. Tuy nhiên, cần thiết phải “dạy cho Việt Nam một bài học.” (66)

Sau các cuộc họp với các lãnh tụ hành pháp và lập pháp, Đặng họp báo ở Washington, tuyên bố: “Chúng tôi coi Việt Nam như một Cu-ba ở phương Đông. Nếu quý vị không dạy cho chúng một bài học cần thiết thì chúng sẽ gia tăng khiêu khích... Nhưng nếu trừng phạt, chúng ta còn phải chờ xem. Tôi có thể nói hai điều: một là người Trung Hoa chúng tôi nói là làm. Thứ hai, chúng tôi có hành động táo bạo.”

## Một thông điệp cho Mạc tư khoa

Đặng hết sức thành thật, nôn nóng trong việc lập quan hệ ngoại giao với Hoa Kỳ, Những cuộc họp riêng và những lời phát biểu công khai đã được tính toán từng bước hết sức cẩn thận theo đúng kế hoạch của Trung Hoa tấn công Việt Nam. Không giống Việt Nam, -họ tìm cách che dấu yếu tố bất ngờ bằng cách chối rằng họ không có ý định tấn công Kampuchia-, Trung Hoa thì thuyết phục một cách khéo léo rằng việc tấn công tùy thuộc vào diễn tiến tình hình. Bằng những bức điện có tính cách lôi kéo sự quan tâm của những nước khác, Trung Hoa cố tạo ra một bầu không khí thông cảm và đồng lòng, về một cuộc chiến tranh có tính cách giáo dục Việt Nam. Trên đường từ Hoa Kỳ về, Đặng ngừng lại ở Đông Kinh. Ông ta vẽ ra những nét khái quát cho các nhà lãnh đạo Nhật Bản về kế hoạch tấn công Việt Nam cũng như sự tính toán của Trung Hoa về tính cách giới hạn khả năng phản ứng của Liên Xô. Ông ta cũng nói cho họ biết việc Trung Hoa thông báo cho tổng thống Jimmy Carter Trung Hoa đã có kế hoạch trừng phạt Việt Nam. (68)

Sự tiết lộ và thiếu phản ứng công khai của Hoa Thạnh Đốn đối với những lời đe dọa của Trung Hoa đã làm gia tăng ngờ vực của người Nhật về liên minh Hoa-Mỹ. Mặc dù trong tư tưởng, họ chống đối, nhưng một cách khác biệt với Mỹ, họ chỉ biểu lộ sự bất đồng một cách dịu dàng mà thôi.” (69)

Ngày 9 tháng Hai, một ngày sau khi Đặng từ Đông Kinh về, ủy ban Trung ương đảng Cộng sản Trung Hoa họp ba ngày, do Đặng chủ tọa, để thực hiện quyết định cuối cùng. Đặng nói với ủy ban về thái độ thuận lợi của các nước phương Tây cũng như các nước trong khối ASEAN. Có điều cần xem xét kỹ lưỡng là có thể Liên Xô có phản ứng.

Theo ông ta thì có ba điều: Mạc Tư Khoa sẽ lên án bằng miệng, hoặc mở ra các cuộc tấn công trừng phạt giới hạn dọc theo biên giới Nga-Hoa, hoặc mở ra một cuộc tấn công toàn bộ. Ông ta cho rằng điều tiên liệu thứ ba nói trên khó có thể xảy ra và có khả năng nhứt là điều tiên liệu thứ nhứt. Ông ta nói Trung Hoa chuẩn bị đối đầu với điều có thể xảy ra như trong dự đoán số hai. (70)

Mai mĩa thay, điều Đặng tin Liên Xô không có phản ứng là dựa trên việc Liên Xô bị ràng buộc vào thỏa hiệp SALT II -chính cái thỏa hiệp mà ông ta từng lên án. Dự đoán của Đặng (sau này chứng tỏ là đúng), là Liên Xô thấy quá lợi ích trong thỏa hiệp SALT II nên không muốn liên hệ vào các vấn đề thù địch khác. Hoa Kỳ cũng hy vọng gây áp lực với Mạc Tư Khoa để khỏi gây ra nguy cơ vũ trang giới hạn vì thỏa hiệp SALT bằng cách thực hiện một hành động quân sự

chống lại Trung Hoa. Đặng nói với cả Mỹ lẫn Nhật cuộc xâm lược có giới hạn và không kéo dài quá 20 ngày, và có lẽ ông ta hy vọng sẽ có sự trấn an điện Cẩm Linh. (71)

Tuy nhiên, Bắc Kinh không chỉ dựa vào Mỹ và Nhật. Ngày 12 tháng Hai, một nhà ngoại giao Pháp còn trẻ ở Manila ngạc nhiên vì được Xiao Fei gọi tới. Ông này là một đồng sự, mời dự một tiệc rượu với người quen. Ông ta vội tham dự cuộc họp mặt. Buổi tiệc đơn giản chiều hôm đó được tổ chức ngay trong văn phòng tòa đại sứ Pháp. Xiao hỏn hển tuyên bố lý do cuộc họp mặt. Ông ta nghiêm nghị nói rằng Trung Hoa đã tới cùng kẻ và sẽ trừng phạt Việt Nam trong một thời gian ngắn tới đây. Ông ta trấn an: “Giống như cuộc trừng phạt của chúng tôi với Ấn Độ hồi năm 1962, cuộc tấn công cũng giới hạn trong cả hai mặt không gian và thời gian.” Nhà ngoại giao Pháp hỏi Liên Xô có đồng ý không? Xiao trả lời một cách tin tưởng: “Họ bảo đảm rằng họ sẽ không can thiệp.” Nhà ngoại giao Pháp ngạc nhiên sự tiết lộ kỳ dị về cuộc chiến tranh sắp xảy ra và đánh điện về cho Quai D'Osay. Do lộn xộn thường có trong công việc thư lại, bức điện ngày 12 tháng Hai của nhà ngoại giao trẻ người Pháp thông báo về cuộc xâm lược của Trung Hoa chỉ về tới Paris sau khi cuộc chiến tranh đã xảy ra được một ngày. (72)

Do đó, Paris không có cơ hội để thông báo cho Hà Nội cũng như thăm dò phản ứng của Liên Xô đối với lời tuyên bố của Trung Hoa, nhưng người ta thấy an toàn vì biết có sự hạn chế của cuộc chiến này và Liên xô cũng nắm được điều đó trước buổi sáng ngày 17 tháng Hai, khi hàng trăm trọng pháo bắn nát vùng biên giới Việt Nam.

Buổi sáng ngày 16 tháng Hai, giờ Hoa Thạnh Đốn, đúng 6 tiếng đồng hồ trước khi trận chiến nổ ra, đại sứ Trung Hoa tại Hoa Kỳ, Chai Zemin chuyển tới tòa Bạch Ốc một bức điện thông báo việc Trung Hoa bắt đầu “tự bảo vệ” chống lại Việt Nam. Bắc Kinh chọn đúng thời điểm. Bộ trưởng ngoại giao Ấn Độ Atal Behari Vajpayee đang viếng thăm Trung Hoa sau mười năm quan hệ hai bên “băng giá” tiếp sau cuộc chiến hồi 1962. Một ít người, chắc chắn không có Việt Nam trong đó- nghĩ rằng Trung Hoa làm hỏng quan hệ mới trở lại này bằng cách tấn công một nước bạn của Ấn Độ trong khi Vajpayee đang thăm viếng Trung Hoa. Thực ra, Hà Nội hết sức tin tưởng, ngày 16 tháng Hai, thủ tướng Phạm Văn Đồng có đại tướng Văn Tiến Dũng, tham mưu trưởng và các nhà lãnh đạo cao cấp khác rời Hà Nội đi Phnom Pênh trong cuộc thăm viếng bốn ngày để thắt chặt quan hệ với một quốc gia mới thành lập. (73)

## Vũ khí mới, Chiến tranh cũ

Trước bình minh sáng thứ bảy ngày 17 tháng Hai, khi màn sương dày còn bao phủ những ngọn đồi trên biên giới Hoa-Việt, quân đội Nhân dân Trung Hoa mở đầu cơn giận dữ điên cuồng. Mức độ tấn công lúc bây giờ khác hẳn với trận đánh năm 1788 trước kia, khi hoàng đế Mãn Châu Ch'ien Lung gửi các đơn vị kỵ và bộ binh viễn chinh để đưa một người ông ta đã chọn lên làm vua ở Hà Nội. Hàng trăm đại bác 130ly, đại bác tầm xa 122ly, các dàn phóng hỏa tiễn đa năng đổ lửa xuống biên giới Việt Nam với mức độ một giây một quả. Sau này, một nhà báo Mỹ đi thăm vùng biên giới thuật lại: “Mức độ pháo dày đặc, tiếng nổ rền như tiếng bom B-52.” Rồi ông ta nói thêm: “Ít ra thì cũng như tiếng đập nước chảy kéo dài trong 20 phút hơn là chỉ kéo dài một phút hay ít hơn như khi máy bay Mỹ bỏ bom.” (74)

Rồi như nước lũ tràn qua đập, 85 ngàn binh lính Trung Hoa, có xe thiết giáp yểm trợ, tràn qua Việt Nam tại 26 địa điểm dọc theo biên giới. Trong khi sức tấn công chính thì thu hẹp vào 5 cửa ải dẫn tới các thành phố lớn, lực lượng quân xâm lược mở rộng mạng lưới tiêu diệt hết các đồn bót Việt Nam. Với chiến thuật “biên người” quân Trung Hoa xử dụng trong chiến tranh Cao Ly, hàng ngàn binh sĩ cố gắng đánh bật quân du kích và cảnh biên trên những ngọn đồi và vực sâu. Như sau này Bắc Kinh thừa nhận, chiến thuật đó cho thấy là một tai họa. Trung Hoa không tiên liệu được cái bẫy sập do Việt nam đưa ra bằng hệ thống hầm hố và công sự chằng chịt xây

dựng trên vùng biên giới. Chỉ trong vòng ba ngày đầu, Trung Hoa chịu thiệt hại nặng, số thương vong rất cao vì hệ thống súng máy bắn ra từ các công sự chiến đấu và mìn bẫy.

Bắc Kinh xác nhận sự thất bại bằng việc thay thế tướng Xu Shiyou, chỉ huy cuộc tấn công bằng một vị tướng trẻ hơn, Dương Đắc Chí (Yang Dezhi), biệt danh là “tướng luôn luôn chiến thắng” vì những chiến công của ông trong chiến tranh Cao Ly. Ông ta bỏ ngay chiến thuật biển người và ra lệnh gia tăng các cuộc tấn công có pháo binh và xe tăng yểm trợ. Trong mười ngày chiến đấu, các đạo quân có xe tăng yểm trợ từ từ tiến sâu vào nội địa khoảng 20 hay 30 dặm, và sau nhiều trận đánh dữ dội họ chiếm được các thành phố lớn như Lai Châu, Lao Cai, Hà Giang và Cao Bằng. Với chiến thuật tiền pháo, hậu xung (tấn công có xe tăng yểm trợ), ngày 27 tháng Hai, Trung Hoa bắt đầu tấn công Lạng Sơn -thành phố lớn độc nhất còn lại trên vùng biên giới. Đây là trận đánh gay go nhất trong toàn bộ chiến dịch. Sau khi chiếm các cao điểm chung quanh thành phố buồn bã do Pháp xây dựng này, quân Trung Hoa phải đánh chiếm từng căn nhà một, từng công sự một để đánh bật quân phòng ngự. Tới 2 giờ 40 chiều ngày 5 tháng Ba, Trung Hoa hoàn toàn chiếm đóng thành phố Lạng Sơn và mở ra con đường tiến xuống đồng bằng sông Hồng Hà. Thành phố hoàn toàn sụp đổ, rải rác đây xác đồng chí mà nay đã biến thành kẻ thù. Trong vòng mấy tiếng đồng hồ, Bắc Kinh tuyên bố quân tiền đạo của họ đã chiếm được các mục tiêu. Cùng ngày hôm đó, họ bắt đầu rút quân khỏi vùng họ chiếm đóng.

Cuộc “chiến tranh giáo hóa” kéo dài 16 ngày để lại một đường cắt dài bằng sự tàn phá của họ dọc theo biên giới Hoa-Việt. Mãi mai là vùng này, trước kia, trong chiến tranh, các cuộc ném bom của Hoa Kỳ dành riêng, không đụng tới. Vì sợ đụng tới lãnh thổ Trung Hoa mà không báo trước, Hoa Kỳ không oanh tạc các thành phố biên giới, coi như là vùng ngoại ô của Hà Nội, nơi có nhiều tòa lâu đài bằng gạch được xây dựng. Ngày nay, trên đường tấn công của Trung Hoa, mọi thứ thành bình địa. Không giống như Lạng Sơn, nơi bị chiến cuộc tàn phá, còn các thành phố khác là những mục tiêu bị phá hủy một cách có hệ thống. Vài tháng sau chiến cuộc, trong một chuyến đi Cao Bằng, tôi xúc động vì công binh Trung Hoa phá sập tất cả những gì có thể đứng vững -từ những tòa nhà công cộng cho đến bưu điện, trường học. Những ngọn đồi thoai thoải xanh tươi, một thời là nơi Hồ Chí Minh họp bàn với bạn hữu Trung Hoa, đứng lặng câm trong cảnh hoang tàn. Mái bị tróc, những thanh sắt đưa lên trời, ngôi chợ trung ương đứng chơ vơ như bộ xương dưới khung trời vắng. Một bồn sắt cong queo, các miếng bình ôxygen, và các bánh lăn nằm hỗn độn trên nền xi măng cho biết rằng nơi đây trước kia là một bệnh viện. Cây cầu sắt ở ngoài thành phố một đầu dựa chênh vênh trên móng, đầu kia đổ sập xuống nước. Chẳng có dấu hiệu nào có đánh nhau trong thành phố. Ấn tượng đó xác minh thêm lời tuyên bố của một đại tá Việt Nam, cho biết việc phá hủy xảy ra hôm 10 tháng Ba -5 ngày sau khi Trung Hoa tuyên bố rút quân. Ông ta nói Trung Hoa không phá hủy thành phố vào lúc đầu, sau khi họ chiếm thành phố với lý do là Trung Hoa hy vọng họ sẽ dùng vùng đất chiếm được để mặc cả với việc Việt Nam phải rút quân khỏi Kampuchia.

## Một cái nháy mắt của Hoa Thạnh Đôn

Mục đích của Trung Hoa là gì? Mục đích của Bắc Kinh tưởng như có sự thay đổi sau tháng Bảy/1978, khi lần đầu tiên Bộ Chính trị trù liệu việc dạy cho Việt Nam “một bài học”. Trong khi ý định trừng phạt Việt Nam “vô ơn” và là một anh “học trò bất trị” bằng cách đánh mạnh vào Việt Nam và buộc họ phải suy nghĩ lại chính sách của họ vẫn còn là một mục tiêu chính, tình hình thế giới có liên hệ tới vấn đề này đã làm cho Trung Hoa tăng cường mục tiêu. Việc Việt Nam liên minh với Liên Xô và xâm lược Kampuchia loại trừ cuộc so găng với một Trung Hoa vượt trội trong khu vực châu Á. Mất mặt vì chế độ Pol Pốt sụp đổ, và bị Mạc Tư Khoa đe dọa bao vây có thể làm suy yếu quyền lực Trung Hoa. Để một phần tư triệu người để

chống Việt Nam, đánh đổ cái gọi là “huyền thoại Việt Nam là một nước vô địch” như Đặng đã từng tuyên bố, là nhằm làm mờ nhạt niềm tự hào và bảo tồn tiếng tăm tin cậy nơi Trung Hoa và cũng là buộc Việt Nam phải rút vài đơn vị ra khỏi Kampuchia. Đó cũng là một bài học cho toàn thể thế giới Tây phương mà họ từng coi Trung Hoa như một con bệnh tê liệt khi phải đối đầu với Liên Xô đang theo đuổi chủ nghĩa phiêu lưu. Đặng tuyên bố với một nhà báo trong khi cuộc xâm lăng của Trung Hoa đang diễn ra: “Chúng tôi không tha thứ cho một Cu-Ba phách lối một cách hoang tàng ở Phi châu, ở Trung Đông hay các khu vực khác, chúng tôi cũng không thể nào tha thứ cho một Cu-Ba ở phương Đông (tức Việt Nam) phách lối ở Lào, ở Kampuchia hay trên vùng biên giới (Hoa-Việt). Hiện giờ, một vài nơi trên thế giới sợ không dám đụng đến chúng, ngay cả khi chúng làm điều gì đó kinh khủng. Những nước này không dám có hành động nào chống lại chúng.” (75)

“Giải phóng quân Nhật báo” của Trung Hoa còn nói một cách gay gắt hơn: “Cuộc tấn công phòng vệ của chúng tôi là một phương thuốc ngăn ngừa cho những ai mắc chứng sợ hãi Liên Xô. Chiến thắng của chúng tôi là một khích lệ lớn cho các nước Đông Nam Á và cho cả thế giới đối với cuộc đấu tranh toàn bộ chống lại chủ nghĩa bá quyền.” (76)

Tuy nhiên, lời bốt phát của Đặng chống lại chính sách hòa hoãn của phương Tây lại chính là thừa nhận gián tiếp về thất bại của Trung Hoa khi họ muốn kêu gọi ủng hộ cho hành động thô bạo của họ. Nhờ có sự hỗ trợ của Brzezinski đối với hành động này, Hoa Kỳ chỉ là một quốc gia đơn độc ở Tây phương chấp thuận cuộc chiến do Trung Hoa gây ra. Trái ngược với việc lên án trước đây khi Việt Nam xâm lăng Kampuchia là “Một sự đe dọa cho nền hòa bình và ổn định trong khu vực, có thể tạo ra nhiều xung đột nguy hiểm và rộng lớn hơn.” Hoa Kỳ âm thầm đồng ý với việc Trung Hoa lên án Việt Nam xâm lược Kampuchia. Tổng thống Carter tuyên bố: “Trong vài tuần qua, chúng ta thấy Việt Nam xâm lược Kampuchia và như kết quả cho thấy, quân Trung Hoa xâm nhập biên giới Việt Nam.” Phát ngôn nhân Hoa Kỳ kêu gọi Việt Nam tức khắc rút quân khỏi Kampuchia và Trung Hoa rút quân khỏi Việt Nam, một hình thức can thiệp đúng lúc, ám chỉ Hoa Kỳ không phải là mục tiêu của quân đội Trung Hoa ở lại Việt Nam bao lâu quân Việt Nam còn trụ lại Kampuchia. (77)

Brzezinski thành công khi chống lại yêu cầu của Vance đòi tri hoãn chuyến đi Trung Hoa của bộ trưởng ngân khố Michael Blumenthal để bày tỏ sự bất bình của Hoa Kỳ đối với việc Trung Hoa tấn công Việt Nam. Brzezinski viết trong hồi ký một cách kín đáo: “Nhờ sự hỗ trợ của Carter, mối quan hệ mới Hoa-Mỹ đạt được thành công trong lần đầu ra trận”. (78)

Chiến tranh Hoa-Việt tuồng như đánh dấu một bước mới trong việc hợp tác an ninh Hoa-Mỹ sau chuyến thăm của Brzezinski hồi tháng Năm/1978. Những năm sau, vài viên chức Mỹ đi thăm Trung Quốc với tính cách riêng, có nói với tôi trong khi đám mây đen bao trùm biên giới Hoa-Việt trong tuần lễ đầu tiên của cuộc chiến, đã ngăn vệ tinh gián điệp Mỹ không khám phá ra được các cuộc triển khai nhỏ của quân đội Việt Nam. Hoa Thạnh Đốn kín đáo giúp Trung Hoa bằng cách dùng vệ tinh thám sát việc triển khai quân đội Liên Xô dọc biên giới Nga-Hoa và báo cho Trung Hoa biết quân đội Liên Xô ở Tây Bá Lợi Á được đặt trong tình trạng báo động sau khi Trung Hoa mở đầu cuộc chiến Việt Nam”. (79)

## Một bài học cho tất cả

Cuộc tấn công ô ạt của Trung Hoa, chết chóc và tàn phá xảy ra ở Việt Nam và sự bất động của Liên xô chắc chắn tạo thêm lòng tin của Trung Hoa. Thật ra, Liên Xô chỉ chuyển quân dọc biên giới Nga-Hoa để đe dọa và tăng cường viện trợ cho Việt Nam, được Trung Hoa dùng như một bằng cớ để tuyên truyền Liên Xô chỉ là “con gấu Bắc cực làm bằng giấy”. Tuy nhiên, khi Trung Hoa tuyên bố thắng trận và rút quân thì có báo cáo không mấy thuận lợi rằng có ba sự



đoàn quân đội thường trực Việt Nam đang tiến tới Lạng Sơn. Sự thực, Liên Xô nghiêm khắc yêu cầu Trung Hoa chấm dứt cuộc xâm lăng “trước lúc tình hình trở nên quá trễ.” Trước sự việc Trung Hoa rút quân, theo một nhà phân tích thân Trung Hoa thì sự thành công chính của Trung Hoa là ở chỗ phá hoại hết hạ tầng cơ sở quân sự của Việt Nam, các đường giây liên lạc và các tiện nghi xã hội căn bản ở phía Bắc Việt Nam. (80)

Kinh tế Việt Nam đã què quặt và yếu kém, hơn thế nữa, nay phải gánh vác trách nhiệm bảo vệ biên giới phía Bắc để chống lại những cuộc xâm lược sau này của Trung Hoa. Bắc Kinh còn cho rằng đó là điều Hà Nội phải trả vì muốn chống lại Trung Hoa. Tuy nhiên, đối với sự hy sinh của binh lính và dân thường -Trung Hoa tính vào khoảng 2 chục ngàn thương vong, (81) và sự lãng phí tài nguyên, cuộc xâm lăng của Trung Hoa đạt ít thắng lợi.

Nếu Bắc Kinh cho rằng chết chóc và tàn phá là sự trừng phạt Việt Nam thì nó cũng là điều đáng ngạc nhiên vì ngay trước lúc quân Trung Hoa rút lui, Việt Nam thông qua đạo luật tổng động viên, ra lệnh cho toàn quốc phải trở thành những đơn vị chiến đấu. Hà Nội thách thức tuyên bố: “Công cuộc kháng chiến chống lại sự xâm lược của bọn phản động Trung Hoa bắt đầu.”

Rõ ràng Việt Nam chẳng học bài học nào và cũng chẳng ảnh hưởng gì đến cuộc xâm lược Kampuchia của họ. Phạm văn Đồng viếng thăm Kampuchia như không có gì xảy ra. Ông ta ký một thỏa hiệp thân hữu và hợp tác kéo dài 25 năm với Heng Samring, thỏa ước này có tính cách hồi tố, xác định lại việc hiện diện của mấy sư đoàn quân Việt Nam ở Kampuchia. Không thèm rút quân khỏi Kampuchia, các nhà lãnh đạo Việt Nam kiêu căng, chẳng cần gọi quân đội chính qui tới biên giới mà giao nhiệm vụ canh phòng cho quân địa phương và dân quân. Việt Nam mất một số lớn binh lính, có lẽ khoảng mười ngàn cả binh lính và dân sự. (82) Tuy nhiên, bằng cách không đưa quân chính qui ra trận, chia thành từng trận đánh nhỏ để đánh nhau với quân Trung Hoa, Hà Nội đã giành khỏi tay Bắc Kinh cơ hội để đạt được chiến thắng quyết định.

Bài học quan trọng nhất cho cuộc chiến tranh này có lẽ là dành cho ngay chính Trung Hoa. Một bản tường trình đáng tin kết luận rằng Trung Hoa và Việt Nam tổn thất “tương đương nhau, và quân Giải phóng Nhân dân Trung Hoa “không thể đảm đương một cuộc chiến tranh hiện đại.” Những tổn thất nặng nề của họ trong cuộc chiến cũng như sự thất bại về vũ khí và chiến thuật làm cho Trung Hoa thấy rằng họ phải tiến hành gấp việc hiện đại hóa quân đội. (83)

Dù Trung Hoa dạy cho Việt Nam một bài học và Việt Nam có học bài học đó hay không thì đây cũng một một cuộc chiến tranh bất phân thắng bại. Đi thăm Cao Bằng hồi tháng Bảy/1979, tôi thấy một đám dân thường nghèo khó đang vất vả tái tạo cuộc sống của họ giữa cảnh hoang tàn bằng những viên gạch lát đường chưa bị hỏng. Những ngôi chợ một thời đông đúc vì hàng hóa Trung Hoa chuyển qua biên giới thì bây giờ hàng họ ít ỏi, lèo tèo mấy người dân bán những món hàng tái sinh lẻ tẻ. Đi xuyên qua tỉnh Quảng Tây và Vân Nam vào những tháng sau chiến tranh, tôi ngạc nhiên thấy rất đông binh lính quân đội Nhân dân Trung Hoa tật nguyên, mặc quân phục màu xanh lá cây, chống gậy khập khiêng và số đông dân chúng uể oải đi xem triển lãm về “chiến đấu tự vệ thắng lợi” ở Côn Minh. Điều đáng nói nhất là cuộc chiến tranh để giáo hóa của người Trung Hoa lại xảy ra vào lúc có trình diễn văn hóa tại Nam Ninh. Có một viên chức Trung Hoa đi kèm, tôi đi nghe hát và xem nhảy múa của các bộ tộc ít người tại tỉnh Quảng Tây. Mỗi một điệu múa, một bài ca đều được khán giả đông đúc trong hội trường có treo đèn và kết giấy ngũ sắc hoan hô nồng liệt. Họ biểu diễn tồng “Quân đội Nhân dân Trung Hoa anh hùng trừng phạt Việt Nam côn đồ.” Hai người giả làm lính Việt Nam mặc bộ đồ xanh rách rưới, đội cái nón sắt người ta đã bỏ đi, đang đứng trên sân khấu “chôm” đồ ăn rồi họ đánh nhau vì giành một miếng ăn tìm thấy trên đường đi. Họ thoi vào mũi nhau, chùi tay vào quần -rất giống với cách thức của những võ kịch cách mạng trong những ngày “Cách mạng Văn hoá” mô tả những anh lính GI Đệ quốc Mỹ. Bất thần, từ trong sân khấu, nhảy ra một người lính anh hùng của quân đội Nhân dân Trung Hoa ăn mặc quần áo trắng đẹp đẽ. Trong một điệu bộ pha trộn giữa leo giầy, vũ ba-lê và nhu đạo, anh ta lẹ làng đánh gục hai tên Việt Nam côn đồ. Vừa khi màn kéo

xuông, có một sự im lặng khó chịu trong hội trường. Người Tàu dẫn tôi đi nhìn lên trần nhà. Người dân Nam Ninh biết rõ hơn ai hết vì họ thấy hàng ngàn quan tài từ Việt Nam chở về Trung Hoa.

## Đông dương: chiến tranh bao giờ chấm dứt?

---

Tất cả bắt đầu bằng một cái ngoặt tay bí mật với một nhân viên của cơ quan Mật Vụ Hoa Kỳ vào buổi tối ngày thứ Bảy, 13 tháng Giêng năm 1979. Tại cuối buổi họp chót của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc, thái tử Sihanouk có các “đồng sự” Khmer Đỏ mặc đồ đen đi kèm và các nhân viên mật vụ, trên đường trở về nơi cư ngụ của ông ta tại khách sạn Waldorf-Astoria ở Nữ Uớc. Vài người thấy đằng sau những nụ cười, những cái cúi đầu chào lễ phép và sẵn đón Sihanouk là một sự căng thẳng. Trong cầu thang máy đông đúc ở khách sạn, Sihanouk lặng lẽ nắm lấy bàn tay của một nhân viên mật vụ đứng bên cạnh ông ta. Người này hoảng hồn, nghĩ rằng ông hoàng muốn trao cho ông ta cái gì đó, giống như tiền, vào lòng bàn tay. Nhân viên này tính lên tiếng phản đối, nhưng khi nhìn vào đôi mắt khẩn cầu của Sihanouk và cái lắc đầu bí mật,

nhân viên ấy bỏ số “tiền” vào túi. Những người Khmer Đỏ đi kèm Sihanouk tưởng rằng ông ta cho họ tiền thưởng. Sau này họ khám phá ra việc đó không phải như họ nghĩ.

Kể từ khi Sihanouk đến Nữ Ước hôm 9 tháng Giêng đến hôm đó là bốn ngày, ông ta bận bịu vì họp hành, họp báo, phỏng vấn, và diễn văn nhưng ngủ thì rất ít. Giới truyền thông, với rất ít tin tức từ trong Kampuchia chuyển ra, muốn biết thêm chi tiết về những “lò sát sinh”, đã chất vấn Sihanouk là người đại diện cho chế độ giết người. Một mối, xúc động gần như muốn khùng, Sihanouk bực bội vì Việt Nam xâm lược đất nước ông ta. Tuy nhiên, Sihanouk phải bảo vệ trước những lời lên án gay gắt chế độ. Ông ta nói với báo chí: “Pol Pot có thể là người yêu nước. Tuy nhiên, ông ta là anh hàng thịt. Ông ta đối xử với nhân dân trong nước như hàng lao động giống trâu bò và heo trong lò sát sinh.” (1)

Phát biểu trong một buổi họp đặc biệt của Hội Đồng Bảo An Liên Hợp Quốc, Sihanouk đưa ra lời kêu gọi gây xúc động cho cơ quan quốc tế này, đòi trục xuất quân đội Việt Nam ra khỏi Kampuchia. Những lời phát biểu nôn nóng và cá nhân nổi bật của Sihanouk trong Thế giới Thứ Ba lôi kéo được sự đồng lòng và ủng hộ, nhưng không thể tránh bị Liên Xô phủ quyết vì bên vực Việt Nam. Vấn đề ông ta làm đại diện cho chế độ Pol Pot là cái bóng đen bao trùm lên lòng yêu nước, sự chân thật và can đảm của ông. Tại Liên Hợp Quốc, Sihanouk gặp nhiều bạn cũ và nhiều bạn mới. Ông ta tiếp đại sứ Mỹ tại Liên Hợp Andrew Young là người được nhiều người yêu mến, một người đấu tranh mạnh mẽ cho nhân quyền trên khắp thế giới. Sự đối xử giữa họ với nhau là hỗ trợ. Young nghĩ rằng Sihanouk là “con người kỳ lạ”. Ông ta nói: “Một người duy trì được tính đồng nhất và can đảm trước những khó khăn thật sự. Dù sao, ông ta sống còn mà tuồng như tự mình hóa giải cho mình.”

Có lẽ Young không nhận ra chẳng bao lâu sự ngưỡng mộ ông hoàng bị thử nghiệm. Hôm Hội Đồng Bảo An Liên Hợp Quốc chấm dứt buổi họp bằng phiếu phủ quyết của Liên Xô, Sihanouk, dấu không cho ai biết ngoài vợ ông, Monique, đã đưa ra một quyết định nghiêm trọng về việc làm “đại diện cao cấp” cho nước Kampuchia Dân Chủ. Rõ ràng ông đã mất con, mất bà chị dâu và chồng bà khi Khmer Đỏ đuổi dân ra khỏi thành phố. Nói chuyện với các nhà ngoại giao, phóng viên báo chí, các người Khmer yêu nước, ông ta không ngần ngại nói tới những điều to lớn xảy ra ở Kampuchia. Với nỗi phiền muộn riêng và việc lên án chế độ Khmer Đỏ, mà ông là đại diện cho Pol Pot, làm gia tăng thêm sự mất mát cá nhân trầm trọng của ông trong bàn tay sắt máu Khmer Đỏ. Mặc dù đại diện của Trung Hoa ở Liên Hợp Quốc đã tăng bốc và chú ý đến ông ta - “Xin vui lòng đừng nghĩ gì về sự tiêu pha”, ông đại sứ Trung Hoa nói với ông sau khi trao cho ông một phòng ở sang trọng - Mặc dù ông ta có tiếp xúc với báo chí, Sihanouk vẫn là một người tù. Ba cán bộ Khmer Đỏ theo ông từ Phnom Pênh, không những như hình với bóng trong những lúc phải xuất hiện giữa đám đông mà còn chia sẻ đám tùy tùng cùng đi với Sihanouk và vợ ông ta. Nếu điều đó đủ để hạ nhục một bậc “thiên tử” và vị cựu nguyên thủ quốc gia thì ông ta cũng biết được vài tuần nữa, khi Ieng Sary tới Nữ Ước, Sihanouk sẽ bị giáng chức xuống làm phó cho người đại diện nước Kampuchia Dân chủ ở Liên Hợp Quốc. Như sau này Sihanouk thuật lại, đó là cọng rơm cuối cùng. Ông ta quyết định đó là cơ hội đúng nhất để ông trốn tìm tự do.

Buổi tối thứ bảy hôm đó, Andrew Young choáng váng trước những lời Sihanouk viết và trao lén cho nhân viên mật vụ. Trong mảnh giấy nhỏ đó ông hoàng nghịch ngoạc mấy chữ: “Ông thanh tra mền, tôi yêu cầu nhóm ông giúp đỡ để tôi trốn khỏi sự kiểm soát của Khmer Đỏ, họ đang ở với tôi tại khách sạn Waldorft-Astoria. Tôi nay, đúng hai giờ sáng, tôi sẽ lén rời khỏi phòng tôi, chỉ với cái cặp mà thôi. Xin vui lòng đem xe đón tôi tới văn phòng ông Andrew Young, đại sứ thường trực của Hoa Kỳ tại Liên Hợp Quốc. Cám ơn nhiều.” Tờ giấy có mang chữ ký của Sihanouk.”

Young vội vàng báo cho ngoại trưởng Vance và Richard Holbrooke. Ông này triệu tập một buổi họp khẩn cấp với các nhân viên tình báo và an ninh. Theo Holbrooke kể lại: “Chúng tôi tổ chức ngay một cuộc hành quân như trong phim ciné vào lúc nửa đêm.” Nhân viên mật vụ chờ

phía ngoài phòng của ông ta vào giờ thái tử đã chọn. Holbrooke lên phòng chỉ huy ở tầng lầu thứ bảy của bộ Ngoại giao để điều hành kế hoạch, trong khi đó thì Vance ở nhà chờ điện thoại. Sau này, Holbrooke giải thích: “Mọi người hết sức quan tâm vì việc này hết sức nguy hiểm. Chúng tôi sợ ông hoàng bị giết hoặc sau đó Khmer Đỏ hoàn toàn bỏ tù ông ta.”

Trong phòng ở, Sihanouk nôn nóng chờ giờ đã định. Thông thường bọn Khmer Đỏ đi theo ông đi ngủ vào lúc nửa đêm, nhưng tối hôm đó hình như bọn chúng không buồn ngủ. 12 giờ rưỡi khuya ông ta còn nghe tiếng máy chữ kêu lách cách trong căn phòng sát bên. Tới hai giờ sáng thì mọi sự đều lặng im. Ông ta chào từ biệt Monique đang mặt mày xanh mét rồi lặng lẽ lên ra khỏi phòng, gặp bốn nhân viên an ninh Mỹ vạm vỡ trông có vẻ dữ dằn. Trước khi ra đi, ông ta nói với Monique báo cho Khmer Đỏ và người Trung Hoa quyết định của ông rời khỏi đoàn và trả lại cho Khmer Đỏ hai chục ngàn đôla tiền mặt mà họ đã trao cho ông trước ngày rời Phnom Pênh. Các nhân viên an ninh đứng bao quanh ông như cái tháp che. Ông ta bước lên cầu thang máy và đi qua những hành lang ngoằn ngoèo để ra tới đường, ở đó có sẵn xe đưa ông ta tới văn phòng của Young. Toàn bộ sự việc, theo Sihanouk kể lại, giống như trong phim gián điệp.

Sự việc bất ngờ này làm đảo lộn chương trình của Young phải có mặt tại Atlanta ngày 14 tháng Giêng, trong buổi lễ kỷ niệm sinh nhật 50 của Martin Luther King. Tổng thống Carter giải thích với báo chí sự vắng mặt của Young là vì bộ Ngoại giao gọi ông ta lúc 2 giờ rưỡi sáng với một “nhiệm vụ đặc biệt”. Cuối cùng, buổi chiều ngày hôm đó, khi tới Atlanta, ông ta giải thích với báo chí ông ta phải nói chuyện với các đại biểu Trung Hoa “để giải quyết vài khó khăn của người Kampuchia.” (3)

Điều ông ta không nói với báo chí là ông đã dùng thì giờ sáng sớm hôm đó để lo việc đào thoát của Sihanouk rồi sau đó thảo luận việc này với Trung Hoa. Đại sứ Trung Hoa tại Liên Hợp Quốc được triệu tới văn phòng của Young để trực tiếp nghe Sihanouk bày tỏ ý muốn tìm nơi tạm trú chính trị tại Mỹ. Thái tử nói với đại diện Trung Hoa: “Một ngày kia tôi sẽ trở lại Trung Hoa và sống ở đó, nhưng bây giờ thì tôi cảm thấy kiệt sức và bị thương tổn. Tôi muốn tới ngay một bệnh viện ở Nữ Ước để điều trị.”

Sihanouk như củ khoai nóng ở trong tay bộ ngoại giao Hoa Kỳ. Trong khi có rất nhiều người mến chuộng ông hoàng vì những nổi gian truân mà ông đã gánh chịu ở Kampuchia, Vance và Holbrooke lo rằng việc đào thoát của ông ta sẽ làm cho không khí chính trị Kampuchia mất đi thần tượng lãnh đạo và đoàn kết. Một điều phía Mỹ quan tâm là hậu quả băng giá khi thuận cho Sihanouk tị nạn chính trị tại Mỹ, có ảnh hưởng tới quan hệ Hoa-Mỹ vừa mới gầy dựng xong. Chính do đề nghị của người Tàu và họ gánh chịu mọi đài thọ để lôi ông hoàng ra khỏi Phnom Pênh trước khi quân Việt Nam vào thành phố này và đưa ông ta tới Nữ Ước để làm đại diện cho chế độ Pol Pot không được mấy ai tin tưởng. Rõ ràng Bắc Kinh muốn dùng cái dáng vóc quốc tế của ông hoàng để kêu gọi quốc tế chống Việt Nam. Phó thủ tướng Đặng Tiểu Bình đi thăm Hoa Kỳ hai tuần lễ và việc Hoa Kỳ cho Sihanouk quyền tỵ nạn chính trị ngay trước lúc cuộc viếng thăm của Đặng bắt đầu thì điều đó được coi như là lãng nhục Trung Hoa. Roger Sullivan, Holbrooke, phụ tá ngoại trưởng về vấn đề Trung Hoa được đánh thức vào lúc nửa đêm để tới bộ Ngoại giao theo dõi công việc trong Phòng Điều hành. Công việc của họ là báo cho phía Trung Hoa biết. Vào 4 giờ sáng, Holbrooke gọi Han Xu, trưởng văn phòng liên lạc của Trung Hoa ở Hoa Thạnh Đốn, báo cho ông này biết Sihanouk đã bị kiệt sức và được đưa vào bệnh viện. Sullivan thuật lại: “Hàn Xu kinh ngạc, nhưng ông ta lấy lại bình tĩnh, và trả lời một cách hãnh tiến: “Được rồi, nếu ông ta muốn thế thì chúng tôi đồng ý vậy.”

Khi phía chân trời sông Đông (East river) hừng sáng, ông hoàng được đưa vào bệnh viện Lenox Hill trên đại lộ Park. Sáng hôm sau, vợ ông ta, bà hoàng Monique cũng được đưa vào phòng ở tầng số 9 cùng với ông hoàng. Đây là hành động trì hoãn của bộ ngoại giao Mỹ. Họ kết luận nên để ông hoàng sống trong một khung cảnh cách biệt để ông có thì giờ suy nghĩ lại yêu cầu của ông hơn là vội vàng chấp thuận cho ông tỵ nạn chính trị. Một bản thông báo phát hành

nói rằng “vì bị chấn động và kiệt sức” thái tử Sihanouk đã được đưa vào bệnh viện. Phát ngôn nhân bộ ngoại giao của Pháp, Frank Tatu, người này đã sống nhiều năm ở Kampuchia, được phái đi thăm ông hoàng. Tatu trấn an ông hoàng rằng không phải ông ta bị giam. Người ta bảo vệ an ninh cho ông và dành cho ông thì giờ để ông suy nghĩ. Sau đó, Young đến thăm ông hoàng. Cái ý chính của phía Mỹ là: “Nếu ông muốn đi thoát thì ông cứ làm, nhưng tại sao ông không dành chút thì giờ để suy nghĩ lại? Một khi người ta đã đào thoát thì người ta mất đi chính con người mình, mất đi sự hữu dụng của một nhà lãnh đạo chính trị.” Holbrooke thuật lại: “Chúng tôi cũng hỏi ông ta: Ai sẽ hỗ trợ ông? Ông đào thoát ra khỏi cái gì? Ông đào thoát ra khỏi Khmer Đỏ phải không? Ai cũng biết rằng họ đã loại trừ ông. Ông đào thoát ra khỏi đất nước ông mà ông không có cách trở lại bây giờ được phải không?” Ngày 18 tháng Giêng, Vance đích thân tới thăm ông ta tại bệnh viện và nói với ông hoàng rằng ông là “một vị khách của chính phủ Hoa Kỳ và ông ta có thể ở lại đây bao lâu cũng được, nhưng ông ta phải tránh nói tới việc tỵ nạn chính trị.” (5)

Ông hoàng cảm thấy phần chấn khi ông thoát ra khỏi sự kềm tỏa của Khmer Đỏ và lại trở thành một người tự do, nhưng những khó khăn của ông không giống như những nhà lãnh đạo trong Thế giới thứ Ba vì vị cựu vương này chẳng có tiền bạc gì gửi ở các ngân hàng ngoại quốc. Bệnh viện Lenox Hill thấy e ngại khi được Tatu báo cho biết bệnh nhân của họ chẳng có bảo hiểm sức khỏe nào hết, cả bên phía Khmer Đỏ cũng như Trung Hoa -có thể yêu cầu chính phủ Hoa Kỳ trả bệnh phí 15 ngàn đôla cho ông hoàng. Nhưng sau chuyến thăm Sihanouk của Vance, kết luận là Hoa Kỳ không thuận cho ông ta tỵ nạn chính trị. Sihanouk chán nản vội vàng yêu cầu đại sứ Pháp ở Liên Hợp Quốc thuận cho ông ta và vợ chiếu khán qua Pháp sống trong một biệt thự nhỏ ở Mougins do mẹ ông ta làm sở hữu chủ. Do đó, Sihanouk viết một bức thư cho bộ Ngoại giao Hoa Kỳ trấn an họ rằng ông ta sẽ qua sống ở Pháp. Tuy nhiên, về phía Pháp, thuận cho ông tỵ nạn chính trị với điều kiện Sihanouk không được hoạt động chính trị, ngay cả những cuộc phỏng vấn. Monique, cha là người Pháp, có thể có chiếu khán nhưng ông hoàng thì không. Tình trạng ông hoàng bây giờ rất nan giải: không có một đồng xu dính túi, một người bị lưu đày ra khỏi đất nước hay sung sướng làm đại diện cho một chế độ giết người. Chẳng bao lâu, thêm một điều chọn lựa đến với ông hoàng, nhưng điều này kém hấp dẫn: Qua một đại sứ, Hà Nội gửi cho ông hoàng bức thư mời ông về lại Phnom Pênh để đứng đầu chế độ do họ dựng nên.

Cuối cùng, Đặng Tiểu Bình thực hiện điều chọn lựa cho ông ta. Đặng hết sức quan ngại về những lời Sihanouk phát biểu chống lại Khmer Đỏ và dự tính của ông ta qua sống ở phương Tây. Với sự hợp tác của người Mỹ, Đặng thực hiện một cuộc họp với Sihanouk hôm 31 tháng Giêng. Có bốn nhân viên an ninh bộ ngoại giao đi kèm, Sihanouk và vợ được đưa từ Nữ Ước xuống Blair House, một nhà khách của Mỹ, nơi Đặng đang cư trú -để tham dự một bữa ăn tối không được công bố.

Trong bữa ăn sang trọng nấu theo kiểu Tàu, Đặng khuyến khích ông hoàng: “Samdech Sihanouk, ông là nhà yêu nước vĩ đại. Ông không thể bỏ quê cha đất tổ, ông không thể bỏ nước Kampuchia Dân chủ.” Sihanouk đáp lại ngay: “Chỉ là Cambodia, không phải là Kampuchia Dân chủ. Tôi không phải chính là người dân chủ, tôi là một ông hoàng phong kiến.” Đặng phản ứng quyết liệt, nói rằng quả thật không phải là một ông hoàng dân chủ, và nói thêm: “Người Trung Hoa chúng tôi thú thật chúng tôi không đồng ý về một vài vấn đề trong chính sách của Pol Pot. Anh ta là người hết sức bướng bỉnh.” Ông ta nói Trung Hoa đã cố làm cho Pol Pot mềm mỏng hơn. Ông hoàng ngờ vực hỏi lại với giọng cười nôn nóng: “Thật không? Ông nghĩ rằng có thể biến con cọp thành con mèo con?” Đặng xác nhận rằng Trung Hoa chẳng thể làm được điều đó nhưng cố đẩy Pol Pot ra khỏi Khmer Đỏ. Dù lòng biết ơn của ông hoàng với Trung Hoa, Đặng nói rằng Trung Hoa là người bạn cũ và là quê hương thứ hai của ông hoàng kể từ khi ông bị lật đổ hồi năm 1970. Nếu ông hoàng không trở về sinh sống ở Bắc Kinh, điều đó làm cho Bắc Kinh mất mặt. Ông ta bảo đảm Trung Hoa không buộc ông hoàng cộng tác với Kmer Đỏ và không gây áp lực buộc ông hoàng liên minh với Khmer Đỏ. Trung Hoa cũng không buộc ông ta phải đi tới

nơi nào trái ý ông. Đặng cũng biểu văn phòng của ông thúc đẩy Khmer Đỏ tìm kiếm các con cái, cháu chắt và thân nhân của ông hoàng bị mất tích. Đặng nồng nhiệt mời ông hoàng và hứa để ông ta hoàn toàn tự do. Hai tuần lễ tấn thối lưỡng nan của ông hoàng coi như được giải quyết. Bắc Kinh lại trở thành nơi ông cư ngụ cho đến lúc có những cơ hội chính trị chỉ dấu cho ông ta hoạt động cho nền độc lập của Kampuchia.(6)

Sự lạc quan của Sihanouk đối với việc cư trú ở Trung Hoa dĩ nhiên là điều lầm lẫn. Ông ta hết sức mau lẹ trở thành một đối tượng chịu sức ép, dụ dỗ và ve vãn của nhiều đảng phái liên kết với nhau trong một cuộc đấu tranh mới cho nước Kampuchia lại bắt đầu đứng lên sau khi Việt Nam chiếm đóng nước này. Khuôn mặt quốc tế và uy tín vô cùng to lớn của ông trong dân chúng Kampuchia, một lần nữa làm cho ông liên lụy tới vai trò chính yếu trong tấn thảm kịch ở Kampuchia. So với năm 1970, khi ông bị truất khỏi ngôi vị quốc trưởng, đây ông ta đi với Khmer Đỏ và những người trong bọn họ được Việt Nam và Trung Hoa ủng hộ, ngoại diện còn cao hơn nhiều. Việc Việt Nam chiếm đóng Kampuchia không phải là một thách thức đối với Trung Hoa. Nó chính là sự phiến lụy đang phát triển đối với các nước Đông Nam Á. Quan trọng hơn, nó dẹp bỏ mất tấm đệm đã có từ lâu nằm giữa hai nước Thái Lan và kẻ cự thù của Thái Lan là Việt Nam. Sự xung đột nảy sinh giữa Việt Nam và Trung Hoa, và Kampuchia do Trung Hoa bảo hộ, giờ đây một cuộc xung đột có tính cách lịch sử lại nổi lên - Thái Lan và Việt Nam về việc kiểm soát các vùng đồng bằng sông Cửu Long. Trong khi cuộc chiến tranh mới tạo ra nhiều cơ hội tốt lành nhưng không dự liệu trước cho đội quân tiên phong Liên Xô ở Thái Bình Dương, các nước liên minh với Thái Lan ở trong khu vực và các nước bạn hữu Tây phương của họ cũng bị lôi kéo vào cuộc xung đột, làm cho Kampuchia trở thành một điểm nóng khác cho cuộc đối đầu ở Viễn Đông. Chính vì cuộc xung đột lịch sử này đang âm ỉ cháy mà các bạn hữu và đồng minh mà kẻ chủ mưu gạt hái được lợi ích có tính cách chiến lược, số phận của nước Kampuchia ở trong vị thế cân bằng.

## Ba quốc gia, một dòng trôi

Khi quân đội Việt Nam tràn vào Phnom Pênh rồi tiến tới biên giới Thái Lan truy kích Khmer Đỏ thì ở Bangkok kinh hoàng lên. Quân Việt Nam sẽ ngừng lại ở đâu? Liệu “nước Nga ở Á châu” này truy kích tàn quân Pol Pot vào trong lãnh thổ Thái Lan? Liệu họ có cho xe tăng lăn xích vào thủ đô Thái Lan?

Trong hàng trăm làng Kampuchia, quân Việt Nam được hoan hô vui mừng nhưng thiếu tin tưởng. Cán bộ và dân quân Khmer Đỏ đã bỏ chạy rồi. Dân chúng bây giờ được tự do sống theo từng gia đình, yên tâm đi ngủ mà không sợ ngày hôm sau. Ba trăm ngàn người ở các tỉnh phía Tây và thủ đô Phnom Pênh buộc phải theo chân Khmer Đỏ rút vào rừng. Số còn lại coi như thoát nạn. Dân chúng lấy hết thóc trong vựa và giết heo gà để lo cho bữa ăn ngon lành đầu tiên sau nhiều năm đói khát. Hàng trăm ngàn người lên đường trở về quê. Đàn ông, đàn bà ăn mặc rách rưới mang theo ít đồ dùng đầy trên xe cải tiến, kẻ đi qua, người đi lại giống như đàn kiến vậy. Sau cuộc xâm lăng của Việt Nam sáu tháng, khi tôi tới thăm lại Kampuchia, người dân tìm đường trở về vẫn còn lang thang trên đường. Một nhòai và đói khổ sau khi đi bộ hàng trăm dặm, họ tìm về nơi chôn cuối cùng. Một điệp khúc tôi thường nghe nói ở cửa miệng những người sống sót là “Nếu quân Việt Nam không tới thì chúng tôi chết hết.” Tuy nhiên, điều bày tỏ biết ơn ấy lại kèm thêm một nỗi lo lắng khác vì Việt Nam là kẻ thù truyền thống. - Có thể Việt Nam sát nhập Kampuchia vào nước họ. Một người nguyên là thầy giáo nói nhỏ vào tai tôi khi ông ta đang trên con đường dài trở về làng cũ: “Tôi sợ họ (Việt Nam) ở lại đây ăn hết lúa gạo chúng tôi.”

Chắc chắn Việt Nam chẳng cần nuôi dưỡng niềm tin. Ba tháng sau khi chiếm Phnom Pênh, họ cướp phá thành phố này một cách có hệ thống. Từng đoàn xe tải chở tủ lạnh, máy điều

hòa không khí, dụng cụ điện, tủ bàn, máy móc và các tượng điêu khắc quý giá hướng về thành phố Hồ Chí Minh. Những loại hàng này dân chúng phải bỏ lại sau cuộc xua đuổi tàn bạo dân chúng ra khỏi thành phố năm 1975 và bọn Khmer Đỏ cũng không đụng tới. Họ ghét những thứ hàng của bọn tiểu tư sản đòi bại. Những chiến lợi phẩm từ Phnom Pênh có thể đem lại cho Hà Nội ít tiền nhưng để lại một vết hằn sâu trong tâm khảm người Khmer, nó làm gia tăng sự thương tổn về tiếng Youn mà người ta không ưa. Nó cũng để lại một vết dơ lớn cho vai trò “người cứu mạng” của nhân dân Kampuchia.

Tháng Bảy/ 1979, khi tôi tới Phnom Pênh thì đó là thành phố ma, hoàn toàn trống rỗng, công việc liêu lĩnh nhất của những người trở về là dựng những căn chòi sơ sài để chờ bên ngoài thành phố. Những người này họ tìm cách lén vào thành phố săn tìm những gì có thể mang đi được. Đi dọc theo đại lộ Monivong, tôi có thể nghe tiếng dội dệ thường bước chân tôi đi. Khu dịch vụ Trung Hoa một thời nhộn nhịp ở Phnom Pênh trông giống như cảnh trạng sau cơn bão lớn. Nhà cửa, quán tiệm đều bị lục soát, chỉ còn lại tủ bàn gầy gò và dụng cụ gia đình móp méo quăng lầy lắt trên đường. Nệm bị cắt xé và bao gối nằm giữa đất. Rõ ràng bọn cướp bóc đã vào nhà lục lọi tìm vàng hay nữ trang người ta giấu lại.

Nếu Việt Nam không nghĩ tới sức kháng cự Khmer Đỏ sụp đổ mau lẹ thì họ cũng không chuẩn bị đầy đủ cho những gì đang chờ đợi ở trong nước cũng như những khó khăn quốc tế nghiêm trọng. Nó không hẳn chỉ là một quốc gia không có tiền tệ, chợ búa, bưu điện. Những người sống sót mất tinh thần và gầy yếu đang phải đối đầu với nạn đói. Thay vì được hoan hô vì đánh đuổi được một chế độ đáng nguyền rủa thì họ lại phải đối đầu với những lời phê phán của thế giới.

Kampuchia do đảng Nhân dân Cách mạng Kampuchia cai trị, đảng này được dựng lên một cách vội vã khi quân Việt Nam tiến vào thành phố Phnom Pênh. Đảng có hai trăm đảng viên, gồm đám người chạy loạn và đào thoát khỏi hàng ngũ Khmer Đỏ và không có kinh nghiệm gì cả, họp thành Ủy ban Cách mạng cũng không phải nắm giữ nhiệm vụ phục hồi đất nước và duy trì cuộc sống bình thường của dân chúng sau cơn ác mộng. Điều quan trọng nhất là họ không thể hy vọng gìn giữ chế độ mới chống lại lực lượng vũ trang Khmer Đỏ. Sự giết hại những người thuộc giai cấp có nghề chuyên môn ở Kampuchia và sự miễn cưỡng của những người sống sót phục vụ cho một chế độ Cộng sản khác làm cho công việc xây dựng lại đất nước thêm phần khó khăn.

Hàng ngàn chuyên viên và kỹ thuật viên Việt Nam được lệnh đi Kampuchia để bảo trì nguồn tiếp tế nước và nhà máy điện của thành phố Phnom Pênh, cho xe lửa hoạt động trở lại, mở lại các bệnh viện đơn sơ có các bác sĩ Việt Nam, điều dưỡng viên và nhóm nhỏ các bác sĩ Kampuchia. Chính quyền được thành lập với sự điều hành của cố vấn Việt Nam núp ở đằng sau. Hàng trăm người Kampuchia được đưa qua học những lớp cấp tốc y tế, giáo dục, ngân hàng, ngoại thương và an ninh.

Sau một thời gian không có tiền tệ, trong thời gian đầu chợ búa hồi sinh trao đổi bằng lúa gạo và vàng, năm 1980, giấy bạc được lưu hành. Nhờ sự buôn lậu lớn qua biên giới Thái Lan, chợ búa lại dồi dào hàng hóa. Sự viện trợ to lớn của quốc tế đánh đuổi được nạn đói. Trẻ em lại đến trường. Thuốc về nhiều trong các kệ bệnh viện mà trước kia trống rỗng. Kampuchia hồi sinh như tôi đã chứng kiến trong một thời kỳ dài hơn sáu năm. Đó là phép lạ, như con phượng hoàng trỗi dậy từ đống tro tàn. Dù Việt Nam cung cấp hạ tầng cơ sở đáng kể, sự viện trợ quốc tế quả là cao thượng, nhưng trên tất cả là sự toàn thắng nhờ sức chịu đựng và lòng kiên trì của người dân Kampuchia.

Tuy nhiên, việc giải cứu Kampuchia còn dễ hơn giải quyết những vấn đề chính trị tương lai. Như những người dân Kampuchia đang trên đường tái tạo cuộc sống, những cố gắng lớn của Hà Nội là tập trung đoàn kết toàn quốc, tạo ra một quốc gia Kmer mới, có chính quyền và định chế đảng phái.

## “Nếu Phnom Pênh sụp đổ, Saigon sẽ sụp đổ theo.”

Mùa xuân năm 1981, một bản hiến pháp mới được thông qua sau khi có cuộc tổng tuyển cử toàn quốc chọn 117 người trong 148 ứng cử viên. Ứng cử viên là những người Khmer Đỏ cũ, Khmer Issarak, và những trí thức còn sống sót từ chế độ cũ mà họ đã đoàn kết chống lại Pol Pot. Về cuộc tuyển cử, bộ trưởng ngoại giao Hun Sen giải thích: “Chúng tôi chọn những người có hay không hoạt động trong lãnh vực chính trị. Đặc biệt, chúng tôi chọn những người từng hoạt động chính trị và đã có hy sinh xương máu.” (17) Chẳng có gì ngạc nhiên, tất cả những người cương quyết của chế độ mới được chọn với số phiếu 99 phần trăm.

Sau cuộc tuyển cử, đại hội đảng chính thức tiết lộ một đảng được tổ chức lại ở Mimot hồi tháng Giêng/1979. Đảng mới này, được đặt tên lại là đảng Nhân dân Cách mạng Kampuchia (Kampuchean People's Revolutionary Party -KPRP) có tám trăm đảng viên, làm sống lại phe thân Việt Nam của đảng Cộng sản Kampuchia hầu như đã bị Pol Pot tiêu diệt hoàn toàn. (8) Tổng bí thư của đảng là Pen Sovan, một người cứng rắn, má hóp thuộc nhóm Khmer Issarak trước lưu vong ở Hà Nội.

Đảng mới phục hồi sự đoàn kết Đông Dương trước kia đã bị Pol Pot phá vỡ. Pol pot từ khước Việt Nam như là một đảng đàn anh của Cộng sản Kampuchia. Pen Sovan thừa nhận đảng Nhân dân Cách mạng mang cái hào quang truyền thống của Hồ Chí Minh - người sáng lập đảng Cộng sản Đông Dương. Một trong những cố gắng chính của Việt Nam ở Kampuchia là giáo dục đảng Nhân dân Cách mạng, đặc biệt với những thành viên mới về sự nguy hiểm của “chủ nghĩa quốc gia hẹp hòi”, phá vỡ tình đoàn kết Đông Dương. Để giữ gìn sự trong sáng của đảng, các cố vấn Việt Nam (ở cấp tỉnh) phủ quyết những người có thể là đảng viên và chọn ứng viên được gửi đi Việt Nam để học tập chính trị. (9)

Về mặt quân sự, Kampuchia được đặt dưới trách nhiệm của Quân đoàn 4 của Việt Nam, Quân đoàn này đảm trách các tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long. Trong khi bộ Quốc phòng Kampuchia đang được thành lập, tới 1983, ba sư đoàn quân đội Khmer được nâng lên (10) vai trò hỗ trợ thì 180 ngàn quân Việt Nam của Quân đoàn 4 do tướng Lê Đức Anh chỉ huy tạo thành một cái mợ che cho chế độ còn non yếu.

Ba tổ chức, như cái bóng, kiểm soát nước Cộng Hòa Nhân dân Kampuchia, tên của chế độ. Tổ chức cao nhất là một bộ phận có tên gọi là A- 40 gồm một số chuyên viên lấy từ Ủy ban Trung ương đảng Cộng sản Việt Nam. Họ duy trì quan hệ giữa hai đảng Kampuchia và Việt Nam và đưa ra mọi khuyến cáo quan trọng. Một bộ phận khác gọi là B-68 do Trần xuân Bách lãnh đạo, một thành viên ban bí thư đảng và gồm thêm những chuyên viên cấp trung ương làm việc với các cơ quan cấp bộ khác nhau, tham gia các quyết định hằng ngày. Bộ phận thứ ba gồm các cố vấn gọi là A-50, gồm những người làm việc ở cấp tỉnh. (11)

Tại nông thôn, các cố vấn dân sự từ các tỉnh “kết nghĩa” (sister) ở Việt Nam qua làm việc trong các văn phòng tỉnh. Bên dưới cấp tỉnh các là toán đặc biệt do quân đội Việt Nam phái tới có một đại úy chỉ huy. (12)

Những năm sau khi Việt Nam CS xâm lược và chiếm đóng Kampuchia, Việt Nam CS muốn chinh đốn lại liên minh Đông Dương và nâng lên mức độ luật pháp tự nhiên bất dịch -một thứ luật pháp do trong quá trình lịch sử và địa lý mà có. Tướng Lê Đức Anh viết trong một bài báo lớn: “Qua nhiều thế kỷ, ba nước (Lào, Kampuchia và Việt Nam) đã chia xẻ số phận nạn nhân do phong kiến Trung Hoa, đế quốc và những thế lực phản động quốc tế xâm lược.” Chia cắt nước này khỏi nước kia, dùng nước này như một bàn đạp để sát nhập nước kia, rồi sát nhập cả ba nước làm một đã trở thành “một định luật của mọi cuộc chiến tranh xâm lược từ bên ngoài.” Anh cho



rằng kết quả xây dựng “một liên minh chiến đấu và chiến lược giữa ba nước Đông Dương sẽ tạo nên sức sống còn và phát triển cho mỗi quốc gia cũng như cho cả Đông Dương vậy.” (13)

Binh lính Việt Nam phục vụ ở Kampuchia, chết vì bệnh sốt rét, bị tàn tật hay bị giết trong các cuộc phục kích của Khmer Đỏ, chính là đóng góp phần của họ vào cái “luật” đó theo phương cách căn bản nhất. “Nếu Phnom Pênh sụp đổ, Saigon sụp đổ theo. Nếu chúng tôi chiến đấu và chết thì phải chết ở đây chứ không phải chết ở Việt Nam. Đó là phương cách các sĩ quan Việt Nam giải thích lý do tại sao họ phải có mặt ở Kampuchia.(14)

## Hợp tác thì vâng, làm nước đệm thì không.

Bước tiến công khai đầu tiên để tiến tới hình thức liên minh Đông Dương được thực hiện hồi tháng Giêng/1980, khi các bộ trưởng ngoại giao của ba nước họp ở Phnom Pênh, tuyên bố tình đoàn kết của họ để giải quyết vấn đề Kampuchia và những vấn đề quốc tế khác. Từ đó về sau, cứ hai năm một lần họ lại họp với nhau như thế để cho thế giới thấy Hà Nội đóng vai trò lãnh đạo cho toàn thể nhóm các nước Đông Dương. Với vai trò hợp tác của Lào và Kampuchia, Hà Nội không những nắm lấy ngôi vị chủ đạo đối với từng nước mà còn tìm cách chính thức hóa chế độ Phnom Penh, tạo thành một ý niệm không thể lay chuyển được cho liên minh mới hình thành của họ. Từ năm 1980, Hà Nội cố phát triển một ý niệm về hai khối ở Đông Nam Á: Khối Đông Dương và Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) và thẳng thừng bác bỏ ý kiến cho rằng Kampuchia nên trở thành một nước đệm giữa hai khối. Bộ trưởng ngoại giao Nguyễn Cơ Thạch của Việt Nam nói với bộ trưởng ngoại giao Thái, Sitthi Sawetila hồi tháng Năm/1980: “Tôi không cho rằng Đông Nam Á cần có một quốc gia đệm. Tại sao các ông lại muốn có một quốc gia đệm bên trong các nước Đông Dương.” (15)

Điều Hà Nội tìm kiếm không chỉ là một khối an ninh chính trị mà còn là một khối hợp tác kinh tế toàn diện, qua đó “dần dần phân bố bỏ túc lao động, bảo đảm thành quả lao động và khả năng tiềm tàng đất đai của tổ quốc.”(16) Với sáu triệu héc-ta đất đai canh tác được và với dân số 60 triệu người (1985), Việt Nam rõ ràng thấy Kampuchia đất rộng người thưa (Dân số 7 triệu), với 1 triệu rưỡi héc-ta đất đai canh tác được và nguồn lợi thủy sản lớn lao.(17)

Việc theo đuổi chính sách này bắt đầu từ thỏa hiệp Lào-Việt ký năm 1977, tất cả các tỉnh của Lào và Kampuchia đều kết nghĩa với các tỉnh của Việt Nam. Cố vấn Việt Nam, chuyên viên kỹ thuật, bác sĩ từ các tỉnh kết nghĩa bên phía Việt Nam được phái tới các tỉnh kết nghĩa ở Lào và Kampuchia để tham gia các dự án nhỏ và xây dựng liên kết đặc biệt của Đông Dương.

Tiếp theo cuộc họp cao cấp của ba nước Đông Dương tại Việt Nam hồi tháng Hai/1983, một Ủy ban hỗn hợp Kinh Tế Việt-Lào-Kampuchia được thành lập. Từ đó, cơ quan này, gồm bộ trưởng kế hoạch của mỗi nước họp hai năm một lần, để “gia tăng hợp tác kinh tế và điều hòa kế hoạch hợp tác quốc dân”(18) Mặc dù Ủy ban quốc gia về hợp tác văn hóa và kinh tế đã được thành lập trong mỗi nước, ban đầu chỉ gia tăng về mặt tư vấn, chẳng bao lâu sau Hà Nội làm sáng tỏ cho thấy đó là “mục tiêu lâu dài để đưa ba nước gần lại với nhau và đạt được thành quả hợp tác kinh tế.” (19)

Sự thực là trước cuộc đảo chính năm 1970 đã có năm ngàn người Việt sinh sống ở Kampuchia, tất cả họ đều bị giết trong chính sách chống Việt nam của Lon Nol và Pol Pot hoặc bị trục xuất về Việt Nam là tiêu biểu cho chính sách quay trở lại của họ. Những người trở lại này cũng như người mới đến định cư có thể trở thành yếu tố quan trọng cho sự hợp tác kinh tế toàn diện và lâu dài. Một hội đồng chỉ đạo của các bộ trưởng Kampuchia nói rằng “những người Việt Nam đến Kampuchia từ năm 1979 đã tham gia việc phục hồi công cuộc định cư và phát triển kinh tế như nông nghiệp, ngư nghiệp, thủ công nghiệp và làm muối có thể được xem xét cho ở lại và tiếp tục làm việc.” (20)

Mặc dù Việt Nam quan tâm tới làn sóng người Việt Nam ồ ạt tiến vào Kampuchia có thể làm gia tăng tính thù địch của người Khmer và tạo ra căng thẳng, họ cũng thấy người Việt Nam ở đây kiếm được công ăn việc làm và nắm giữ nhiều vai trò then chốt trong nền kinh tế nước này. Dù chính sách của Hà Nội đưa ra có mục đích định cư người Việt ở Kampuchia, như đối phương tố cáo, thì đó chỉ là tiếp nối sinh hoạt tự nhiên trong quá khứ của người Việt Nam đối với những vùng ít cư dân, hậu quả là gia tăng sự có mặt của người Việt Nam trên toàn quốc. Theo các nhà nghiên cứu xã hội, tới năm 1985, hơn 175 ngàn người Việt, -gồm dân sự, cựu cư dân ở Kampuchia, những người đi tìm đất mới, thương nhân và binh lính giải ngũ - định cư ở Kampuchia. (21) Theo vài số liệu dự đoán khác thì cao lên tới sáu trăm ngàn người. (24)

Trong khi quân đội Việt Nam và các cố vấn dân sự cố gắng củng cố chế độ Kampuchia mới thì toàn bộ nỗ lực của Hà Nội là tìm kiếm sự công nhận của quốc tế với chế độ Cộng Hòa Nhân dân Kampuchia. Sự lên án của thế giới đối với việc Việt Nam can thiệp và cấm vận kinh tế tiếp theo sau những cố gắng của Việt Nam nhằm hợp thức hóa chế độ Kampuchia mới là quan tâm lớn nhất của chính sách ngoại giao của Hà Nội. Mục đích của nó là củng cố chế độ, xóa bỏ Kampuchia Dân chủ của Pol Pot hơn là nói lên tính công hiệu của chế độ do Hà Nội mới dựng nên.

Trên hình thức, việc công nhận nước Dân Chủ Cộng Hòa Kampuchia là từ các nước trong khối Liên Xô và mười một nước thân Liên Xô cũng như 88 thành viên của khối Không Liên Kết. (NAM) Trong khi bạn bè của Hà Nội trong tổ chức này chưa trực xuất Kampuchia Dân chủ ra khỏi phong trào này thì ít ra, về mặt ngoại giao Hà Nội cũng thành công trong việc khóa miệng Khmer Đỏ trong các buổi hội nghị. Tại một cuộc họp của tổ chức không liên kết này ở Colombo hồi tháng Sáu/1979, lời đề nghị của Hà Nội dành cho Hunsen, đại biểu trẻ của Cộng Hòa Nhân dân Kampuchia một ghế đã bị bác bỏ và đồng ý cho đại biểu thù địch của Hun Sen, Ieng Sary của nước Kampuchia Dân chủ giành lấy ghế đại biểu này với một điều kiện. Ông ta hiện diện ở đó nhưng không được phát biểu trên diễn đàn. Tháng Chín/1979, tại hội nghị tối cao các nước không liên kết họp ở Havana (Cuba), tân chủ tịch của phong trào là chủ tịch Phidel Castro của Cuba, đã có một hành động ơn huệ. Mặc dù Khiêu Sampan, chủ tịch của chế độ mới bị sụp đổ, nhận được chiếu khán cho vào Cuba, đoàn đại biểu của Khiêu cư trú tại một khách sạn cách nơi hội nghị hai mươi dặm, nhưng họ bị tước đoạt phương tiện di chuyển và thẻ nhận dạng để vào hội nghị. Mặc dù đại biểu các nước trong khối ASEAN phản kháng mạnh mẽ, ghế đại biểu của Kampuchia vẫn bị bỏ trống, và từ đó vẫn cứ bị bỏ trống như vậy.

Những thứ mưu mẹo như thế và ngay cả quyền phủ quyết của cường quốc Liên xô đã không thành công ở Liên Hợp Quốc. Trong suốt thời gian họp Đại Hội đồng hồi tháng 9/1979, cố gắng của Việt Nam trực xuất Kampuchia Dân chủ ra khỏi tổ chức thế giới này bị thất bại.

Trong một cuộc bỏ phiếu của Hội đồng Bảo an, có 6 phiếu (gồm cả Hoa Kỳ) chống 3, Kampuchia Dân chủ tiếp tục giữ ghế của họ. Đây là cuộc bỏ phiếu có phần mai mỉa đối với chính quyền Carter mà trước đó họ đã cáo buộc Kampuchia Dân chủ “vi phạm nhân quyền thô bạo nhất.” Vance rất phiền với quyết định này vì Hoa Kỳ bỏ phiếu cho chế độ Pol Pot. Tuy nhiên, nếu bỏ phiếu chống lại Kampuchia Dân chủ cũng có nghĩa là chống lại Trung Hoa và các nước trong khối ASEAN, là hợp thức hóa cuộc xâm lăng của Việt Nam. Về sau, một quan chức Mỹ nói rõ thêm: “Đối với chúng tôi, sự lựa chọn là giữa những nguyên tắc luân lý và luật pháp quốc tế. Chúng tôi nghiêng cán cân về phía luật pháp vì nó cần cho an ninh và quyền lợi của chúng tôi.” Tuy nhiên, cuộc bỏ phiếu có tính cách định mệnh ấy đã nối liền với bọn giết người là những người mà quan chức Hoa Kỳ bị cấm bắt tay.” (23)

Ngày 21 tháng 9/1979, Đại Hội Đồng Liên Hợp Quốc thông qua bản tường trình của Ủy ban Ủy nhiệm bằng một cuộc bỏ phiếu 71 thuận trên 35 chống và 34 phiếu trắng. Hành động quân sự của Việt Nam chống lại Kampuchia Dân chủ bắt đầu hồi Giáng sinh/1978 và cuối cùng bị “chiếu tướng” tại diễn đàn Liên Hợp Quốc. Chế độ Pol Pot có thể trở thành một nhóm du kích

lén lút trên các ngọn đồi, nhưng nó lại được bỏ phiếu công nhận là đại biểu hợp pháp duy nhất cho nhân dân Kampuchia. Từ cuộc bỏ phiếu đó, vài tuần trong mùa thu, cuộc đấu tranh cho Kampuchia di chuyển từ những khu rừng rậm trên biên giới Thái-Miên tới phòng hội to lớn của Liên Hợp Quốc ở khu Manhattan tại thành phố New York.

Tại Liên Hợp Quốc làm sống dậy tranh chấp Việt Nam rút quân khỏi Kampuchia và để nhân dân Kampuchia quyền tự quyết tạo ra một liên minh khác rất lạ lùng của hàng trăm quốc gia ủng hộ Khmer Đỏ mà nhiều nước trong số này từng bị tố cáo và lên án. Việc Liên Hợp Quốc tiếp tục công nhận nước Kampuchia Dân chủ có nghĩa là cô lập ngoại giao Việt Nam và tạo cho Trung Hoa một bầu không khí, qua đó, dựng nên chiến dịch trừng phạt Việt Nam và cố gắng làm đảo ngược thắng lợi quân sự của Hà Nội.

## Diễn biến gia tăng cho Việt Nam

Bài học quân sự của Trung Hoa hồi tháng Hai/1979 chẳng có dấu tích gì đối với quyết định của Việt Nam ở lại Kampuchia cả. Tuy nhiên, Bắc Kinh được thuyết phục rằng áp lực quân sự hỗn hợp (cả ở biên giới Hoa Việt và ở nội địa Kampuchia) cùng với cô lập ngoại giao, cấm vận kinh tế của cộng đồng thế giới buộc Hà Nội phải tìm kiếm hòa bình. Mục tiêu của Trung Hoa là duy trì Khmer Đỏ dù có thử thách và cải cách để nắm quyền ở Phnom Penh. Ngay việc ấy khó có khả năng thực hiện được, tiếp tục chiến đấu chống Việt Nam dường như là một mục tiêu vừa đủ tầm cho chính sách ngoại giao Trung Hoa. Liên Xô xâm lược Afganistan tháng 12/1979 tạo thêm sức nặng cho công cuộc chống Liên xô của Trung Hoa. Trung Hoa có thể nắm vai trò hàng đầu đòi độc lập và tự trị của hai nước nhỏ và là kẻ chiến đấu hàng đầu chống lại Liên Xô bá quyền và Việt Nam bành trướng, một hành động có thể đem lại hứa hẹn của các nước Tây phương hỗ trợ cho chương trình hiện đại hóa của Trung Hoa.

Tuy nhiên, điều quan trọng nhất, không nói ra lý do là tại sao Trung Hoa không hăng hái từ bỏ cuộc xung đột ở Kampuchia, dùng đường không để giải quyết là vì họ sợ nếu vấn đề được giải quyết nhanh chóng thì có thể chỉ có lợi cho Hà Nội. Nếu chế độ thân Việt Nam được hợp thức hóa ở Kampuchia và một khối Đông Dương đoàn kết dưới chỉ đạo của Hà Nội, thì nó sẽ trở thành một sức mạnh quan trọng cho quyền lực Trung Hoa ở trong khu vực này. Giải pháp xung đột Kampuchia và bảo toàn tình hữu nghị giữa Hà Nội và các nước Đông Nam Á sẽ kết thúc liên minh không mấy thỏa đáng giữa Trung Hoa và các nước trong khối ASEAN. Đối đầu với quyền lực Việt Nam đang được củng cố ở Đông Dương, Thái Lan sẽ nghiêng theo chiều gió và bớt hợp tác với Trung Hoa. Những nước ASEAN khác như Indonêxia và Mã Lai, những nước thường nhìn người Trung Hoa ở nước họ với lòng ngờ vực và sợ chủ nghĩa bành trướng Bắc Kinh cũng ít nghiêng về phía Trung Hoa. Mặt khác, một cuộc chiến lâu dài ở Kampuchia có thể tạo ra đối đầu giữa Việt Nam-Liên Xô, chống lại toàn bộ thế giới còn lại, làm hao mòn tài nguyên của Liên Xô và xương máu của Việt Nam. Trong khi Trung Hoa công khai đòi Việt Nam rút quân khỏi Kampuchia, trong một sự thành thật ít có, Đặng Tiểu Bình thúc đẩy thủ tướng Nhật Bản Masayoshi Ohira là Nhật và các nước Tây phương khác nhiệt tình trong việc đòi hỏi Việt Nam phải rút quân mau lẹ ra khỏi Kampuchia. Đặng nói với thủ tướng Nhật: “Buộc Việt Nam ở lại Kampuchia chính là sự khôn ngoan của Trung Hoa, bởi vì bằng cách đó, chúng nó phải chịu đựng tổn thất nhiều hơn và chẳng có thể với tay tới Thái lan, Mã Lai và Tân gia ba”(24)

Tháng Tư/1980, khi tôi phỏng vấn, thứ trưởng ngoại giao Hàn Niệm Long của Trung Hoa, một trong những nhà kiến trúc chiến lược của Trung Hoa với Đông Dương, đưa ra lời biện luận khác biệt. Hỏi về việc quân đội Việt Nam rút khỏi Kampuchia, ông ta nói điều đó không thể áp dụng được. Ông ta nói: “Chỉ khi nào Liên xô không viện trợ cho Việt Nam được nữa thì một giải pháp chính trị cho sự khủng hoảng này mới hình thành.” Đối với thời điểm chưa làm gì được

thì “chỉ làm nhẹ đi gánh nặng của Liên xô. Chúng tôi sẽ cố gắng, cũng như dùng quan điểm chung để gây áp lực với họ, làm cho họ thấy rằng họ không thể tiếp tục con đường đang đi... Chúng tôi bảo đảm Liên Bang Xô Viết đang bị cô lập hoàn toàn.” (25)

Cuộc xung đột Hoa-Việt tiến tới kích thước mới vào mùa hè năm 1979 khi Trung Hoa bắt đầu tổ chức lại những người đào thoát và bắt mẫn từ Đông Dương tới thành một nhóm kháng chiến chống Việt Nam. Trong khi hàng chục cán bộ trung cấp từ Việt Nam và Lào trốn tới Bắc Kinh và các bộ lạc kháng chiến người tỵ nạn Lào tới Bắc Kinh thì Hoàng văn Hoan, một trong những đồng chí thân cận của Hồ Chí Minh và là một thành viên bộ chính trị trốn thoát tới Trung Hoa. Vào tháng Bảy, trong khi máy bay ghé lại Karachi trên đường đi Đông Bá-Linh để trị bệnh, Hoan, 76 tuổi, than phiền đau ngực, được Pakistan đưa vào bệnh viện khám xét. Khi máy bay sắp cất cánh, những cận vệ và các người đồng hành của Hoan mới hay rằng văn phòng nhân viên ở phi trường chẳng hay biết gì về trường hợp của Hoan cả. Một tháng sau, ông ta xuất hiện ở Bắc Kinh và tố cáo “Đuẩn và đồng bọn bán Việt Nam cho Mạc Tư Khoa.” Trong khi Hoan đưa ra lời kêu gọi một “cuộc cách mạng thứ hai” ở Việt Nam thì Trung Hoa thiết lập một trường huấn luyện cho người Việt, Lào bắt mẫn chế độ và các người thuộc các nhóm bộ lạc nhỏ. Trung Hoa bắt đầu ủng hộ phong trào du kích chống Cộng, chống lại chính quyền các nước Đông Dương.(26)

Như một chuyên viên bộ ngoại giao Trung Hoa ghi nhận: “Trung Hoa không chỉ cho Việt Nam một hay hai bài học. Nó áp dụng cho toàn bộ vấn đề.” Nó bao gồm cả những áp lực mạnh mẽ cho Lào và Kampuchia, ngăn cản những nước này với Việt Nam đang viện trợ cho họ và buộc Việt Nam phải quân sự hóa nền kinh tế của họ. Theo ông ta thì phương cách ấy có thể kéo dài thêm ba hay năm năm nữa. “Tôi không biết Trung Hoa trù định hậu quả như thế nào sau khi tình hình này kết thúc.” (27)

Tình hình bên trong Kampuchia cần phải có liên minh mới trong khu vực. Nhìn từ Bangkok, thảm trạng Việt Nam chiếm đóng Kampuchia đã tước đoạt mất phương tiện phòng ngự hiện đại của họ, là chơi lại ván bài bành trướng của triều đại nhà Nguyễn hồi đầu thế kỷ 19. Việc người Pháp đến Đông Dương tạm thời làm ngưng sự thù địch giữa Việt Nam và Thái lan tranh giành nhau vùng đất tốt nhất trong nội địa Đông Nam Á. Từ thế kỷ 17, người ta đã thấy sự thù địch đó được bày tỏ qua những cố gắng của cả hai phía để kiểm soát khu vực đệm này: Vương quốc Lào và Kampuchia - và làm cho nhau kém thế đi. Thời kỳ sau hiệp định Genève 1954, Thái Lan cố ngăn cản Việt Nam Cộng sản bằng cách hợp tác với CIA mở ra cuộc “chiến tranh bí mật” ở Lào, viện trợ cho phong trào chống Cộng Khmer Serei ở Kampuchia và gọi quân đội tới Nam Việt-Nam. Hà Nội đáp ứng bằng hành động viện trợ bọn nổi loạn Cộng sản Thái. Tuy nhiên, những cố gắng của Thái đều thất bại. Năm 1975, Cộng sản thắng lợi ở Lào, nơi có năm chục ngàn quân đội Việt Nam trấn đóng và việc Việt Nam chiếm đóng Kampuchia sau đó có nghĩa là Thái Lan đã mất đi một khu vực sống còn mà họ đã tìm cách chiếm cứ từ thế kỷ 17. Cuối cùng Thái Lan không sẵn sàng nắm lấy vai trò của họ. Hồi trước, Thái Lan sẵn sàng đáp ứng bằng cách gọi quân tới đánh nhau với Việt Nam trong lãnh thổ Kampuchia. Việc ấy nay không thể còn có được nữa. Trong cuộc tranh luận có tính chiến lược nóng bỏng nhất hồi đầu năm 1979, Kriangsak bị chất vấn về việc can thiệp với câu hỏi: “Với danh nghĩa nào chúng ta sẽ tiến vào Kampuchia? giúp Khmer Đỏ phải không?” Tuy nhiên, nhờ sự kháng chiến lâu bền của Khmer Đỏ và quyết định của Trung Hoa làm giảm bớt sức mạnh Việt Nam, Thái tự thấy mình còn đủ sức đối đầu với Việt Nam đang ở thế thượng phong. Theo các nhà chiến lược Thái, không làm như vậy, về mặt căn bản, sẽ làm biến đổi sự cân bằng quyền lực trên vùng nội địa Đông Nam Á. Nó có thể đưa Việt Nam tới tận ngưỡng cửa Thái Lan và tạo ra con đường tiến tới lật đổ và cuối cùng Việt Nam chiếm đóng Thái Lan. Như một nhà quân sự Thái phát biểu: mất Kampuchia là một nước đệm. Điều tốt nhất Thái có thể làm được là nuôi dưỡng một cuộc chiến, tự cuộc chiến đó, nó trở thành một vùng đệm cho Thái Lan.

## Sự khai sinh con đường mòn Đặng Tiểu Bình

Trên bình diện chính quyền, sự liên minh giữa Bắc Kinh và Bangkok đã mở ra con đường mòn Đặng Tiểu Bình xuyên qua Thái Lan và biển Thái Lan thành một cái khoen chặn chiến lược an toàn của Trung Hoa tại Kampuchia. Bằng sắp đặt bí mật, tàu bè Trung Hoa chuyển vũ khí và đạn dược tới các cảng Sattahip và Klong Yai của Thái Lan. Từ đó, quân đội Thái chở những thứ hàng này tới các căn cứ Khmer Đỏ (Về sau cho cả những nhóm kháng chiến không Cộng sản) nằm dọc theo biên giới Thái Miên. Đại sứ Trung Hoa ở Bangkok làm việc với các thương nhân Hoa-Thái cũng như với quân đội Thái, chịu trách nhiệm tiếp tế lương thực, thuốc men và các hàng tiếp liệu dân sự khác cho Khmer Đỏ. Thay vì trả tiền vận chuyển cho quân đội Thái, Trung Hoa đồng ý cho Thái giữ lại một số vũ khí được chở tới. Bằng một dàn xếp khác, Trung Hoa cung cấp kỹ thuật để hai nước cùng sản xuất vũ khí chống chiến xa trong các nhà máy ở Thái Lan với điều kiện một phần vũ khí này được trao cho Khmer Đỏ.

Thỏa hiệp về sự chuyển vận này không những giúp làm sống lại công ty vận chuyển quân sự Thái mà từ khi Mỹ đóng cửa các căn cứ quân sự nó đã bị xuống dốc. Nó cũng mở ra cơ hội tham nhũng cho sĩ quan Thái, họ đòi phải có “lệ phí” đối với việc vận chuyển vũ khí Trung Hoa.

Nhờ hàng tiếp liệu của Trung Hoa bắt đầu chuyển tới hồi cuối năm 1979, lực lượng Pol Pot từng bị giảm thiểu vì đói và sốt rét rừng, trở thành từng nhóm rách rưới nay được trẻ trung hóa trở lại. Khi Việt Nam tấn công, khoảng một chục sư đoàn Khmer Đỏ sống sót bị tan tác và không tiếp xúc được với nhau hoặc ngay chính với cấp chỉ huy của họ nữa. Trong khi viện trợ nhân đạo quốc tế làm sống lại Khmer Đỏ thì hàng tiếp liệu Trung Hoa làm cho họ lấy lại đủ sức mạnh. Tới cuối năm 1980, lực lượng Khmer Đỏ bành trướng lên khoảng từ hai chục đến bốn chục ngàn.(30)

Trong khi bộ chỉ huy Khmer Đỏ vẫn còn ở cách biên giới Thái Lan vài dặm thì các nhóm nhỏ du kích Khmer Đỏ khoảng một chục người tiến sâu vào nội địa Kampuchia để phục kích lực lượng quân sự Việt Nam, đặt mìn trên đường hay phá sập cầu cống. Tới cuối năm 1981, chiến tranh du kích ở Kampuchia gia tăng khủng khiếp làm cho một phần lớn đất nước lâm vào cảnh bất an.

Tuy nhiên, trên bình diện quốc tế, chẳng có gì sáng sủa cho liên minh chống Hà Nội này. Dù có Mỹ hợp tác với ASEAN và Trung Hoa để giữ cho cái ghế của Khmer Đỏ tại diễn đàn Liên Hợp quốc tồn tại, sự hỗ trợ của thế giới càng lúc càng bị xoi mòn. Từ năm 1980 Việt Nam mở rộng cửa Kampuchia cho báo chí Tây phương. Các phóng viên báo chí và các toán truyền hình tự do di chuyển trong xứ, quan sát các ngôi mộ tập thể vĩ đại, nói chuyện với không biết bao nhiêu người còn sống sót, viếng thăm trại tù nổi tiếng tàn ác Toul Sleng ở thủ đô Phnom Pênh, nơi hàng ngàn bản tự khai viết ra khi bị tra tấn, nơi có những tấm hình khủng khiếp của các nạn nhân đứng trong im lặng cung khai trước bộ máy giết người rất hiệu quả của nước Kampuchia Dân chủ. Các bản tường trình và các thước phim truyền hình của các nhà báo đã làm cho quan điểm thế giới thay đổi và làm cho Anh quốc cũng như Úc không còn thừa nhận nước Kampuchia Dân chủ nữa.

Mùa thu năm 1980, tân bộ trưởng ngoại giao Mỹ, Edmund Muskie, hăng hái nghe theo lời khuyên của bộ trưởng từ nhiệm Vance, dự tính không tham dự cuộc bỏ phiếu cho Pol Pot tại Liên Hợp quốc. Tuy nhiên, cuối cùng, do áp lực của Trung Hoa, áp lực các đại sứ Mỹ ở Đông Nam Á, và dĩ nhiên cả áp lực của Brzezinski, Muskie đồng ý bỏ phiếu cho Kampuchia Dân chủ. Khmer Đỏ vẫn giữ ghế của mình, và cuộc vận động của Mỹ-Trung Hoa và ASEAN thu hoạch được 97 phiếu tại diễn đàn Liên Hợp Quốc kêu gọi Việt Nam rút quân. Tuy nhiên dù kết quả có như thế, nhiều nước ASEAN biết rằng việc giữ ghế cho Kampuchia Dân chủ ở Liên Hợp quốc không những cải thiện được khuôn mặt của Khmer Đỏ mà còn mở rộng căn cứ kháng chiến chống Việt Nam. Mùa thu năm 1980, thủ tướng Singapore Lý Quang Diệu tuyên bố muốn tập trung và duy

trì sự ủng hộ của thế giới không Cộng sản thì tại Đại Hội đồng Liên Hợp quốc năm 1981, Kampuchia Dân chủ phải được đặt dưới sự lãnh đạo quốc tế.

Cần phải nghĩ tới giải pháp cuối cùng mà không có Khmer Đỏ, ASEAN không có thể hỗ trợ cho ai? Về sau, một quan chức cao cấp ngoại giao Thái Lan giải thích: “Khó có thể dàn xếp chính trị trong khi ASEAN chưa biết ủng hộ ai?” Ý nghĩ về một Khmer chống Việt Nam do đó được hình thành nhưng người ủng hộ thì ở cách xa cả ngàn dặm và có không biết bao nhiêu cuộc họp đầy sóng gió với nhiều đảng Khmer khác nhau và Trung Hoa trước khi ý nghĩ đó được hình thành.

Trung Hoa lạnh nhạt trước những cố gắng của ASEAN trong việc tìm kiếm một giải pháp chính trị bằng cách tổ chức các cuộc hội nghị quốc tế dưới sự bảo trợ của Liên Hợp Quốc. Đòi hỏi của Trung Hoa là duy trì Kampuchia Dân chủ như hiện trạng nhưng hình thức thì là một mặt trận đoàn kết rộng rãi hơn để thực hiện cuộc đấu tranh vũ trang. Trung Hoa sợ ASEAN đề nghị một liên minh chính quyền Khmer với những nhân vật như thái tử Sihanouk và cựu thủ tướng Son Sann sẽ làm giảm bớt quyền lực của Khmer Đỏ. Từ khi Sihanouk trở về Bắc Kinh hồi tháng 2 năm 1979, quan hệ của ông ta với Trung Hoa càng ngày càng tồi tệ. Trung Hoa xây cho ông một lâu đài vĩ đại với một hồ bơi tầm cỡ thể vận hội Olympic và một phòng xem ciné riêng ngay ở trung tâm Bắc Kinh. Nhưng trái với những gì Đặng hứa với ông hoàng hồi ở Hoa Thạnh Đốn, chẳng bao lâu Trung Hoa bắt đầu gây sức ép với ông hoàng về việc lãnh đạo một liên minh đoàn kết. Ông hoàng không những lặp lại lời từ chối yêu cầu của Trung Hoa mà lại còn yêu cầu trục xuất Kampuchia Dân chủ ra khỏi Liên Hợp Quốc, giữ ghế trống cho đến khi có đại biểu mới. (33) Tuy nhiên việc Trung Hoa tạo cho ông ta một cuộc sống thoải mái và danh dự cũng không ngăn được ông ta tiếp tục gay gắt lên án Khmer Đỏ và phê bình chính sách của Trung Hoa về điều gọi là “chống Việt Nam cho tới người Khmer cuối cùng.” Đối với ông, phương cách giải quyết vấn đề Kampuchia là thông qua một hội nghị Genève mới, bảo đảm an ninh cho Việt Nam và bảo đảm độc lập của Kampuchia. Ông ta chế nhạo về điều Trung Hoa chủ trương gây áp lực làm cho Việt Nam bị đè bẹp. Những nhà lãnh đạo Trung Hoa hết sức giận dữ về những lời phát biểu của ông hoàng ở Bắc Kinh, đặc biệt hồi đầu năm 1980, ông ta bày tỏ ý muốn trở về sống ở Kampuchia như một công dân thường, rằng thực ra họ đã kiểm soát ông ta. Hồi tháng Bảy/1980, khi ngoại trưởng Thái không được dàn xếp để họp với Sihanouk làm cho ông ta giận dữ và thất vọng vì ông ta phải từ Bình Nhưỡng đến để tham dự cuộc họp này. Ông ta tuyên bố với báo chí là ông ta nghĩ, không tham gia chính trị nữa. Qua kinh nghiệm hồi tháng Tám/1979, khi Trung Hoa cũng có cách thức như trên để cản trở kế hoạch của ông ta họp với phó tổng thống Mỹ, Walter Mondale, Sihanouk cũng cho như thế là đủ.

Tuy nhiên, các nước Đông Nam Á gây áp lực với Trung Hoa. Trong cuộc thăm viếng đạt được kết quả tốt đẹp ở Bắc Kinh hồi mùa thu/1980, thủ tướng Thái Prem Tinsulanon và thủ tướng Singapore Lý Quang Diệu cả hai đều thúc đẩy Trung Hoa nên bỏ rơi ba tay Khmer Đỏ -Pol Pot, Ieng Sary và Khieu Samphan- nổi tiếng tàn ác- khỏi quyền lãnh đạo và chấp thuận vai trò Sihanouk và Son Sann. Đặng Tiểu Bình thẳng thừng nói với Prem rằng nếu loại trừ ba tay lãnh đạo này sẽ làm hỏng ngay tinh thần chiến đấu của Khmer Đỏ đang đóng vai trò nước đệm giữa Thái Lan và Việt Nam. Tuy nhiên Đặng chấp thuận đề nghị đưa Sihanouk và Son Sann vào một liên minh với Khmer Đỏ -với một điều kiện “hai ông này không phá hoại cuộc chiến đấu chống Việt Nam.”(36)

Trung Hoa có nhiều lý do để lo ngại không chỉ Sihanouk mà thôi mà cả người cộng sự với ông ta trước kia trong vai trò thủ tướng: Son Sann, con người ăn nói dịu dàng, không cả quyết, đang chỉ huy một lực lượng sáu ngàn người của Mặt trận Nhân dân giải phóng Quốc gia Khmer (People's National Liberation Front -KPNLF) do tướng Dien Del chỉ huy đóng trên biên giới Thái-Kampuchia. Son Sann là người kiên trì, chỉ chịu liên minh với Khmer Đỏ khi nào ba tay lãnh tụ nổi tiếng tàn ác nói trên bị loại trừ mà thôi. Ông ta cũng đòi trang bị thêm vũ khí cho binh

lính của ông ta trước khi hợp tác với Khmer Đỏ. Ông ta cứ nói đi nói lại hoài không biết chán: “Trước khi vào hang cọp tôi cần có cây gậy.”

Tuy nhiên, Đặng trấn an Lý Quang Diệu rằng Trung Hoa không đòi hỏi Khmer Đỏ nắm lại quyền lực ở Kampuchia. Nếu có một cuộc bầu cử sau khi Việt Nam rút quân thì Khmer Đỏ sẽ bị thất bại. Trung Hoa chấp thuận điều ấy. Đặng hỏi Lý về nhiệt tình mới của ông ta đối với nền dân chủ tư sản: “Ông có chịu Khmer Đỏ cầm quyền sau cuộc bầu cử?” Lý trả lời “Dĩ nhiên” nhưng người ta tin chắc rằng điều ấy chẳng bao giờ có được.(37) Sau chuyến viếng thăm, Lý thấy thỏa mãn với đề nghị triệu tập một hội nghị quốc tế để giải quyết vấn đề Kampuchia và thiết lập một nền cai trị thông qua bầu cử tự do.

Vấn đề bây giờ là các nước ASEAN muốn hình thành một liên minh mới cho Kampuchia trước khi có cuộc họp quốc tế để bàn về Kampuchia. Tháng Hai/1981, phái viên đặc biệt của ASEAN, ông Anwar Sany, một nhà ngoại giao Indonêxia bay đi Bình Nhưỡng để gặp Sihanouk thúc đẩy ông này đứng ra lãnh đạo một chính quyền liên minh mới này. Việc này xảy ra sau khi các đại sứ Trung Hoa và Kampuchia Dân chủ ở Bình Nhưỡng, cả hai đều năn nỉ ông hoàng tham gia liên minh của họ.

Sihanouk bị những áp lực. Ông ta cảm thấy có thể bị mất cơ hội. Hồi mùa thu năm 1979, ông ta tập họp những người ủng hộ ông ta trong một Liên Minh những người Khmer Quốc Gia và đề nghị nói chuyện với Việt Nam đề “bảo tồn độc-lập và trung-lập” của Kampuchia. Nhưng sau đó, ba lá thư ông viết cho người bạn cũ Phạm văn Đồng đều không được trả lời. Lời đề nghị công khai của ông được gửi tới cho Heng Samring, người cai trị Kampuchia như một “dân thường” cũng bị lạnh nhạt bác bỏ. Hơn thế, cánh cửa phía Việt Nam dành cho ông giờ đây đóng lại. Ông ta cố gắng tạo ra mục tiêu hỗ trợ với Kampuchia Dân chủ để thành lập một chính phủ lưu vong của chính ông ta nhưng chỉ được phương Tây miễn cưỡng chấp thuận. Sihanouk không vui nếu phải rút lui khỏi sân khấu chính trị, quay trở lại với những người cùng tham gia chính trị với ông trong quá khứ. Không những ông ta bị một số người yêu nước lưu vong đã kích về điều họ gọi là lòng ích kỷ trong khi miễn cưỡng tham gia cuộc đấu tranh cho độc lập của Kampuchia, chính hình ảnh của ông như một vị cha già của nước Kampuchia hiện nay và quá trình lịch sử của ông không cho phép ông rút lui khỏi sân khấu chính trị. Ông giải quyết tình trạng tấn thối lưỡng nan bằng cách tuyên bố sẵn sàng bắt tay với Khmer Đỏ và đưa ra nhiều điều kiện để có thể hình thành liên minh mới.

Chỉ một thời gian ngắn sau khi ông hoàng làm cho thế giới ngạc nhiên bằng việc ông ta tuyên bố sẵn sàng bắt tay với Khmer Đỏ, ông ta trả lời tôi trong một cuộc phỏng vấn như sau. Từ năm 1970, khi ông ta lưu vong lần đầu ở Bắc Kinh, mỗi năm ông ta tới sống ở Bình Nhưỡng -tại tư dinh vĩ đại gồm bốn chục phòng ở bên ngoài thủ đô do chủ tịch Bắc Cao Ly Kim Nhật Thành, một người bạn cũ, ra lệnh xây cho ông. Có giấy chiếu khán do ông hoàng bảo đảm với Kim Nhật Thành, tôi bay tới thủ đô bằng giá Bắc Triều Tiên. Ở giữa cuộc phỏng vấn (tại ngôi lâu đài ông ta đang ở có nhiều ngọn đồi chung quanh đang bị tuyết bao phủ trắng xóa và mặt hồ đang bị đóng băng), ông hoàng chỉ vào một cái bàn và nói với giọng cười có vẻ nôn nóng như thường thấy: “Đây là cái bàn tôi sẽ ngồi với Khiêu Samphan để thương thảo. Và rồi sẽ có chuyện bất đồng.” Bày tỏ lòng trong trắng là điều đặc sắc nơi ông, ông hoàng nói: “Bây giờ hay ngày mai, tôi chưa sắp sẵn để trả lời vâng với Khmer Đỏ hay phải tới tháng Mười một (ngày ông ta tuyên bố hợp vòng hai với Khiêu Samphan). Tôi cần có thời gian thuận tiện để nói với người Trung Hoa.”

Như Sihanouk tiên đoán, cuộc họp lần đầu với Khiêu Samphan hồi tháng Ba bị thất bại vì những điều kiện ông ta đưa ra khi liên minh với Khmer Đỏ. Trong 9 điều kiện đó, điều kiện nói về tương lai là khó khăn nhất. (39)

Khiêu Samphan từ khước điều Khmer Đỏ sẽ buông súng cùng với các lực lượng kháng chiến khác khi đã có quân đội quốc tế đến giữ gìn hòa bình thay thế cho quân đội Việt Nam rút lui. Những biến cố về sau cho thấy Sihanouk đung tơi vấn đề then chốt có tính cách phá hoại

quyền lợi Khmer Đỏ và Trung Hoa, về mặt khác, có ảnh hưởng đến các nước không Cộng sản ở Đông Nam Á.

## Vú em của Đặng

Các nước ASEAN chẳng hiểu Khmer Đỏ thiếu khôn ngoan như thế nào khi từ chối ý kiến giải giới và từ bỏ quyền lực như là một phần trong công cuộc ổn định tình hình. Các nước này thỏa mãn về sự khôn ngoan của Trung Hoa khi họ đồng ý tham gia cuộc họp quốc tế bàn về vấn đề Kampuchia. Tuy nhiên hy vọng đó kéo dài không lâu khi Moscow và Việt Nam nói rõ ra rằng họ không khứng tham gia một cuộc họp như thế. Lại nữa, công việc này lại thêm khích lệ vì Trung Hoa cho biết họ không tìm cách bảo vệ ảnh hưởng của họ qua vai trò của Khmer Đỏ. ASEAN tiếp tục gây áp lực để hình thành một buổi họp quốc tế. Một kế hoạch hòa bình hợp lý nhứt có quan tâm đến quyền lợi Việt Nam được các siêu cường hỗ trợ, gồm cả Trung Hoa và Hoa Kỳ. Theo sự tính toán của các nước trong Hiệp Hội Đông Nam Á, họ sẽ lôi kéo Hà Nội vì Hà Nội sẽ bị mất mặt nếu đứng ngoài hội nghị. Các nước ASEAN, đặc biệt là Singapore ngạc nhiên và bực dọc vì tình hình không mấy xuông xẻ.

Tháng Bảy năm 1981, một bản tuyên bố dự thảo triệu tập hội nghị quốc tế về vấn đề Kampuchia (ICK) do ASEAN đề nghị, - thủ tướng Lý Quang Diệu đề khởi- có tính cách hòa giải làm cho Việt Nam ngạc nhiên. Bản dự thảo này phản ảnh tính chất thỏa hiệp chung của nước trong Hiệp Hội Đông Nam Á, qua đó cho thấy chính sách gây chiến của Trung Hoa không phục vụ cho quyền lợi của họ. Một nước Việt Nam yếu kém và việc ủng hộ Khmer Đỏ (thân Trung Hoa) sẽ làm nghiêng lệch nghiêm trọng cán cân quyền lực trong khu vực này. Xây dựng một chính quyền độc lập và không liên kết ở Kampuchia bằng cách loại Khmer Đỏ qua một cuộc bầu cử là mối quan tâm của Việt Nam và Thái Lan, ngăn không cho Trung Hoa can thiệp vào những vấn đề Đông Nam Á.

Các nước ASEAN bày tỏ “quan tâm chính đáng đối với các nước láng giềng của Kampuchia (ám chỉ Việt Nam) không trở thành một đe dọa hoặc bị nước khác xử dụng để lật đổ hay tấn công vũ trang chống lại ASEAN.” Bản tuyên bố đó bao hàm một ẩn ý đổ lỗi cho Việt Nam can thiệp vào chủ nghĩa phiêu lưu của Khmer Đỏ và sự hiện diện quân sự của Trung Hoa ở Kampuchia. Bản tuyên bố cũng đề nghị viện trợ quốc tế cho Kampuchia để xây dựng lại những gì bị tàn phá trong cuộc chiến tranh Việt Nam xâm lược, sau khi cuộc xung đột ở Kampuchia được giải quyết. Bản tuyên bố đó cũng yêu cầu Việt Nam rút quân khỏi Kampuchia tiếp sau việc giải trừ vũ trang tất cả lực lượng Khmer, tạm thời thành lập một chính quyền để tổ chức bầu cử.

Sau cuộc họp ở Liên Hợp quốc ngày 13 tháng Bảy, bản tuyên bố dự thảo của ASEAN bị Trung Hoa và Khmer Đỏ bác bỏ. Họ chống lại ý định mời đảng Nhân Dân Cách mạng thân Việt Nam tham gia hội nghị. Những lời phát biểu về mối quan tâm chính đối với các nước láng giềng Kampuchia cũng vì áp lực mà không được chú ý tới nữa. Tuy nhiên ASEAN đặt ra vấn đề giải trừ vũ khí các phe phái Kampuchia và thiết lập một chính quyền tạm thời. Các nhà ngoại giao Singapore ngạc nhiên nhận ra rằng việc Đặng bảo đảm với Lý Quang Diệu về một cuộc tuyển cử chẳng có ý nghĩa như đã đề cập. Tại cuộc họp ngày 15 tháng Bảy, đại sứ Singapore tại Liên Hợp quốc Tommy Koh, đại diện các nước ASEAN tự thấy phải đối đầu gay gắt với đại sứ Trung Hoa tại Liên Hợp quốc, Lin Qing. Trước sự hiện diện của 40 quan sát viên, gồm cả các nhà ngoại giao Mỹ, Lin Qing trích dẫn luật pháp quốc tế để bảo vệ Khmer Đỏ. Tuy nhiên, đại sứ Singapore là một khoa trưởng tại trường đại học Singapore, ông này lớn tiếng nói: “Thưa ông đại sứ, ít ra tôi cũng biết những điều thuộc về luật pháp quốc tế như ông nói, nhưng luật pháp đâu có phải là không áp dụng cho các nhóm man rợ.” Rồi ông ta bắt đầu thuật lại chi tiết những tài liệu thu thập



được ở Kampuchia trong khoảng bốn năm khiến mọi người muốn dựng tóc gáy. Vài người Kampuchia ở trong phòng hội bắt đầu khóc. (40)

Trong một cuộc họp khác với các ngoại trưởng ASEAN, thứ trưởng ngoại giao Hàn Niệm Long của Trung Hoa đâm tay xuống bàn nói rằng ông ta đã nghe đủ những lời phê bình Khmer Đỏ. “Nếu hôm nay ở đây không kiên trì đấu tranh cho Kampuchia Dân chủ thì chúng ta thảo luận cái gì, không phải là vấn đề Kampuchia mà lại là vấn đề của Thái Lan” (41) Ông ta nhắc cho họ biết rằng tước vũ khí Khmer Đỏ, không những làm nản lòng những người chiến đấu, nó còn là một cú đâm vào mặt nước Kampuchia Dân chủ là chính quyền hợp pháp. Ông ta gay gắt hỏi những nhà ngoại giao trong khối ASEAN: “Quý vị có thể yêu cầu một thành viên hợp pháp nào đó của Liên Hợp quốc hạ vũ khí hay không? Làm thế nào chúng ta có thể thiết lập một chính quyền tạm thời trong lãnh thổ của một quốc gia thành viên Liên Hợp quốc, khi quốc gia đó là nạn nhân của một cuộc xâm lược?” Theo con mắt của Trung Hoa, sau khi Việt Nam rút quân, chỉ có chính quyền của Khmer Dân chủ có tư cách mở cuộc tuyên cử mà thôi.

Trong hội nghị quốc tế bàn về Kampuchia này, Trung Hoa dùng diễn đàn đó gây tức giận cho các nhà ngoại giao khối ASEAN, vai trò của Hoa Kỳ bị va chạm ngay. Năm 1980, tổng thống Ronald Reagan, trong cuộc vận động tranh cử, nói với Trung Hoa là ông ta sẽ thiết lập ngoại giao với Đài Loan. Nay thì ngoại trưởng của ông ta, Alexander Haig, có khuynh hướng ngược lại để làm vui lòng Trung Hoa. Haig ghi nhận, vì quyền lợi chiến lược của Hoa Kỳ, “Trung Hoa là quốc gia quan trọng nhất trên thế giới.”

Cũng trong hội nghị này, với tinh thần thân Trung Hoa, Haig đứng về phía Bắc Kinh, chống lại các đồng minh không Cộng sản và cũng là bạn hữu của Mỹ. Một nhà ngoại giao hàng đầu ASEAN thuật lại một cách cay đắng: “Haig và Holdridge, phụ tá của ông bước ra khỏi phòng Đại hội đồng khi Ieng Sary đứng lên nói: “Có vẻ gì một chút kịch tính xuất hiện trên trang đầu của tờ New York Times nhưng phía sau thì gây sức ép với chúng tôi để chấp thuận đề nghị của Trung Hoa” (43)

Holbridge và phụ tá thứ trưởng ngoại giao phụ trách vùng Đông Nam Á John Neproponte thực hiện các chuyến đi Đông Nam Á, khuyến khích các bộ trưởng ngoại giao những nước này đừng thúc đẩy Trung Hoa phải nhượng bộ vì nhà lãnh đạo thực tiễn này đang chịu áp lực của cánh Tả. Ngoại trưởng Indonésia Mochtar Kusumaatmadja vặn lại: “Nếu Đặng không kiểm soát được toàn bộ thì đó là việc của ông ta. Chúng tôi không phải là vú em của ông ấy.” (44)

Thất bại trong việc thuyết phục ngoại trưởng Singapore Suppiah Dhanabalan từ bỏ các điều khoản bị Trung Hoa chống đối, Holbridge đe dọa sẽ đem vấn đề ra thảo luận với thủ tướng Lý Quang Diệu, ngoại trưởng Dhanabalan trước khi giận dữ ra khỏi phòng họp, thách thức nói: “Xin mời! Cứ tự nhiên.” Lý không bao giờ tha thứ cho Haig và Holbridge về sự sỉ nhục này. (45)

Theo lệnh của Haig, đại sứ Mỹ ở Manila và Bangkok đặt vấn đề với tổng thống Marcos và thủ tướng Prem, thúc đẩy họ chỉ thị cho đại sứ của họ ở Nữu Ước. Mặc dù giận dữ về những điều được coi là Mỹ “phản bội”, các nước ASEAN chịu áp lực của Hoa-Mỹ và chấp thuận thỏa hiệp bằng miệng chịu từ bỏ hai điều kiện then chốt.

Cuối cùng, trở ngại vượt qua được khi các nước ASEAN chịu từ bỏ điều khoản mà họ đã cố giữ dai dẳng là tước bỏ vũ khí của người Khmer bằng một sự bảo đảm mơ hồ do “sắp xếp thích đáng là các phe nhóm vũ trang Kampuchia sẽ không cản trở hay gây khó khăn” trong cuộc bầu cử. Việc kêu gọi thành lập một chính quyền lâm thời được thay thế bằng những “biện pháp thích đáng để duy trì luật pháp và trật tự.” Với những lời hứa hẹn có tính cách chơi chữ như vậy để cho hội nghị khỏi bị tan vỡ thì những sự đối đầu gay gắt giữa Trung Hoa và các nước ASEAN -điều đại sứ Tommy Koh gọi là điều “cay đắng nhất trong 13 năm của tôi ở Liên Hợp quốc”- biểu lộ điều che dấu dưới bộ mặt chung chống Việt Nam chiếm đóng Kampuchia và dạy cho nhóm này một bài học về thái độ chính trị của các siêu cường.(46)

## Liên minh chiến đấu

Mặc dù thái tử Sihanouk từ chối tham gia Hội nghị bàn về Kampuchia, và kêu gọi một “tòa án” để chống Việt Nam hơn là triệu tập hội nghị, hồi mùa hè năm 1981, ông ta lại có khuynh hướng hình thành một liên minh. Tháng Tám, ông ta gặp Son Sann lần đầu tiên kể từ năm 1970 khi ông cựu thủ tướng này rời Phnom Pênh đi Paris. Son Sann là một giáo sư kinh tế học, là thầy dạy riêng cho Sihanouk khi ông này còn trẻ, sau đó ông ta làm chủ nhà băng, bộ trưởng tài chính rồi thủ tướng. Mặc dù họ hợp tác với nhau gần gũi và lâu dài cho đến cuối thời kỳ Sihanouk cai trị và họ cũng chẳng trao đổi gì với nhau tại cuộc họp hồi tháng Tám, áp lực hòa giải với chế độ phong kiến cũ là từ phía các nước ASEAN. Trong một cuộc họp kín tại tòa đại sứ Thái ở Paris, bộ trưởng ngoại giao Thái Sitthi Sawetsila, một viên chức cao cấp Thái gặp Sihanouk sau 15 năm, đã khuyên Sihanouk nên quên đi chuyện quá khứ để lãnh đạo liên minh.

Với một đồng minh như Thái Lan, ông hoàng Sihanouk thấy rõ những quan hệ cay đắng và bi thảm trong quá trình lịch sử. Hồi năm 1962, Sihanouk thừa Thái Lan ra Tòa án Quốc tế buộc Thái Lan phải nhượng bộ Kampuchia về một ngôi chùa mà Thái cũng đòi hỏi. Trong suốt 15 năm cầm quyền, ông ta đã cảnh cáo dân chúng Kampuchia về chủ nghĩa bành trướng Thái Lan cũng như những nhà cầm quyền quân sự Thái. Nay thì vấn đề an ninh của Thái Lan vượt quá những tình cảm lịch sử bệnh hoạn. Một cuộc thảo luận trong nội bộ Thái Lan xem xét về việc có ích hay không khi liên minh với Sihanouk đã được củng cố thêm khi giới quân sự Thái nhận được ý kiến từ hoàng gia Thái cho hay rằng việc hòa giải với thái tử Sihanouk giờ đây là quyền lợi của chính Thái Lan. (47)

Sau khi được các nước trong khối ASEAN và Hoa Kỳ dỗ ngon dỗ ngọt, cả Sihanouk và Son Sann bay tới Singapore hồi tháng Chín 1981 để ký một văn bản thỏa thuận thành lập một chính phủ liên hiệp.

Khi đã có thỏa thuận Kampuchia Dân chủ là thành phần chính thức được quốc tế ủng hộ, ý kiến khác nhau của năm thành viên ASEAN là những điều liên minh này phải thực hiện. Mã Lai và Indônêsi coi liên minh này như là một điểm căn bản cần thiết, trong đó lực lượng thứ ba có thể phát triển trở thành đại diện cho đa số dân chúng Kampuchia, thành phần đa số này không ủng hộ Việt Nam cũng như Khmer Đỏ. Đối với họ, việc thành lập liên minh là một mưu mẹo của những nhà lãnh đạo không Cộng sản nhằm để vượt trội lên trên thành phần Khmer Dân chủ hợp pháp rồi cuối cùng sẽ nói chuyện với Việt Nam sau khi đẩy Khmer Đỏ ra khỏi liên minh. Bộ trưởng ngoại giao Mã Lai Tan Sri Ghazali Shafie giải thích với tôi: “Tại vì Trung Hoa không muốn giải giới Khmer Đỏ nên chúng tôi phải xây dựng một lực lượng không Cộng sản có tương nhượng lẫn nhau.” Việc thành lập liên minh có thể dọn đường cho lực lượng vũ trang không-Cộng sản. Ông ta cho rằng lực lượng vũ trang thứ ba “không có ý định chống lại Việt Nam nhưng nhắm tới mục đích tương đồng giữa các lực lượng tham gia liên minh và tạo niềm tin cho lực lượng không-Cộng sản như là một thành phần thương thuyết với Việt Nam.”(48) Tuy nhiên, quan điểm thượng phong của Thái Lan lại liên kết chặt chẽ với việc tiếp tục gây áp lực với Việt Nam qua vai trò Khmer Đỏ và liên minh chỉ hữu ích khi giành được sự ủng hộ quốc tế. Quan điểm của Singapore rất gần gũi với Thái Lan nhưng Singapore lại quan tâm tới việc Khmer Đỏ không được thuận lợi khi ở trong liên minh đó. Sau khi đạt được thỏa thuận căn bản hồi tháng Chín, cả ba thành phần phải sa lầy khi thảo luận vấn đề ai sẽ giữ vai trò gì, khi nào thì tập trung hay phân tán quyền chỉ huy. Singapore can thiệp để giúp giải quyết việc tranh cãi bằng một kế hoạch của Singapore là tạo một “liên minh lỏng lẻo” để cho mỗi bên có thể giữ quyền tự trị và từ chối Khmer Đỏ có cơ nắm quyền hành. Sau tám tháng tranh cãi gay go, cũng như các nước ASEAN đe dọa cắt đường tiếp vận cho Mặt trận Đoàn kết giải phóng Kampuchia và rút lui việc thừa nhận chính quyền Kampuchia Dân chủ, một hình thức liên minh có thể chấp thuận được đã hình thành.

Tới tháng Năm/ 1982, trở ngại cuối cùng về vấn đề ai giữ hai vai trò cao nhất trong chính quyền liên minh lại vượt qua được khi ngoại trưởng Thái Sitthi bay tới Bắc Kinh để thảo luận với Sihanouk (Lúc này thỏa hiệp toàn bộ với Trung Hoa). Sihanouk nắm ghế chủ tịch, Son Sann là thủ tướng, Khiêu Samphan nắm ghế phó thủ tướng kiêm bộ trưởng ngoại giao. Về sau Sihanouk giải thích với tôi: “Sau khi mượn tiếng của tôi mà làm, cuối cùng chúng tôi phải đầu hàng.” ASEAN và Hoa Kỳ cho ông ta và Son Sann thấy rõ rằng là họ chỉ ủng hộ cho một chính quyền hợp pháp giống như Kampuchia Dân chủ và không ủng hộ cho phong trào du kích. Ngày 22 tháng sáu năm 1982, cả ba nhà lãnh tụ họp ở thủ đô Kuala Lumpur của Mã Lai để ký một thỏa hiệp về chính phủ Liên minh Kampuchia Dân chủ -chưa có danh xưng Chính phủ Liên minh Kampuchia Dân chủ để mở rộng cuộc xung đột ở Kampuchia. Về mặt cân bằng phe nhóm, liên minh tuồng như có lợi cho Khmer Đỏ. Các thành phần không chịu chấp nhận điều khoản thứ tư - cấu trúc ba đảng, không bên nào thắng thế, đạt được thỏa hiệp chung, chấp thuận lá cờ Kampuchia Dân chủ và quốc ca -bảo đảm cho Khmer Đỏ có quyền rút lui khỏi liên minh với danh xưng Kampuchia Dân chủ của họ. Trong khi có vài ý kiến lo sợ Khmer Đỏ tự ý rút lui, điều lệ cuối cùng dù sao cũng chấm dứt mọi hy vọng rằng các phe phái không - Cộng sản sẽ có ngày nắm lấy cái võ khoác hợp pháp của Khmer Đỏ. Khmer Đỏ cũng chiến đấu và cố giữ quyền lãnh đạo chính sách ngoại giao và tất cả các thành viên ngoại giao ở ngoài nước cũng vẫn còn trong tay họ.

## Học cách sống với việc từ chức

Mặc dù tuồng như Việt Nam không bị gây ảnh hưởng gì lắm với chính phủ liên minh Kampuchia Dân chủ, hình thức chính phủ đó tăng cường vị trí quốc tế và đem lại hơi thở mới cho phong trào kháng chiến. Từ năm 1982 uy tín của Kampuchia Dân chủ không còn bị thách thức tại diễn đàn Liên Hợp quốc nữa và số quốc gia bỏ phiếu tán thành giải pháp của ASEAN chống lại Việt Nam tăng từ 91 năm 1979 lên tới kỷ lục 114 năm 1985. ASEAN và Hoa Kỳ xúc tiến chương trình giúp đỡ quân sự và kinh tế cũng như huấn luyện cho các thành phần không-Cộng sản trong liên minh Kampuchia Dân chủ. Trung Hoa và Bắc Triều Tiên cũng viện trợ cho các thành phần không-Cộng sản trong liên minh này nhưng một số viện trợ rất lớn thì dành cho Khmer Đỏ. Nhờ có lương thực và viện trợ nhân đạo của các tổ chức quốc tế giúp đỡ cho các trại nằm dọc theo biên giới Miên Thái và viện trợ quân sự của ASEAN và Trung Hoa, lực lượng kháng chiến không-Cộng sản tăng lên tới con số ba chục ngàn người.

Trong khi cố gắng xây dựng những thành phần không -Cộng sản có thể tồn tại được để đối thoại với Việt Nam, ASEAN cũng vẫn giữ áp lực ngoại giao với Hà Nội để đề nghị hội nghị thương thảo. Có khoảng hơn một chục đề nghị khác nhau -trong đó khác với bản tuyên bố về hội nghị quốc tế của ASEAN - các nước không-Cộng sản thúc đẩy Việt Nam rút quân khỏi Kampuchia và để cho nhân dân Kampuchia thực hiện quyền tự quyết dưới sự giám sát quốc tế. Tuy nhiên, đằng sau bộ mặt đoàn kết của ASEAN, Indônêsi và Mã Lai, những nước quan tâm từ lâu tới mối đe dọa của Trung Hoa trong khu vực này đã thúc đẩy đà tiến hòa giải. Tướng Benny Murdani, sau này là giám đốc cơ quan tình báo Indônêsi, thực hiện hai chuyến đi kín tới Hà Nội năm 1980 và 1982, về mặt hình thức là để hòa giải. Một phần Jakarta không tin tưởng Trung Hoa vì chính vai trò của họ đóng góp trong cuộc nổi dậy bất thành của Cộng sản Indônêsi hồi năm 1965, cảm tình của Indônêsi đối với cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Việt Nam cũng như sự khiêu khích của Bắc Kinh, đặc biệt Benny bày tỏ thông cảm đối với việc Việt Nam can thiệp vào Kampuchia như là một hành động tự vệ chính đáng. Tuy nhiên, vì sự chống đối mạnh mẽ của Thái Lan và Singapore, bỏ rơi việc coi như đã xảy ra rồi ở Kampuchia để chấp thuận việc dàn xếp quốc tế. Hồi đầu năm 1983, cố gắng của Mã Lai nhằm tạo đối thoại giữa ASEAN hai

nước Đông Dương -Việt Nam và Lào- đã bị Thái Lan và Trung Hoa từ chối thẳng thừng. Một đề nghị khác của Mã Lai hồi năm 1985 thực hiện một cuộc đối thoại trực tiếp giữa Heng Samrin và Liên minh Kampuchia Dân chủ lại cũng bị Thái Lan và Trung Hoa cũng như Khmer Đỏ từ khước. Họ cho rằng làm thế có khác chi Khmer Đỏ bỏ đi cái thế hợp pháp. Một đề nghị khác của Indônêsiá về việc bình thường hóa quan hệ Mỹ-Việt có thể đóng góp phần lớn, coi như khuyến khích Việt Nam rút quân khỏi Kampuchia lại cũng bị Thái Lan và Singapore lạnh nhạt khước từ.

Sau khi giành được sự thừa nhận của quốc tế, vai trò đoàn kết của ASEAN trở thành quan trọng trong việc tìm kiếm giải pháp cho Kampuchia. Vai trò đoàn kết của ASEAN vẫn được duy trì vì sự trì hoãn của “quốc gia tiên tuyến” Thái Lan. Sự chống đối cương quyết của Thái Lan tạo nên cảm nghĩ chua xót cho Indônêsiá. Nước này biết rằng mặc dù họ là một quốc gia lớn nhất và đông dân nhất ở Đông Nam Á, Bangkok vẫn giữ vai trò xỏ mũi dắt đi. Theo quan điểm của Indônêsiá, cuộc xung đột kéo dài ở Kampuchia không những chỉ là mối đe dọa làm tan vỡ liên minh các nước trong khu vực mà còn mở đường cho việc can thiệp của các siêu cường càng lúc càng gia tăng. Điều Indônêsiá muốn là Việt Nam hợp tác với cộng đồng Đông Nam Á và xây dựng một “chiến hào bảo vệ” chung quanh các nước này để tránh sự can thiệp của các cường quốc, ngay cả Trung Hoa. (49)

Đối với Kampuchia, duy trì sự kết hợp một liên minh gồm nhiều thành phần nhỏ trong phương cách nào đó để tạo áp lực với họ hơn là duy trì tình đoàn kết của các nước ASEAN. Không những không có sự điều hòa giữa các thành phần liên minh mà họ lại còn thường lên lút đã kích nhau. Khmer Đỏ và các lực lượng không-Cộng sản đôi khi ngẫu nhiên chạm súng với nhau. Vài nước thành viên ASEAN cố gắng đẩy bọn Khmer Đỏ đáng tởm ra khỏi liên minh. Âm ảnh về sự ngờ vực lẫn nhau giữa các thành phần liên minh và giữa các nước ASEAN với nhau vẫn còn kéo dài. Hồi tháng Chín năm 1983, trong một bữa tiệc do ASEAN tổ chức tại khách sạn Waldorf-Astoria ở Nữ Ước để vinh danh thái tử Sihanouk, ngoại trưởng Mã Lai Ghazali kín đáo thăm dò vấn đề với Khiêu Samphan: “Có thể ông vui lòng yêu cầu các ông Pol Pot, Ieng Sary và Ta-Mok hãy vì Kampuchia mà rút lui khỏi chính quyền?”

Sihanouk liền nhảy vào đề tài đó với lời đề nghị. Nếu “ngài đáng kính Pol Pot” trao quyền chỉ huy quân sự cho Samphan thì Sihanouk rất vui lòng nhường tòa lâu đài của ông ở Bình Nhưỡng và cái biệt thự nhỏ của ông ở Mougins lại cho Pol Pot. Phấn khởi với việc này, ông hoàng nói thêm rằng tòa lâu đài ở Bình Nhưỡng có trang bị hồ tắm, phòng chiếu phim, sân vũ cầu và sân bóng rổ. Sihanouk trấn an: “Quý vị có đủ thứ bồi bếp nấu ăn: Pháp, Khmer, Trung Hoa. Quý vị tiêu khiển thì giờ một cách thích thú.” Khiêu Samphan nhả mặt trả lời: “Tất cả những cái đó không quan trọng. Điều đáng nói là đoàn kết. Chúng ta luôn luôn đoàn kết và chúng ta cũng sẽ luôn luôn đoàn kết như vậy. Không ai có thể chia rẽ chúng ta.” Sau vài phút im lặng khó chịu, các bộ trưởng tiếp tục bữa tiệc.” (50)

Biết trước cuộc họp cấp bộ trưởng vào tháng Bảy năm 1984 sẽ lại đặt vấn đề rút lui của một vài khuôn mặt nổi tiếng tàn ác Khmer Đỏ, Đặng bảo thẳng cho chính phủ liên hiệp Khmer Dân chủ biết. Tiếp Sihanouk, Son Sann và Khiêu Samphan cùng họp một lần tại Bắc Kinh vào tháng Mười/1984, Đặng đe dọa sẽ cắt hết viện trợ cho mọi thành phần kháng chiến nếu một thành viên bị trục xuất khỏi liên minh. Sau này Sihanouk kể lại, Đặng rất giận dữ. Ông ta hăm hè: “Tôi không hiểu tại sao vài người muốn trục xuất Pol Pot. Quả thực ông ta có làm vài điều sai lầm trong quá khứ nhưng hiện giờ ông ta lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Việt Nam xâm lược.” (51)

Sự căng thẳng tiềm ẩn bên trong chính phủ đoàn kết Kampuchia Dân chủ không phải là vì Sihanouk lặp lại lời đe dọa rút lui khỏi liên minh. “Trước khi nước Kampuchia được độc lập, tôi chỉ có một ông chủ - Nước Pháp - nhưng sau khi mất nền độc lập một lần nữa, tôi phải đối phó với tám ông chủ.” Sihanouk chán nản nói với một cộng sự. Tám ông chủ đó gồm có sáu nước trong khối ASEAN, Trung Hoa và Hoa Kỳ.

Một trong những lời đe dọa nghiêm trọng nhất đòi rút lui khỏi liên minh xảy ra hồi tháng Mười một/1984 trong khi ông ta đang thăm Paris, lại có lời đồn ông ta sẽ gặp Hun Sen, bộ trưởng ngoại giao của Heng Samrin, lúc đó đang đi thăm Paris với tính cách riêng. Ngày 22 tháng Mười một, đại sứ Thái ở Paris, Arun Phanupong đang tham dự một cuộc họp của UNESCO, chuẩn bị lên diễn đàn phát biểu thì ông ta nhận được một bức điện của cấp chỉ huy, Sitthi Sawetsila, yêu cầu ông này dàn xếp gấp một cuộc gặp gỡ cho ông ta với Sihanouk. Sitthi đang trên chuyến bay tới Paris để ngăn chặn Sihanouk. Arun vội vàng bỏ đi không kịp đọc diễn văn.

Ông ta gặp ông hoàng và hỏi ông này có thật ông ta nói với Khieu Samphan muốn từ chức hay không. Arun kể lại: “Ông ta gay gắt. Sihanouk nói “Tôi chán ngấy. Tôi chẳng làm được gì với cái liên minh đó cả.” Lời phát biểu của ông hoàng là do những người biểu tình thân Son Sann kích động ở Minneapolis, những người này đã kích dữ dội ông hoàng trong chuyến đi thăm của ông mười hai ngày trước đó. Sau đó ông ta bình tĩnh và mời Sitthi cùng ăn trưa với ông tại một khách sạn ở ngoại ô Paris. Qua cơ quan thông tin quốc tế của Thái, Arun gọi điện cho Sitthi đang ở trên máy bay và báo cho ông này tới thẳng phi trường Charles De Gaulle để dùng cơm trưa với Sihanouk. Qua bữa ăn, Sitthi lên án hành động những người ủng hộ Son Sann và thuyết phục ông hoàng nên duy trì vai trò lãnh đạo liên minh. Buổi tối đó về lại Paris, Sitthi thấy buồn nôn. Một chiếc xe Mercedes dơ bần là cái giá nhỏ để giữ cho liên hiệp chính phủ Kampuchia Dân chủ sống còn.(52)

Bốn tháng sau, Sihanouk lại đe dọa từ chức, lấy lý do là kém sức khỏe nhưng rõ ràng là ông ta phản kháng việc Trung Hoa từ chối tìm cách nói chuyện với Hà Nội. Ngoại trưởng các nước ASEAN lại vội vã họp nhau ở Bangdung để thảo một văn thư kêu gọi ông hoàng đừng từ chức. Sihanouk đồng ý, nhưng tới tháng 7 năm 1985, ông ta lại công khai tố cáo Khmer Đỏ, một thành viên của liên minh đã giết 38 binh sĩ của ông và cảnh cáo rằng nếu chuyện ấy còn xảy ra nữa thì “quyết định của tôi rút ra khỏi liên minh sẽ không tránh khỏi.”

Mặc dù liên minh vẫn tồn tại khi vượt qua được những khó khăn nội bộ, việc bất tín nhiệm lại xảy ra trong mùa khô 1984-85. Trong vòng 5 tháng hứng chịu những cuộc tấn công của Việt Nam vào các trại dân sự và quân sự dọc theo biên giới Thái - Kampuchia bằng pháo binh và xe tăng, chấm dứt cái ảo tưởng về một vùng lãnh thổ của nước Kampuchia Dân chủ. Việt Nam chiếm đóng vùng này, bao gồm cả một vài căn cứ tiếp liệu quan trọng của Khmer Đỏ và luôn cả cái họ gọi là thủ đô của họ. Ngôi làng tên là Phum Thmei, nằm sát biên giới Thái Lan. Làng này là thủ phủ của chính phủ liên minh Kampuchia Dân chủ, thái tử Sihanouk đã đón tiếp và cúng ly chúc mừng ngoại giao đoàn. Khi cuộc tấn công này chấm dứt và chẳng còn một chút đất nào trên lãnh thổ Kampuchia, Khmer Đỏ phải phân tán thành từng đơn vị nhỏ, xâm nhập vào trong nội địa Kampuchia và cho 45 ngàn người dân sự của họ tỵ nạn trên đất Thái Lan. Những người ủng hộ Sihanouk và Son Sann và 250 chục ngàn người tỵ nạn của họ cũng từ trong nội địa rút về bên lãnh thổ Thái Lan.

Việc rút lui quân sự biểu lộ yếu kém về ý chí, tổ chức và huấn luyện của các lực lượng kháng chiến không Cộng sản, đặc biệt là với Mặt trận Giải phóng Quốc gia Nhân dân Kampuchia (KPNLF). Không giống như đám Khmer Đỏ cuồng tín, quân kháng chiến không - Cộng sản miễn cưỡng khi phải bỏ lại gia đình trong trại tỵ nạn để đi sâu vào nội địa Kampuchia đánh du kích. Trong khi binh lính theo Sihanouk phân tán từng nhóm lẻ tẻ đi sâu vào lãnh thổ Kampuchia để tuyên truyền chính trị thì mười bốn ngàn quân của phe Mặt trận Giải phóng Nhân dân Khmer (KPNLF) bất động vì bị mất căn cứ. Một vài cấp chỉ huy quân sự của mặt trận này hết sức tức giận muốn chống lại đường lối độc tài của Son Sann. Việc ông ta thường can thiệp vào các vấn đề quân sự và từ chối hợp tác với Sihanouk cuối cùng bùng nổ công khai, trở thành sự phản kháng của binh lính vào tháng Chạp/1985. Các nước ASEAN phải can thiệp cuộc nổi dậy này. Cuối cùng quyền chỉ huy lực lượng quân sự của Mặt trận Giải phóng Quốc gia Nhân dân Khmer (KPNLF) rơi vào tay các nhà lãnh đạo quân sự Thái.

## Vịnh Cam Ranh: Con gấu miền Nam

Trong khi các nước ASEAN cố gìn giữ công cuộc kháng chiến và cái liên minh lâm thời chao đảo của Kampuchia được tồn tại, một trong những mục đích lâu dài của một cường quốc là củng cố vị thế của mình ở Đông Nam Á. Trong sáu năm kể từ cuộc xâm lăng Kampuchia, tiếp theo sự hiện diện gia tăng của Mỹ, sự có mặt quân sự của Liên Xô bành trướng ở Thái bình dương làm cho người ta lo ngại. Lợi dụng việc Việt Nam bị cô lập và yếu kém khi đối mặt với Trung Hoa cũng như tình trạng kinh tế tồi tệ, Moscow vượt lên, đóng vai trò ông chủ chính của Hà Nội. Cái giá của một ông chủ như thế chính là những tiện nghi quân sự mà trước đây bốn năm Hà Nội cương quyết từ chối không chịu dành cho Liên Xô. Sau khi Trung Hoa tấn công Việt Nam được hai năm, Moscow viện trợ quân sự cho Việt Nam một số lượng vũ khí tính ra cỡ hai tỷ đồng, gấp mười lần năm 1978. Mặc dù trong mấy năm sau viện trợ quân sự có yếu đi, hàng năm vẫn đạt tới con số 750 triệu. Tất cả những trang bị quân sự Hà Nội nhận được là thuộc hạng đồ cũ -thế hệ thứ hai- do các nước trong khối liên minh quân sự Varsôvi và các nước đồng minh khác của Liên Xô thải ra, Việt Nam vẫn tỏ lòng biết ơn Moscow. Hà Nội mở rộng cửa đón Liên Xô. Cố vấn quân sự Liên Xô có mặt ở Việt Nam tính vào khoảng hai ngàn người so với 25 người hồi đầu năm 1977. Thêm vào đó có khoảng ba ngàn chuyên viên Liên Xô phục vụ trong các công trình do Liên Xô viện trợ, bao gồm cả việc tìm kiếm dầu lửa ngoài thềm lục địa Việt Nam. Theo tin tình báo Mỹ, từ năm 1979, viện trợ của Liên Xô cho Việt Nam tính vào khoảng một tỷ đồng một năm. (53) Liên Xô cũng đồng thời gia tăng viện trợ kinh tế và quân sự cho Lào và Kampuchia và bành trướng sự có mặt của họ.

Cái giá Việt Nam phải trả cho viện trợ Liên Xô không có gì lớn. Mười một ngày sau khi Trung Hoa bắt đầu tấn công Việt Nam, Phạm văn Đồng bí mật đi Liên Xô. Chỉ một thời gian ngắn sau khi Đồng từ Liên Xô trở về hồi đầu tháng Ba/1979, nhiều tàu bè trang bị dụng cụ tình báo thuộc lực lượng đặc biệt Liên Xô bỏ neo ở Đà Nẵng.(54) Đó là những điều Đồng thỏa thuận trong chuyến đi Liên Xô của ông ta. Các nhà phân tích tình hình Mỹ cho rằng công việc xây dựng quân sự của Liên Xô bắt đầu đặt nền tảng ở Việt Nam, việc “thuê mướn” các tiện nghi quân sự mà chính là kết quả thỏa hiệp đạt được chính thức giữa Hà Nội và Moscow. Về điều khoản thứ sáu trong thỏa hiệp nói về những mối đe dọa an ninh là phải thực hiện những biện pháp thích ứng để đối kháng.

Ngày 27 tháng Ba/ 1979 cho thấy rõ ràng hơn. Một hạm đội nhỏ -gồm một tuần dương hạm, một chiến hạm nhỏ và một ngư lôi hạm -là những tàu đầu tiên của Nga thả neo ở vịnh Cam ranh hôm 12 tháng Tư/ 1905 - số tàu trong hạm đội gồm 42 tàu do đô đốc Zinovi Rozhdesventsky của Nga hoàng chỉ huy - tiến vào hải cảng này. Có điều khác là hồi năm 1905 vịnh Cam Ranh chỉ là trạm than lấy than đá do Pháp làm chủ - Lúc đó Pháp đuổi hạm đội Nga ra khỏi vịnh vì muốn giữ vị thế trung lập trong cuộc chiến tranh Nga-Nhật. Bảy mươi bốn năm sau, Cam Ranh trở thành căn cứ quân sự lớn do Mỹ để lại. Từ đó, Cam Ranh là căn cứ hải quân lớn nhất và trạm nghỉ chân của tàu chiến Liên Xô bên ngoài lãnh thổ của họ, cũng là một tiền đồn trong kế hoạch lớn của Liên Xô trong vùng biển Nam Hải (Đông Hải - nd) và Ấn Độ Dương.

Mặc dù Liên Xô đã đến hải cảng quân sự này, Liên Xô không xây dựng công trình nào lớn ở trên bờ (ngoại trừ một đài kiểm soát tình báo điện tử theo dõi hoạt động tàu Mỹ và Trung Hoa), tuy chậm nhưng gia tăng từng bước một một cách vững chắc số lượng tàu bè và máy bay hoạt động ở hải cảng. Mỗi ngày khoảng 5 đến 10 tàu hoạt động trong vịnh này hồi năm 1979 tăng lên 25 đến 35 năm 1985. Số lượng máy bay triển khai ở đây tăng từ 10 đến 15 chiếc mỗi ngày lên 35 hoặc 40 sau cuộc chiến hồi năm 1979 được 6 năm. Đặt ở Việt Nam 16 tàu đánh bom Badgers và một phi đội MiG-23 (loại hoạt động trong mọi thời tiết) cùng thêm với loại máy bay tình báo

và vận chuyển đường dài. Liên Xô có đủ khả năng đối đầu với kẻ địch ở Đông Nam Á, vượt ra ngoài điều hòa năm 1978 họ đã ao ước để có được. Tới đầu năm 1986, với chừng 20 đến 25 tàu thủy, gồm cả tàu ngầm, đủ sức phô diễn cùng với các tiện nghi tiếp tế dầu, bến cảng và sửa chữa, gia tăng gấp đôi khả năng của họ ở Ấn Độ dương, Liên Xô trở thành một lực lượng hải quân lớn ở châu Á.(55) Điều này đáng mai mỉa so với những cố gắng của Brzezinsky ủng hộ Trung Hoa để ngăn chặn sự bành trướng của Liên Xô.

## Tuyệt tan ở Liên Xô, Hà Nội lạnh lẽo

Sự có mặt của Liên xô ở Đông Dương và lực lượng quân sự của họ được xây dựng ở đây tiếp tục lớn mạnh ở hậu trường cuộc chiến tranh nhỏ Kampuchia. Chiến lược bắt buộc đằng sau “lá bài Hoa Kỳ” của Trung Hoa, tuy nhiên, hai năm sau chuyển đi Mỹ lịch sử của Đặng, (1979 - nd) chiến lược đó đã bắt đầu thay đổi. Liên minh chiến lược Hoa-Mỹ do Brzezinsky khó khăn mới đạt được hồi năm 1978 và sự phát triển của nó hồi năm 1980, khi Liên Xô tấn công Á-phủ-Hãn (Afghanistan) với những biện pháp hợp tác an ninh rộng lớn lại gặp khó khăn trong cuộc tranh cử với Ronald Reagan. (56) Trong khi vận động bầu cử, Reagan yêu cầu cải thiện quan hệ với Đài Loan. Việc này xảy ra đúng lúc vì những khó khăn chính trị nội bộ Trung Hoa bắt đầu làm cho người ta phải suy nghĩ lại việc gia tăng phối hợp chiến lược với Hoa Kỳ. Tại Hoa Thịnh Đốn, vì việc tranh cãi bán vũ khí cho Đài Loan -hai bên vẫn chưa giải quyết được, đợi mãi đến tháng Chạp/1978, khi vội vã tái lập quan hệ bình thường- chính sách ngoại giao của Trung Hoa do Đặng chủ xướng nhằm thành lập một mặt trận chống Liên Xô -cả trong cuộc thế chiến thứ ba nữa -quan điểm chính là tìm kiếm chính sách hợp tác hơn đối đầu. Chính sách hợp tác đó thực hiện tại mỗi quốc gia -ngay cả Liên Xô và Đông Âu -ngoại trừ Việt Nam. Cuối năm 1981, phó thủ tướng Trung Hoa Lý Tiên Niệm tuyên bố Trung Hoa muốn mở lại các cuộc thương thảo bình thường với Moscow. Các cuộc thương thảo này đã bị ngưng từ khi Liên Xô xâm lăng Á Phủ Hãn.

Trả lời đề nghị mới của Trung Hoa - và rõ ràng có cố gắng lợi dụng sự căng thẳng quan hệ Hoa-Mỹ-, ngày 24 tháng Ba/1982, Brezhnev công khai kêu gọi cải thiện quan hệ với Trung Hoa. Ông ta không những nhắc cho Trung Hoa nhớ rằng Moscow không bao giờ ủng hộ chính sách hai nước Trung Hoa và cũng không còn nói tới việc Trung Hoa trước kia từng bị phê phán “phản bội chủ nghĩa Mác-Lê”. Brezhnev trấn an Bắc Kinh “Chúng tôi không khước từ và hiện giờ đây cũng không khước từ sự có mặt của hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Trung Hoa.”

Chẳng bao lâu sau Trung Hoa đáp ứng bằng cách đề nghị Moscow rút lui ba trở ngại trong việc bình thường hóa quan hệ giữa hai bên. Những trở ngại này được xem là đe dọa an ninh Trung Hoa là: Liên Xô ủng hộ Việt Nam chiếm đóng Kampuchia, Liên Xô chiếm đóng Á-Phủ Hãn và triển khai một số lớn quân đội Liên Xô dọc theo biên giới Nga-Hoa. Trong vòng bảy tháng, việc thương thảo này được triệu tập.

Mặc dù Brezhnev có bảo đảm cải thiện quan hệ bình thường với Trung Hoa không “thiệt hại gì quyền lợi nước khác”, Hà Nội vẫn lo ngại khi các cuộc thảo luận này bắt đầu. Việt Nam thấy quyền lợi của họ thường bị các siêu cường anh em hy sinh để gạt hái quyền lợi chiến lược cho siêu cường. Từ mùa thu năm 1982, bảy vòng hội đàm đã diễn ra mà không cho thấy có gì làm giảm thiểu sự ủng hộ của Liên Xô. Rõ ràng Liên Xô không muốn mất quyền lợi quân sự của họ ở Việt Nam để làm vừa lòng Trung Hoa. Tuy nhiên, chẳng có gì rõ ràng về “các trở ngại” ngoại trừ kinh tế, thương mại giữa hai nước có cải thiện đáng kể. Năm 1985, hai bên trao đổi hơn bảy chục cuộc viếng thăm. Sau chuyến viếng thăm của một viên chức cao cấp Liên Xô -phó thủ tướng Ivan Arkhipov tới Trung Hoa hồi tháng Chạp năm 1984, và phó thủ tướng Trung Hoa Yao Yilin tới Moscow tháng Bảy/1985, Liên Xô thỏa thuận hiện đại hóa 17 nhà máy kỹ nghệ ở Trung Hoa và xây dựng thêm bảy nhà máy mới. Một thỏa ước ký năm 1985 qui định việc buôn bán của họ phải

gia tăng gấp 12 lần trong vòng 5 năm. Mặc dù Bắc Kinh chủ trương quan hệ chính trị sẽ không cải thiện nếu Liên Xô không từ bỏ những “trở ngại”, đặc biệt là ở Kampuchia, sự mở rộng quan hệ thương mại và các chuyến thăm viếng dành cho thanh niên được thực hiện. Bộ trưởng ngoại giao của hai nước thành hình lịch trình thăm viếng thủ đô của nhau năm 1986.

Dĩ nhiên vẫn còn thiếu tin tưởng Moscow và quan tâm tới sự đe dọa lâu dài do Liên Xô áp đặt lên Trung Hoa. Trung Hoa vẫn tính toán quan hệ dài lâu với Moscow không những chỉ về quyền lợi kinh tế và áp lực tâm lý của Trung Hoa đối với Việt Nam và Việt Nam tìm kiếm thỏa thuận với Trung Hoa. Trong một hành động cho thấy rõ muốn gây hố chia rẽ giữa Moscow và Hà Nội, Đặng Tiểu Bình nói với một nhà lãnh đạo châu Âu hồi đầu năm 1985 là Trung Hoa không chống Liên Xô đặt căn cứ ở vịnh Cam Ranh nếu Việt Nam rút quân khỏi Kampuchia. Dù lời tuyên bố đó chỉ là một mưu đồ chiến thuật, buồn cười là nó khác với những gì hồi giữa thập niên 1970, khi Bắc Kinh không ngừng tố cáo Liên Xô theo chủ nghĩa bành trướng bằng việc đòi căn cứ Cam Ranh. Tuy nhiên, vì Liên Xô tỏ ý không quan tâm gì tới những lời tuyên bố của Trung Hoa, hồi đầu năm 1986, Bắc Kinh gia tăng tuyên truyền tấn công Liên Xô. Để trấn an Thái Lan và Hoa Kỳ, và báo cho Liên Xô biết vai trò Trung Hoa ở Kampuchia không yếu đi, Khmer Đỏ tăng cường bắn phá và tấn công trên bộ vào các lực lượng quân sự Việt Nam.

Trong khi đó, dưới thời Mikhail Gorbachov cai trị, họ trấn an Việt Nam, viện trợ kinh tế và quân sự của họ vẫn tiếp tục (trao đổi gia tăng hàng nông nghiệp xuất khẩu của Việt Nam và nghiêm ngặt trong việc điều hành viện trợ). Việc công khai ủng hộ vai trò của Việt Nam ở Kampuchia có dấu hiệu bớt nhiệt tình đi. Trong lần đầu tiên trình bày vấn đề Đông Nam Á, thứ trưởng ngoại giao Liên xô Mikhail Kapitsa gọi tình hình ở Kampuchia là “không đảo ngược” được và tiên đoán rằng “ba trở ngại Trung Hoa đưa ra rồi sẽ phai mờ đi.” Tuy nhiên, trong chỗ riêng tư thì họ kém lạc quan. Họ cho rằng cứ tiếp tục xung đột sẽ làm cho “Hoa Kỳ rảnh tay ở Đông Nam Á”, làm cho quan hệ Liên Xô-Đông Nam Á thêm phức tạp và hạn chế Liên Xô tiếp cận với một trong những vùng sôi động nhất trên thế giới. Họ cũng chỉ ra cho thấy chủ nghĩa quốc gia của những người Khmer mới lên cầm quyền, tốt hơn là Việt Nam nên sớm rút quân khỏi Kampuchia. Tháng Chạp năm 1985, một chuyên viên hàng đầu của Liên Xô về vấn đề châu Á đường đột nói với tôi: “Việt Nam phải tìm cách thỏa hiệp với Trung Hoa. Họ không thể cho tình trạng thù địch trên biên giới kéo dài mãi.”

## Vai trò của chú Sam

Tháng Giêng năm 1985, lịch sử quay đúng một vòng, một thập niên đã qua sau khi chiếc trực thăng cuối cùng rời khỏi Saigon, bộ trưởng ngoại giao các nước Đông Dương kêu gọi Hoa Kỳ hãy quay trở lại vùng này để đóng vai trò xây dựng lại xứ sở họ. Sự việc này xảy ra tiếp sau liên hệ Nga-Hoa nhú mầm hòa hoãn cũng như quan hệ Mỹ-Hoa thêm tốt đẹp. Chính sách của Reagan muốn thảo luận với Trung Hoa về vấn đề Đài Loan cũng đặc biệt khuyến khích Hà Nội.

Sau khi George Schultz nắm quyền ngoại trưởng thay cho Alexander Haig năm 1982, Hoa Kỳ quan tâm hơn nữa về vai trò của Trung Hoa như là thành viên tham gia cùng một chiến lược. Vấn đề xem Trung Hoa là phần tử đóng một vai trò quan trọng trong vùng, một thị trường tiềm tàng to lớn cho nền thương nghiệp và đầu tư của Mỹ, là phần tử đối lập quyền lực của Liên Xô ở châu Á, không còn chiếm ngự trung tâm tư tưởng chiến lược Hoa Kỳ nữa. Mặc dù Hoa Thịnh Đốn đồng ý với Trung Hoa gây áp lực với Việt Nam, rõ ràng người ta thấy mục tiêu của họ ở Kampuchia không giống nhau. Trung Hoa khó chịu khi chính quyền Reagan thường nhắc đi nhắc lại lời tuyên bố chống Khmer Đỏ trở lại nắm quyền ở Kampuchia, Hoa Kỳ cũng kịch liệt chống Việt Nam chiếm đóng Kampuchia như Trung Hoa vậy. Hoa Kỳ quan tâm đến sự vững bền và liên kết của các nước ASEAN, trên hết là nền an ninh của Thái Lan, hơn là làm cho Trung



Hoa vui lòng. Chính sách của Hoa Kỳ được tỏ rõ như vậy. Hoa Kỳ từ chối không đóng một vai trò gì trước tiên cho chính họ ở Kampuchia nhưng ở đằng sau đó, Hoa Kỳ ủng hộ các nước ASEAN đưa vấn đề liên minh của người Kampuchia và đảm bảo thành công ở diễn đàn Liên Hợp Quốc. Năm 1982, Hoa Kỳ bắt đầu một chương trình bảo trợ với trị giá 15 triệu một năm qua các nước ASEAN cho những thành viên không-Cộng sản tham gia liên minh này. Phản ánh phương hướng viện trợ mới của Hoa Kỳ đối với những thành phần không-Cộng sản được coi là “chiến sĩ của tự do” trên khắp thế giới hồi năm 1985, Quốc hội chấp thuận ngân khoản 5 triệu đồng viện trợ công khai về kinh tế và quân sự cho lực lượng kháng chiến Kampuchia.

Trong viễn tượng thay đổi đó, Việt Nam không phản ứng việc viện trợ như thế -điều người Mỹ liên hệ trực tiếp kể từ 1975. Khác với điều họ quan tâm đến tính chất biểu tượng về hành động đó, Hà Nội thấy tình trạng chiến lược thay đổi ở vùng Đông Á, Việt Nam đoán thấy Hoa Kỳ năm 1985 cũng tương tự như hồi năm 1978. Trước khi ký thỏa hiệp với Moscow và chiếm đóng Kampuchia, họ đã thực hiện những cố gắng tuyệt vọng để bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ. Sau bảy năm cũng cố ảnh hưởng ở Kampuchia, Việt Nam lại tìm kiếm cơ hội thiết lập liên kết với Hoa Kỳ và thắt chặt hơn nữa với Liên Xô. Ở Hà Nội tình hình thực tế cho thấy vũ khí Liên Xô đã giúp họ loại trừ sự đe dọa do bọn Pol Pot gây nên. An ninh lâu dài của họ ở Đông Dương chỉ có thể có được qua những thỏa ước và bảo đảm quốc tế. Vai trò chính trong cái trò chơi chính trị này vẫn là Hoa Kỳ, không phải chỉ ở việc Brzezinsky lập quan hệ chiến lược với Trung Hoa mà cũng còn phải thấy rằng mặc dù quan hệ mật thiết với Moscow, Việt Nam không phải là một chế độ bù nhìn. (“Cuộc hôn nhân Việt-Xô không phải xảy ra ở thiên đường” Phụ tá bộ trưởng quốc phòng Richard Armitage nói với tôi như thế. Ông ta nghĩ rằng họ sẽ đung đầu vào đá khi quan hệ hai bên lỏng lẻo đi vì quyền lợi của mỗi bên). Tuy nhiên, Hoa Kỳ chưa sẵn sàng đáp ứng lời kêu gọi của Đông Dương yêu cầu Hoa Kỳ trở lại để đóng một vai trò chính. Thật ra, chính quyền Reagan quan tâm đến việc hai ngàn năm trăm người Mỹ mất tích ở Đông Dương (“tài sản cao quý nhất của quốc gia” đối với Reagan) tạo cho Việt Nam một sức đẩy mạnh để lôi kéo Hoa Kỳ vào vòng đàm phán mới. Do những tín hiệu về phía Việt Nam khuyến khích, Rixhard Armitage đến thăm Hà Nội hồi tháng Hai/1982 để thảo luận về việc người Mỹ bị mất tích trong chiến tranh Việt Nam (MIA). Mặc dù không đạt được kết quả nào vững chắc, chuyến viếng thăm của một viên chức cao cấp chính phủ Hoa Kỳ, kể từ năm 1977 đến giờ làm cho Việt Nam cảm thấy bớt bị bao vây, làm cho Bắc Kinh và các nước Đông Nam Á phải quan tâm tới họ. Mặc dù mỗi quan tâm về vấn đề MIA đã thúc đẩy Hoa Kỳ xem xét lại chính sách của họ hồi giữa năm 1982, và Hà Nội cũng chẳng nhúc nhích chút nào về vấn đề Kampuchia. Kể từ đó, một vài cuộc họp cao cấp và thăm viếng có kết quả bằng việc hoàn trả một trăm bộ hài cốt người Mỹ mất tích trong chiến tranh Việt Nam. Năm 1985, Hà Nội chấp thuận cho một nhóm người Mỹ đến Việt Nam để tìm kiếm những chuyến bay bị rơi trên lãnh thổ Việt Nam. Có điều hứa hẹn là họ có cố gắng đơn phương để giải quyết vấn đề MIA trong vòng hai năm. Đầu năm 1986, Armitage và phụ tá bộ trưởng ngoại giao về vấn đề Đông Á và Thái Bình dương Paul Wolfowitz hướng dẫn một phái đoàn cao cấp của chính phủ Mỹ tới Hà Nội kể từ khi phái đoàn của Leonard Woodcock trở về Hoa Kỳ hồi chín năm trước với bảo đảm hợp tác hoàn toàn mà không có điều kiện tiên quyết nào.

Hà Nội cũng tìm cách dụ hoặc Mỹ bằng cách mập mờ cho biết sẽ cho giảm mức độ Liên Xô xử dụng vịnh Cam Ranh. Cuối năm 1985, Hà Nội bóng gió cho Hoa Kỳ hay là vịnh Cam Ranh vẫn còn nằm trong tay họ kiểm soát và nếu như có một thỏa hiệp về vấn đề Kamupchia thì mức độ hiện diện quân sự của Liên Xô ở Cam Ranh sẽ giảm bớt. Mặc dù những lời bóng gió như thế cứ nói đi nói lại mãi, Hoa Kỳ vẫn còn hết sức nghi ngờ vì Việt Nam hay “muru meo” ngay cả khi họ “chúi mũi” tới đề nghị đó. Hoa Thạnh Đốn không muốn dàn xếp cuộc thảo luận mà không gỡ rối cho các nước ASEAN, đặc biệt là tình hình Thái Lan.

Trong khi hoan hô sự hợp tác “nhân đạo” của Việt Nam như một hành động xác định rõ ràng cuối cùng tiến tới bình thường hóa quan hệ hai bên, Hoa Kỳ thường thường nhắc lại rằng việc bình thường hóa quan hệ đó sẽ không tiến hành cho đến khi nào Hà Nội rút quân khỏi Kampuchia. Về phía Việt Nam thì họ cho rằng việc hợp tác trên vấn đề MIA sẽ làm cho họ gạt hái được nhiều điều tốt. Hà Nội hy vọng trong bầu không khí cải thiện đó, Hoa Thạnh Đốn sẽ mềm mỏng hơn về vấn đề Kampuchia, Trung Hoa sẽ hòa hoãn hơn và ảnh hưởng từ phía Thái Lan cũng vậy. Ngay cả khi không có gì uyển chuyển hơn, Hà Nội cũng tính rằng việc tăng cường hợp tác với Hoa Kỳ sẽ làm giảm thiểu tinh thần chống Hà Nội ở Mỹ, xuyên qua vấn đề tù binh chiến tranh Mỹ vẫn còn bị giam giữ ở Việt Nam và sẽ làm hoãn trì bớt ý định của chính quyền Reagan hỗ trợ cho phong trào kháng chiến chống Việt Nam ở Kampuchia.

## Tính toán đúng thời điểm

Kể từ khi quân đội Việt Nam tiến vào Kampuchia, Việt Nam cũng như phía chống lại họ đều tin rằng họ ở về phía Công Lý. Hà Nội tin rằng mỗi một năm qua đi, chế độ Heng Samring tự nó được củng cố, làm hồi sinh đất nước Kampuchia và đối thủ của họ mệt mỏi vì viện trợ cho phong trào kháng chiến mà không thu hoạch được gì, thế giới đành phải chấp thuận việc đã rồi. Về phía Bắc Kinh thì cho rằng Việt Nam sa lầy trong cuộc chiến tranh du kích không thể thắng được này, tình hình kinh tế và an ninh càng lúc càng tồi tệ cùng sự cấm vận kinh tế và áp lực quân sự, rồi ra buộc Việt Nam CS phải rút quân. Tuy nhiên, cuộc chiến ở Kampuchia kéo dài đã được 7 năm, tất cả những tính toán trên không thành hiện thực.

Chiến tranh của Trung Hoa làm Việt Nam tiêu mòn tài nguyên thiên nhiên. Việc Tây phương từ chối viện trợ và cho vay đẩy Việt Nam lún sâu vào những khó khăn kinh tế. Kể từ khi chiến tranh chấm dứt, một triệu người đã bỏ nước ra đi - số đông là từ sau năm 1979, - Việt Nam, kẻ anh hùng của Thế giới Thứ ba như một chàng khổng lồ giết người trở thành tên nghèo nàn nhất thế giới - Hoa Kỳ đã có một lần bỏ phiếu tái viện trợ cho Hà Nội. Đầu năm 1986, Việt Nam nợ ngoại quốc lên tới 6 tỷ 7, và vì họ không trả đúng nợ, các nước Tây phương đều đóng cửa. Mặc dù có cải cách kinh tế tự do, khởi đi từ 1980, làm gia tăng lương thực và giúp Việt Nam vượt qua được các cơn khủng hoảng kinh tế. Trong tương lai, kinh tế Việt nam thiếu vốn đầu tư thật là thâm trọng. Viễn tượng đó lại càng u ám hơn khi nền kinh tế Việt Nam bị tính toán sai lầm nghiêm trọng. Trong đảng, vài phần tử cứng rắn chống cải cách, đặc biệt là cố làm giảm mức tiêu thụ bằng việc đòi tiền hồi tháng Chín/1985, chứng tỏ việc đòi tiền này là một tai họa. Sau đó tiền bạc bị lạm phát tới mức 500 phần trăm, và ngay cả những phần tử trung kiên ở phía Bắc cũng kêu gọi thay đổi lãnh đạo. Hồi mùa hè năm 1986, với cố gắng lấy lại lòng tin cho đảng, Lê Duẩn già cả ốm yếu bị tước quyền lực và một số phần tử cải cách được đưa vào chính phủ. Đại hội đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ sáu, dự tính triệu tập vào cuối năm 1986, hy vọng sẽ thay một số phần tử già cả bằng người trẻ hơn, có đầu óc tiến bộ hơn. Tuy nhiên, chẳng có dấu hiệu gì những phần tử cải cách còn trẻ tuổi này có hành động gì khác hơn với những người già trước đó.

Mặc dù có một số thành viên ASEAN thiếu tinh thần, chẳng có gì cho thấy rõ là Thái Lan và Trung Hoa - hai phần tử chính yếu - vẫn còn kiên trì. Việt Nam tính toán sai lầm một cách nghiêm trọng rằng Khmer Đỏ sẽ bị đánh đuổi mau chóng hoặc thế giới sẽ quên Kampuchia đi. Mỗi năm Việt Nam nắm chặt Kampuchia hơn nhưng trong khi đó thì nhiều nước tại Liên Hợp quốc bỏ phiếu chống Việt Nam chiếm đóng Kampuchia. Mặc dầu bị dân chúng sợ và ghét, nhờ viện trợ của Trung Hoa và Thái Lan, Khmer Đỏ có cơ trở lại trong nước. Mùa khô năm 1985, mặc dù chịu nhiều thiệt hại, Khmer Đỏ đã gia tăng hoạt động chiến tranh du kích trong nội địa. Với việc Việt Nam chiếm đóng đã được 7 năm, những phần tử chống Việt Nam bắt đầu nổi lên.

Có nhiều dấu hiệu cho thấy người dân bắt đầu quân đội Heng Samring và có triệu chứng coi thường Hà Nội trong hàng ngũ nước Cộng Hòa Nhân Kampuchia.

Đầu năm 1986, Việt Nam bắt đầu nhận chân rằng mặc dù Kampuchia vẫn còn trong tay họ, thời gian sẽ không còn ở phía của họ nữa. Việt Nam có thể chiến thắng ở Kampuchia nhưng đã lỡ mất cơ hội xây dựng an ninh và kiến thiết đất nước giàu mạnh. Trung Hoa thì đang tiến tới hiện đại hóa, và hầu hết các nước không - Cộng sản ở Đông Nam Á càng ngày càng thịnh vượng. Đông Dương thì đắm chìm trong nền kinh tế suy thoái. Dù thấy rõ thời gian là điều thiết yếu, Hà Nội chẳng thay đổi chút nào quan điểm của họ về vấn đề Kampuchia, coi như đó là chìa khóa của nền an ninh của họ. Họ cố gắng dập tắt phong trào kháng chiến ở Kampuchia và càng lúc càng tìm kiếm thêm giải pháp ngoại giao. -Một chính phủ liên minh thân hữu do Sihanouk lãnh đạo và có sự bảo trợ quốc tế - để cùng nắm lấy mục tiêu an ninh. Nếu như những phân tử đối kháng bịt mắt con đường này, thì trong mấy năm nữa Hà Nội chắc phải chịu thua. Dù với cấp lãnh đạo mới, Việt Nam vẫn tiếp tục con đường chiến đấu dù phải trả với bất cứ giá nào.

## Chương cuối

---

Cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ ba có thể nào tránh được không? Theo vài nhận xét đã muộn thì câu trả lời là được. Với những định kiến sợ hãi qua quá trình lịch sử, và những ngờ vực sâu sắc giữa người Khmer và Việt Nam, giữa Việt Nam và Trung Hoa, họ nhìn nhau bằng những căng thẳng nhất định thì cuộc chiến tranh này không thể nào tránh được. Một chủ nghĩa

đòi lại đất cũ vừa nổi lên và sự tranh cãi về nguồn gốc đất đai, từ lâu vì chế độ thực dân Pháp cai trị nên nằm yên và sự can thiệp của ngoại bang vượt quá mức độ bình thường. Nhưng những điều này tự nó không chắc sẽ đem lại chiến tranh.

Theo quan điểm của người Việt thì Đông Dương là một sân khấu chính trị đồng nhất cho an ninh và sức sống còn kinh tế của họ trong tương lai, chắc chắn tạo nên va chạm giữa Khmer Đỏ theo chủ nghĩa dân tộc cực đoan và Hà Nội. Nhưng đến khi chiến tranh chấm dứt thì quan tâm trước tiên của người Việt CS là củng cố đảng Cộng sản đang nắm quyền trên toàn bộ lãnh thổ Đông Dương và xây dựng lại kinh tế, nhưng không phải là dựng lên một đế quốc Đông Dương. Trong khi Việt Nam CS quan tâm tới sự bất đồng của Khmer Đỏ, họ cũng không vội vàng gì thúc đẩy Khmer Đỏ thay đổi đường lối. Nhưng Pol Pot và các đồng chí của y thì có lúc bị thúc bách. Chính quyền cách mạng của người Kampuchia được xây dựng với một tốc độ nguy hiểm và quốc gia này đã ồ ạt loại bỏ tất cả những ai làm bù nhìn cho Việt Nam cũng như những phần tử làm yếu kém công cuộc chuẩn bị đấu tranh một mất một còn với Việt Nam CS bành trướng. Do nhìn thấy kinh tế Việt Nam suy thoái và khó khăn nội bộ, Khmer Đỏ cho rằng không thể nào Việt Nam không tấn công Kampuchia nên họ tấn công trước. Việc Khmer Đỏ tấn công khiêu khích buộc Hà Nội thay đổi thời biểu để tập trung hoàn toàn vào tình hình an ninh Đông Dương. Trong khi đó thì từ lâu, Trung Hoa nghi ngờ tham vọng của Việt Nam nên họ dùng quyền lực và ngoại giao để ngăn chặn ý đồ Hà Nội muốn lãnh đạo toàn cõi Đông Dương. Công việc của họ phải thay đổi vì Khmer Đỏ khởi xướng. Sau lúc chần chừ ban đầu Trung Hoa trút gánh nặng cho Kampuchia trong cuộc chiến do chính Khmer Đỏ tạo ra cho họ.

Một điểm nối tiếp rui ro trong chuỗi biến cố quốc tế cũng làm cho tình hình Đông Dương thêm trầm trọng. Trong gần ba năm, -tới cuối 1978- Trung Hoa cũng bị liên lụy tới cuộc đấu đá nội da nầu thịt để chấp nhận một đường lối mới, sáng tạo hay thực dụng cho Đông Dương. Thay vì có một chính sách, Trung Hoa lại theo đuổi một chiều hướng tri tri bất nguồn từ truyền thống miễn cưỡng thi hành tư tưởng Mao. Tại Hoa Kỳ, đường lối khác biệt nhau đối với châu Á thời kỳ hậu-Việt Nam và những cảm nhận mạnh mẽ của những nhà lập pháp đối nghịch những gì Việt Nam CS hy vọng đưa người Mỹ trở lại giữ vị thế bảo đảm mới đối với việc cân bằng quyền lực trong khu vực. Dù Cyrus Vance và Richard Holkrooke hiểu rằng cơ may của cuộc chiến Đông Dương tạo điều kiện cho Hoa Thạnh Đốn thì họ đã bị thua cuộc trong trận chiến quan liêu trước Zbigniew Brzezinsky chống Cộng và theo giáo phái đa nguyên Mani (\*)

## Tương lai Đông Dương sẽ ra sao?

Căn cứ vào lịch sử hiện đại và những năm trước mắt có lẽ phải thêm nhiều đau khổ và đổ máu. Trung Hoa quyết định dạy Việt Nam và thiết lập quyền lực ưu thế của họ ở Đông Nam Á, một mục đích chỉ được các nước ASEAN và Tây phương hỗ trợ. Việt Nam thì cố giữ ưu thế đã giành được bằng sức mạnh quân sự và bóc lột chính nhân dân họ. Trừ phi Hà Nội và Bắc Kinh tỏ rõ thiện chí của mình còn không thì không bao giờ Đông Dương có được hòa bình.

Mặc dù có diện tích to lớn và giàu nhân lực, Trung Hoa tự họ thấy không đủ khả năng buộc Việt Nam đi theo đường lối họ muốn. Có Moscow hỗ trợ, Việt Nam có sức mạnh quân sự đáng gờm. Tuy nhiên, dù Việt Nam giành được ưu thế quân sự ở Đông Dương nhưng què quặt về kinh tế và xáo trộn xã hội, vì tinh thần quốc gia của người Khmer và sức chống đối bền bỉ truyền thống thù địch của người Thái Lan.

Nếu lịch sử đã dạy cho những ai đóng vai chính trong chính trường này cần thận trọng khi đối đầu với nhau thì lịch sử cũng cho họ thấy rằng hòa bình có thể vẫn hồi được. Nổi cay đắng trong cuộc đối đầu Hoa-Việt cũng phù hợp với nhận thức sâu sắc của mỗi bên. Trong quá khứ, giữa những lần hai nước đọ sức chiến đấu cũng lắm lúc họ có được hòa bình, căn bản đặt trên sự

kiện Trung Hoa thấy được khó khăn của nước Việt Nam lệ thuộc thiên triều và Việt Nam tôn trọng ưu thế của Trung Quốc. Để có được hòa bình, Trung Hoa cần thừa nhận quan tâm của Việt Nam đối với Kampuchia vì tình hình an ninh và cũng trong chiều hướng như thế, Việt Nam cũng cần quan tâm đến tính hình an ninh Trung Hoa. Niềm tự hào của những người lãnh đạo Việt Nam ngày nay là không sẵn sàng đi theo con đường anh hùng Nguyễn Huệ ngày xưa đã đi -người chiến thắng quân sự chống lại Trung Hoa mang công vật sang Tàu- Họ không thể không biết tới quyền lực của Trung Hoa trong vùng. Những cố gắng của Việt Nam kiểm soát Kampuchia hồi thế kỷ thứ 19 bị thất bại và chính kinh nghiệm của họ mới đây làm cho Hà Nội phải thêm nhiều suy nghĩ.

Lịch sử quan hệ Thái Lan - Việt Nam cũng cho thấy rằng chỉ có một thời gian ngắn hồi đầu thế kỷ 19 bai bên không đấu đá nhau vì vấn đề Kampuchia, khi đó Việt Nam có ảnh hưởng mạnh mẽ đối với Kampuchia. Tuy nhiên, triều đình Huế cũng thừa nhận quyền lợi của Thái khi giải quyết vấn đề Kampuchia. Tổng trấn Gia Định thành Lê văn Duyệt có nói trong một buổi lễ rằng ở Kampuchia là một đứa bé mà Thái Lan là cha, Việt Nam là mẹ. Người Khmer có thể nổi giận vì bị coi như đứa bé không nơi nương tựa. Nhưng vì có những thập niên chiến tranh và đẫm máu dưới thời Pol Pot, ngày nay, nước Kampuchia quá hèn yếu để có thể trở thành một quốc gia đệm giữa Việt Nam và Thái Lan. Kampuchia lại có thể bắt đầu một cuộc hành trình với đầy đủ tinh thần quốc gia không nằm dưới sự quản lý chung của Thái-Việt mà bằng một bảo đảm quốc tế. - Một sự bảo đảm không cho Khmer Đỏ quay trở lại với chính sách giết người hoặc ngoại quốc can thiệp. Chỉ có một sự bảo đảm to lớn và có đủ quyền hạn như thế mới làm cho người Kampuchia an lòng, một chiếc cầu vượt qua những nghi ngờ lẫn nhau giữa Việt Nam và Thái Lan và tất cả ai ai cũng an tâm về vấn đề Kampuchia.

Tuy nhiên, một bảo đảm quốc tế như thế chỉ có thể có được khi Moscow có thêm ảnh hưởng chính trị và giao thương ở vùng Đông Nam Á, và họ sẽ từ bỏ mục đích duy nhất là tìm kiếm cơ may xử dụng khí cụ quân sự.

Đó là một trách nhiệm nặng nề -một cơ may- tuy nhiên, phải do người Mỹ gánh vác. Tại một khúc quanh đáng mai mỉa, bánh xe lịch sử lại đặt Washington vào vị trí trọng tài ở châu Á. Đó là vị trí tốt đẹp nhất bảo đảm sự cân bằng quyền lực ở Đông Nam Á, bảo đảm an ninh của Thái đối với Việt Nam, trấn an Hà Nội khỏi chống lại Trung Hoa vì Trung Hoa muốn giành quyền bá chủ, trong khi đó cũng làm cho Trung Hoa dịu bớt quan tâm đối với vai trò của Moscow và giúp Hà Nội có được hoàn toàn độc lập khi quan hệ với Liên Xô. Tuy nhiên, muốn đạt được điều này, Hoa Thịnh Đốn phải từ bỏ con đường đơn độc với Đông Dương -bao gồm cả công việc kiếm tìm người Mỹ mất tích trong chiến tranh- và đóng một vai trò năng động hơn, sáng tạo hơn như người ta mong đợi. Uy danh và ảnh hưởng của Mỹ một thời bị mất mát vì cuộc phiêu lưu quân sự ở Đông Dương nay có thể giành lại được khi Mỹ xử dụng sức mạnh kinh tế và ngoại giao và trên hết là giúp Kampuchia phục hồi sức sống./

*hoànglonghài/tuệ chương*

*Dịch xong ngày 14 tháng 6 năm hai ngàn.*

*Worcester, Massachusetts*

---

(\*) Manichaeism: còn viết là Manichaeism, tôn giáo do Mani dựng nên trước Thiên chúa giáng sinh. (216-76) Ông là một nhà thông thái người Ba-Tur, tự cho là Paraclete (hòa giải) do Christ ủy thác. Ông này vay mượn tư tưởng của những tôn giáo khác như Phật, Chúa, Gnosticism và Zoroastrianism, ông ta tin tưởng triết học nhị nguyên (dualism - giữa thiện và ác, linh hồn tiếp nối đời sống và hy vọng cứu rỗi. Những người Magian chống lại ông cũng như giáo

thuyết của ông đồng định lên thập giá. Thánh Augustine là một người từng theo giáo phái Mani khi còn trẻ. Ở Tây phương, giáo phái này tồn tại đến thế kỷ thứ Sáu còn Đông phương thì kéo dài đến thế kỷ 13.

Subj: BROTHER ENEMY  
Date: 11/4/2002 11:52:42 AM Eastern Standard Time  
From: awoods@wylieagency.com

To: haihoang319@aol.com

Sent from the Internet (Details)

Dear Hai Long Hoang,

Thank you for your patience - we have been exceptionally busy this fall. I am writing in response to your query regarding a Vietnamese translation of Nayan Chanda's BROTHER ENEMY. I have been in touch with Mr. Chanda - he is pleased by the idea of a translation and would like to make arrangements for a translation.

First, though, we need to know if you have found a publisher. The permission is a moot point if you do not have a publisher to publish the translation. There will also have to be a spot-check on the translation (presumably the publisher would do this anyhow).

Please let me know your publication plans, and we can begin to arrange the permission.  
I look forward to hearing from you.

Cheers,

Andrew

.....

Andrew K. Woods  
The Wylie Agency  
250 West 57th St.  
Suite 2114  
NY, NY 10107

-----  
t: 212.246.0069  
f: 212.586.8953  
awoods@wylieagency.com

Xu Shiyou, tướng lãnh  
Geng Biao: Thành viên Bộ Chính trị. giữ nhiệm vụ quan hệ quốc tế.  
Yao Yilin: phó thủ tướng Trung Hoa  
King C. Chen: Sử gia Trung Hoa

Chai Zemin: Đại diện đầu tiên của TH tại Hoa Thanh Đôn  
Zhu De: (or Wu De) Nhân vật thân cận của Hoa Quoc Phong, thị trưởng Bắc kinh  
Zhao Zhiyang: Tổng bí thư đảng (Giang trach Dan)  
Ling Deacon: thông tin viên Tân Hoa xã ở Hà Nội.  
Chen Xilian: tướng lĩnh, ủy viên bộ Chính trị.  
Chhang Sou On: Hồ ở Bình nhưỡng, Bắc Triều tiên.  
Yeh Jianyang: Tướng, bộ trưởng Quốc phòng  
Fang Yi: Bộ trưởng quan hệ kinh tế quốc ngoại.  
Wang Shangrong: Phó tổng tham mưu trưởng.  
Wei Guoqing: Tư lệnh quân đội nhân dân TH, ủy viên bộ Chính trị  
Ye Jianying: Bộ trưởng Quốc phòng  
Hangpu: Hải cảng  
Yongle: hoàng đế nhà Minh  
Taizong: Song emperor ( # 939 AD) hoàng đế nhà Tống  
Hongwu: hoàng đế đầu tiên nhà Minh  
Wang Guangmei: Vương Quang Mỹ, vợ góa Lư Thiệu Kỳ  
Panyu: Một khu vực thuộc tỉnh Quảng Đông  
Wang Gungwu: Sử gia Trung Hoa  
Geng Biao: Tổng bí thư quân ủy trung ương  
Chen Yonggui: Phó thủ tướng, ủy viên bộ Chính trị (sau khi Mao chết)  
Dazhai Commune: Hợp tác xã.  
Lin Qing: đại sứ Trung Hoa tại Liên Hợp quốc.  
Xiao Fei: nhà ngoại giao tòa đại sứ Trung Hoa ở Manila  
Liao Chengzhi: Biên tập viên báo Nhân Dân  
Huang Zhen: Tướng, tùy viên liên lạc quân sự ở Hoa Thanh Đôn.  
Han Xu: Quyền trưởng phòng liên lạc tại HTD  
Sun Hao: Đại sứ TH ở Kampuchia Chinese 1978-79-80  
Yu Qiuly: Thành viên trong phái đoàn của Uông Đông Hưng  
Ch'ien Lung: Hoàng đế Mãn châu  
Chen Yonggui. Phó thủ tướng kiêm ủy viên bộ Chính trị  
Huang Zhen: đại tướng  
Wei Guoqing: tướng, Chủ tịch quân ủy trung ương quân Giải phóng Nhân dân Trung Hoa  
Yu Qiuly đồng minh chính trị của Đặng Tiểu Bình  
Su Zhenhua: Chính ủy hải quân  
Xiao Fei

---

(Padora: Thần thoại Hy Lạp, là người đàn bà đầu tiên do thần Jupiter (thần của các thần và người) phái xuống trần, mang theo một cái hộp chứa mọi tai họa cho loài người)

